

LÉP TRÓTXKI

đời tôi

TẬP 2

**TỦ SÁCH NGHIÊN CỨU
1999**

LÉP TRÓTXKI

đời tôi

tập hai

TỦ SÁCH NGHIÊN CỨU

1999Лép Trótxki: Đời tôi

Nguyên tác:

ЛЛЕЕВВ ТТРРООЦЦККИИЙЙ:: ММООЯЯ ЖЖИИЗЗННЬЬ П—ПШ

Tủ sách Nghiên cứu dịch theo bản tiếng Pháp:

Léon Trotsky: Ma Vie

Nhà xuất bản Gallimard, Paris 1953

Hoàng Nguyễn đối chiếu, sửa chữa
và chỉnh lý theo bản tiếng Hung:

Lev Trockij: Életem

Nhà xuất bản Kossuth, Budapest 1989

Trình bày bìa: Hoàng Giang

In lần thứ nhất tại Hungary, 1999

Tủ sách Nghiên cứu giữ bản quyền ấn bản Việt ngữ

Vietnamese Copyright ©1998 by Tủ sách Nghiên cứu

QUYỀN THỨ HAI

CHƯƠNG XXIV

Ở PÊTORÔGORÁT

Chuyến đi từ Heliphécxơ [Halifax] về Pêtorôgorát [Pétrograd] vụt qua không để lại ấn tượng gì, dường như chúng tôi đi trong đường hầm. Quả thực đó cũng là một đường hầm, đường hầm dẫn đến cách mạng. Ở Thụy Điển, tôi chỉ nhớ độc một thứ là phiếu bánh mì, thời ấy lần đầu tiên tôi thấy chúng.

Ở Phần Lan, trên toa tàu hỏa, tình cờ tôi chạm trán Phandécvenđe [Vandervelde] và Đơ Man [De Man], họ cũng đi Pêtorôgorát.

— Ông nhận ra chúng tôi chứ? — Đơ Man hỏi.

— -! Sao không! — tôi trả lời —, dù con người đôi thay nhiều trong thời chiến.

Chúng tôi chấm dứt câu chuyện "niềm nở" với lời ám chỉ bóng gió không mấy lịch sự ấy.

Thời thanh niên, Đơ Man cố trở thành người mác-xít và ông cũng đã công kích Phandécvenđe khá thành công. Sau đó, Đơ Man chấm dứt sự ve vãn ngây thơ thừa thiếu thời — ông ta phủ nhận về mặt chính trị trong chiến tranh và tiếp đó, cả trong lý luận. Không hơn không kém, ông chỉ còn là kẻ thừa hành trong chính phủ Bỉ.

Về phần Phandécvenđe, ông là nhân vật kém cỏi nhất trong nhóm lãnh đạo Quốc tế. Ông được bầu làm chủ tịch chỉ vì không thể bầu một người Đức hoặc Pháp vào cương vị đó. Về mặt lý luận, Phandécvenđe chỉ biết cóp nhặt. Ông cũng chỉ biết luồn lách giữa những trào lưu tư tưởng của chủ nghĩa xã hội như chính phủ của ông xoay xở giữa các cường quốc. Ông chẳng có uy tín gì trong giới mác-xít Nga. Ở cương vị một diễn giả, Phandécvenđe không bao giờ vượt quá sự tầm thường hào nhoáng. Trong chiến tranh, ông đổi chức chủ tịch Quốc tế lấy chiếc ghế thượng thư hoàng gia. Tôi đã đấu tranh kịch liệt với ông trong tờ báo của tôi ở Pari [Paris]. Đáp lại, Phandécvenđe kêu gọi các nhà cách mạng Nga thỏa hiệp với chế độ Nga hoàng. Và bây giờ, ông đi Pêtorôgorát để đề nghị cách mạng Nga chiếm lĩnh vị trí của Nga hoàng trong hàng ngũ Liên minh. Chúng tôi chẳng có gì để nói với nhau.

Ở Biêlôxtorốp [Biéloostrov], tôi được một đoàn đại biểu đón tiếp, gồm những người quốc tế thống nhất và Ban Trung ương bôn-sê-vích. Không ai đại diện cho phe men-sê-vích, kể cả các nhà "quốc tế" như Mác-tốp [Martov] và những người khác.

Tôi ôm Urítxki [Ouritsky], người bạn cũ tôi gặp gỡ lần đầu ở Xibêri [Sibérie] vào đầu thế kỷ này. Urítxki là cộng tác viên thường trực tại bán đảo Bắc Âu của tờ *Nasé Xlôvơ* [Naché Slovo] (Tiếng nói của chúng ta) xuất bản ở Pari và trong chiến tranh, anh là liên lạc viên của chúng tôi với nước Nga. Một năm sau ngày chúng tôi gặp lại nhau, Urítxki bị một nữ thanh niên xã hội cách mạng ám sát.

Trong phái đoàn này, lần đầu tiên tôi gặp Carakhan [Karakhan], sau này trở thành nhà ngoại giao Xô-viết nổi tiếng. Đại diện cho những người bôn-sê-vích là anh thợ luyện kim Phêđôrốp [Fédorov], chẳng bao lâu sẽ là chủ tịch phân ban công nhân trong Xô-viết Pêtorôgorát.

Trước khi đến ga Biêlôxtorốp, qua một tờ báo Nga mới in, tôi được biết Tréc-nốp [Tchernov], Xê-rê-teli [Tsérételli] và Xcô-bê-lép [Skobélev] đã vào Chính phủ liên hiệp Lâm thời. Sự xếp đặt của các phe phái chính trị lập tức hoàn toàn rõ ràng trước mắt tôi. Cùng những người bôn-sê-vích, chúng tôi phải chiến đấu không khoan nhượng chống đám men-sê-vích và dân túy ngay từ những ngày đầu.

Chúng tôi được đón tiếp rất trọng thể tại nhà ga Phần Lan ở Pêtorôgorát. Urítxki và Phêđôrốp đọc diễn văn. Trong đáp từ, tôi nói về sự cần thiết phải chuẩn bị một cuộc cách mạng thứ hai, lần này sẽ là cuộc cách mạng của chúng ta. Khi đột nhiên được quần chúng nâng bổng lên, tôi liền nhớ lại Heliphécxơ, ở đó tôi cũng ở trong tình thế như vậy. Nhưng bây giờ tôi ở giữa những bàn tay bè bạn. Vô số cờ quạt tung bay quanh chúng tôi. Trong một khoảng khắc, tôi thấy gương mặt xúc động của vợ tôi cùng dáng vẻ xanh xao và lo lắng của lũ trẻ. Chúng phân vân không hiểu người ta nâng cha chúng lên như thế là tốt hay xấu? Cách mạng đã từng làm bọn trẻ thất vọng một lần rồi.

Đằng sau, ở cuối sân ga, tôi nhận thấy Phandécvenđe và Đơ Man. Họ cố tình tụt lại, dường như không dám liều lĩnh hòa mình vào quần chúng. Các thượng thư xã hội mới toanh của nước Nga không dành cho đồng nghiệp Bỉ của họ một cuộc đón tiếp nào. Ai nấy còn nhớ quá rõ vai trò mới đây của

Phandécvendê.

Liên sau cuộc đón tiếp ở nhà ga, tôi nhào vào con lốc không lồ trong đó người và việc xoay tròn như cọng rom trong dòng nước lũ. Đa số những sự kiện lớn nhất lại nghèo nàn nhất về kỷ niệm mang tính cá nhân: đó là cách ký ức tự bảo vệ để chống lại sự quá tải. Hình như tôi đến ngay phiên họp của Ban Chấp hành. Trokhêítđê [Tchkhéítđé] — chủ tịch vĩnh viễn thời đó — chào tôi lạnh nhạt. Những người bên-sê-vích đề nghị đưa tôi vào Ban Chấp hành với tư cách cựu chủ tịch Xô-viết năm 1905. Một sự bối rối diễn ra. Phe men-sê-vích thì thảo với đám dân túy. Hồi đó họ còn chiếm một đa số áp đảo trong mọi cơ sở cách mạng. Họ quyết định chấp nhận tôi trong vai trò tư vấn. Tôi nhận thẻ ủy viên cùng một cốc trà và một mẩu bánh mì đen.

Chẳng những các con tôi mà tôi cùng vợ tôi cũng lạ lùng khi nghe tiếng Nga và nhìn những hàng chữ Nga trên đường phố Pêtorôgorát. Chúng tôi rời bỏ thủ đô đã mười năm nay, khi ấy đứa con đầu của tôi mới hơn một tuổi, đứa thứ hai được sinh ra ở Viên [Vienne].

Ở Pêtorôgorát, có một đạo quân bảo vệ địa phương đông đảo, nhưng đã hoàn toàn bất lực. Binh lính đi dọc phố, hát vang những bài ca cách mạng và đeo băng đỏ trên ngực. Tất cả những điều này có vẻ kỳ lạ như trong mơ. Các tàu điện chờ đây áp binh lính. Trên một số đại lộ, mọi người vẫn tập luyện: những xạ thủ nằm rạp theo lệnh rồi xông thẳng theo hàng tấn công sang bên kia đường và lại nằm rạp xuống. Con quái vật chiến tranh vẫn lừng lững sau lưng cách mạng và đổ bóng lên cách mạng. Nhưng quần chúng hầu như đã không tin vào chiến tranh. Hình như cái trò luyện tập này vẫn tồn tại chỉ vì người ta quên không thổi còi kết thúc. Chiến tranh đã là điều không thể tiếp tục. Vậy mà không chỉ các nhà dân chủ lập hiến mà cả những lãnh tụ cái gọi là "dân chủ cách mạng" cũng không tài nào hiểu nổi. Họ vô cùng hoảng sợ nếu phải thả cái vây của Đồng minh ra.

Tôi biết qua loa Xêrêtelì và hoàn toàn không quen Kêrenxki [Kérensky]; tôi hơi quen Trokhêítđê, còn Xcôbêlêp từng là học trò của tôi; tôi đã đối chọi với Trécnốp trong những buổi diễn thuyết ở nước ngoài; tôi thấy Gôt [Gotz] lần đầu tiên. Đây là nhóm chủ chốt trong phe dân chủ của Xô-viết.

Cố nhiên Xêrêtelì vượt những kẻ khác cả một cái đầu. Tôi gặp ông lần đầu tiên tại Đại hội Lônđôn [London] năm 1907, ở đó ông đại diện cho phe xã hội dân chủ của Quốc hội Đuma [Douma] thứ II. Ngay từ thời gian ấy, trong những năm còn trẻ, Xêrêtelì đã là một diễn giả giỏi và có phong thái đạo đức quyền rũ. Những năm tháng tù đầy càng làm tăng uy tín chính trị của ông. Xêrêtelì trở về vũ đài cách mạng vào độ chín muồi và ông chiếm ngay được vị trí hàng đầu trong số các đồng chí và đồng minh của ông. Trong số những địch thủ của chúng tôi, ông là người duy nhất đáng được coi trọng. Nhưng cũng như lịch sử thường xảy ra, phải có một cuộc cách mạng để chứng tỏ Xêrêtelì không phải là nhà cách mạng. Kẻ nào không muốn lạc lối trong mớ bong bóng của cách mạng, người ấy phải tiếp cận cách mạng Nga không phải từ quan điểm Nga, mà từ viễn cảnh của thế giới. Ngược lại, Xêrêtelì chỉ tiếp cận các vấn đề theo góc độ những kinh nghiệm xứ Grudia [Géorgie], ông xuất phát từ kinh nghiệm có được trong Quốc hội Đuma thứ II. Nhân quan chính trị của ông hạn hẹp lạ thường, học vấn của ông tỏ ra là thứ học vấn nông cạn. Ông tôn sùng sâu sắc chủ nghĩa tự do. Ông nhìn tính năng động không gì xoay chuyển nổi của cách mạng bằng đôi mắt kẻ tư sản ít học, lo ngại cho nền văn minh. Càng ngày, ông càng coi đám quần chúng thức tỉnh như một lũ dân đen ngu muội nổi loạn. Ngay từ những lời nói đầu tiên của ông, chúng tôi nhận rõ ông là kẻ thù. Lênin [Lénine] gọi ông là kẻ thiên cận. Câu nói quá nghiêm khắc, nhưng đây là một câu nói rất trúng. Xêrêtelì là người có khả năng và lương thiện, nhưng thiên cận.

Lênin gọi Kêrenxki là kẻ huyênh hoang rỗng tuếch. Cho đến nay, chẳng phải thêm gì mấy vào nhận xét ấy. Kêrenxki đã và vẫn là một nhân vật ngẫu nhiên của lịch sử, một kẻ gặp thời. Mỗi làn sóng mạnh mẽ mới của cách mạng huy động những đám quần chúng còn nguyên sơ và chưa biết nhận xét rõ ràng, nhất thiết phải nâng lên đầu ngọn sóng những kẻ "anh hùng" trong giây lát, lập tức họ bị quáng vì hào quang của bản thân. Kêrenxki xuất thân từ di sản của Gapôn [Gapone] và Khorútxtalêp [Khroustalev]. Ông là hiện thân của cái ngẫu nhiên trong quy luật lịch sử. Những bài phát biểu xuất sắc nhất của ông cũng chỉ như thứ bọt bèo trong cốc nước. Năm 1917, thứ nước ấy sôi bùng và bốc hơi. Những làn sóng hơi nước trông như một thứ hào quang.

Thời trước, Xcôbêlêp bước vào chính trường dưới sự dẫn dắt của tôi tại Viên, ở đó anh là sinh viên. Rồi tòa soạn báo *Prápđa* [Pravda] ở Viên, anh về vùng quê Cápcadơ [Caucase] và tìm cách ứng cử vào Quốc hội Đuma thứ IV. Anh đã thành công. Trong Đuma, Xcôbêlêp chịu ảnh hưởng của phe men-sê-vích và cùng họ tham dự cách mạng tháng Hai. Quan hệ của chúng tôi đã đứt đoạn từ lâu. Tôi bỗng gặp lại anh trên cương vị bộ trưởng Bộ Lao động mới toanh ở Pêtorôgorát. Trong Ban Chấp hành, anh hào hứng tiến lại phía tôi và hỏi tôi nghĩ gì về "điều đó". Tôi đáp lại:

— Tôi nghĩ rằng chẳng bao lâu chúng tôi sẽ tính sổ với các anh.

Cách đây chưa lâu, Xcôbêlêp vừa cười vừa nhắc lại lời tiên đoán thân tình ấy, đã trở thành hiện

thực sáu tháng sau.

Ít lâu sau thắng lợi tháng Mười, Xcôbêlêp tự tuyên bố là người bên-sê-vích. Tôi cùng Lênin phản đối việc đưa anh vào đảng. Giờ đây, cố nhiên anh theo phe Xtalin [Staline]. Xét về phương diện này, câu chuyện hoàn toàn dễ hiểu.

Tôi cùng vợ và các con chuyển đến một khách sạn nào đó có tên là Kiépkiê Nômêra [Kievskýé Noméra], ở đó người ta cho thuê phòng theo tháng. Chúng tôi chỉ có một phòng và cũng phải khó khăn mới có được. Hôm sau, một sĩ quan đến chỗ chúng tôi trong bộ quân phục lộng lẫy từ đầu đến chân.

— Đồng chí không nhận ra tôi ư?

Tôi không nhận ra anh ta

— Tôi là Lôghinốp [Loguinov]...

Thế là sau về bề ngoài sáng chói của người sĩ quan, tôi hồi tưởng lại trong ký ức một anh thợ tiện trẻ từ năm 1905. Là thành viên một chi đội tác chiến, anh đã nấp sau các cột trụ ngoài phố chiến đấu với lũ cảnh sát và gắn bó với tôi bởi lòng hăng hái của một thanh niên. Sau năm 1905, tôi mất tin tức anh.

Mãi đến giờ, Lôghinốp mới cho tôi biết thực tế chưa bao giờ anh là anh vô sản Lôghinốp. Tên thật của anh là Xêrêborốpki [Sérebrovsky], cựu sinh viên Học viện Kỹ thuật. Xuất thân từ một gia đình giàu có, nhưng thời trẻ anh hòa nhập rất giỏi vào giới thợ thuyền. Trong những năm thoái trào thời phân động, anh trở thành kỹ sư, đã từ lâu anh xa rời cách mạng và được chính phủ bổ nhiệm làm giám đốc hai xí nghiệp lớn nhất của Pêtorôgorát trong chiến tranh.

Cách mạng tháng Hai tác động đến anh trong một chừng mực nào đó, làm thức tỉnh quá khứ trong anh. Qua báo chí, anh biết tôi trở về. Và bây giờ anh đứng trước mặt tôi và khẩn khoản mời tôi cùng gia đình chuyển ngay đến nhà anh. Chúng tôi nhận lời sau một chút do dự.

Chúng tôi rơi vào một căn nhà mênh mông và giàu có dành cho vị giám đốc nhà máy, ở đó Xêrêborốpki sống với người vợ trẻ. Họ không có con. Tất cả đã được chuẩn bị sẵn. Trong cái thành phố vất vả, đói khát và đồ nát này, chúng tôi tưởng như đang ở thiên đường.

Nhưng câu chuyện lập tức mang màu sắc khác khi chúng tôi đã động đến chính trị. Xêrêborốpki là nhà ái quốc trứ danh. Sau này chúng tôi mới biết, anh căm ghét điên cuồng những người bên-sê-vích và coi Lênin là tay sai của Đức. Thật ra, anh có trở nên thận trọng hơn khi những lời nói đầu tiên của anh gặp phải sự phản đối. Nhưng hoàn toàn không thể chung sống cùng một mái nhà với anh. Thế là chúng tôi rời khỏi căn nhà của những người chủ niềm nở, nhưng xa lạ với chúng tôi và quay về căn phòng khách sạn. Sau chuyện đó, Xêrêborốpki còn rủ các con tôi đến nhà anh một lần nữa. Anh đãi chúng trà và mứt hoa quả, để tỏ lòng biết ơn, lũ trẻ kể với anh về bài phát biểu của Lênin trong một cuộc mít-tinh lớn. gương mặt bọn trẻ đỏ bừng, chúng mừng rỡ vì được nói chuyện và ăn mứt.

— Nhưng Lênin là gián điệp Đức đấy! — ông chủ nhà tuyên bố.

Sao? Sao lại có thể nói những lời như thế? Bọn trẻ lập tức đặt chén trà và bỏ đĩa mứt xuống. Chúng nhẩy cẳng lên và thẳng anh nói:

— Chà! Chú biết không, đây là chuyện xỏ lá!

Nó không tìm thấy trong vốn từ ngữ của nó cách diễn đạt nào khác, hợp hơn với tình thế lúc đó. Đến lượt ông chủ phật ý. Quan hệ giữa chúng tôi chấm dứt từ lần gặp gỡ ấy.

Sau thắng lợi tháng Mười, tôi kéo Xêrêborốpki vào làm việc trong Xô-viết. Như nhiều người khác, anh vào đảng thông qua những công việc hoàn thành trong Xô-viết. Hiện nay, anh là ủy viên Ban Trung ương đảng của Xtalin, một trụ cột của chế độ. Nếu năm 1905, anh đã có thể làm ra về một người vô sản thì giờ đây anh dễ dàng hơn nhiều để người ta tưởng anh là bên-sê-vích.

Sau "những ngày tháng Bảy" sẽ nói tới trong đoạn dưới, làn sóng vu khống những người bên-sê-vích tràn ngập phố phường thủ đô. Tôi bị chính phủ Kêrenxki bắt giữ và hai tháng sau khi trở về từ nước ngoài, tôi lại vào nhà ngục Corétxtu [Kresty] rất quen biết. Trưởng trại Amhéc [Amherst], đại tá Môrítxơ [Morris] hẳn phải khoái trá khi đọc tin này trong báo buổi sáng và chắc không chỉ mình ông ta có sự thỏa mãn ấy. Ngược lại, các con tôi bất bình.

— Cái thứ cách mạng gì thế này — chúng trách móc với mẹ chúng —, nếu người ta giam bố, khi thì trong trại tập trung, lúc thì trong nhà tù?

Đồng ý với chúng, mẹ chúng nói đây vẫn chưa phải là cuộc cách mạng thực sự. Nhưng những giọt hoài nghi cay đắng đã ngấm dần vào tâm hồn lũ trẻ.

Sau khi rời nhà tù của nền "dân chủ cách mạng", chúng tôi dọn vào căn hộ nhỏ do bà vợ góa một nhà báo tự do cho thuê trong một tòa nhà tư sản lớn. Công việc chuẩn bị cho cách mạng tháng Mười được thực hiện hết tốc lực. Tôi được bầu làm chủ tịch Xô-viết Pêtorôgorát. Tên tôi bị biển thể lung tung trên báo chí. Trong tòa nhà, chúng tôi ngày càng bị bao vây bởi một bức tường hiềm khích và căm ghét. Anna Ôxipópna [Anna Ossipovna], chị đầu bếp của chúng tôi phải chịu những công kích thường xuyên của các

bà nội trợ trong nhà, khi chị đến ủy ban nhà cửa để lấy bánh mì. Các con tôi bị trừ dập trong nhà trường, người ta gọi chúng là "chủ tịch" nhằm ám chỉ cha chúng. Khi vợ tôi trở về nhà từ nơi làm việc của cô là Nghiệp đoàn thợ mộc, người gác cổng nhìn theo cô với con mắt hằn học. Thật là một cực hình khi phải lên thang gác. Bà chủ căn hộ ngày càng hay gọi điện thoại hỏi xem chúng tôi đã phá phách đồ đạc của bà chưa? Chúng tôi muốn chuyển đi, nhưng đi đâu? Trong thành phố không có một căn nhà cho thuê nào. Tình thế ngày càng trở nên không thể chịu đựng nổi. Rồi sau đó, vào một ngày rất đẹp trời, cuộc phong tỏa đột ngột chấm dứt, dường như có một bàn tay vạm vỡ đã quét nó đi. Khi gặp vợ tôi, ông gác cổng cúi gập đầu chào, điều này chỉ diễn ra với những người thuê nhà có vai vế nhất. Ở ủy ban nhà cửa, người ta bắt đầu phát bánh mì không chậm trễ và hăm dọa. Không ai sập cửa âm ỉ trước mặt chúng tôi. Ai đã làm tất cả việc này? Thầy phù thủy nào vậy? Nào, ông thầy phù thủy là Nhicôlai Máckin [Nikolai Markine]. Phải nói về anh bởi chính anh, một tập thể Máckin, đã dẫn dắt cách mạng tháng Mười đến thắng lợi.

Máckin là thủy thủ hạm đội Bantích [Baltique], là pháo thủ và là một người bôn-sê-vích. Thoạt nhìn, ta không thấy ngay điều đó. Anh hoàn toàn không thích phô trương. Không biết ăn nói, Máckin khó khăn khi tìm các từ ngữ. Ngoài ra, anh còn rụt rè và lạnh lùng như bị sức mạnh bên trong dồn ép. Máckin được đúc nguyên khối từ chất liệu quý hiếm nhất. Tôi chẳng hay biết gì về anh khi anh đã chăm lo đến gia đình tôi. Anh làm quen với lũ trẻ. Trong căng-tin ở điện Xmôn-nui [Smolny], anh thết chúng nướng trà và bánh mì kẹp thịt; thông thường hơn, anh dành cho chúng những niềm vui nho nhỏ rất hiếm hoi trong thời kỳ nghiệp ngã ấy. Anh luôn xuất hiện mà chẳng ai hay biết để xem mọi việc có ổn thỏa không. Tôi không hề biết đến anh. Qua các con tôi và Anna Ôxipópna, anh biết chúng tôi sống trong môi trường thù địch. Máckin qua chỗ ông gác cổng và ủy ban nhà cửa, hơn nữa, tôi cho rằng anh không đến một mình mà với một nhóm thủy thủ. Hẳn anh đã tìm được những lời lẽ rất thuyết phục bởi mọi thứ đột nhiên thay đổi quanh chúng tôi. Như thế, một thứ chuyên chính vô sản đã được thiết lập trong tòa nhà tư sản của chúng tôi trước bước ngoặt tháng Mười. Mãi sau này chúng tôi mới biết đây là sản phẩm của người thủy thủ biển Bantích, bạn các con trai tôi.

Ban Chấp hành Trung ương đối đầu với chúng tôi, dựa vào các ông chủ nhà in, họ tước mất tờ báo của Xô-viết Pêtorôgorát khi tờ này theo đa số bôn-sê-vích. Chúng tôi cần một tờ mới. Tôi cho Máckin biết chuyện này. Máckin thoát ần thoát hiện, lộn nhào trong nước, anh đến những kẻ cần thiết, nói chuyện với các thợ in và sau vài ngày, chúng tôi đã có tờ báo mới. Chúng tôi đặt cho nó cái tên *Rabôtri i Xôndát* [Rabotchi i Soldat] (Công nhân và binh lính). Biển đêm thành ngày, Máckin ngồi trong tòa soạn và chỉ đạo mọi công việc.

Trong những ngày tháng Mười, thân hình chắc nịch và gương mặt rám nắng, đăm chiêu của Máckin luôn xuất hiện ở những nơi nguy hiểm nhất, vào những thời điểm cần thiết nhất. Thỉnh thoảng, anh chỉ đến gặp tôi để thông báo mọi việc đều tốt đẹp và hỏi tôi có cần gì không. Máckin tích tụ kinh nghiệm, anh thiết lập nền chuyên chính vô sản ở Pêtorôgorát.

Bỗng nhiên, lũ đạo tặc cặn bã bắt đầu cướp bóc các hầm rượu giàu có của thủ đô và các dinh thự. Ai đó chỉ huy cái phong trào nguy hiểm này, mưu toan đốt cách mạng thành tro bụi trong ngọn lửa rượu cồn. Máckin lập tức đánh hơi thấy nguy cơ và lao ngay vào trận chiến. Anh tổ chức bảo vệ các hầm rượu, ở nơi nào không thể được, anh cho phá hủy các kho. Đi ủng cao, anh dẫm lún đến tận đầu gối vào dòng rượu vang đất đỏ trộn lẫn những mảnh chai. Rượu chảy rì rì qua công rãnh xuống sông Nêva [Néva], thấm cả vào tuyết. Những kẻ say xin nốc ngay thứ rượu đó từ rãnh. Với khẩu súng lục trong tay, Máckin chiến đấu cho một tháng Mười tinh tảo. Ướt như chuột lột và ngấm hương vị những thứ rượu hảo hạng nhất, anh trở về nhà, nơi hai đứa con trai đang thất tim chờ cha. Lấy rượu làm phương tiện, Máckin đẩy lùi cuộc tấn công của bè lũ phản cách mạng.

Khi tiếp quản Bộ Ngoại giao, tôi thấy dường như không thể bắt tay vào việc. Kể từ những phó thủ tướng đến các nữ nhân viên đánh máy, ai nấy đều tham gia phá hoại ngầm. Các cánh tù bị đóng kín, chìa khóa thì biến mất. Tôi tìm Máckin, anh biết bí mật của thứ tác động trực tiếp. Hai ba chính khách bị giam trong vòng hai tư tiếng đồng hồ và ngày hôm sau, Máckin đã mang chìa khóa đến và mời tôi đến Bộ. Nhưng tôi bận bịu những nhiệm vụ chung của cách mạng trong điện Xmôn-nui. Khi ấy, trong một thời gian, Máckin giữ chức dân ủy Ngoại giao không chính thức. Bằng cách riêng của mình, anh lao ngay vào bộ máy của Hội đồng Dân ủy. Máckin thanh trừng cương quyết, anh tổng cổ bọn chính khách cao sang và bịp bợm khỏi Bộ. Anh tổ chức lại các văn phòng. Anh tịch thu hàng lậu được chở liên tục từ nước ngoài dưới danh nghĩa bưu phẩm ngoại giao và phát cho trẻ em bơ vợ, không nơi nương tựa. Anh lựa chọn những tư liệu mật đáng lưu ý nhất và cho ấn hành dưới dạng những tập sách mỏng cùng các ghi chú riêng của anh; anh chịu trách nhiệm cá nhân về điều đó. Máckin không đeo huy hiệu hay văn bằng đại học, anh viết nhiều khi còn sai chính tả. Những ghi chú của anh đôi khi cũng khiến ta ngạc nhiên vì sự bất ngờ trong suy tưởng. Nhưng nhìn chung, Máckin đã kiên quyết đóng những chiếc đinh của ngành ngoại giao vào đúng chỗ cần

thiết. Nam tước Phôn Quylôman [Von Kühlmann] và bá tước Trécnin [Czernin] từng ngẫu nhiên vò lấy các cuốn vở vàng ủa của Máckin ở Bôrét-Litôpxơ [Brest-Litovsk].

Sau đó nội chiến nổ ra. Máckin lập các kẻ hồ nơi nào cũng đầy rẫy vào thời ấy. Lúc này, anh lo thiết lập nền móng chuyên chính ở một miền Viễn Đông nào đó. Rồi anh chỉ huy một hạm đội nhỏ trên sông Vônga và truy quét kẻ thù. Cứ mỗi lần biết Máckin có mặt ở một nơi nguy hiểm, tôi cảm thấy yên tâm hơn và ấm lòng. Nhưng giờ tận số của anh đã đến. Trên sông Cama [Kama], một viên đạn của kẻ thù đã bắn trúng Nhicôlai Ghêoócghiêvích Máckin và đánh quy anh trên đôi chân thủy thủ vững vàng. Khi nhận được bức điện báo tin anh mất, dường như một cột đá hoa cương đổ sụp trước mặt tôi. Trên chiếc bàn nhỏ của các con tôi có bức ảnh anh đội mũ thủy thủ, dính dải băng buông lỏng.

— Các con! Các con ơi! Máckin đã bị giết hại...

Ngay giờ đây, tôi vẫn nhớ hai khuôn mặt nhỏ bé tái nhợt, méo mó vì đau đớn.

Đối với các con tôi, chàng Nikolai buồn bã cư xử bình đẳng, anh cho chúng biết cả những suy nghĩ và bí mật của đời anh. Mắt đẫm lệ, anh kể với Xêriôgia [Sérioja] — lúc ấy mới lên chín — về người phụ nữ anh rất yêu thương từ lâu, nay rời bỏ anh và vì thế tâm hồn anh đen tối và thiếu não. Vừa thì thào sợ hãi vừa khóc, Xêriôgia đã tiết lộ bí mật đó với mẹ nó. Và anh bạn dịu dàng ấy — người đã cởi mở tâm hồn mình trước các con tôi như với những kẻ bình đẳng — đồng thời là chú gấu biển lão luyện, là nhà cách mạng và anh hùng thực sự, như trong chuyện cổ tích đẹp nhất. Chẳng lẽ Máckin, người từng luyện bắn súng lục và súng các-bin dưới tầng hầm của Bộ, lại chết thật sao? Hai thân hình nhỏ bé run rẩy dưới chân trong bầu không khí yên lặng buổi đêm, khi cái tin tang tóc ấy đến với chúng tôi. Chỉ người mẹ nghe thấy tiếng khóc không gì an ủi nổi của chúng.

Cuộc đời bị cuốn theo cơn bão táp của những buổi mít-tinh. Ở Pêtrôgorát, tất cả những diễn giả cách mạng mà tôi gặp đều đã khản đặc hoặc mất giọng hoàn toàn. Cách mạng 1905 dạy tôi phải giữ gìn các dây thanh quản, nhờ vậy gần như tôi có thể "hoạt động" được thường xuyên. Những cuộc mít-tinh diễn ra trong nhà máy, trường học, nhà hát, rạp xiếc, trên đường phố và quảng trường. Thường thường, tôi về nhà sau nửa đêm, người mệt lử. Trong giấc ngủ chập chờn, trần trọc, trong óc tôi hiện ra những lý lẽ tốt nhất để chống lại các địch thủ chính trị. Bấy giờ sáng, đôi khi còn sớm hơn, tôi bị lôi khỏi giấc ngủ bởi tiếng đập cửa đáng ghét và không thể chịu đựng nổi: người ta gọi tôi đến cuộc mít-tinh ở Pêtêckhốp [Peterhof], hoặc các thủy thủ Cờnôstát [Kronstadt] mang xuống máy đến đón tôi. Mỗi dịp như thế, tôi lại cảm thấy mình không chịu nổi cuộc mít-tinh mới. Nhưng những trữ lượng thần kinh của tôi lại bất ngờ hoạt động, tôi nói một giờ, đôi khi hai giờ và trong lúc nói, tôi bị vây chặt bởi những đoàn đại biểu đến từ các nhà máy hoặc các khu phố khác. Hòa ra ở ba hay năm nơi khác, mấy ngàn công nhân đã chờ đợi tôi từ một, hai, ba giờ rồi. Trong những ngày ấy, quần chúng thức tỉnh kiên nhẫn biết bao khi chờ nghe những lời nói mới!

Những cuộc mít-tinh được tổ chức ở rạp Xiếc Hiện đại có ý nghĩa đặc biệt. Không riêng tôi mà cả các địch thủ của tôi đều chú ý đặc biệt đến chúng. Bởi họ coi rạp Xiếc như thành trì của tôi và chưa bao giờ dám tới diễn thuyết ở đó. Ngược lại, khi tấn công phe dung hòa trong Xô-viết, lắm khi tôi bị ngắt lời bởi những tiếng kêu thù địch:

— Đây không phải là rạp Xiếc Hiện đại đâu nhé!

Câu nói đó đã trở thành một điệp khúc. Thường thường, tôi phát biểu trong rạp xiếc vào buổi chiều, đôi khi vào đêm khuya. Thỉnh giã của tôi là những công nhân, binh lính, những bà mẹ lao động, những đứa trẻ ngoài đường phố — tóm lại, đó là những kẻ thuộc tầng lớp dưới, bị áp bức của thủ đô. Không còn chỗ để rơi lọt một chiếc kim, cứ tọa chồng chất lên nhau. Những chú nhóc ngồi trên vai bố. Những hài nhi ôm chặt bầu vú mẹ. Không ai hút thuốc. Khán đài có nguy cơ sụp đổ trong mọi giây phút vì lượng người quá tải tới mức không chịu đựng nổi. Tôi lên bục diễn thuyết qua một "chiến hào" chật hẹp giữa những cơ thể người, nhưng cũng có khi tôi được chuyển tay từ người này qua người khác. Bầu không khí nặng những hơi thở bị dồn nén gập như bùng lên, nổi căng thẳng thỉnh thoảng bật ra thành tiếng kêu, tiếng gào thét say sưa đặc biệt của rạp Xiếc Hiện đại. Quanh tôi, trên tôi, những khuỷu tay chen lấn nhau, những lồng ngực, những cái đầu... Dường như tôi nói từ chiếc hang nóng bỏng của những cơ thể người. Khi vung tay hơi rộng một chút, bao giờ tôi cũng đụng phải ai đó, nhưng luôn được người ấy đáp lại bằng một cử chỉ khiến tôi hiểu rằng không sao đâu, đừng để tâm đến anh ta, cứ tiếp tục đi. Dường như cơn mệt được quên đi trong luồng điện căng thẳng toát ra từ khối người bị đốt nóng vì say mê. Họ muốn biết, muốn hiểu, muốn tìm con đường riêng. Đôi khi, hầu như tôi cảm thấy trên da thịt mình sự đòi hỏi của khối quần chúng khao khát tri thức được kết tinh này. Khi ấy, những lý lẽ, từ ngữ được chuẩn bị trước lại rút lui và nhường chỗ dưới áp lực khẩn thiết của lòng đồng cảm; từ những vị trí kín đáo, những từ ngữ, lý lẽ khác, bất ngờ với diễn giả nhưng cần thiết với quần chúng, lại xuất hiện trong bộ binh phục hoàn thiện. Và tôi có cảm giác dường như bản thân tôi cũng theo dõi diễn giả từ một góc nào đó, tôi không theo nổi những suy nghĩ của anh ta và tôi chỉ lo để đừng lộn nhào khỏi bục diễn giả như một kẻ mộng du khi nghe lập luận của

chính mình.

Rạp Xiéc Hiên đại là như thế. Nó có bộ mặt riêng: hùng hực, mềm mại và vô độ. Những đứa trẻ sơ sinh ôm ả dính chặt vào bầu vú mẹ, từ đó phát ra những tiếng kêu chào đón hoặc đe dọa. Bản thân quần chúng cũng giống một hải nhi bám chặt vào núm vú cách mạng bằng đôi môi khô héo. Nhưng hải nhi đó lớn lên rất nhanh.

Ra khỏi rạp Xiéc Hiên đại còn khó hơn vào. Quần chúng không muốn làm vỡ khối thống nhất đã hình thành, họ không chịu giải tán. Thân thể mỗi như, tâm thần tiêu tán, tôi phải bơi ra cửa trên vô số những cánh tay nâng cao quá đầu. Đôi khi trong đám đông, tôi nhận ra hai con gái tôi, chúng sống với mẹ ở gần đó. Con chị mười sáu tuổi, đứa em mười lăm. Tôi chỉ có một thoáng thời gian để ra hiệu trước cặp mắt lo lắng, hoặc nắm bàn tay mềm mại và ấm áp của chúng. Rồi đám đông lại tách chúng tôi ra.

Khi tôi ra đến bên ngoài, quần chúng cũng tràn khỏi rạp xiếc. Màn đêm ập xuống, đường phố rộn rã tiếng kêu và rầm rập bước chân. Đầu đó, một cánh cửa mở ra, nuốt lấy tôi và lại khép vào. Bạn bè đẩy tôi vào tòa lâu đài mà Nhicôlai [Nicolas] Đệ nhị đã xây cho nữ diễn viên ba-lê thượng thặng Còsexinxcaia [Ksesinskaia]. Bộ Tổng tham mưu của những người bôn-sê-vích được xếp đặt ở đó. Trên bộ ghế bọc bằng tơ lụa, những bộ áo choàng lính màu xám hội họp, những chiếc ủng nặng dẫm lên sàn gỗ từ lâu không được đánh bóng. Tôi có thể đợi ở đây cho đến khi quần chúng giải tán, rồi lại đi tiếp.

Vào một chiều, sau cuộc mít-tinh, đi qua những đường phố vắng vẻ, tôi nghe tiếng bước chân ở đằng sau. Hôm qua cũng thế, thậm chí, dường như ngày hôm kia cũng vậy. Nắm chặt khẩu súng ngắn, tôi đột ngột quay lại và tiến lên mấy bước:

— Anh muốn gì? — tôi hỏi, giọng đe dọa.

Tôi liếc thấy một gương mặt trẻ, trung thành.

— Cho phép tôi được bảo vệ đồng chí. Kẻ thù của chúng ta cũng đến rạp xiếc.

Đó là anh sinh viên Pôdonanxki [Poznansky]. Từ đó anh không rời tôi nửa bước. Trong những năm tháng cách mạng, Pôdonanxki luôn ở bên tôi, anh hoàn thành những nhiệm vụ rất khác nhau nhưng lúc nào cũng đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao. Anh lo việc bảo vệ tôi, trong các chiến dịch anh làm việc như một thư ký. Pôdonanxki tìm ra những kho vũ khí đã bị quên lãng từ lâu, anh kiếm các cuốn sách cần thiết, anh tổ chức những đại đội thiện chiến từ con số không. Bản thân anh cũng chiến đấu, hồi trước ở mặt trận, sau này trong hàng ngũ phe đối lập. Hiện nay Pôdonanxki đang bị đi đày. Tôi hi vọng tương lai sẽ còn run rủi cho chúng tôi gặp nhau.

Ngày 3 tháng Chạp, tôi diễn thuyết về hoạt động của chính phủ Xô-viết ở rạp Xiéc Hiên đại. Tôi giải thích về tầm quan trọng của việc công bố các thư từ ngoại giao giữa chính phủ Nga hoàng và Kêrenxki. Tôi kể lại với các thính giả trung thành của tôi: khi tuyên bố "nhân dân không thể đổ máu cho những hiệp định mà họ không ký kết, hơn nữa, không đọc và không thấy", phe dung hòa trong Xô-viết đã gào lên với tôi:

— Đừng nói với chúng tôi bằng thứ ngôn ngữ ấy! Ở đây không phải như ở rạp Xiéc Hiên đại đâu nhé!

Và tôi lặp lại câu trả lời với nhóm dung hòa:

— Tôi chỉ có thể nói bằng một ngôn ngữ, ngôn ngữ của người cách mạng; tôi dùng ngôn ngữ ấy trong các cuộc mít-tinh trước nhân dân, tôi cũng sẽ dùng ngôn ngữ ấy với phe Đồng minh và với nước Đức.

Theo bài tường thuật trên báo chí, những tràng vỗ tay náo nhiệt vang lên ở đoạn này.

Quan hệ của tôi với rạp Xiéc Hiên đại chỉ dứt đoạn vào tháng Hai, khi tôi chuyển về Mátxcova [Moscou].

CHƯƠNG XXV

VỀ NHỮNG KẺ VU CÁO

Đầu tháng 5-1917, khi tôi đến Pêtorôgorát, chiến dịch về "toa tàu kẹp chì" mà Lênin dùng để về nước đang ở độ sôi nổi nhất. Các bộ trưởng xã hội mới toanh là đồng minh của Lôi Gioóc [Lloyd George], người đã không cho phép Lênin đi qua nước Anh trở về Nga. Và cũng chính các vị ấy đã truy lùng Lênin bởi ông phải quá cảnh ở Đức. Những kinh nghiệm đi đường của tôi bổ xung vào kinh nghiệm của Lênin, có sức thuyết phục ở khía cạnh ngược lại. Tuy nhiên, điều này không ngăn cản việc tôi cũng trở thành đối tượng

của cùng một sự vụ khổng ấy. Thoạt tiên, Biucanon [Buchanan] là kẻ lan truyền. Dưới dạng một lá thư ngỏ gửi ngoại trưởng Nga — vào tháng Năm, Trêrêscô [Térechtchenko], chứ không phải Miliucôp [Milioukov], giữ cương vị này —, tôi thuật lại chuyện viễn du của tôi qua Đại Tây Dương. Để kết luận, tôi đặt câu hỏi sau:

— Thưa ông bộ trưởng, ông thấy ỏn thỏa không khi nước Anh được đại diện bởi một kẻ tự bôi nhọ thanh danh mình bằng một lời vu khống trơ tráo như thế và sau đó, y không làm gì để vẫn hồi danh dự mình?

Không có hồi âm. Tôi cũng không chờ đợi nó. Nhưng nhằm bảo vệ viên đại sứ Đồng minh, tờ báo của Miliucôp đã lặp lại lời kết tội, lần này dưới chính tên của ông ta. Tôi quyết định bêu bợn vụ khổng lên thập giá một cách long trọng nhất. Đúng lúc ấy, Đại hội liên Nga lần thứ I của các Xô-viết đang diễn ra. Ngày 5 tháng Sáu, hội trường chật ních người. Cuối phiên họp, tôi xin phát biểu về một trường hợp cá nhân.

Ngày hôm sau, tờ báo thù địch với những người bôn-sê-vích của Goócki [Gorki] đã ghi lại lời bẽ mặt của tôi và nói chung, toàn bộ sự việc như sau:

"Miliucôp buộc tội chúng tôi là những tay sai nhận tiền của chính phủ Đức. Từ diễn đàn của nền dân chủ cách mạng này, tôi đề nghị với báo chí trung thực Nga (Trốtxki [Trotsky] quay về phía bàn các nhà báo) hãy truyền đi những lời của tôi: chừng nào Miliucôp chưa rút lại lời buộc tội ấy, ông ta vẫn còn mang trên trán dấu nung của kẻ vu khống ô nhục"

Lời tuyên bố cương quyết và trọng thể của Trốtxki được cả phòng đồng thanh hoan nghênh. Không phân biệt phe phái, toàn thể Đại hội vỗ tay nhiệt liệt trong nhiều phút.

Đừng quên là trong Đại hội, có đến chín phần mười là địch thủ của chúng tôi. Nhưng đó chỉ là một thành công ngắn ngủi, như các sự việc sau này sẽ chứng tỏ. Tất cả những điều này là một thứ nghịch lý của chính thể đại nghị.

Tờ *Retro* [Rietch] (Ngôn từ tìm cách nhận lời thách thức trong cuộc đấu: hôm sau, nó đưa tin tôi đã nhận của tổ chức ái quốc Đức "Vedein" tại Niu Oóc [New York] một vạn đô-la để lật đổ Chính phủ Lâm thời. Điều này ít ra cũng có một phần sự thật. Thực ra, chuyện xảy ra như sau: hai ngày trước khi trở về châu Âu, những công nhân Đức mà tôi đã nhiều lần đến diễn thuyết, tổ chức một cuộc mít-tinh già từ cùng các bạn bè và tín đồ người Mỹ, Nga, Lét-tôn [Lettonie], Do Thái, Litva [Lituanie] và Phần Lan của tôi; ở đó, họ tổ chức quyên góp cho cách mạng Nga. Người ta thu được 310 đô-la. Các công nhân Đức, qua trung gian là vị chủ tịch của họ, bỏ thêm vào đó 100 đô-la. Với sự đồng tình của những người tổ chức cuộc mít-tinh, ngày hôm sau, tôi chia số tiền 310 đô-la nhận được cho năm kiêu dân trở về Nga, họ không đủ tiền mãi lộ. Câu chuyện "một vạn đô-la" là như vậy.

Hầu như cùng lúc ấy, tôi cũng thuật lại việc này trong tờ nhật báo *Novaia Giurđin* [Novaia Jizn] (Đời mới) của Goócki (số ra ngày 27 tháng Sáu) và kết thúc bằng bài học đạo đức sau:

Từ nay, để đưa ra một hệ số đúng mức cho những chuyện thêu dệt về tôi của các vị đối trá, vu khống, của lũ bồi bút dân chủ lập hiến và bọn vô lại khác nói chung, tôi thấy cần phải nhấn mạnh rằng trong cả đời tôi, chưa bao giờ tôi có được mười ngàn đô-la, nhưng đến một phần mười số tiền đó cũng không. Có thể lời thú nhận này làm giảm uy tín tôi trong số cử tọa dân chủ lập hiến hơn tất cả những lời vu khống của ngài Miliucôp. Nhưng đã từ lâu, tôi yên tâm với chuyện phải sống suốt đời mà không cần một dấu hiệu thiện cảm nhỏ nhất nhất nào của bọn tư sản tự do.

Sau việc này, mưu mô ấy dấy dần. Tôi tóm lược kết quả toàn bộ chiến dịch này trong cuốn sách mỏng mang tên *Gửi bọn vu khống!* và gửi nó đến nhà in. Một tuần sau đó, "những ngày tháng Bảy" bùng nổ và ngày 23 tháng Bảy, tôi bị Chính phủ Lâm thời bắt giam vì tội "phục vụ hoàng đế Đức". Cuộc điều tra được tiến hành bởi những chuyên gia pháp lý giàu kinh nghiệm của chính phủ Nga hoàng, họ không có thói quen để tâm tỉ mỉ vào những chứng cứ hay lý lẽ. Và lại, thời cuộc lúc đó cũng quá sôi động. Khi tôi được đọc hồ sơ điều tra, nổi bất bình của tôi đối với những lời buộc tội đều cáng chỉ dụ đi sau cái cười do sự ngu ngốc không thể tả nổi của tập hồ sơ.

Tôi ghi nhận như sau trong biên bản điều tra sơ bộ vào ngày 1 tháng Chín:

Nhận thấy rằng tài liệu đầu tiên được đưa ra trước công luận (lời khai của viên chuẩn úy Êcmôlencô [Ermolenko]) — cho đến nay vẫn đóng vai trò chính trong chiến

dịch chống đối đảng tôi và bản thân tôi, với sự tiếp tay của một số viên chức ngành tư pháp — hiển nhiên là kết quả của sự giả mạo có ý thức, không phải để làm sáng tỏ các tình huống của sự việc mà nhằm làm rối mù chúng một cách ác ý; nhận thấy rằng trong tài liệu này, thẩm phán Aléxhândoróp [Alexandrov] đã cố tình bỏ qua một cách rõ rệt những vấn đề và hoàn cảnh quan trọng nhất mà việc làm sáng tỏ chúng tất yếu sẽ chứng minh sự giả trá trong các lời khai của nhân chứng Êcmôlencô, kẻ tôi không hề quen biết; xét đến tất cả những điều này, về mặt chính trị và đạo đức, tôi cảm thấy thấp hèn nếu phải tham gia vào quá trình điều tra; hơn thế nữa, tôi thấy mình có thẩm quyền vạch ra trước dư luận trong nước bản chất đích thực của những lời kết tội, bằng mọi các phương tiện mà tôi có.

Chẳng bao lâu, lời buộc tội bị nhấn chìm trong các sự kiện lớn, không những đã nuốt trôi các ông quan tòa dự thẩm mà cả nước Nga cũ kỹ cùng những anh hùng "giờ chót" kiểu Kêrenxki.

Tôi đã tưởng không phải trở lại đề tài này nữa. Nhưng vào năm 1928, có một nhà văn đã nhắc lại và khuyếch trương thêm những luận điệu vu cáo cũ. Tên ông ta là Kêrenxki. Năm 1928, tức mười một năm sau ngày xảy ra những sự kiện cách mạng, đã đột ngột đưa ông lên rồi lại quét ông đi theo đúng quy luật, Kêrenxki khẳng định Lênin và những người bên-sê-vích khác là tay sai của chính quyền Đức, rằng họ có quan hệ với Bộ Tham mưu Đức, nhận tiền của Đức để thực hiện các nhiệm vụ bí mật nhằm làm thất bại quân đội Nga và chia cắt nước Nga. Ông ta trình bày tất cả những điều này trong vài chục trang sách nực cười, đặc biệt từ trang 290 đến 310. Căn cứ trên những sự kiện năm 1917, tôi có khái niệm khá rõ ràng về sự phát triển tinh thần và đạo đức của Kêrenxki; vậy mà sau những gì đã xảy ra, không bao giờ tôi tin giờ đây ông ta lại dám tung ra một lời "buộc tội" như vậy. Tuy nhiên, sự thể xảy ra đúng như thế.

Kêrenxki viết:

Việc Lênin đã phản bội nước Nga vào lúc chiến tranh lên tới cực điểm là một sự thật lịch sử không thể bác bỏ và hiển nhiên. (trang 293)

Vậy ai đã cung cấp những bằng chứng không thể bác bỏ ấy? Họ làm việc này ở đâu? Kêrenxki bắt đầu kể lể dông dài: Bộ Tổng tham mưu Đức chiêu mộ các điệp viên trong số tù binh Nga và gài vào quân đội Nga. Một tên gián điệp như thế — không biết thực hay giả (nhiều khi chính họ cũng không hay) — trực tiếp đến tìm Kêrenxki để tiết lộ tất cả kỹ thuật của mạng lưới gián điệp Đức. Nhưng rồi ở trang 295, Kêrenxki buồn rầu nhận xét:

Nhưng sự "tố cáo" ấy chẳng có tầm quan trọng gì đặc biệt.

Thì chính thế! Ngay từ những điều Kêrenxki nói ra, chúng ta cũng thấy rõ ràng là một kẻ phiêu lưu kém cỏi nào đó đã muốn dắt mũi ông ta. Tình tiết này có quan hệ gì đến Lênin và những người bên-sê-vích nói chung? Chẳng có gì cả. Bản thân Kêrenxki cũng thừa nhận tình tiết đó không có ý nghĩa gì. Thế sao ông ta lại đem kể lại với chúng ta? Để thổi phồng vai trò cá nhân và tăng thêm tính quan trọng cho những "tố cáo" sắp tới. Bất chước kẻ đưa tin, Kêrenxki cũng muốn dắt mũi người đọc.

Quả thực, ông ta nói, trường hợp thứ nhất này không có tầm quan trọng đặc biệt, *nhưng* từ một nguồn khác, chúng tôi nhận được những thông tin "có giá trị lớn". Thông tin ấy "*chứng tỏ triệt để* mối quan hệ giữa những người bên-sê-vích và Bộ Tham mưu Đức" (trang 295). Xin bạn đọc để ý: "chứng tỏ triệt để". Ông ta nói tiếp:

Cũng như thế, có thể xác định những công cụ và phương pháp mà nhờ đó, mối liên lạc trên được duy trì.

Có thể xác định ư? Câu nói không rõ ràng gì cả. Người ta đã xác định chúng chưa? Rồi ta sẽ biết tất cả. Chỉ cần một chút kiên nhẫn: suốt mười một năm, sự "tố giác" ấy chín muồi trong tâm linh sâu thẳm của kẻ sinh ra nó.

Tháng Tư, một sĩ quan người Ucoraina [Ukraine] tên là Iácmôlencô [Iarmolenko] đến trình diện ở đại bản doanh tướng Aléxhâyép [Alexéiev].

Đường như trước đây, chúng ta đã từng nghe cái tên này. Đó là nhân vật then chốt của tất cả vụ việc. Cần nói ngay rằng Kêrenxki cũng không thể chính xác ngay cả khi ông ta không cần phải nói sai sự thật. Tên bịp bợm nhỏ nhoi được ông ta đưa lên sân khấu không phải là Iácmôlencô, mà là Êcmôlencô: ít nhất các quan tòa dự thẩm của ngài Kêrenxki cũng gọi y như thế trong giấy tờ lưu trữ. Vậy là chuẩn úy Êcmôlencô (Kêrenxki chỉ nói mơ hồ "một sĩ quan" là có dụng ý) đến trình diện ở đại bản doanh như một

điệp viên giả của Đức, nhằm tố cáo những tay sai đích thực của Đức. Nhà ái quốc vĩ đại này — kẻ mà báo chí tư sản mặc dầu thù địch sâu sắc với phe bôn-sê-vích, cũng buộc phải thể hiện như một nhân vật ám muội và đáng ngờ vực — chứng tỏ một cách hiển nhiên và dứt khoát, rằng Lênin không phải là một trong những gương mặt kiệt xuất nhất của lịch sử, đơn giản ông chỉ là tay sai ăn lương của Ludendoóphơ [Ludendorff]. Nhưng thử hỏi: làm sao Écmôlencô biết được điều bí ẩn ấy và y đưa ra những chứng cứ gì để thuyết phục Kêrenxki? Theo chính lời Écmôlencô, y được Bộ Tham mưu Đức ủy nhiệm việc tuyên truyền cho phong trào ly khai ở Ucoraina.

Hắn đã nhận được tất cả (!) chỉ dẫn cần thiết về các phương pháp và thủ tục để nhờ đó, hắn duy trì mối quan hệ với các nhân vật lãnh đạo (!) Đức; về các ngân hàng (!) qua đó người ta chuyển cho hắn những khoản tiền cần thiết; ngoài ra, về những điệp viên quan trọng nhất, trong số đó, cạnh nhiều tên Ucoraina ly khai, có cả Lênin.

Có thể đọc nguyên văn tất cả những điều nói trên trong các trang 295 và 296 của kiệt tác này. Bây giờ, ít nhất chúng ta cũng biết phương cách đối xử của Bộ Tổng tham mưu Đức với lũ gián điệp. Khi bỗng nhiên chợt tìm ra một chuẩn úy vô danh và gần như mù chữ có ý muốn làm gián điệp "ngầm", đáng ra phải đặt hắn dưới sự giám sát của một chuẩn úy quân báo Đức nào đó, thì Bộ Tổng tham mưu lại cho tên này bắt làm quen với các "nhân vật lãnh đạo Đức", cho hắn biết căn cứ cơ cấu hoạt động của cả mạng lưới gián điệp Đức, thậm chí còn cung cấp cho hắn danh sách các ngân hàng — không chỉ *một* mà *tất cả* —, thông qua đó, các vụ chuyển nhượng tiền tệ của Đức được tiến hành. Nói thế nào thì nói, tôi không thoát nổi cảm giác Bộ Tổng tham mưu Đức đã hành động ngu muội đến tận cùng. Tuy nhiên, cảm giác đó chỉ xuất hiện bởi trong câu chuyện này, ta không nhìn nhận Bộ Tổng tham mưu Đức như nó có trong thực tế, mà như cách tương tượng của hai chuẩn úy Max und Moritz: chuẩn úy quân đội Écmôlencô và chuẩn úy chính trị Kêrenxki.

Cố nhiên, mặc dù kém cỏi, thiên cận và mang quân hàm thấp đi nữa, Écmôlencô vẫn có thể có vị trí đáng kể trong cơ quan quân báo Đức thì sao? Kêrenxki muốn chúng ta nghĩ như vậy. Rủi thay, chúng ta chẳng những biết cuốn sách của Kêrenxki mà còn không lạ nguồn gốc nguyên thủy của nó.

Trong việc này, bản thân Écmôlencô khờ dại hơn Kêrenxki. Trong lời khai của hắn, được trình bày theo phong cách một tên phiêu lưu kém cỏi và ngu dần, Écmôlencô cho biết cả khoản tiền hắn nhận được: Bộ Tổng tham mưu Đức thưởng hắn 1.500 rúp — đồng tiền này rất mất giá vào thời bấy giờ — cho việc tổ chức ly khai Ucoraina và lật đổ Kêrenxki. Qua những lời khai đã được công bố, Écmôlencô thành thực nói rằng hắn cay đắng phàn nàn về tính bủn xỉn của người Đức, nhưng vô hiệu quả. Hắn phàn đối: "Sao chỉ có từng này?" Nhưng các "nhân vật lãnh đạo" tỏ ra có chấp.

Hơn nữa, Écmôlencô không kể việc hắn điều đình trực tiếp với ai: với Luthendoócphơ, với Hindenbuốc [Hindenburg], hoặc giả với Corônporinxơ [Kronprinz] hay với cựu hoàng đế Đức. Hắn ngoan cố không chịu tiết lộ tên các vị "lãnh đạo" đã ban cho hắn 1.500 rúp để làm tan rã nước Nga, để đi đường, hút sách và nốc rượu. Chúng tôi bạo dạn đưa ra giả thuyết phần lớn số tiền ấy đã được dùng để nhập nhệ. Và khi "vốn liếng" Đức ít ỏi đã cạn trong túi, gã chuẩn úy không cầu cứu đến các ngân hàng được giới thiệu ở Béclin [Berlin] mà lại can đảm đến trình diện ở Bộ Tổng tham mưu Nga để nhận đôi chút "viện trợ ái quốc". Rất có thể trong lúc đi đường, Écmôlencô được một sĩ quan phản gián Nga đang hoạt động chống phe bôn-sê-vích ra đón. Và có lẽ một sĩ quan như thế đã gợi ý cho anh ta... Thành thử, dường như có hai thứ triết lý khác nhau trong bộ óc chật hẹp của tên chuẩn úy: một mặt, Écmôlencô không kim nỏi mối hận thù đối với viên chuẩn úy Đức đã ném vào mặt hắn đúng 1.500 rúp, không thêm một cô-pếch; mặt khác, hắn không cho phép mình quên là đã được các vị "chi huy Đức" trọng dụng, đã cho hắn biết toàn bộ hệ thống gián điệp Đức cùng tất cả các nhân viên thừa hành và tất cả các ngân hàng của hệ thống này.

"Những người Ucoraina ly khai" mà Écmôlencô tố cáo với Kêrenxki là ai? Cuốn sách không đã động đến điều này. Để tăng trọng lượng cho những lời láo dối thâm hại của Écmôlencô, Kêrenxki lại chêm vào một sự dối trá do chính ông ta sản xuất. Như chúng ta được biết từ lời khai của Écmôlencô, trong số những người ly khai, y chỉ nhắc đến tên Xcôrôpít-Iôntukhốpxki [Skoropis-Ioltoukhovsky]. Kêrenxki lờ cái tên này đi bởi nếu nhắc đến nó, ông ta buộc phải thừa nhận Écmôlencô chẳng "tố cáo" được gì. Chẳng ai lạ gì cái tên Iôntukhốpxki. Nó đã được nhắc đến vài chục lần trên báo chí thời chiến. Iôntukhốpxki không giấu giếm những quan hệ của y với Bộ Tham mưu Đức. Ngay từ cuối năm 1914, trong tờ *Nasé Xlôvơ* ở Pari, tôi đã nghiêm khắc buộc tội một nhóm nhỏ người Ucoraina ly khai, họ thiết lập quan hệ với chính quyền quân sự Đức. Tôi vạch mặt chỉ tên tất cả bọn này, trong số đó có Iôntukhốpxki.

Tuy nhiên, chúng ta được biết ở Béclin, người ta mách cho Écmôlencô không những "nhiều người Ucoraina ly khai", mà cả... Lênin. Có thể hiểu tại sao họ nhắc đến những kẻ ly khai; bản thân Écmôlencô cũng được cử về Nga để tuyên truyền ly khai. Nhưng chỉ cho hắn biết Lênin thì nhằm mục đích gì?

Kêrenxki không trả lời câu hỏi đó. Và điều ấy không ngẫu nhiên. Quả thật, Écmôlencô đã đưa quãng đưa xiên một cách vô nghĩa cái tên Lênin vào những lời khai chấp vá của hắn.

Kẻ gây nguồn cảm hứng cho Kêrenxki kể rằng hắn làm gián điệp cho Đức như một người "ái quốc"; rằng hắn đòi tăng "quĩ bí mật" (1.500 rúp thời chiến!); rằng người ta đã giảng giải cho hắn biết những nhiệm vụ tương lai của hắn: thám thính, làm nổ cầu v.v... Mặc dù chẳng liên quan gì đến câu chuyện này, hắn nói: người ta báo cho hắn (*người ta* đây là ai?) rằng ở Nga, hắn sẽ "không làm việc một mình", rằng "ở Nga, Lênin và các đồng đảng cũng hoạt động theo hướng đó (!)".

Đây là nguyên văn lời khai của hắn.

Như vậy, té ra một tên tay sai nhỏ mọn vốn được tuyển mộ để phá cầu cống lại được biết một bí mật như quan hệ giả định giữa Lênin và Luthendoócphơ dù chẳng đem lại một chút lợi ích thực tiễn nào... Vào phần cuối lời khai — lại hoàn toàn không liên quan đến câu chuyện, hắn do một bàn tay thô thiển nào đó thúc đẩy —, Écmôlencô đột ngột nói thêm:

Người ta cho tôi biết (người ta đây là ai) Lênin đã tham gia các cuộc hội họp ở Béclin (với những đại diện của bộ tổng tham mưu) và đã dừng chân ở nhà Xcôrôpít-Iônukhốpxki, *điều này bản thân tôi cũng tin chắc.*

Châm hết. Tin chắc *bằng cách nào*, hắn không nhắc đến một lời. Thảm phán Aléchxandorốp tỏ ra không hề lưu ý đến thông tin "thực tế" duy nhất này trong lời khai của Écmôlencô. Ông ta không đặt câu hỏi hiển nhiên nhất: *bằng cách nào*, viên thiếu úy đã tin chắc việc Lênin từng qua Béclin trong chiến tranh và dừng chân tại nhà Xcôrôpít-Iônukhốpxki. Hoặc có thể Aléchxandorốp đã đặt câu hỏi ấy (ông ta không thể không đặt câu hỏi!), nhưng chỉ nhận được câu trả lời ảm ờ nên ông ta quyết định không ghi nó vào biên bản này. Rất có thể! Chẳng lẽ trước tất cả cái món xào xáo ấy, phải chăng chúng ta không có quyền đặt câu hỏi: có kẻ ngu đần nào lại tin vào chuyện này? Nhưng có. Có những "nhân vật nhà nước" vờ tin vào chuyện này và cổ động độc giả cũng tin vào nó.

Phải chăng đây là tất cả? — Vâng, gã chuẩn úy quân đội không còn gì để nói nữa. Ngược lại, ngài chuẩn úy chính trị vẫn còn có những giả thuyết và ước đoán. Chúng ta hãy lần theo dấu những phỏng đoán ấy. Kêrenxki kể:

Chính phủ Lâm thời tự thấy mình đứng trước nhiệm vụ khó khăn: tiếp tục theo dõi những đường dây Écmôlencô đã tiết lộ, lần theo dấu vết lữ điệp viên làm con thoi giữa Lênin và Luthendoócphơ và bắt quả tang họ với những bằng chứng buộc tội xác thực nhất. (trang 296)

Câu nói phô trương ấy được bện từ hai sợi dây: sự dối trá và hèn hạ. Ở đây, cái tên Luthendoócphơ xuất hiện lần đầu trong câu chuyện. Écmôlencô không khai bất kỳ một người Đức nào: cái sọ của anh chuẩn úy không có dung lượng lớn lắm. Kêrenxki cố tình nói mập mờ về những điệp viên "làm con thoi giữa Lênin và Luthendoócphơ". Một mặt, người ta có thể nghĩ đó là những điệp viên đã được xác định rõ, chỉ còn chờ tóm cổ chúng với những bằng chứng buộc tội. Mặt khác, có vẻ như trong đầu của Kêrenxki mới chỉ có một thứ ý tưởng mơ hồ về các điệp viên ấy. Nếu ông ta muốn "theo dấu vết" của chúng thì hắn đây mới chỉ là những dấu vết lạ lẫm, vô danh, tiên nghiệm. Với những cách nói tinh quái, kẻ vu cáo chỉ mới để lộ ra... cái gót Asin [Achille] của hắn, hay nói một cách ít kinh điển hơn, cái móng lừa của hắn.

Công cuộc điều tra được tiến hành bí mật đến nỗi theo Kêrenxki, chỉ có bốn bộ trưởng biết việc này. Ngay ngài bộ trưởng Tư pháp, ông Pêrêvédecép [Pérevézev] bất hạnh, cũng không được thông báo. Thưa bạn đọc, đây quả thực là "công việc quốc gia"! Trong khi Bộ Tổng tham mưu Đức trao cho bất kỳ ai, chẳng những danh sách các ngân hàng tin cậy mà cả hệ thống liên lạc với các lãnh tụ của đảng cách mạng lớn nhất, Kêrenxki lại xử sự trái ngược: ngoài mình ra, ông ta tìm lung tung được ba bộ trưởng, những kẻ khá dày dạn để có thể theo dấu các điệp viên Luthendoócphơ.

Và ông ta còn phân nản:

Nhiệm vụ vô cùng khó khăn, rắc rối và kéo dài. (trang 297)

Lần này, chúng ta sẵn lòng tin ông ta. Nhưng kết quả toàn diện đã đem lại thắng lợi hoàn toàn cho những cố gắng "ái quốc" của ông ta. Kêrenxki bộc lộ một cách rõ ràng:

Dầu sao đi nữa, sự thành công của công việc khiến Lênin lụn bại. Mối quan hệ của Lênin với nước Đức được xác nhận một cách đầy đủ.

Đề nghị bạn đọc chớ quên câu: "được xác nhận một cách đầy đủ".

Ái xác nhận và xác nhận bằng cách nào? Ở điểm này, Kêrenxki đưa vào cuốn tiểu thuyết hình sự của mình hai nhà cách mạng Ba Lan khá quen biết — Khanétxki [Ganetsky] và Côđolốpxki [Kozłowski] —

–, và một bà Sumenson nào đó chưa từng được ai biết tới và cũng chưa từng được chứng tỏ là tồn tại. Đó là ba liên lạc viên, họ nói như thế. Căn cứ vào đâu để Kêrenxki liệt Còdolốpxki (đã quá cố) và Khanétxki (nay còn rất khỏe mạnh) vào sổ trung gian giữa Lênin và Luthendôócphơ? Không ai biết. Êcmôlencô không nêu tên những nhân vật này. Họ xuất hiện trên những trang sách của Kêrenxki cũng như trên các mặt báo vào những ngày tháng Bày năm 1917, hoàn toàn bất ngờ, *Deus ex machina*, ở đây, rõ ràng bộ máy phản gián Nga hoàng đóng vai trò *machina* (cỗ máy).

Nhưng chúng ta hãy nghe Kêrenxki:

Chúng tôi cần bắt giữ phái viên bên-sê-vích người Đức ở biên giới Nga — Thụy Điển, anh ta từ Xtóckhôm [Stockholm] đến và đem theo những chứng cứ không thể chối cãi về quan hệ giữa Lênin và Bộ Tổng chỉ huy Đức. Chúng tôi đã biết chính xác nội dung các tư liệu ấy. (trang 289)

Té ra phái viên ấy hình như là Khanétxki. Chúng ta thấy bốn vị bộ trưởng, thông thái nhất trong số họ cố nhiên là ngài thủ tướng, đã không ủng hộ công vô ích: phái viên của những người bên-sê-vích mang đến cho Kêrenxki từ Xtóckhôm những tư liệu có nội dung đã biết từ trước ("biết chính xác!"), chứng tỏ một cách không thể bác bỏ được Lênin là điệp viên của Luthendôócphơ.

Nhưng tại sao Kêrenxki không chia sẻ cho chúng ta bí mật của những tư liệu này? Tại sao — ít nhất — ông ta không trình bày ngắn gọn nội dung của chúng? Tại sao ông ta không nói, hoặc chí ít cũng nêu dẫn chứng, rằng ông ta đã biết trước nội dung những tư liệu ấy bằng cách nào? Tại sao ông ta không giải thích, nói trắng ra, vì sao phái viên của những người bên-sê-vích lại mang theo những tài liệu chứng tỏ họ là tay sai của Đức? Kêrenxki không hề nhắc tới điều đó. Lại một lần nữa, chúng ta hoàn toàn có quyền đặt câu hỏi: có kẻ ngu ngốc nào tin được những điều đó không?

Thật ra, phái viên từ Xtóckhôm không bị bắt giữ. Người ta cũng không thu được những tư liệu tuyệt vời mà Kêrenxki đã "biết chính xác" nội dung năm 1917, nhưng vẫn xa lạ với độc giả năm 1928. Phái viên của những người bên-sê-vích cứ đi, đi mãi, nhưng không đến được biên giới Nga — Thụy Điển. Tại sao? Chỉ bởi vì ngài bộ trưởng Tư pháp Pêrêvécđép, đã tỏ ra bất lực trong việc lần mò theo dõi, đã bép xép quá sớm cái bí mật lớn của chuẩn úy Êcmôlencô cho báo chí. *Mặc dù hạnh phúc đã đến rất gần, trong tâm tay!...*

Công việc kéo dài hai tháng — nhằm phát hiện những âm mưu đen tối của phe bên-sê-vích do Chính phủ Lâm thời (chủ yếu là Trêrêscô) thực hiện — kết cục đã *thất bại*. (trang 298)

Vâng, đúng, Kêrenxki đã nói chính xác như thế: "kết cục đã thất bại".

Trang 297, chúng ta được biết "thành công của hoạt động này là đòn chí mạng đối với Lênin", những quan hệ của Lênin với Luthendôócphơ đã bị "xác nhận một cách đầy đủ". Thế nhưng ở trang 298, chúng ta lại được đọc "công việc trong vòng hai tháng... kết cục đã *thất bại*"... Tất cả sự việc này chẳng phải như một trò hề không mấy ngộ nghĩnh ư?

Mặc dầu bốn bộ trưởng theo dõi dấu vết bà Sumenson — người đàn bà chẳng ai quen biết — đều thất vọng, song Kêrenxki không nản chí. Ông ta kiêu hãnh tuyên bố về mối quan hệ giữa những người bên-sê-vích và Luthendôócphơ:

Hoàn toàn có ý thức về trách nhiệm trước lịch sử, tôi chỉ có thể lấy lại lời của ông biện lý tòa án Pêtorôgorát.... (trang 298)

Đó là lúc ông ta vươn người lên với tất cả tầm cao của mình! Cũng như thế, năm 1917, những người tình nguyện, những chuẩn úy cánh tả, những cậu học sinh trung học và các cô gái dân chủ đã nhiều lần nghe ông ta nói từ diễn đàn: "hoàn toàn có ý thức về trách nhiệm trước lịch sử!..." Kêrenxki "Thủy tiên", viên chuẩn úy có một không hai thuộc cái tầm cỡ như thế! Nhưng vài trang sau, sau lời thề đẹp đẽ ấy, ta lại thấy câu thú nhận nào lòng:

Chính phủ Lâm thời chúng tôi đã để mất cơ hội cuối cùng (!) khẳng định sự phản bội của Lênin dựa trên những tư liệu làm bằng chứng. (trang 305)

"Mất cơ hội cuối cùng..." Ngoài một lời thề danh dự trước lịch sử, chung quy chẳng còn gì từ tất cả những thứ người ta xây dựng trên đôi vai Êcmôlencô.

Nhưng nào đã hết. Sự man trá và hèn hạ của Kêrenxki rõ ràng hơn cả khi ông ta nói về tôi. Vào cuối cái danh sách những điệp viên Đức phải bị bắt theo lệnh ông ta, Kêrenxki kín đáo bồi thêm ghi chú sau đây:

Vài ngày sau, người ta cũng bắt nốt Trótxki và Lunatrácxki [Lounatcharsky].
(trang 309)

Đó là đoạn duy nhất Kêrenxki gài cả tôi vào mạng lưới gián điệp Đức. Ông ta làm việc này một cách cầm chừng, không hoa hòe hoa sói, không phung phí những "lời thề danh dự". Ông ta có đủ lý do để làm như vậy. Kêrenxki không thể hoàn toàn im lặng về tôi vì dù sao đi nữa, chính phủ ông ta cũng bắt giữ tôi và buộc tôi cùng một tội với Lenin.

Nhưng Kêrenxki không muốn và cũng không thể nói rõ hơn về các bằng chứng kết tội tôi, bởi đối với tôi, chính phủ ông ta đã để lộ ra cái móng lừa đã nhắc ở trên một cách đặc biệt rõ ràng. Bằng chứng duy nhất lão thẩm phán Alécxanđrốp nêu lên để chống lại tôi là tôi đã cùng Lenin đi ngang nước Đức trong toa tàu kẹp chì. Con chó già giữ nhà của ngành tư pháp Nga hoàng hoàn toàn không biết không phải tôi mà Máctốp, lãnh tụ những người men-sê-vích, đã cùng Lenin đi xuyên qua nước Đức trong toa tàu kẹp chì. Tôi về từ Niu Oóc sau Lenin một tháng, sau khi qua một trại tập trung ở Canada [Canada] và các nước Bắc Âu. Những kẻ giả mạo thâm hại hạ đẳng dựng nên lời buộc tội chống những người bôn-sê-vích. Các vị ấy còn không thấy cần thiết phải xem lại trên báo, thử hỏi Trótxki về lại Nga khi nào và bằng đường nào? Tôi bắt quả tang lão thẩm phán ở điểm ấy. Quãng vào mặt hấn đồng giấy lộn nhục nhã và quay lưng lại, tôi không thêm tiếp tục cuộc nói chuyện với hắn. Cùng lúc đó, tôi gửi ngay một bài phản đối đến Chính phủ Lâm thời.

Ở đây, người ta mới thấy Kêrenxki trắng trợn phạm tội đến mức nào và ông ta đã đánh lừa độc giả ra sao. Kêrenxki biết rõ "công lý" của ông ta thất bại nhục nhã như thế nào khi buộc tội tôi. Vì thế, khi tiện thể lừa tôi vào mạng lưới gián điệp Đức, ông ta không nói lấy một lời về chuyện bản thân ông ta và ba bộ trưởng khác đã theo dấu vết tôi khắp nước Đức ra sao, vào thời điểm tôi bị giam trong một trại tập trung ở Canada.

Kẻ vu khống tổng kết các suy tưởng của họ như sau:

Nếu Lenin không có chỗ dựa là toàn bộ tiềm lực vật chất và kỹ thuật của bộ máy tuyên truyền và cơ quan mật vụ Đức, ông ta không bao giờ có thể làm nước Nga lụn bại được. (trang 299)

Kêrenxki muốn tin rằng chế độ cũ (và cùng với chế độ ấy, ông ta) bị lật đổ không phải do nhân dân cách mạng mà bởi mạng lưới gián điệp Đức. Cái thứ triết học lịch sử theo đó đời sống của một nước lớn chỉ là đồ chơi trong tay tổ chức gián điệp nước láng giềng, mới dễ an ủi người ta làm sao! Nhưng nếu lực lượng quân sự và kỹ thuật của nước Đức, trong vòng vài tháng, có thể lật đổ nền dân chủ kiểu Kêrenxki và cấy vào đó chủ nghĩa bôn-sê-vích một cách giả tạo thì sao lực lượng vật chất và quân sự của tất cả các nước Đồng minh, trong suốt mười hai năm, lại không thể diệt trừ cái chủ nghĩa bôn-sê-vích giả tạo ấy?

Nhưng thôi, chúng ta đừng lao vào thử tư tưởng triết học lịch sử đó. Hãy dừng lại trong thế giới các sự kiện: viện trợ kỹ thuật và tài chính của Đức gồm những gì? Kêrenxki không nói một lời về điều này.

Năm 1917, những người bôn-sê-vích phát hành ở Pêtorôgorát một tờ báo khổ nhỏ như hồi trước Thế chiến (năm 1912). Họ phát truyền đơn. Họ đi khuấy động phong trào. Nói cách khác, chúng tôi là một đảng cách mạng. Tìm đâu ra viện trợ của cơ quan gián điệp Đức? Không có một lời về điều này. Và có nói thì nói được gì?

Nén nổi kinh tởm và vận dụng bộ óc mĩa mai tốt lành — ở đây, cũng cần thiết như quả chanh với kẻ bị say sóng —, chúng tôi đã phân tích "trước lịch sử" những lời khai của Kêrenxki. Không gạt đi bất kỳ lý lẽ nào, cách nhìn nhận nào của ông ta, mặc dù trong cả quá trình làm việc, chúng tôi cứ nặn óc tự hỏi: có cần nói đến những điều dơ dáy này không? Bởi rất cục Luthenđoócphơ, Hindenbuốc và nhiều lãnh đạo, cộng tác viên khác của Bộ Tổng tham mưu Đức vẫn đang còn sống. Tất cả đều là kẻ thù của những người bôn-sê-vích. Cái gì ngăn cản họ nói ra một bí mật cũ? Hiện nay đảng Xã hội Dân chủ nắm quyền ở Đức và có thể xem mọi tài liệu lưu trữ. Nếu Luthenđoócphơ không che giấu mối liên hệ giả mạo với Lenin trước một Écmôlencô, phải nghĩ rằng ở Đức hẳn có nhiều người, ít nhất cũng biết điều người ta không che giấu với một chuẩn úy Nga. Vậy, tại sao mọi kẻ thù không hòa hoãn của những người bôn-sê-vích và cách mạng tháng Mười lại im lặng?

Đúng là Kêrenxki có viện dẫn những hồi tưởng của Luthenđoócphơ. Nhưng từ những hồi ký ấy, chỉ có một việc nổi bật: Luthenđoócphơ hi vọng cách mạng tháng Hai và tháng Mười ở Nga sẽ làm tan rã quân đội Nga hoàng. Muốn vạch rõ kế hoạch này, chẳng cần đến hồi ký của vị thống chế này. Chỉ cần biết đến một thực tế: Luthenđoócphơ cho phép một nhóm các nhà cách mạng Nga đi qua nước Đức. Về phần ông ta, đó là cuộc phiêu lưu xuất phát từ tình thế quân sự khó khăn của Đức. Lenin lợi dụng những tính toán của Luthenđoócphơ, trong khi ông cũng có các tính toán riêng của mình. Luthenđoócphơ tự nhủ: Lenin sẽ quét sạch bọn quốc gia rồi sau đó tôi sẽ bóp nghẹt Lenin cùng các bạn hữu của ông ta. Nhưng Lenin lại lập luận như sau: tôi qua nước Đức trong toa tàu được Luthenđoócphơ đảm bảo và sẽ đền đáp sự

hào tâm ấy theo cách của tôi.

Rằng hai kế hoạch với những mục đích trái ngược có một điểm chung và điểm ấy là "toa tàu cặp chì", để chứng tỏ điều này, không cần đến tài năng trinh thám của Kêrenxki. Đây là sự thực lịch sử. Và sau đó, lịch sử đã có cách kiểm nghiệm những tính toán của cả hai phe. Ngày 7 tháng Mười một năm 1917, những người bôn-sê-vích giành được chính quyền. Đúng một năm sau, dưới ảnh hưởng những lực lượng khổng lồ của cách mạng Nga, quần chúng cách mạng Đức lật đổ Luthendôócphơ và các ông chủ của ông ta. Lại sau mười năm nữa, chàng Nácxít [Narcisse] dân chủ bị lịch sử làm tổn thương đã tìm cách dựng lại lời vu khống ngu xuẩn với đối tượng không phải Lênin mà là một dân tộc vĩ đại và cuộc cách mạng của dân tộc này.

CHƯƠNG XXVI

TỪ THÁNG BẢY ĐẾN THÁNG MƯỜI

Ngày 4 tháng Sáu, tại Đại hội các Xô-viết, phái bôn-sê-vích công bố bản tuyên ngôn do tôi đệ trình về cuộc tấn công do Kêrenxki dự kiến ngoài mặt trận. Tôi vạch rõ: cuộc tiến công ấy là hành động phiêu lưu đe dọa sinh mạng toàn quân đội. Nhưng Chính phủ Lâm thời đang say sưa với những lời lẽ ba hoa rỗng tuếch của mình. Các bộ trưởng coi đám quần chúng binh lính bị cách mạng khuấy đảo đến tận gốc như khối đất sét, muốn nhào nặn gì tùy ý. Kêrenxki đi khắp trận tuyến, cầu khẩn và van nài, dọa nạt, quỳ gối, hôn đất, nói tóm lại ông ta làm mọi thứ trò hề, nhưng không hề giải đáp bất kỳ vấn đề nào đang dằn vặt các binh sĩ. Tự lừa dối mình bằng những hiệu quả rê tiêng và giành giật được sự ủng hộ của Đại hội Xô-viết, ông ta hạ lệnh mở cuộc tấn công. Khi cái điều bất hạnh đã được những người bôn-sê-vích tiên đoán từ trước đã xảy ra, người ta lại đổ tội cho những người bôn-sê-vích. Những cuộc truy lùng được gia tăng ráo riết. Được đảng Dân chủ Lập hiến che chở, các lực lượng phản động hoành hành khắp mọi nơi và đòi thủ cấp chúng tôi.

Lòng tin của quần chúng vào Chính phủ Lâm thời bị lay chuyển không thể cứu vãn. Trong giai đoạn hai của cách mạng, Pêtorôgorát vẫn đứng ở vị trí *avant-garde* hàng đầu so với các nơi khác. Trong những ngày tháng Bảy, thứ *avant-garde* này đứng độ công khai với chính phủ Kêrenxki. Đây chưa phải là khởi nghĩa, mới chỉ là cuộc thăm dò bề sâu. Nhưng, ngay từ khi xung đột tháng Bảy nổ ra, có thể thấy không một đạo quân "dân chủ" nào đứng sau Kêrenxki; những lực lượng ủng hộ ông ta, chống lại chúng tôi đều là những thế lực phản cách mạng.

Ngày 3 tháng Bảy, trong cuộc họp Xô-viết ở điện Tôrit [Tauride], tôi được tin trung đoàn súng máy biểu tình và cất lời kêu gọi các đơn vị khác và các nhà máy. Tin ấy làm tôi bất ngờ. Cuộc biểu tình nổ ra tự phát từ cơ sở, không rõ ai đứng ra tổ chức. Ngày hôm sau, nó tỏa rộng, khi ấy đảng chúng tôi cũng tham gia. Nhân dân tràn vào điện Tôrit. Chỉ có một khẩu hiệu: "Tất cả chính quyền về tay các Xô-viết!" Trước điện, một nhóm người đáng ngờ đứng biệt lập với quần chúng bắt bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Trécốp và tổng ông ta lên một chiếc xe hơi. Đám đông bàng quan với ông bộ trưởng, ít nhất, người ta cũng không tỏ ra đồng cảm. Tin Trécốp bị bắt và số phận bi thảm đang đe dọa ông lọt vào điện. Những người dân túy dự định sử dụng xe thiết giáp có gắn máy để cứu lãnh tụ của họ. Lòng dân giảm sút, điều này khiến phe dân túy cáu kỉnh: họ định hành động với bàn tay cương quyết. Tôi quyết định nhảy vào chiếc xe chở Trécốp, lôi ông ta ra khỏi đám quần chúng để rồi trả tự do cho ông. Nhưng Raxcônnhicốp [Raskolnikov] — đại úy bôn-sê-vích chỉ huy hạm đội Bantích, người đưa các thủy thủ Cờnôstát về tham gia biểu tình — đòi phải thả Trécốp ngay lập tức. Anh tỏ ra rất lo lắng vì không muốn sau này người ta đổ vạ cho các thủy thủ Cờnôstát đã bắt giữ ông bộ trưởng. Tôi nghĩ phải giúp đỡ Raxcônnhicốp.

Xin nhường lời cho anh kể tiếp đoạn sau. Anh đại úy bản tính sôi nổi thuật lại trong hồi ký của mình:

Khó đoán được cuộc nổi loạn của quần chúng còn kéo dài bao lâu nếu đồng chí Trótxki không can thiệp vào sự cố. Nhảy một bước đột ngột, đồng chí đã ở trên nóc xe và với cử chỉ khoáng đạt, cương quyết của người đã đợi chờ từ lâu, đồng chí ra hiệu mọi người yên lặng. Trong nháy mắt, ai nấy im bật, bầu không khí trầm xuống. Bằng

giọng nói đồng dục, rõ ràng, sang sảng... Lép Đavítôvích [Lev Davidovitch] nói vài lời ngắn gọn (kết thúc như sau: "Ai muốn dùng vũ lực với Tréc-nốp, hãy giơ tay lên!")... Không ai động đậy.

Rồi Raxcôn-nhicốp viết tiếp:

Chẳng ai mở miệng nói một lời phản đối. — Công dân Tréc-nốp, ông được tự do! —, Trót-xki trình trọng tuyên bố, đồng chí xoay toàn thân về phía ngài bộ trưởng và đưa tay mời ông ra khỏi xe. Tréc-nốp đỡ sống đỡ chết. Tôi giúp ông ta bước xuống; mặt mũi nhợt nhạt, đau khổ, chân bước lảo đảo không vững, ông bước lên bậc thang và biến mất trong tiền sảnh của điện. Hải lòng với kết quả đạt được, Lép Đavítôvích cùng đi với ông.

Bỏ qua phong cách cường điệu, thống thiết, màn kịch được thuật lại rất chính xác. Tuy nhiên, điều đó không ngăn trở báo chí thù địch quả quyết tôi đã bắt Tréc-nốp để sau đó hành hung ông ta. Bản thân Tréc-nốp ngượng ngập im lặng, quả thực cũng khó xử khi một bộ trưởng "bình dân" phải thú nhận rằng ông được cứu mạng không nhờ lòng dân mà do một người bôn-sê-vích can thiệp.

Thay mặt những người biểu tình, lần lượt các đoàn đại biểu đòi Ban Chấp hành nắm lấy chính quyền. Trong số các lãnh tụ Xô-viết, Trơ-khê-it-dê, Xê-rê-teli, Đan [Dan], Gôt ngồi dờ dẫm, co quắp trong Đoàn chủ tịch. Họ không trả lời các đoàn đại biểu, chỉ nhìn mông lung về phía trước hoặc liếc nhìn nhau về hoảng hốt và bí hiểm. Những người bôn-sê-vích giành lấy diễn đàn, ủng hộ các đoàn thể công nhân và binh lính. Các thành viên Đoàn chủ tịch im lặng. Họ chờ đợi. Chờ đợi gì? Thời gian trôi qua. Đêm đã khuya khi tiếng kèn đồng chiến thắng tràn ngập điện Tô-rít. Đoàn chủ tịch bưng tình như bị điện giật. Ai đó long trọng báo tin Trung đoàn Vôn-khư-niê [Vollhynie] vừa từ mặt trận trở về và tự đặt dưới quyền của Ban Chấp hành Xô-viết. Thì ra "nền dân chủ" không có lấy một đơn vị tin cậy nào trong toàn bộ các toán lính bảo vệ địa phương hùng hậu ở Pê-tơ-rô-gorát. Người ta phải chờ sự hỗ trợ vũ trang đáng tin cậy từ mặt trận. Giờ đây, tình thế bỗng biến đổi. Các đoàn đại biểu bị xua đuổi, những người bôn-sê-vích không được quyền nói năng. Những lãnh tụ của nền dân chủ quyết định trả thù chúng tôi vì nỗi sợ hãi — do quân chúng ủng hộ chúng tôi — đổ lên đầu họ. Từ diễn đàn của Ban Chấp hành, người ta nhắc đến cuộc bạo động vũ trang vừa bị các đạo quân trung thành đánh gục. Những người bôn-sê-vích bị coi là đảng phản cách mạng. Và tất cả chỉ nhờ việc Trung đoàn Vôn-khư-niê trở về ủng hộ. Ba tháng rưỡi sau, cũng trung đoàn ấy, ngàn người như một, đã tham gia lật đổ nội các Kê-ren-xki.

Sáng ngày mùng 5, tôi gặp Lênin. Cuộc tấn công của quân chúng đã bị dập tắt.

— Bây giờ chắc hẳn bọn chúng sẽ bắn chúng ta hàng loạt — Lênin nói. — Đây là thời cơ thích hợp nhất cho chúng.

Nhưng Lênin đã đánh giá quá cao, cố nhiên không phải sự căm thù điên dại, mà tính quyết tâm và khả năng hành động của kẻ thù. Kẻ địch không xả súng bắn chúng tôi, mặc dù họ sẵn sàng làm việc đó. Nhiều người bôn-sê-vích bị hành hung và sát hại trên đường phố. Bọn học sinh trường võ bị kéo nhau đến phá phách lâu đài Cò-se-xin-xa-ia và nhà in báo *Práp-đa*. Trước nhà in, các bản thảo phơi đầy ngoài phố. Tác phẩm đã kích *Gửi bọn vu khống!* của tôi bị thất lạc ở đây cùng nhiều bài khác. Cuộc thăm dò chiều sâu tháng Bảy trở thành cuộc chiến đơn phương. Kẻ thù chiến thắng không mấy khó khăn vì chúng tôi chưa vào cuộc. Đảng đã phải trả giá đắt vì điều này. Lênin và Din-ô-viép [Zinoviev] phải ăn năn. Nhiều người bị bắt, lấy cơ đó là tiền "Đức". Nhiều kẻ trong số những "bạn đường" và bạn hữu hời hợt quay lưng lại chúng tôi. Ở điện Tô-rít, chúng tôi bị tuyên bố là phản cách mạng và trong thực tế, chúng tôi bị đặt ngoài vòng pháp luật.

Tình hình phát triển rất bất lợi trong ban lãnh đạo đảng. Lênin ở xa. Nhóm Camê-nhép [Kamenev] ngóc đầu dậy. Nhiều kẻ, trong số đó có cả Xtalin [Staline], đơn giản đứng ngoài cuộc để rồi biểu lộ sự khôn ngoan của mình vào ngày hôm sau. Cánh bôn-sê-vích trong Ban Chấp hành Trung ương cảm thấy quá bơ vơ trong tòa lâu đài Tô-rít. Họ cử đoàn đại biểu đến đề nghị tôi nói chuyện về tình hình mới, mặc dù tôi vẫn chưa phải là thành viên của đảng; nghi lễ hợp nhất chính thức được hoãn đến Đại hội đảng sắp tổ chức. Cố nhiên tôi sẵn sàng làm việc này. Cuộc nói chuyện của tôi với nhóm bôn-sê-vích đặt ra các cơ sở của mối quan hệ tinh thần, chỉ có thể hình thành dưới những đòn ác liệt của kẻ thù. Tôi nói rằng sau cơn khủng hoảng hiện tại, chúng ta chờ đợi sự phục hưng nhanh chóng; rằng quân chúng sẽ gắn bó gấp đôi với chúng ta sau khi họ đã chứng kiến lòng trung thành của chúng ta với sự nghiệp; rằng trong những ngày này, phải theo dõi sát sao từng người cách mạng, bởi chỉ trong những giây phút tương tự, con người mới được đánh giá chính xác. Đến ngày nay, tôi vẫn vui mừng khi nhớ lại cảnh từ biệt nồng nhiệt và chân thành của phái

đoàn bôn-sê-vích.

— Lênin không có mặt ở đây — Muralốp [Mouralov] nói —, và giữa bao kẻ khác, Trótxki là người duy nhất tinh táo.

Nếu tôi viết những hồi tưởng này trong các điều kiện khác — mặc dù trong các điều kiện khác, chưa chắc tôi đã khởi sự viết chúng —, tôi sẽ cảm thấy khó xử khi kể lại nhiều điều tôi viết trong những trang này. Nhưng tôi không thể không nói tới sự xuyên tạc quá khứ mang tầm vóc lớn, vốn là một trong những mưu đồ chính của lũ người kẻ nghiệp hiện tại. Các bạn hữu của tôi đều bị tù đây. Tôi buộc phải nói về tôi những điều mà trong các tình huống khác, không bao giờ tôi nói. Đối với tôi, đây không chỉ là sự thật lịch sử mà còn là cuộc đấu tranh chính trị vẫn tiếp diễn.

Từ thời đó, bắt đầu chớm nở tình bạn chiến đấu và chính trị không gì lay chuyển nổi giữa tôi và Muralốp. Ít nhất tôi cũng phải nói vài lời về con người này. Muralốp là người bôn-sê-vích cực trào, anh tham gia từ đầu đến cuối cuộc cách mạng 1905 tại Mátxcova. Năm 1906 ở Xéc-pukhốp [Serpoukhov], anh rơi vào một vụ tàn sát người Do Thái của lũ "trăm đen", như thường lệ, được diễn ra dưới sự bảo vệ của cảnh binh. Muralốp là một đảng trưởng phụ tuyệt vời, lòng dũng cảm trong con người anh tranh đua với phẩm chất cao thượng đẹp đẽ. Cùng những người cánh tả khác, anh bị quân thù bủa vây trong văn phòng Hội đồng Tự quản Địa phương. Tay cầm súng lục, anh ra khỏi tòa nhà và tiến đến đám đông bằng những bước chân đều đặn. Bọn chúng tòa ra. Nhưng toán xung phong "trăm đen" chặn đường anh và những tên đánh xe liền cất lời la hét thóa mạ.

— Tránh ra! — người khổng lồ hạ lệnh, không hề dừng bước và giơ cao cánh tay cầm súng.

Nhiều kẻ nhảy bổ vào anh. Anh hạ thủ tại chỗ một tên và làm bị thương một tên khác. Đám đông sùng sốt lùi bước. Vẫn giữ nhịp điệu cũ, anh thẳng tiến và rẽ đôi đám đông như một con tàu phá băng. Muralốp ra khỏi đó và đi về Mátxcova.

Vụ án xét xử anh kéo dài hơn hai năm và kết thúc bằng bản án tha bổng, mặc dù phe phản động la ó om sòm.

Muralốp học ngành nông nghiệp, trong chiến tranh, anh tại ngũ trong một đại đội thuộc binh chủng xe hơi và là người chỉ đạo những trận chiến đấu tháng Mười ở Mátxcova. Sau thắng lợi, anh trở thành tư lệnh thứ nhất quân khu Mátxcova. Vị nguyên soái quả cảm trong chiến tranh cách mạng luôn luôn là người điềm đạm, giản dị, không làm điều làm bộ. Trong các chiến dịch, anh tuyên truyền không mệt mỏi bằng những việc làm của mình: góp ý kiến cho nhà nông, gặt lúa mì và chữa bệnh cho người, cho bò cái khi rỗi rãi. Giữa những hoàn cảnh khó khăn nhất, con người anh toát ra sự thanh thản, tự tin và tinh cảm âm áp.

Chiến tranh kết thúc, chúng tôi cố gắng cùng nhau nghỉ ngơi những khi rỗi rãi. Sở thích săn bắn cũng khiến chúng tôi thêm gắn bó. Chúng tôi đã cùng nhau đi khắp miền Bắc và miền Nam, khi thì săn gấu hoặc chó sói, khi thì đuổi theo đàn trĩ và sếu. Hiện nay, Muralốp đi săn ở Xibêri trên tư cách một người đối lập bị đày ải...

Trong những ngày tháng Bảy năm 1917, Muralốp không nao núng và bảo vệ tinh thần cho nhiều người. Thời ấy, tất cả chúng tôi rất cần tự chủ để đi qua các hành lang và các phòng trong điện Tôrit — mà không phải khom lưng, cúi đầu — giữa hàng rào những ánh mắt giận dữ, những tiếng nói thì thầm căm ghét, những khuỷu tay huých nhau thị uy ("nhìn kia, nhìn kia!") và những kẻ nghiêng răng không che giấu. Không ai khùng hơn "nhà cách mạng" dung tục — tự đắc và ngạo nghễ —, khi anh ta bắt đầu nhận ra cuộc cách mạng bất thành linh đưa anh lên cao, nay lại đe dọa sự phồn vinh tạm thời của anh. Trong những ngày ấy, phải qua chặng đường khổ ải mới đến được căng-tin của Ban Chấp hành.

Ở căng-tin, có thể mua nước chè với bánh mì đen và pho-mát, hoặc bánh mì kẹp trứng cá hạt to; ở điện Xmôn-nui — và sau này ở điện Kremli — có rất nhiều trứng cá. Bữa trưa có xúp bắp cải và một miếng thịt bò.

Một người lính tên là Goraphốp [Grafov] trông coi căng-tin của Ban Chấp hành. Vào lúc chúng tôi bị săn lùng đến cực điểm, khi Lênin bị tuyên bố là gián điệp Đức và phải ẩn náu trong một cái chòi, tôi nhận thấy bao giờ Goraphốp cũng đưa tôi cốc chè nóng bông nhất, loại bánh mì kẹp dày dặn nhất, nhưng anh không nhìn thẳng vào mặt tôi. Thật rõ ràng: Goraphốp có cảm tình với những người bôn-sê-vích, cố nhiên anh giấu điều đó trước cấp trên. Tôi bắt đầu để ý kỹ hơn. Không phải Goraphốp là người duy nhất. Để nhận thấy cả đội ngũ phục vụ trong điện Xmôn-nui — gác công, đưa thư, lính gác — đều hướng về những người bôn-sê-vích. Khi ấy, tôi tự nhủ: sự nghiệp của chúng ta đã thắng lợi một nửa. Nhưng mới chỉ một nửa.

Nhằm chống những người bôn-sê-vích, báo chí tiến hành một chiến dịch diên khùng và bắt lương chưa từng thấy, nó chỉ bị vượt qua bởi chiến dịch chống phe đối lập của Xtalin vài năm sau.

Vào tháng Bảy, Lunatrác-xki có vài lời tuyên bố mập mờ; không phải không có cơ sở khi báo chí

diễn giải chúng như sự từ bỏ những người bôn-sê-vích. Một vài tờ báo cũng gán cho tôi những lời tuyên bố tương tự. Ngày 10 tháng Bảy, tôi gửi thư đến Chính phủ Lâm thời trong đó tôi nhấn mạnh tinh đoàn kết toàn diện với Lênin. Tôi kết thúc lá thư bằng những lời lẽ sau:

Các ông không có chút căn cứ gì để loại trừ tôi khỏi hiệu lực của sắc lệnh bắt giữ Lênin, Dinôviép và Camênhép... Các ông không có lý do gì để ngờ tôi không phải là địch thủ triệt để của đường lối chính cương của Chính phủ Lâm thời, cũng như các đồng chí kể trên...

Các ngài bộ trưởng liền rút ra kết luận cần thiết từ bức thư: tôi bị bắt vì tội "làm gián điệp cho Đức".

Tháng Năm, khi Xêrêtelì truy bắt các thủy thủ và tước vũ khí những lính bắn súng máy, tôi đã tiên đoán với ông ta: có thể vào một ngày không xa, ông phải cầu cứu chính những thủy thủ ấy để chống lại một tên tướng đang chuẩn bị dây thừng treo cổ cách mạng. Tên tướng này xuất hiện vào tháng Tám: đó là Coócnilốp [Kornilov]. Xêrêtelì cầu cứu các thủy thủ Còrônstát. Những người này không từ chối ông ta. Chiến hạm Aurôra [Aurora] (Rạng đông) đi vào sông Nêva. Như thế, dự đoán của tôi đã nhanh chóng trở thành hiện thực, nhưng tôi buộc phải theo dõi nó từ nhà tù Corétxtur. Các thủy thủ cử một đoàn đại biểu đến chỗ tôi để thỉnh thị việc họ phải bảo vệ hay tấn công Cung điện Mùa đông? Tôi khuyên họ hãy hoãn việc thanh toán Kêrenxki và trước tiên, phải xử lý Coócnilốp.

— Cái gì đã trong tay chúng ta, nó không thể chạy được — tôi bảo họ.

— Hẳn sẽ không tâu thoát chứ?

— Không.

Vợ và các con tôi vào tù thăm tôi. Hồi đó, bọn trẻ đã có chút ít kinh nghiệm chính trị. Mùa hè, chúng ở cùng một gia đình quen biết: ông V., đại tá về hưu. Khách khứa đến đây đa phần là sĩ quan, vừa nhấp rượu vốt-ca, họ vừa chửi rủa những người bôn-sê-vích. Trong những ngày tháng Bảy, những lời thóa mạ hoàn toàn không bị kìm hãm. Trong số các sĩ quan, sau đó ít lâu nhiều người đi xuống miền Nam, nơi tập trung những lực lượng Bạch vệ sau này. Bên bàn ăn, một nhà "ái quốc" trẻ gọi Lênin và Trótxki là gián điệp Đức. Con trai đầu của tôi xách một chiếc ghế nhảy bổ vào hắn, thằng em chạy đến tiếp sức, lăm lăm cầm con dao ăn. Người lớn tách chúng ra. Lũ trẻ chui vào phòng và khóc nức nở. Hai đứa dự định sẽ bí mật đi bộ đến Pêtrôgôrát xem người ta làm gì với những người bôn-sê-vích. May sao, mẹ chúng đến kịp thời, an ủi và đưa chúng đi.

Nhưng ở thành phố, tình thế cũng chẳng khá khẩm hơn là bao. Báo chí chê bai những người bôn-sê-vích. Cha lũ trẻ đang ngồi tù. Rõ ràng, cách mạng chưa thực hiện được những hi vọng của bọn chúng. Nhưng tất cả mọi điều này không ngăn hai đứa bé thích thú khi chúng thấy vợ tôi chuyển lên cho tôi một con dao bỏ túi qua tấm lưới phòng nói chuyện. Tôi cố an ủi chúng rằng cuộc cách mạng đích thực vẫn đang ở phía trước chúng ta.

Các con gái tôi đã bước vào chính trường một cách nghiêm chỉnh hơn. Chúng hay đến dự những cuộc mít-tinh lớn ở rạp Xiéc Hiên đại và tham gia các cuộc biểu tình. Tháng Bảy, chúng rơi vào một vụ lộn xộn, suýt bị đám đông đâm bẹp. Một đứa mất kính, cả hai mắt mũi và chúng đều lo không gặp lại người cha vừa thoáng thấy ở đằng xa.

Trong thời gian Coócnilốp tấn công thủ đô, chế độ nhà tù như ngàn cân treo sợi tóc. Ai nấy đều hiểu nếu Coócnilốp đặt chân vào thành phố, việc đầu tiên của y là tàn sát những người bôn-sê-vích bị Kêrenxki bắt giam. Ngoài ra, Ban Chấp hành Trung ương còn lo những phần tử Bạch vệ tụ tập ở thủ đô sẽ đột chiếm nhà tù. Một đơn vị quân đội khá lớn được điều đến bảo vệ nhà tù Corétxtur; cố nhiên không phải là đơn vị "dân chủ" mà là đơn vị bôn-sê-vích và sẵn sàng giải cứu chúng tôi vào bất kỳ khoảng khắc nào. Tuy nhiên, biện pháp đó lẽ ra đã là dấu hiệu cho một cuộc khởi nghĩa tức thì, nhưng chưa chín muồi trong thời gian ấy. Giữa chừng, Chính phủ Lâm thời cũng dần dần phóng thích chúng tôi, với lý do như khi họ cầu cứu các thủy thủ bôn-sê-vích đến bảo vệ Cung điện Mùa đông.

Từ nhà tù Corétxtur, tôi đến thẳng Ủy ban Bảo vệ Cách mạng vừa thành lập trước đó ít lâu. Ở đây, tôi hội kiến với những vị từng bắt giam tôi vì tội "làm tay sai cho dòng họ Hôhendôlécơ [Hohenzollern]" và họ chưa có thì giờ để giải oan cho tôi. Phải thành thật thú nhận: chỉ sự hiện diện của lũ dân túy và men-sê-vích cũng gọi cho người ta ước muốn "giả Coócnilốp tóm cổ chúng, nhắc bồng chúng lên và đặt lộn đầu xuống đất". Nhưng nguyện vọng ấy chẳng những không từ bi mà nó còn không "chính trị" chút nào.

Những người bôn-sê-vích lao vào cuộc giao tranh tự vệ và ở đâu, họ cũng chiến đấu trên tuyến lửa. Kinh nghiệm thông qua cuộc bạo loạn của Coócnilốp bổ sung cho bài học tháng Bảy. Một lần nữa, có thể thấy rõ: không một thế lực tự chủ nào đứng sau Kêrenxki và đồng đảng. Đạo quân đứng lên chống lại Coócnilốp cũng chính là đạo quân tương lai của cách mạng tháng Mười. Chúng tôi tận dụng tình thế nguy

kịch để vũ trang cho những công nhân mà trước đó, Xêrêtelì từng kiên trì tước vũ khí của họ.

Thành phố trở nên yên lặng trong những ngày ấy. Người ta chờ đợi Coócnihilốp, người này hi vọng, kẻ khác khiếp đảm. Lũ con tôi ngày càng nghe nói:

— Có khi ngày mai hắn đã ở đây rồi.

Sáng dậy, chưa kịp mặc quần áo, chúng lao đến cửa sổ và căng mắt nhìn: hắn đã đến hay chưa? Nhưng Coócnihilốp không đến. Đà cách mạng trong quần chúng lớn đến mức cuộc bạo loạn của Coócnihilốp tự nóng cháy và bốc hơi. Nhưng không vô ích: nó hoàn toàn có lợi cho những người bôn-sê-vích.

Tôi viết trong những ngày xảy ra cuộc phiến loạn:

Hình phạt xứng đáng không chậm trễ. Bị săn lùng, xua đuổi, bị vu khống đến cùng cực, đảng của chúng ta chưa bao giờ lớn mạnh nhanh chóng như trong thời gian gần đây. Và không chút chậm trễ, quá trình ấy lan rộng từ các thủ đô đến nông thôn, từ thành phố đến làng mạc và quân đội... Trong ngọn lửa đàn áp, đảng của chúng ta — không ngừng là tổ chức của giai cấp vô sản, dù chỉ trong giây phút — đã trở thành người lãnh đạo thực sự của tất cả quần chúng bị áp bức, bần cùng, bị lừa gạt và truy hại...

Chúng tôi không thể theo kịp làn sóng dân chúng. Con số những người bôn-sê-vích trong Xô-viết Pêtorôgorát tăng từng giờ. Dần dà, chúng tôi chiếm một nửa sĩ số. Cùng lúc ấy, không một người bôn-sê-vích nào đại diện cho đảng trong Đoàn chủ tịch. Vấn đề đặt ra là phải bầu lại Đoàn chủ tịch. Chúng tôi đề nghị một Đoàn chủ tịch liên hợp với phe men-sê-vích và dân túy. Sau này chúng tôi mới biết Lênin không bằng lòng về chuyện này: ông ngại những khuyhnh hướng hòa hòa ẩn náu trong hậu trường.

Nhưng rốt cục cũng không nảy sinh thỏa hiệp nào. Mặc dù còn cùng chúng tôi chiến đấu chống Coócnihilốp trong thời gian gần đây, Xêrêtelì gạt bỏ ý kiến về một Đoàn chủ tịch liên hợp. Đó chính là điều chúng tôi mong muốn. Chỉ còn lại việc bầu cử theo danh sách.

Tôi đặt câu hỏi:

— Kêrenxki có nằm trong danh sách kẻ thù của chúng ta hay không?

Bởi lẽ, mặc dù là thành viên Đoàn chủ tịch về hình thức, nhưng không bao giờ Kêrenxki đặt chân đến Xô-viết và ông ta dùng mọi hình thức để chứng tỏ ông ta không coi Xô-viết ra gì. Câu hỏi làm Đoàn chủ tịch bất ngờ. Họ không ưa và không kính trọng Kêrenxki, nhưng không thể bêu xấu ngài thủ tướng mà người ta vẫn tính đến trong số các thành viên Đoàn chủ tịch.

Các thành viên Đoàn chủ tịch thì thầm một lúc rồi đáp:

— Cố nhiên có ông ta trong số đó...

Đó là điều chúng tôi chờ đợi. Hãy coi một đoạn trong biên bản:

Chúng tôi tin chắc rằng Kêrenxki không còn là thành viên của Xô-viết. (Vỗ tay nhiệt liệt.) Thì ra chúng ta nhầm. Cái bóng Kêrenxki vẫn lớn vồn giữa Trokhêitdê và Davadiê [Zavadié]. Khi người ta đề nghị các anh hãy thông qua đường lối chính trị của Đoàn chủ tịch, các anh đừng quên như thế là người ta đề nghị chúng ta hãy thông qua đường lối chính trị của Kêrenxki. Đừng quên điều này! (Vỗ tay nhiệt liệt.)

Lời phát biểu này kéo thêm về phía chúng tôi một hai trăm đại biểu mới, hiện đang còn do dự. Xô-viết có hơn một ngàn thành viên. Bầu không khí hồi hộp cực điểm bao trùm căn phòng. Không còn là chuyện ban lãnh đạo, vấn đề là cuộc cách mạng. Sau khi bỏ phiếu, tôi đi đi lại lại ở hành lang với một nhóm bạn bè. Chúng tôi tính sẽ được kém phân nửa chừng một trăm phiếu và sẵn sàng coi đây là thành công. Hóa ra chúng tôi hơn liên minh những người xã hội cách mạng và men-sê-vích trên một trăm phiếu. Chúng tôi đã thắng trong cuộc chiến đấu. Tôi trở thành chủ tịch Xô-viết. Để từ biệt, Xêrêtelì chúc chúng tôi ở lại trong Xô-viết, ít nhất cũng được nửa thời gian của họ khi họ lãnh đạo cách mạng. Nói cách khác, địch thủ của chúng tôi chỉ cho chúng tôi mượn nhiều nhất là ba tháng để thử thách. Họ đã sai lầm một cách hồ thẹn. Chúng tôi tự tin tiến đến nắm giữ chính quyền.

CHƯƠNG XXVII

ĐÊM QUYẾT ĐỊNH

Giờ thứ mười hai của cách mạng đến gần. Điện Xmôn-nui biến thành một pháo đài. Trên nóc có gần hai tá súng máy, gia sản của Ban Chấp hành cũ. Chỉ huy điện Xmôn-nui, đại úy Gorécốp [Grékov] là kẻ thù quen thuộc của chúng tôi. Ngược lại, trưởng phân đội súng máy đến chỗ tôi nói: lính của anh ta đứng về phe bôn-sê-vích. Tôi cử một người — có lẽ chính là Máckin? — đi kiểm tra các súng máy. Thì ra chúng ở trong tình trạng tồi tệ, không ai lo lau chùi. Những người lính sao nhãng công việc vì họ không có ý bảo vệ Kêrenxki. Tôi điều động một đơn vị súng máy tinh nhuệ và đáng tin cậy đến điện Xmôn-nui.

Ngày 24 tháng Mười, một buổi sáng tinh mơ xám xịt. Tôi đi từ tầng này qua tầng khác, phân đề không phải ngồi yên một chỗ, phân đề xem mọi việc có đâu vào đấy không và động viên những ai cần nâng đỡ. Trên sàn lát đá của những hành lang dài vô tận và tranh tối tranh sáng trong điện Xmôn-nui, lính tráng sôi nổi lẫn ầm ầm những khẩu súng máy. Họ thuộc phân đội mới do tôi điều đến. Những khuôn mặt ngây ngô và hoảng hốt của vài người xã hội cách mạng và men-sê-vích còn sót lại trong Xmôn-nui lấp ló ở các cửa phòng. Bản nhạc này chẳng báo hiệu điều gì hay ho cho họ. Lần lượt, họ vội vã rút khỏi điện Xmôn-nui. Chúng tôi trở thành những chủ nhân toàn quyền của tòa nhà, đang chuẩn bị ngẩng cao cái đầu bôn-sê-vích lên khỏi thành phố và đất nước.

Tờ mờ sáng, tôi gặp một nam và một nữ công nhân ở cầu thang, họ chạy hớt hải đến ngạt thở từ nhà in của đảng. Chính phủ cho đóng cửa cơ quan trung ương của đảng và tờ báo của Xô-viết Pêtorôgorát. Những nhân viên chính phủ đi kèm các học sinh võ bị đã đến niêm phong nhà in. Nghe tin này, thoát tiên tôi nghĩ trong đầu: một chỉ thị mang tính hình thức chẳng lẽ có sức mạnh đến như thế trên những bộ óc?

— Thế có thể xé bỏ băng niêm phong của nhà chức trách được không? — cô công nhân hỏi.

— Bút tắt cả đi — tôi đáp —, và để các đồng chí khỏi gặp rắc rối, chúng tôi sẽ cử một đội cảnh vệ tin cậy đến đó.

— Có một tiểu đoàn công binh ở đó, binh lính sẽ đứng về phía chúng tôi — cô công nhân nói một cách tin tưởng.

Ủy ban Quân sự Cách mạng lập tức ra một quyết định:

1. Mở lại các nhà in báo chí cách mạng,
2. Mời các ban biên tập và thợ sắp chữ tiếp tục công việc,
3. Nhiệm vụ vinh dự bảo vệ các nhà in cách mạng, chống lại những âm mưu phá hoại phản cách mạng, được giao cho các chiến sĩ về vang của Trung đoàn Litva và Tiểu đoàn Công binh dự bị số VI.

Sau đó, các nhà in hoạt động không ngừng và cả hai tờ báo lại ra liên tục.

Ngày 24 tháng Mười, những phiền phức xuất hiện tại các trạm điện thoại: lũ sinh viên võ bị tràn vào và dưới sự che chở của họ, các nữ điện tín viên tuyên bố chống lại Xô-viết. Họ không cho chúng tôi liên lạc với bất kỳ ai. Đây là biểu hiện phá hoại đầu tiên, còn chưa đáng kể. Ủy ban Quân sự Cách mạng cử một đội thủy thủ đến trung tâm điện thoại, họ đặt trước cửa ra vào hai khẩu đại bác cỡ nhỏ. Điện thoại hoạt động trở lại. Việc chiếm những vị trí quan trọng đặc biệt bắt đầu như thế.

Ủy ban Quân sự Cách mạng họp bàn liên tục trong một phòng nhỏ ở góc tầng hai của điện Xmôn-nui. Đây là nơi tập trung mọi thông tin về di chuyển của quân đội, về tinh thần của binh lính và công nhân, về công tác tuyên truyền trong các trại lính, về kế hoạch của những kẻ mưu toan tàn sát dân lành, về mưu đồ của bọn chính khách tư sản và sứ quán ngoại quốc, về đời sống trong Cung điện Mùa đông, về những cuộc họp hành của các đảng phái Xô-viết cũ. Tin tức được đưa đến từ mọi phía. Những công nhân, binh lính, sĩ quan, trẻ quét sân, học sinh võ bị xã hội, người giúp việc, vợ con các tiểu viên chức kéo đến Điện. Nhiều kẻ huyền thuyên những chuyện tào lao vớ vẩn, nhưng số khác cung cấp nhiều chi dẫn nghiêm túc và quý giá. Trong tuần cuối, hầu như tôi không nhúc nhích khỏi điện Xmôn-nui. Tôi ngủ đêm chút ít trên chiếc đi-văng bọc da, để nguyên áo quần; giữa chừng luôn bị các liên lạc viên, trinh sát, lái xe, những người đưa thư bằng xe đạp, điện tín viên đánh thức, chuông điện thoại kêu liên tục. Giây phút quyết định đến gần. Rõ ràng là không còn đường quay lại.

Đêm 24, các thành viên Ủy ban Quân sự Cách mạng phân tán về các khu phố. Tôi còn lại một mình. Lát sau, Camênhép đến, anh phản đối cuộc khởi nghĩa nhưng quyết định cùng tôi thức cái đêm quyết định này. Hai chúng tôi ở lại trong căn phòng nhỏ ở góc tầng hai, nó như phòng thuyền trưởng trên con tàu trong màn đêm quyết định của cách mạng. Máy điện thoại đặt trong căn phòng lớn trống rỗng bên cạnh. Chuông kêu liên hồi, người ta thông báo những tin quan trọng hoặc vô nghĩa. Bầu không khí yên lặng căng thẳng, càng nổi bật giữa hai lần chuông điện thoại réo. Để tưởng tượng ra thành phố Pêtorôgorát vào đêm, hoang vắng dưới ánh đèn yếu ớt và những làn gió thu cát da cát thịt từ biển thổi vào. Lũ tư sản và viên chức

co quắp trên giường, cố đoán điều gì đang xảy ra trong các đường phố bí ẩn và nguy hiểm. Khu phố công nhân ngủ giấc ngủ căng thẳng, cảnh giác của các dinh trại đóng ngoài trời. Các phiên họp ủy ban và các hội nghị của những đảng phái trong chính phủ giãy giụa bất lực trong các lâu đài Nga hoàng, tại đó những bóng ma sống của nền dân chủ vấp phải những bóng ma chưa mờ tan của thể chế quân chủ. Thịnh thoàng, những bức màn lụa và những mảng mạ vàng của các căn phòng chìm trong bóng tối vì thiếu than đốt. Tại các quận và khu phố, các đội công nhân, thủy thủ và binh lính thao thức không ngủ. Những thanh niên vô sản giữ trật tự với khẩu súng máy và băng đạn quàng vai. Các đội tuần tra đốt lửa sưởi ấm trên đường phố lộng gió. Bên cạnh hai chục máy điện thoại, tiêu biểu cho đời sống tinh thần của thủ đô đang ngừng đầu, trong màn đêm mùa thu, tìm lối đi cho thời đại kế tiếp.

Trong căn phòng tầng hai, tin tức đổ dồn từ tất cả các khu, các quận ngoại ô thành phố, từ những con đường dẫn đến thành phố. Dường như chúng tôi đã dự tính trước mọi việc. Các lãnh tụ ở vị trí của họ, mỗi liên lạc được duy trì, tôi tin rằng không điều gì bị bỏ quên. Hãy soát lại một lần nữa trong óc! Đây là đêm quyết định. Trước đó ít lâu, hoàn toàn tin tưởng, tôi nói với các đại biểu Đại hội lần thứ II của Xô-viết:

Nếu các đồng chí không nao núng, sẽ không có nội chiến, kẻ thù chúng ta sẽ lập tức hạ vũ khí và các đồng chí sẽ chiếm lĩnh vị trí xứng đáng của các đồng chí.

Không thể nghi ngờ về chiến thắng. Nó đã được chuẩn bị (trong chừng mực người ta có thể chuẩn bị được thắng lợi của một cuộc khởi nghĩa). Tuy vậy, đây vẫn là những giờ phút đầy lo âu và căng thẳng, vì đêm nay là đêm quyết định.

Chính phủ huy động bọn học sinh vô bị. Tối hôm trước, chiến hạm Aurôra nhận lệnh rời sông Nêva. Lần này, vẫn là những thủy thủ bôn-sê-vích mà vào tháng Tám, Xcôbêlêp từng ngã mũ cầu xin họ đến bảo vệ Cung điện Mùa đông, chống lại quân Coócnilôp. Các thủy thủ đến Ủy ban Quân sự Cách mạng thỉnh thị: phải làm gì bây giờ? Và Aurôra đêm nay vẫn đứng ở vị trí hôm qua. Người ta gọi điện cho tôi từ Páplop-xơ [Pavlovsk] và báo tin chính phủ điều động pháo binh từ đó về. Chính phủ còn cho gọi một tiểu đoàn tiên phong từ Xác-xcô-iê Xêlô [Tsarskoiê Sélo] (Làng Nga hoàng) và các học viên trường Quân bị từ Pê-tê-cô-hốp. Kê-rê-n-xki tập trung lũ học sinh vô bị, sĩ quan và các đơn vị xung kích nữ về Cung điện Mùa đông. Tôi ra lệnh cho các chính ủy đặt những đội phòng vệ tin cậy trên đường về Pê-tô-rô-gô-rát và cử người đi tuyên truyền ở các đạo quân do chính phủ triệu tập. Mọi cuộc nói chuyện đều diễn ra qua điện thoại, thành thử các nhân viên chính phủ có thể chộp được từng lời. Nhưng thử hỏi họ còn đủ sức để kiểm soát những cuộc trao đổi của chúng tôi không? "Nếu các đồng chí không thể dùng lời lẽ để cầm chân họ, hãy để khí giới lên tiếng. Các đồng chí phải chịu trách nhiệm!" — tôi nhắc lại câu nói ấy nhiều lần. Nhưng bản thân tôi cũng không hoàn toàn tin vào sức mạnh của mệnh lệnh ấy. Cách mạng còn rất cả tin, độ lượng, lạc quan và nhẹ dạ. Nó dọa dùng vũ khí nhiều hơn là sử dụng thực sự. Bao giờ nó cũng tin tưởng rằng có thể giải quyết mọi việc thông qua điều đình. Và đến giờ, cách mạng thành công bằng cách đó. Nhiều toán quân thù địch đã bị tiêu tán dưới hơi thở nóng bỏng của cách mạng. Kể từ ngày 24 tháng Mười, các đơn vị chúng tôi nhận được lệnh phải sử dụng ngay khí giới trước những dấu hiệu đầu tiên của mưu toan khủng bố, tàn sát ngoài đường phố và phải hành động không khoan nhượng. Nhưng kẻ thù hoàn toàn không nghĩ đến chuyện hoạt động ngoài đường phố. Họ ân náu. Phổ xá thuộc về chúng tôi. Các chính ủy của chúng tôi thao thức dọc mọi con đường dẫn về Pê-tô-rô-gô-rát. Trường Quân chính và Pháo binh không đáp lại lời cầu cứu của chính phủ. Chỉ có một bộ phận sinh viên vô bị ở Ô-ran-iên-baum [Oranienbaum] vượt phòng tuyến cuối của chúng tôi vào ban đêm và tôi theo dõi mọi cử động tiếp theo của chúng qua những thông tin trong điện thoại. Cuối cùng, chúng phải cử người đến thương thuyết ở điện X-môn-nui. Chính phủ Lâm thời không mò đầu ra chỗ dựa. Mặt đất ngày càng sụt lở dưới chân họ.

Đội bảo vệ mặt ngoài của điện X-môn-nui được tăng cường bằng một phân đội súng máy mới. Chúng tôi duy trì mối liên lạc liên tục với mọi đơn vị bảo vệ địa phương. Ở mọi trung đoàn đều có những chi đội trực chiến vững vàng. Các chính ủy đều ở vị trí của họ. Mỗi đơn vị đều có một đại biểu — dưới sự điều động của Ủy ban Quân sự Cách mạng — ở điện X-môn-nui, phòng khi liên lạc với một chi đội nào đó bị đứt đoạn. Từ các quận, những phân đội vũ trang tiến ra phố phường, bấm chuông mọi cánh cửa hoặc lần lượt đột nhập vào các công sở. Hầu như đi đến đâu, các phân đội ấy đều gặp những bạn bè đang nôn nóng chờ đợi họ. Tại các nhà ga, những chính ủy đặc trách theo dõi sát sao các tàu hỏa đến và đi, đặc biệt để ý những tàu chở binh lính. Không có lý do để lo ngại. Hầu như không gặp kháng cự, không phải chiến đấu và không có tử vong, những cử điếm quan trọng nhất của thành phố chuyển qua tay chúng tôi. Mọi người báo cáo qua điện thoại: "Chúng tôi đã đến đây rồi."

Mọi việc tiến triển tốt đẹp. Không thể hơn được thế. Tôi có thể rời máy điện thoại một thời gian. Tôi ngồi xuống ghế đi-văng. Thần kinh bớt căng thẳng đôi chút, thành thử sau đó làn sóng mệt mỏi làm tôi đỡ hẳn. "Cho tôi một liều thuốc!" — tôi nói với Camê-nêp; thời ấy tôi còn hút thuốc, dù không thường

xuyên. Tôi hít hai hơi và chỉ mới kịp thì thầm: "xem ra chưa đủ", thì đã ngất đi. Cái tật dễ ngất khi bị đau đớn thể xác hoặc mệt mỏi, tôi thừa hưởng từ mẹ. Dựa trên triệu chứng này, một bác sĩ người Mỹ kết luận tôi mắc chứng động kinh. Khi tỉnh lại, tôi thấy khuôn mặt sợ hãi của Camênhép đang cúi xuống tôi.

— Có lẽ tôi phải đi tìm một thứ thuốc? — anh hỏi.

— Đồng chí nên đi kiếm chút đồ ăn gì đó thì tốt hơn nhiều — tôi đáp sau một chút suy nghĩ.

Tôi cố nặn óc xem mình ăn lần cuối khi nào, nhưng không ra. Chắc hẳn không phải hôm qua.

Sáng dậy, tôi lao vào đọc báo chí tư sản và thỏa hiệp. Không có một dòng nào về cuộc nổi dậy đã bắt đầu. Các báo chí viết quá nhiều và quá say sưa về cuộc tấn công sắp tới của bộ đội vũ trang, về sự tàn phá, về biển máu không tránh khỏi, về đảo chính, đơn thuần họ không nhận ra cuộc khởi nghĩa đã thực sự nổ ra. Báo chí coi những cuộc đàm phán của chúng tôi với Bộ Tổng tham mưu là tiền mặt và đánh giá những lời tuyên bố ngoại giao của chúng tôi là sự do dự. Cùng lúc ấy, không gây xáo trộn, không đụng độ trên đường phố, thực chất không đổ máu và không hề tổn một phát súng, các đơn vị quân đội, thủy thủ và Xích vệ lần lượt chiếm các công sở theo lệnh của Học viện X-môn-nui.

Bọn tiểu tư sản kinh hoàng dụi mắt đứng trước một trật tự mới vừa ra đời. Chẳng lẽ những người bôn-sê-vích đã dành được chính quyền? Đoàn đại biểu Đuma Thành phố đến tìm tôi và đặt vài câu hỏi khó bắt chước nổi: chúng tôi có dự định hành động vũ trang không, nếu có, khi nào và như thế nào? Đuma Thành phố cần biết điều đó "ít nhất là trước hai mươi bốn giờ". Xô-viết đã có những phương sách gì để bảo đảm trật tự và an ninh? v.v... và v.v... Để trả lời, tôi đưa ra cách diễn giải biện chứng về cách mạng và mời Đuma Thành phố cử một đại biểu tham gia công việc của Ủy ban Quân sự Cách mạng. Điều đó còn làm họ hoảng sợ hơn bản thân cuộc chính biến. Như thường lệ, tôi kết thúc cuộc nói chuyện trong tinh thần tự vệ vũ trang: "Nếu chính phủ dùng đến sắt, chúng tôi sẽ đáp lại bằng thép".

Câu hỏi tiếp theo được đặt ra như sau:

— Liệu các ông có giải tán chúng tôi vì chúng tôi chống lại việc chuyển chính quyền sang tay các Xô-viết?

Tôi đáp:

— Viện Đuma hiện nay đại diện cho lập trường của ngày hôm qua. Nếu xung đột xảy ra trong vấn đề quyền lực, chúng tôi sẽ đề nghị nhân dân bầu lại một Đuma Thành phố mới.

Đoàn đại biểu ra về cũng trắng tay như khi họ đến. Nhưng họ đã để lại cho chúng tôi cảm giác vững chắc về thắng lợi. Nhiều sự việc đã thay đổi trong đêm qua. Ba tuần trước, chúng tôi mới chiếm được đa số trong Xô-viết Pêtorôgorát. Lúc đó, hầu như chúng tôi mới chỉ có ngọn cờ, chứ chưa hề có nhà in, ngân quỹ, trụ sở. Ngay cả đến đêm hôm trước, Chính phủ Lâm thời còn hạ lệnh bắt giữ toàn bộ Ủy ban Quân sự Cách mạng và lập danh sách địa chỉ của chúng tôi. Vậy mà giờ đây, đoàn đại biểu Đuma Thành phố lại đến trình diện Ủy ban Quân sự Cách mạng đang "trong tình trạng bị bắt giữ" để hỏi han về số phận của chính nó.

Chính phủ vẫn tiếp tục hội họp trong Cung điện Mùa đông, nhưng chỉ còn là cái bóng của chính mình. Về mặt chính trị, chính phủ đã không tồn tại. Ngày 25 tháng Mười, quân đội chúng tôi bao vây Cung điện Mùa đông từ mọi phía. Một giờ trưa, tôi báo cáo tình hình với Xô-viết Pêtorôgorát. Một bài báo thuật lại những lời nói của tôi như sau:

Nhân danh Ủy ban Quân sự Cách mạng, tôi tuyên bố Chính phủ Lâm thời không còn nữa. (*Vỗ tay.*) Một số bộ trưởng đã bị bắt. ("*Hoan hô!*") Đám còn lại sẽ bị bắt trong vài ngày hoặc vài giờ gần nhất. (*Vỗ tay.*) Dưới quyền Ủy ban Quân sự Cách mạng, quân đội cách mạng địa phương đã giải tán cuộc họp của Tiền Quốc hội. (*Vỗ tay náo nhiệt.*) Chúng tôi đứng vững suốt đêm và kiểm soát bằng điện thoại trong khi các đơn vị binh sĩ cách mạng và công nhân tự vệ đã lặng lẽ thực hiện nhiệm vụ của mình. Người dân ngủ yên và không biết trong thời gian ấy, một chính quyền đã được thay thế bằng một chính quyền khác. Chúng tôi đã chiếm giữ các nhà ga, bưu điện, trạm điện tín, Thông tấn xã Pêtorôgorát, Ngân hàng Nhà nước. (*Vỗ tay náo nhiệt.*) Cung điện Mùa đông chưa bị chiếm giữ, nhưng số phận nó sẽ được định đoạt trong những phút giây gần nhất. (*Vỗ tay.*)

Bài tường thuật sơ lược này có thể đưa ra hình ảnh sai lầm về tinh thần hội nghị. Sau đây là điều tôi còn nhớ được. Khi tôi thông báo việc chuyển đổi chính quyền đã xảy ra trong đêm, trong vài giây, bầu không khí yên lặng căng thẳng bao trùm căn phòng. Rồi những tràng pháo tay vang lên, nhưng không náo nhiệt mà có suy nghĩ. Cừ tọa trầm tư suy ngẫm về các sự kiện và chờ đợi. Chuẩn bị cho cuộc chiến đấu, giai cấp công nhân chìm vào nỗi hào hứng không tả được. Nhưng khi chúng tôi bước qua ngưỡng cửa

quyền lực, niềm phấn khởi thiếu suy nghĩ nhường chỗ cho những suy tư lo lắng. Bản năng lịch sử đứng đắn được thể hiện trong chuyện này. Bởi lẽ sự phản kháng vô cùng bền bỉ của thế giới cũ, cuộc chiến, cái đói, cái rét, sự phá hoại, đổ máu và chết chóc — tất cả những điều này vẫn có thể ở trước chúng ta. "Chúng ta có thể chống cự nổi không?" — nhiều người tự hỏi. Chính đây là lý do của sự suy nghĩ lo âu nhất thời. Ai nấy đều trả lời: "Có thể chống cự được!" Những hiểm nguy chỉ mới lấp ló trong viễn cảnh xa xôi. Trong hiện tại, mọi người đều cảm thấy một thắng lợi lớn và cảm giác ấy ca khúc khải hoàn trong huyết quản họ. Điều này thể hiện trong cuộc tiếp đón Lênin nồng nhiệt; lần đầu tiên sau gần bốn tháng ăn náu, ông xuất hiện trước công chúng trong phiên họp này,

Đêm đã khuya. Đợi giờ khai mạc Đại hội các Xô-viết, chúng tôi cùng Lênin nghỉ ngơi trong một căn phòng trống bên cạnh hội trường, ở đó chỉ có những chiếc ghế. Ai đó trải chăn lên sàn nhà, một người khác — tôi nhớ hình như là em gái Lênin — đi kiểm gối cho chúng tôi. Chúng tôi nằm cạnh nhau, thể xác và tinh thần dần dần lấy lại sức như chiếc lò xo bị kéo quá căng. Chúng tôi xứng đáng được nghỉ ngơi. Không ngủ được, chúng tôi khẽ nói chuyện. Chỉ đến bây giờ, Lênin mới hoàn toàn bằng lòng việc trì hoãn cuộc khởi nghĩa. Những lo âu của ông đã tan biến. Trong giọng nói của ông có những sắc thái thân mật hiếm có. Ông gạn hỏi tôi về những đội tuần tiểu hỗn hợp gồm Xích vệ, thủy thủ và binh lính.

— Cảnh tượng mới đẹp làm sao: công nhân vũ trang sườn ăm bên đồng lúa cùng binh lính! — ông nhắc đi nhắc lại với âm hưởng sâu sắc. — Cuối cùng chúng ta cũng đã đưa binh sĩ lại gần thợ thuyền!

Rồi đột nhiên ông nói tiếp:

— Thế còn Cung điện mùa Đông? Vẫn chưa chiếm được à? Chớ để điều gì dừng lại giữa chừng!

Tôi thưa quạu, định gọi điện hỏi về tình hình chiến sự, nhưng Lênin cản tôi:

— Đồng chí cứ nằm xuống, tôi sẽ nhờ người khác.

Nhưng chúng tôi không nghỉ ngơi được lâu. Ở phòng bên, Đại hội các Xô-viết khai mạc. Ulianôva [Ulianova], em gái Lênin chạy đến tìm tôi:

— Đan diễn thuyết, người ta gọi đồng chí.

Bằng giọng nói ngắt quãng, Đan chê bai những người mưu phản và tiên đoán thất bại không tránh khỏi của cuộc khởi nghĩa. Ông ta đòi chúng tôi phải liên hợp với phe xã hội cách mạng và men-sê-vích. Các đảng phái hôm qua còn nắm chính quyền, xua đuổi và bỏ tù chúng tôi, nay lại đề nghị chúng tôi thỏa hiệp, khi đã bị chúng tôi lật đổ. Tôi trả lời Đan và thông qua ông ta, ngày hôm trước của cách mạng:

— Sự kiện đã xảy ra là một cuộc khởi nghĩa chứ không phải âm mưu bạo phản. Một cuộc khởi nghĩa của quần chúng nhân dân không cần phải minh chứng. Chúng tôi đã không ngừng tôi luyện nghị lực cách mạng của công nhân và binh lính. Chúng tôi đã công khai rèn dũa ý chí của quần chúng cho cuộc khởi nghĩa. Cuộc nổi dậy của chúng tôi đã toàn thắng. Và bây giờ các anh đề nghị chúng tôi từ bỏ thắng lợi và ký những thỏa thuận. Ký với ai chứ? Các anh chỉ là những cá nhân thâm hại, những kẻ phá sản, vai trò các anh đã chấm dứt, hãy về chỗ từ nay của các anh: trong sọt rác của lịch sử.

Đó là lời đáp lại cuối cùng trong cuộc đối thoại không lồ, bắt đầu ngày 3 tháng Tư, vào ngày và vào giờ phút Lênin trở về Pêtorôgorát.

CHƯƠNG XXVIII

CHỦ NGHĨA TRỐT-KÍT NĂM 1917

Kể từ năm 1904 trở đi, tôi không thuộc bất kỳ khuynh hướng nào trong đảng Xã hội Dân chủ ở Nga. Chen vai sát cánh với những người bôn-sê-vích, tôi tham gia cuộc cách mạng 1905-1907. Trong những năm thoái trào, tôi bảo vệ các phương pháp cách mạng — chống lại phe men-sê-vích — trên báo chí mác-xít quốc tế. Tuy nhiên, tôi không bỏ hi vọng những người men-sê-vích sẽ hướng về phía tả và tôi ràng làm nhiều thử nghiệm hợp nhất. Chỉ trong chiến tranh, tôi mới hiểu ra những cố gắng ấy là vô vọng. Đầu tháng Ba, tại Niu Oóc, tôi viết một loạt bài về những lực lượng giai cấp và những triển vọng của cách mạng Nga. Cùng thời gian này, Lênin gửi các *Lá thư phương xa* của ông từ Gionevơ [Genève] về Pêtorôgorát. Viết ở hai bên bờ đại dương, những bài viết ấy của chúng tôi chứa đựng sự phân tích và dự đoán giống nhau. Tất cả cách đặt vấn đề — về thái độ đối với giai cấp nông dân, tư sản, về Chính phủ Lâm thời, về chiến tranh và cách mạng thế giới — đều hoàn toàn đồng nhất. Tại đây, quan hệ giữa "chủ nghĩa trốt-kít" và chủ nghĩa lê-nin-nít được kiểm nghiệm trên viên đá mài của lịch sử. Thử nghiệm ấy diễn ra giữa những hoàn cảnh "tinh

kiết". Tôi không hề biết cách đặt vấn đề của Lênin. Tôi xuất phát từ những tiền đề và kinh nghiệm cách mạng của bản thân và tôi cũng phác họa ra viễn cảnh và đường lối như Lênin.

Nhưng có thể vào thời ấy, vấn đề đã rõ ràng đối với mọi người và giải pháp cần thiết cũng đã phổ biến, ít nhất ở tâm như thế? Không, trái lại! Cách đặt vấn đề của Lênin trong giai đoạn đó — cho đến ngày 4 tháng Tư năm 1917, tức là đến khi ông chưa xuất hiện trên vũ đài Pêtorôgorát — là một ý kiến riêng mang tính cá nhân. Không ai trong số lãnh tụ đảng ở Nga lúc đó — không một ai! — có ý đặt ra mục tiêu chuyên chính vô sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa, dù chỉ trong tâm tưởng. Hội nghị của đảng họp trước khi Lênin về nước — có vài chục người bên-sê-vích tham dự — cho thấy không ai trong số họ vượt quá những yêu sách dân chủ. Không ngẫu nhiên mà các biên bản của hội nghị bị giấu kín đến ngày nay. Xtalin đồng ý ủng hộ thứ Chính phủ Lâm thời của Gutrocốp [Goutchkov]-Miliucốp và tiến tới sự hợp nhất những người bên-sê-vích với những người men-sê-vích. Rucốp [Rykov], Camênhép, Mólôtốp [Molotov], Tômxki [Tomsky], Calinhin [Kalinine] và mọi lãnh tụ (hay gần lãnh tụ) khác hiện nay cũng có thái độ như thế (hoặc còn cơ hội hơn). Trong cách mạng tháng Hai, Iarôxlápki [Iaroslavsky], Oócgiônikitđê [Ordjonikidzé] và Pêtorôpxki [Petrovsky], chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Ucoraina, còn ân hành cùng những người men-sê-vích tờ báo *Socialdemokrat* (Người xã hội dân chủ) ở Iacútxcơ [Iakoutska], trong đó họ trình bày những tư tưởng cơ hội thiên cận tâm thường nhất. Nếu hiện nay người ta đăng tải lại những bài báo trong *Socialdemokrat* do Iarôxlápki làm chủ nhiệm thì điều này tương đương với việc giết chết họ về mặt tư tưởng, nếu tồn tại cái chết tư tưởng đối với họ.

Đội cận vệ hiện nay của "chủ nghĩa lê-nin-nít" là như thế đó. Trong nhiều giai đoạn của cuộc đời họ, tôi biết những con người ấy lặp lại như vệt lờ lẽ của Lênin và bắt chước điệu bộ của Lênin. Nhưng đầu năm 1917, không ai hướng dẫn họ. Tình thế lúc ấy phức tạp. Đây là lúc họ cần chứng tỏ đã học được gì trong trường phái của Lênin và họ có khả năng đến đâu khi Lênin vắng mặt. Hãy thử chỉ tên một người trong số họ — dù chỉ một người thôi! —, một người tự mình rút ra quan điểm mà Lênin (ở Giơnevơ) và bản thân tôi (ở Niu Oóc) đã trình bày một cách đồng nhất. Họ sẽ chẳng tìm ra được ai. Tờ *Prápđa* ở Pêtorôgorát, do Xtalin và Camênhép làm chủ nhiệm trước khi Lênin về nước, vĩnh viễn là thứ văn kiện của tinh thần thiên cận, mù quáng và cơ hội. Mặc dù giữa chúng, quần chúng đảng viên cũng như toàn bộ giai cấp công nhân đều tự phát hướng về cuộc đấu tranh giành chính quyền. Tóm lại, không có con đường nào khác cho đảng và cho đất nước.

Trong những năm thoái trào, để bảo vệ các triển vọng của cách mạng thường trực, cần phải có sự tiên đoán về mặt lý luận. Tháng Ba 1917, để tuyên truyền khẩu hiệu đấu tranh giành chính quyền, có lẽ chỉ cần giác quan chính trị. Trong số các lãnh tụ hiện tại, vào tháng Ba 1917, không ai — không một ai! — có khả năng tiên đoán và có giác quan chính trị. Không ai trong số họ vượt quá lập trường dân chủ tiểu tư sản cánh tả. Không ai trong số họ vượt qua được thử thách lịch sử.

Tôi về Pêtorôgorát sau Lênin một tháng. Lôi Gioóc cầm giữ tôi ở Canada đúng ngần ấy thời gian. Tôi thấy tình hình trong đảng bên-sê-vích đã thay đổi khá nhiều. Lênin dựa vào đông đảo quần chúng đảng viên để chống lại các lãnh tụ vụng về. Ông tiến hành cuộc đấu tranh có hệ thống "chống những nhà bên-sê-vích cự trào" — như bản thân ông đã viết trong những ngày ấy —, đã hơn một lần đóng vai trò buồn thảm trong lịch sử đảng ta, chỉ lặp đi lặp lại một công thức được học thuộc lòng một cách vô nghĩa thay vì nghiên cứu những đặc điểm của thực tế mới mẻ và sống động.

Camênhép và Rucốp cố phản kháng lại Lênin. Xtalin im lặng, đứng tách riêng. Trong giai đoạn này, Xtalin không hề viết một bài báo nào trong đó ông ta thử đánh giá đường lối của mình ngày hôm qua và tự mở ra con đường theo lập trường lê-nin-nít. Đơn giản ông ta giữ thái độ im lặng. Xtalin đã quá làm tổn hại đến thanh danh bản thân trong tháng đầu của cách mạng. Ông ta thấy rút vào bóng tối là hay hơn cả. Không ở đâu ông ta lên tiếng bảo vệ quan điểm lê-nin-nít. Ông lẩn tránh và chờ đợi. Trong những ngày tháng đầy trách nhiệm của giai đoạn chuẩn bị lý luận và chính trị cho cuộc chính biến, đơn thuần Xtalin không tồn tại về mặt chính trị.

Khi tôi về nước, những người bên-sê-vích và men-sê-vích còn cùng nhau hoạt động trong nhiều tổ chức xã hội dân chủ. Đó là hệ quả tự nhiên của thứ lập trường được đại diện bởi Xtalin, Camênhép và những người khác, không chỉ vào thời kỳ đầu cuộc cách mạng mà cả trong thời kỳ chiến tranh. Dù vậy, phải thừa nhận rằng không ai biết đến quan điểm Xtalin vào thời chiến: ông ta không hề viết một dòng nào về vấn đề có tầm quan trọng không nhỏ này.

Hiện nay, dựa trên sách vở được xuất bản dưới bầu trời Quốc tế Cộng sản, các đoàn viên cộng sản ở Bắc Âu và thiếu niên tiên phong ở Úc lặp đi lặp lại và học thuộc lòng như vệt rắng vào tháng Tám 1912, Trótxki đã chủ trương thống nhất những người bên-sê-vích và men-sê-vích. Nhưng không thấy đâu nhắc đến chuyện tháng Ba 1917, Xtalin thuyết giảng về liên minh với đảng của Xêrêtel. Người ta cũng lờ đi chuyện cho đến giữa năm 1917, Lênin vẫn chưa vực nổi đảng ra khỏi vũng lầy mà các lãnh tụ tạm thời lúc

đó — nay trở thành những kẻ kể nghiệp bất tài — đẩy vào. Cái thực tế là thoát đầu, không một ai trong số họ nhìn ra nội dung và chiều hướng của cách mạng một cách rõ ràng, nay được họ thể hiện như một thứ quan điểm biện chứng vô cùng sâu sắc, chống lại thứ tà thuyết trót-kít chẳng những đả phá hiểu quá khứ mà còn tiên đoán được cả tương lai.

Khi trở về Pê-téc-bua [Pétérsbourg], tôi báo Camênhép rằng không gì ngăn cách tôi với những "luận đề tháng Tư" nổi tiếng của Lênin — có vai trò quyết định phương hướng mới của đảng —, anh ta chỉ nói: "Thật ư?!" Trước khi chính thức vào đảng, tôi đã tham gia khởi thảo những tài liệu quan trọng bậc nhất của chủ nghĩa bôn-sê-vích. Không ai nghĩ đến việc lục vấn xem tôi đã từ bỏ "chủ nghĩa trót-kít" chưa, như lũ Casen [Cachin], Thêlôman [Thaalmann] và những đày tớ cùng loại của cách mạng tháng Mười đã từng làm hàng ngàn lần trong giai đoạn suy thoái, khi tập đoàn kẻ nghiệp nắm vai trò điều khiển. Nếu trong thời gian ấy, người ta có thể nhận ra việc đổi lập hóa chủ nghĩa trót-kít với chủ nghĩa lê-nin-nít thì chỉ trong ý nghĩa là vào tháng Tư, trong ban lãnh đạo cao cấp nhất của đảng, Lênin bị buộc tội là trót-kít. Camênhép đã làm điều này không giấu giếm và dai dẳng, những kẻ khác thận trọng hơn và ít công khai hơn. Hàng tá "bôn-sê-vích cựu trào" bảo tôi sau khi tôi về Nga:

— Nay, bây giờ có hội hè trong phố của đồng chí đây!

Tôi phải chứng minh rằng Lênin không "chuyển sang" lập trường của tôi, đơn giản ông chỉ phát triển quan điểm bản thân. Trong quá trình tiến triển ấy, môn số học thay thế đại số và điều này khiến tính đồng nhất của tư tưởng chúng tôi được thể hiện. Đúng là sự việc đã xảy ra như thế.

Từ những lần gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi, nhất là sau những ngày tháng Bảy, Dưới vè bệ ngoài diềm đạm và "khô khan", Lênin là hiện thân của sự tập trung và kỷ luật nội tại cao độ. Trong những ngày ấy, quyền lực của Kêrenxki có vẻ "toàn năng", chủ nghĩa bôn-sê-vích chỉ như một "nhóm nhỏ thăm thương". Người ta xếp đặt chính thức như vậy. Bản thân đảng cũng chưa nhận thức được về sức mạnh ngày mai của nó. Tuy nhiên, bằng bàn tay chắc chắn, Lênin dẫn dắt những người bôn-sê-vích đến các nhiệm vụ to lớn nhất. Tôi cũng nhập cuộc và hỗ trợ ông.

Hai tháng trước biến cố tháng Mười, tôi viết như sau:

Đối với chúng tôi, chủ nghĩa quốc tế không phải là một tư tưởng trừu tượng, nó tồn tại chỉ để người ta phản bội nó ở khắp mọi nơi (như trường hợp Xêrê-teli hoặc Tréc-nốp). Chủ nghĩa quốc tế chính là một nguyên lý mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc chỉ phơi trực tiếp chúng ta. Đối với chúng tôi, không thể quan niệm được một thành công bền vững, có tính quyết định ngoài cuộc cách mạng châu Âu.

Lúc đó tôi chưa thể đặt Xtalin, triết gia của thứ "chủ nghĩa xã hội trong một xứ", cạnh những tên tuổi Xêrê-teli và Tréc-nốp. Tôi kết thúc bài viết bằng những lời sau:

Cách mạng thường trực để chống lại sự thăm sát thường trực! Đó là cuộc chiến đấu mà mục tiêu là số phận nhân loại.

Tất cả những điều này được in trong cơ quan ngôn luận trung ương của đảng số ra ngày 7 tháng Chín, rồi được tái bản thành tập. Tại sao những kẻ phê phán tôi hiện nay, thời ấy lại im lặng trước khẩu hiệu của tà thuyết cách mạng thường trực? Thời ấy họ ở đâu? Một số kẻ như Xtalin thận trọng chờ thời, liếc trộm bên nọ bên kia; những người khác như Dinôviép nấp dưới chân bàn.

Nhưng vấn đề sau đây còn quan trọng hơn: tại sao Lênin lại cho phép tôi tuyên truyền tà thuyết? Trong những vấn đề lý luận, Lênin không biết đến khái niệm nhân nhượng và khoan hồng. Thử hỏi làm sao ông chịu đựng để "chủ nghĩa trót-kít" được rao giảng trên cơ quan ngôn luận trung ương của đảng?

Tại phiên họp của thành ủy Pê-tơ-rô-gorát ngày 1 tháng Mười một 1917 (cho đến nay, biên bản cuộc họp có tầm quan trọng lịch sử trên mọi phương diện này vẫn bị giấu diếm), Lênin tuyên bố: từ khi Trốtxki thấy rõ không thể hợp tác với những người men-sê-vích, "không có người bôn-sê-vích nào hơn đồng chí ấy". Bằng câu nói đó, ông chỉ rõ — và không phải lần đầu — rằng không phải lý thuyết về cách mạng thường trực, mà một vấn đề hẹp hơn nhiều, mặc dầu rất quan trọng — về mối quan hệ với phe men-sê-vích — là điều ngăn cách chúng tôi.

Hai năm sau chính biến tháng Mười, Lênin viết:

Vào thời điểm giành chính quyền và thành lập nước Cộng hòa Xô-viết, chủ nghĩa bôn-sê-vích thu hút về mình những gì tốt đẹp nhất từ các khuynh hướng tư tưởng xã hội gần gũi nó.

Khi Lênin nhấn mạnh như thế về các đại diện xuất sắc nhất của những khuynh hướng tư tưởng xã hội gần gũi nhất với chủ nghĩa bôn-sê-vích, thử hỏi có thể xuất hiện một bóng mờ hoài nghi nào đó về việc

trước tiên ông muốn nói tới cái mà hiện nay người ta gọi là "chủ nghĩa trót-kít lịch sử"? Bởi lẽ làm gì còn trào lưu nào gắn với chủ nghĩa bôn-sê-vích hơn xu hướng tôi đại diện? Và Lênin còn có thể nghĩ đến những ai? Mác-xen Casen [Marcel Cachin]? Hay Thêloman? Khi điếm qua toàn bộ sự phát triển trong quá khứ của đảng, Lênin không phân tích chủ nghĩa trót-kít như một trào lưu thù địch hoặc xa lạ; ngược lại, ông cho đó là dòng tư tưởng xã hội gắn gũi nhất với chủ nghĩa bôn-sê-vích.

Như ta thấy, bước đi thực sự của sự phát triển tư tưởng không có gì chung với bức biếm họa đối trá mà nhóm kế nghiệp bắt tài đã "sáng tạo" ra, lợi dụng cái chết của Lênin và cười trên làn sóng thoái trào của cách mạng.

CHƯƠNG XXIX

CHÍNH QUYỀN

Đó là những ngày đặc biệt trong đời sống của đất nước cũng như trong đời tư của cá nhân tôi. Sự căng thẳng của những đam mê xã hội cũng như của những lực lượng cá nhân đã lên đến tột độ. Quần chúng tạo ra một thời đại mới. Các lãnh tụ cảm thấy những bước đi của họ hòa nhập với bước tiến lịch sử. Trong những ngày ấy, người ta thông qua những nghị quyết và ban bố những mệnh lệnh quyết định số phận nhân dân trong suốt một thời kỳ lịch sử. Nhưng hầu như không ai tranh cãi về những quyết định đó. Tôi không thể nói là chúng được cân nhắc và suy tính đúng mực; đúng ra, người ta đã ứng tác ra chúng. Dù vậy, những quyết định ấy không tồi. Dòng chảy của thời cuộc quá mạnh mẽ, các nhiệm vụ quá rõ rệt đến mức những nghị quyết mang nặng tính trách nhiệm nhất cũng được đề ra dễ dàng, gần như một chuyện hiển nhiên "đọc đường". Và chúng cũng được chấp nhận như thế. Con đường đã được xác định, chỉ cần gọi các nhiệm vụ bằng tên của chúng, không cần biện hộ, cũng chẳng mấy khi phải kêu gọi. Không do dự, không phân vân, quần chúng nhận lấy những gì tình thế áp đặt cho họ. Dưới sức nặng các sự kiện, các "lãnh tụ" chỉ nêu ra những thứ phù hợp nhu cầu của quần chúng và yêu cầu của lịch sử.

Chủ nghĩa mác-xít tự coi nó như biểu hiện có ý thức của một quá trình lịch sử vô ý thức. Nhưng quá trình "vô ý thức" — xét trong ý nghĩa triết học chứ không phải tâm lý học — chỉ trùng hợp với biểu hiện có ý thức của nó ở các điểm cao nhất, khi quần chúng đẩy tung cánh cửa của phong tục xã hội bằng động lực tự phát và đem lại biểu hiện thắng lợi cho những nhu cầu sâu nhất của tiến trình lịch sử. Khi đó, ý thức lý luận ở tầm cao nhất của thời đại hòa nhập với hành động trực tiếp của những tầng lớp quần chúng bị áp bức tâm tột nhất và xa cách nhất với mọi thứ lý thuyết. Sự hòa hợp sáng tạo của ý thức với vô ý thức là cái người ta thường gọi là cảm hứng. Cách mạng là thứ cảm hứng không thể kìm nén của lịch sử.

Mọi nhà văn thực sự đều biết những thời điếm của tác phẩm, khi ngòi bút anh ta được một người nào khác — một thực thể mạnh hơn — dẫn dắt. Mọi diễn giả thực sự đều biết những giây phút, khi một cái gì khác — mạnh hơn anh lúc thường nhật — phát lên tiếng nói trên môi anh ta. Đây chính là "cảm hứng", vốn nảy sinh từ sự tập trung sáng tạo cao độ của toàn thể sức mạnh. Vô thức trỗi lên khỏi cái hang sâu thẳm của nó và hoạt động thay cho tư duy có ý thức, đồng hóa với nó trong một sự thống nhất cao độ.

Những giờ phút mà khi sự căng thẳng của các lực lượng tinh thần bị đẩy đến cực điểm, đôi khi cũng bao hàm mọi mặt của hoạt động cá nhân có gắn bó chặt chẽ với phong trào quần chúng. Những ngày tháng Mười là những khoảng khắc như thế đối với các "lãnh tụ". Những sức mạnh tiềm ẩn trong cơ thể, những bản năng sâu lắng, sự nhạy bén thừa hưởng từ tổ tiên hoang dã — tất cả đều trỗi dậy, phá tan mọi cánh cửa của nếp cũ trong thế giới nội tâm và đứng ra phụng sự cách mạng cùng những khái quát ở tầng cao nhất của triết học lịch sử. Hai quá trình ấy — quá trình cá nhân và cả quá trình quần chúng — đều xây trên sự phối hợp của ý thức với vô thức, của bản năng đem lại sức bật cho ý chí với những tổng quát hóa tinh thần cao nhất.

Bề ngoài, tất cả những điều này xem ra chẳng có gì hào nhoáng: mọi người mệt mỏi, đói khát, không tắm rửa, mắt sưng tấy, mặt lởm chồm râu ria không cạo. Và sau này, toàn thể những con người ấy chỉ có thể kể lại rất ít về những ngày và những giờ gay go nhất.

Đây là một vài trích đoạn ghi chép của vợ tôi, tuy chúng được viết lại vào thời gian sau đó khá lâu:

Chúng tôi sống ở phố Tôrit trong những ngày cuối cùng của thời kỳ chuẩn bị cho tháng Mười. L.Đ. ở li trong điện Xmôn-nui. Tôi vẫn tiếp tục làm việc ở nghiệp đoàn

thợ mộc, tại đó những người bôn-sê-vích nắm quyền điều khiển và bầu không khí rất sôi động. Trong suốt giờ làm việc, người ta tranh luận về những vấn đề liên quan đến khởi nghĩa. Chủ tịch nghiệp đoàn theo "quan điểm Lênin-Trótxki" (thời ấy người ta gọi như vậy), chúng tôi cùng nhau đi tuyên truyền. Cuộc khởi nghĩa được nhắc đến ở khắp nơi: ngoài đường, trong nhà ăn, khi gặp nhau ở thang gác điện Xmôn-nui.

Chúng tôi ăn uống đạm bạc, ngủ ít. Hầu như chúng tôi làm việc hai mươi bốn tiếng một ngày. Chúng tôi còn phải xa cách lũ trẻ và đối với tôi, những ngày tháng Mười cũng là những ngày khắc khoải lo âu cho chúng. Trong trường chúng học, chỉ vồn vẹn có hai "bôn-sê-vích" — Liôva và Xêriôgia —, và một đứa thứ ba, một "cảm tình viên" như lũ trẻ vẫn gọi. Chồng lại cái bộ ba này là một nhóm con ông cháu cha rất ăn ý, con cái những người dân chủ, xã hội lập hiến và xã hội cách mạng nắm quyền. Như lệ thường khi những bất đồng quan điểm nghiêm trọng xảy ra, sự phê bình được bổ sung bởi những lý lẽ thực tiễn. Nhiều lần, ông hiệu trưởng phải lôi các con tôi khỏi tay những thanh niên "dân chủ" đang ủa vào chúng. Về cơ bản, bọn trẻ chỉ làm những việc như bố chúng. Ông hiệu trưởng là một người dân chủ lập hiến. Vì thế ông thường xuyên phạt các con tôi:

— Cầm lấy mũ mà về nhà đi!

Sau cuộc chính biến, hoàn toàn không thể để các con tôi ở lại nhà trường đó. Chúng tôi chuyển các cháu đến một trường bình dân. Ở đây mọi thứ đơn giản hơn và thô kệch hơn, nhưng chúng cũng dễ thở hơn.

L.Đ. và tôi không mấy khi ở nhà. Khi ở trường về, lũ trẻ không thấy chúng tôi, chúng cũng không thấy cần thiết phải giam mình giữa bốn bức tường. Những cuộc biểu tình, đụng độ, những phát súng nổ thường xuyên trong những ngày ấy khiến chúng tôi lo lắng về hai đứa trẻ: chúng có tâm trạng siêu cách mạng... Trong những dịp gặp gỡ vội vã, chúng vui vẻ kể với chúng tôi: đi cùng với những người Côđắc trên tàu điện, chúng thấy họ đọc lời kêu gọi *Hỡi anh em Côđắc!* của cha chúng:

— Rồi sao nữa?

— Họ đọc, truyền tay nhau. Điều này thật tốt...

— Thì dĩ nhiên là tốt rồi!

Một người quen của L.Đ., kỹ sư C. — có gia đình đông đúc và những đứa con đủ mọi lứa tuổi, anh còn thuê một bà vú nuôi — ngờ ý muốn đón các con tôi về nhà anh một thời gian, ở đó ít nhất có thể để mắt đến chúng. Chúng tôi đành phải bám lấy giải pháp cứu mạng ấy. Được L.Đ. giao cho đủ thứ việc khác nhau, mỗi ngày tôi qua điện Xmôn-nui năm lần. Chúng tôi về phố Tôrit vào đêm khuya và sáng dậy lại chia tay nhau: L.Đ. đến điện Xmôn-nui, tôi đến nghiệp đoàn. Song song với sự tăng trưởng của các sự kiện, thực tế những người làm việc ở điện Xmôn-nui không còn điều kiện để về nhà nữa. Nhiều ngày liền, L.Đ. không hề đặt chân về nhà, kể cả khi ngủ. Nhiều lúc tôi cũng ở lại Xmôn-nui. Chúng tôi cứ để nguyên quần áo và ngủ trên những đi-văng hoặc ghế bành. Thời tiết mùa thu không nóng nhưng khô, hơi nhiều mây kèm những cơn gió lạnh. Các phố xá trung tâm yên lặng và vắng vẻ. Trong bầu không khí yên tĩnh ấy, có một cái gì căng thẳng ngự trị. Điện Xmôn-nui sục sôi. Căn phòng khánh tiết khổng lồ tắm trong ánh điện rực rỡ của hàng ngàn ngọn đèn chùm lộng lẫy. Từ sáng đến tối, điện luôn chật ních người. Cuộc sống căng thẳng đập nhịp trong các nhà máy và công xưởng. Ngược lại, các phố xá im ắng, lặng lẽ, dường như thành phố rụt cổ lại trong cơn hoảng hốt.

Tôi còn nhớ sau cuộc chính biến hai hay ba ngày, tôi vào một phòng ở Xmôn-nui vào buổi sáng, ở đó tôi thấy Voladimira Ilích [Vladimir Ilitch], Lép Davidôvích và hình như cả Décxin-xki [Dzerjinsky], rồi Giôphê [Joffé] và nhiều người khác. Da mặt ai nấy đều xám xanh, ai nấy đều có vẻ thiếu ngủ, mắt sưng húp, cổ áo bần, căn phòng sặc mùi thuốc lá... Ai đó ngồi bên bàn làm việc, một đám đông vây quanh bàn chờ chỉ thị. Một vòng người bao quanh Lênin và Trótxki. Không hiểu sao tôi có cảm giác họ

đưa ra các mệnh lệnh trong giấc mơ. Trong các cử chỉ, lời lẽ, có cái gì như của người mộng du. Trong một khoảng khắc, tôi có cảm tưởng hình như tôi thấy tất cả những điều này trong mơ và cách mạng có thể thất bại nếu "họ" không được ngủ đầy giấc và không thay cô còn bản: giấc mơ liên hệ chặt chẽ với những chiếc cổ còn bản này. Tôi nhớ hôm sau tôi gặp Maria Ilinichna [Maria Ilinitchna] — em gái Lênin — và tôi vội vã nhắc cô "đã đến lúc phải thay cổ áo cho Lênin".

— Vâng, vâng — cô vừa cười vừa đáp.

Nhưng vấn đề cổ áo sạch cũng đã mất cái ý nghĩa ác mộng, ngay cả trong mắt tôi.

Chúng tôi đã giành được chính quyền, ít ra là ở Pêtorôgorát. Lênin vẫn chưa có dịp thay cổ áo. Trên gương mặt mệt mỏi, đôi mắt "lê-nin-nít" bao giờ cũng tinh táo. Ông thân mật nhìn tôi — cái nhìn quý mến pha chút lúng túng, bối rối — và tôi cảm thấy sự gần gũi nội tại từ ông.

— Đồng chí biết chứ — ông nói giọng rụt rè —, từ những cuộc truy lùng và sống bất hợp pháp, đột nhiên lên nắm chính quyền như thế này... — ông tìm từ ngữ thích hợp —, *es schwindelt* — bỗng nhiên ông chuyển sang tiếng Đức và xoay bàn tay quanh đầu.

Chúng tôi nhìn nhau và cười không thành tiếng. Như thế chừng hai, ba phút rồi chúng tôi lại chuyển sang giải quyết các vụ việc tiếp theo.

Cần phải thành lập chính phủ. Ở đây, chúng tôi chỉ có vài ủy viên Ban Trung ương. Chúng tôi tổ chức họp chớp nhoáng trong góc phòng.

— Gọi các thành viên chính phủ là gì nhỉ? — Lênin suy nghĩ và nói to lên. — Đừng là thượng thư nhé, cách gọi này đáng ghét và không còn được ai tin tưởng nữa.

— Có thể gọi họ là "ủy viên" — tôi đề nghị —, nhưng ngày nay có quá nhiều "ủy viên" rồi. Hay ta đặt tên cho họ là "cao ủy viên"?... Không, "cao ủy" cũng khó nghe lắm... Hay là "ủy viên nhân dân"?

— Ủy viên nhân dân? Phải, tôi nghĩ thế được đấy — Lênin chấp thuận. — Và gọi tất cả chính phủ ra sao?

— "Hội đồng", cố nhiên là "hội đồng" rồi... "Hội đồng Dân ủy", nghe được chứ?

— Hội đồng Dân ủy? — Lênin chớp lấy sáng kiến ấy. — Được, đúng thế! Tuyệt: một từ ngữ đầy phong vị cách mạng!

Lênin thường không có khuynh hướng nghiên cứu mỹ học của cách mạng hay thưởng thức cái "lãng mạn" của nó. Nhưng càng cảm nhận sâu sắc cách mạng — nhìn trong tổng thể — bao nhiêu, ông càng có thể nhận định chính xác hơn bấy nhiêu về "mùi vị" của nó...

Trong những ngày đầu tiên ấy, một lần Voladimira Ilich hỏi tôi, hoàn toàn đột ngột:

— Thế nhờ bọn Bạch vệ giết cả hai chúng ta thì sao? Xvéclốp [Sverdlov] và Bukharin [Boukharine] có đủ sức đảm đương nhiệm vụ không?

— Chà! Chắc chúng chẳng giết chúng ta đâu — tôi cười và đáp.

— À! Có trời biết được chúng sẽ làm gì — Lênin nói và ông cũng phá lên cười.

Tôi kể mẩu chuyện này lần đầu tiên trong hồi tưởng về Lênin năm 1924. Sau này tôi mới biết, các thành viên trong "cỗ xe tam mã" thời đó — Xtalin, Dinôviép và Camênhép — phạt ý đến tận xương tủy vì câu chuyện, dù họ không dám cãi vã về tính chân thực của nó. Tuy nhiên, sự thực vẫn là sự thực: Lênin chỉ nhắc đến Xvéclốp và Bukharin. Ngoài ra, ông không mấy may nghĩ đến ai khác trong óc.

Trừ một vài gián đoạn ngắn, Lênin sống lưu vong gần mười lăm năm; phần lớn ông biết các cán bộ chính yếu của đảng trong nước qua thư từ hoặc những lần gặp gỡ hiếm hoi ở nước ngoài. Chỉ sau cách mạng, ông mới có dịp quan sát kỹ lưỡng công tác của họ. Giữa chừng, ông phải thay đổi hoặc xem xét lại các phán đoán dựa trên lời lẽ kẻ khác. Như một con người vĩ đại ham mê đạo đức, Lênin không thể thờ ơ với bất cứ ai. Nhà tư tưởng, nhà quan sát và chiến lược ấy quan tâm tha thiết đến con người. Corúpcaia [Kroupskaia] cũng nói đến điều đó trong hồi ký của bà. Không bao giờ Lênin đề ra ý kiến phán đoán chi li về con người một cách vội vã. Ông có cặp mắt như một kính hiển vi. Nó phóng to các đặc tính nổi bật, được đưa vào tầm nhìn của ông tùy thuộc tình thế nhất thời. Không hiếm lúc Lênin say mê con người theo nghĩa thực của từ đó. Những lúc ấy, tôi chọc tức ông:

— Tôi biết, tôi biết, đồng chí lại có một mối tình mới.

Lênin cũng tự biết tính cách ấy của ông và đề đáp lại, ông cười lúng túng, hơi phạt ý.

Trong năm 1917, quan hệ của Lênin với tôi cũng trải qua nhiều giai đoạn. Ông tiếp tôi với quan điểm dè chừng và chờ đợi. Những ngày tháng Bảy đưa chúng tôi lại gần nhau. Khi đối lập với đa số lãnh tụ bôn-sê-vich, tôi tung ra khẩu hiệu tẩy chay Tiền Quốc hội, Lênin viết từ nơi ẩn náu: "Hoan nghênh đồng chí Trótxki!" Dựa vào một số dấu hiệu ngẫu nhiên và sai lạc, hình như sau đó ông nghĩ tôi đại diện cho xu hướng quá chờ thời trong vấn đề khởi nghĩa vũ trang. Lênin bộc lộ nỗi lo âu ấy trong nhiều lá thư ông viết

trong tháng Mười. Ngược lại, quan hệ thân mật và tin tưởng giữa hai chúng tôi càng rõ rệt hơn trong ngày chính biến, khi chúng tôi nghỉ ngơi trên chiếc chần trải dưới sàn nhà một căn phòng trống tranh tối tranh sáng. Hôm sau, trong phiên họp của Ban Trung ương đảng, Lênin đề cử tôi làm chủ tịch Hội đồng Dân ủy. Tôi bật dậy khỏi chỗ ngồi để phản đối lời đề nghị quá bất ngờ và không đúng chỗ ấy.

— Nhưng tại sao cơ chứ? — Lênin nhấn mạnh —, vì đồng chí là người đứng đầu Xô-viết Pêtorôgorát, tổ chức đã giành chính quyền.

Tôi yêu cầu bác bỏ đề nghị ấy không thông qua tranh luận. Mọi việc đã diễn ra như vậy.

Ngày 1 tháng Mười một, trong cuộc tranh luận sôi nổi của đảng ủy Pêtorôgorát, Lênin kêu lên:

— Không có người bên-sê-vích nào hơn Trótxki!

Những lời lẽ ấy có nhiều ý nghĩa. Không phải ngẫu nhiên mà sau này, biên bản cuộc họp có câu nói này bị giấu nhem trước công luận đến tận ngày nay.

Sau khi giành được chính quyền, vấn đề chức vị của tôi trong chính phủ được đặt ra. Điều kỳ lạ là tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện đó. Mặc dù đã có những kinh nghiệm của năm 1905, chưa lần nào tôi gắn liền tương lai của tôi với vấn đề quyền lực. Khá sớm, chính xác hơn là từ thời thơ ấu, tôi mơ ước trở thành nhà văn. Trong những năm tiếp theo, tôi đặt nghề cầm bút cũng như nhiều thứ tương tự dưới các mục tiêu cách mạng. Vấn đề giúp đảng lên nắm chính quyền bao giờ cũng lơ lửng trước mắt tôi. Tôi đã viết hàng chục và hàng trăm lần về chương trình của chính phủ cách mạng. Nhưng không bao giờ tôi nghĩ đến vị thế cá nhân của tôi sau khi đã giành được chính quyền. Chính vì thế, tôi sa vào tình trạng thiếu chuẩn bị. Sau cuộc chính biến, tôi cố đứng ngoài chính phủ. Tôi đề nghị được chỉ đạo ngành báo chí của đảng. Có thể trạng thái thần kinh của tôi sau chiến thắng cũng đóng một vai trò trong dự định ấy. Mấy tháng trước, tôi đã tham gia quá trực tiếp và mãi mê vào công việc chuẩn bị cho khởi nghĩa. Mỗi dây thần kinh của tôi đều căng đến tột độ. Có lần Lunatrácxki đã viết: Trótxki đi lại như một cái bình điện Lâyđen [Leyden] và hề đụng đến anh là gây nên sự phóng điện. Mùng 7 tháng Mười một là ngày kết thúc. Tôi ở trong tình trạng một phẫu thuật viên vừa mổ xong một ca khó khăn và nguy hiểm: giờ đây tôi rửa tay, cởi áo choàng và đi nghỉ. Ngược lại, Lênin mới từ nơi ần náu về, ở đó ông trần trụi trong ba tháng rưỡi vì phải sống tách rời sự lãnh đạo trực tiếp. Ông trở về đúng vào lúc tôi đã mệt mỏi và hoàn cảnh này càng khiến tôi sẵn sàng rút lui vào hậu trường, ít nhất thì cũng trong thời gian ngắn. Nhưng Lênin hoàn toàn không muốn nghe điều đó. Ông yêu cầu tôi lãnh đạo Bộ Nội vụ: nhiệm vụ quan trọng nhất lúc đó là chống lại các lực lượng phản cách mạng. Tôi không đồng tình với ông và cạnh những ý kiến phản bác khác, tôi viện dẫn cả vấn đề chủng tộc: tôi nói có nên trao con át chủ bài cho kẻ thù của chúng ta không, vì tôi là người Do Thái? Lênin gần như bất bình:

— Chúng ta đang ở giữa cuộc cách mạng thế giới lớn lao, những điều vặt vãnh ấy thì có nghĩa lý gì?

Trong vấn đề này, giữa chúng tôi nảy ra một cuộc tranh cãi nửa hài hước.

— Cách mạng lớn thật — tôi đáp —, nhưng số những kẻ ngu xuẩn cũng không nhỏ.

— Nào, thế nhưng chúng ta không theo hướng của lũ ngu xuẩn chứ?

— Cho dù không theo hướng chúng, nhưng cũng cần tính đến sự ngu ngốc: có sao chúng ta gây ra những phiền phức không cần thiết ấy từ buổi đầu?...

Tôi đã nhắc đến chuyện vấn đề chủng tộc, vốn có vị trí rất quan trọng trong đời sống nước Nga, gần như không đóng vai trò gì trong đời tư của tôi. Từ thừa thanh niên, những thành kiến hoặc định kiến dân tộc gây cho tôi cảm giác duy lý khó hiểu, trong những trường hợp nhất định, trong thâm tâm tôi cảm thấy thù ghét, đôi khi tởm lợm. Nền giáo dục mác-xít làm sâu sắc và biến tâm trạng ấy thành chủ nghĩa quốc tế tích cực. Dưới tác động của những năm tháng sống ở nhiều nước, được làm quen với nhiều ngôn ngữ, nhiều nền văn hóa và chính trị ngoại quốc, chủ nghĩa quốc tế ấy càng trở thành máu thịt tôi. Và nếu vào năm 1917 cũng như sau này, đôi lúc tôi nhấn mạnh nguồn gốc Do Thái của mình làm lý do từ chối một sự đề cử nào đó, thì cũng chỉ vì nguyên cơ chính trị mà thôi.

Tôi tranh thủ được Xvéclốp và vài ủy viên Ban Trung ương khác, họ chấp nhận lập trường của tôi. Lênin bị thiếu số. Ông nhún vai, thờ dãi, vò đầu vò trán trách móc và chỉ tự an ủi với ý nghĩ dù thế nào chúng tôi cũng chiến đấu chống bọn phản cách mạng, không phân biệt mọi chức vị hành chính. Nhưng Xvéclốp cũng cương quyết chống lại việc cử tôi sang làm công tác báo chí:

— Chúng ta sẽ đặt Bukharin vào đó. Phải để Lép Davidôvích đương đầu với châu Âu. Đồng chí hãy nhận công tác ngoại giao.

— Thôi đi, chúng ta có thứ công tác ngoại giao gì bây giờ? — Lênin phản đối.

Rồi ông chấp nhận, dù miễn cưỡng. Tôi cũng miễn cưỡng đồng ý. Thế là do đề xuất của Xvéclốp, tôi đứng đầu ngành ngoại giao Xô-viết trong một quý.

Về cơ bản, chức dân ủy Ngoại giao khiến tôi thoát khỏi công việc văn phòng. Với các đồng chí

muốn cộng tác với tôi, hầu như không có ngoại lệ, tôi luôn khuyên họ nên tìm một địa bàn khác, hợp hơn với năng lực của họ. Sau này, trong hồi ký của mình, một người trong số họ kể lại khá thú vị cuộc nói chuyện của chúng tôi, diễn ra không lâu sau ngày thành lập chính phủ Xô-viết: "Thử hỏi chúng ta sẽ có công việc ngoại giao to tát gì ở đây? — tôi hỏi, theo lời kể của anh ta. — Tôi cho công bố vài lời kêu gọi cách mạng tới các dân tộc trên thế giới, thế là xong, chỉ còn việc kéo màn che cửa." Người nói chuyện với tôi thành thực buồn phiền về ý thức ngoại giao của tôi. Cố nhiên tôi cố tình phóng đại để nhấn mạnh rằng công tác ngoại giao hoàn toàn không phải là vấn đề trọng tâm lúc đó.

Nhiệm vụ chính là phát triển biến cố tháng Mười, mở rộng nó trong toàn quốc, đẩy lùi chiến dịch tấn công Pêtrôgôrát của Kêrenxki và tướng Coraxnốp [Krasnov] và chiến đấu chống bè lũ phản cách mạng. Các nhiệm vụ ấy được chúng tôi giải quyết ngoài quyền hạn các bộ, và trong suốt thời gian đó, sự cộng tác giữa tôi với Lênin là rất mật thiết và thường xuyên.

Phòng làm việc của Lênin và của tôi ở điện Xmôn-nưi nằm tại hai đầu đối diện của tòa nhà. Hành lang nối — hay đúng hơn: chia cắt — chúng tôi dài đến nỗi Lênin nói đùa là phải thiết lập mối liên lạc bằng xe đạp. Chúng tôi cũng có thể giao tiếp với nhau qua điện thoại. Nhiều lần trong ngày, tôi đi dọc hành lang dài vô tận như một tổ kiến để đến phòng Lênin bàn bạc công việc. Một thủy thủ trẻ, được gọi là thư ký của Lênin, chạy đi chạy lại không ngừng ngoài hành lang, anh mang lại cho tôi những ý kiến của Lênin, gồm hai hoặc ba câu chắc nịch trong đó các từ quan trọng nhất được gạch dưới hai, ba lần, và phần cuối luôn có câu hỏi chắc nịch. Nhiều khi, kèm theo những ý kiến, ông gửi cả các dự thảo sắc luật đang chờ đợi đánh giá khẩn cấp. Kho lưu trữ đương thời của Hội đồng Dân ủy còn cất giữ nhiều tư liệu thời ấy, một phần do Lênin, một phần do tôi viết, các văn bản của Lênin với những chỉnh lý của tôi hoặc các đề nghị của tôi được Lênin bổ sung.

Trong giai đoạn đầu — khoảng đến gần tháng Tám 1918 — tôi tích cực tham gia công việc chung của Hội đồng Dân ủy. Trong giai đoạn ở điện Xmôn-nưi, với sự náo nức tham lam, Lênin cố gắng đáp lại mọi vấn đề của đời sống kinh tế, chính trị, hành chính và văn hóa bằng các sắc luật. Hoàn toàn không phải niềm ham mê lãnh đạo hành chính, mà sự cố gắng muốn trình bày chương trình của đảng bằng ngôn ngữ chính quyền đã dẫn dắt ông trong việc này. Lênin biết trong thời gian trước mắt, những sắc luật cách mạng chỉ được thi hành trong phạm vi rất hạn hẹp. Nhưng để bảo đảm việc thi hành và kiểm tra, phải có một bộ máy điều hành tốt, có kinh nghiệm và thời gian. Cùng lúc đó, không ai biết được chúng tôi có bao nhiêu thời gian. Trong thời gian đầu, các sắc lệnh có giá trị tuyên truyền hơn là hành chính. Lênin vội vã nói với nhân dân: chính quyền mới như thế nào, nó muốn gì và sẽ thực hiện những mục tiêu ấy ra sao? Không biết mệt mỏi một cách đáng khâm phục, ông đi từ vấn đề này sang vấn đề khác, triệu tập nhiều cuộc họp nhỏ, tìm hiểu các thông tin từ các chuyên gia và bản thân ông cũng vui đầu vào sách vở. Tôi cũng trợ giúp ông.

Trong Lênin, có một ý thức thừa kế rất mạnh, nếu nói đến công việc ông đang làm. Là nhà cách mạng lớn, ông hiểu truyền thống lịch sử có ý nghĩa như thế nào. Không thể tiên đoán được chúng tôi sẽ nắm chính quyền hay sẽ bị lật đổ. Nhưng trong mọi hoàn cảnh, cần làm sáng tỏ càng nhiều càng tốt các kinh nghiệm cách mạng của nhân loại. Rồi những người khác sẽ đến và họ sẽ đi tiếp một bước mới dựa trên con đường chúng tôi đã vạch ra và khởi sự. Trong thời gian đầu, hoạt động lập pháp diễn ra trên tinh thần đó.

Cũng từ suy tính ấy, Lênin náo nức thúc giục việc xuất bản càng nhanh càng tốt bằng tiếng Nga những tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa duy vật. Ông cố gắng cho dựng càng nhiều những đài kỷ niệm — cả những cái đơn giản nhất, những pho tượng bán thân, những tấm bảng lưu niệm — ở mọi thành phố, và nếu có thể, cả trong những làng mạc, để những gì đã xảy ra sẽ bắt rễ vững bền trong tâm thức quần chúng và để lại vết hằn sâu nhất trong ký ức nhân dân.

Trong thời kỳ đầu, mỗi phiên họp của Hội đồng Dân ủy — có thành phần thay đổi luôn luôn — đều như một ứng tác lập pháp ở quy mô vô cùng lớn. Phải làm lại tất cả từ đầu. Không thể đi tìm những "tiền lệ" vì không hề có chúng trong kho dự trữ của lịch sử. Không biết mệt mỏi, Lênin làm chủ tọa năm, sáu giờ liền trong Hội đồng Dân ủy, mặc dù thời ấy, ngày nào Hội đồng cũng hội họp. Theo thông lệ, các vấn đề được đưa ra thảo luận không hề có chuẩn bị, hầu như bao giờ cũng tùy theo mức độ cấp bách của chúng. Rất nhiều khi, ngay trước buổi họp, các thành viên hay chủ tịch Hội đồng vẫn không biết nội dung vấn đề cần bàn bạc. Thời gian dành cho bàn luận bao giờ cũng rất hạn hẹp, báo cáo viên chỉ được chừng mười phút. Tuy nhiên, Lênin luôn luôn lần mò ra hướng đi. Để tiết kiệm thời gian, ông chuyển cho các thành viên dự phiên họp những mẫu giấy chứa đựng các ghi chép ngắn trong đó ông đòi hỏi những thông tin cho các vấn đề này nọ. Những mẫu giấy này là một sự kiện thuộc thể thư tín rất rộng rãi và rất thú vị trong hoạt động lập pháp của Hội đồng Dân ủy lê-nin-nít. Đáng tiếc là đa phần những mẫu giấy đó không được giữ gìn vì câu trả lời thường được ghi vào mặt sau của tờ giấy và thông thường, các mẫu giấy bị chủ tịch hủy ngay. Chọn thời điểm thuận lợi, Lênin đọc các điểm của dự thảo nghị quyết, lúc nào ông cũng cố ý

diễn đạt gay gắt, sau đó cuộc tranh luận hoặc ngừng hẳn, hoặc chuyển sang các đề nghị thực tiễn. Các "điểm" do Lênin đề đạt thường là cơ sở của sắc lệnh.

Đề điều khiển công việc này, ngoài nhiều khả năng khác, phải có một trí tưởng tượng sáng tạo khổng lồ. Một trong những giá trị quý báu nhất của trí tưởng tượng này nằm ở chỗ chúng ta có thể hình dung được người, việc và các hiện tượng như chúng có trong thực tế, ngay cả khi chưa bao giờ thấy chúng. Sử dụng kinh nghiệm của vốn sống và đường lối lý luận, liên kết những sự kiện vụn vặt, bất chợt nắm bắt được, bổ sung chúng theo những thứ quy luật không lời nào đó của sự tương xứng và xác thực, tái tạo một cách hoàn toàn cụ thể lĩnh vực nhất định nào đó của đời sống con người — đó là sức tưởng tượng cần thiết cho nhà lập pháp, nhà lãnh đạo hành chính nhà nước, người thủ lĩnh; đặc biệt trong thời kỳ cách mạng. Sức mạnh của Lênin phần lớn tiềm ẩn trong sức tưởng tượng hiện thực.

Không cần phải nói trong khi hăng hái lập ra luật pháp, chúng tôi cũng phạm phải không ít sai lầm và lâm vào những mâu thuẫn. Nhưng nhìn chung, các sắc lệnh của Lênin xuất phát từ thời Xmonnui, tức là trong giai đoạn bão táp và lộn xộn nhất của cách mạng, sẽ muôn đời được lịch sử xác nhận như những tuyên cáo của một thế giới mới. Không chỉ các nhà xã hội học và sử gia mà các nhà lập pháp của tương lai cũng sẽ tìm thấy ở đó những kinh nghiệm quý giá.

Thời đó, những nhiệm vụ thực tiễn ngày càng chen lên hàng đầu, nhất là các vấn đề của nội chiến, của cung ứng và giao thông. Các ủy ban đặc biệt được lập ra để giải quyết các vấn đề trên, đây là lần đầu tiên chúng phải đối đầu với những điều bức thiết tương tự và phải khởi động các cơ quan có thẩm quyền này khác, hiện đang bất lực, giậm chân tại chỗ ngay ở bậc thềm của lời giải đáp vấn đề. Trong những tháng này, tôi đã đứng đầu nhiều ủy ban như thế: ban Cung ứng — Xiurupa [Tsiouroupa] là thành viên, đây là lần đầu anh tham gia công việc —, ban Giao thông, ban Xuất bản và nhiều ban khác.

Về phần ngoại giao, không kể các cuộc thương lượng ở Bô-rét-Litôpxơ, công việc này không chiếm nhiều thì giờ của tôi. Tuy nhiên, sự việc hơi phức tạp hơn tôi từng giả định. Ngay từ đầu, đột nhiên tôi buộc phải sa vào những cuộc đàm phán ngoại giao với... tháp Épphen [Eiffel].

Trong những ngày khởi nghĩa, chúng tôi không có mấy thời gian để quan tâm đến các đài phát thanh nước ngoài. Nhưng giờ đây, trên cương vị dân ủy Ngoại giao tôi phải theo dõi thế giới tư bản nói gì về cuộc chính biến. Chẳng cần phải nói là không ở đâu chúng tôi được nghe những lời chúc tụng. Cho dù chính phủ Béclin sẵn sàng ve vãn những người bôn-sê-vích đến đâu đi nữa, họ cũng phát một làn sóng thù địch ở trạm Nauen, khi trạm Xácxcô-iê Xê-lô truyền đi bản báo cáo của tôi về chiến thắng của chúng tôi trước đạo quân Kêrenxki. Nhưng nếu Béclin và Viên ít nhất vẫn còn do dự giữa sự thù hận với cách mạng và hi vọng về một hiệp ước hòa bình có lợi, thì tất cả các nước còn lại — không chỉ các nước tham chiến mà cả những nước trung lập — đều truyền đi bằng nhiều thứ tiếng những tình cảm và suy nghĩ của giai cấp thống trị vừa bị lật đổ ở nước Nga.

Tuy nhiên, làn sóng từ tháp Épphen nổi bật trong dàn hợp ca ấy, bởi sự điên cuồng vô chừng mực; trong những ngày đó, nó còn phát bằng tiếng Nga, hẳn để làm mờ con đường tìm đến trái tim nhân dân Nga. Nghe đài phát thanh Pari, đôi khi tôi có cảm tưởng đích thân Colêmăngxô [Clémenceau] đang ngồi vắt vẻo trên đỉnh tháp Épphen. Tôi biết ông ta khá rõ — như một nhà báo — để đủ nhận ra, nếu không phải văn phong thì ít nhất cũng là tinh thần của ông. Sự căm thù gần như tràn ngập trong da thịt ông, cơn thịnh nộ căng lên đến cực điểm trên các làn sóng ấy. Đôi khi, dường như cái đài phát thanh tự cấm nọc vào đầu bằng chiếc đuôi một con bọ cạp bị treo trên đỉnh tháp Épphen.

Chúng tôi có trong tay trạm phát thanh Xácxcô-iê Xê-lô và không có cơ gì để im lặng. Trong nhiều ngày liền, tôi đáp lại những lời chửi rủa của Colêmăngxô. Tôi biết khá đầy đủ lịch sử chính trị của nước Pháp để đưa ra nhận định không mấy tốt đẹp về những nhân vật chính yếu và làm sống lại một số nét về tiểu sử của họ mà người ta đã quên đi, khởi đầu từ vụ kênh đào Panama. Cuộc đọ kiếm giữa các đài phát Pari và Xácxcô-iê Xê-lô diễn ra suốt mấy ngày. Đóng vai trò môi trường trung hòa, ê-te chuyển đi các lý lẽ của cả hai bên một cách trung thực. Và điều gì đã xảy ra? Bản thân tôi cũng không chờ kết quả nhanh chóng như thế. Pari đột nhiên thay đổi chiến thuật: vẫn giữ nội dung thù địch, nhưng với một giọng nói lịch sự hơn. Sau này, nhiều lần tôi thích thú nhớ lại tôi đã bắt đầu sự nghiệp ngoại giao bằng việc dạy phép lịch sự cho tháp Épphen.

Ngày 18 tháng Mười một, tướng phái đoàn quân sự Mỹ, tướng Judson đột nhiên đến thăm tôi ở điện Xmonnui. Ông nói trước rằng hiện tại, ông chưa được phép thay mặt nước Mỹ để tuyên bố, nhưng ông hi vọng mọi việc sẽ *all right*. Ông hỏi chính phủ Xô-viết có ý định đình chỉ cuộc chiến cùng các nước Đồng minh hay không? Tôi trả lời các cuộc thương thuyết sắp tới sẽ hoàn toàn công khai, do đó các nước Đồng minh có thể theo dõi chúng và tham dự vào bất kỳ giai đoạn nào. Cuối cuộc nói chuyện, ông tướng yêu hòa bình tuyên bố:

— Thời kỳ người ta phân đôi và đe dọa chính quyền Xô-viết đã qua rồi, nếu giả sử đã có một thời

như thế.

Nhưng như ta biết, một con én, dù đeo lon tướng, cũng không làm nên mùa xuân.

Đầu tháng Chạp, lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, tôi hội kiến với đại sứ Pháp Nulon [Noulens], cựu nghị sĩ cấp tiến, được cử đến để xây dựng mối quan hệ thân thiện với chính phủ cách mạng tháng Hai thay Palêôlôc [Paléologue], một kẻ bảo hoàng công khai, không chỉ vì lòng vì cái tên của dòng họ y. Chính phủ Cộng hòa đã sử dụng hắn để kết thân với Nga hoàng. Tôi không biết tại sao Nulon — chứ không phải người khác — được chọn sau khi Paléologue bị gọi về nước; dù sao đi nữa ông ta không cùng cố ý kiến của tôi về những người quyết định số phận nhân loại. Cuộc gặp mặt do Nulon đề xuất không đem lại kết quả gì. Sau chút lưỡng lự, cuối cùng Colêmăngxô quyết định chọn chế độ dây thép gai.

Trong bốn bức tường điện Xmônnuir, tôi có một cuộc tranh luận không mấy thân thiện với tướng Nítxen [Niessel], trưởng đoàn phái bộ Pháp. Viên tướng này tôi luyện tinh thần chiến đấu của ông trong chiến sự ở hậu phương. Thời Kêrenxki, ông ta quen thói chỉ huy và không muốn từ bỏ tật xấu ấy. Thoạt đầu, tôi buộc phải mời ông ta ra khỏi viện Xmônnuir. Chẳng bao lâu, quan hệ của chúng tôi với phái đoàn quân sự Pháp còn trở nên phức tạp hơn. Số là còn có một phòng Thông tin hoạt động cạnh phái đoàn, phòng này đã biến thành công xưởng chế tạo những lời vu cáo đê tiện nhất nhằm chống lại cách mạng. Hàng ngày, tất cả các báo chí thù địch đều đăng tải những tin tức qua điện báo từ "Xtôckhôm" — những tin này đều thuộc loại kỳ quái, hần học và ấu trĩ không kém gì nhau. Các ông chủ nhiệm báo, khi bị gạn hỏi về nguồn gốc các bức điện tin từ "Xtôckhôm", đều chỉ về phái đoàn quân sự Pháp. Tôi chính thức mời tướng Nítxen lên gặp tôi. Ngày 22 tháng Chạp, ông ta trả lời tôi bằng một tư liệu đáng để ý như sau:

Ngày nào cũng vậy, nhiều nhà báo thuộc các khuynh hướng khác nhau đến tìm phái bộ để hỏi tin tức. Tôi có toàn quyền thông báo cho họ về các sự kiện quân sự ở mặt trận phía Tây, ở Xalôniki [Salonique], ở châu Á, cũng như về tình hình ở Pháp. Trong một dịp (?) gặp gỡ tương tự, một (?) sĩ quan trẻ đã tự tiện thông báo một tin thêu dệt được lan truyền (?) trong thành phố mà nguồn gốc được gán cho Xtôckhôm...

Cuối cùng, viên tướng buông một lời hứa mập mờ: ông ta sẽ "làm mọi việc để những lầm lẫn tương tự về sau sẽ không tái diễn nữa."

Thật là quá đáng! Chúng tôi không dạy phép lịch sự cho đại phát từ tháp Épphen để rồi lại cho phép tướng Nítxen xây cái tháp trợ lực cho việc xuyên tạc ở Mátxcova. Ngay hôm đó, tôi trả lời tướng Nítxen:

1. Xét rằng phòng tuyên truyền — gọi là "phòng Thông tin" — hoạt động cạnh phái đoàn quân sự Pháp là nguồn gốc lan truyền của những tin tức giả mạo, nhằm mục đích gây rối loạn trong dư luận quần chúng, phòng ấy phải bị đóng cửa ngay tức khắc.
2. Viên "sĩ quan trẻ" đã tạo ra những tin tức dối trá phải lập tức rời lãnh thổ nước Nga. Đề nghị ông cho biết tên của viên sĩ quan ấy ngay lập tức.
3. Phái lập tức đưa khỏi phái bộ nhân viên phục vụ việc tiếp nhận những điện tín của đài.
4. Các sĩ quan Pháp cư ngụ trong các vùng diễn ra nội chiến phải được điều ngay về Mátxcova do một lệnh đặc biệt sẽ được công bố trên báo.
5. Đề nghị thông báo cho tôi biết mọi biện pháp giải quyết của phái bộ Pháp theo những điều khoản nói đến trong bức thư này.

Dân ủy Ngoại giao
Lép Trôttxki

Viên sĩ quan trẻ buộc phải xuất đầu lộ diện: anh ta phải rời nước Nga như một thứ bung xung chịu tội. Viên phục vụ đón nhận điện tín phải rời khỏi tòa nhà của phái bộ. Phòng Thông tin bị đóng cửa. Các sĩ quan được gọi từ các vùng ngoại vi về trung tâm. Nhưng tất cả những điều này mới chỉ là cuộc đụng độ nhỏ ở điểm tiền tiêu.

Sau khi tôi đã chuyển sang bộ chiến tranh, một cuộc đình chiến bấp bênh thay thế những xung đột trong thời gian ngắn. Viên tướng quá cứng nhắc Nítxen được tướng Lavécno [Lavergne] thay thế, ông này khéo mềm dẻo hơn. Nhưng cuộc đình chiến kéo dài không lâu. Giống như toàn bộ đường lối ngoại giao của nước mẹ Pháp, chẳng bao lâu sau, phái đoàn quân sự Pháp trở thành trung tâm của mọi âm mưu và hành động vũ trang chống lại chính quyền Xô-viết. Nhưng điều này chỉ xuất hiện công khai sau thời kỳ Bôrét, trong giai đoạn thủ đô được dời về Mátxcova, mùa xuân và mùa hè 1918.

CHƯƠNG XXX

Ở MÁTXCOVA

Việc ký kết hòa ước Bờrét-Litôpxơ làm mất ý nghĩa chính trị của cái tin tôi xin từ chức Dân ủy Bộ Ngoại giao.

Giữa chừng, Tritrêrin [Tchichérine] từ Lônđôn trở về và ông trở thành người thay thế tôi. Tôi biết Tritrêrin đã lâu. Ông là nhân viên ngoại giao, gia nhập đảng Xã hội Dân chủ trong cuộc cách mạng thứ nhất và với tư cách một người men-sê-vích, ông ngập đầu vào công việc của "các nhóm hợp tác" của đảng ở ngoài nước. Vào đầu cuộc chiến, ông có lập trường quốc gia rõ rệt, điều này được ông cố minh chứng trong nhiều lá thư gửi từ Lônđôn. Một, hai lá thư loại ấy cũng đến địa chỉ tôi. Nhưng ông gần gũi khá nhanh chóng với những người theo chủ nghĩa quốc tế và trở thành cộng tác viên tích cực của tờ *Nasé Xlôvơ* ở Pari do tôi làm chủ nhiệm. Cuối cùng, ông bị người Anh bắt giam. Tôi đòi phải trả tự do cho ông. Các cuộc đàm phán kéo dài. Tôi dọa sẽ có những biện pháp trả đũa với người Anh.

Đại sứ Anh Biucanon viết trong nhật ký:

Trong lập luận của Trótxki, cuối cùng cũng có phần đúng: nếu chúng ta tự cho mình quyền bắt giữ những người Nga tuyên truyền hòa bình trong một nước muốn tiếp tục chiến tranh thì phe bên kia cũng có quyền bắt các công dân Anh tuyên truyền cho chiến tranh trong một nước muốn hòa bình.

Tritrêrin được trả tự do. Ông về Mátxcova thật đúng lúc. Tôi thờ phào nhẹ nhõm khi trao cho ông bánh lái ngoại giao của chính phủ. Tôi không hề đặt chân vào Bộ. Thỉnh thoảng, Tritrêrin hỏi ý kiến tôi qua điện thoại. Mất đến ngày 13 tháng Ba, người ta mới công bố việc tôi rời chức lãnh đạo Bộ Dân ủy Ngoại giao; đồng thời, tôi được bổ nhiệm làm dân ủy Quốc phòng và chủ tịch Hội đồng Quân sự Tối cao, ra đời trước đó ít lâu do tôi đề xướng.

Bằng cách ấy, Lênin đạt được điều ông muốn. Ông lợi dụng đề nghị xin từ chức của tôi — do những bất đồng quan điểm trong cuộc hòa đàm ở Bờrét — chỉ để thực hiện ý định ban đầu của ông tùy theo hoàn cảnh đã đổi thay. Bởi lẽ kẻ thù bên trong đã chuyển từ những âm mưu bạo loạn sang việc tạo dựng các đạo quân và thành lập các mặt trận, Lênin muốn tôi lãnh đạo Bộ Dân ủy Quốc phòng. Khi ấy, ông lôi kéo được cả Xvéclốp theo ông. Tôi cố phản đối.

— Vậy đồng chí bảo chúng ta đưa ai vào đấy? Thử nói tên xem! — Lênin phản công.

Tôi ngậm ngẫm và nhận lời.

Tôi có được chuẩn bị để làm nghề quân sự hay không? Có nhiên là không. Hồi xưa, tôi cũng không đi lính trong quân đội Nga hoàng. Những năm phải làm nghĩa vụ quân sự của tôi đã trôi qua trong tù đầy và lưu vong. Năm 1906, tòa án còn tước hết các quyền công dân và nghĩa vụ quân sự của tôi.

Trong chiến tranh vùng Bancăng [Balkans], tôi gần gũi hơn với các vấn đề quân sự, khi đó tôi ở vài tháng ở Xécbia [Serbie], Bungari [Bulgarie] và sau đó, ở Rumania [Roumanie]. Tuy nhiên, lúc đó tôi tiếp cận sự việc theo quan điểm chính trị tổng quát hơn là quan điểm quân sự thuần túy. Và lại, cuộc Thế chiến đã khiến mọi người trong đó có tôi làm quen với các vấn đề quân sự. Công việc hàng ngày của tôi ở tờ *Nasé Xlôvơ* và việc cộng tác với tờ *Kiép-xcaia Muxli* [Kievskaja Mysl] (Tư tưởng Kiép) khiến tôi tập trung các tin tức và những điều quan sát vào một hệ thống thống nhất. Nhưng trước hết, dù sao tôi cũng mới chỉ coi chiến tranh như sự tiếp nối của chính trị và quân đội như công cụ của thứ chính trị ấy. Đối với tôi, các vấn đề tổ chức và kỹ thuật quân sự vẫn nằm trong hậu trường. Ngược lại, tâm lý quân sự — trại lính, hầm hào, chiến đấu, quân y viện — là những điều tôi rất chú ý. Tất cả những điều này rất có ích cho tôi về sau.

Ở các nước theo thể chế nghị viện, nhiều khi những trạng sư hoặc nhà báo đứng đầu các Bộ Chiến tranh và Hải quân, cũng như tôi, họ thường theo dõi các sự kiện liên quan đến quân đội từ cánh cửa sổ tòa báo, có điều trụ sở tòa soạn của họ có thể đầy đủ tiện nghi hơn. Tuy thế, sự khác biệt vẫn hiển nhiên. Trong các nước tư bản, vấn đề là duy trì một quân đội đã tồn tại, nghĩa là về căn bản, có thể nói về cái vỏ bọc thuần chính trị của một hệ thống quân phiệt tự trị. Nhưng trong trường hợp chúng tôi, điều cần thiết là phải quét sạch vĩnh viễn những tàn dư của quân đội cũ và thay vào đó, dưới lửa đạn dữ dội, một quân đội mới mà cấu trúc của nó hiện tại không thể tìm thấy trong bất kỳ cuốn sách nào. Tất cả những điều này đủ giải thích tại sao tôi bắt đầu công việc quốc phòng một cách không mấy tự tin. Tôi chỉ nhận gánh vác vì không

ai làm việc ấy.

Tôi không coi mình là chiến lược gia một chút nào. Hoàn toàn không tự phụ, tôi chấp nhận lối chiến lược tài tử đang lan tràn, xuất phát trong đảng dưới tác động của cách mạng. Đúng là trong ba trường hợp — cuộc chiến chống Đênhikin [Dénikine], phòng thủ Pêtorôgorát và chiến đấu chống Pinxúttxki [Pilsudski] —, tôi đại diện cho quan điểm chiến lược độc lập và khi thì chống lại Bộ Tham mưu, khi thì chống lại đa số trong Ban Trung ương để bảo vệ những ý kiến chiến lược của mình. Nhưng trong các trường hợp đó, thái độ của tôi được xác định bởi những quan điểm chính trị và kinh tế, chứ không bởi các quan điểm quân sự thuần túy. Và lại, phải nói rằng các vấn đề chiến lược lớn cũng không thể giải quyết theo cách khác.

Tôi chuyển công tác đúng vào dịp chính phủ thay đổi thủ phủ. Cố nhiên, việc di chuyển chính quyền trung ương về Mátxcova là một đòn lớn đối với Pêtorôgorát. Việc rời đô gặp phải sự kháng cự mãnh liệt, gần như đồng loạt. Đứng đầu phe đối lập này là Dinôviép, khi đó đã được bầu làm chủ tịch Xô-viết Pêtorôgorát. Anh có bạn đồng hành là Lunatrácxki, ít ngày sau cách mạng tháng Mười đã xin từ chức vì không muốn chịu trách nhiệm về việc phá hoại (giả tướng) nhà thờ Vaxili Blagienni [Saint Basile] ở Mátxcova. Giờ đây, Lunatrácxki trở lại cương vị của mình và không muốn rời tòa nhà Xmôn-nui vì anh coi đó là "biểu tượng của cách mạng". Những người khác đưa ra các lý lẽ thực tiễn hơn. Đa số chủ yếu e ngại sự thay đổi sẽ có tác động bất lợi đến công nhân Pêtorôgorát. Kẻ thù tung tin chúng tôi đã cam kết trao Pêtorôgorát cho hoàng đế Ghiôm [Guillaume]. Nhưng chúng tôi cùng Lênin, ngược lại, thấy việc rời chính phủ về Mátxcova chẳng những an toàn hơn cho chính phủ, mà cho cả Pêtorôgorát nữa. Mưu toan chiếm đoạt thủ đô, đồng thời bắt được chính phủ bằng một cuộc tấn công chớp nhoáng, hẳn rất hấp dẫn đối với nước Đức và với cả Đồng minh. Nhưng chiếm lấy Pêtorôgorát đang đói khát khi chính phủ đã rời khỏi đây lại là một việc hoàn toàn khác.

Cuối cùng, sự phản kháng bị bẻ gãy. Đa số các ủy viên Ban Trung ương đồng tình việc di chuyển và ngày 12 tháng Ba năm 1918, chính phủ dời trụ sở về Mátxcova. Để cân bằng việc hạ cấp thành phố mẹ đẻ của tháng Mười, tôi ở rón lại Pichéc [Piter] tám hoặc mười ngày. Ban quản lý đường sắt còn giữ tôi lại mấy giờ ở nhà ga: phá hoại ngầm đã giảm, nhưng vẫn còn khá mạnh. Tôi đến Mátxcova một ngày sau khi được bổ nhiệm vào chức dân ủy Quốc phòng.

Điện Kremli với những bức tường thành thời Trung cổ và vô số những mái vòm vàng chóc là hiện tượng hoàn toàn nghịch lý với vai trò thành trì của nền chuyên chính vô sản. Kể ra, điện Xmôn-nui, ngày xưa là viện giáo dục của các thiếu nữ quý tộc, cũng không được xây dựng để đón những đại biểu công nhân, binh lính và nông dân...

Cho đến tháng 3-1918, tôi chưa từng đến Kremli cũng như chưa hề biết Mátxcova, ngoại trừ một tòa nhà: nhà tù Buturroca [Boutyrki], nơi tôi bị giam cầm sáu tháng vào mùa đông lạnh lẽo năm 1898-1899.

Nếu là du khách, bạn có thể chiêm ngưỡng thành Kremli cổ xưa cùng lâu đài của Ivan Bạo chúa hoặc lâu đài Goranôvitaia [Granovitaia]. Nhưng chúng tôi phải ở lại lâu ngày giữa những bức tường đó. Sự tiếp xúc mật thiết hàng ngày của hai thái cực lịch sử trái ngược, hai nền văn hóa không thể dung hòa khiến chúng tôi sừng sốt và thấy khô hải. Đi xe trên sàn gỗ trước lâu đài Nhicôlai, nhiều lần tôi liếc sang khâu đại bác và quả chuông Nga hoàng. Sự man rợ nặng nề của Mátxcova lộ ra ở vết nứt của quả chuông và đầu họng pháo. Hoàng tử Hăm-lét [Hamlet] hẳn có quyền nhắc lại ở nơi này: "Thời đại đã rạn nứt, có phải ta sinh ra để vá vùi lại chúng?" Nhưng trong chúng tôi không có chút "Hăm-lét" nào. Khi thảo luận những vấn đề quan trọng nhất, Lênin thường thường chỉ chấp nhận cho các diễn giả hai phút để phát biểu. Người ta có thể suy ngẫm về các mâu thuẫn trong sự phát triển của đất nước lạc hậu này chừng hơn một phút rưỡi, khi người ta đụng chạm đến quá khứ Kremli giữa hai phiên họp. Nhưng người ta không thể phát biểu dài hơn.

Năm đối diện với phần chính của tòa nhà Cavalécxki [Kavalersky] (Hiệp sĩ), lâu đài Pôchétxni [Potiechny] (Hí viện) trước cách mạng là nơi ở của các viên chức điện Kremli. Viên chỉ huy trưởng điện Kremli sử dụng toàn bộ tầng dưới cùng của lâu đài. Vào thời chúng tôi, căn hộ của ông ta đã được chia làm nhiều phần. Phòng của Lênin ở cuối hành lang, phòng chúng tôi ở đầu kia. Ăn uống ở phòng chung. Trong điện Kremli hồi đó, việc ăn uống rất tồi tệ. Thay cho thịt tươi, chúng tôi chỉ có thịt bò ướp muối. Bột và mì hột đầy cát. Chỉ có trứng cá đỏ là nhiều vì chúng tôi đã ngừng việc xuất khẩu. Thử trứng cá đỏ không thể thiếu được ấy luôn đi kèm những năm đầu của cách mạng trong trí óc nhiều người.

Người ta sửa lại chiếc đồng hồ nhạc của tháp Xpátxcaia [Spasskaia]. Từ nay, thay bài *Cầu Chúa phủ hộ cho Nga hoàng*, các chuông cô phát ra âm điệu *Quốc tế ca* mười lăm phút một lần, chậm rãi và mơ tưởng. Xe hơi được phép đi vào đường hầm mái tròn của tháp Xpátxcaia. Trên đường hầm có một bức tranh thánh bằng kính đã vỡ, trước bức tranh là ngọn đèn đã tắt từ lâu. Đi từ điện Kremli ra, mắt tôi luôn dừng lại trước bức tranh thánh, trong khi tai tôi lại nghe giai điệu *Quốc tế ca* từ trong vắng ra. Bên trên tháp chuông, con phượng hoàng hai đầu mạ vàng vẫn lơ lửng. Người ta chỉ vớt cái vương miện của nó. Tôi góp

ý nên cấm búa và liềm lên đầu con phượng hoàng để sự "thay đổi thời cuộc" nhìn xuống chúng tôi từ đỉnh cao của tháp Xpátxcaia. Nhưng người ta không có thì giờ làm việc đó.

Mỗi ngày, Lênin và tôi gặp nhau ít nhất mười lần ở hành lang. Chúng tôi, người nọ đến chỗ người kia, trao đổi với nhau những nhận xét; những dịp gặp gỡ ấy đôi khi kéo dài mười, thậm chí mười lăm phút; đối với chúng tôi, đó là khoảng thời gian không nhỏ. Hồi ấy, Lênin hay nói chuyện, cố nhiên theo mức độ của ông. Có quá nhiều cái mới, cái lạ đang chờ chúng tôi, chúng tôi phải điều chỉnh lại bản thân và những người khác. Vì thế, chúng tôi có nhu cầu từ cái riêng đến cái chung, rồi lại từ cái chung về cái riêng. Đám mây nhỏ của những bất đồng ở Bòrét-Litópco tan biến không dấu vết. Lênin hết sức chân tình và chu đáo với tôi và gia đình tôi. Ông thường tóm lũ con trai tôi ở hành lang và vui đùa với chúng.

Trong phòng tôi, đồ đạc làm bằng gỗ phong vùng Carêli [Carélie]. Trên lò sưởi, cái đồng hồ quả lắc được tô điểm bởi tượng thần Amô [Amour] và Poxuykhê [Psyché] đánh hồi chuông lanh lảnh. Tất cả mọi thứ đều không thuận tiện cho công việc. Một vẻ nhân nhả quý tộc toát lên từ mỗi chiếc ghế bành. Nhưng thực tế tôi không mấy khi về phòng, hơn nữa, trong các năm đầu tôi chỉ về nhà để ngủ, sau những trận "tập kích bất ngờ" từ mặt trận về Mátxcova.

Hình như ngay hôm tôi từ Pétorôgorát về, tôi và Lênin trò chuyện giữa các đồ đạc bằng gỗ phong vùng Carêli này. Thân Amô và Poxuykhê phát ra những hồi chuông ngân nga làm đứt đoạn câu chuyện chúng tôi. Chúng tôi nhìn nhau, dường như cùng gặp nhau trong một suy nghĩ: quá khứ ảm náu trong góc phòng đang lắng nghe chuyện chúng tôi. Thứ quá khứ ấy bao vây chúng tôi ở mọi phía, và chúng tôi theo dõi nó — không mấy tôn kính, cũng không căm ghét — với một chút mỉa mai. Không đúng nếu bảo chúng tôi đã làm quen với sự bày biện bên trong của điện Kremli; cuộc sống của chúng tôi quá năng động, chúng tôi không có thì giờ để "làm quen". Đôi lúc, chúng tôi nhìn thoáng qua trang trí trong Điện và nói với các tượng thần Amô và Poxuykhê bằng vẻ châm biếm thiện ý: "Các người không chờ đón chúng tôi, phải không? Chẳng làm gì được đâu, các người phải làm quen với chúng tôi thôi." Chúng tôi buộc các sự vật phải thuần hóa theo mình.

Chúng tôi vẫn giữ nguyên số nhân viên cấp dưới trong đội ngũ phục dịch của điện Kremli. Họ đón chúng tôi với vẻ lo âu. Chế độ cung đình ở đây hà khắc gần như thời nô lệ, chức tước được truyền từ đời cha qua đời con. Trong vô số kẻ hầu người hạ đủ loại ở điện Kremli, có không ít những ông già đã phục vụ dưới nhiều triều đại Nga hoàng.

Trong số họ, có một ông già bé nhỏ, râu cạo nhẵn nhụi, rất có ý thức trách nhiệm. Tên ông là Xtupisin [Stoupichine], thời xưa từng khiến đám tôi tỏ phẫn khiếp đảm. Ngày nay, lũ thanh niên nhìn ông với vẻ tôn kính xưa kia, trộn lẫn với một thứ thách thức. Không biết mỏi mệt, ông lê gót trong các hành lang, đẩy lại các ghế bành về chỗ của chúng, quét bụi, cố gắng duy trì ít ra là cái bề mặt của trật tự cũ. Vào bữa trưa, chúng tôi nhận được xúp báp cải loãng và món cháo lúa mạch đen chưa bóc hết vỏ, nhưng lại được bày trong những cái đĩa vẽ hình quốc huy Nga hoàng.

— Mẹ nhìn xem, ông ấy làm cái gì kia? — một lần Xêriôgia thì thầm với mẹ nó.

Ông già lướt đi như một cái bóng sau các ghế bành và xoay nhẹ từng cái đĩa. Xêriôgia là người đầu tiên đoán ra cốt lõi của sự việc: con đại bàng hai đầu trên rìa chiếc đĩa bao giờ cũng phải đặt ngay ngắn trước mặt thực khách.

— Đồng chí có nhận ra ông già Xtupisin không? — tôi hỏi Lênin.

— Làm sao mà không nhận ra? — ông đáp, vẻ châm biếm nhẹ nhàng.

Đôi khi, chúng tôi đặc biệt thương hại những ông già mất gốc ấy. Chẳng bao lâu, Xtupisin rất yêu quý Lênin. Khi Lênin chuyển sang một tòa nhà khác, gần trụ sở của Hội đồng Dân ủy hơn; ông già chuyển tình cảm ấy sang tôi và vợ tôi sau khi ông nhận thấy chúng tôi tôn trọng trật tự và biết đánh giá đúng đắn nỗ lực của ông.

Đội ngũ hầu cận chẳng mấy chốc được giải tán và được thay thế bằng những thanh niên thích nghi nhanh chóng hơn với chế độ mới. Xtupisin không muốn về hưu, người ta bổ nhiệm ông làm người gác cổng Cung điện lớn — nay trở thành bảo tàng — và ông hay đến tòa nhà Cavalécxki để "xem qua một tý", như cách nói của ông. Sau này, Xtupisin lại gác gian phòng Thánh Andơrây [André] trong các kỳ đại hội và hội nghị. Xung quanh ông, trật tự lại được thiết lập và bản thân ông cũng làm nhiệm vụ như trong các buổi tiếp khách của Nga hoàng hoặc các vương hầu, chỉ khác là hiện nay Quốc tế Cộng sản hội họp trong gian phòng. Ông chia sẻ số phận với những quả chuông tháp Xpátxcaia, thời trước ca tụng Nga hoàng, nay ca tụng cách mạng.

Năm 1926, ông già hấp hối rất lâu trong bệnh viện. Vợ tôi gửi ông một chút đồ ngọt khiến ông trào nước mắt vì biết ơn.

Mátxcova-Xô-viết đón chúng tôi trong sự hỗn độn. Ở đây cũng có một Hội đồng Dân ủy, chủ tịch là sử gia Pôcôrôpxki [Pokrovsky], người ít thích hợp nhất trong vai trò ấy.

Quyền lực của Hội đồng Dân ủy Mátxcova bao trùm cả những miền lân cận mà chẳng ai xác định được biên giới. Nó nhận về mình cả khu Áckhanghenxơ [Arkhangelsk] về phía Bắc và Cuốcxơ [Kursk] về phía Nam. Như vậy ở Mátxcova, chúng tôi thiết lập một chính quyền, chưa mấy vững vàng mà quyền lực đã lan rộng ra các vùng chính yếu của đất nước Xô-viết. Mâu thuẫn lịch sử giữa Mátxcova và Pêtorôgorát vẫn tồn tại sau cách mạng tháng Mười. Hội xưa Mátxcova còn là một làng lớn khi Pêtorôgorát đã là một thành phố. Mátxcova là một xóm dân cư gồm những địa chủ, thương gia, Pêtorôgorát là thành phố của quân đội và viên chức. Mátxcova được coi là trung tâm thuần Nga, thân Xlavo, trái tim của nước Nga, nơi người ta tiếp khách với bánh mì và muối. Pêtorôgorát thuộc về châu Âu không nhân cách, ích kỷ, là trung tâm bộ não quan liêu của đất nước. Mátxcova áp dụng ngành công nghiệp dệt, Pêtorôgorát phát triển công nghiệp luyện kim. Các mặt đối lập như thế là sự phóng đại thường thấy trong văn học của những khác biệt có thể nhận ra trong thực tế. Chúng tôi cảm thấy ngay những điều này. Chủ nghĩa yêu nước địa phương có ảnh hưởng lớn đến cả những người bên-sê-vích ở Mátxcova.

Để giải quyết các mối quan hệ với Hội đồng Dân ủy Mátxcova, một ủy ban được thành lập do tôi làm chủ tịch. Đây là một công việc đặc biệt. Vô cùng kiên nhẫn, chúng tôi phân chia quyền hạn của các Hội đồng Dân ủy vùng, giành cho trung ương những gì thuộc về nó. Trong khi tiến hành công việc, chúng tôi nhận ra không cần có một chính phủ Mátxcova thứ hai. Bản thân những người Mátxcova cũng thừa nhận cần thiết phải giải thể Hội đồng Dân ủy của họ.

Trong lịch sử nước Nga, lần thứ hai, giai đoạn Mátxcova trở thành giai đoạn thống nhất quốc gia và thành lập các cơ quan hành chính. Bây giờ, ngay cả Lênin cũng nôn nóng, giọng nói mĩa mai, đôi khi nhạo báng thẳng thừng, ông gạt bỏ những ai cứ tiếp tục trả lời mọi câu hỏi bằng các công thức tuyên truyền chung chung sẵn có. Pha trộn sự nổi giận và hiền từ, ông tấn công các đối thủ:

— Này anh bạn của tôi, đồng chí tướng vẫn còn ở điện Xmôn-nui à?

Hoặc ông ngắt lời một diễn giả lạc đề nào đó:

— Cứ như là chúng ta vẫn còn ở điện Xmôn-nui! Cố gắng vận động bộ não lên một chút nào! Đã từ lâu chúng ta không còn ở Xmôn-nui, chúng ta đã tiến bước rồi...

Không bao giờ Lênin hà tiện một hai từ ngữ dứt khoát đối với quá khứ, khi ông cần chuẩn bị cho tương lai. Trong công việc này, chúng tôi sánh vai nhau tiến bước. Lênin rất tỉ mỉ. Bản thân tôi có lẽ hơi quá mô phạm. Chúng tôi đấu tranh không mệt mỏi chống sự cầu thả và lơ lửng. Tôi đưa ra những biện pháp nghiêm ngặt chống những chậm trễ và chống việc hội họp vào các thời điểm không chính xác. Từng bước một, sự hỗn độn lùi bước trước trật tự.

Trước các phiên họp thảo luận những vấn đề mang tính nguyên tắc hoặc những vấn đề trở nên quan trọng bởi xung đột giữa các cơ quan có thẩm quyền, Lênin thường xuyên gọi điện cho tôi và khẩn thiết đề nghị tôi tìm hiểu trước các vấn đề ấy.

Thư tịch ngày nay về những bất đồng quan điểm giữa Lênin và Trótxki đầy rẫy những giả mạo. Cố nhiên chúng tôi cũng có những bất đồng, nhưng trong vô số dịp, chúng tôi lại đồng tình với nhau sau một dịp trao đổi qua điện thoại, hoặc có khi hoàn toàn độc lập với nhau. Khi vỡ lẽ là chúng tôi nhìn nhận một vấn đề nào đó giống nhau, sau đó không ai trong hai người nghi ngờ việc chúng tôi đã thành công đề ra quyết định phù hợp. Có lúc, khi Lênin e ngại trước phản kháng đáng kể của ai đó, ông nhắc tôi qua điện thoại:

— Nhất thiết đồng chí phải đi họp. Tôi sẽ để đồng chí phát biểu trước tiên.

Tôi nói trong vài phút, giữa chừng Lênin chêm vào một hai lần: "Đúng đấy!" và điều này quyết định vấn đề. Không phải vì người ta không dám phản đối chúng tôi. Thời ấy còn chưa có sự tuân thủ ngặt nghèo ý kiến của lãnh đạo như thời nay; chưa có sự sợ hãi nhục nhã cho rằng người ta có thể làm hại bản thân do một lời nói chen không đúng chỗ hoặc một biểu quyết sai lầm. Tinh thần nô lệ quan liêu càng ít bao nhiêu, uy tín ban lãnh đạo càng cao bấy nhiêu. Nếu chúng tôi không đồng ý với Lênin, những cuộc tranh luận rất dữ dội có thể nổ ra và chúng cũng đã nổ ra. Nhưng nếu chúng tôi đồng ý với nhau, việc bàn luận vấn đề kết thúc rất nhanh chóng. Khi chúng tôi chưa có khả năng thống nhất ý kiến từ trước, Lênin chuyển cho tôi những mẩu giấy nhỏ trong phiên họp. Nếu giữa chừng ông thấy chúng tôi không đồng ý kiến, Lênin lái cuộc thảo luận theo hướng tri hoãn vấn đề. Nếu tôi không đồng ý một chuyện gì, đôi khi tôi viết những mẩu giấy trả lời với giọng khô hời làm Lênin rung rung thân mình khi đọc. Ông rất dễ cười, nhất là khi mệt. Cái nét con trẻ ấy đọng lại con người ông. Và lại, con người kiên định nhất trong số tất cả mọi người ấy lại có những tính cách con trẻ. Tôi đặc biệt nhìn ông những lúc ông cố nén con cười, trong khi vẫn tiếp tục làm chủ tọa một cách trang nghiêm. Khi ấy, lưỡng quyền của ông lại càng nhô lên vì nỗ lực.

Bộ Dân ủy Quốc phòng nằm trong thành phố, đây là nơi tập trung công việc của tôi, không chỉ công việc quân sự mà cả công tác đảng, viết lách và các công việc khác. Không ai đến chỗ tôi trong tòa lâu đài Cavalécxki. Họ tìm tôi ở Bộ Dân ủy trong những vụ việc chính thức, ngoài ra chẳng ai nghĩ đến chuyện

"thăm hỏi" vì chúng tôi quá bận bịu. Tôi cùng vợ tôi đi làm về vào khoảng năm giờ chiều. Bây giờ, tôi lại có mặt ở Bộ để dự các phiên họp tối. Khi cách mạng đã vào thế ổn định, nghĩa là rất lâu sau này, tôi dành những giờ buổi tối để nghiên cứu và viết lách.

Vợ tôi bắt đầu làm việc ở Bộ Dân ủy Giáo dục, tại đó cô giải quyết những vụ việc liên quan đến các bảo tàng và di tích lịch sử. Cô phải bảo vệ kỷ niệm của quá khứ trong hoàn cảnh nội chiến và đây không phải một nhiệm vụ dễ dàng. Cả Bạch vệ, cả Hồng quân đều không có xu hướng đề tâm đến các di tích lịch sử, các pháo đài tinh lẻ hoặc các nhà thờ cổ sơ. Như thế, nhiều khi nổ ra những vụ to tiếng giữa Bộ Quốc phòng và Ban quản lý Bảo tồn và Bảo tàng. Những người gìn giữ các lâu đài và nhà thờ lớn trách quân đội ít tôn trọng văn hóa. Những chính ủy lại buộc tội những người bảo vệ các báu vật, rằng họ coi trọng vật chết hơn người sống. Kết quả là về mặt hình thức, tôi luôn có những mâu thuẫn quyền lợi hành chính với vợ tôi. Trong đề tài này, khá nhiều chuyện hài hước đã diễn ra.

Vào thời gian này, tôi giữ liên hệ với Lênin chủ yếu qua điện thoại. Chúng tôi gọi cho nhau khá thường xuyên về những vụ việc đủ loại. Các bộ khác hay kiếm chuyện và phàn nàn về Hồng quân. Khi ấy, Lênin liền gọi cho tôi ngay. Năm phút sau, ông hỏi tôi có thể bỏ chút thời gian làm quen với một ứng cử viên Dân ủy Bộ Canh nông hay Ban Thanh tra để có ý kiến về anh ta. Một giờ sau, Lênin lại tham gia để đối chọi với Bukharin hay không? Rồi một vấn đề mới: cơ quan quân sự có thể điều động xe tải ra mặt trận phía Nam để chở lương thực tiếp tế về các ga? Lại nữa giờ sau Lênin hỏi tôi có biết những bất đồng tư tưởng trong nội bộ đảng Cộng sản Thụy Điển? Và điều này xảy ra hàng ngày trong thời kỳ tôi ở Mátxcova.

Sau khi quân Đức bắt đầu cuộc tấn công, thái độ của người Pháp — ít nhất là của những người tinh táo nhất — thay đổi tận gốc rễ. Họ đã hiểu ra những truyền thuyết về sự thỏa hiệp bí mật giữa chúng tôi với dòng họ Hôhendôlécơ là xuẩn ngốc đến chùng nào. Họ cũng thấy rõ ràng rằng chúng tôi không thể tham gia cuộc chiến. Một số sĩ quan Pháp còn tự mời chúng tôi ký hòa ước để tranh thủ thời gian. Ý định này được một quý tộc bảo hoàng Pháp — một gián điệp chột mang mắt giả bằng thủy tinh —, với vẻ nhiệt thành đặc biệt, đòi cho kỳ được phục vụ tôi, kể cả trong những nhiệm vụ nguy hiểm nhất.

Người thay thế Nítxen, tướng Lavécơ cho tôi những lời khuyên không ích lợi mấy nhưng dưới hình thức rất thiện ý, và với phong cách vô cùng thận trọng và khéo léo. Theo ông, từ nay chính phủ Pháp sẽ coi trọng hòa ước Bôrét và sẽ tìm cách giúp đỡ chúng tôi thành lập quân đội một cách vô tư. Ông đề nghị để tôi sử dụng các sĩ quan của phái bộ Pháp đông đúc vừa rút từ Rumania về. Hai người trong số họ — một đại tá và một đại úy — ở ngay đối diện Bộ Dân ủy Quốc phòng, sẵn sàng chờ lệnh tôi vào bất cứ lúc nào. Phải thú thực: tôi ngờ họ thành thạo công tác tinh báo hơn là quản lý quân đội. Họ trình lên tôi những bản báo cáo viết tay mà tôi không có thì giờ lướt qua vì quá bận bịu trong những ngày ấy.

Một trong những tình tiết của giai đoạn "tạm đình chiến" ngắn ngủi ấy là việc các phái đoàn quân sự Đồng minh đến gặp tôi. Có nhiều phái đoàn hoạt động ở Mátxcova và xét về thành phần, họ cũng khá đông đảo. Chừng hai chục người nhào vào căn phòng làm việc nhỏ của tôi. Lavécơ giới thiệu họ. Vài người khách nói những lời ca tụng. Nổi bật trong nhóm này là một viên tướng Ý to béo, ông chúc mừng chúng tôi đã quét sạch những phần tử cướp bóc khỏi Mátxcova: "Bây giờ đã có thể sống yên ổn tại Mátxcova như ở bất kỳ một thủ đô nào khác trên thế giới" — ông nói, kèm theo nụ cười rất khả ái.

Tôi cho rằng ông nói hơi quá. Nhưng về sau, rõ ràng là chúng tôi không còn gì để trao đổi với nhau nữa. Các vị khách không dám đứng dậy và ra về, tôi thì không biết làm cách nào để dứt khỏi họ. Cuối cùng, tướng Lavécơ giúp tất cả chúng tôi ra khỏi tình cảnh khó khăn: ông hỏi tôi có phản đối gì không nếu các tùy viên quân sự thôi không quấy rầy tôi nữa. Tôi đáp: dù tôi rất tiếc vì phải từ giã một nhóm người được chọn lọc như thế, nhưng tôi không dám phản đối. Trong đời mỗi người đều có những hoạt cảnh mà ta nhớ lại với nụ cười gượng gạo. Cuộc hội kiến của tôi với các phái bộ quân sự của Liên minh là một trong số những hoạt cảnh như thế.

Bộ Quốc phòng chiếm phần lớn thì giờ của tôi và ngày càng gia tăng, bởi bản thân tôi cũng phải khởi đầu tất cả từ những nền móng cơ bản. Trên phương diện kỹ thuật và tác chiến, trước hết tôi cho rằng nhiệm vụ của tôi là xếp đặt những người thích hợp vào các vị trí thích hợp và cho họ khả năng tung hoành. Công tác chính trị và tổ chức liên quan đến việc thành lập ra quân đội hoàn toàn gắn bó với công tác đảng. Đây là con đường duy nhất dẫn đến thành công.

Trong số các cán bộ đảng ở Bộ Dân ủy Quốc phòng, tôi phát hiện ra bác sĩ quân y Xcolianxki [Skliansky]. Mặc dù còn trẻ — anh vừa tròn hai sáu tuổi vào năm 1918 —, Xcolianxki nổi bật về sự am hiểu công việc, tài năng xuất sắc, về sự kiên trì, về khả năng đánh giá con người và tình huống, nghĩa là những phẩm chất làm nên một cán bộ quản lý giỏi. Tôi hội kiến với Xvéclốp, người không thể thay thế được trong những vụ việc như thế, và tôi chọn Xcolianxki làm phụ tá của tôi. Không bao giờ tôi phải hối tiếc về lựa chọn này. Chức vụ thứ trưởng Bộ Dân ủy Quốc phòng ngày càng trở nên quan trọng vì phần lớn

thời gian tôi ở các mặt trận. Lúc tôi vắng mặt, Xcolianxki chủ tọa trong Hội đồng Quân sự Cách mạng, anh lãnh đạo toàn bộ công việc của Bộ Dân ủy, chủ yếu là việc cung ứng cho các mặt trận, và cuối cùng anh đại diện Bộ Dân ủy Quốc phòng trong những phiên họp của Hội đồng Quốc phòng do Lenin làm chủ tọa. Nếu có một ai mà chúng ta có thể so sánh với Lada Cacánô [Lazare Carnot] của cách mạng Pháp thì người đó chính là Xcolianxki. Anh luôn luôn chính xác, không biết mệt mỏi, tinh táo và thông suốt công việc. Xcolianxki ký đa số các chỉ thị của Bộ Dân ủy Quốc phòng. Vì báo chí trung ương và sách vở địa phương cũng đăng tải các sắc lệnh đó, tên tuổi Xcolianxki được biết đến ở khắp mọi nơi.

Như mọi nhà quản lý nghiêm chỉnh và cương quyết khác, anh cũng có khá nhiều kẻ thù. Tài năng và tuổi đời trẻ trung của anh gây ra sự đố kỵ của khá nhiều kẻ tầm thường có tuổi. Ở sau hậu trường, Xtalin kích bác những kẻ này. Xcolianxki bị tấn công lên lút, ngấm ngấm, nhất là khi tôi vắng mặt. Lenin biết anh rất rõ trong Hội đồng Quốc phòng, ông luôn hết mình bảo vệ anh những lúc cần thiết.

— Một cán bộ tuyệt vời — ông luôn nhân mạnh. — Đồng chí ấy làm việc rất xuất sắc.

Xcolianxki không thêm đề tâm đến những âm mưu. Anh lặn mình vào công việc: nghe ngóng báo cáo của các chính ủy quân sự, thu thập thông tin về công nghiệp, tính toán số lượng vũ đạn luôn thiếu thốn, chăm hết điều thuốc này đến điều khác, anh thảo luận trực tiếp trên đường dây điện thoại, anh điều các cán bộ chỉ huy đến máy điện thoại và lập các bản thông báo cho Hội đồng Quốc phòng. Người ta có thể gọi điện cho anh ngay cả vào hồi hai hay ba giờ sáng, Xcolianxki luôn ở vị trí của mình trong Bộ Dân ủy.

— Thông thường đồng chí ngủ khi nào? — tôi gan hỏi anh và anh luôn nói đùa để tránh khỏi phải trả lời.

Tôi hài lòng nhớ lại rằng trong thực tế, Bộ Dân ủy Quốc phòng không hề biết đến những phe nhóm và sự cãi cọ đã có ảnh hưởng nặng nề trong hoạt động của các cơ quan khác. Căng thẳng trong công việc, uy tín của nhóm lãnh đạo, sự lựa chọn nhân lực đúng đắn và nghiêm khắc, loại trừ mọi thứ ăn cánh cá nhân, cảm tình móc ngoặc, tinh thần trung thực cao độ: tất cả những điều này đảm bảo cho một cơ chế đồ sộ — không quá trật tự và có thành phần vô cùng đa dạng — có thể hoạt động đều đặn. Và trong tất cả việc này, Xcolianxki có vai trò rất lớn.

Cuộc nội chiến đã đưa tôi khỏi công việc trong Hội đồng Dân ủy. Chỗ ở của tôi là toa tàu hỏa hoặc xe hơi. Trong những tuần hoặc những tháng rong ruổi, tôi tách quá xa khỏi công việc của chính phủ để rồi lại phải tham dự như thường vào đó trong các dịp lưu trú ngắn ngủi ở Mátxcova.

Tuy nhiên, những vấn đề quan trọng nhất được quyết định trong Bộ Chính trị. Đôi khi tôi về dự các phiên họp của Bộ Chính trị theo lời mời trực tiếp của Lenin, hoặc ngược lại, với hàng loạt vấn đề mang tính nguyên lý trong chiếc cặp da, qua trung gian Xvéclốp, tôi đề nghị triệu tập phiên họp bất thường của Bộ Chính trị.

Trong những năm tháng đó, đề tài thư từ giữa tôi và Lenin chủ yếu là các vấn đề về cuộc nội chiến: những ghi chép ngắn hoặc những bức điện tín dài bổ sung cho những cuộc nói chuyện trước đó, hoặc chuẩn bị cho những buổi trao đổi sắp tới. Mặc dầu những tư liệu ấy khá ngắn gọn và súc tích, chúng bộc lộ một cách sáng tỏ nhất những mối tương quan thực sự trong các nhóm lãnh đạo của những người bên-sẽ-vịch. Trong tương lai gần nhất, tôi sẽ công bố khối lượng thư từ đồ sộ này, kèm theo những lời bình cần thiết. Thêm vào đó, đây sẽ là lời phủ nhận đích đáng công trình của trường phái sử học xta-lin-nít.

Khi Uynxon [Wilson] muốn triệu tập một hội nghị hòa giải với sự tham gia của mọi chính phủ trong nước Nga — đây là một trong những ý đồ không tưởng mang tính dạy đời của ông —, ngày 24 tháng Giêng 1919, Lenin gửi cho tôi bức điện mật sau đây đến mặt trận phía Nam:

Uynxon đề nghị một cuộc đình chiến và kêu gọi tất cả các chính phủ của nước Nga đến hội nghị... Tôi cho rằng có lẽ đồng chí phải đến gặp Uynxon.

Như vậy, bất đồng quan điểm thứ yếu giữa chúng tôi thời những cuộc hòa đàm ở Bôrét không hề ngăn trở Lenin tìm đến tôi khi một nhiệm vụ ngoại giao lớn lại được đặt ra, mặc dầu trong giai đoạn ấy công tác quân sự chiếm hết mọi thời gian của tôi. Như mọi người đều biết, sáng kiến hòa bình của Uynxon, cũng như các kế hoạch khác của ông, không đem lại được gì, thành thử cuối cùng tôi cũng không phải lên đường.

Về chuyện Lenin đánh giá công việc quân sự của tôi như thế nào, cạnh hàng trăm bằng chứng xuất phát từ ông, còn lại một mẫu chuyện đặc sắc của Mácxim Goócêki [Maxime Gorki]:

Đập tay xuống mặt bàn, Lenin nói: "Các đồng chí hãy thử chỉ cho tôi một người khác có thể tổ chức được trong vòng chưa đầy một năm một quân đội gần như mẫu mực và giữa chừng, còn chiếm được sự mến mộ của các chuyên viên quân sự. Chúng ta có một người như thế. Chúng ta có tất cả. Và chúng ta sẽ làm nên những kỳ tích."

Cũng trong buổi nói chuyện ấy, theo lời Goócki, Lênin còn nói với ông:

Vâng, vâng, tôi biết. Người ta kể những chuyện dối trá về quan hệ giữa tôi với đồng chí ấy. Con người ta dối trá rất nhiều và tôi nghĩ rằng đặc biệt là về tôi và Trótxki.

Thử hỏi Lênin sẽ nói gì ngày nay, khi những chuyện láo dối được thêu dệt về quan hệ giữa hai chúng tôi đã được nâng lên tầm sự tôn thờ của nhà nước, bắt chắp những thực tế, những tư liệu và lý trí tinh tảo.

Ngày hôm sau của cuộc chính biến, khi tôi từ chối chức dân ủy Nội vụ, cạnh những lý lẽ khác tôi cũng viện lý do chủng tộc của tôi. Trong các vụ việc quân sự, có lẽ sự kiện nhỏ này sẽ đưa lại nhiều điều phức tạp hơn trong việc lãnh đạo dân sự. Nhưng Lênin đã có lý. Trong giai đoạn *đi lên* của cách mạng, vấn đề đó không đóng một vai trò nào. Đúng là trong những hành vi cô động trong hàng ngũ Hồng quân, bọn Bạch vệ đã tìm cách reo rắc những tư tưởng bài Do Thái, nhưng vô hiệu. Có khá nhiều bằng chứng về điều này, ngay cả trong báo chí Bạch vệ. Trong tập *Áckhíp rúxcôli revôliuxi* [Arkhiv russkoi revoliutsii] (Tài liệu lưu trữ về cách mạng Nga) xuất bản ở Béclin, một tác giả Bạch vệ ghi lại tình tiết tuyệt vời sau đây:

Một người Cốtđắc đến thăm chúng tôi, phật ý khi bị ai đó chủ tâm châm chọc rằng hiện nay anh đang phục vụ và chiến đấu dưới quyền một tên Do Thái, cụ thể là Trótxki. Anh ta phản đối gay gắt với toàn bộ niềm tin:

— Làm gì có chuyện ấy! Trótxki không phải là Do Thái! Trótxki là một người quả cảm!... Máu thịt của chúng tôi... Một người Nga... Sự thật là như thế! Còn Lênin, đó là một người cộng sản... Một tên Do Thái? Trótxki là người cùng chung máu thịt với chúng ta... Một chiến sĩ... Một người Nga... Ông ấy thuộc về chúng ta!

Có thể gặp tư tưởng chủ đạo ấy trong cuốn *Đội kỵ binh sắt* của Baben [Babel], người tài ba nhất trong số các nhà văn trẻ của chúng ta. Vấn đề này chỉ có vai trò lớn từ khi một cuộc truy lùng chính trị đối với tôi bắt đầu. Chủ nghĩa bài xích Do Thái và sự chống đối Trótxki ngóc đầu dậy trong cùng một thời gian. Cả hai đều được tầm bổ từ một nguồn: phản ứng của giai cấp tiểu tư sản chống lại Tháng Mười.

CHƯƠNG XXXI

NHỮNG CUỘC ĐÀM PHÁN Ở BỜRÉT - LITÓPXCƠ

Đại hội các Xô-viết phê chuẩn *Sắc lệnh hòa bình* ngày 26 tháng Mười, khi chúng tôi mới chỉ có Pétơrôgorát trong tay. Ngày 7 tháng Mười một, qua đài phát thanh, tôi gửi thông điệp tới các nước Đồng minh và các cường quốc trung tâm với đề nghị ký kết một nền hòa bình chung. Các chính quyền Đồng minh, thông qua những phái viên của họ, tuyên bố với tướng Đukhônhin [Doukhonine] — tổng tư lệnh tối cao — rằng mọi cuộc vận động theo hướng đàm phán riêng rẽ có thể dẫn đến "những hậu quả vô cùng nghiêm trọng". Để trả lời sự đe dọa ấy, tôi đưa ra lời kêu gọi tất cả công nhân, quân nhân và nông dân. Lời kêu gọi ấy quả quyết nói rằng: chúng tôi lật đổ giai cấp tư sản của chính chúng tôi không phải để rồi quân đội chúng tôi lại tiếp tục đổ máu dưới ngọn roi của tư sản nước ngoài. Ngày 22 tháng Mười một, chúng tôi ký một hiệp ước đình chiến toàn diện trên tất cả các mặt trận, từ biển Bantích đến Hắc Hải. Chúng tôi lại đưa ra đề nghị mới đến các nước đồng minh, yêu cầu họ cùng chúng tôi mở những cuộc hòa đàm. Chúng tôi không nhận được hồi âm, nhưng những lời dọa nạt cũng chấm dứt. Dù sao các chính phủ của Liên minh cũng đã hiểu ra được đôi điều.

Các cuộc hòa đàm khởi đầu ngày 9 tháng Chạp, một tháng rưỡi sau khi *Sắc lệnh hòa bình* được thông qua. Khoảng thời gian ấy thừa đủ để các nước Đồng minh thiết lập lập trường riêng của họ.

Ngay từ đầu, phái đoàn chúng tôi đã đưa ra một dự thảo cương lĩnh về những nguyên tắc cơ bản cho một nền hòa bình dân chủ. Phe đối phương đòi ngừng những cuộc đàm phán. Việc nối lại những cuộc thảo luận ngày càng bị đẩy đi xa. Các đoàn đại biểu thuộc bộ tứ Liên minh đụng phải đủ mọi thứ khó khăn nội bộ trong quá trình thảo ra câu trả lời cho lời tuyên bố của chúng tôi. Cuối cùng, họ lên tiếng vào ngày

25 tháng Chạp. Các chính phủ của bộ tứ Liên minh "tán thành" công thức của một nền hòa bình dân chủ: một nền hòa bình dựa trên cơ sở quyền tự quyết của các dân tộc, không xâm chiếm lãnh thổ và không đòi bồi thường chiến tranh.

Ngày 28 tháng Chạp, một cuộc tuần hành khổng lồ cho nền hòa bình dân chủ được tổ chức ở Pêtorôgorát. Không tin tưởng vào hồi âm của người Đức, nhưng quần chúng vẫn coi đó là một thắng lợi tinh thần lớn lao của cách mạng.

Sáng hôm sau, phái đoàn của chúng tôi mang về từ Bô-rét-Litôpxơ những đòi hỏi lạ lùng do Quyloman đưa ra, nhân danh các cường quốc trung tâm.

— Để kéo dài những cuộc đàm phán, cần một người biết kéo dài thời gian — Lênin nói.

Ông khẩn khoản thúc tôi đi Bô-rét-Litôpxơ.

Phải thú thực, tôi lên đường như đến nơi tra khảo. Môi trường gồm những người xa lạ, không có gì giống tôi, bao giờ cũng làm tôi e ngại; nhất là môi trường ở Bô-rét-Litôpxơ. Tôi hoàn toàn không thể hiểu được có những người cách mạng lại sẵn sàng nhận cương vị đại sứ và họ vung vẩy trong môi trường ấy như lũ cá trong nước.

Phái đoàn Xô-viết đầu tiên do Giôphê dẫn đầu ở Bô-rét-Litôpxơ bị phình phờ từ mọi phía. Hoàng thân Lêôpôn [Léopold] xứ Bavière [Bavière] tiếp họ như những "thực khách" của ông ta. Các đoàn đại biểu cùng ăn bữa trưa và bữa tối với nhau. Tướng Hốpman [Hoffmann] chắc hẳn phải để ý đến cái tên Bixencô [Bitsenko] bởi trước đây người phụ nữ ấy đã hạ sát tướng Xakharốp [Sakharov]. Người Đức ngồi vào bàn lẫn với người của chúng ta, và họ cố bòn rút một cách "hữu nghị" những điều họ cần biết. Trong phái đoàn thứ nhất còn có một công nhân, một quân nhân và một nông dân; đó là những người được lựa chọn ngẫu nhiên, họ ít được chuẩn bị để đối phó những mưu mô kẻ trên. Ông cụ nông dân còn hơi bị chuốc rượu trong bữa tiệc.

Bộ Tham mưu của tướng Hốpman còn ra một tờ báo có tựa đề *Rútxki Vétxtônhiç* [Roussky Vestnik] (Sứ giả Nga); thời kỳ đầu tờ báo này lúc nào cũng nói về những người bên-sê-vích với vẻ thiện cảm gây xúc động. "Độc giả của chúng tôi hỏi chúng tôi Trốtxki là ai?" — tướng Hốpman kể với những tù binh Nga.

Và ông ta kể cho họ một cách rất cảm động về cuộc chiến đấu chống chế độ Nga hoàng của tôi, ông nói về cuốn sách của tôi mang tựa đề *Russland in der Revolution* (Nước Nga trong cách mạng) được ấn hành bằng tiếng Đức. "Toàn thể giới cách mạng, muôn người như một, phấn khởi khi nghe tin Trốtxki đã vượt ngục thành công!" Và trong đoạn tiếp, người ta có thể đọc:

Khi chế độ Nga Hoàng vừa bị lật đổ, ít ngày sau khi Trốtxki trở về từ cuộc lưu đày kéo dài nhiều năm, những kẻ thân cận chế độ ấy đã bắt giam ông.

Tóm lại, vào thời ấy, không còn nhà cách mạng háng hái nào hơn Lêôpôn xứ Bavière và Hốpman nước Phổ. Nhưng bản nhạc thân thiện này không kéo dài được lâu. Trong phiên họp ngày 7 tháng Hai ở Bô-rét, phiên họp chẳng thân thiện chút nào, nhìn lại giai đoạn đã qua tôi nhận xét như sau:

Chúng tôi rất tiếc rở những lời tán tụng quá sớm mà báo chí chính thức của Đức và Áo-Hung đã dành cho chúng tôi. Muốn đạt được kết quả thành công trong cuộc hòa đàm, hoàn toàn không cần thiết những điều đó.

Trong vấn đề này, đảng Xã hội Dân chủ cũng chỉ lập lờ trong cái bóng của chính phủ các dòng họ Hôhendôlécơ và Hápso-bua [Habsbourg]. Saidôman [Scheidemann], Êbôt [Ebert] và những người khác thoạt đầu có thái độ muốn vỗ vai chúng tôi, với vẻ bao dung. Tờ *Die Arbeiter-Zeitung* (Báo Người công nhân) ở Viên, số ra ngày 15 tháng Chạp, viết một cách thông thiết rằng cuộc "độ kiểm" giữa Trốtxki và Biucanon tượng trưng cho cuộc đấu tranh lớn lao của thời đại chúng ta: "cuộc đấu tranh của giới vô sản chống tư bản". Trong những ngày khi những ngón tay của Quyloman và Trécnin siết chặt cuống họng cách mạng Nga, những nhà mác-xít Áo chỉ thấy đó là cuộc độ kiểm giữa Trốtxki và... Biucanon! Cho đến nay, tôi vẫn không thể nhắc đến sự giả dối ấy mà không khỏi buồn nôn.

Những nhà mác-xít của dòng họ Hápso-bua viết:

Trốtxki là đại diện cho ý chí hòa bình của giai cấp công nhân Nga, giai cấp đang cố gắng dứt dứt chiếc xiềng sắt mạ vàng của tư bản Anh...

Những lãnh tụ của đảng Xã hội Dân chủ tự nguyện đeo lên cổ họ xiềng xích của tư bản Áo-Đức và trợ giúp chính phủ họ đặt chiếc xiềng ấy lên cổ của cách mạng Nga.

Trong những ngày khó khăn nhất ở Bô-rét, khi tờ *Vorwärts* (Béclin) hoặc *Die Arbeiter-Zeitung* (Viên) lọt vào tay Lênin hoặc tay tôi, chúng tôi lặng lẽ chỉ cho nhau những dòng được đánh dấu bằng bút chì màu. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau rồi quay đi ngay, cảm thấy hổ thẹn vì cách cư xử của những người, dầu sao đi nữa, mới hôm qua vẫn còn là đồng chí của chúng tôi trong Quốc tế. Ai đã trải qua một cách có ý

thức giai đoạn này, dứt khoát người đó phải hiểu rằng đảng Xã hội Dân chủ đã chết trên phương diện lịch sử, cho dù những dao động của tình hình chính trị có thể nào đi nữa.

Đề chấm dứt sự liên lạc khiếm nhã ấy, tôi đặt ra trong báo chí chúng ta một câu hỏi: Bộ Tham mưu Đức có nói gì về Các Lípnhếch [Karl Liebknecht] và Rôda Luýchxămbua [Rosa Luxemburg] cho binh lính Đức không?

Chúng tôi rải truyền đơn cho lính Đức về đề tài này. Từ *Vétxtonhích* của tướng Hốpman im bật vì nó đã hớ. Sau khi tôi đến Bôrét, Hốpman lập tức phản đối vì chúng tôi tuyên truyền trong quân đội Đức. Tôi cự tuyệt mọi cuộc trao đổi về vấn đề này và đề nghị tướng Hốpman cứ tiếp tục tuyên truyền trong quân đội Nga: các điều kiện đều cân bằng, chỉ có tính chất của tuyên truyền là khác. Nhân dịp này, tôi lưu ý ông ta: ai cũng biết từ lâu rằng chúng tôi bất đồng quan điểm với ông trong nhiều vấn đề quan trọng; hơn thế nữa, điều đó còn được một tòa án Đức ghi nhận, chính tòa này trong chiến tranh đã kết án tôi vắng mặt. Nhận xét không mấy tế nhị này đã bùng nổ như một vụ tai tiếng lớn. Nhiều vị cao cấp nín thở. Quyloman nói với Hốpman:

— Ngài có muốn nói gì không?

Hốpman:

— Thừa không, đủ rồi.

Trên tư cách chủ tịch phái đoàn Xô-viết, tôi quyết định cương quyết chấm dứt mối quan hệ thân thiện đã hình thành lúc nào không biết trong thời gian đầu. Qua trung gian các cố vấn quân sự của phái đoàn chúng tôi, tôi muốn phe đối phương hiểu rằng tôi không có ý đến trình diện với hoàng thân xứ Bavarie.

Người ta ghi nhận điều đó. Tôi yêu cầu phải ăn riêng vào bữa trưa và bữa tối, lấy có rằng trong giờ nghỉ ăn uống, chúng tôi cũng muốn bàn bạc với nhau. Điều này cũng được chấp thuận trong im lặng.

Ngày 7 tháng Giêng, Trécnin viết trong nhật ký của ông ta:

Trước bữa trưa, toàn bộ phái đoàn Xô-viết đến, đứng đầu là Trótxki. Họ thông báo cho mọi người biết là họ cáo lỗi trước, nếu từ nay trở đi họ không có mặt trong những buổi ăn chung. Và nói chung cũng không mấy khi thấy họ — lần này, dường như hoàn toàn có những ngọn gió khác đã thổi, không phải như lần gần nhất. (trang 316)

Thế vào chỗ của những quan hệ hữu nghị giả dối là mối quan hệ chính thức khô khan. Điều này càng đúng lúc hơn nữa vì từ những cuộc đàm phán sơ bộ trừu tượng, cuối cùng cũng phải chuyển sang các vấn đề cụ thể của hiệp ước hòa bình.

Quyloman hơn hẳn Trécnin một cái đầu và có lẽ ông là chính khách có trình độ nhất mà tôi được gặp trong những năm sau chiến tranh. Có thể cảm thấy ở ông một tính cách và một bộ óc thực tiễn cao hơn mức bình thường. Ngoài ra, trong ông có một trữ lượng nham hiểm lớn, chẳng những ông dùng nó với chúng tôi — bởi ở đây ông dụng phải sự cự tuyệt —, mà còn với cả những đồng minh quý giá của ông.

Trong quá trình thảo luận về vấn đề các vùng đất bị quân đội Đức chiếm đóng, khi Quyloman chồm lên và vênh mặt tuyên bố: "Đội ơn Chúa, lãnh thổ nước Đức *chúng tôi* chưa ở đâu bị ai chiếm đóng cả!", thì bá tước Trécnin thu người lại và mặt mày tái xanh. Đúng là Quyloman ám chỉ ông. Quan hệ giữa hai người hoàn toàn không phải là thứ tình bạn không vấn đục.

Sau này, khi bàn đến vấn đề Ba Tư, vốn bị rơi vào gọng kìm chiếm đóng của quân đội nước ngoài thuộc cả hai phe, tôi nhận xét rằng Ba Tư không thuộc một liên minh nào — không phải như Áo-Hung chẳng hạn —, thành thử đối với bất kỳ ai trong số chúng ta không có một lý do gì để nhạo báng một cách che đậy một đất nước bị xâm chiếm như Ba Tư.

Khi nghe điều đó, Trécnin cũng giật nảy mình và kêu lên:

— Unerhört! (Tệ quá chừng!)

Về mặt hình thức, lời kêu đó nhằm vào tôi, nhưng xét về thực chất, nó được gửi đến Quyloman. Tôi còn nhớ nhiều mẫu chuyện tương tự như thế.

Cũng như một người đánh cờ giỏi, khi lâu ngày phải chơi với những đấu thủ yếu hơn nên bản thân anh ta cũng hạ xuống tầm của họ, Quyloman — người trong chiến tranh chỉ hoạt động trong nhóm những chur hầu ngoại giao bảo hoàng thuộc các nước Thổ Nhĩ Kỳ, Bungari và các xứ trung lập — lúc đầu có xu hướng đánh giá thấp các địch thủ cách mạng của ông và ông coi thường ván cờ. Nhiều lần, đặc biệt là trong giai đoạn đầu của cuộc đàm phán, tôi phải kinh ngạc về tính thô sơ của những "mưu mẹo" của ông: ông không thấu hiểu tâm lý đối phương.

Với cảm giác hồi hộp ngày một gia tăng và khá khó chịu, tôi đến dự cuộc hội kiến đầu tiên với các chính khách. Trong gian tiền sảnh, nơi treo quân áo, tôi chột chạm trán với Quyloman. Tôi chưa có dịp được biết ông ta. Quyloman tự giới thiệu và ông lập tức nói thêm rằng ông "rất vui mừng" vì tôi đã đến, bởi

lẽ đàm phán trực tiếp với ông chủ nhà thì hay hơn là với trợ lý của ông ta. Cùng lúc đó, về mặt ông chứng tỏ ông ta vô cùng hài lòng với nước cờ "ý nhị" ấy, với nó, Quyloman có ý nhằm vào tâm lý tự phụ của những kẻ mới trèo lên cao. Tôi có cảm tưởng như đặt chân vào một nơi dơ bẩn. Bất giác, tôi lùi một bước. Quyloman nhận ra sự vụng về của mình, ông thận trọng và chuyển ngay sang giọng lạnh nhạt hơn. Tuy nhiên, điều đó không ngăn trở ông ta lặp lại thủ thuật đó với trường phái đoàn Thổ Nhĩ Kỳ, một chính khách cung đình già. Khi giới thiệu các đồng nghiệp của ông với tôi, Quyloman chờ cho người đứng đầu phái đoàn Thổ Nhĩ Kỳ tiến xa một bước, ông nói vào tai tôi, giọng thì thầm hơi to, về bí mật, cố ý cho mọi người nghe thấy:

— Ông ấy là vị chính khách xuất sắc nhất châu Âu!

Khi tôi kể chuyện này cho Giôphê, anh cười và đáp:

— Trong dịp gặp tôi lần đầu tiên, Quyloman cũng làm hệt như thế.

Rất có thể là Quyloman muốn đến bù một cách thuần khiết cho "vị chính khách xuất sắc nhất" để đổi lấy những nhượng bộ không có gì là thuần khiết cả. Lại cũng có thể Quyloman còn có một mục đích khác nữa: bằng cách ấy, ông ta cho Trécnin hiểu rằng ông ta hoàn toàn không coi Trécnin là nhà ngoại giao giỏi nhất — sau ông ta.

Ngày 28 tháng Chạp, theo lời Trécnin, Quyloman nói với ông ta:

— Hoàng đế là người có lý trí duy nhất trong toàn nước Đức.

Có thể cho rằng lời tuyên bố ấy nhằm vào bản thân hoàng đế nhiều hơn là vào Trécnin. Để những lời lẽ nịnh bợ đến được người nhận, hiển nhiên là các chính khách đã giúp nhau nhiều việc. *Flattez, flattez, il en restera toujours quelque chose!*

Lần đầu, tôi phải đối mặt với loại người như thế. Chẳng cần phải nói là trước đây tôi cũng chưa từng có ảo tưởng gì về họ. Tôi đoán họ không làm nghề phù thủy. Nhưng phải thú thực là tôi tưởng trình độ của họ cao hơn đôi chút. Có lẽ tôi có thể diễn đạt cảm tưởng của tôi từ cuộc gặp gỡ đầu tiên như sau: những con người này không đánh giá cao người khác và cũng chẳng coi trọng bản thân là mấy.

Về chuyện này, kể lại tình tiết sau đây không phải là vô ích. Theo đề xuất của Víchto Átle [Victor Adler], lúc đó đang hết sức dùng mọi phương tiện để biểu lộ mối cảm tình cá nhân của ông với tôi, một lần, làm ra vẻ không có gì đáng quan tâm lắm, bá tước Trécnin đề nghị chuyển cho tôi về Mátxcova thư viện của tôi, bị lưu lạc ở Viên vào thời chiến. Không phải tôi không thiết tha với tuyên tập đó vì trong những năm dài sống lưu vong, tôi đã thu thập được một bộ sưu tập đồ sộ gồm các tác phẩm văn học cách mạng Nga.

Khi tôi vừa dè dặt ngỏ lời cảm ơn đề nghị của nhà chính khách thì lập tức ông đã gợi ý tôi hãy lưu tâm đến hai tù binh Áo mà theo ông, dường như họ bị đối xử tồi ở nước ta. Sự chuyển tiếp trực tiếp, có thể nói là có ý nhấn mạnh ấy, từ chuyện thư viện sang vấn đề các tù nhân (cố nhiên không phải là lính thường mà là những sĩ quan thuộc giới có quan hệ gần gũi với bá tước Trécnin), tôi cảm thấy quá trắng trợn. Tôi đáp lạnh nhạt rằng nếu những thông tin của Trécnin về các tù binh là đúng, tôi có bổn phận làm mọi việc cần thiết, nhưng vấn đề này không hề liên quan gì đến thư viện của tôi.

Trécnin, trong hồi ký của ông, đã thuật lại khá trung thực hoạt cảnh này, không hề phủ nhận là ông đã thử gắn liền hai đề tài tù nhân và thư viện; trái lại, hẳn ông hoàn toàn coi đó là chuyện thường tình. Ông kết thúc câu chuyện bằng một lời nói mập mờ hai nghĩa: "Để thấy là ông ta muốn nhận lại thư viện của ông" (trang 320).

Chỉ cần nói thêm vào kết quả câu chuyện là sau khi nhận lại được thư viện, tôi lập tức chuyển nó cho một học viện khoa học ở Mátxcova.

Tình hình lịch sử diễn biến đến chỗ những người đại diện cho chế độ cách mạng nhất mà nhân loại được biết đến lại phải ngồi vào bàn đàm phán với các đại diện đẳng cấp phản động nhất của mọi giai cấp thống trị. Kẻ thù của chúng ta rất sợ sức nổ của những cuộc đàm phán với phe bên-sê-vích; thực tế sau đây cũng chứng thực điều đó: họ sẵn sàng ngừng cuộc hòa đàm chứ không chịu chuyển nó đến một quốc gia trung lập.

Trong hồi ký, Trécnin nói thẳng thừng rằng ở một nước trung lập, với sự ủng hộ của bạn bè theo chủ nghĩa quốc tế, những người bên-sê-vích nhất định sẽ giành được quyền chủ động. Ông ta chính thức viện cớ rằng trong môi trường trung lập, Anh và Pháp sẽ triển khai ngay những thủ đoạn của họ, "công khai cũng như sau hậu trường". Tôi đáp lại ông ta: đường lối chính trị của chúng tôi chẳng cần đến hậu trường, vì nhân dân Nga đã xóa bỏ tận gốc rễ phương tiện ngoại giao cũ ấy cùng hàng loạt thứ khác trong cuộc khởi nghĩa thắng lợi ngày 25 tháng Mười. Nhưng chúng tôi phải cúi đầu trước tối hậu thư và ở lại Bờrét-Litôpxơ.

Trừ những ngôi nhà nằm ở rìa thành phố cổ và bị Bộ Tham mưu Đức chiếm đóng, Bờrét-Litôpxơ về thực chất đã không còn tồn tại nữa. Khi tháo lui, các đạo quân Nga hoàng đã đốt cháy thành phố trong

con giận dữ bất lực. Chắc hẳn vì thế mà tướng Hópman đã đặt Bộ Tham mưu ở đây để dễ bề kiểm soát hơn.

Giống như chuyện nhà ở, việc ăn uống cũng vô cùng đơn sơ. Binh lính Đức phục vụ bên bàn ăn. Đối với họ, chúng tôi là những sứ giả hòa bình, họ nhìn chúng tôi với niềm tin hi vọng.

Hàng rào cao bằng dây thép gai bao phủ xung quanh những tòa nhà của Bộ Tham mưu từ mọi hướng. Trong những lần đi dạo buổi sáng, tôi thấy những tấm bảng có viết: "Người Nga nào đến chỗ này sẽ bị bắn chết!" Đó là nói với tù binh. Tôi tự hỏi lời cảnh cáo ấy có phải cũng ứng với chúng tôi hay không? – bởi thực chất chúng tôi cũng là một thứ tù binh, trong một chừng mực nào đó —, và tôi quay chân trở lại.

Có một con đường chiến lược rất tuyệt vời xuyên qua Bờrét. Trong những ngày đầu, thỉnh thoảng chúng tôi đi xe ô tô của Bộ Tham mưu. Nhưng một thành viên phái đoàn chúng tôi đụng độ với một hạ sĩ quan Đức nào đó. Hópman viết thư phàn nàn với tôi. Tôi trả lời: từ nay về sau, chúng tôi cảm ơn nhưng xin được từ chối việc sử dụng những xe hơi dành cho chúng tôi.

Những cuộc đàm phán ngày càng kéo dài. Cả chúng tôi, cả đối phương đều phải xin ý kiến chính phủ mình qua đường dây trực tiếp. Nhiều khi đường dây này bị hỏng. Chúng tôi không có điều kiện kiểm tra xem có phải những lý do kỹ thuật tự nhiên gây nên điều đó không, hay do đối phương cố ý gây ra để kéo dài thời gian?

Dù sao, các phiên họp thường bị đứt đoạn, đôi khi gián đoạn đến vài ngày. Trong một dịp "nghỉ ngơi" như thế, tôi đến tận Vácsava [Varsovie]. Thành phố sống dưới những lưỡi lê Đức. Dân chúng hết sức chú ý đến các nhà ngoại giao Xô-việt, nhưng họ vẫn tỏ ra thận trọng: không ai biết được mọi sự sẽ ra sao.

Việc kéo dài, trì hoãn cuộc đàm phán cũng có lợi cho chúng tôi. Sự thật là tôi đến Bờrét vì mục đích đó. Nhưng tôi không thể tự cho mình có công lao gì đặc biệt về khoản này. Các đồng nghiệp đàm phán của tôi đã giúp tôi trong chừng mực nhất định

Trécnin buồn rầu ghi lại trong nhật ký của ông:

Thời gian có thừa thãi, khi thì người Thổ chưa chuẩn bị xong, lúc người Bun, lúc thì người Nga kéo dài thời gian và các phiên họp bị hoãn đi hoãn lại, hoặc đơn giản là chúng bị đứt đoạn ngay sau khi vừa bắt đầu.

Về phía người Áo, họ bắt đầu kéo dài những cuộc thảo luận khi gặp một số khó khăn nhất định trước phái đoàn Ucoraina.

Tuy nhiên, điều đó không hề làm Trécnin và Quyloman bận tâm. Trong những lời phát biểu công khai, họ buộc tội phái đoàn Nga là người duy nhất phải chịu trách nhiệm về chuyện cuộc đàm phán bị kéo dài. Tôi cương quyết phản đối, nhưng vô hiệu.

Vào cuối cuộc đàm phán, không còn chút dấu vết gì về những lời tán tụng xã giao vụng về mà báo chí chính thức Đức — thời ấy, ngoài truyền đơn bất hợp pháp, toàn bộ giới báo chí đều mang tính chính thức — dùng để phỉnh phờ những người bôn-sê-vích. Ví dụ: tờ *Tägliche Rundschau* (Toàn cảnh hàng ngày) phàn nàn về chuyện "ở Bờrét-Litôpxơ, Trótxki tự dụng nên cho mình một diễn đàn, từ đó tiếng nói ông ta có thể vang đi khắp thế giới" và kêu gọi phải chấm dứt càng nhanh càng tốt trạng thái nói trên. Chẳng những thế, tờ báo này còn tuyên bố thẳng thừng rằng "cả Lênin, cả Trótxki đều không muốn hòa bình, điều mà xét ra đồng nghĩa với sợi dây treo cổ và tù đầy đối với họ". Báo chí xã hội dân chủ, về cơ bản, cũng có giọng điệu tương tự. Những Saidoman, Êbót và Xtamphơ [Stampfer] coi tội lỗi lớn nhất của chúng tôi là chúng tôi đã tính đến một cuộc cách mạng ở Đức. Các vị kể trên còn cách rất xa cái suy nghĩ rằng chỉ vài tháng sau, cách mạng sẽ tóm lấy cổ họ và nhấc bổng họ lên chính quyền.

Ở Bờrét, sau một thời gian dài, tôi lại vô cùng thích thú lần giở báo chí Đức; trong đó, cuộc đàm phán tại Bờrét được trình bày rất kỹ càng và rất có dụng ý. Nhưng báo chí không choán hết được thời gian rỗi rãi của tôi. Tôi quyết định tận dụng triệt để thời kỳ nghỉ ngơi bắt buộc này; có thể thấy trước là không dễ mà tôi lại có một dịp như thế. Trong phái đoàn chúng tôi, có vài người đánh máy tốc ký giỏi, xưa kia từng làm trong Đuma Quốc gia. Theo hồi tưởng, tôi bắt đầu đọc cho họ chép những đánh giá lịch sử về chuyên biến tháng Mười. Sau đó, một cuốn sách trọn vẹn nhanh chóng được hình thành từ đây, trước hết tôi có ý dành cho công nhân ngoại quốc. Nhu cầu dẫn giải cho họ những gì đã diễn ra là rất bức thiết. Đã nhiều lần, Lênin và tôi trò chuyện với nhau về điều đó, nhưng cả hai chúng tôi không có lấy một phút rỗi rãi. Tôi không hề tính đến việc có thể viết lách ở Bờrét. Lênin thật sự mừng rỡ theo nghĩa đen của từ này, khi tôi trở về với bản thảo hoàn chỉnh về cách mạng tháng Mười. Cả hai chúng tôi đều thấy đây là một bảo đảm khiêm tốn của sự phục thù cách mạng mai sau cho một nền hòa bình đã phải trả bằng một giá đắt. Chẳng bao lâu, cuốn sách được dịch ra rất nhiều thứ tiếng châu Âu và châu Á. Mặc dù tất cả các đảng của Quốc tế Cộng sản, đứng đầu là đảng Nga, đã ấn hành cuốn sách này trong vô số lần xuất bản, điều này không hề ngăn cản lũ kẻ nghiệp tuyên bố sau năm 1923, rằng đây là sản phẩm độc hại của chủ nghĩa trótxkit. Hiện nay, cuốn sách nằm trong thư mục sách cấm của Xtalin. Tình tiết phụ này cũng là một trong vô số

những biểu hiện chuẩn bị cho một Tércmidô [Thermido] (Tháng Nóng) về mặt tư tưởng. Muốn đạt được thắng lợi, trước hết phải cắt đứt cái cuống rốn của truyền thống tháng Mười...

Các chính khách của phe đối địch cũng tìm cách sử dụng thời gian nghỉ khá dài ở Bô-rét. Bá tước Trécnin chẳng những đi săn bắn, mà — như chúng ta được biết qua nhật ký của ông — ông ta còn đọc các hồi ký thời cách mạng Pháp để mở rộng tầm nhìn. Trécnin so sánh những người bôn-sê-vích với những người Giacôbanh [Jacobins] và cố gắng tìm kiếm từ đó những kết luận để an ủi mình. Nhà chính khách của dòng họ Háp-sô-bua ấy viết gì?

Sác-lốt Coóc-đê [Charlotte Corday] đã nói: "Tôi không giết một con người, mà giết một thú dữ". — Những người bôn-sê-vích này sẽ lại biến mất và biết đâu lại chẳng có một Coóc-đê dành cho Trôtxki?" (trang 310, bản tiếng Đức)

Có lẽ trong những ngày đó, tôi không được biết về những suy tư cao thượng của vị bá tước hiền từ ấy, nhưng tôi sẵn sàng tin vô điều kiện vào tính thành thật của chúng.

Thoạt nhìn người ta có thể không hiểu: thực ra giới ngoại giao Đức muốn đạt tới điều gì khi vào ngày 25 tháng Chạp, họ đưa ra những công thức dân chủ, nhưng chỉ để vài ngày sau họ lại bộc lộ những tham vọng chó sói của họ? Đối với chính quyền Đức, những cuộc tranh luận mang tính lý thuyết về quyền tự quyết quốc tế không mấy mạo hiểm, phần lớn được tung ra do chính sự đề xuất của Quyloman. Trên con đường ấy, đường lối ngoại giao của dòng họ Hôhendô-léc-nơ chưa hề gặt hái được vòng nguyệt quế, bản thân họ phải thấy rõ được điều này từ trước. Như thế, chẳng hạn Quyloman muốn chứng minh bằng mọi giá rằng việc nước Đức xâm lược Ba Lan, Litva, vùng Bantich và Phần Lan không phải gì khác, mà chính là một dạng "tự quyết" của các dân tộc này, vì nguyện vọng của dân chúng được thực thi thông qua những cơ quan "quốc gia" do... chính quyền Đức chiếm đóng lập nên. Chứng tỏ điều này không phải là chuyện dễ dàng. Nhưng Quyloman không hạ vũ khí. Ông ta kiên trì gạn hỏi tôi: phải chăng tôi sẽ thừa nhận, ví dụ như quốc vương xứ Hây-đê-rá-bát [Hyderabad] là đại diện cho nguyện vọng của dân Hindu? Tôi trả lời rằng trước hết quân đội Anh phải rút khỏi Ấn Độ và sau đó, khó có ai tưởng tượng vị Quốc vương tôn kính có thể trụ được quá hai mươi tư tiếng đồng hồ. Quyloman đón nhận những lời lẽ của tôi bằng một cái nhún vai bất lịch sự; tướng Hốp-man "hùm!... hùm!..." khiến cả phòng đều nghe tiếng. Người thông ngôn phiên dịch. Các nữ túc ký viên ghi chép. Cuộc tranh luận kéo dài đến vô tận.

Trước đó đã lâu, Quyloman hoàn toàn tin chắc rằng chúng tôi sẵn sàng chơi với ông cả bốn tay, điều này tiềm ẩn sau thái độ của giới ngoại giao Đức. Có thể ông ta đã lý luận, đại loại như sau: những người bôn-sê-vích nắm được chính quyền nhờ cuộc đấu tranh của họ cho hòa bình. Nhưng họ chỉ có thể yên vị với điều kiện họ ký kết được một hiệp ước hòa bình. Đúng là họ bị trói buộc bởi một số điều khoản dân chủ nhất định. Nhưng chính vì thế mà cần phải có các nhà ngoại giao! Rồi ông, Quyloman, sẽ trả lại cho những người bôn-sê-vích những công thức cách mạng của họ bằng văn phong ngoại giao thích hợp; để đánh đổi, những người bôn-sê-vích sẽ tạo cho ông khả năng ngầm để xâm chiếm các vùng và các dân tộc. Trước mắt toàn thế giới, sự bành trướng của nước Đức được cách mạng Nga thừa nhận. Ngược lại, những người bôn-sê-vích sẽ có hòa bình.

Trong sự sai lầm của Quyloman chắc chắn có sự tham gia của những người tự do chủ nghĩa, men-sê-vích và dân túy của chúng ta, đã từ lâu họ nói về những cuộc đàm phán ở Bô-rét như một tấn hài kịch mà các vai diễn đã được phân chia từ đầu.

Khi chúng tôi đã chứng tỏ một cách quá rõ ràng với những đồng nghiệp đàm phán ở Bô-rét, rằng đối với chúng tôi, đây không phải là vấn đề nguy trang, giấu giếm giả trá một việc trước dư luận mà là những nguyên tắc chung sống giữa các dân tộc, thì Quyloman, tự ràng buộc mình bởi lập trường xuất phát của ông, coi quan điểm của chúng tôi như sự vi phạm một hiệp ước ngầm, chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của ông. Quyloman tuyệt đối không muốn rời những nguyên tắc dân chủ của ngày 25 tháng Chạp. Dựa vào môn thần học nghi nghĩa vốn bất bình thường của ông, Quyloman hi vọng ông có thể chứng minh trước mắt toàn thế giới: màu trắng chẳng khác gì màu đen.

Bá tước Trécnin trợ lý vụng về cho Quyloman và theo chỉ thị của Quyloman, ông nhận phân phát biểu những lời tuyên bố thô bạo nhất và tráo tráo nhất, trong những phút khó khăn. Trécnin hi vọng rằng bằng cách đó, ông có thể che giấu được nhược điểm của ông.

Ngược lại, tướng Hốp-man đưa lại một làn gió tươi mát vào các cuộc đàm phán. Ông không tỏ ra có chút cảm tình gì với những trò ngoại giao ranh mãnh. Nhiều lần, vị tướng này thương cả hai chân đi ủng lên giữa bàn hội họp. Về phần mình, chúng tôi không nghi ngờ, dù chỉ trong một giây lát, rằng đôi ủng của Hốp-man là thực tế duy nhất trong những cuộc đàm phán này.

Tuy nhiên, cũng đôi khi ông tướng ấy nhảy xổ vào cuộc tranh luận chính trị thuần túy. Nhưng ông cũng làm điều này theo cách của ông. Bực mình vì câu chuyện dông dài về quyền tự quyết của các dân tộc,

vào một buổi sáng đẹp trời — hôm ấy là ngày 14 tháng Giêng — ông xuất hiện với một chiếc cặp chứa đầy báo chí Nga, đa số là những tờ theo khuynh hướng xã hội cách mạng. Hópman đọc trôi chảy tiếng Nga. Bằng những câu ngắn tách rời nhau, dường như chỉ muốn cản xé chúng tôi hoặc ra những mệnh lệnh, ông tướng lên án những người bôn-sê-vích đã giẫm đạp lên quyền tự do ngôn luận và tự do hội họp, đã vi phạm các nguyên tắc dân chủ; ông trích dẫn và tỏ ý hoàn toàn tán đồng những bài báo của chính đảng Nga khủng bố ấy, đảng này từ năm 1902 trở đi đã đưa sang thế giới bên kia khá đông những người bạn Nga đồng lý tưởng với Hópman. Vị tướng phần nộ kết tội rằng chính phủ chúng ta dựa vào bạo lực. Từ miệng ông ta, câu nói có một âm thanh tuyệt vời!

Trécnin ghi lại trong nhật ký của ông:

Hópman đã đọc bài diễn văn bất hạnh ấy. Ông ta đã bỏ công vào đó trong nhiều ngày và ông rất tự hào về thành công của mình. (trang 322)

Tôi trả lời Hópman rằng trong những xã hội có phân chia giai cấp, mọi chính phủ đều dựa vào bạo lực. Chỉ khác nhau ở chỗ tướng Hópman dùng đàn áp để bảo vệ các ông chủ lớn, còn chúng tôi bảo vệ giới lao động. Trong vài phút, hội nghị hòa bình trở thành một lớp học tuyên truyền chủ nghĩa mác-xít cho những kẻ mới nhập môn. Tôi nói:

Trong những hành động của chúng tôi, làm cho chính phủ các nước khác phải sừng sốt và khiến họ quay lưng lại chúng tôi, là ở chỗ chúng tôi không bắt giam những người đình công mà lại bắt giam những nhà tư sản sa thải hàng loạt công nhân; là ở chỗ chúng tôi không ra lệnh bắn vào những nông dân đòi ruộng đất mà lại bắt giữ những địa chủ và sĩ quan muốn bắn vào nông dân.

Khuôn mặt Hópman đỏ bừng bừng. Sau mỗi một tình tiết như thế, Quyloman lại quay ra hỏi Hópman với vẻ lịch sự chết người, rằng ông ta có muốn nói thêm gì về đề tài ấy không. Ông tướng gằn giọng, nói từng câu:

— Không, đủ rồi!

Và ông giận dữ nhìn ra cửa sổ

Trong nhóm các chính khách, tướng tá và đô đốc hải quân của dòng họ Hôhendôlécno, Hápsohua, Côbuốc [Cobourg] và Hồi giáo, cuộc tranh luận về bạo lực cách mạng quả thực có một phong vị không gì so sánh nổi. Trong số các ngài đây áp chúc tước và phẩm vị ấy, một số người chẳng làm gì khác trong thời gian đàm phán, ngoài việc ngạc nhiên, hết nhìn tôi, nhìn Quyloman rồi lại nhìn sang phía Trécnin. Có lẽ họ muốn ai đó giải thích cho họ hiểu: lạy Chúa, cái gì diễn ra ở đây vậy! Trong hậu trường, chắc chắn Quyloman đã lặp đi lặp lại với họ rằng sự tồn tại của chúng tôi chỉ là việc trong vài tuần, cần phải lợi dụng thời gian ngắn ngủi ấy để ký kết một nền hòa bình "kiểu Đức" mà hậu quả thì những kẻ thừa những người bôn-sê-vích sẽ phải gánh chịu.

Trong những cuộc tranh luận mang tính nguyên tắc, tôi có lợi thế hơn Quyloman cũng như tướng Hópman có lợi thế hơn tôi trong các vấn đề quân sự. Thành thử mới xảy ra chuyện vị tướng này tỏ ra nóng nảy muốn giới hạn vấn đề bàn cãi trong khuôn khổ tương quan lực lượng trong khi Quyloman cố gắng một cách vô ích để tạo cho nền hòa bình ký kết trên bản đồ quân sự một vẻ bề ngoài của một nền hòa bình mang tính nguyên tắc.

Để giảm nhẹ những lời tuyên bố của Hópman, một bạn Quyloman nói rằng một người lính tất yếu phải sử dụng các ngôn từ cứng cỏi hơn một nhà ngoại giao. Tôi đáp rằng "chúng tôi, các thành viên phái đoàn Nga, không thuộc trường phái ngoại giao nào cả, chúng tôi là những người lính của cách mạng thì đúng hơn" và do đó, chúng tôi ưa ngôn ngữ thô kệch của người lính.

Cũng xin được nói thêm rằng cái vẻ lịch thiệp ngoại giao của bản thân Quyloman cũng khá giả tạo. Nhiệm vụ do ông ta đặt ra rõ ràng không giải quyết được... nếu thiếu sự công tác của chúng tôi. Tôi giải thích cho Quyloman:

Chúng tôi là những người cách mạng và cũng đồng thời là những người có đầu óc thực tế. Chúng tôi thích nói thẳng, không vòng vèo về sự xâm chiếm, hơn là tìm ra những tên giả cho các khái niệm thực.

Không có gì lạ nếu thỉnh thoảng Quyloman lại vứt cái mặt nạ ngoại giao và giận dữ cự lại chúng tôi. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ cái giọng nhấn mạnh khi ông ta nói nước Đức thành thật cố gắng thiết lập lại những mối quan hệ hữu nghị với *cường quốc* láng giềng phía Đông của nó. Từ "cường quốc" vang lên một cách mỉa mai khiêu khích đến nỗi tất cả, kể cả những đồng minh của Quyloman, cũng phải rung mình.

Cùng lúc đó, Trécnin rất sợ cuộc đàm phán bị đứt đoạn. Tôi nhận sự thách thức và nhắc lại những

điều tôi đã nói trong bài phát biểu đầu tiên. Ngày 10 tháng Giêng, tôi nói:

Chúng tôi không có khả năng, cũng không có ý định nghi ngờ rằng quốc gia chúng tôi bị suy yếu do đường lối của các giai cấp thống trị cho đến thời gian gần đây. Nhưng vị trí trên hoàn cầu của một nước không chỉ do tình trạng hiện tại của cơ sở kỹ thuật của nó quyết định, còn phải tính đến những khả năng tiềm ẩn của nó, giống như sức mạnh kinh tế của Đức không chỉ được đo bằng trạng thái hiện tại của trữ lượng thực phẩm. Một đường lối chính trị rộng rãi và sáng suốt dựa trên các khuynh hướng của sự phát triển, dựa trên các nguồn lực lượng nội bộ, một khi đã được huy động, sớm muộn sẽ biểu lộ sức mạnh của chúng.

Chưa đầy chín tháng sau, ngày 3 tháng Mười 1918, nhắc lại lời thách thức của Quyloman ở Bòrét-Litôpxơ, tôi nói trong phiên họp của Ban Chấp hành Trung ương liên Nga:

Không ai trong chúng ta có chút niềm vui độc địa khi nước Đức vừa phải trải qua những tai họa khủng khiếp.

Không cần thiết phải chứng minh rằng giới ngoại giao Đức, cả quân sự lẫn dân sự, đã chuẩn bị một phần lớn cái tai họa ấy ở Bòrét.

Chúng tôi càng diễn đạt chính xác những vấn đề của chúng tôi bao nhiêu thì Hốpman càng lẩn tránh Quyloman bấy nhiêu. Cả hai, nhất là vị tướng, chưa tìm cách giấu giếm mâu thuẫn đối kháng của họ. Khi đáp lại những lời công kích nối tiếp của Hốpman, không hề có ẩn ý, tôi nhắc đến chính phủ Đức thì viên tướng ngắt lời tôi bằng giọng nói khản đi vì giận dữ:

— Ở đây, tôi không đại diện cho chính phủ Đức, mà cho Bộ Tổng tư lệnh Đức!

Lời tuyên bố ấy nghe như tiếng kính vỡ vì bị một hòn đá ném phải. Tôi đảo mắt lần lượt nhìn những người cùng họp ngồi phía bên kia bàn. Quyloman nhăn nhó và nhìn xuống tấm thảm. Trên khuôn mặt Trécnin, nỗi bối rối vật lộn với sự thích thú độc địa.

Tôi trả lời rằng tôi không có thẩm quyền để đánh giá những mối quan hệ giữa chính phủ đế chế Đức và Bộ Tổng tư lệnh, nhưng tôi chỉ được ủy nhiệm đàm phán với chính phủ Đức. Quyloman nghiêng răng ghi nhận lời tuyên bố của tôi và chấp nhận nó.

Có nhiên, sẽ là ngây thơ nếu ta đánh giá quá cao tính sâu sắc của những bất đồng quan điểm giữa giới ngoại giao và Bộ Tổng tư lệnh. Quyloman tìm cách chứng tỏ rằng những lãnh thổ bị chiếm đóng đã "tự quyết" một cách có lợi cho nước Đức, thông qua những cơ quan quốc gia có toàn quyền của họ. Về phần mình, Hốpman giải thích rằng bởi lẽ chưa tồn tại những cơ quan toàn quyền như thế trong các vùng bị chiếm đóng nói trên, chưa thể nói đến chuyện rút quân Đức khỏi đó. Hai lập luận trên hoàn toàn trái ngược nhau, nhưng kết luận thực tiễn lại đồng nhất.

Trong vấn đề này, Quyloman tìm cách sử dụng một thủ đoạn, thoạt nhìn tưởng chừng không thể tin được. Trong hồi âm viết trả lời các câu hỏi của chúng tôi do Phôn Rôdenbéc [Von Rosenberg] đọc lên, có nêu việc không thể điều động các đạo quân Đức khỏi những vùng đất bị chiếm đóng cho đến khi cuộc chiến chưa kết thúc ở mặt trận phía Tây. Từ đó tôi rút ra kết luận là việc rút quân sẽ được thực hiện *sau* khi cuộc chiến kết thúc và tôi đề nghị ấn định chính xác thời hạn ấy.

Quyloman tỏ ra vô cùng bị kích động. Chắc hẳn ông ta tính đến tác động "ru ngủ" của cách diễn đạt của ông; nói cách khác, ông muốn che giấu ý đồ xâm lược bằng... sự chơi chữ. Nhìn thấy việc đó không thành, ông ta giải thích với sự hợp tác của Hốpman, rằng sẽ không rút quân cả *trước* và *sau* cuộc chiến.

Cuối tháng Giêng, dù không hề hi vọng thành công, tôi vẫn thử xin phép chính phủ Áo-Hung để qua Viên; tôi định tiếp tục những cuộc thương lượng với các đại diện của giai cấp vô sản Áo. Tôi nghĩ rằng đảng Xã hội Dân chủ Áo là kẻ hoảng hốt nhất trước dự định một chuyến đi như thế. Có nhiên đề nghị của tôi bị từ chối và dù vô lý đến mấy đi nữa, người ta viện cớ rằng tôi không có thẩm quyền để tiến hành những cuộc thương lượng như thế.

Tôi trả lời trong lá thư sau, gửi Trécnin:

Thưa ngài Bộ trưởng,

Xin gửi kèm đây bản sao lá thư viết ngày 26 tháng này của ngài cố vấn kiêm đại sứ — bá tước Trácki [Czakki] — chắc hẳn đó là hồi âm của Ngài trả lời bức điện của tôi ngày 24 tháng; bằng lá thư này tôi thông báo cho ngài biết rằng tôi ghi nhận việc các ngài khước từ cuộc hành trình của tôi qua Viên, với mục đích thương thuyết với giới vô sản Áo để đi đến một nền hòa bình dân chủ. Tôi buộc phải nhận định rằng trong lá thư của Ngài, những lý do thuần túy hình thức tiềm ẩn dụng ý ngăn cản cuộc điều đình riêng giữa chính phủ công-nông Nga và giai cấp vô

sản Áo. Về cái nguyên cơ không thể chấp nhận được cả về hình thức lẫn nội dung được viện dẫn trong bức thư, cụ thể là tôi không có thẩm quyền cần thiết để tiến hành những cuộc thương lượng như thế, tôi muốn lưu ý Ngài, thưa Ông Bộ trưởng, rằng quyền hạn và tính chất của hành động của tôi hoàn toàn chỉ do chính phủ tôi quyết định.

Trong giai đoạn cuối của những cuộc đàm phán, "con át chủ bài" mạnh nhất trong tay Quyloman và Trécnin là thái độ độc lập và thù địch của chính phủ "Rađa" [Rada] ở Kiép [Kiev] đối với Mátxcova.

Những lãnh tụ "Rađa" đại diện cho một thứ quyền thống trị kiểu Kêrenxki ở Ucoraina. Họ không khác mấy so với mô hình của thứ chủ nghĩa Đại Nga, có lẽ chỉ thiên cận hơn. Những đại diện của "Rađa" ở Bòrét được chính tạo hóa sinh ra để bắt cứ chính khách tư sản nào cũng có thể xô mũi được họ. Chẳng những Quyloman mà Trécnin cũng sử dụng điều này một cách khoan dung và đáng ghét. Những nhà dân chủ khờ dại của xứ Ucoraina mở cờ trong bụng vì các tập đoàn đầy uy tín như Hôhendôlécno và Hápso-bua đều coi trọng họ. Khi trưởng phái đoàn Ucoraina Gôlôbôvích [Goloubovitch] vừa phát biểu xong và ngồi vào bàn, anh ta cẩn thận vén hai vạt áo dài đuôi tôm đính hai hàng khuy, người ta có cảm tưởng thân hình anh ta chảy ra thành nước lập tức vì nổi sung sướng sôi sục bốc hơi trong lòng.

Như Trécnin đã thuật lại trong hồi ký, ông ta xúi giục những người Ucoraina tuyên bố công khai công kích phái đoàn Xô-viết. Những vị Ucoraina này quá sốt sáng nên đã cường điệu. Trong vòng một phần tư tiếng đồng hồ, diễn giả của họ không ngớt buông ra những lời nói thô bỉ và hỗn xược, đưa người thông ngôn Đức có lương tâm vào thế bí, anh này phải khó khăn mới tìm được từ ngữ thích hợp với giọng điệu đó.

Mô tả lại hoạt cảnh này, vị bá tước của triều Hápso-bua kể rằng tôi bối rối, mặt mày tái nhợt, run rẩy, mồ hôi toát lạnh đầm đìa khắp cơ thể... v.v... Bỏ qua những lời nói quá đáng, phải thú thực rằng quả thực hoạt cảnh ấy thuộc loại nặng nề nhất. Tuy nhiên cái đè nặng lên tôi, không phải như Trécnin tưởng, là các đồng hương của chúng tôi thóa mạ chúng tôi trước mắt người lạ... Không! Điều không chịu đựng nổi là những kẻ, dù sao đi nữa, cũng là đại diện của cách mạng, lại đem mình luôn cúi trước bọn quý tộc ngạo mạn đang khinh bỉ họ. Sự thấp hèn ẩn chứa trong cái vỏ phở trương, sự bợ đỡ tôi tớ, mê muội đến ngạt thở tuôn ra từ những kẻ dân chủ quốc gia bất hạnh ấy, những kẻ trong chốc lát đã tiến đến gần quyền lực. Trong lúc mê mải nghe, Quyloman, Trécnin và những kẻ khác thờ hèn hèn như người chơi cá ngựa đặt cược cho một con ngựa sắp đến đích. Cứ sau mỗi câu, đại biểu Ucoraina lại liếc vào đám người bảo hộ anh ta để chờ một lời khích lệ; anh ta cẩn thận đọc từ mẫu giấy của mình tất cả những lời thóa mạ mà phái đoàn của anh ta đã chuẩn bị trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ, với sự cộng tác tập thể.

Vâng, đó quả là một trong những hoạt cảnh đê hèn nhất mà tôi phải tham gia. Nhưng dưới làn đạn chông chéo của những lời lăng mạ và những cái nhìn độc địa, tôi không hề nghi ngờ, dù chỉ trong một khoảng khắc, rằng những chủ nhân đắc thắng chẳng mấy chốc sẽ tống bọn đầy tớ quá sốt sáng này ra khỏi cửa, và lũ chủ ấy chẳng bao lâu sau cũng sẽ phải giao lại vị trí mà chúng đã ngự trị yên ổn suốt mấy thế kỷ...

Trong thời gian đó, các đạo quân Xô-viết cách mạng đã tiến công thắng lợi ở Ucoraina và tự mở một con đường đến sông Đônêp [Dniepr]. Và đúng vào ngày khi cái ung nhọt đã chín mủi và việc các đại biểu Ucoraina thỏa thuận với Quyloman và Trécnin để bán nước đã trở nên rõ ràng, các đạo quân Xô-viết chiếm thành phố Kiép. Rađéc [Radek] trực tiếp điện thoại hỏi về tình hình của thủ đô xứ Ucoraina, và điện tín viên người Đức ở một trạm trung gian, không biết mình đang nói với ai, đã trả lời như sau:

— Kiép thất thủ rồi!

Ngày 7 tháng Hai, trước các phái đoàn đế quốc trung tâm, tôi thông báo bức điện tín của Lênin cho biết quân đội Xô-viết đã vào Kiép ngày 29 tháng Giêng; chính phủ "Rađa" đã bị mọi người bỏ rơi và đã lần trốn; Ban Chấp hành Trung ương các Xô-viết Ucoraina đã trở thành cơ quan quyền lực tối cao của đất nước và đã chuyển về Kiép; chính phủ Ucoraina đã thừa nhận mối quan hệ liên bang và thống nhất hoàn toàn về ngoại giao và nội trị với nước Nga.

Trong phiên họp gần nhất, tôi nói với Quyloman và Trécnin rằng họ đang đàm phán với phái đoàn của một chính phủ mà toàn bộ lãnh thổ của nó chỉ giới hạn trong Bòrét-Litôpxơ (theo hiệp định, thành phố này thuộc về xứ Ucoraina). Nhưng chính phủ Đức, hay nói đúng hơn, bộ chỉ huy Đức lúc đó đã quyết định cho quân chiếm đoạt nước Ucoraina. Đường lối ngoại giao của các cường quốc trung tâm chỉ chuẩn bị một giấy thông hành quá cảnh cho các đạo quân Đức. Luthendôócphơ đã hành động tuyệt hay khi ông ta chuẩn bị cho sự hấp hối của quân đội dòng họ Hôhendôlécno.

Trong những ngày ấy, trong một nhà tù Đức có một người bị giam giữ; ông bị các chính trị gia xã hội dân chủ coi là người không tưởng điên rồ và bị các quan tòa Hôhendôlécno buộc tội phản quốc. Người tù ấy viết như sau:

Cán cân của những cuộc đàm phán ở Bòrét không phải là con số không, ngay cả

khi phải công nhận một nền hòa bình mang tính đầu hàng tàn nhẫn. Nhờ các đại biểu Nga, Bờrét trở thành diễn đàn cách mạng có ảnh hưởng lớn. Nó đã tố cáo các cường quốc trung tâm, đã vạch trần sự tham lam, giả dối, xảo trá và đạo đức giả của nước Đức. Nó đã đưa ra bản án trời giáng cho chính sách hòa bình của đa số đảng (xã hội dân chủ) Đức, một đường lối giả nhân giả nghĩa thì ít mà trăng tráo thì nhiều. Nó tỏ ra có khả năng phát động những phong trào quần chúng rộng lớn tại các quốc gia khác nhau. Và kết cục bi thảm của nó — sự can thiệp chống lại cách mạng — đã làm rung chuyển chủ nghĩa xã hội trong từng đường gân thớ thịt. Rồi thời gian sẽ chỉ ra vụ gieo hạt năm nay cho mùa gặt sắp tới sẽ đem lại gì cho những kẻ chiến thắng hôm nay. Bọn chúng sẽ chẳng có nhiều niềm vui ở đó! (Các Lípnhêch: *Politische Aufzeichnungen, aus seinem Nachlass*, Verlag Die Aktion, 1921, S. 51)

CHƯƠNG XXXII

HÒA BÌNH

Suốt mùa thu, hàng ngày các đại biểu ngoài mặt trận xuất hiện ở Xô-viết Pêtorôgorát để tuyên bố: nếu nền hòa bình không được ký kết trước ngày 1 tháng Mười một, chính những người lính sẽ quay về hậu phương để đòi hòa bình bằng các phương tiện riêng của họ. Điều đó đã trở thành khẩu hiệu của tiền tuyến. Quân lính rời bỏ chiến hào hàng loạt. Bước ngoặt tháng Mười làm ngừng phong trào này một thời gian, cố nhiên không lâu.

Cách mạng tháng Hai đã dạy cho binh lính biết rằng bè lũ Rátxpuchin [Raspoutine] xúi giục và lôi cuốn họ vào cuộc chiến vô nghĩa và đê hèn; họ không thấy có lý do gì để tiếp tục chiến tranh, đơn thuần chỉ vì ông trạng sư trẻ Kêrenxki cầu khẩn họ làm việc đó. Họ muốn trở về nhà, thấy lại gia đình, ruộng vườn, nhìn tận mắt cuộc cách mạng đã hứa cho họ ruộng đất và tự do. Nhưng trong lúc này, những người lính vẫn bị giữ trong các hang hốc ngoài mặt trận, bụng đói meo và quân phục đầy chấy rận. Tức giận những người lính, công nhân và nông nhân, một lần Kêrenxki gọi sự phản đối của họ là "cuộc nổi loạn của lũ nô lệ". Ông ta chỉ không hiểu một điều nhỏ nhỏ duy nhất: cách mạng chính là sự nổi dậy của những người nô lệ không còn muốn làm nô lệ nữa.

Là người bảo trợ và cố vũ cho Kêrenxki, Biucanon phạm phải một sơ suất khi trong hồi ký, ông ta kể lại cho chúng ta biết đối với ông ta và đồng loại, chiến tranh và cách mạng có nghĩa như thế nào. Nhiều tháng sau tháng Mười, Biucanon mô tả bằng những lời lẽ như sau về nước Nga trong năm 1916 kinh khủng; vào năm ấy quân đội Nga hoàng thất bại, nền kinh tế đổ vỡ, đâu đâu cũng phải xếp hàng để mua thực phẩm và chính quyền chơi trò nhây cừu do Rátxpuchin chỉ huy. Biucanon kể về chuyến đi thăm Cờum [Krym] năm 1916 của ông ta như sau:

Tại một biệt thự tuyệt vời nhất mà chúng tôi đến thăm, chẳng những chúng tôi được tiếp đón với bánh mì-muối đựng trên chiếc đĩa bạc, mà khi ra về chúng tôi còn thấy trong xe một khay rượu Buócônhơ [Bourgogne] lâu đời mà tôi đã hết lời ca ngợi khi được nhấm nháp vào bữa sáng. Thật buồn vô hạn khi nhìn lại những ngày hạnh phúc (!) đó, chúng không bao giờ trở lại và khó lòng khi nghĩ đến nỗi khổ cùng và đau khổ của những người đã tiếp đón chúng tôi với biết bao lịch thiệp và ân cần mến khách. (Bản tiếng Nga, trang 160)

Ở đây, Biucanon không nghĩ đến những khổ đau của người lính cơ cực ngoài chiến hào, của những bà mẹ đói khát phải chờ xếp hàng trước các cửa hiệu; ông nói về sự đau đớn của những chủ nhân trước đây của các biệt thự tuyệt vời ở Cờum, của những đĩa bạc và những chai rượu Buócônhơ lâu đời. Đọc những dòng chữ trăng tráo bình thân này, người ta tự nhủ: cách mạng tháng Mười đã ra đời không vô cơ! Chẳng phải vô cơ mà cách mạng đã tổng cô khô đất nước chẳng những dòng họ Rômanốp [Romanov], mà cả Biucanon cùng Kêrenxki!

Khi lần đầu tiên tôi vượt qua chiến tuyến đến Bờrét-Litôpxơ, những người bạn đồng chí hướng với chúng tôi không thể tổ chức một cuộc biểu tình nào ít nhiều quan trọng để phản đối các yêu sách quái

đàn của nước Đức: các chiến hào hầu như đã trống rỗng. Sau những thử nghiệm của Biucanon và Kêrenxki, không ai dám nhắc đến việc tiếp tục cuộc chiến, dù chỉ là nói một cách có điều kiện. Hòa bình, hòa bình bằng bất cứ giá nào!... Sau này, trong một lần từ Bô-rét trở về Mátxcova, tôi cố thuyết phục một đại biểu mặt trận của Ban Chấp hành Trung ương liên Nga đề anh ủng hộ phái đoàn chúng tôi bằng một bài phát biểu kiên quyết.

— Không thể được — anh trả lời —, tuyệt đối không thể được! Chúng tôi không thể trở lại các chiến hào, người ta không cho phép chúng tôi về đó; họ sẽ nói chúng tôi lại tiếp tục lừa dối họ, giống như Kêrenxki...

Rõ ràng là không thể tiếp tục cuộc chiến. Trong vấn đề này, tôi không hề có chút bất đồng quan điểm nào với Lênin. Chúng tôi nhìn Bukharin và những tông đồ còn lại của thuyết "chiến tranh cách mạng" với một vẻ kinh ngạc như nhau.

Nhưng có một vấn đề khác không kém phần quan trọng: chính phủ Hôhendôlécno có thể đi xa đến đâu trong cuộc chiến chống chúng tôi? Vào những ngày đó, trong một lá thư gửi bạn, bá tước Trécnin giải bày rằng giá như có đủ lực lượng cần thiết, họ đã chẳng cần điều đình với những người bên-sê-vích mà có thể đưa quân đến lập lại trật tự ở Pêtorôgorát. Dĩ tâm thì không thiếu. Nhưng đã đủ mạnh chưa? Triều đình Hôhendôlécno có khả năng điều quân chống cuộc cách mạng đang phần đầu cho một hòa bình không? Cách mạng tháng Hai, rồi tháng Mười có ảnh hưởng như thế nào đến quân đội Đức? Tác động ấy sẽ biểu hiện trong thời hạn nào? Vẫn chưa có lời giải đáp cho những câu hỏi đó, phải tìm chúng trong quá trình thương thuyết. Để làm được điều đó, chúng tôi cần phải trì hoãn cuộc đàm phán trong chừng mực có thể. Phải cho công nhân châu Âu có thời gian thấu hiểu bản thân sự kiện cách mạng Nga và đặc biệt là đường lối hòa bình của nó. Điều này lại càng quan trọng hơn vì báo chí các nước Liên minh, hợp lực với báo chí của bọn cơ hội và tư sản Nga, từ lâu nay, đã trình bày những cuộc thương lượng như một tấn hài kịch trong đó vai trò của các diễn viên đã được phân bố khéo léo.

Ngay ở Đức, trong phe đối lập của đảng Xã hội Dân chủ hồi đó — số này không ngần ngại trong việc quy sự bất lực của họ cho chúng tôi — cũng có những lời đồn đại cho rằng những người bên-sê-vích chúng tôi thông đồng với chính phủ Đức. Giả thuyết này càng có vẻ đáng tin hơn ở Pháp và Anh. Rõ ràng là nếu giới tư sản và xã hội dân chủ của Liên minh gây được mối nghi ngờ của quần chúng công nhân đối với chúng tôi thì điều đó sau này sẽ vô cùng thuận lợi cho việc Liên minh mở một cuộc can thiệp quân sự chống chúng tôi. Do đó, tôi cho rằng cho đến khi ký một hiệp định đình chiến riêng rẽ, nếu điều đó không tránh khỏi đối với chúng tôi, cần phải chứng tỏ bằng mọi giá cho giới công nhân châu Âu thấy được một cách rõ ràng và không chối cãi được mối thù địch một mất một còn giữa chúng tôi với nước Đức. Chính dưới ảnh hưởng của những suy tính như thế mà ở Bô-rét-Li-tốpxcơ, tôi đã tiến đến ý nghĩ phải thị uy chính trị theo chiều hướng như sau: chúng tôi ngừng chiến, giải giáp quân đội nhưng không ký kết hòa bình. Tôi lập luận: nếu đế quốc Đức không có khả năng điều động quân đội chống chúng tôi thì điều này sẽ có nghĩa là chúng tôi đã đạt được thắng lợi to lớn, có những hệ quả không tính hết được. Còn nếu ngược lại, bọn Hôhendôlécno còn có thể giáng vào chúng tôi một đòn nữa, thì chúng tôi vẫn còn thì giờ để đầu hàng. Tôi hội kiến việc này với các thành viên còn lại trong phái đoàn, trong số đó có Camênhép, tôi được đồng tình và tôi viết thư cho Lênin. Ông trả lời: "Khi nào đồng chí về Mátxcova, chúng ta sẽ bàn bạc chuyện đó."

— Thật tốt, không thể đòi hỏi hơn — Lênin trả lời những luận cứ của tôi —, nếu tướng Hốpman không thể cử quân chống lại chúng ta. Nhưng không có mấy hi vọng về điều này. Để nhằm mục đích đó, ông ta sẽ tìm được những đơn vị tinh nhuệ trong số phú nông xứ Bavari. Và đâu cần phải có nhiều quân lắm để chống lại chúng ta? Bởi chính đồng chí cũng bảo là các chiến hào đều trống không. Và nếu bọn Đức lại tiếp tục cuộc chiến thì sao?

— Thì chúng ta buộc phải ký kết hiệp định hòa bình. Nhưng trong trường hợp này, ai nấy đều rõ là chúng ta không còn con đường nào khác. Chỉ riêng điều đó cũng đủ giáng một đòn quyết liệt vào câu chuyện thêu dệt về mối quan hệ sau hậu trường giữa chúng ta với bọn Hôhendôlécno.

— Điều đó cố nhiên có những mặt ưu điểm của nó, tuy nhiên tất cả ý định này tương đối mạo hiểm. Nếu chúng ta phải chết cho cách mạng Đức thì chúng ta có bốn phận phải làm việc đó. Cách mạng Đức quan trọng hơn cách mạng chúng ta rất nhiều, không thể so sánh được. Nhưng thử hỏi bao giờ nó mới diễn ra? Chúng ta không thể biết. Thành thử, lúc này, không gì quan trọng hơn cách mạng chúng ta trên thế gian này. Phải cứu vãn nó bằng bất cứ giá nào.

Vấn đề này tự nó đã không đơn giản, lại còn bị bồi thêm bằng những khó khăn vô cùng phức tạp trong nội bộ đảng. Trong đảng bên-sê-vích, ít nhất là trong giới lãnh đạo, người ta chống đối không khoan nhượng việc ký kết hiệp định đình chiến với các điều kiện của Bô-rét. Những bản tường thuật tốc ký xuất hiện trong báo chí của ta về các cuộc đàm phán ở Bô-rét càng duy trì và làm gay go thêm bầu không khí ấy, vốn biểu hiện rõ rệt nhất trong nhóm cộng sản cánh tả; những người này nêu ra khẩu hiệu "Chiến tranh

cách mạng".

Cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng ngày càng ác liệt hơn. Trái với câu chuyện hoang đường được lưu hành sau này, cuộc đấu tranh ấy không xảy ra giữa tôi và Lênin, mà giữa Lênin và đa số các lãnh tụ đảng. Trong các vấn đề chính yếu của cuộc đấu tranh nói trên — như có thể tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng hay không? có thể chấp nhận hay không việc một chính quyền cách mạng lại ký kết hiệp ước với đế quốc? — tôi hoàn toàn đứng về phía Lênin, cùng với ông, tôi trả lời "không" cho câu hỏi thứ nhất và thứ hai.

Lần đầu tiên, chúng tôi thảo luận các bất đồng quan điểm trên phương diện rộng hơn là vào phiên họp những đảng viên cốt cán ngày 21 tháng Giêng 1918. Ba lập trường được hình thành. Lênin bảo vệ ý kiến kéo dài cuộc đàm phán, nhưng đầu hàng ngay lập tức khi có tối hậu thư. Tôi thấy cần thiết phải đưa cuộc đàm phán theo hướng tuyệt giao, chấp nhận nguy cơ quân Đức tiếp tục tấn công để chỉ đầu hàng dưới sức mạnh của bạo lực hiển nhiên. Bukharin đòi tiếp tục chiến tranh để mở rộng vũ trường cách mạng.

Trong cuộc họp ngày 21 tháng Giêng, Lênin tiến hành một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống những tín đồ của thuyết "Chiến tranh cách mạng" và ông chỉ giới hạn việc phê bình đề nghị của tôi trong một vài câu.

Những người chủ trương chiến tranh cách mạng được 32 phiếu, Lênin được 15 và tôi được 16 phiếu. Ngay cả kết quả bỏ phiếu cũng chưa phản ánh thật rõ ràng bầu không khí ngự trị trong đảng. "Cánh tả" còn mạnh hơn so với biểu hiện của nó trong cuộc họp này, nếu không phải trong quần chúng thì ít nhất cũng trong tầng lớp thượng đỉnh của đảng. Chính điều này đảm bảo thắng lợi tạm thời của cách diễn đạt do tôi đưa ra. Các tín đồ của Bukharin coi công thức của tôi là một bước theo hướng của họ. Ngược lại, Lênin cho rằng — và ông hoàn toàn có lý — việc trì hoãn một quyết định cuối cùng sau này sẽ đảm bảo cho thành công của quan điểm của ông. Vào giai đoạn đó, làm sáng tỏ thực trạng tình hình là điều rất quan trọng đối với đảng chúng ta cũng như đối với công nhân Tây Âu. Lênin bị thiếu sót trong tất cả những cơ quan lãnh đạo của đảng và nhà nước. Cho đến ngày 5 tháng Ba, đã có hơn hai trăm Xô-viết đăng ký hưởng ứng lời kêu gọi các Xô-viết địa phương của Hội đồng Dân ủy về việc trình bày ý kiến về hòa bình và chiến tranh; trong số đó chỉ có hai Xô-viết lớn là Xô-viết Pétorôgorát và Xô-viết Xêvaxtôpôn [Sébastopol] (với một số đề dặt nhất định) bỏ phiếu cho hòa bình. Ngược lại, rất nhiều trung tâm công nhân lớn như Mátxcova, Êcacherinbua [Ekaterinbourg], Khácôp [Kharkov], Êcacherinôxláp [Ekaterinoslav], Ivanôvô-Vôdnhexenxơ [Ivanovo-Voznessensk], Cờnôstát, v.v... tuyên bố đứng về phía chủ trương chấm dứt đàm phán với đại đa số phiếu áp đảo. Những tổ chức đảng của ta cũng có lập trường như thế, chưa kể đến những người xã hội cách mạng cánh tả. Trong giai đoạn ấy, chỉ có thể làm cho quan điểm của Lênin trở nên có hiệu lực bằng cách chia cắt đảng và đảo chính nhà nước; ngoài ra không còn cánh nào khác. Ngược lại, mỗi ngày mỗi lại làm tăng thêm số người đồng ý với Lênin. Trong những hoàn cảnh như thế, công thức "không chiến, không hòa" là một cái cầu khách quan dẫn đến lập trường của Lênin. Đa số đảng viên, hoặc chỉ ít là đa số lãnh tụ đảng, đã đi qua chiếc cầu này.

— Được rồi, cứ giả thiết là chúng ta từ chối không ký hiệp định hòa bình và sau đó quân Đức sẽ tiến công. Khi ấy đồng chí làm gì nào? — Lênin gạn hỏi tôi.

— Chúng ta ký đình chiến dưới bóng lưỡi lê. Tinh thần sẽ sáng tỏ trước toàn thế giới.

— Trong trường hợp ấy, đồng chí sẽ không ủng hộ khẩu hiệu "chiến tranh cách mạng" chứ?

— Không đời nào!

— Theo cách đặt vấn đề như thế, thử nghiệm này cũng không có vẻ nguy hiểm lắm. Chúng ta đánh liều để mất Extôni [Estonie] và Létôni — Lênin nói và mỉm cười ranh mãnh, ông tiếp: — Chỉ để làm lành với Trốttxki, mất Létôni và Extôni cũng bỏ.

Trong mấy ngày sau đó, câu ấy được ông lặp đi lặp lại.

Trong phiên họp quyết định ngày 22 tháng Giêng của Ban Trung ương, đề nghị của tôi được chấp nhận: kéo dài các cuộc đàm phán, trong trường hợp nước Đức đưa tối hậu thư, chúng tôi tuyên bố cuộc chiến kết thúc nhưng không ký kết hòa bình; sau đó, hành động tùy theo tình hình.

Đêm khuya ngày 25 tháng Giêng, trong cuộc họp chung những Ban Trung ương bên-sê-vích và các đồng minh của chúng tôi thời ấy — những người xã hội cách mạng cánh tả —, công thức này được chấp nhận với một đa số áp đảo. Một quyết định được đưa ra: như người ta thường làm hồi đó, nghị quyết chung này được coi là nghị quyết của Hội đồng Dân ủy.

Ngày 31 tháng Giêng, từ Bôrét tôi thông báo với Lênin, lúc đó đang ở điện Xmôn-nui, qua đường dây điện thoại trực tiếp:

Giữa vô số những chuyện đồn đại và tin tức, có một bản tường thuật vô lý lọt vào báo chí Đức: theo nó, chúng ta đang chuẩn bị từ chối việc ký kết hòa bình một cách

không úp mở và dường như trong vấn đề này, có sự bất đồng ý kiến giữa những người bên-sê-vích v.v... và v.v... Ở đây, tôi nghĩ đến một bức điện tín từ Xtóckhôm có nội dung tương tự, bức điện ấy coi nguồn tin này xuất phát từ tờ *Politiken* (Chính trị). Nếu tôi không nhầm, *Politiken* là cơ quan ngôn luận của Höglund. Bằng một cách nào đó, có thể hỏi ông ta: làm sao tòa soạn của ông lại có thể đăng tải những điều hỗn tạp la lùng đến như thế, nếu quả thực mẫu tin đó xuất hiện trên mặt báo của ông? Bởi lẽ báo chí tư sản đầy rẫy những lời đồn đại đủ kiểu, chắc người Đức sẽ không mấy quan tâm đến tin này. Nhưng đây lại là một tờ báo cánh tả mà một biên tập viên lại ở Pêtorôgorát. Điều đó đem lại một thứ xác tín cho bản thông báo, mặc dầu nó chỉ gieo thêm hoang mang trong đầu những người cùng phe với chúng ta.

Báo chí Áo-Hung tràn ngập tin tức về những vụ giết chóc kinh hoàng ở Pêtorôgorát, ở Mátxcova và nói chung, ở Nga: hàng trăm, hàng ngàn người chết, súng máy nổ liên hồi và những vụ việc tương tự. Khẩn thiết phải ủy nhiệm một người có đầu óc mang những tin tức về tình thế hàng ngày đến Hãng Thông tấn Pêtorôgorát và đài phát thanh. Tốt hơn hết nếu đồng chí Dinôviép đảm nhiệm công tác này, một nhiệm vụ có tầm quan trọng vô cùng to lớn. Đặc biệt, cần phải gửi những thông tin ấy cho Vôrôpxki [Vorovsky] và Lítvinôp [Litvinov]. Có thể giao Tritrêrin làm việc đó.

Chúng ta mới chỉ có một phiên họp duy nhất, hoàn toàn mang tính hình thức. Người Đức trì hoãn cuộc đàm phán một cách bất thường, có lẽ do khủng hoảng nội bộ. Báo chí Đức bắt đầu lu loa rầm rĩ rằng chúng ta hoàn toàn không muốn hòa bình, chúng ta chỉ tính đến chuyện mang cách mạng sang các nước khác. Những kẻ xuân ngốc ấy không thể hiểu được rằng đối với chúng ta, muốn phát triển cách mạng châu Âu, điều quan trọng trước nhất là phải ký kết hòa bình nhanh chóng.

Đã có những biện pháp để trục xuất đại sứ quán Rumania chưa? Tôi đoán vua Rumania đang ở Áo. Theo một tờ báo Đức, không phải tài sản quốc gia mà trữ lượng vàng của Ngân hàng Quốc gia Rumania đang ở chỗ chúng ta tại Mátxcova. Thiện cảm của nước Đức chính thống cố nhiên hoàn toàn hướng về Rumania.

Trótxki của các đồng chí.

Cần giải thích đôi chút về bản báo cáo này. Những tin tức truyền qua hệ thống điện tín Hiudo [Hughes] chính thức được coi là không bị nghe trộm. Nhưng chúng tôi có đủ cơ sở để nghĩ rằng ở Bôrét, người Đức đọc thư tín trao đổi của chúng tôi qua đường dây trực tiếp: chúng tôi đánh giá họ đúng mức trên phương diện kỹ thuật. Chúng tôi không có khả năng mã hóa tất cả thư từ, và lại chúng tôi cũng không tin tưởng lắm vào thứ mật mã ấy. Mặc dầu tờ *Politiken* của Höglund đã đăng tải không đúng lúc một tin từ nguồn bậc nhất, và điều này gây cho chúng tôi khá nhiều tai hại. Thành thử, toàn bộ việc trao đổi tin tức trên không nhằm mấy vào mục đích thông báo cho Lênin biết và lưu ý ông rằng quyết định của chúng tôi đã bị lộ ra ở ngoại quốc, mà cái chính là để đánh lừa người Đức. Nhắm vào các nhà báo, tôi dùng cụm từ "những kẻ xuân ngốc" hết sức bất lịch sự để cho bức điện có vẻ "tự nhiên" ở mức cao nhất. Tôi không thể nói mưu kế nhỏ nhặt này đã đánh lừa được Quyloman đến mức nào. Dù sao đi nữa, lời tuyên bố ngày 10 tháng Hai của tôi đã tác động bất ngờ đến những kẻ thù của chúng tôi. Ngày 11 tháng Hai, Trécnin viết trong nhật ký của ông:

Trótxki từ chối ký. Chiến tranh kết thúc, nhưng hòa bình chưa được ký kết.
(trang 337)

Gần như không thể tưởng tượng được, nhưng vào năm 1924, trường phái Xtalin-Dinôviép đã cố trình bày sự việc như thể ở Bôrét, tôi đã hành động *trái ngược* với nghị quyết của đảng và chính phủ. Những kẻ giả mạo khôn khéo còn không chịu bỏ sức, ít nhất cũng để liếc mắt nhìn qua những biên bản cũ, hoặc đọc lại những lời tuyên bố của chính họ. Ngày 11 tháng Hai, tức là một ngày sau khi tôi đọc bản tuyên bố ở Bôrét, Dinôviép khẳng định tại Xô-viết Pêtorôgorát:

Phái đoàn của chúng ta đã tìm thấy lối thoát đúng đắn duy nhất trong tình thế lúc đó.

Cũng chính Dinôviép đề xuất nghị quyết tán thành việc từ chối ký hiệp định hòa bình, quyết định này được đa số thông qua với một phiếu chống, những người men-sê-vích và xã hội cách mạng bỏ phiếu

trắng.

Ngày 14 tháng Hai, qua bài phát biểu của tôi trong Ban Chấp hành Trung ương liên Nga, thay mặt phe bôn-sê-vich, Xvéclốp trình bày dự thảo nghị quyết, khởi đầu bằng câu:

Sau khi đã nghe và thảo luận bản báo cáo của phái đoàn tham gia hòa đàm, Ban Chấp hành Trung ương liên Nga hoàn toàn tán thành cách giải quyết của các đại diện phái đoàn ở Bờrét.

Trong khoảng thời gian từ ngày 11 đến 15 tháng Hai, không có một tổ chức đảng hay Xô-viết địa phương nào lại không chuẩn y nghị quyết tán thành hành động của phái đoàn Xô-viết. Tại Đại hội đảng tháng Ba năm 1918, Dinôviép tuyên bố:

Trótxki có lý khi đồng chí khẳng định rằng đồng chí đã hành động đúng với quyết định của đa số trong một Ban Trung ương có đủ quyền biểu quyết. Không ai nghi ngờ điều này...

Cuối cùng trong Đại hội này, bản thân Lênin cũng kể lại "trong Ban Trung ương, đề nghị không ký kết hòa bình đã được mọi người chuẩn y" như thế nào.

Tất cả những điều này không ngăn trở một tín điều được cắm rễ trong Quốc tế Cộng sản, theo nó việc từ chối ký kết hòa bình ở Bờrét là một quyết định cá nhân của Trótxki.

Sau những cuộc đình công tháng Mười ở Đức và Áo, việc chính phủ Đức có quyết định mở cuộc tấn công hay không, đối với chúng tôi và đối với cả chính phủ Đức, không phải là điều hiển nhiên như lời tuyên bố của một số kẻ thông thái thời nay, khi sự việc đã rồi. Ngày 10 tháng Hai, các phái đoàn Đức và Áo-Hung ở Bờrét rút ra kết luận rằng "phải chấp nhận trạng thái do Trótxki đề nghị trong các bản tuyên bố của ông". Riêng tướng Hópman chống lại. Ngày hôm sau, theo lời Trécnin, trong phiên họp bế mạc ở Bờrét, Quyloman nói với vẻ hoàn toàn quả quyết về sự cần thiết phải chấp nhận hòa bình *de facto*. Tiếng vọng của các ý kiến trên lập tức đến tai chúng tôi. Phái đoàn chúng tôi từ Bờrét trở về Mátxcova với cảm giác quân Đức sẽ không tấn công. Lênin rất hài lòng với kết quả đạt được.

— Nhưng chúng không đánh lừa ta đấy chứ? — tuy vậy, ông vẫn gạn hỏi.

— Có lẽ không — chúng tôi giang tay trả lời.

— Thế thì được — Lênin nói. — Nếu đúng như thế thì càng hay: chúng ta giữ được thể diện và ra khỏi được cuộc chiến tranh.

Nhưng hai ngày trước khi thời hạn một tuần kết thúc, tướng Xamôilô [Samoilô] ở lại Bờrét gửi điện báo cho chúng tôi tin người Đức, theo tuyên bố của tướng Hópman, kể từ đêm 18 tháng Hai, tự coi ở trong tình trạng chiến tranh với chúng ta và do đó, họ kêu gọi Xamôilô rời Bờrét. Lênin là người đầu tiên cảm bức điện ấy trong tay. Đúng lúc đó tôi đang ở trong phòng làm việc của ông và chúng tôi đang nói chuyện với những người xã hội cách mạng cánh tả. Lênin lặng lẽ đưa cho tôi bức điện. Tôi lập tức đoán ra chuyện chẳng lành từ cái nhìn của ông. Lênin vội vã chấm dứt cuộc nói chuyện với những người xã hội cách mạng và mời họ ra về để chúng tôi có thể thảo luận trước tình hình mới.

— Thế là bọn chúng vẫn đánh lừa ta. Chúng thắng ta năm ngày... Con mãnh thú này chẳng chịu để mất gì đâu. Giờ thì chẳng còn cách nào khác, ngoài việc ký kết những yêu sách cũ của chúng, nếu bọn chúng còn chịu duy trì những điều kiện ấy.

Tôi vẫn tiếp tục khẳng định giữ ý kiến phải chờ Hópman phản công thực sự để giới công nhân Đức cùng công nhân các nước Liên minh có thể thấy cuộc tấn công ấy là sự thật, chứ không phải là một đe dọa đơn thuần.

— Không — Lênin phản bác. — Chúng ta không thể đánh mất một giờ nào nữa. Thử nghiệm đã kết thúc. Hópman muốn và hẳn có thể gây nên chiến tranh. Không thể trì hoãn được nữa. Con mãnh thú này vồ mồi nhanh lắm.

Tháng Ba, Lênin nói trong Đại hội đảng:

— Giữa chúng tôi (tức là giữa tôi và ông) có một thỏa thuận là chúng ta sẽ giữ vững chừng nào người Đức chưa đưa ra tối hậu thư, rồi sau tối hậu thư thì chúng ta đầu hàng.

Trên kia tôi đã nói về điều kiện này. Sờ dĩ Lênin chấp thuận không công khai phê bình công thức của tôi trước đảng chỉ vì tôi đã hứa với ông là tôi sẽ không ủng hộ những ai chủ trương thuyết "chiến tranh cách mạng". Những đại diện chính thức của nhóm này — Uritxki, Radéc và hình như cả Ôxinxki [Ossinsky] — đề nghị lập một "chiến tuyến duy nhất" với tôi. Tôi không để họ có chút nghi ngờ nào về việc không có gì giống nhau giữa quan điểm của chúng tôi. Khi Bộ Tổng tham mưu Đức cảnh cáo rằng họ đã bác bỏ cuộc

đình chiến, Lênin nhắc tôi về qui ước giữa hai chúng tôi. Tôi trả lời ông: đối với tôi, điều đáng kể không phải là tối hậu thư bằng lời nói mà là một cuộc tấn công thực sự của người Đức, cuộc tấn công này sẽ làm tiêu tan mọi ngờ vực về mối quan hệ đích thực giữa chúng ta với họ.

Trong phiên họp ngày 17 tháng Hai, Ban Trung ương lấy biểu quyết một vấn đề sơ bộ: "Nếu thực tế chúng ta thấy có một cuộc tấn công của quân Đức và nếu không có cuộc nổi dậy cách mạng nào ở Đức, chúng ta có ký kết hòa bình không?" Về vấn đề cơ bản này, Bukharin và những người cùng ý kiến với anh bỏ phiếu trắng, Corexchinxki [Krestinsky] cũng theo họ. Giôphê bỏ phiếu chống, Lênin và tôi bỏ phiếu thuận. Nhưng sáng hôm sau, tôi phản đối việc gửi cấp tốc bức điện do Lênin thảo ra, với nội dung sẵn sàng ký kết hòa bình. Tuy nhiên trong ngày hôm đó, những tin tức qua điện tín cho biết quân đội Đức đã tiếp tục tiến công, chúng chiếm đoạt những thiết bị quân sự và tiến về hướng Đovinxơ [Dvinsk]. Buổi tối, tôi bỏ phiếu tán thành việc gửi bức điện của Lênin: lúc đó không còn gì để nghi ngờ, tin quân Đức tấn công đã được cả thế giới biết đến.

Ngày 21 tháng Hai, người Đức lại đưa ra những điều kiện mới, dường như được tìm ra để vô hiệu hóa việc ký kết hiệp định hòa bình. Vào thời điểm phái đoàn chúng tôi đặt chân đến Bôrét, như ai nấy đều biết, các điều kiện của người Đức còn nặng nề hơn nữa. Trong một chừng mực nào đó, tất cả chúng tôi, kể cả Lênin, đều có cảm giác người Đức chắc hẳn đã thỏa thuận với Liên minh để phá tan các Xô-viết và chuẩn bị cho hòa bình ở mặt trận phía Tây trên tư thế của cách mạng Nga. Nếu quả thực sự việc đã đến mức ấy thì không còn một sự nhượng nào có thể cứu vãn nổi tình thế. Diễn biến các sự kiện ở Ucoraina và Phần Lan làm nghiêng mạnh cán cân về phía chiến tranh. Mỗi giờ lại đem đến một tin không tốt lành. Chúng tôi biết tin quân Đức đã tràn vào Phần Lan và bắt đầu triệt phá các hội đồng công nhân. Tôi đụng phải Lênin tại hành lang, không xa phòng làm việc của ông. Ông hết sức lo lắng. Trước đó cũng như sau đó, không bao giờ tôi thấy ông ở trong trạng thái như thế.

— Ừ phải — ông nói —, chúng ta phải chiến đấu mặc dù không có phương tiện. Có lẽ không còn lối thoát nào khác.

Nhưng mười, mười lăm phút sau, khi tôi vào phòng làm việc của ông, Lênin nói:

— Không, không được thay đổi đường lối của chúng ta. Cuộc tấn công của chúng ta không thể cứu vãn nước Phần Lan cách mạng, ngược lại chắc chắn chúng ta sẽ bị thất bại. Chúng ta giúp đỡ công nhân Phần Lan trong phạm vi có thể, nhưng không được rời bỏ lập trường hòa bình. Tôi không biết giờ đây điều này có cứu nổi chúng ta hay không? Nhưng dù sao, đó là con đường duy nhất để chúng ta có thể thoát hiểm.

Tôi rất hoài nghi về khả năng có thể đạt được nền hòa bình, dù phải trả giá bằng sự đầu hàng toàn diện. Nhưng Lênin quyết định đi đến cùng con đường hạ vũ khí này. Và bởi vì ông không có đa số trong Ban Trung ương và quyết định phụ thuộc vào lá phiếu của tôi, tôi bỏ phiếu trắng để đảm bảo cho Lênin có thêm một phiếu đa số. Tôi giải thích động cơ khiến tôi bỏ phiếu trắng như vậy. Tôi suy luận như sau: nếu sự đầu hàng không mang lại hòa bình, chúng tôi sẽ tổ chức mặt trận của đảng để bảo vệ cách mạng bằng hình thức vũ trang, đó là điều kẻ thù buộc chúng tôi phải làm.

— Tôi cho rằng — tôi nói với Lênin trong một cuộc nói chuyện riêng — trên phương diện chính trị, tôi nên từ chức dân ủy Ngoại giao thì hợp lý hơn.

— Tại sao? Tôi mong rằng chúng ta sẽ không áp dụng những phương pháp theo kiểu nghị viện.

— Nhưng với người Đức, việc tôi từ chức đánh dấu một bước ngoặt tận cội rễ trong đường lối chính trị và làm tăng lên niềm tin tưởng của chúng, rằng lần này quả thực chúng ta sẵn sàng ký kết hiệp định hòa bình.

— Có thể — Lênin nói, giọng suy nghĩ —, đây quả là một luận cứ chính trị xác đáng.

Ngày 22 tháng Hai, trong phiên họp Ban Trung ương, tôi báo cáo về việc phái đoàn quân sự Pháp đệ trình lên tôi đề nghị chung của Pháp và Anh, theo đó họ ủng hộ chúng ta trong cuộc chiến tranh với Đức. Tôi tuyên bố chấp nhận đề nghị đó, cố nhiên với điều kiện đường lối ngoại giao của chúng ta phải hoàn toàn được độc lập. Bukharin cho rằng không thể chấp nhận bất cứ thứ hiệp định nào với bè lũ đế quốc. Lênin kiên quyết ủng hộ tôi và Ban Trung ương phê chuẩn đề nghị của tôi với 6 phiếu thuận trên 5 phiếu chống. Tôi còn nhớ Lênin đọc bản nghị quyết với những lời lẽ như sau:

Ủy nhiệm đồng chí Trótxki chấp nhận sự hỗ trợ của bọn đế quốc Pháp để đả kích để chống lại bọn Đức ăn cướp.

Lênin luôn luôn ưa thích những cách diễn đạt không để lại chút nghi ngờ.

Ra khỏi phòng họp, Bukharin theo sau tôi trong hành lang dài của điện Xmônui, anh níu lấy tôi bằng cả hai tay và òa khóc nức nở.

— Chúng ta đã làm gì? — anh nói. — Chúng ta biến đảng thành một đồng phân!

Thường thường, Bukharin rất mau nước mắt và thích các biểu hiện tự nhiên chủ nghĩa. Nhưng lần này tình thế diễn biến thật bi thảm. Cách mạng lâm vào cảnh trên đe dưới búa.

Ngày 3 tháng Ba, phái đoàn chúng tôi ký mà không buồn đọc hiệp ước đình chiến. Dường như đi trước những suy tưởng của Colê măngxô, chúng tôi có thể nói rằng hòa bình Bôrét là một cái thòng lọng treo cổ. Ngày 22 tháng Ba, Râystác [Reichstag] (Quốc hội Đức) cũng phê chuẩn hiệp ước hòa bình. Các nhà xã hội dân chủ Đức đã chấp thuận từ trước những nguyên tắc của Hội nghị Vécxây [Versailles] sau này. Những người xã hội dân chủ độc lập bỏ phiếu chống; đến nay họ mới vạch ra cái đường biểu diễn cần cỗi, cuối cùng sẽ đưa họ về điểm xuất phát.

Nhìn lại chặng đường đã qua, tại Đại hội VII của đảng bôn-sê-vích (tháng Ba năm 1918), tôi đã phác họa khá rõ ràng và kỹ lưỡng về lập trường của tôi. Tôi nói:

Nếu thực sự muốn ký kết một hiệp ước hòa bình có lợi nhất, lẽ ra chúng ta phải ký kết ngay từ tháng Mười một. Nhưng ngoài Dinôviép, không ai lên tiếng theo chiều hướng đó: tất cả chúng ta đều theo quan điểm phải cách mạng hóa giai cấp công nhân Đức, Áo-Hung và toàn châu Âu bằng hoạt động tuyên truyền. Tuy nhiên, mọi cuộc đàm phán trước đây của chúng ta với người Đức chỉ có ảnh hưởng cách mạng hóa trong chừng mực người ta coi đó là tiền mặt. Trong phiên họp của phe bôn-sê-vích tại Đại hội liên Nga các Xô-viết lần thứ III, tôi đã báo cáo về việc cựu bộ trưởng Áo-Hung Gorátxơ [Gratz] tuyên bố: người Đức chỉ cần một cái cớ để đặt chúng ta trước tội hậu thư. Họ cho rằng ngay từ đầu, chúng ta cũng đã tính đến tội hậu thư..., rằng từ lâu nay, chúng ta đã tự nguyện ký kết *bất cứ thứ gì*, rằng chúng ta chỉ diễn một tấn hài kịch cách mạng. Trong một tình thế như vậy, nếu chúng ta không ký, chúng ta có nguy cơ mất Revan [Reval] và các thành phố khác, nhưng nếu ký sớm quá, chúng ta có nguy cơ mất mỗi thiện cảm của phần lớn vô sản trên thế giới. Tôi là một trong những người cho rằng quân Đức có thể không tấn công, nhưng nếu chúng tấn công, chúng ta vẫn có thì giờ để ký thứ hòa bình này, dù phải chịu những điều kiện tồi tệ hơn nữa. Thời gian trôi qua, tôi tự nhủ, mọi người sẽ nhận thấy rằng chúng ta không còn con đường nào khác...

Đáng chú ý là cũng vào thời gian đó, Líp néch viết những dòng sau từ đáy nhà tù:

Dù sao đi nữa cũng không thể khẳng định rằng đối với diễn tiến sau này của sự việc, giải pháp hiện tại tồi tệ hơn là sự đầu hàng có thể đưa ra ở Bôrét từ đầu tháng Hai. Trái lại mới đúng. Một sự đầu hàng như thế hẳn đã làm sáng tỏ từ khía cạnh xấu nhất toàn bộ sự kháng cự trước đó và khiến bạo lực cuối cùng lộ ra như một *vis haud ingrata*. Tính trâng tráo quá quắt, sự vô nhân trong hành động cuối cùng của nước Đức đã *đẩy lui vào hậu trường mọi sự nghi ngờ*. (trang 51)

Líp néch đã tiến bộ rất nhiều trong chiến tranh, khi rốt cục ông đã biết rằng có một vực thẳm ngăn cách ông với Hade [Haase], con người lương thiện nhưng thiếu nghị lực. Chẳng cần phải nói rằng Líp néch là một nhà cách mạng dũng cảm quên mình. Nhưng ông mới vừa bắt đầu xây dựng con người chiến lược trong ông. Điều đó thể hiện trong vấn đề hình thành số phận cá nhân ông và cả trong vấn đề đường lối cách mạng của ông. Những toan tính liên quan đến sự an toàn cá nhân hoàn toàn xa lạ đối với ông. Sau khi bị bắt, nhiều bạn bè của Líp néch chỉ biết lắc đầu trước "sự bông bột" quên mình của ông. Ngược lại, Lênin vô cùng quan tâm đến sự an toàn của nhóm lãnh đạo. Ông là tổng tham mưu trưởng và không bao giờ ông quên rằng trong thời chiến, phải tìm một địa điểm an toàn cho Bộ Tổng tham mưu. Líp néch là vị tư lệnh đích thân cầm quân ra trận. Một phần cũng vì thế mà rất khó khiến ông hiểu được chiến lược của chúng tôi ở Bôrét-Litôpxơ. Thoạt đầu, dường như Líp néch muốn chúng tôi thách thức và giáp mặt với số phận. Hồi đó, hơn một lần ông phê phán "đường lối chính trị của Lênin và Trôtxki" và ông hoàn toàn có lý khi ông không hề phân biệt đường lối của Lênin và của tôi trong vấn đề cơ bản đó. Tuy nhiên sau đó ông bắt đầu đánh giá đường lối chính trị ở Bôrét theo cách khác. Đầu tháng Năm, Líp néch viết:

Trước hết và hơn mọi thứ khác, các Xô-viết Nga cần thiết một cái gì đó, không phải là sự biểu dương lực lượng và dàn cảnh mà là một sức mạnh nguyên sơ cứng rắn. Để đạt được điều đó, dù sao, ngoài nghị lực, còn phải có trí tuệ và thời gian — trí tuệ để giành được thời gian, điều không thể thiếu được ngay cả với thứ nghị lực cao nhất và thông tuệ nhất. (trang 102)

Như vậy, Lípnehc hoàn toàn thừa nhận đường lối ở Bờrét của Lênin, nhằm tranh thủ thời gian.

Chân lý tự mở đường tiến lên. Nhưng sự ngu xuẩn cũng dai dẳng. Giáo sư Mỹ Phiso [Fischer], trong cuốn sách dày cộp mang tựa đề *The Famine in Soviet Russia* (Nạn đói ở nước Nga-Xô-viết) viết về những năm đầu của nước Nga-Xô-viết đã gán cho tôi cái ý nghĩ các Xô-viết không bao giờ gây chiến tranh và không bao giờ ký kết hòa bình với các chính quyền tư sản. Cũng như nhiều kẻ khác, Phiso sao lục từ Dinôviép và nói chung, từ bọn kẻ nghiệp; ông ta chêm vào một chút từ đầu óc thiển cận của ông. Điều đó chứng tỏ ông chẳng hiểu gì hết.

Những kẻ phê bình tôi đã quá chậm trễ, từ lâu họ đã tách rời đề nghị của tôi khỏi các hoàn cảnh thời gian và không gian và biến nó thành một công thức "vạn năng" để dễ bề đẩy nó đến chỗ *ad absurdum*. Tuy nhiên, giữa chừng họ không nhận ra rằng trạng thái "không chiến, không hòa", hay nói đúng hơn "không *hiệp ước* hòa bình, không chiến tranh", tự bản thân nó không có gì là phản tự nhiên. Hiện nay chúng ta vẫn còn có những mối quan hệ như thế với các cường quốc trên thế giới: Hoa Kỳ và Anh. Đúng là những quan hệ ấy được hình thành trái với ý muốn của chúng ta, nhưng điều này không làm thay đổi bản chất vấn đề. Ngoài ra, còn có một quốc gia mà chúng ta cũng có sáng kiến thiết lập với họ thái độ "không hòa, không chiến", đó là Rumania. Lại thay, những kẻ phê bình tôi — trong khi gán cho tôi cái công thức "vạn năng" mà họ coi là hoàn toàn phi lý — đã không nhận thấy rằng họ chỉ nhắc lại cái "công thức phi lý" của những mối quan hệ thực sự giữa Liên Xô và hàng loạt quốc gia khác.

Bản thân Lênin có cái nhìn như thế nào về giai đoạn Bờrét, khi chúng ta đã qua nó? Nói chung, Lênin không coi mối bất đồng mang tính giai đoạn giữa chúng tôi là điều đáng nhắc lại. Ngược lại, hơn một lần, ông nói về "tầm quan trọng rất to lớn của những cuộc đàm phán ở Bờrét trên góc độ tuyên truyền" (hãy xem, chẳng hạn, diễn văn của ông ngày 17 tháng Năm 1918).

Một năm sau thời kỳ Bờrét, Lênin phát biểu như sau trong Đại hội đảng:

Bị cô lập ghê gớm khỏi Tây Âu và các nước khác..., chúng ta không thể nắm bắt một thứ tư liệu khách quan nào khiến qua đó, chúng ta có thể phán đoán quá trình tiến triển nhanh chậm hoặc các hình thức phát triển của cách mạng vô sản phương Tây. Tình hình phức tạp ấy dẫn đến kết quả vấn đề hòa bình ở Bờrét đã gây nên nhiều bất đồng trong đảng ta" (diễn văn ngày 18 tháng Ba 1919).

Cần phải đặt thêm một câu hỏi nữa: thử hỏi, trong những ngày ấy, những kẻ sau này phê phán và buộc tội tôi đã có thái độ như thế nào? Gần một năm rưỡi, Bukharin đấu tranh kịch liệt chống Lênin (và chống tôi), anh đe dọa chia cắt đảng. Trong cuộc chiến ấy, anh có các bạn đồng hành là Quybusép [Kouibychev], Iarôxlápki, Búp nôp [Bubnov] và nhiều thành viên trụ cột ngày nay của phe xta-lin-nít. Trái lại, Dinôviép đòi ký ngay đình chiến, sẵn sàng từ chối diễn đàn tuyên truyền ở Bờrét. Lênin và tôi cùng phê phán lập trường ấy. Ở Bờrét, Camênhép tán đồng công thức của tôi, song khi về Mátxcova anh lại ngả theo Lênin. Rucôp lúc đó không phải là ủy viên Ban Trung ương và vì thế không tham gia các phiên họp mang tính quyết định. Décginxki chống lại Lênin nhưng trong kỳ bỏ phiếu lần cuối, anh ngả theo Lênin. Còn Xtalin theo lập trường nào? Cũng như mọi lần, ông ta chẳng có lập trường độc lập nào cả. Ông ta chờ đợi và mưu toan.

— Ông cụ vẫn luôn luôn tin vào hòa bình — Xtalin nói, đồng thời dùng vai hích tôi về phía Lênin —, chẳng được đâu.

Rồi ông ta đến chỗ Lênin và chắc là lại lặp lại những nhận xét tương tự về tôi.

Xtalin không bao giờ công khai phát biểu quan điểm của mình. Những bất đồng ý kiến của ông ta chẳng bao giờ khiến ai để ý đến một cách đặc biệt. Không chút nghi ngờ, mối lo chủ yếu của tôi — làm sao cho vô sản thế giới thấu hiểu thật rõ ràng cách xử lý của chúng ta trong vấn đề hòa bình — chỉ mang tầm quan trọng thứ yếu đối với Xtalin. Ông ta để tâm đến "hòa bình trong một xứ", cũng như sau này ông ta chú ý đến "chủ nghĩa xã hội trong một xứ". Khi bỏ phiếu quyết định, Xtalin đứng về phía Lênin. Chỉ sau đó nhiều năm, để đánh vào chủ nghĩa trót-kít, ông ta mới tự tạo ra cho bản thân một thứ "quan điểm" về các sự kiện ở Bờrét.

Tôi nghĩ không nên tiếp tục tốn thì giờ về sự việc này. Dù thế đi nữa, tôi cũng đã giành quá nhiều chỗ một cách không cân đối cho những bất đồng quan điểm ở Bờrét. Nhưng tôi thấy cần thiết phải vạch ra, ít nhất là một tình tiết, trong tất cả bề rộng của nó để nêu lên những gì đã xảy ra trong thực tế và sau này người ta xếp đặt chúng như thế nào. Ở đây, một trong những nhiệm vụ của tôi là đặt những kẻ kẻ nghiệp vào đúng chỗ của họ.

Về phần Lênin, không một người nghiêm túc chút đỉnh nào lại có thể nghi ngờ tôi có thứ tình cảm, mà tiếng Đức gọi là *Rechthaberei*, đối với ông. Khá lâu trước những người khác, trước công luận, tôi đã đánh giá vai trò của Lênin trong những ngày ở Bờrét. Ngày 3 tháng Mười 1918, tôi phát biểu trong phiên

họp bất thường của các cơ quan cấp cao thuộc chính quyền Xô-viết:

Tôi nhận thấy tôi có bổn phận phải tuyên bố trong hội nghị đầy uy tín này, rằng trong những giờ phút quyết định, khi nhiều người trong số chúng ta — kể cả tôi — còn nghi ngờ tự hỏi có cần thiết, có chấp nhận được hay không việc ký hòa ước Bờrét-Litôpxơ, đồng chí Lênin là người duy nhất — chống lại nhiều người chúng ta với một sự kiên trì và sáng suốt vô song — khẳng định rằng chúng ta phải qua bước đó để đến với cách mạng của giai cấp vô sản thế giới. Và bây giờ phải thú nhận rằng chúng ta đã không có lý.

Tôi không phải đợi những khám phá muộn màng của tập đoàn kế nghiệp để thừa nhận thái độ dửng dưng chính trị và thiên tài của Lênin đã cứu nền chuyên chính vô sản trong những ngày ở Bờrét. Bằng những lời trên đây, tôi đã nhận phần trách nhiệm sai lầm lớn hơn so với phần tôi phải nhận thay người khác. Tôi làm như vậy để nêu gương. Biên bản tốc ký ghi nhận lại ở đoạn này: "vỗ tay kéo dài". Bằng cách đó, đảng muốn chúng tỏ rằng đảng thấu hiểu và tán thành thái độ của tôi đối với Lênin, vốn xa lạ với mọi thứ tầm thường và ganh tị. Tôi hiểu quá rõ vai trò của Lênin có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng, đối với lịch sử và đối với cả cá nhân tôi. Ông là người thầy của tôi. Điều này không có nghĩa là sau ông chút ít, tôi lặp lại những lời nói và cử chỉ của ông. Nhưng tôi học được ở ông phương cách để tự mình tìm đến những quyết định mà ông đã tìm thấy.

CHƯƠNG XXXIII

MỘT THÁNG Ở XVIIAGIOXCƠ

Mùa xuân và mùa hè 1918 là thời kỳ vô cùng khó khăn. Chỉ đến lúc đó, mọi hậu quả của cuộc Thế chiến mới được thể hiện. Thịnh thoàng, người ta có cảm giác tất cả đều trôi tuột, đều tan vụn, không thể bầu vịu được vào đâu. Người ta nảy ra một câu hỏi: liệu có đủ sinh lực để duy trì chế độ mới và bảo vệ nền độc lập của nó trong một quốc gia kiệt quệ, bị tàn phá và vô vọng hay không? Không có lương thực. Không có quân đội. Các tuyến đường sắt hoàn toàn bị phá hủy. Bộ máy nhà nước vừa mới hình thành. Các âm mưu phiến loạn lan ra khắp nơi.

Phía Tây, quân Đức chiếm Ba Lan, Litva, Extônia, Bêlôrútchia [Biélorussie] và một phần lớn lãnh thổ Đại Nga. Pờxocốp [Pskov] nằm trong tay người Đức. Ucoraina trở thành thuộc địa của Áo-Hung. Trong các vùng ven sông Vônga [Volga], mạng lưới gián điệp Pháp và Anh dấy lên một đạo quân Tiệp Khắc, nguyên là tù binh. Qua viên đại diện quân sự, Bộ Tổng tham mưu Đức cho tôi biết nếu quân Bạch vệ tiến tới Mátxcova từ hướng Đông, quân Đức cũng sẽ tiến đến Mátxcova, -csa [Orcha] và Pờxocốp từ hướng Tây để ngăn ngừa sự hình thành một trận tuyến mới ở phía Đông. Chúng tôi lâm vào cảnh trên đe dưới búa. Phía Bắc, quân đội Anh và Pháp chiếm Muốcmansxơ [Mourmansk] và Áckhanghenxơ, đe dọa tràn vào Vôlôcđa [Vologda]. Ở Iarôxláp [Iaroslave], theo yêu cầu trực tiếp của đại sứ Pháp Nulon và phái viên Anh Lockhart, Xavincốp [Savinkov] tổ chức cuộc nổi loạn của binh lính Bạch vệ với mục đích thiết lập sự liên lạc qua Vôlôcđa và Iarôxláp giữa quân đội Đồng minh phía Bắc và bọn Tiệp và Bạch vệ vùng ven sông Vônga. Các băng đảng của Đutốp [Doutov] phá phách tại vùng Uran [Oural]. Phía Nam, trên sông Đông, nổ ra cuộc bạo loạn do Coraxnốp tổ chức, thời đó ông ta là đồng minh trực tiếp của quân Đức. Những người xã hội cách mạng cánh tả mưu đồ chống đối vào tháng Bảy, họ ám hại bá tước Mirobách [Mirbach] và mưu toan nổi loạn ở mặt trận phía Đông. Họ muốn buộc chúng ta phải gây chiến với người Đức. Trận tuyến của cuộc nội chiến ngày càng trở thành vòng xích siết chặt Mátxcova.

Sau khi Ximbiéc [Simbirsk] thất thủ, một quyết định được đưa ra: tôi phải đến vùng Vônga là nơi hiểm nguy lớn nhất đang đe dọa. Tôi bắt đầu tổ chức một đoàn tàu. Thời ấy, công việc này không dễ dàng. Thiếu thốn mọi thứ, chính xác hơn là không ai biết thứ mình cần ở đâu. Công việc đơn giản nhất cũng trở thành một ứng tác phức tạp. Lúc đó tôi không nghĩ rằng tôi sẽ phải ở trên đoàn tàu này hai năm rưỡi. Ngày 7 tháng Tám, tôi rời Mátxcova. Tôi vẫn chưa biết Cadan [Kazan] đã thất thủ trước đó ít lâu. Giữa đường tôi nhận được cái tin hãi hùng đó. Các đơn vị Hồng quân vừa được thành lập vội vã đã đầu hàng không chiến đấu và để Cadan lọt vào tay địch. Người ta cho tôi biết, một phần của Bộ Tham mưu gồm những kẻ mưu phản, phần còn lại bị tập kích bất ngờ và có những người trốn chạy tan tác dưới làn mưa đạn. Chẳng ai biết

vị tổng chỉ huy và các lãnh tụ quân sự còn lại ở đâu. Đoàn tàu tôi dừng lại ở Xviagioxcơ [Sviiajsk], một ga lớn gần Cadan nhất. Trong một tháng trời, số phận cách mạng lại được định đoạt ở đây. Đối với tôi, khoảng thời gian ấy là một trường học lớn.

Đạo quân đồn trú ở Xviagioxcơ gồm những đơn vị rút lui từ Ximbiéc và Cadan hoặc từ các nơi khác đến tiếp viện. Mỗi đơn vị sống một cuộc sống riêng biệt. Họ chỉ có đặc điểm chung là muốn tháo lui. Ưu thế của quân địch về mặt tổ chức và kinh nghiệm thật quá lớn. Một số đại đội Bạch vệ gồm hầu hết là sĩ quan đã làm nên những kỳ tích. Sự hoảng loạn dường như bốc ra từ mặt đất. Những đơn vị Hồng quân vừa đến trong tâm trạng phấn khởi, hầu như bị sức ì của sự tháo lui cuốn đi nhanh chóng. Trong nông dân, lan truyền tin đồn các Xô-viết đã đến ngày tận số. Giới tăng lữ và dân đầu cơ ngóc đầu dậy. Các phân tử cách mạng ở nông thôn náu mình. Tất cả đều tan thành tro bụi, không biết bầu vùi vào đâu. Dường như không thể cứu vãn nổi tình thế.

Tại mảnh đất Cadan này, trong một không gian nhỏ, có thể xem xét vô số nhân tố hình thành lịch sử nhân loại, có thể rút ra những luận cứ chống lại học thuyết định mệnh lịch sử sơm hèn, thuyết này, trong mọi vấn đề cụ thể và riêng biệt, vẫn che đậy, giấu giếm cho mình bằng những quy luật thụ động, lẩn tránh động lực quan trọng nhất của các sự kiện là con người sống động và hoạt động tích cực.

Trong những ngày ấy, thử hỏi có cần nhiều lắm không để lật đổ cách mạng? Lãnh thổ địa lý của nước Nga-Xô-viết thu nhỏ lại bằng kích thước của đại công quốc Mátxcova thuở xưa. Nó hầu như không có quân đội. Kẻ thù đe dọa từ mọi phía. Sau Cadan, có thể sẽ đến lượt Nhigionhi [Nijni], từ đó con đường về Mátxcova mở ra gần như vô trở ngại. Như vậy, lần này số phận cách mạng quả thực được quyết định ở Xviagioxcơ. Và ở đó, trong những khoảng khắc nguy kịch nhất, số phận cách mạng lại luôn luôn tùy thuộc vào một tiểu đoàn duy nhất, một đại đội duy nhất hay một dân ủy duy nhất, nghĩa là về cơ bản, nó như ngàn cân treo sợi tóc. Và điều này tiếp diễn ngày này qua ngày khác.

Vậy mà cách mạng vẫn được cứu thoát. Cần phải có gì? Không nhiều: chỉ cần bộ phận tiên phong của quần chúng ý thức được nguy cơ sinh tử. Điều kiện chính của thành công là không che giấu gì hết và trước tiên, không che giấu cả sự yếu ớt của chính mình, không chơi trò ú tim với quần chúng, gọi mọi sự việc bằng đúng tên của chúng. Cách mạng còn quá vô tư lự. Thắng lợi tháng Mười đến dễ dàng. Nhưng cách mạng chưa hề quét sạch được một cách nhanh chóng những tai ương đã gây ra nó. Sự vươn lên bột phát để đạt mục tiêu đã suy yếu. Quân thù đã vượt chúng ta chính ở chỗ chúng ta thiếu: tổ chức quân sự. Cách mạng đã học được nghệ thuật tổ chức ấy ở Cadan.

Sự tuyên truyền trong toàn quốc xuất phát từ những bức điện từ Xviagioxcơ. Các Xô-viết, đảng, các tổ chức công đoàn thành lập những tổ nhóm mới và phải hàng ngàn đảng viên cộng sản đến Cadan. Đa số đảng viên trẻ tuổi chưa biết dùng vũ khí. Nhưng họ muốn thắng bằng mọi giá. Và đây là điểm cơ bản. Điều này đã tạo dựng một cột xương sống thẳng thắn cho cái thân hình xiêu vẹo của quân đội.

Đại tá Vaxetít [Vazetis] được chỉ định làm tổng tư lệnh mặt trận phía Đông, trước kia anh chỉ huy các tiểu đoàn xạ thủ người Léttoni. Đó là đơn vị duy nhất còn tồn tại của quân đội cũ. Những bản cổ nông, công nhân và nông dân nghèo người Léttoni căm ghét lũ quý tộc vùng Bantích. Chế độ Nga hoàng đã lợi dụng sự căm thù xã hội đó trong cuộc chiến tranh với Đức. Các trung đoàn Léttoni là những đơn vị tinh nhuệ nhất của quân đội Nga hoàng. Sau cách mạng tháng Hai, hầu như mọi đơn vị ấy đều được "bôn-sê-vích hóa" và có vai trò quan trọng trong cách mạng tháng Mười.

Vaxetít là người tháo vát, năng động và nhiều sáng kiến. Anh nổi bật nhân cuộc bạo loạn của những người xã hội cách mạng cánh tả. Theo lệnh của anh, vài khẩu pháo nhẹ được điều đến chỗ bọn phiến loạn. Hai, ba phát đạn bắn thẳng — chỉ để gây hoảng loạn và không làm ai thiệt hại — đủ khiến cho những kẻ nổi loạn tháo chạy tan tác.

Sau khi tên phiêu lưu Muraviốp [Muraviov] phản bội ở phía Đông, Vaxetít thay thế y. Khác với nhiều sĩ quan tốt nghiệp học viện, Vaxetít không lạc lối trong cái hỗn mang của cách mạng, anh vững vàng thoải mái trong đó, hít thở, khạc nhổ: anh khích lệ, khen thưởng binh lính, anh ra lệnh, ngay cả khi không có hi vọng lệnh ấy được thực thi. Khi những "chuyên gia" khác lo ngại vượt quá quyền hạn của họ, ngược lại, trong những lúc cao hứng, Vaxetít tung ra những sắc lệnh, quên mất cả sự tồn tại của Hội đồng Dân ủy và Ban Chấp hành Trung ương liên Nga.

Chỉ một năm sau, Vaxetít bị buộc tội có những dự kiến và quan hệ đáng ngờ, vì thế anh bị giáng chức. Nhưng không có chút gì nghiêm chỉnh trong những lời buộc tội ấy. Có thể trước khi ngủ, anh có lật giở vài trang tiểu sử Napolêông [Napoléon] và thô lộ những suy tư về tham vọng của anh với hai, ba sĩ quan trẻ. Hiện nay, Vaxetít là giáo sư Học viện Quân sự...

Chiều ngày 6 tháng Tám, Vaxetít là một trong những người cuối cùng rời đại bản doanh Cadan, khi bọn Bạch quân đã tràn vào tòa nhà. Anh đã may mắn trốn thoát và đến Xviagioxcơ bằng đường vòng; anh đánh mất Cadan nhưng vẫn giữ được tính lạc quan. Chúng tôi bàn luận về những vấn đề quan trọng

nhất, chỉ định một sĩ quan người Lét-tôn tên là Xlavin [Slavine] làm tư lệnh Tập đoàn quân thứ V, rồi chúng tôi chia tay nhau. Vaxetít trở về Bộ Tham mưu của anh, còn tôi ở lại Xviiagioxcơ.

Trong đoàn tàu, cạnh nhiều người khác, có Guxép [Gousev] cũng cùng đi với tôi. Anh được gọi là "cụ bôn-sê-vích" vì đã tham gia phong trào cách mạng năm 1905. Sau đó, trong khoảng mười năm, anh chìm trong cuộc sống tư sản, nhưng cũng như nhiều kẻ khác, anh quay về với cách mạng vào năm 1917. Về sau, Lênin và tôi gạt Guxép ra khỏi công tác quân sự vì anh dính vào những mưu mô nhỏ mọn; anh được Xtalin thu thập nhanh chóng. Chuyên môn chủ yếu của anh hiện nay là xuyên tạc lịch sử cuộc nội chiến. Guxép có được sở trường này là nhờ bản tính vô sĩ, trơ trẽn. Như toàn bộ trường phái xta-lin-nít, không bao giờ anh nhớ lại những gì anh ta đã viết hoặc nói hôm qua. Đầu năm 1924, khi chiến dịch chống tôi đã diễn ra hoàn toàn công khai, Guxép thấy vai trò thân nhiên vu cáo là hợp với anh ta hơn cả; thế nhưng hồi ức những ngày ở Xviiagioxcơ vẫn còn quá nóng hổi, mặc dầu sáu năm đã trôi qua. Điều này đã buộc Guxép có một thái độ dè dặt trong một chừng mực nhất định. Hãy xem anh ta kể gì về những sự việc ở Cadan:

Sự hiện diện của đồng chí Trótxki đã tạo ra bước ngoặt quyết định trong tiến trình của các sự việc. Trên con tàu của mình — dừng lại ở Xviiagioxcơ, một ga xếp heo hút — đồng chí Trótxki mang theo tinh thần quyết thắng không gì lay chuyển nổi và bộ óc đầy sáng kiến; đồng chí gây áp lực kiên quyết lên mọi khía cạnh của công tác trong quân đội. Trên nhà ga ngồn ngang hàng hóa tiếp viện của vô số những trung đoàn hậu phương — tại đó phân ban chính trị và hậu cần đặt trụ sở —, cũng như trong các đơn vị đồn trú của quân đội được cử lên phía trước chừng mười lăm dặm, ngay từ những ngày đầu mọi người cũng cảm thấy một sự thay đổi đến tận gốc. Điều này trước tiên được thể hiện trong lĩnh vực kỷ luật. Trong thời kỳ tinh thần chiến đấu theo lối du kích còn lan tràn và tình trạng vô kỷ luật còn phổ biến, những biện pháp cứng rắn của đồng chí Trótxki... trước hết là rất thích hợp và cần thiết. Chỉ thuyết phục thôi thì không thể đạt được kết quả, và lại cũng không có thì giờ để thuyết phục. Và trong vòng hai mươi lăm ngày đồng chí Trótxki ở lại Xviiagioxcơ, chúng tôi đã hoàn thành một khối lượng công việc đồ sộ, biến các đơn vị rã rời và phân hủy của Tập đoàn quân thứ V thành những đạo quân có sức chiến đấu và chuẩn bị cho họ chiếm lại Cadan.

Sự phản bội làm tổ trong ban tham mưu, trong đội ngũ chỉ huy và ở mọi nơi mọi chỗ xung quanh chúng tôi. Kẻ thù biết phải đánh vào đâu và hầu như chúng luôn đánh trúng. Điều đó khiến mọi người nản chí. Sau khi đến ít lâu, tôi đi thăm các phân đội pháo binh ngoài trận tuyến. Một sĩ quan pháo binh dày kinh nghiệm, mắt sâu và thâm quầng, vẻ mặt bí hiểm, giới thiệu cho tôi vị trí và cách sắp xếp các khẩu pháo. Anh xin phép tôi được đi một lúc "để ra một mệnh lệnh qua điện thoại", như anh nói. Vài phút sau, hai quả tạc đạn cắm xuống đất theo hình đĩa cách tôi chừng năm chục bước, quả thứ ba rơi sát gần tôi. Tôi chỉ kịp nằm sấp xuống đất, những mảnh đất rụng tung tóe xuống người. Viên sĩ quan pháo binh đứng bất động cách đó không xa, khuôn mặt r ám nắng tái dần đi. Kỳ lạ là lúc ấy tôi không ngờ vực gì hết, tôi nghĩ đó là chuyện ngẫu nhiên. Chỉ hai năm sau, tôi mới nhớ lại từng chi tiết nhỏ nhặt nhất của cảnh tượng trên và tôi thấy rõ ràng: tên sĩ quan pháo binh thuộc về phe địch và thông qua một trạm chuyển tiếp nào đó, hắn đã chỉ hướng bắn cho kẻ thù. Hắn đã liều lĩnh gấp đôi: hoặc cùng tôi chết dưới tạc đạn Bạch quân, hoặc bị Hồng quân xử bắn. Tôi không biết sau này số phận hắn ra sao.

Tôi vừa trở về toa tàu của tôi thì đạn nổ ran tứ phía. Tôi nhảy chồm ra hành lang toa tàu. Một chiếc máy bay của Bạch quân lượn lơ ngay trên đầu chúng tôi. Rõ ràng nó nhằm vào đoàn tàu chúng tôi. Ba trái bom trút xuống đất, vẽ ra những hình vòng cung lớn nhưng không gây thiệt hại gì. Từ nóc tàu, người ta bắn kẻ thù bằng súng trường và súng máy; chiếc máy bay đã vượt khỏi tầm bắn nhưng mọi người cứ bắn mãi. Ai nấy như bị say xin. Khó khăn lắm tôi mới ngăn chặn được họ. Có thể chính tên sĩ quan pháo binh đã thông báo cho bọn Bạch vệ biết thời điểm tôi trở về toa tàu. Nhưng cũng có thể chúng còn có những nguồn thông tin khác.

Sự phản bội càng tự do hoành hành bao nhiêu thì tình trạng quân sự của cách mạng càng có vẻ vô vọng bấy nhiêu. Bằng mọi giá, hơn nữa, càng nhanh càng tốt, phải chống lại thứ phản xạ tự động tháo lui, phải ngăn chặn trạng thái khi con người không còn tin ở khả năng họ có thể dừng lại, quay ngoắt lại và trực diện tấn công quân thù.

Tôi mang theo đoàn tàu gần năm chục thanh niên, đảng viên ở Mátxcova. Những người này được phân bố đi các nơi, lấy thân mình lấp các khoảng trống và bị tiêu hao ngay trước mắt tôi. Với sự nồng nôi anh dũng và thiếu kinh nghiệm, họ tự nhận về mình những đòn của quân thù. Trung đoàn Lét-tôn thứ IV đồn trú bên cạnh họ. Đó là trung đoàn tột tệ nhất của cái sư đoàn đã tan rã thành từng mảnh. Những xạ thủ

nằm trong bùn, ướt đầm đìa dưới trời mưa tầm tã. Họ đòi được thay phiên. Nhưng sự tiếp viện chậm trễ vì không tìm được ai thay họ. Viên tư lệnh và ủy ban trung đoàn gửi cho tôi một bản tuyên bố: nếu trung đoàn không được đổi phiên lập tức, sẽ có "những hậu quả nguy hiểm đối với cách mạng". Đó là một lời đe dọa không úp mở. Tôi triệu tập viên tư lệnh và chủ tịch ủy ban trung đoàn đến toa tàu. Hai người rầu rĩ bảo vệ quan điểm của họ. Tôi tuyên bố họ bị bắt giữ. Trưởng ban liên lạc của đoàn tàu, người chỉ huy điện Kremli hiện nay, tức vũ khí họ ngay trong phòng của tôi. Ngoài hai chúng tôi, không có ai ở lại trong toa tàu: toàn thể đội ngũ đang chiến đấu ngoài các cứ điểm. Nếu hai tù binh chống trả hoặc nếu trung đoàn của họ rời bỏ các cứ điểm và can thiệp, tình thế có thể trở nên nguy kịch. Như thế, chúng tôi đã phải giao nộp Xviagiơcxơ và chiếc cầu trên sông Vônga. Cố nhiên, nếu đoàn tàu của tôi bị địch bắt, điều này sẽ có tác động đến quân đội. Con đường về Mátxcova coi như rộng mở. Song việc bắt giữ diễn ra dễ dàng. Trong nhật lệnh, tôi báo cho tập thể binh lính biết việc chúng tôi sẽ trao viên tư lệnh trung đoàn cho tòa án cách mạng. Trung đoàn không rời bỏ các vị trí cứ điểm. Tay tư lệnh trung đoàn cũng chỉ bị xử tù.

Những người cộng sản tìm cách thuyết phục mọi người, giảng giải và nêu gương. Nhưng rõ ràng là chỉ bằng thuyết phục, người ta không thể thay đổi được tinh thần và hơn nữa, bản thân tình thế cũng chỉ cho phép chúng tôi một khoảng thời gian quá ngắn ngủi. Chúng tôi bắt buộc phải tìm đến những biện pháp trừng phạt cứng rắn hơn. Tôi ra một nhật lệnh, in nhiều bản trên tàu và cho đọc ở mọi đơn vị quân đội:

Tôi cảnh cáo: nếu một đơn vị nào đó tự động rút lui, chính ủy của đơn vị sẽ bị xử bắn đầu tiên, sau đó đến chỉ huy đơn vị. Chúng ta sẽ cử những quân nhân dũng cảm, gan dạ vào cương vị chỉ huy. Những kẻ hèn nhát, sợ chết và bọn phản bội sẽ không thoát khỏi viên đạn trừng phạt. Tôi chịu trách nhiệm về vấn đề này trước toàn thể Hồng quân.

Dĩ nhiên chuyển biến không diễn ra ngay lập tức. Một số đơn vị vẫn tiếp tục tháo lui vô cớ, hoặc đơn giản, họ tan rã dưới tác động của một đòn đáng kể. Xviagiơcxơ nằm dưới biển lửa. Trên sông Vônga, một chiếc tàu thủy hơi nước sẵn sàng chờ đón các thành viên của Bộ Tham mưu. Mười người thuộc tập thể nhân viên của đoàn tàu ngồi trên xe đạp canh gác con đường mòn dành cho người đi bộ từ Bộ Tham mưu đến bến tàu. Hội đồng Quân sự Tập đoàn quân thứ V quyết định đề nghị tôi xuống tàu. Bản thân biện pháp đó hợp lý, nhưng tôi sợ nó có tác động xấu đến một đạo quân đang mất bình tĩnh và không mấy tự tin. Đây chính là giây phút quan trọng khi tình hình mặt trận đột nhiên trở nên nguy cấp. Trung đoàn mới mà chúng tôi tin cậy bao nhiêu, đã cùng chính ủy và tư lệnh rời bỏ vị trí, họ dùng lưới lê tuốt trần chiếm con tàu, nhổ neo định chạy trốn về phía Nhigionhi.

Làn sóng lo âu lan khắp mặt trận. Ai nấy đều quay về hướng sông. Tình hình hầu như vô vọng. Bộ tham mưu ở nguyên tại chỗ, mặc dầu kẻ thù chỉ cách một, hai cây số và những tạc đạn của chúng gần như nổ bên cạnh chúng tôi.

Tôi hội kiến với Máckin, con người không thể ai thay thế được. Cùng chừng hai chục chiến sĩ dày dạn, trên boong một chiến hạm nhỏ được ứng chế kịp thời, anh tiến tới con tàu hơi nước chứa đầy bọn đào ngũ và chĩa pháo vào chúng, anh kêu gọi bọn chúng đầu hàng. Trong khoảng khắc ấy, tất cả đều phụ thuộc vào kết quả cuộc chiến nội bộ này. Một phát súng duy nhất cũng có thể dẫn đến thảm họa. Đám lính đào ngũ đầu hàng không chút chống cự. Chiếc tàu cập bến, mọi người lên bờ. Tôi lập một tòa án tại chỗ trong trại lính, xử tử người chỉ huy, chính ủy và một số binh lính. Chúng tôi đặt thanh sắt nung đỏ lên vết thương mung mủ. Tôi giải thích tình hình cho trung đoàn hiểu, không che giấu và tô điểm điều gì. Chúng tôi "gài" những người cộng sản vào đám lính. Trung đoàn trở về vị trí của mình với ban chỉ huy mới và lòng tự tin mới. Tất cả xảy ra nhanh đến nỗi quân thù không có thì giờ lợi dụng sự chệch choạng trong đội ngũ chúng tôi.

Cần phải thành lập không quân. Tôi cho mời kĩ sư lái máy bay Acasép [Akachev] đến, mặc dù có tư tưởng vô chính phủ, anh vẫn cộng tác với chúng tôi. Acasép tỏ ra có nhiều sáng kiến và nhanh chóng lập ra một đội không quân nhỏ. Nhờ đội này, cuối cùng chúng tôi có được sơ đồ về chiến tuyến quân địch. Rất cục, ban lãnh đạo Tập đoàn quân thứ V không còn phải mò mẫm trong cảnh tranh tối tranh sáng nữa. Hàng ngày, phi công của chúng ta đánh phá dưới bầu trời Cadan. Thành phố phát sốt vì lo âu. Sau này, khi đã chiếm được Cadan, trong số nhiều tài liệu khác, tôi tìm được một cuốn nhật ký của một tiểu thư tư sản từng sống trong vòng vây. Xen kẽ những trang sách kể về nỗi kinh hoàng do máy bay chúng ta gây ra, là các mâu chuyện tình ái. Cuộc sống không dừng lại. Các sĩ quan Tiếp thi đua với người Nga trên phương diện chinh phục phụ nữ. Những mối quan hệ tình ái khởi đầu trong các phòng khách Cadan rồi tiếp tục hoặc đạt đến đỉnh cao dưới hầm trú ẩn tránh bom.

Ngày 28 tháng Tám, Bạch quân tiến hành một cuộc hành quân tập hậu. Đại tá Cáppen [Kappel], sau này trở thành một tướng Bạch vệ lừng danh, dẫn đầu một đội quân đáng kể, lợi dụng đêm tối trườn vào

phía sau lưng chúng tôi, chiếm lấy nhà ga nhỏ gần nhất, phá tan đường sắt, làm đổ các cột điện tín và bằng cách đó, chặn đường rút lui của chúng tôi và tấn công vào Xviiagioxcơ. Nếu tôi không nhầm, trong bộ tham mưu của Cáppen có cả Xavincốp. Đòn tác chiến ấy khiến chúng tôi hoàn toàn bất ngờ. Sợ làm khuấy đảo mặt trận vốn dĩ khá bấp bênh, chúng tôi chỉ điều hai hoặc ba đại đội từ tiền tuyến về. Một lần nữa, tư lệnh đoàn tàu lại huy động mọi người có trong tay và trong vùng phụ cận, ngay cả đầu bếp của chúng tôi nữa. Chúng tôi có đủ súng trường, súng máy và lựu đạn cầm tay. Tập thể trên đoàn tàu gồm toàn những chiến sĩ giỏi. Đội tiên phong đóng cứ điểm cách đoàn tàu chừng một dặm. Trận đánh kéo dài chừng tám tiếng, cả hai bên đều tổn thất, nhưng quân thù đuối sức và phải lùi bước.

Giữa chừng, việc đứt liên lạc với Xviiagioxcơ gây nên sự hoảng hốt lớn ở Mátxcova và suốt tuyến đường sắt. Nhiều đơn vị nhỏ thuộc các binh chủng vội vã đến tiếp ứng chúng tôi. Đường sắt được khôi phục nhanh chóng. Các lực lượng mới nhập vào quân đội. Trong thời gian đó, báo chí Cadan đưa tin tôi bị đứt liên lạc, bị bắt giữ, bị giết, rằng tôi tẩu thoát bằng máy bay, nhưng người ta tóm được con chó của tôi làm chiến lợi phẩm. Con vật trung thành này — thông thường là loài đô-gơ [dog], lông màu nâu, đôi khi lại là một con béc-na [bernard] — sau đó bị cầm tù trên mọi mặt trận của cuộc nội chiến. Tôi tiếp nhận điều đó một cách nhẹ nhàng vì hơn nữa, tôi cũng chẳng nuôi chó bao giờ.

Trong đêm nguy kịch nhất của chúng tôi ở Xviiagioxcơ, chừng ba giờ sáng, khi đi qua một lượt các phòng của bộ tham mưu, tôi nghe thấy một giọng quen thuộc từ phòng tác chiến lọt ra. Ai đó nhắc đi nhắc lại liên hồi:

— Cuối cùng ông ta sẽ bị bắt, ông ta sẽ toi, cả chúng ta cũng sẽ toi mạng, tôi xin nói trước với các anh...

Tôi dừng lại trước cửa ra vào. Trước mặt tôi là hai sĩ quan tham mưu còn rất trẻ, ngồi cạnh tấm bản đồ. Người nói cúi về phía họ, rạp xuống mặt bàn, quay lưng về phía tôi. Chắc hẳn đọc thấy một cái gì đó bất ngờ trên gương mặt những người đang nói chuyện, vì bằng một cử chỉ đột ngột, anh ta quay ngoắt lại phía cửa. Đó là Bolagônravốp [Blagonravov], một người ôn-sê-vích trẻ, cựu trung úy trong quân đội Nga hoàng. Nỗi hoảng sợ và xấu hổ in hằn trên mặt anh. Với tư cách chính ủy, anh có nhiệm vụ nuôi dưỡng tinh thần cho các chuyên viên quân sự. Thay vào đó, trong giờ phút nguy kịch, anh lại kích động họ chống lại tôi, về thực chất anh xúi họ đào ngũ và bị tôi bắt quả tang.

Tôi không muốn tin vào mắt và tai mình. Vào năm 1917, Bolagônravốp tỏ ra là một nhà cách mạng hăng say chiến đấu. Trong những ngày chính biến, anh là chính ủy pháo đài Piốt-Paven [Pierre-Paul], sau đó anh tham gia thanh toán cuộc nổi dậy của bọn sinh viên vô bị. Thời ở điện Xmôn-nui, tôi đã giao cho anh những nhiệm vụ trọng yếu và anh luôn hoàn thành tốt.

Một bữa, tôi nói với Lênin:

— Một trung úy như vậy có thể trở thành một Napôlêông. Ngay cái tên của anh cũng khá phù hợp với điều đó: Bolagônravốp cũng gần giống Bônápác [Bonaparte].

Thoạt đầu Lênin bật cười vì sự so sánh lạ lùng, rồi ông ngẫm nghĩ và căng đôi lông mày, ông nói nghiêm khắc, gần như đe dọa:

— Nhưng rồi chúng ta sẽ thanh toán bọn Bônápác chứ, phải không?

— Nếu thượng đế cũng muốn như thế — tôi đáp, nửa đùa cợt.

Như thế, tôi cứ đứng anh chàng Bolagônravốp này ra mặt trận phía Đông, vào lúc ở đó xảy ra vụ phản bội của Muraviốp vì mọi người thiếu cảnh giác. Tại điện Kremli, trong phòng tiếp khách của Lênin, tôi trao cho anh ta những nhiệm vụ mà anh ta phải gánh vác.

— Cái nguy là cách mạng đang đi xuống — anh ta rầu rĩ nói.

Lúc đó là giữa năm 1918.

— Chả lẽ đồng chí mau nản chí đến thế? — tôi bất bình hỏi anh.

Bolagônravốp trấn tĩnh lại, đôi giọng và hứa sẽ làm mọi việc mà mọi người chờ đợi ở anh. Tôi thấy yên tâm.

Vậy mà bây giờ, trong những giờ phút gay go nhất, hầu như tôi bắt quả tang anh ở gần ranh giới của sự phản bội. Chúng tôi ra ngoài hành lang để tôi khỏi quy trách anh ta trước mặt các sĩ quan. Bolagônravốp run rẩy, mặt tái mét, tay đưa lên vành mũ:

— Xin đừng đưa tôi ra tòa án — anh lặp đi lặp lại, vẻ tuyệt vọng —, tôi sẽ chuộc tội, cho tôi làm lính trơn ngoài chiến hào...

Lời tiên đoán của tôi không thành sự thật: anh chàng ứng cử viên Napôlêông run rẩy trước mặt tôi như một con gà mái bị mưa ướt. Anh ta bị hạ chức và bị chuyển chuyển đến một cương vị ít trách nhiệm hơn. Cách mạng ăn tươi nuốt sống con người và tính cách con người. Nó đẩy những người quá cảm nhất đến chỗ diệt vong và làm hư hỏng những tính cách yếu ớt. Hiện nay Bolagônravốp là thành viên của G.P.U. và là một trụ cột của thể chế. Chắc hẳn ngay từ hồi ở Xviiagioxcơ, anh ta đã là kẻ thù không đội trời chung

của thuyết "cách mạng thường trực".

Số phận cách mạng được định đoạt tại một nơi nào đó giữa Xviagioxcơ và Cadan. Nó không còn con đường nào để rút lui, trừ sông Vônga. Hội đồng Quân sự của quân đội tuyên bố vấn đề an toàn cá nhân của tôi ở Xviagioxcơ làm hạn chế sự tự do hành động của họ và họ cương quyết yêu cầu tôi bước xuống tàu. Họ làm như thế là đúng. Ngay từ đầu, tôi đã đề ra một nguyên tắc: sự có mặt của tôi ở Xviagioxcơ không được làm cản trở hoặc hạn chế hoạt động của Bộ Tư lệnh quân đội. Tôi giữ đúng quy định đó trong tất cả các chuyến đi kinh lý ngoài mặt trận. Vậy tôi phải phục tùng và "xuống tàu", nhưng không xuống con tàu khách được chuẩn bị cho tôi mà xuống một ngư lôi hạm. Vượt qua những khó khăn vô cùng lớn, bốn chiến hạm nhỏ này được đưa đến sông Vônga qua hệ thống kênh đào Marinxki [Marie]. Thời đó, nhiều tàu thủy chạy trên sông cũng đã được trang bị đại bác và súng máy.

Dưới quyền chỉ đạo của Raxcônnhicốp, đội tàu nhỏ chuẩn bị tấn công Cadan trong đêm hôm ấy. Chúng tôi phải đi giữa hai vách đá, trên đó có đặt pháo của Bạch quân. Qua các vách đá, con sông uốn khúc và đột ngột mở rộng. Đội tàu chiến của địch đồn trú tại đó. Cadan nằm bên bờ đối diện. Chúng tôi dự tính sẽ đi qua các cao điểm được canh gác trong đêm tối mà không bị lộ, sau đó triệt hạ đội tàu địch và phá tan các ụ pháo đặt hai bên bờ sông, rồi nã pháo vào thành phố. Đoàn tàu của chúng tôi nối đuôi nhau đi thành hàng một, đèn tắt ngấm như lũ trộm đêm. Cảnh thuyền trưởng là hai hoa tiêu hàng hải trên sông Vônga, đó là hai ông già râu thưa và bạc phéch. Bị cưỡng bức lên boong tàu, họ khiếp đảm, cầm thù chúng tôi, nguyên rủa số phận và run như cây sậy. Giờ đây tất cả đều phụ thuộc vào họ. Thịnh thoáng, viên thuyền trưởng lại nhắc nhở hai người: cả hai sẽ bị bắn chết tại chỗ nếu họ đưa tàu vào chỗ nước cạn hoặc bãi cát ngầm.

Chúng tôi đã đến trước những cao điểm có lính gác đứng lơ mơ trong sương mù, khi một tràng súng máy quạt ngang mặt sông. Một phát đại bác đáp lại từ trên núi. Chúng tôi lặng lẽ tiến. Sau lưng chúng tôi, có tiếng súng đáp lại. Đạn rơi leng keng trên những cầu tàu bằng thép, những cầu tàu này che chở chúng tôi đến thất lung. Chúng tôi cúi gập người. Các hoa tiêu túm lại gần nhau, sục sạo đêm tối bằng cặp mắt loài mèo rừng và nín thở thì thầm với thuyền trưởng.

Qua khỏi vách đá, chúng tôi rơi vào một cái lạch rộng. Đã có thể thấy ánh đèn của Cadan thấp thoáng bên bờ đối diện. Sau lưng chúng tôi đạn nổ dầy đặc, từ trên và dưới. Bên phía tay phải chúng tôi, hạm tàu địch đổ cách chúng tôi nhiều lắm là hai trăm bước, được bờ núi che chở. Có thể thấy những con tàu đậu lơ mơ thành từng nhóm. Raxcônnhicốp hạ lệnh nổ súng. Thân bằng thép của chiếc ngư lôi hạm của chúng tôi gập lên và rền rĩ từ phát đạn đại bác đầu tiên. Chúng tôi chồm lên từng bước, cái hông thép cọt kẹt đau đớn để ra những làn lửa đạn mới. Đột nhiên, ngọn lửa xé tan màn đêm tăm tối: một phát đại bác của chúng tôi trúng một xà-lan chở đầy dầu. Một ngọn đuốc bắt ngờ, không chờ đợi, nhưng thật tuyệt vời bùng lên trên mặt nước Vônga. Bây giờ chúng tôi đã nã pháo vào bên cảng, có thể thấy rõ những khẩu pháo ở đó nhưng chúng không trả lời. Chắc hẳn các pháo thủ đã tháo chạy toán loạn. Con sông được chiếu sáng trên khắp bề rộng. Không ai tiến sau chúng tôi. Chúng tôi chỉ có một mình. Có lẽ pháo địch đã chặn đường tiến của các tàu khác thuộc đoàn tàu. Chiến hạm phóng thủy lôi của chúng tôi nổi rõ trên lòng sông được chiếu sáng như một con ruồi trên chiếc đĩa trắng. Chúng tôi có cảm giác sắp bị kẹt vào làn đạn đan chéo từ hải cảng và từ các cao điểm trên núi. Thật là một cảm giác khủng khiếp. Tệ hơn nữa, con tàu của chúng tôi trở nên không điều khiển được. Sợi dây xích điều khiển bánh lái bị đứt, chắc vì trúng đạn. Chúng tôi thử tìm cách dùng tay quay tay lái, nhưng sợi xích đứt quấn vào trục, bánh lái bị hỏng, con tàu không ngoặt được nữa. Phải tắt các động cơ. Chúng tôi trôi lặng lẽ về phía bờ Cadan cho đến lúc chiếc ngư lôi hạm đâm sầm vào một xà-lan cũ, chìm ngập một nửa trong nước. Tiếng đạn pháo chấm dứt hoàn toàn. Trời sáng như ban ngày và tĩnh mịch như ban đêm. Chúng tôi bị mắc bẫy. Chỉ không hiểu tại sao không bị oanh tạc. Chúng tôi đã đánh giá thấp sự tàn phá và nỗi hoảng sợ do cú tập kích của chúng tôi gây ra.

Cuối cùng, các vị chỉ huy trẻ tuổi quyết định đẩy con tàu khỏi chiếc xà-lan và điều khiển hoạt động của nó bằng cách khi thì cho chạy động cơ bên trái, khi thì cho chạy động cơ bên phải. Thành công! Ngọn đuốc dầu lửa ngày càng bùng to. Chúng tôi đến eo sông có lính gác. Không ai bắn. Sau các chân núi, cuối cùng rốt cục chúng tôi chìm vào bóng tối. Người ta đưa từ buồng máy lên một thủy thủ bị ngất. Pháo trên cao điểm không hề bắn một phát nào. Có vẻ người ta không để ý đến chúng tôi. Cũng có thể không còn ai có mặt để canh gác. Chúng tôi thoát nạn. Người ta viết hai chữ "thoát nạn" mới đơn giản làm sao. Trong bóng tối, những đóm lửa thuốc lá lóe lên. Một trong những ngư lôi hạm của chúng tôi được trang bị tạm thời cháy thành than, nằm dài buồn bã trên bờ sông. Trên các tàu khác, chúng tôi thấy vài người bị thương. Chỉ lúc đó chúng tôi mới nhận ra sóng mũi chiếc tàu phóng ngư lôi nhỏ của chúng tôi đã bị một viên đạn dài chừng ba tấc xuyên thủng từ bên này qua bên kia, rất kín đáo. Trời hừng sáng. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy như được sinh ra lần thứ hai.

Điều may không bao giờ đến một mình... Người ta dẫn đến chỗ tôi một phi công vừa hạ cánh, mang tin vui trong chiếc cặp khoác vai. Một đơn vị thuộc Tập đoàn quân thứ II đã đến cửa ngõ Cadan từ

hướng Đông-Bắc, dưới sự chỉ huy của một người Côđắc tên là Adin [Azine]. Họ chiếm được hai chiếc xe bọc thép, phá hủy hai ụ pháo, khiến các toán quân địch phải trốn chạy và chiếm được hai làng cách Cadan chừng mười hai cây số. Người phi công lập tức quay về, mang trong tay một chi thị và một lời kêu gọi. Cadan đã nằm trong gọng kìm. Cuộc tập kích vào ban đêm của chúng tôi — như bộ phận thám báo ước lượng chớp nhoáng — đã bẻ gãy sức kháng cự của Bạch quân. Hạm đội của địch bị phá hủy gần như hoàn toàn, các khẩu pháo trên bờ sông bị buộc phải im lặng. Cái tên "ngư lôi hạm" — trên sông Vônga! — có tác động đến Bạch quân hết như tiếng "xe tăng" đối với các toán quân trẻ của Hồng quân sau này, trong thời kỳ phòng thủ Pêtorôgorát. Có tin đồn người Đức cùng chiến đấu với phe bôn-sê-vích. Các tầng lớp khá giả tháo chạy hàng loạt khỏi Cadan. Người dân các khu thợ có thể ngẩng đầu. Sự bất bình lan tràn trong nhà máy thuốc súng. Tinh thần tấn công thể hiện rõ rệt trong đội ngũ của quân ta.

Một tháng ở Xviiagiôcxơ có vô số những sự kiện đáng lo ngại. Mỗi ngày xảy ra một chuyện. Lắm khi tình thế về đêm cũng không khá hơn ban ngày. Lần đầu tiên, cuộc chiến tranh mở ra trước mặt tôi ở khoảng cách trực tiếp gần gũi như thế. Đây là một cuộc chiến nhỏ. Ở phía chúng tôi, cùng lắm chỉ có từ hai nghìn đến ba chục ngàn quân chiến đấu. Nhưng cuộc chiến tranh lớn chỉ khác cuộc chiến nhỏ này về tầm vóc. Chúng tôi trở thành nhân chứng của một mô hình tác chiến thực sự. Chính vì thế, chúng tôi cảm thấy nó một cách trực tiếp, trong mọi hành động và mọi bước ngoặt bất ngờ của nó. Cuộc chiến nhỏ trở thành một trường học lớn.

Trong thời gian đó, tình thế ở Cadan thay đổi đến mức không nhận ra nổi. Những đơn vị được thu nhập, nay trở thành quân đội chính quy với sự tham gia của giới công nhân cộng sản Pêtorôgorát, Mátxcova và các thành phố khác. Các trung đoàn được củng cố và rèn luyện. Tại các binh chủng, những chính ủy trở thành lãnh tụ cách mạng, những đại diện trực tiếp của nền chuyên chính vô sản. Các tòa án tại chỗ chứng tỏ rằng cuộc cách mạng trong con sinh tử đòi hỏi tinh thần hy sinh ở mức cao nhất. Bằng việc kết hợp công tác tuyên truyền, tổ chức, nêu gương cách mạng và trấn áp, trong vòng vài tuần chúng tôi đã thực hiện được sự công phá cần thiết. Từ đám quần chúng dao động, bấp bênh và tan rã, chúng tôi đã tôi luyện nên một đạo quân thật sự. Pháo binh đã chiếm phần ưu việt rõ ràng. Các chiến hạm của chúng ta làm chủ trên sông ngòi và phi công ta thống trị bầu trời. Tôi không còn nghi ngờ việc chiếm lại Cadan.

Nhưng ngày 1 tháng Chín, đột ngột tôi nhận được một bức điện mật từ Mátxcova:

Đồng chí phải về ngay. Ilích bị thương, không biết nặng đến mức nào. Hãy giữ bình tĩnh. 31 tháng Tám 1918. Xvéclốp.

Lập tức tôi lên đường. Tôi thấy các giới trong đảng ở Mátxcova có tâm trạng buồn bã, ảm đạm, nhưng không hề nao núng. Xvéclốp là biểu hiện tốt đẹp nhất của tinh thần ấy. Các bác sĩ cho rằng Lênin không bị nguy hiểm đến tính mạng và họ hứa ông sẽ lành bệnh nay mai. Nói về cuộc chiến đấu sắp tới ở phía Đông, tôi đem lại hi vọng thành công nhanh chóng cho đảng rồi trở về Xviiagiôcxơ không chậm trễ.

Chúng tôi lấy lại Cadan ngày 10 tháng Chín. Hai ngày sau, Tập đoàn quân thứ nhất — láng giềng của chúng tôi — chiếm Ximbiéc. Sự kiện này không làm chúng tôi bất ngờ. Tổng tư lệnh Tập đoàn quân thứ I, Tukhatrépxki [Toukhatchevsky], đã hứa vào giữa tháng Tám là anh sẽ chiếm lại Ximbiéc, muộn nhất là 12 tháng Chín. Anh đánh điện thông báo cho tôi: "Tôi đã thi hành mệnh lệnh. Đã chiếm lại được Ximbiéc". Giữa chừng Lênin hồi phục. Ông gửi một bức điện mừng. Trên mọi phương diện, các sự việc tiến theo chiều hướng khả quan.

Ivan Nhikitích Xmiécốp [Ivan Nikitich Smirnov] trở thành chính ủy Tập đoàn quân thứ V. Việc này có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Xmiécốp là điển hình trọn vẹn nhất và chín muồi nhất của một nhà cách mạng, đã hơn ba mươi năm anh đứng trong đội ngũ tấn công và từ đạo đó, anh không hề biết nghỉ và không hề tìm cách nghỉ ngơi. Trong những năm đen tối nhất của thời kỳ phản động, anh cũng không ngừng đào hầm. Khi sụp lở, anh không nản chí và lại đào lại. Ở con người Ivan Nhikitích, bốn phận là nhân tố hàng đầu. Về điểm này, nhà cách mạng gần gũi với người lính giỏi và chính vì thế, một nhà cách mạng có thể trở thành một binh sĩ xuất sắc. Tuân theo bản tính của mình, Ivan Nhikitích luôn luôn là là tấm gương của lòng can đảm và ý chí kiên quyết, nhưng anh không mắc phải sự cứng nhắc, thường đi theo những đặc tính nổi bật đó. Tất cả những chiến sĩ ưu tú nhất của quân đội đều muốn theo chuẩn mực do anh đề ra.

Larixa Râyxonê [Larissa Reissner] đã viết trong trận bao vây Cadan:

Không ai được kính trọng hơn Ivan Nhikitích. Có thể cảm thấy trong giây phút nguy biến nhất, anh sẽ là người mạnh mẽ nhất và dũng cảm nhất.

Trong con người Xmiécốp, không hề có chút kiểu cách rờm nào. Anh là người dễ gần nhất, vui vẻ nhất và hóm hỉnh nhất. Người ta càng dễ chấp nhận uy quyền của anh vì uy quyền ấy ít thấy rõ và ít mang tính mệnh lệnh, nhưng không thể chối cãi được. Quây quần xung quanh Xmiécốp, những người

cộng sản của Tập đoàn quân thứ V hợp thành một gia đình chính trị độc đáo; cho đến nay, nhiều năm sau khi Tập đoàn quân thứ V bị giải thể, vẫn còn đóng vai trò trong đời sống của đất nước. Cụm từ "lính cụ Tập đoàn quân thứ V" có một nghĩa đặc biệt trong pho tự điển cách mạng: đó là một người cách mạng thực sự, trung thành với bốn phần và trước hết, là một con người không thể chê trách vào đâu được. Cùng Ivan Nhikitích, những người lính của Tập đoàn quân thứ V — sau khi nội chiến đã kết thúc — chuyển tất cả tinh thần anh hùng của họ vào lĩnh vực lao động kinh tế và hầu như không có ngoại lệ, họ đều đứng về phe đối lập. Xmiécnốp đứng đầu nền công nghiệp quốc phòng, rồi là dân ủy Bộ Bưu điện và Thông tin. Hiện nay anh bị đày ải ở vùng Cápcadơ. Không ít những bạn chiến đấu của anh ở Tập đoàn quân thứ Năm sống cơ cực trong các nhà tù và bị lưu đày ở Xibêri.

Nhưng cách mạng đã ăn tươi nuốt sống con người và tính cách con người. Những tin tức cuối cùng cho hay Xmiécnốp cũng bị bẻ gãy trong cuộc chiến đấu. Anh cố động cho việc hạ vũ khí.

Larixa Râyxone, người từng gọi Ivan Nhikitích là "lương tâm của Xviagiơcxơ", đã chiếm một vị trí xuất sắc trong Tập đoàn quân thứ V, cũng như trong suốt cuộc cách mạng. Người phụ nữ trẻ tuyệt vời ấy lướt đi suốt cuộc cách mạng như một ngôi sao băng nóng cháy, làm choáng mắt không thiếu các chàng trai ưu tú bằng vẻ rạng rỡ của mình. Chị giống như một nữ thần trên đỉnh Ôlimpơ [Olympe], kết hợp sự tinh tế tinh thần với lòng dũng cảm của một chiến binh. Sau khi Bạch quân chiếm Cadan, chị giả trang một nữ nông dân, đi vào vùng địch để thám thính. Nhưng bộ dạng chững chạc của chị quá khác thường. Chị bị bắt. Một sĩ quan tình báo Nhật hỏi chị. Trong giờ giải lao, chị lên khỏi cánh cửa ra vào được canh gác sơ sài và biến mất. Từ đó trở đi chị làm việc ở cơ quan quân báo. Sau này, chị lên một chiến hạm và tham gia những trận thủy chiến. Chị giành cho cuộc nội chiến những bài viết có giá trị văn học. Chị cũng viết xuất sắc về công nghiệp vùng Uran và về cuộc khởi nghĩa của công nhân miền Rua [Ruhr]. Chị muốn thấy tất cả, muốn biết tất cả và muốn tham gia tất cả. Trong vài năm ngắn ngủi, chị trở thành một nhà văn xuất sắc. Thoát khỏi lửa và nước, nữ thần Palát [Pallas] ấy của cách mạng đột ngột qua đời vì cơn sốt bệnh dịch tả, giữa cảnh vật yên tĩnh của Mátxcova. Chị chưa đầy ba mươi tuổi.

Các chiến sĩ được chiêu mộ từ nhiều nơi, người nọ dạy người kia, trong lửa đạn của chiến trận họ học hỏi trong vòng tám ngày, quân đội được đào tạo tuyệt vời. Tình trạng thoái trào của cách mạng — khi Cadan thất thủ — đã thuộc về quá khứ. Đồng thời, một biến chuyển vô cùng quan trọng đã diễn ra trong giới nông dân. Bọn Bạch vệ đã đem lại cho nông dân những bài học vỡ lòng về chính trị. Trong vòng bảy tháng tiếp theo, Hồng quân giải phóng một lãnh thổ gần một triệu ki-lô-mét vuông, có khoảng bốn mươi triệu dân cư. Cách mạng trở lại thể tiến công. Khi trốn chạy khỏi Cadan, quân Bạch vệ mang theo trữ lượng vàng của nước Cộng hòa được cất giữ ở đó từ đợt tấn công tháng Hai của tướng Hốpman. Khá lâu về sau, lượng vàng ấy cùng Côntrác [Koltchak] mới lọt vào tay chúng ta.

Đến khi có thể thôi bận tâm về Xviagiơcxơ, tôi nhận thấy một cái gì đổi thay ở châu Âu: quân đội Đức rơi vào tình thế bế tắc.

CHƯƠNG XXXIV

ĐOÀN TÀU

Bây giờ phải nói về đoàn tàu riêng của chủ tịch Hội đồng Quân sự Cách mạng. Cuộc sống riêng của tôi trong những năm tháng căng thẳng nhất của cách mạng gắn bó không thể tách rời với cuộc sống của đoàn tàu này. Mặt khác, chính đoàn tàu cũng không thể tách rời với cuộc sống của Hồng quân. Đoàn tàu nổi lên tiên tuyên với hậu phương, giải quyết tại chỗ những vấn đề không thể trì hoãn, thực hiện công tác chỉ dẫn, kêu gọi chiến đấu, tiếp tế cho các chiến sĩ, phạt và thưởng.

Không thể xây dựng một quân đội mà không có những biện pháp trừng phạt. Không thể cử hàng loạt con người vào cái chết mà ban tham mưu không có trong tay quyền xử tử hình. Chừng nào những con khi không có đuôi có tên gọi là người, tự hào với kỹ thuật của họ, còn tổ chức quân đội và gây chiến, ban chỉ huy quân sự sẽ còn phải đặt người lính giữa cái chết có thể xảy ra trước mặt và cái chết chắc chắn chờ đợi họ sau lưng.

Tuy nhiên, cũng không thể xây dựng quân đội chỉ dựa trên sự sợ hãi. Quân đội Nga hoàng tan rã cũng không phải tại thiếu những biện pháp trừng phạt. Khi Kêrenxki thử lập lại kỷ luật bằng cách tái lập án tử hình, ông ta chỉ giáng thêm cho nó một đòn chí tử. Trên những đồng tro tàn còn nóng hổi của cuộc đại

chiến, những người bôn-sê-vích thành lập một quân đội mới. Đối với những ai ít nhiều hiểu được tiếng nói của lịch sử, không cần giải thích các sự kiện ấy. Đối với quân đội mới, thứ xi-măng tốt nhất là những lý tưởng của cách mạng tháng Mười. Đoàn tàu cung cấp chính thứ xi-măng đó cho các mặt trận.

Ở các tỉnh Caluga [Kalouga], Vôrônhegiô [Voronej] hoặc Riadan [Riazan], hàng vạn nông dân trẻ không đáp ứng lời kêu gọi tuyển quân đầu tiên của Xô-viết. Chiến tranh ở xa vùng quê họ sống, hồ sơ sổ sách không phân minh, giấy triệu tập nhập ngũ không được coi trọng. Những người vắng mặt bị liệt vào hạng đào ngũ và một cuộc đấu tranh gay gắt được mở ra chống họ. Gần mười lăm ngàn vụ việc của những kẻ "đào ngũ" như thế được tập trung trong tay chính ủy quân đội vùng Riadan. Nhân đi qua Riadan, tôi quyết định gặp gỡ họ. Mọi người cố can tôi: "Nhỡ nguy hiểm thì sao?" Nhưng mọi việc diễn ra rất êm thấm. Từ những lán trại quân đội, người ta hô hào:

— Các đồng chí đào ngũ, hãy đi dự mít-tinh! Đồng chí Trótxki đến thăm các bạn!

Những thanh niên ùn ùn kéo đến, hồi hộp, âm ỉ và tò mò như lũ học sinh. Tôi hình dung họ xấu hơn. Còn họ tưởng tôi đáng sợ hơn. Trong vài phút, một tập thể đông đảo, ồn ào, vô kỷ luật nhưng không chút thù địch bao quanh tôi. Các "đồng chí đào ngũ" nhìn tôi chằm chằm như muốn nổ con người. Ở đó, ngay tại trận, tôi leo lên một chiếc bàn ngoài sân và nói chuyện với họ trong gần một tiếng rưỡi đồng hồ. Đó là một cử tọa vô cùng niềm nở. Tôi cố gắng lòng thức tỉnh lòng tự trọng của họ và cuối cùng, tôi kêu gọi họ giao tay để biểu thị lòng trung thành với cách mạng. Trước mắt tôi, những tư tưởng mới đã thâm nhập vào con người họ. Lòng nhiệt tình thực sự bao trùm họ. Họ tiễn tôi đến tận xe, không rời mắt khỏi tôi, chẳng những đã không sợ hãi mà còn tỏ vẻ phần chần trờng thấy. Họ la hét thả cửa và không chịu rời tôi. Sau này, tôi được biết — không khỏi có chút tự hào — rằng một trong những phương pháp giáo dục tốt nhất đối với họ là nói: "Này, cậu đã hứa gì với đồng chí Trótxki?" Về sau, những trung đoàn được thành lập từ những người "đào ngũ" ở Riadan đã chiến đấu xuất sắc trên các mặt trận.

Tôi nhớ lại lớp học năm thứ hai trường Trung học Cổ điển Xanh Pôn [Saint Paul] ở Ôđétxa [Odessa]. Bốn mươi học sinh trong lớp đó không khác gì bốn mươi học sinh bất kỳ nào khác. Nhưng khi Buócnan [Burnand] với dấu chữ "X" bí ẩn trên trán, giám thị Mâyê [Meyer] và Vinhêm [Wilhelm], thanh tra Caminxki [Kaminsky] và hiệu trưởng Svanêbác [Schvanebach] thẳng tay giáng xuống nhóm học sinh hay phê bình và táo bạo, lập tức bọn phản bội và lũ ghen tị đàn độn góc đầu dấy, đặt cả lớp dưới ảnh hưởng của chúng.

Trong mỗi trung đoàn, mỗi đại đội, có những con người phẩm chất khác nhau. Những người có ý thức và quên mình gồm thành một thiểu số. Ở cực đối diện là thiểu số thứ hai, không đáng kể của những kẻ sa đọa, tham sống sợ chết hoặc kẻ thù có ý thức. Giữa hai thiểu số này là tối đại đa số những kẻ do dự, dao động. Sự tan vỡ xảy ra khi những người xuất sắc nhất ngã xuống hoặc bị loại bỏ, bọn hèn nhát và thù địch chiếm vị trí thượng phong. Trong những trường hợp như thế, những kẻ trung gian không biết phải theo ai và đến lúc nguy khốn, họ bị sự hoảng loạn cuốn đi.

Ngày 24 tháng Hai 1919, tôi nói chuyện với một cử tọa gồm các tư lệnh trẻ tuổi tại đại sảnh đường Phòng Cột [Kolomny Zal] của Trung ương Công đoàn tại Mátxcova:

Cho tôi ba ngàn lính đào ngũ, gọi đó là một trung đoàn, tôi cho họ một chỉ huy dày kinh nghiệm chiến trận, một chính ủy giỏi cùng các tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng và trung đội trưởng thích hợp; và ba ngàn lính đào ngũ trong vòng bốn tuần sẽ trở thành một trung đoàn xuất sắc ở đất nước chúng ta, đất nước của cách mạng... Trong những tuần lễ gần đây, một lần nữa chúng ta càng thêm tin tưởng về điều này qua tám gương trận tuyến Nácva [Narva] và Pờxocốp, ở đó chúng ta đã lập nên các đơn vị tác chiến tuyệt giỏi từ những mảnh tàn quân.

Trừ những cách đoạn tương đối ngắn ngủi, tôi đã sống hai năm rưỡi trên một toa tàu, xưa kia của một bộ trưởng Giao thông nào đó. Toa xe được bày biện tốt theo quan điểm tiện nghi của một Bộ, nhưng nó không mấy thích hợp cho công việc. Trong toa xe, tôi tiếp những người đến báo cáo, ở đó tôi thảo luận với các đại diện quân sự địa phương và chính quyền dân sự, ở đó tôi tìm hiểu nội dung của những bức điện báo, ở đó tôi đọc các mệnh lệnh và các bài viết. Cũng từ đó, cùng những đồng sự, tôi rong ruổi trên xe hơi những chuyến đi dài trên các mặt trận. Những giờ rảnh rỗi, trong toa xe tôi đọc cho viết cuốn sách của tôi chống Caoxki [Kautsky] và nhiều văn kiện khác. Trong những năm ấy, tôi tin rằng tôi đã thích nghi để viết và suy nghĩ theo nhịp rung lạo xạo của đệm lò xo và các bánh xe của toa tàu Punman [Pullman] trong suốt cuộc đời mình.

Đoàn tàu tôi được sắp đặt vội vã trong đêm mùng 7 rạng sáng mùng 8 tháng Tám 1918 ở Mátxcova. Ngay sáng hôm ấy, tôi đã đáp tàu đến Xviagiôcxơ, tìm đến mặt trận Tiệp Khắc. Sau đó, đoàn tàu biến đổi liên tục, ngày càng trở nên phức tạp và hoàn thiện hơn. Từ năm 1918, nó đã trở thành một bộ

máy chỉ huy lưu động. Trên tàu, có cả ban thư ký, nhà in, trạm điện báo, đài phát thanh, trạm phát điện, thư viện, nhà để xe và phòng tắm.

Đoàn tàu nặng đến nỗi phải có hai đầu máy kéo. Về sau, người ta phải chia ra làm hai đoàn. Khi tình huống buộc chúng tôi phải ở lại một thời gian dài tại một ga nào đó, một trong hai đầu máy làm nhiệm vụ liên lạc, còn đầu máy kia thường xuyên ở trong trạng thái sẵn sàng lên đường. Mặt trận luôn luôn di chuyển bất ngờ và không thể đưa cột với điều đó.

Tôi không có trong tay lịch sử của đoàn tàu. Nó được cất giữ đầu đó trong kho lưu trữ của Bộ Quốc phòng. Thời đó các cộng sự trẻ tuổi của tôi đã soạn thảo lịch sử ấy một cách cẩn thận. Biểu đồ di chuyển của đoàn tàu được chúng tôi chuẩn bị cho cuộc triển lãm về lịch sử nội chiến và theo báo chí, nó đã thu hút được nhiều người quan tâm, theo tin tức báo chí; sau đó nó được đưa vào bảo tàng nội chiến. Hiện nay, chắc hẳn nó bị giấu kín trong một xó xỉnh hẻo lánh nào đó, cùng hàng trăm, hàng ngàn đồ vật triển lãm khác như những áp-phích, những lời kêu gọi, những mệnh lệnh, cờ quạt, ảnh, phim, sách vở và diển văn, phản ánh các sự kiện quan trọng nhất của cuộc nội chiến và liên quan đến cá nhân tôi bằng một cách nào đó.

Từ năm 1922 đến năm 1924, tức là cho đến thất bại của phe đối lập, Nhà xuất bản Quân đội đã ấn hành những công trình của tôi về quân đội và nội chiến trong năm tập sách. Lịch sử đoàn tàu chưa có chỗ trong đó. Hiện nay tôi chỉ có thể tái tạo quỹ đạo đoàn tàu trên cơ sở ngày tháng dưới các bài xã luận trên tờ báo *Vor Puchi* [V Pouti] (Lên đường) của đoàn tàu: Xamara [Samara], Trêliabinxơ [Tchéliabinsk], Viátca [Viatka], Pêtorôgorát, Balasóp [Balachov], Xmôlencơ [Smolensk], trở lại Xamara, rồi Rôxtóp [Rostov], Nôvôtrécátxcơ [Novotcherkassk], Kiép, Ghitômia [Jitomir] và cứ như thế, vô tận. Tôi chưa có con số chính xác về tổng số đoàn đường đoàn tàu đã đi trong những năm nội chiến. Một trong những chú giải thuộc các công trình có đề tài quân sự của tôi liệt kê 36 cuộc hành trình mà tổng cộng chiều dài lên tới hơn 105 ngàn ki-lô-mét. Dựa vào trí nhớ, một bạn đồng hành cũ viết rằng trong ba năm, có lẽ chúng tôi đã đi năm vòng rưỡi quanh trái đất, nghĩa là con số của anh gấp đôi số liệu nói trên. Và ở đây chưa kể mấy vạn cây số đi bằng xe hơi từ tuyến đường sắt đến các vùng nằm sâu trong mặt trận. Đoàn tàu vốn bao giờ cũng đến những nơi hiểm nghèo nhất, thành thử các tuyến đường ghi lại trên bản đồ đều khá chính xác, đồng thời chúng đem lại một hình ảnh rõ rệt về tầm quan trọng nhất thời của các mặt trận khác nhau. Đa số những chuyến đi rơi vào năm 1920, tức năm cuối của cuộc nội chiến. Đa phần các cuộc hành trình hướng về mặt trận phía Nam, vốn là nơi dai dẳng nhất, ngoan cường nhất và nguy hiểm nhất.

Vậy đoàn tàu của chủ tịch Hội đồng Quân sự Cách mạng đi tìm gì trên các mặt trận của nội chiến? Trong một ý nghĩa chung, câu trả lời đã rõ ràng: nó đi tìm chiến thắng. Nhưng đoàn tàu mang lại gì cho các mặt trận? Phương pháp hành động của nó ra sao? Đi công cán thường xuyên từ điểm này qua điểm khác của đất nước, mục tiêu trực tiếp của nó là gì?

Không, đây không chỉ đơn thuần là những chuyến đi thanh tra. Không! Công việc của đoàn tàu có liên quan mật thiết nhất đến việc tổ chức, giáo dục, chỉ đạo và tiếp tế cho quân đội. Chúng tôi khởi đầu tái thiết quân đội từ con số không và dưới làn lửa đạn. Và đúng là như vậy, chẳng những tại Xviigioxơ — nơi tháng đầu tiên của lịch sử con tàu được ghi nhận — mà ở mọi mặt trận khác nữa. Từ những đơn vị du kích, từ những kẻ trốn chạy trước lũ Bạch quân, từ các nông dân được huy động trong các phủ huyện lân cận, từ những toán công nhân do các trung tâm công nghiệp gửi đến, từ những nhóm đảng viên cộng sản và bộ đội chuyên nghiệp, người ta lập ra ngay lập tức, ở mặt trận, những đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn mới, đôi khi cả những sư đoàn trọn vẹn. Sau những trận chiến thất bại và những cuộc tháo lui, một đám đông tan rã, tinh thần hoảng loạn đã được rèn luyện trong hai, ba tuần thành những đơn vị có sức chiến đấu. Để được vậy, cần những gì? Nhiều mà cũng ít. Phải có những chỉ huy giỏi, hai mươi, ba mươi chiến sĩ giàu kinh nghiệm, chừng một chục đảng viên cộng sản tận tụy, phải cấp ứng cho những người chân đất, phải xây nhà tắm, phải thực thi một chiến dịch tuyên truyền cương quyết, phải cho lính tráng ăn uống no đủ, phải cung cấp quần áo lót, phát thuốc lá và diêm cho họ. Đoàn tàu giải quyết tất cả những thứ đó. Ở chỗ chúng tôi, bao giờ cũng có dự trữ vài đảng viên cộng sản tin cẩn để lấp chỗ trống, vài trăm chiến sĩ thiện nghệ cùng một số giày ủng, áo da, thuốc men, súng máy, ống nhòm, bản đồ, đồng hồ và nhiều thứ quà cáp khác. Những trữ lượng vật chất trực tiếp của đoàn tàu cố nhiên là không đáng kể so với các nhu cầu của quân đội, nhưng chúng tôi khôi phục chúng thường xuyên. Điều quan trọng nhất: hàng chục, hàng trăm lần, chúng đóng vai trò một xẻng than khiến ngọn lửa không tắt trong giây phút cần thiết.

Một trạm điện báo hoạt động ngay trên tàu. Chúng tôi liên lạc bằng đường dây trực tiếp với Mátxcova và trợ lý của tôi, Xcolianxki ghi nhận yêu cầu tiếp tế những trang bị tuyệt đối cần thiết cho quân đội, đôi lúc cho một sư đoàn, nhưng thỉnh thoảng chỉ cho một trung đoàn thôi. Rồi sau đó, những đơn đặt hàng được thực hiện với tốc độ nhanh đến mức không thể tưởng tượng được dù tôi không đích thân can thiệp. Cố nhiên không thể gọi phương pháp ấy là đúng đắn. Một kẻ thông thái rôm có thể nói rằng trong

lĩnh vực cung ứng cũng như trong toàn bộ công tác quân sự, tính hệ thống là quan trọng hơn cả. Đúng thế. Bản thân tôi lẽ ra cũng nghiêng về phía những người thông thái rôm. Có điều, chúng tôi không muốn bị hủy diệt trước khi sáng tạo ra được một hệ thống thật chặt chẽ. Thành thử, chúng tôi đã buộc phải — nhất là trong giai đoạn đầu — thay thế hệ thống bằng những phương pháp hành động ứng biến, để rồi sau này cả hệ thống có thể dựa trên đó.

Những cán bộ lãnh đạo của các cục chính yếu trong quân đội, nhất là của Tổng cục Hậu cần, thường đi kèm tôi trong tất cả các chuyến đi của tôi. Chúng tôi thừa hưởng những chính ủy quân sự từ quân đội cũ. Những con người này muốn làm việc theo lối cũ, thậm chí còn làm tồi hơn vì các hoàn cảnh trở nên khó khăn gấp bội phần. Trong những chuyến đi, các nhà chuyên gia cũ tự đào tạo mình cho hợp với những yêu cầu mới và những người mới có cơ hội học hỏi trong trường học cuộc đời.

Sau khi đi thanh tra ở một sư đoàn và nhận thấy tại chỗ những nhu cầu của nó, tôi triệu tập một cuộc họp cùng đông đảo tốt ở Ban Tham mưu hoặc ở toa ăn của đoàn tàu, mời đến đó các đại biểu các tổ chức đảng địa phương, các cơ quan Xô-viết và các nghiệp đoàn. Nhờ vậy tôi có thể nhận được một bức tranh không chút tô vẽ về tình hình thực tại. Ngoài ra, những phiên họp như thế còn đưa ra các kết quả thực tiễn trực tiếp. Dù có nghèo đến mấy, các cơ quan của chính quyền địa phương bao giờ cũng tỏ ra có khả năng thất lung buộc bụng, hy sinh cái này, cái khác cho quân đội. Đặc biệt, những hy sinh của các đảng viên cộng sản là rất đáng kể. Chúng tôi rút hàng chục người lao động từ các văn phòng và điều họ ngay vào những trung đoàn đao động. Người ta tìm thấy một số vải dự trữ để làm áo choàng và xà-cạp, một ít da thuộc làm đế giày và một tạ mỡ. Nhưng những phương tiện địa phương cố nhiên không thể đủ được. Sau những cuộc họp như thế, tôi gửi một đơn đặt hàng chính xác về Mátxcova qua đường dây trực tiếp, cố nhiên có lưu ý đến trữ lượng của trung ương, và kết quả là sư đoàn nhận được những thứ nó cần ở mức cấp thời, hơn nữa, theo đúng thời gian cần thiết. Theo gương của đoàn tàu, những cán bộ chỉ huy và chính ủy của mặt trận học được cách tiếp cận nhiệm vụ của họ — nhiệm vụ chỉ đạo, giáo dục, cung ứng, xét xử — không từ trên xuống mà từ dưới lên, từ mức đại đội, trung đội, theo quan điểm của một lính mới chưa hề có kinh nghiệm.

Dần dà, hình thành những cơ quan hoạt động ít nhiều có hiệu quả, tập trung vào việc cung ứng cho các mặt trận và các đạo quân. Nhưng chỉ những cơ quan ấy thì không đủ sức và không thể đủ sức đối với những nhiệm vụ đồ lên đầu họ. Thời chiến, bộ máy lý tưởng nhất cũng có khi trục trặc, nhất là trong trường hợp một cuộc vận động chiến không ngừng mà nhìn về tổng thể, đôi lúc — tiếc thay! — lại được xây dựng trên những hoạt động tác chiến hoàn toàn không thể lường trước nổi. Hơn nữa, đừng quên là chúng ta chiến đấu mà không có một khoản dự trữ nào. Ngay từ 1919, không còn gì trong các kho tàng trung ương. Những áo choàng cho binh sĩ được chuyển thẳng từ xưởng may ra mặt trận. Tình hình tồi tệ nhất trên phương diện súng ống và đạn dược: thường thường, những nhà máy vũ khí ở Tula [Toula] chỉ có thể sản xuất ra lượng vũ khí vừa đủ cho từng ngày. Không một toa xe chở đạn nào có thể rời xưởng nếu không có chữ ký của tổng tư lệnh chỉ định nơi giao hàng. Việc cung cấp đạn dược và súng ống lúc nào cũng giống như một sợi dây bị căng cực độ. Đôi khi sợi dây này bị đứt. Lúc đó, chúng ta bị tổn thất cả nhân mạng lẫn lãnh thổ.

Cuộc chiến tranh đã là một điều không thể tưởng tượng nổi nếu chúng tôi không ứng tác và còn tiếp tục ứng tác trong mọi lĩnh vực. Đoàn tàu dề xưởng và đồng thời đứng ra hiệu chỉnh những ứng tác đó. Cứ mỗi lần thúc đẩy việc phát huy sáng kiến của mặt trận và bộ máy hậu phương gắn nhất, chúng tôi lại lưu ý đưa dần dần những sáng kiến này vào các kênh của hệ thống chung. Tôi không dám nói là bao giờ cũng thành công. Nhưng cũng như kết cục cuộc nội chiến đã chỉ rõ, chúng tôi đã đạt được vấn đề quan trọng nhất: chiến thắng.

Đặc biệt quan trọng là những chuyến đi thăm mặt trận ở nơi mà sự phân bội của đội ngũ chỉ huy đôi lúc gây ra những chấn động tai họa. Ngày 23 tháng Tám 1918, một trong những ngày nguy kịch nhất ở Cadan, tôi nhận được một bức điện mật của Lênin và Xvéclốp:

Xviiagioxcơ. Gửi Trótxki. Sự phân bội trên mặt trận Xaratóp [Saratov], mặc dầu được phát hiện kịp thời, đã gây ra những dao động vô cùng nguy hiểm. Chúng tôi nhận thấy tuyệt đối cần thiết đồng chí phải đến đây, bởi sự xuất hiện của đồng chí ở mặt trận sẽ có ảnh hưởng tốt đến các chiến sĩ và đến toàn quân. Chúng tôi sẽ thống nhất cả việc đi thăm các mặt trận khác nữa. Chờ hồi âm của đồng chí, nói rõ ngày lên đường, tất cả bằng mật mã. Số 80, ngày 22 tháng Tám 1918. Lênin. Xvéclốp.

Tôi thấy mình tuyệt đối không thể rời Xviiagioxcơ: sự ra đi của đoàn tàu có thể làm lung lay toàn bộ mặt trận Cadan, đã trải qua những giờ phút khó khăn dù chưa có chuyện đó. Xét về mọi phương diện, Cadan quan trọng hơn Xaratóp. Chẳng bao lâu sau Lênin và Xvéclốp cũng nhận thấy điều này. Tôi chỉ đến Xaratóp sau khi chiếm lại được Cadan. Nhưng các bức điện tương tự thường đến với chúng tôi trong suốt

những chuyến đi về sau của đoàn tàu. Kiệp và Viátca, Xibêri và Còrum phàn nàn về tình thế khó khăn của họ, hết thành phố nọ đến thành phố kia và cùng một lúc, họ yêu cầu đoàn tàu đến hỗ trợ.

Chiến tranh mở rộng ở vùng biên ải của đất nước, thường thường cuộc chiến diễn ra tại những ngõ ngách heo hút nhất của một mặt trận trải dài tám ngàn cây số. Các trung đoàn và sư đoàn bị sống tách rời khỏi thế giới bên ngoài nhiều tháng trời. Tâm trạng vô vọng lan tràn trong quân ngũ. Nhiều lúc thiết bị điện thoại dùng cho nhu cầu liên lạc nội bộ cũng thiếu thốn. Ở vùng biên cương, đối với quân đội, đoàn tàu là sứ giả của những thế giới khác. Chúng tôi luôn tàng trữ dây và thiết bị điện thoại trong kho. Toa xe thông tin đặc biệt có một cần ăng-ten cho phép chúng tôi dọc đường bắt được sóng của tháp Épphen, của trạm Nauen, tổng cộng gần ba chục đài phát, trong đó đứng đầu tất nhiên là các đài Mátxcova. Đoàn tàu luôn nắm bắt được những gì xảy ra trên thế giới. Chúng tôi đăng tải những thông tin quan trọng nhất trong tờ báo của đoàn tàu, dọc đường chúng tôi bình luận những tin tức ấy trong các bài báo, truyền đơn và nhật lệnh. Hành động phiêu lưu của Cápô [Kapp], những âm mưu bạo loạn trong nước, bầu cử ở Anh, tiến trình thu hoạch ngũ cốc hoặc những "chiến tích" của chủ nghĩa phát-xít Đức — chúng tôi đã tường thuật sót dẻo tất cả những điều đó và chỉ ra mối liên quan với số phận các mặt trận Axtorakhan [Astrakhan] hoặc Áckhanghenxơ. Đồng thời, chúng tôi cũng gửi những bài báo ấy về Mátxcova qua đường dây điện tín, từ đó, qua làn sóng điện, chúng được chuyển đến báo chí toàn quốc. Sự xuất hiện của đoàn tàu đã nổi lên ngay cả đơn vị bị cô lập nhất về bộ máy tuần hoàn máu của quân đội, về đời sống của đất nước và của toàn thế giới. Những lời đồn đại hết gây hoang mang, những mối hồ nghi tan biến, khí thế được nâng cao. Sự phấn chấn tinh thần kéo dài vài tuần, đôi khi đến tận lúc đoàn tàu chúng tôi trở lại. Trong khoảng thời gian giữa những chuyến đi thăm của tôi, các thành viên Hội đồng Quân sự Cách mạng của mặt trận hoặc của toàn quân cũng đến thăm các đơn vị theo cùng một khuôn mẫu tương tự, nhưng với những nghi thức khiêm tốn hơn.

Không thể hình dung tôi có thể làm việc nổi chảng những công việc văn chương, mà mọi công việc khác nếu thiếu các cộng sự tốc ký viên như: Goladoman [Glazmann], Xéc múc [Sermuks] và anh thanh niên Nhêtraiep [Nétchaiev]. Dọc đường, họ làm việc đêm ngày và trên những đường ray hư hỏng, trong cơn sốt của chiến tranh, con tàu vi phạm mọi qui tắc thận trọng, cứ vùn vụt lao mình với tốc độ bảy mươi, thậm chí hơn bảy mươi cây số, khiến cho tấm bản đồ treo trên trần toa xe lắc lư liên hồi. Tôi luôn luôn nắm tay họ với nỗi ngạc nhiên và lòng biết ơn, nhìn họ vạch ra rất chắc chắn những dòng chữ li ti dù tàu xóc và rung. Chừng nửa giờ sau, khi người ta đem lại cho tôi văn bản hoàn chỉnh, tôi không cần phải sửa chữa. Đây không phải là công việc bình thường, phải gọi là chiến công thì đúng hơn. Về sau Goladoman và Xéc múc đã phải trả giá đắt cho quá trình phục vụ cách mạng tận tụy của họ: Goladoman bị bọn xta-lin-nít đẩy đến chỗ phải tự tử, còn Xéc múc bị giam cầm ở vùng Xibêri hoang dã.

Đoàn tàu có một nhà để xe rất rộng, chứa vài chiếc xe hơi và một thùng xăng. Tất cả tạo điều kiện cho chúng tôi có thể đi xa khỏi tuyến đường sắt vài trăm dặm. Trên các xe tải và xe hơi, có một đội hai, ba chục người gồm những xạ thủ và những tay súng máy cừ khôi. Xe tôi cũng có hai súng máy. Cuộc vận động chiến chứa đầy những sự kiện bất ngờ. Trong các thảo nguyên, chúng tôi luôn có nguy cơ chạm trán bọn kỵ binh Cốtđắc đi thám báo. Chiếc xe được trang bị súng máy đem lại chút ít an toàn, ít nhất là khi thảo nguyên chưa biến thành một biển bùn. Tại Vônônhegiơ, một lần vào mùa thu 1919, chúng tôi buộc phải nhích từng bước với tốc độ ba cây số một giờ. Các xe hơi lún sâu trong đất đen sũng nước, loại đất mùn đen tạo nên sự giàu có của vùng này. Mỗi lần cần thiết, ba chục người lại nhảy khỏi xe, dùng vai kích chiếc xe bị lún lên. Khi chúng tôi định vượt qua một chỗ lầy lội, chiếc xe chết máy ngay vùng bùn. Bực dọc, tôi nguyện rửa cái xe có trọng tâm quá thấp mà Puyvi [Püvi], anh tài xế tài ba người Extôni của tôi coi là thứ tốt nhất hoàn cầu. Anh quay lại, gơ tay chào theo lối nhà binh và nói với tôi bằng một thứ tiếng Nga ngọng:

— Tôi xin phép được tuyên bố là các kỹ sư không thể dự kiến việc chúng ta sẽ dùng xe để lợi nước.

Mặc dầu tình thế khá nghiêm trọng, tôi vẫn muốn ôm chầm lấy anh tài xế bởi câu nói ranh mãnh và chính xác của anh.

Đoàn tàu không chỉ là một cơ quan chỉ đạo quân sự và chính trị, nó còn là một công cụ chiến đấu. Theo nhiều đặc điểm, nó giống một con tàu bọc thép hơn là một trụ sở tham mưu di động. Cố nhiên, nó cũng được bọc thép từng phần, ít nhất là đầu máy và các toa có súng máy. Trên tàu, mọi người đều biết sử dụng vũ khí, không trừ một ai. Ai nấy đều mặc bộ quân phục bằng da thuộc làm tăng thêm vẻ đĩnh đạc và oai phong. Tất cả mang trên cánh tay trái, dưới vai, một huy hiệu cỡ lớn bằng kim loại, tác phẩm công phu của xưởng đúc tiền, rất được ưa chuộng trong quân đội. Hệ thống điện thoại và tín hiệu bên trong nối liền các toa tàu. Để duy trì tinh thần cảnh giác, chúng tôi thường tổ chức báo động dọc đường, cả ngày lẫn đêm. Lúc cần, chúng tôi cũng cử những phân đội vũ trang xuống tàu để thi hành "biệt kích tác chiến". Lần nào

cũng vậy, sự xuất hiện của đại đội áo da ở một nơi xung yếu bao giờ cũng đem lại một tác động không gì cưỡng lại nổi. Cảm thấy đoàn tàu của chúng tôi chỉ cách tuyến lửa vài cây số, ngay cả những đơn vị mất bình tĩnh nhất — và trước hết, đội ngũ chỉ huy của họ — cũng định thần và tập trung hết sức lực. Trong trường hợp cân cân còn bấp bênh, chỉ một chút trọng lượng cũng đủ làm nó nghiêng hẳn. Vậy thì trong vòng hai năm rưỡi, đoàn tàu và tập thể chiến sĩ cũng thường phải đóng vai trò vi lượng mang tính quyết định như thế, có lẽ hàng mấy trăm lần. Sau khi đội "đặc nhiệm" trở về đoàn tàu, thường thường lại thiếu một, hai người. Tổng kết lại, đoàn tàu mất mười lăm người tử vong hoặc bị thương, chưa kể những người gia nhập hẳn vào các đơn vị đi chiến đấu ngoài trận tuyến và như thế, chúng tôi không biết gì về họ. Ví dụ một nhóm trong tập thể tàu chúng tôi được chuyển về một tàu bọc thép mẫu mực mang tên Lenin, một bộ phận khác được điều động đến các đơn vị chiến đấu ở Pêtorôgorát. Đoàn tàu, với tư cách một đơn vị độc lập, đã được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ vì công trạng tham gia chiến đấu chống Iudênhích [Ioudénitch].

Nhiều lần đoàn tàu bị bao vây, bị bắn phá và bị máy bay oanh tạc. Không có gì lạ nếu nó được bao phủ bởi một tấm màn huyền thoại thêu dệt từ những chiến công thực sự và những sản phẩm của trí tưởng tượng. Bao lần, biết bao lần những sư đoàn trưởng, tư lệnh lữ đoàn, nhưng đến cả trung đoàn trưởng cũng yêu cầu chúng tôi ở thêm lại với họ nửa giờ nữa, ngồi chuyện trò với họ trong Bộ Tham mưu, hoặc đi cùng họ bằng xe hơi hay ngựa thăm một trung đội xa xôi, hoặc ít ra cũng cử một vài người trong đội chúng tôi mang quân trang và quà tặng, để loan truyền rộng rãi cái tin đoàn tàu đã đến với mặt trận. "Điều đó có giá trị như một sư đoàn dự bị!" — các tướng tá nói như vậy. Tin đoàn tàu đến cố nhiên cũng lọt vào hàng ngũ địch. Ở đó, người ta tỏ vẻ đoàn tàu bí ẩn còn đáng sợ hơn nhiều so với nó trong thực tế. Và tầm quan trọng tinh thần của nó càng được tăng gấp bội.

Đoàn tàu bị quân thù căm ghét và nó tự hào với điều này. Phái xã hội cách mạng nhiều lần dự định phá hoại nó. Trong vụ án xử phe xã hội cách mạng, Xemiônốp [Séménov] — kẻ tổ chức vụ ám sát Vólôđácxki [Volodarsky] và mưu sát Lenin, đồng thời tham gia chuẩn bị những kế hoạch tấn công đoàn tàu — đã khai báo rất chi tiết. Kể ra, một chủ ý như thế cũng không phải là chuyện quá khó khăn. Nhưng thời đó, phe xã hội cách mạng đã yếu về mặt chính trị, đã đánh mất lòng tin và không còn ảnh hưởng đến giới thanh niên.

Trong một chuyến đi về phía Nam, đoàn tàu bị trật bánh ở ga Goócki. Lúc đó là ban đêm, tôi bị bắn đi và cảm thấy hãi hùng như người trải qua một cơn động đất: khi đất lở dưới chân và con người không còn chỗ bám víu. Nửa tỉnh nửa mê, tôi ghi hết sức vào hai góc giường. Tiếng ầm ầm quen thuộc của bánh xe tàu đột nhiên dừng lại, toa xe đổ kènh về một phía và bất động. Chỉ có một tiếng kêu cô đơn, yếu ớt và rên rĩ xẻ dọc bầu không khí yên tĩnh của màn đêm. Cánh cửa nặng nề của toa xe méo mó đến mức không thể mở ra nổi và không ra được khỏi toa. Không thấy ai đến và như thế tôi lại càng lo ngại. Quân địch có ở đó không? Súng lục trong tay, tôi nhảy qua cửa sổ và vấp phải một người tay lăm lăm cầm chiếc đèn. Đó là anh trưởng tàu, anh không đến nổi chỗ tôi.

Toa tàu nằm nghiêng một bên, ba bánh lún sâu vào đá rầm ở nền đường xe lửa, ba bánh kia lơ lửng phía trên các đường ray. Hai đầu toa xe bị phá tan. Cái lưới phía đằng trước dè người lính gác xuống sàn. Chính anh đã thốt lên âm thanh đau đớn như tiếng trẻ em khóc trong đêm tối. Phải khó khăn lắm chúng tôi mới giải thoát được anh khỏi tấm lưới ghi chặt trên người anh. Trước sự ngạc nhiên của mọi người, hóa ra anh thoát nạn, chỉ bị vài vết bầm tím và con hoảng hốt.

Có cả thảy tám toa xe bị phá hủy. Toa ăn, vốn được dùng làm câu lạc bộ của đoàn tàu, chỉ còn là một đồng vỏ bảo đánh véc-ni. Những người đội đồi gác đọc sách hoặc chơi cờ vua ở đó. Họ vừa rời toa tàu vào đúng nửa đêm, mười phút trước khi tàu trượt bánh. Ngoài ra, những toa chở sách vở, quân nhu và quà tặng cho mặt trận bị hư hỏng rất nhiều.

Không ai bị thương đáng kể.

Nguyên nhân khiến tàu trật bánh là do bê ghi sai. Không biết lỗi này do sơ xuất, cầu thả hay do chủ tâm xấu. May là chúng tôi chỉ đi qua ga với tốc độ ba mươi cây số một giờ.

Tập thể nhân viên của đoàn tàu còn làm nhiều việc không liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ của họ: trong những lúc dỗi kém, dịch tễ, trong các chiến dịch tuyên truyền, các đại hội quốc tế. Đoàn tàu bảo trợ và đỡ đầu cho nhiều quận huyện và trại trẻ. Chi bộ cộng sản của đoàn tàu ấn hành một tờ báo riêng mang tựa đề *Na Xtôragiê* [Na Strajié] (Đứng gác). Nhiều tình tiết trong chiến đấu và nhiều mâu chuyện ly kỳ được ghi lại trong tờ báo này. Cũng như các sách báo khác, rất tiếc tôi không giữ được số báo nào trong tập lưu trữ của tôi về chiến dịch.

Khi chúng tôi xuất quân để chuẩn bị cuộc tấn công chống Voranghen [Vrangel], tên tướng Bạch vệ này đang cố thủ ở Còrum, ngày 27 tháng Mười 1920, tôi viết trong tờ báo *Vor Puchi* của đoàn tàu:

Đoàn tàu chúng ta lại lên đường ra mặt trận.

Những chiến sĩ của đoàn tàu từng có mặt ở chân thành Cadan trong những tuần lễ ác liệt năm 1918, khi diễn ra cuộc chiến giành lấy sông Vônga. Cuộc chiến đấu ấy đã kết thúc từ lâu. Chính quyền Xô-viết đã tiến gần tới bờ Thái Bình dương.

Những chiến sĩ của đoàn tàu chúng ta từng chiến đấu về vang dưới chân thành Pêtorôgorát... Pêtorôgorát thoát hiểm và trong những năm gần đây, đã đón tiếp rất nhiều đại diện của giai cấp vô sản thế giới tại nơi này.

Đã hơn một lần, đoàn tàu chúng ta có mặt ở mặt trận phía Tây. Giờ đây chúng ta đã ký kết hiệp định hòa bình sơ bộ với Ba Lan.

Chúng ta đã có mặt tại các thảo nguyên sông Đông, khi Coraxnốp — và sau đó, Đênhikin — đe dọa nước Nga-Xô-viết từ phía Đông. Số phận của Coraxnốp và Đênhikin đã tàn lụi từ lâu.

Còn lại Còrum, nơi chính phủ Pháp đã biến thành một pháo đài. Tư lệnh Bạch quân đồn trú trong cái pháo đài Pháp này là nam tước Voranghen, một tên tướng người Nga gốc Đức của đội quân tình nguyện.

Gia đình gấn bó của đoàn tàu chúng ta lại ra đi tham gia chiến dịch mới.

Mong sao đó là cuộc chiến đấu cuối cùng!

Chiến dịch Còrum quả thực là chiến dịch cuối cùng của cuộc nội chiến. Vài tháng sau, tập thể nhân viên đoàn tàu được phục viên. Từ những trang của cuốn sách này, tôi gửi lời chào thân ái đến các cựu chiến hữu của tôi!

CHƯƠNG XXXV

BẢO VỆ PÊTORÔGORÁT

Có mười sáu tập đoàn quân chiến đấu trên các mặt trận của nước Cộng hòa Xô-viết. Cách mạng Pháp cũng gần có ngàn ấy đạo quân, chính xác là mười bốn. Mỗi tập đoàn quân trong số mười sáu đạo quân Xô-viết đều có một lịch sử ngắn ngủi, nhưng chói lọi. Chỉ cần nêu con số của một trong những đơn vị ấy là gọi lên ngay hàng chục mẫu chuyện không thể tái diễn. Mỗi tập đoàn quân hình thành một bộ mặt riêng, sống động, đặc trưng, mặc dầu luôn biến đổi.

Tập đoàn quân thứ VII đồn trú tại những con đường phía Tây Pêtorôgorát. Một thời gian dài không hoạt động đã để lại dấu ấn nặng nề cho nó. Tinh thần cảnh giác đã giảm sút. Những cán bộ xuất sắc nhất, thậm chí cả những đơn vị trọn vẹn được rút khỏi tập đoàn quân và cử đến các khu vực khác, nóng bỏng hơn, của mặt trận. Đối với một đạo quân cách mạng đang cần thiết nguồn phấn khởi, việc dậm chân tại chỗ hầu như lúc nào cũng đem lại kết cục bất hạnh, thậm chí đôi lúc còn tai họa. Lần này, mọi việc cũng diễn ra như vậy.

Tháng Sáu 1919, có một phân đội Bạch vệ chiếm giữ Corátxnaia Goócxa [Kratssnaia Gorka], một pháo đài quan trọng nằm trong vịnh Phần Lan. Vài ngày sau, một đơn vị thủy binh Hồng quân giành lại pháo đài. Người ta phát hiện ra là đại tá Luncovít [Lundkvitst], tổng tham mưu trưởng Tập đoàn quân thứ VII đã thông báo lập tức mọi tin tức hấn được biết cho Bạch quân. Nhiều tên phiến loạn cũng trợ giúp hấn trong việc này. Sự kiện đó làm chấn động toàn quân đội.

Tháng Bảy, tướng Iudênhích được đề bạt làm tổng tư lệnh quân đội Bạch vệ vùng Tây-Bắc; Iudênhích được Côntrác thừa nhận là đại diện riêng của hấn. Với sự hỗ trợ của Anh và Extôni, một chính phủ Nga của vùng "Tây-Bắc" được hình thành vào tháng Tám. Hạm đội Anh đóng quân ở vịnh Phần Lan hứa hẹn sẽ giúp đỡ Iudênhích.

Cuộc tấn công của Iudênhích được ấn định vào thời điểm mà dù không có nó, chúng tôi vẫn còn đang ở trong tình trạng nguy hiểm trầm trọng. Đênhikin chiếm được Ôriôn [Orel] và đe dọa Tula, trung tâm của nền công nghiệp quốc phòng. Từ đó, con đường đến Mátxcova không xa mấy. Trận tuyến phía Nam thu hút toàn bộ sự chú ý của chúng tôi. Chỉ một đòn đánh nặng đầu tiên từ phía Tây cũng đủ làm Tập đoàn quân thứ VII mất thăng bằng. Trong thực tế, nó lùi bước mà không hề chống cự, bỏ rơi cả vũ khí và để lại

phía sau quân tiếp viện. Những lãnh tụ Pêtorôgorát, trước hết là Dinôviép, thông báo với Lênin rằng kế hoạch được vũ trang tuyệt hảo về mọi mặt: súng máy tự động, xe tăng, máy bay, tàu chiến bọc thép Anh v.v... tập trung ngay ở bên hông trận tuyến. Lênin đi đến kết luận chúng ta chỉ có thể tham chiến thành công chống đạo quân sĩ quan được trang bị kỹ thuật tối tân nhất của Iudênhích, nếu chúng ta tìm cách để hở, nghĩa là làm yếu các mặt trận khác trong thực tiễn, trước hết là mặt trận miền Nam. Nhưng không thể chấp nhận giải pháp ấy. Theo ý ông, chỉ còn độc nhất một lối thoát: bỏ rơi Pêtorôgorát và thu hẹp trận tuyến. Sau khi ngẫm nghĩ sự cần thiết của việc thu hẹp đầu đón ấy, Lênin gắng sức thuyết phục những người khác theo ý của ông.

Vừa từ phương Nam về Mátxcova, tôi đã cương quyết chống lại kế hoạch ấy. Iudênhích và quan thầy của hắn không chỉ muốn thôn tính Pêtorôgorát: bọn chúng còn muốn kết hợp với Đênhikin tại Mátxcova. Ở Pêtorôgorát, Iudênhích sẽ tìm thấy những trữ lượng công nghiệp và quân số đồ sộ. Hơn nữa, giữa Pêtorôgorát và Mátxcova không có những trở ngại đáng kể. Từ đó, tôi đi đến kết luận phải bảo vệ Pêtorôgorát bằng mọi giá.

Cố nhiên, trước hết tôi có thể tính đến sự ủng hộ của các đồng chí Pêtorôgorát. Corexchinxki, lúc đó là ủy viên Bộ Chính trị, đứng về quan điểm của tôi. Dường như Xtalin cũng đồng tình với tôi thì phải. Trong vòng hai mươi tư giờ đồng hồ, tôi tấn công Lênin nhiều lần. Cuối cùng, ông phải nói:

— Thôi được, thử xem sao...

Ngày 15 tháng Mười, Bộ Chính trị thông qua bản dự thảo nghị quyết của tôi về tình hình mặt trận:

Xét thấy nguy cơ quân sự đe dọa, cần phải biến nước Nga-Xô-viết thành một chiến lũy. Với sự cộng tác của các tổ chức đảng và các công đoàn, phải thực thi việc kê khai tên tuổi những đảng viên, những người lao động Xô-viết và những công đoàn viên, xem họ có đủ khả năng phục vụ quân đội không?

Sau đó, hàng loạt biện pháp thực tiễn được đề ra. Liên quan đến Pêtorôgorát, tôi diễn đạt như sau: "Không được để thành phố lọt vào tay địch!"

Cùng ngày, tôi đệ trình Hội đồng Quốc phòng một dự thảo nghị quyết:

Phải bảo vệ Pêtorôgorát đến giọt máu cuối cùng. Không được lùi một tấc đất và nếu cần, chúng ta sẽ chiến đấu trên các đường phố của đô thành.

Tôi dự đoán đạo quân Bạch vệ gồm chừng hai vạn rưỡi lính, cho dù có tràn vào được thành phố hơn một triệu dân thì rồi cũng bị thất bại khi phải đối phó với một cuộc đề kháng quyết liệt. Ngoài ra, tôi cho rằng — nhất là trong trường hợp Extôni và Phần Lan cùng tham chiến — cần phải chuẩn bị kế hoạch rút lui cho quân đội và công nhân về hướng Đông-Nam: đây là khả năng duy nhất để cứu vãn phần tinh hoa của giới công nhân Pêtorôgorát khỏi một cuộc tàn sát hàng loạt.

Tôi đi Pêtorôgorát ngày 16. Hôm sau, tôi nhận được thư Lênin:

17 tháng Mười. Gửi đồng chí Trôttxki.

Đêm hôm qua... , bằng văn bản mật, chúng tôi đã gửi đến đồng chí quyết định của Hội đồng Quốc phòng... Như đồng chí thấy, chúng tôi đã chấp nhận kế hoạch của đồng chí. Cạnh đó, cố nhiên việc đưa công nhân Pêtorôgorát đi sơ tán ở miền Nam không bị gạt khỏi chương trình nghị sự (người ta bảo rằng đồng chí đã nói điều này với Coraxin [Krassine] và Rucốp). Nhưng đã động đến chuyện này sớm hơn mức cần thiết có nghĩa là chúng ta đầu hàng cuộc chiến. Nếu kẻ thù tìm cách bao vây và cắt đứt các mối liên lạc với Pêtorôgorát, điều này dĩ nhiên sẽ đòi hỏi những thay đổi thích hợp mà đồng chí sẽ thực thi tại chỗ... Tôi gửi kèm theo đây lời kêu gọi do tôi viết dưới sự ủy nhiệm của Hội đồng Quốc phòng. Tôi vội nên viết không được thành công lắm. Tốt hơn là đồng chí hãy đề chữ ký tôi sau chữ ký của đồng chí. Chào thân ái. Lênin.

Tôi cho rằng lá thư này chứng tỏ khá rõ ràng những bất đồng mang tính ngẫu nhiên của tôi với Lênin — những bất đồng không thể tránh khỏi trong công việc có tầm vóc lớn lao như thế —, có thể vượt qua trong thực tế mà không để lại một dấu vết gì trong quan hệ cá nhân và trong công việc chung của chúng tôi. Tôi cũng từng nghĩ trong óc là nếu tháng Mười 1919, giá thử không phải Lênin bảo vệ ý kiến bỏ rơi Pêtorôgorát, mà là tôi, chống lại Lênin, thì ngày nay, bằng mọi thứ tiếng trên thế giới này, một lượng văn chương dồi dào sẽ tố cáo biểu hiện tai hại đó của "chủ nghĩa trót-kít".

Trong năm 1918, Liên minh đã cương bức, đẩy chúng ta vào cuộc nội chiến, dường như để nhằm mục đích chiến thắng hoàng đế Ghiôm. Nhưng bây giờ là năm 1919. Nước Đức đã thất bại từ lâu. Tuy

nhiên, Liên minh vẫn tiếp tục tiêu phí những khoản tiền trị giá hàng trăm triệu để gieo rắc mầm mống cái chết, đói khát và bệnh dịch trên đất nước của cách mạng. Iudênhích là một trong số những tướng đánh thuê được nuôi bằng tiền của Anh và Pháp. Y dựa lưng vào Extôni, sườn trái của y được Phần Lan che chở. Liên minh đòi hỏi hai đất nước đã được cách mạng giải phóng ấy phải trợ giúp nó để cứu hòng cách mạng. Ở Hendingphô [Helsingfors] cũng như ở Revan, những cuộc thương lượng tiếp nhau kéo dài vô tận, cân cân khi nghiêng về bên này, lúc ngả về bên kia. Chúng tôi lo ngại hai quốc gia nhỏ, đang làm thành hai gọng kìm thù địch trên đầu Pêtorôgorát.

Ngày 1 tháng Chín, mang tính chất một lời cảnh cáo, tôi viết những dòng sau trong tờ *Prápđa*:

Trong số những sự đoàn chúng tôi điều về mặt trận Pêtorôgorát lúc này, đội kỵ binh người Bắtsokia [Bachkies] không phải là đứng sau cùng và nếu bọn tư sản Phần Lan mưu toan đánh Pêtorôgorát, những người Bắtsokia sẽ tiếp tục tiến bước với khẩu hiệu "Chiếm Hendingphô!"

Sự đoàn kỵ binh người Bắtsokia mới được thành lập gần đây. Ngay từ đầu, tôi đã có ý muốn chuyển nó về Pêtorôgorát vài tháng, tạo điều kiện cho những con người của thảo nguyên được sống một thời gian trong môi trường văn minh thành thị, để họ đến gần với công nhân, lui tới các câu lạc bộ, các cuộc mít-tinh và các nhà hát. Kèm theo ý kiến đó, giờ đây còn một suy tính mới, cấp bách hơn: đó là ý kiến gây ra sự hoảng sợ cho giới tư sản Phần Lan bằng cách giơ cao cái bóng ma xâm lăng của người Bắtsokia đối với Phần Lan.

Tuy nhiên, những lời cảnh cáo của chúng tôi không có trọng lượng bằng các chiến thắng nhanh chóng của Iudênhích. Ngày 13 tháng Mười, y chiếm Luga [Louga]; ngày 16, y chiếm Corátxnôie Xêlô [Krassnoié Sélo] và Gáttrina [Gatchina], y điều động các lực lượng khác vào Pêtorôgorát và tìm cách chặn tuyến đường sắt Pêtorôgorát-Mátxcova. Ngày thứ mười của cuộc tấn công, Iudênhích đã vào đến Xáxcôie Xêlô (Đétxcôie [Dietskoié]). Từ những cao điểm, những lính kỵ binh tuần tiễu của y đã có thể nhìn thấy cái vòm mạ vàng của Nhà thờ lớn Thánh Isaac [Isaac].

Đi trước sự việc chưa xảy ra, đài vô tuyến truyền thanh Phần Lan tuyên bố quân Iudênhích đã chiếm được Pêtorôgorát. Những chính khách được ủy nhiệm của Liên minh ở Hendingphô chính thức loan báo các tin ấy về cho chính phủ họ. Tin Pêtorôgorát đổ thất thủ lan truyền khắp châu Âu, khắp thế giới. Một tờ báo Thụy Điển viết về "tuần lễ thế giới của con sóc thành Pêtorôgorát".

Giới thống trị của Phần Lan náo động nhất trong con sóc này. Không chỉ giới quân đội mà chính phủ cũng tán thành sự can thiệp. Không ai muốn để mất chiến lợi phẩm. Tất nhiên đảng Xã hội Dân chủ Phần Lan hứa hẹn sẽ giữ thái độ "trung lập". Một sử gia Bạch vệ viết: "Người ta chỉ còn bàn cãi vấn đề can thiệp về mặt tài chính". Họ chỉ cần đặt một khoản tiền ký thác là năm chục triệu phờ-răng: đó là giá máu của Pêtorôgorát trên thị trường chứng khoán của Liên minh.

Vấn đề Extôni cũng không kém phần bức thiết. Ngày 17 tháng Mười, tôi viết cho Lênin:

Nếu chúng ta giữ được Pêtorôgorát — đó là điều tôi tin tưởng — thì chúng ta sẽ có khả năng thanh toán triệt để đạo quân của Iudênhích. Cản trở duy nhất là Iudênhích sẽ được quyền cư trú ở Extôni. Nước Extôni phải khóa chặt biên cương trước sự xâm nhập của Iudênhích. Trong trường hợp ngược lại, chúng ta phải được quyền tràn vào Extôni để truy quét Iudênhích.

Đề nghị ấy được thông qua sau khi quân đội ta truy đuổi Iudênhích. Nhưng sự truy quét đó đã không diễn ra ngay lập tức.

Tôi nhận thấy một sự hoảng loạn cực độ diễn ra ở Pêtorôgorát. Tất cả đều tan rã. Các đạo quân của ta lui bước và tan thành từng mảnh vụn. Đội ngũ chỉ huy nhìn về phía các đảng viên, các đảng viên hướng về Dinôviép. Dinôviép lại là trung tâm hội tụ của sự bất lực. Xvéclốp bảo tôi:

— Bản thân Dinôviép là sự kinh hoàng...

Mà Xvéclốp là người hiểu rõ các đồng chí của mình hơn ai hết. Quả vậy, trong những giai đoạn thuận lợi, khi "chẳng có gì đáng lo ngại" như Lênin nói, Dinôviép rất dễ thăng lên chín tầng mây. Nhưng khi có gì trắc trở, anh thường nằm dài trên một chiếc ghế dài — không phải theo nghĩa bóng, mà theo nghĩa đích thực của từ này — và thờ dài thườn thượt. Kể từ năm 1917, tôi có dịp nhận thấy Dinôviép không bao giờ có thái độ đứng giữa: hoặc thăng lên chín tầng mây, hoặc nằm dài trên chiếc tràng kỷ. Lần này, tôi bắt gặp anh cũng trên chiếc tràng kỷ. Xung quanh anh cũng có những người đứng cảm, ví dụ như Lasêvích [Lachévitch]. Nhưng họ cũng nản chí, mất lòng tin. Nỗi kinh hoàng cuốn lấy mọi người và có thể cảm thấy điều đó ở mọi nơi. Từ điện Xmônneri, tôi gọi điện thoại điều một chiếc xe hơi ở nhà xe quân đội. Xe không đến đúng giờ đã định. Qua giọng nói của nhân viên thừa hành, tôi cảm thấy sự thờ ơ, vô vọng, tâm trạng

chấp nhận số phận đã tấn công cả đến những giai tầng dưới của bộ máy hành chính. Cần phải vận dụng những biện pháp đặc biệt vì quân thù đã đặt chân ở ngoài cửa ngõ thành phố. Như trong những trường hợp tương tự, bây giờ tôi cũng dựa vào đội ngũ nhân viên của đoàn tàu tôi. Tôi có thể tin tưởng vào những con người này trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Họ kiểm tra, gây áp lực, tạo ra những mối liên lạc, thể chân những kẻ vô dụng, lấp các lỗ hổng. Từ bộ máy chính thức đã đánh mất bộ mặt của nó, tôi tụt xuống hai hoặc ba tầng: tôi đi thăm đàng bộ các khu, các nhà máy, xí nghiệp, các trại lính. Với ý nghĩ chẳng bao lâu nữa, thể nào thành phố cũng lọt vào tay Bạch quân, không ai dám xuất đầu lộ diện. Nhưng khi trong các cơ sở dưới, mọi người cảm thấy chúng ta không giao nộp Pêtorôgorát và nếu cần thiết, chúng ta sẽ bảo vệ nó trong những cuộc giáp chiến trên các đường phố, quảng trường, thì bầu không khí đột nhiên thay đổi. Những người quả cảm và quên mình ngẩng đầu. Những phân đội nam và nữ, được vũ trang bằng thiết bị công binh, đổ dồn từ các nhà máy về thành phố. Công nhân Pêtorôgorát hồi đó có bộ dạng khốn khổ: đến nay tôi vẫn thấy trước mắt những bộ mặt bạc nhược, nhợt nhạt vì thiếu ăn, những bộ quần áo tồi tá, những đôi ủng thủng đẽ, thường là cộc cạch lê bộ.

— Chúng ta không để mất Pêtorôgorát chứ, các đồng chí?

— Không, không để mất!

Nhiệt tình đặc biệt cháy lên từ ánh mắt những người phụ nữ. Những người mẹ, người vợ, những cô gái không muốn xa rời tổ ấm gia đình vốn không mấy hấp dẫn của họ, nhưng dù sao cũng đã được sưởi ấm.

— Không, chúng ta không giao nộp thành phố! — những giọng nữ vang lên và những bàn tay họ lại nắm chặt cán xẻng như thể nắm khẩu súng.

Một số lớn phụ nữ biết sử dụng súng thật hoặc ngồi vào bên súng máy. Chúng tôi chia thành phố thành các khu, đặt dưới quyền chỉ đạo của các Ban Tham mưu công nhân. Các cứ điểm chiến lược quan trọng nhất được bao quanh bằng dây thép gai. Chúng tôi lựa chọn trước một số vị trí cho pháo binh và định trước những điểm cần nhắm. Trên các quảng trường và các ngã tư chính yếu, chúng tôi đặt gần sáu mươi cỗ pháo ở nơi trú ẩn. Chúng tôi củng cố các kênh đào, các công viên nhỏ, các tường nhà, các hàng rào và nhà cửa. Dọc các quận ngoại vi và dọc sông Nêva [Néva], chúng tôi đào chiến hào. Tất cả mặt phía Nam thành phố trở thành một pháo đài. Chúng tôi dựng chướng ngại vật trên đường phố và quảng trường. Một tinh thần mới từ những khu thợ lan đến các trại lính, các vùng hậu phương và các đạo quân ngoài trận tuyến.

Ludênhích chỉ còn cách Pêtorôgorát mười, mười lăm dặm, y đã đến những cao điểm ở đồi Puncôvô [Poulkovo], nơi tôi từng qua hai năm trước, khi cuộc cách mạng vừa mới toàn thắng đã phải chiến đấu chống các đạo quân của Kêrenxki và Corax nôp để tự bảo vệ mạng sống của mình. Nay, lại một lần nữa, số phận Pêtorôgorát treo đầu sợi tóc. Phải ngăn chặn đà tiến của quân địch, ngay lập tức và bằng bất cứ giá nào.

Trong nhật lệnh ngày 18 tháng Mười, tôi yêu cầu:

Không ai được viết các bài phóng sự dối trá, ví dụ biến những cuộc hoảng loạn thành những cuộc giao tranh kịch liệt. Truyền bá những tin tức sai sự thực cũng bị trừng phạt như tội phản bội. Trong thời chiến có thể xảy ra những sai lầm, nhưng không được nói sai, nói dối.

Cũng như bất cứ bao giờ vào những giờ phút khó khăn, tôi thấy cần thiết phải nói rõ sự thật trần trụi trước toàn đất nước và toàn quân đội. Tôi nêu ra trước dư luận sự thật về cuộc rút lui vô nghĩa ngày hôm đó:

Một đại đội của trung đoàn xạ thủ phát hoảng vì nghe tin vòng vây địch xuất hiện bên sườn. Trung đoàn trưởng hạ lệnh rút lui. Trung đoàn đã tháo chạy 8-10 cây số và lùi bước đến tận Alêchxandorôpca [Alexandrovka]. Sau khi kiểm tra mới vỡ ra rằng một đơn vị của ta đóng ở bên sườn trung đoàn này... Tuy nhiên, trung đoàn bỏ chạy ấy cũng không đến nỗi quá tồi. Khi vừa lấy lại được lòng tự tin, trung đoàn đã lập tức quay trở lại, họ vội vã rào bước, có khi còn chạy; mồ hôi đầm đìa, mặc dù trời lạnh giá, họ vẫn vượt được tám dặm một giờ, đuổi được kẻ thù có quân số ít ỏi khỏi các cứ điểm, chiếm lại các vị trí cũ mà chỉ bị tổn thất không đáng kể.

Trong câu chuyện nhỏ mọn này, lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong suốt cuộc chiến, tôi phải đóng vai trò một trung đoàn trưởng. Khi làn sóng những kẻ bỏ chạy gần tràn ngập tòa nhà Bộ Tham mưu ở Alêchxandorôpca, tôi nhảy lên con ngựa đầu tiên tôi gặp trên đường và bắt các toán quân ấy quay trở lại. Trong những khoảng khắc đầu, một sự lộn xộn không tả xiết ngự trị, không ai hiểu được điều gì xảy ra, nhiều người tiếp tục tháo chạy. Từ lưng ngựa, tôi bắt từng người một phải quay lại. Chỉ lúc đó tôi mới

nhận thấy Còđolóp [Kozlov] đang phi nước kiệu theo tôi, anh là lính liên lạc của tôi, một nông dân vùng ngoại ô Mátxcova, từng là cựu chiến binh thời Thế chiến. Anh hoàn toàn say sưa trước tình thế. Lăm lăm khẩu súng lục trong tay, anh chạy lên chạy xuống dọc theo các hàng lính, nhắc lại những lời kêu gọi của tôi, vung vẩy vũ khí và hét đến khản cổ:

— Đứng sợ, anh em, đồng chí Trótxki dẫn dắt chúng ta đây!

Giờ đây, cuộc tấn công cũng diễn ra với nhịp độ như việc rút chạy trước đó ít lâu. Không một người lính Hồng quân nào dừng lại phía sau. Được độ hai dặm thì tiếng đạn bay vù vù bên tai, kinh tởm, những người bị thương đầu tiên ngã xuống. Không còn nhận ra được trung đoàn trưởng nữa. Anh có mặt ở những nơi nguy kịch nhất và đến khi trung đoàn chiếm lại được những cứ điểm bị bỏ rơi, anh bị thương cả hai chân. Tôi trở về Bộ Tham mưu bằng xe tải. Dọc đường, chúng tôi đưa những thương binh lên xe. Kích thích đầu tiên đã được truyền đi. Tôi cảm thấy tự đáy lòng: chúng ta sẽ bảo vệ được Pêtorôgorát.

Ồ đây, có lẽ phải dừng lại ở một vấn đề mà ít nhất bạn đọc đã đặt ra hai lần, cụ thể là: một người đứng đầu toàn quân có quyền liêu lĩnh an toàn cá nhân trong những cuộc chiến đấu khu vực hay không? Câu trả lời của tôi là vấn đề này không có những qui luật mang tính tuyệt đối, cả trong hòa bình, cả trong chiến tranh. Tất cả đều phụ thuộc vào các tình huống. Trong các chuyến đi ngoài mặt trận của tôi, các sĩ quan đi cùng tôi thường nói: "Ồ những ngõ ngách như thế, ngày xưa ngay cả các sư đoàn trưởng cũng không lo mặt vào". Về vấn đề này, các nhà báo tư sản cho là tôi "tìm kiếm quang cáo", họ chuyển sang thứ ngôn ngữ để hiểu đối với họ những gì vượt quá tầm nhìn của họ.

Trong thực tế, những hoàn cảnh khi sáng lập Hồng quân, sự lựa chọn đội ngũ nhân sự và bản thân tính chất của cuộc nội chiến đòi hỏi cách xử sự ấy chứ không phải cách khác. Bởi lẽ phải làm lại tất cả: kỹ luật, kỹ năng tác chiến và uy tín của lãnh đạo quân sự. Đặc biệt là trong thời gian đầu, chúng tôi không có khả năng cung cấp cho quân đội mọi thứ cần thiết một cách có kế hoạch từ một trung tâm duy nhất. Cũng vậy, chúng tôi không thể khiến đạo quân được xây dựng vội vàng trong lửa đạn ấy có một đà tiến cách mạng chỉ bằng những thông tư và những lời kêu gọi trừu tượng. Trước mắt những người lính, cần phải giành được thứ uy tín ngay từ lúc đầu để ngày mai có thể minh chứng sự đòi hỏi nghiêm ngặt của Bộ Tổng tư lệnh đối với họ. Nơi nào không có truyền thống, ở đó cần phải nêu gương rõ ràng. Mạo hiểm cá nhân là phí tổn đầu tư không thể tránh khỏi trên con đường dẫn đến thắng lợi...

Phải lay động giới cán bộ chỉ huy đã hoang hốt trước những thất bại, khiến họ tỉnh táo lại, phải chinh đốn đội ngũ. Còn có những thay đổi lớn hơn nữa trong hàng ngũ chính ủy. Chúng tôi cất cử các đảng viên cộng sản đến tăng cường ở mọi đơn vị. Đôi lúc cũng có một số lực lượng mới được điều động đến. Các thiếu sinh quân được đưa ra tiền tuyến. Trong vòng hai ba ngày, chúng tôi đã chấn chỉnh được bộ máy tiếp tế hoàn toàn lỏng lẻo. Người lính Hồng quân được ăn uống no đủ, có quần áo lót để thay, có giày mới để đi, được nghe một vài bài nói chuyện, đã trở nên hào hứng, sáng khoái, định thần và trở thành những con người khác hẳn.

21 tháng Mười 1919 là ngày có tầm quyết định. Quân ta lùi đến tận các cao điểm ở Puncôvô. Tiếp tục lùi bước có nghĩa là chấp nhận cuộc chiến trong nội thành thủ đô. Cho đến lúc ấy, Bạch quân tiến bước mà chỉ gặp phải sự kháng cự không đáng kể. Ngày 21, quân ta cố thủ ở tuyến Puncôvô và đánh bật kẻ thù. Cuộc tấn công của địch bị chững lại. Iudênhích có thì giờ tập trung quân tiếp viện và củng cố đội ngũ. Cuộc chiến ngày một kịch liệt. Đến tối 23, chúng ta chiếm lại Đétxcôie Xêlô và Páplopxcôie [Pavlovsk]. Giữa chừng, láng giềng của chúng tôi, Tập đoàn quân thứ XV bắt đầu gây áp lực với kẻ thù từ phía Nam, họ ngày càng đe dọa hậu phương và phía hữu của Bạch quân. Một bước ngoặt diễn ra. Những đơn vị buồn phiền vì trước đây bị tấn công bất ngờ và bị thất bại nhiều lần, nay đua nhau chiến đấu quên mình và anh dũng. Số thương vong khá nhiều. Bộ chỉ huy Bạch quân khẳng định chúng tôi thiệt hại nhiều hơn họ. Có thể như thế: địch thủ giàu kinh nghiệm và lăm vũ khí hơn. Nhưng về phía chúng ta, cái hơn là tinh thần hy sinh. Những công nhân và nông dân trẻ tuổi, những thiếu sinh quân Mátxcova và Pêtorôgorát không nề hà tính mạng, họ dùng súng máy và súng lục tấn công xe tăng địch. Bộ Tham mưu Bạch quân viết về "sự điên rồ anh dũng" của Hồng quân.

Trong những ngày gần đó, hầu như tôi không thấy tù binh. Rất ít lính Bạch vệ trốn chạy sang phía chúng tôi. Bây giờ, số tù binh và lính Bạch vệ đào ngũ đột nhiên tăng vọt. Nhận thấy cuộc chiến ngày càng trở nên khốc liệt, ngày 24 tháng Mười tôi công bố một nhật lệnh như sau:

Bất cứ chiến sĩ nào giao đao với một tù binh hoặc một lính đào ngũ không vũ khí sẽ bị trừng trị nghiêm khắc.

Chúng tôi tiến bước. Người Extôni cũng như người Phần Lan đều không nghĩ đến chuyện can thiệp. Những lực lượng Bạch vệ bị đè bẹp phải rút lui đến tận biên giới Extôni trong vòng hai tuần, ở trạng thái hoàn toàn tan rã. Chính phủ Extôni tức vũ khí chúng. Ở Lônđôn cũng như ở Pari, không ai còn quan

tâm đến chúng. Nạn đói và băng giá mang đi cái mới ngày hôm qua còn được gọi là đạo quân "Tây-Bắc" của Liên minh. Mười bốn ngàn bệnh nhân bị dịch tả được đưa vào các lán trại của quân y viện dã chiến. "Tuần lễ thế giới của cơn sốt thành Pêtorôgorát" đã kết thúc như thế.

Sau này, bọn chỉ huy Bạch vệ cay đắng phản nản về đô đốc hải quân Anh Cowan: mặc dầu đã hứa hẹn, hình như ông ta không ủng hộ Bạch quân một cách thích đáng từ phía vịnh Phần Lan. Những lời ca cảm ấy ít nhất cũng quá đáng. Ba chiếc tàu phóng ngư lôi của chúng ta đã bị trúng mìn trong một chuyến đi đêm, cuốn xuống vực sâu 550 thùy thủ trẻ tuổi. Ít nhất cũng phải đưa điều này vào thành tích của thủy sư đô đốc Anh. Nhật lệnh tang lễ ngày hôm đó của lục quân và hải quân có nội dung như sau:

Các chiến sĩ Hồng quân!

Trên tất cả các mặt trận, chúng ta gặp phải những âm mưu thù địch của nước Anh. Các đội quân phản cách mạng nhả đạn vào chúng ta bằng vũ khí Anh. Trong các kho ở Sencuốcxơ [Schenkursk], Ônhêga [Onéga], ở mặt trận phía Nam và phía Tây, chúng tàng trữ quân nhu, đạn dược của Anh. Các tù binh chúng ta bắt được mặc quân phục Anh. Bằng thuốc nổ của Anh, lũ phi công Anh giết hại và gây thương tích cho phụ nữ và trẻ em ở Áckhanghenxơ và Axtorakhan. Tàu chiến Anh bắn phá bờ biển chúng ta...

Nhưng ngay cả bây giờ, trong cuộc chiến gay go chống Iudênhích, tên lính đánh thuê cho bọn Anh, tôi vẫn yêu cầu các đồng chí đừng bao giờ quên rằng có hai nước Anh. Bên cạnh nước Anh khát máu của lợi nhuận, của bạo lực, của sự đồi bại, còn tồn tại một nước Anh của lao động, của sức mạnh tinh thần, của những lý tưởng cao cả của tình đoàn kết quốc tế. Nước Anh tài phiệt đều căng và bất lương đang chống lại chúng ta. Nước Anh cần cù, nhân dân đứng về phía chúng ta. (*Nhật lệnh lục quân và hải quân*, ngày 24 tháng Mười 1919, số 159)

Trong trường hợp của chúng tôi, những nhiệm vụ giáo dục xã hội chủ nghĩa có liên hệ chặt chẽ với các nhiệm vụ chiến đấu. Những tư tưởng nhận thức được trong lửa đạn sẽ tồn tại bền chặt, vĩnh viễn với chúng ta.

Trong các vở bi kịch của Sếchxpia [Shakespeare], cái bi xen lẫn cái hài, bởi vì trong cuộc sống, cái cao cả phối hợp với cái nhỏ nhen và tầm thường.

Dinôviép, hồi đó đã ngồi dậy khỏi ghế tràng kỷ và đang leo lên tầng thiên đường thứ hai hoặc thứ ba, nhân danh Quốc tế Cộng sản chuyển cho tôi lời khen sau đây:

Bảo vệ Pêtorôgorát đó là thực hiện một nhiệm vụ vô giá cho giai cấp vô sản thế giới và do đó, cho Quốc tế Cộng sản. Vị trí hàng đầu trong cuộc chiến đấu vì Pêtorôgorát cố nhiên thuộc về đồng chí, đồng chí Trôtxki thân mến. Thay mặt Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, tôi chuyển đến đồng chí những lá cờ này, đề nghị đồng chí trao lại cho những đơn vị xứng đáng của Hồng quân vinh quang do đồng chí lãnh đạo. Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản: G. Dinôviép.

Tôi cũng nhận được những lời khen tương tự từ Xô-viết Pêtorôgorát, từ các công đoàn và những tổ chức khác. Tôi chuyển các lá cờ cho những trung đoàn, các thư ký của tôi xếp tập bằng khen vào kho lưu trữ. Chỉ rất lâu về sau này chúng mới bị rút ra khỏi đó, khi Dinôviép đòi giọng và bắt đầu hát những khúc ca hoàn toàn khác.

Ngày nay, khó mà tái tạo lại — và ngay cả hồi tưởng lại — sự hào hứng do chiến thắng ở Pêtorôgorát tạo ra. Hơn nữa, thắng lợi này còn trùng khớp với bước đầu của những thành công quyết định gặt hái được trên mặt trận phía Nam. Một lần nữa cách mạng lại ngẩng cao đầu. Trong mắt Lênin, đánh bại Iudênhích lại càng quan trọng hơn nữa vì vào giữa tháng Mười, ông vẫn coi điều đó là hoàn toàn không thể tưởng tượng được. Bộ Chính trị quyết định tặng tôi Huân chương Cờ đỏ vì công lao bảo vệ Pêtorôgorát. Quyết định ấy đặt tôi vào một tình thế rất khó xử. Tôi đã chấp nhận việc áp dụng hệ huân chương cách mạng mà không phải là không do dự: bởi lẽ cách đây không lâu, chúng ta vừa hủy bỏ các huân chương của chế độ cũ. Khi lập ra một huân chương mới, tôi nghĩ rằng đây sẽ là một nguồn động viên mới cho những người không nhận thức được đầy đủ chí hướng cách mạng của mình. Lênin ủng hộ ý kiến của tôi. Loại huân chương mới được chấp nhận. Ít ra là trong những năm ấy, huân chương đã được tặng cho những người có công lao chiến đấu trong lửa đạn. Bây giờ tôi được trao tặng huân chương. Tôi không thể từ chối mà không làm giảm giá trị tấm huân chương tôi đã bao nhiêu lần trao tặng cho người khác. Không còn gì

khác là phải cúi mình trước sự đánh giá tương trưng ấy.

Liên quan đến đây còn có một mẩu chuyện mà chỉ sau này tôi mới thực sự hiểu rõ. Cuối một phiên họp của Bộ Chính trị, Camênhép khá bối rối đưa ra một đề nghị, theo đó chúng tôi nên khen thưởng cả Xtalin nữa.

— Tại sao? — Calinhin hỏi bằng một giọng bất bình rất thật thà. — Tại sao lại thưởng Xtalin, tôi không hiểu.

Mọi người làm dịu sự bất mãn của ông ta bằng một câu bông đùa và đề nghị ấy được thông qua.

Trong lúc nghỉ giữa cuộc họp, Bukharin cúi kính với Calinhin:

— Đồng chí không hiểu à? Đây là sáng kiến của Ilích: Xtalin không chịu được nếu ông ta không có cái mà người khác có. Ông ấy sẽ không tha thứ điều đó.

Tôi hoàn toàn hiểu Lênin và trong thâm tâm, tôi đồng ý với ông.

Lễ trao huân chương được tổ chức với những nghi thức vô cùng trọng thể ở Nhà Hát lớn. Tôi đọc một bản báo cáo về tình hình quân sự trước phiên họp chung của các cơ quan lãnh đạo của Xô-viết. Cuối đoạn kê khai danh sách những người được khen thưởng, khi chủ tọa phiên họp đọc đến tên Xtalin, tôi cố vỗ tay. Tôi được hai, ba người không mấy tự tin ủng hộ. Một luồng gió thoáng lạnh lẽo và bờ ngõ lan khắp căn phòng, đặc biệt rõ ràng nếu so sánh với những tràng pháo tay hoan nghênh trước đó. Bản thân Xtalin — tỏ ra biết điều — đã không tham gia buổi lễ.

Tôi hài lòng hơn hết khi tập thể đoàn tàu chúng tôi được thưởng Huân chương Cờ đỏ. Nhật lệnh khen thưởng ra ngày 17 tháng Mười một nhần mạnh:

Trong cuộc chiến đấu anh dũng của Tập đoàn quân thứ VII, những cộng sự của đoàn tàu chúng ta đã tham gia rất xứng đáng trong những ngày từ 17 tháng Mười đến mừng 3 tháng Mười một. Các đồng chí Colighe [Kliger], Ivanốp [Ivanov] và Daxta [Zastar] đã ngã xuống trong cuộc chiến. Các đồng chí Porede [Prede], Đơraudin [Draudin], Purin, Trécnháp-xép [Tcherniavtsev], Cúpriêvích [Koupriévitch], Chexnhéc [Tesnek] bị thương. Các đồng chí Adamxôn [Adamson], Purin, Kixelít [Kiselis] bị giập xương... Tôi không kể tên những người khác bởi nếu thế phải nhắc đến tất cả. Trong bước ngoặt diễn ra ngoài trận tuyến, những chiến sĩ của đoàn tàu chúng ta ở vị trí hàng đầu.

Vài tháng sau, Lênin gọi điện cho tôi:

— Đồng chí đã đọc cuốn sách của Kiécđexốp [Kirdetsov] chưa?

Cái tên ấy không gọi cho tôi điều gì.

— Một tên Bạch vệ, kẻ thù. Y viết về cuộc tấn công của Iudênhích vào Pêtorôgorát.

Phải nói rằng nhìn chung, Lênin chăm chú theo dõi báo chí Bạch vệ hơn tôi nhiều.

Hôm sau, ông lại hỏi:

— Đồng chí đã đọc chưa?

— Tôi chưa.

— Đồng chí muốn tôi gửi nó cho đồng chí không?

Chắc chắn tôi phải có cuốn sách đó vì cả hai chúng tôi đều nhận được những sách báo mới từ

Béclin.

— Thế nào đồng chí cũng phải đọc chương cuối, trong đó có lời đánh giá của kẻ thù. Đồng chí cũng được nhắc đến ở đó...

Rốt cục tôi không có thì giờ để động tới cuốn sách.

Kỳ lạ thay, gần đây cuốn sách lại rơi vào tay tôi ở Cônxtantinốp [Konstantinople]. Tôi nhớ lại Lênin đã kiên trì nài nỉ tôi đọc chương cuối như thế nào.

Sau đây là nhận định của kẻ thù — một bộ trưởng của Iudênhích —, đã được Lênin rất lưu ý:

Ngày từ 16 tháng Mười, Trótxki đã vội vàng đến mặt trận Pêtorôgorát và với nghị lực sục sôi, ông ta làm thay đổi sự bất lực của Bộ Tham mưu đỏ. Vài giờ trước khi mất Gáttrina, ông còn cố chặn đứng cuộc tấn công của Bạch quân, nhưng khi thấy điều đó là vô vọng, ông ta vội vã rời thành phố để tổ chức phòng thủ Xáxcôie. Các đơn vị tiếp viện đáng kể còn chưa đến, nhưng ông ta đã tập trung tất cả các thiếu sinh quân ở Pêtorôgorát, huy động toàn thể dân cư nam của thành phố, dùng súng máy (?) lùa mọi đơn vị Hồng quân trở lại các cứ điểm; bằng những biện pháp kiên quyết, ông ta đã đặt mọi nẻo đường về Pêtorôgorát vào trạng thái phòng thủ... Ngay trong lòng

Pêtorôgorát, Trótxki đã tổ chức thành công những đơn vị công nhân đảng viên có ý chí vững vàng và tung họ vào cuộc chiến trần trụi. Theo bài học của Bộ Tham mưu Iudênhích, chính những đơn vị ấy — chứ không phải (?) lực lượng Hồng quân chủ lực —, và những tiểu đoàn lính thủy cùng các thiếu sinh quân đã chiến đấu dũng mãnh như sư tử. Họ xông lên trước xe tăng với lưỡi lê tuốt trần, ngã xuống hàng loạt trong làn đạn lửa hủy diệt của những con quái vật bằng thép, vậy mà họ vẫn kiên trì bảo vệ các vị trí.

Không ai dùng súng máy để lừa các chiến sĩ Hồng quân. Nhưng rốt cục, chúng tôi đã bảo vệ được Pêtorôgorát.

CHƯƠNG XXXVI

PHE ĐỐI LẬP QUÂN SỰ

Vấn đề cơ bản để thiết lập thành công Hồng quân là mối quan hệ đúng đắn giữa giai cấp vô sản và nông dân. Sau này, năm 1923, người ta bịa đặt ra câu chuyện hoang đường ngu xuẩn rằng tôi "đánh giá thấp" giai cấp nông dân. Sự thực, từ năm 1918 đến 1921, hơn ai hết tôi đã từng có quan hệ gần gũi và trực tiếp với nông dân Nga và đã từng có dịp khảo cứu về vấn đề nông thôn Nga: quân đội đa phần được xây dựng từ giai cấp nông dân và hoạt động trong môi trường nông thôn. Tôi không có điều kiện dừng lại ở vấn đề có tầm quan trọng lớn lao này, chỉ xin trình bày một cách dễ hiểu những điều tôi muốn nói bằng hai, ba ví dụ nhỏ, nhưng tương đối rõ rệt.

Ngày 22 tháng Ba 1919, tôi yêu cầu Ban Trung ương qua đường dây trực tiếp:

Cần phải giải quyết vấn đề xét lại Ban Chấp hành Trung ương vùng ven sông Vônga. Nhân danh Ban Trung ương, phải chỉ định một ủy ban có thẩm quyền. Nhiệm vụ của ủy ban này là duy trì niềm tin của giới nông dân vùng ven sông Vônga vào chính quyền Xô-viết trung ương, loại trừ những vi phạm luật lệ quá trớn ở địa phương và trừng phạt những đại diện có nhiều tội lỗi nhất của chính quyền Xô-viết, thu thập những đơn khiếu nại và những tư liệu có thể dùng làm cơ sở cho các sắc lệnh biểu thị sự bênh vực quyền lợi của giới trung nông.

Xin lưu ý — và điều này không phải là vô ý nghĩa — cuộc nói chuyện kể trên được tôi tiến hành qua đường dây trực tiếp với Xtalin và tôi giải thích với chính ông ta tầm quan trọng của vấn đề trung nông. Cũng trong trong năm 1919 đó, theo đề nghị của tôi, Calinhin đã được bầu làm chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương với lý do ông ta gần gũi với các trung nông và hiểu rõ những nhu cầu của họ. Nhưng sự kiện quan trọng hơn nhiều là tôi từng có dịp xem xét đời sống nông dân vùng Uran và qua đó, ngay từ tháng Hai năm 1920 tôi đã kiên trì đòi hỏi phải chuyển sang một chính sách kinh tế mới. Trong Ban Trung ương, tôi chỉ được bốn phiếu ủng hộ trên mười một phiếu chống. Hồi đó Lênin chống lại sự xóa bỏ trung thu cưỡng bức và ông không khoan nhượng trong việc này. Xtalin cố nhiên bỏ phiếu chống lại tôi. Chúng tôi chỉ chuyển sang đường lối kinh tế mới sau đó một năm, lúc ấy mọi người nhất trí thông qua quyết định này, nhưng là do áp lực của cuộc bạo loạn Corônstát và trong bầu không khí đe dọa nguy trị trong quân đội.

Trong những năm tiếp theo, hầu hết — nếu không phải là tất cả — những vấn đề mang tính nguyên tắc và những khó khăn được đặt ra trước hết trong lĩnh vực quân sự, hơn nữa, dưới một hình thức hết sức tập trung. Trong vấn đề đó, thường thường chúng ta không được phép trì hoãn. Những sai lầm gần liền với sự trừng phạt tức thời. Tuy nhiên, chống lại những quyết định trên, phe đối lập đã thử thách giá trị bản thân tại chỗ và trong thực tế. Từ đó, về đại thể, xuất phát cái luận lý nội tại của việc xây dựng Hồng quân, tránh được những sai lầm giữa các phương thức khác biệt. Giả thử có nhiều thời gian hơn để nghiên ngẫm và tranh luận, chắc hẳn chúng ta còn phạm phải nhiều sai lầm hơn.

Thế mà cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng có lúc rất gay go. Làm sao có thể khác được? Công việc quá mới mẻ và những khó khăn cũng quá lớn lao.

Quân đội cũ còn rải rác trên toàn quốc, reo rắc lòng căm thù chiến tranh ở mọi nơi, vậy mà chúng ta đã phải thành lập những trung đoàn mới. Những sĩ quan Nga hoàng bị tống cổ khỏi quân đội cũ, ở một số

nơi người ta còn thanh toán họ một cách vô cùng tàn bạo. Cùng lúc đó, chúng ta buộc phải mời các sĩ quan Nga hoàng làm công tác huấn luyện trong quân đội mới. Trong các trung đoàn cũ, những ủy ban quân đội được coi là hiện thân của cuộc cách mạng, ít nhất là trong giai đoạn đầu. Trong các trung đoàn vừa được thành lập, chúng ta không thể chấp nhận thứ "ủy ban" này, được coi là yếu tố khởi đầu của sự tan rã. Những lời nguyện rủa kỹ luật cũ chưa ngót thì chúng ta đã phải bắt đầu thiết lập một kỹ luật mới. Từ chế độ tự nguyện, trong thời gian ngắn chúng ta đã phải chuyển sang thể chế tuyển quân bắt buộc, những đơn vị dân quân được biến thành một tổ chức quân sự chuẩn mực. Ngày lại ngày, chúng tôi đấu tranh liên tục chống lại những phương pháp du kích và cuộc đấu tranh này đòi hỏi sự kiên trì tuyệt đối, nhất thiết không thể lay chuyển, đôi khi phải dùng đến những biện pháp kỹ luật khắc nghiệt. Tinh thần du kích hỗn độn biểu hiện mặt trái của nông dân cách mạng. Như thế, cuộc đấu tranh chống lễ thói dân quân du kích đồng thời cũng là cuộc chiến đấu cho một nhà nước vô sản, đối lập với những thể lực tiểu tư sản tan rã mang tính vô chính phủ, tự phát. Tuy nhiên, những phương pháp và lễ thói du kích đã xâm nhập vào cả hàng ngũ đảng.

Trong những vấn đề quân sự, phe đối lập đã hình thành ngay từ những tháng đầu tiên của quá trình tổ chức Hồng quân. Các luận đề chính yếu của phe này có thể tóm tắt trong sự duy trì hệ thống chọn lựa, họ bảo vệ nguyên tắc bầu ra thủ trưởng, bác bỏ việc sử dụng các chuyên gia, phản đối việc thiết lập kỹ luật sắt và tập trung hóa quyền lực quân đội v.v... Phe đối lập cố tìm cho họ một cách diễn đạt lý thuyết tổng quát. Họ khẳng định: một quân đội được tập trung hóa là quân đội của nhà nước đế quốc. Cuộc cách mạng chẳng những phải khước từ chiến tranh chiến hào, mà còn phải thanh toán quân đội tập trung. Cách mạng hoàn toàn được xây dựng trên tính linh hoạt, trên đòn tập kích táo bạo và trên khả năng vận hành. Sức chiến đấu của nó nằm trong các đơn vị độc lập, có quân số nhỏ, phối hợp đủ các binh chủng, không phụ thuộc vào một căn cứ, mà dựa vào cảm tình của quần chúng, đột kích tự do vào hậu phương địch v.v... Tóm lại, họ coi chiến thuật *chiến tranh nhỏ* là chiến thuật của cách mạng. Tất cả những thứ đó vô cùng trừu tượng và xét đến cùng, nó lý tưởng hóa các nhược điểm của chúng ta. Những kinh nghiệm nội chiến thật nghiêm chỉnh chẳng mấy chốc đã phủ nhận những định kiến đó. Những ưu điểm về mặt tổ chức và chiến lược tập trung – so với sự ứng biến địa phương chủ nghĩa, với tư tưởng ly khai và tư tưởng liên bang trong quân đội — đã bộc lộ rất nhanh chóng và rất rõ rệt trong thực tế chiến đấu.

Hàng ngàn, sau này có hàng vạn cựu sĩ quan chuyên nghiệp đã phục vụ trong Hồng quân. Trong số họ, nhiều người — theo chính lời họ — hai năm trước còn coi những người tự do ôn hòa là những nhà cách mạng; còn những người bôn-sê-vich chỉ tồn tại đối với họ trong một không gian bốn chiều nào đó. Tôi viết để chống lại phe đối lập:

Quả thực chúng ta có quan điểm khá tồi tệ về bản thân và về đảng, về sức mạnh tinh thần của lý tưởng chúng ta, về sức hấp dẫn của đạo đức cách mạng chúng ta, nếu chúng ta cho rằng chúng ta không thể lôi kéo về phía chúng ta hàng ngàn, hàng vạn chuyên gia, trong đó có các chuyên gia quân sự.

Cuối cùng chúng tôi đã thành công, mặc dù không phải không có những khó khăn và va chạm.

Các đảng viên cộng sản làm quen với công tác quân sự khá khó khăn. Cần phải có một sự lựa chọn những nhân sự thích hợp và huấn luyện họ. Tháng Tám 1918, từ Cadan tôi đánh điện cho Lênin:

Các đồng chí hãy điều đến đây những đảng viên cộng sản biết tuân thủ, chịu đựng thiếu thốn và sẵn sàng hy sinh. Ở đây không cần những tuyên truyền viên nhẹ ký.

Một năm sau, ở Ucoraina, nơi trạng thái vô chính phủ rất phổ biến ngay cả trong hàng ngũ đảng, tôi viết trong nhật lệnh gửi Tập đoàn quân thứ XIV:

Để cảnh cáo, tôi xin tuyên bố rằng mỗi người cộng sản được đảng phân vào hàng ngũ quân đội — do đó trở thành một người lính Hồng quân, có những quyền lợi và nghĩa vụ như bất cứ mọi chiến sĩ Hồng quân khác. Những đảng viên cộng sản bị bắt quả tang vi phạm lỗi lầm hoặc tội ác trong khi thừa hành bổn phận người lính cách mạng sẽ bị trừng phạt bằng hai, bởi lẽ điều có thể tha thứ cho một người đốt nát, vô ý thức, lại không thể tha thứ được đối với thành viên một đảng đứng đầu giai cấp công nhân thế giới.

Rõ ràng trong lĩnh vực này, xuất hiện không ít hiểm khích và không thiếu những kẻ bất mãn.

Thuộc phe đối lập quân sự, ví dụ có Piatacốp [Piatakov], hiện nay là giám đốc Ngân hàng Quốc gia. Nói chung, anh gia nhập vô số phe phái đối lập để rồi cuối cùng trở thành một viên chức. Cách đây ba bốn năm, khi Piatacốp còn cùng với tôi thuộc một nhóm đối lập, tôi tiên đoán bông đùa với anh: trong trường hợp một cuộc đảo chính bô-na-pác-tít xảy ra thì ngày hôm sau, anh vẫn cấp cấp và đến cơ quan như

thường lệ. Bây giờ, nghiêm chỉnh hơn, tôi phải nói thêm rằng nếu việc đó không xảy ra cũng chỉ bởi không còn cần thiết đến một cuộc đảo chính bô-na-pác-tít nữa. Nói một cách khác, hoàn toàn không phải lỗi của Piatacốp.

Ở Ucoraina, Piatacốp có ảnh hưởng đáng kể và không phải ngẫu nhiên, vì anh là một nhà máy-xít có trình độ khá, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, và rõ ràng là một nhà quản lý giàu ý chí. Trong những năm đầu, Piatacốp còn có nghị lực cách mạng, tuy nhiên nghị lực ấy nhanh chóng suy thoái thành thứ bảo thủ quan liêu. Piatacốp có những tư tưởng nửa vô chính phủ trong vấn đề xây dựng quân đội — tôi đấu tranh với anh bằng cách giao ngay cho anh một trọng trách, buộc anh phải chuyển từ lời nói sang hành động. Phương pháp này không mới, nhưng không thể thay thế được trong nhiều trường hợp. Chẳng mấy chốc, lối suy nghĩ của nhà quản lý trong anh gọi cho anh phải sử dụng những phương pháp mà anh đã công kích bằng lời nói.

Những biến đổi ý kiến đột ngột như thế thường hay xảy ra. Các phần tử xuất sắc nhất của phe đối lập quân sự ít lâu sau lại tham gia công tác. Đồng thời, tôi đề nghị những kẻ ngoan cố nhất hãy thành lập theo ý họ một vài trung đoàn tôi đảm bảo cho họ mọi nguồn phương tiện cần thiết. Chỉ độc một chính phủ vùng Vônga nhận lời thách thức và lập ra một trung đoàn, thực ra về căn bản chẳng khác gì những trung đoàn khác. Hồng quân giành thắng lợi trên mọi mặt trận và phe đối lập rút cục trở thành con số không.

Trong Hồng quân và trong phe đối lập quân sự, vụ Xarixun [Tsaritsyne] chiếm một vị trí đặc biệt: ở đó, bộ chỉ huy quy tụ quanh Vôrôsilốp [Vorochilov]. Tại đây, đứng đầu các đơn vị cách mạng đa phần là những cựu hạ sĩ quan xuất thân nông dân vùng Bắc Cápcadơ. Mâu thuẫn đối kháng giữa những người Côđac và nông dân đã khiến cuộc nội chiến trở nên vô cùng ác liệt trong các vùng thảo nguyên miền Nam. Cuộc chiến huynh đệ tương tàn lan ra mọi làng bản và gây ra cuộc thảm sát toàn bộ các gia đình. Đây là một cuộc chiến thuần túy nông dân, bắt rễ tại địa phương; trên phương diện tàn ác của những người mục-gích, nó còn kinh khủng hơn nhiều so với cuộc đấu tranh cách mạng diễn ra tại các vùng quê khác của đất nước. Cuộc chiến ấy đã tạo ra nhiều chiến sĩ du kích giàu kinh nghiệm tác chiến, họ điều khiển xuất sắc những vụ đụng độ ở mức địa phương, nhưng thường tỏ ra không thích hợp khi phải giải quyết những nhiệm vụ quân sự tầm cỡ lớn hơn.

Tiểu sử Vôrôsilốp nói ông ta là một nhà công nhân cách mạng đã từng trải qua những cuộc đình công, hoạt động bất hợp pháp, tù tội, đầy ải. Nhưng cũng như nhiều người khác thuộc tầng lớp lãnh đạo hiện nay, Vôrôsilốp chỉ là một nhà dân chủ cách mạng quốc gia xuất thân là công nhân, không hơn không kém. Điều đó trở nên dễ nhận thấy, thoạt đầu trong thời chiến tranh đế quốc, sau đó, trong cách mạng tháng Hai. Trong các tiểu sử chính thức của Vôrôsilốp, giai đoạn 1914-1917 là một khoảng trống rộng hoác, tương tự như tiểu sử đa số các lãnh tụ hiện nay. Bí ẩn của khoảng trống ấy là ở chỗ trong chiến tranh, đại đa số những con người này có tư tưởng vệ quốc và đình chỉ sự nghiệp cách mạng. Sau khi cách mạng tháng Hai thắng lợi, cũng như Xtalin, Vôrôsilốp ủng hộ chính phủ Gutrocốp-Miliucốp từ cánh tả. Đó là những nhà dân chủ cách mạng quốc gia triệt để nhưng không hề là những người theo chủ nghĩa quốc tế. Chúng ta có thể đặt ra một nguyên tắc: những người bôn-sê-vích theo tư tưởng vệ quốc trong chiến tranh và trở thành dân chủ vào bước ngoặt tháng Hai, hiện tại là tín đồ chủ nghĩa xã hội quốc gia kiểu xta-lin-nít. Vôrôsilốp cũng không ngoại lệ.

Mặc dù trong số những công nhân vùng Luganxki [Louga], Vôrôsilốp xuất thân từ giai tầng trên được ưu đãi nhưng xét về các thói quen và sở thích của ông ta, ta thấy rằng ông ta giống như một tiểu chủ hơn là một người vô sản. Sau biến cố tháng Mười, cố nhiên ông trở thành trung tâm của phe đối lập quân đội, gồm những hạ sĩ quan và du kích quân, chống lại tổ chức quân sự tập trung, vốn đòi hỏi những kiến thức quân sự và tầm nhìn rộng rãi hơn. Phái chống đối ở Xarixun đã hình thành như vậy.

Trong nhóm của Vôrôsilốp, người ta tỏ thái độ ác cảm đối với những nhà chuyên môn, những viện sĩ quân sự, những bộ tham mưu lớn ở Mátxcova. Nhưng bởi lẽ các thủ lĩnh du kích không có những kiến thức về quân sự, mỗi vị đều có trong tay một "chuyên gia" kém họ một bậc, cố bám lấy địa vị của mình, gạt ra ngoài những người tài năng hơn và hiểu biết hơn. Các lãnh tụ quân sự ở Xarixun đối xử với Bộ Tư lệnh Xô-viết phía Nam không tốt hơn mấy so với bọn Bạch vệ. Quan hệ của họ với trung tâm ở Mátxcova chỉ giới hạn trong những đòi hỏi tiếp viện thường xuyên. Chúng tôi không có chút lực lượng dự bị nào. Tất cả những gì làm được trong các công xưởng đều được chuyển ngay cho quân đội. Không đạo quân nào "ngón" nhiều súng ống và đạn dược như đạo quân ở Xarixun. Vừa mới bị từ chối lần đầu, Xarixun đã bắt đầu la lối về sự phân bội của các nhà chuyên môn ở Mátxcova. Một đặc phái viên của đạo quân Xarixun — anh lính thủy Givôđô [Jivoder] — thường cư trú ở Mátxcova để bôn rút tiếp viện từ chúng tôi. Khi chúng tôi rải cái lưới kỷ luật một cách chặt chẽ hơn, Givôđô trở thành tướng cướp. Rồi hình như anh ta bị bắt và bị xử bắn.

Xtalin sống nhiều tháng ở Xarixun. Ông ta kết hợp những mưu mô trong hậu trường nhằm chống tôi — ngay từ hồi đó, đây đã là nét cơ bản trong hoạt động của Xtalin — với sự chống đối ấu trĩ của

Vôrôsilốp và những bạn chiến đấu gần gũi nhất của Vôrôsilốp. Cố nhiên Xtalin đứng ở vị trí thế thủ để có thể nhảy lùi về phía sau vào bất cứ khoảng khắc nào.

Hàng ngày, các vị tổng tư lệnh tối cao và chỉ huy mặt trận phải kêu ca về Xarixun: không mệnh lệnh nào được thực hiện, không thể hiểu người ta làm gì ở đó, không thể có một hồi âm cho câu hỏi đặt ra. Lênin lo lắng theo dõi sự tiến triển của cuộc xung đột đó. Ông hiểu rõ Xtalin hơn tôi và chắc chắn là ông ngờ rằng lý do sự ngoan cố của những người ở Xarixun là "hoạt động" sau hậu trường do Xtalin "đạo diễn". Không thể duy trì mãi tình thế ấy. Tôi quyết định lập lại trật tự ở Xarixun. Sau một mâu thuẫn mới của Bộ Tư lệnh với nhóm Xarixun, tôi đề nghị triệu hồi Xtalin. Điều này được diễn ra qua trung gian Xvéclốp, anh đích thân đi tìm Xtalin trên chuyến tàu đặc biệt. Lênin muốn giảm thiểu sự xung đột và tất nhiên ông có lý. Nhưng tôi hoàn toàn không để tâm đến Xtalin. Năm 1917, ông ta vụt qua trước mắt tôi như một hình bóng mờ nhạt. Trong ngọn lửa đấu tranh, lắm khi đơn thuần tôi quên mất sự hiện diện của ông ta. Quân đội ở Xarixun là điều quan trọng hơn. Tôi cần một cánh tả đáng tin cậy ở mặt trận phía Nam. Tôi đến Xarixun để đạt được kết quả ấy bằng mọi giá. Xvéclốp gặp tôi ở giữa đường. Anh thận trọng gạn hỏi về những ý định của tôi rồi đề nghị tôi nói chuyện với Xtalin, lúc ấy Xtalin đang trở về cùng toa xe với anh.

— Chẳng lẽ đồng chí muốn đuổi tất cả bọn họ đi? — Xtalin hỏi tôi bằng một giọng nhẵn nhụi trông thấy. — Đó là những chàng trai tốt.

— Những chàng trai tốt ấy sẽ làm cho cuộc cách mạng thất bại, bởi cách mạng không thể chờ đợi họ trưởng thành khỏi thời thơ ấu. Tôi chỉ muốn một điều: tái sát nhập Xarixun vào nước Nga-Xô-viết.

Vài giờ sau tôi gặp Vôrôsilốp. Nổi hoang hốt bao trùm Bộ Tham mưu. Ai đó tung tin Trótxki mang chổi và đưa hai chục tướng Nga hoàng đến để thay thế các thủ lĩnh du kích, phải nói thêm là những người này khi nghe tin tôi đến đã tự phong mình thành các trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng và sư đoàn trưởng. Tôi đặt một câu hỏi cho Vôrôsilốp: anh có suy nghĩ gì về các mệnh lệnh của tư lệnh mặt trận và tổng tư lệnh? Ông ta thú nhận thẳng thừng: Xarixun chỉ thấy cần thực hiện những mệnh lệnh mà họ cho là đúng đắn. Thật quá đáng! Tôi tuyên bố nếu ông không cam kết thực thi chính xác và vô điều kiện những nhiệm vụ tác chiến, ngay tức thì tôi sẽ cho lính áp tải ông về Mátxcova và đưa ra trước tòa án binh.

Tôi không phải cách chức ai sau khi đã được họ hứa một cách hình thức là họ sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh.

Đa số các đảng viên cộng sản trong đạo quân ở Xarixun ủng hộ tôi một cách có ý thức, chứ không vì sợ hãi. Tôi đi thăm tất cả các đơn vị, tỏ thái độ nhã nhặn đối với những du kích quân và thuyết phục họ đứng về phía tôi. Trong số đó có nhiều chiến sĩ tuyệt vời, chỉ cần họ được chỉ huy đúng đắn. Tôi trở về Mátxcova với những kết quả như thế.

Trong tất cả sự việc này, trong tôi không hề có chút dấu vết của sự thiên vị hay hiềm khích cá nhân. Thường thường tôi cho rằng những lý do cá nhân không bao giờ có một vai trò gì trong sự nghiệp chính trị của tôi. Nhưng trong cuộc đấu tranh vĩ đại mà chúng tôi đang tiến hành, việc được thua quá lớn để tôi có thể bận tâm đến bên này, bên kia. Và nhiều lúc, hầu như ở mỗi bước tiến, tôi lại phải dẫm lên mặt yếu của những thành kiến, tình bạn hoặc tính tự ái cá nhân. Xtalin thu nhặt cẩn thận những người có những mặt yếu bị dẫm lên. Ông ta có đủ thì giờ và lý do quyền lợi cá nhân để làm việc đó. Từ đó trở đi, ban lãnh đạo tối cao Xarixun trở thành một trong những công cụ chính của ông. Lênin vừa lâm bệnh, thông qua trung gian là những đồng minh của ông, Xtalin đã thực hiện được việc đổi tên Xarixun thành Xtalingorát [Stalingrad]. Quảng đại quân chúng hỏi ấy còn chưa hiểu cái tên ấy có nghĩa là gì. Và nếu ngày nay Vôrôsilốp là ủy viên Bộ Chính trị thì lý do duy nhất chỉ là — tôi không thể nghĩ đến một lý do nào khác — năm 1918, tôi đã buộc ông ta phải quy phục bằng cách dọa áp tải ông ta về Mátxcova.

Tôi cho rằng không phải vô ích nếu tôi minh họa những tình tiết của công tác quân sự — hay nói đúng hơn, cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng liên quan đến công tác này — vừa được nhắc tới ở trên bằng vài trích đoạn thư từ của đảng từ thời này và chưa hề được công bố ở đâu.

Ngày 4 tháng Mười 1918, từ Tambóp [Tambov], tôi nói với Lênin và Xvéclốp qua đường dây trực tiếp:

Tôi cương quyết yêu cầu triệu hồi Xtalin. Tình thế ở mặt trận Xarixun không thuận lợi, mặc dù ta có lợi thế về lực lượng. Tôi giữ đồng chí ấy (Vôrôsilốp) làm chỉ huy Tập đoàn quân (Xarixun) thứ X với điều kiện đồng chí ấy phục tùng tư lệnh mặt trận phía Nam. Cho đến hôm nay, các thủ lĩnh ở Xarixun vẫn chưa thèm gửi những báo cáo chiến sự đến Côđolốp. Tôi đã buộc họ phải báo cáo hai lần mỗi ngày cho chúng tôi biết về hoạt động và công tác tình báo của họ. Nếu lệnh này không được thi hành vào ngày mai, tôi sẽ đem Vôrôsilốp ra tòa án binh và đưa sự việc ra trước toàn quân bằng nhật lệnh. Tôi cho họ một thời hạn ngắn ngủi để khởi quân tấn công, trước

những cơn mưa mùa thu khiến cả bộ binh lẫn kỵ binh không thể hành quân được ở đây. Không có thì giờ để mở những cuộc đàn phán tế nhị.

Xtalin bị triệu hồi. Lênin biết quá rõ rằng tôi làm việc này chỉ vì những suy tính khách quan. Đồng thời, cố nhiên xung đột là mối lo ngại lớn đối với ông và ông cố dàn xếp mối quan hệ của chúng tôi. Ngày 23 tháng Mười, Lênin viết về Balasốp cho tôi:

Hôm nay Xtalin vừa đến, đồng chí ấy đưa tin về ba chiến thắng lớn của quân ta ở Xarixum. (Những "chiến thắng" ấy kỳ thực chỉ mang tính tiêu tiết — L.T.) Xtalin đã thuyết phục Vôrôsilốp và Minhin [Minine] — coi họ là những đồng sự rất quý báu và không thể thay thế được —, yêu cầu họ đừng rời vị trí và hãy tuân thủ tuyệt đối những mệnh lệnh của trung ương. Theo đồng chí ấy, có lẽ lý do duy nhất khiến họ bất mãn là bộ phận tiếp viện đạn dược quá chậm trễ hoặc hoàn toàn không đến, hậu quả là đạo quân Cápcadơ — gồm hai chục vạn binh lính tinh thần rất tốt — có nguy cơ bị tiêu vong. (Chẳng bao lâu, đạo quân địa phương ấy tan tác bởi một đòn tấn công duy nhất, chứng tỏ nó hoàn toàn không có sức chiến đấu — L.T.)

Xtalin rất mong muốn được làm việc ở mặt trận phía Nam... Đồng chí ấy tin rằng bằng công việc, đồng chí có thể chứng minh tính đúng đắn của quan điểm của mình... Lép Davidôvich, tôi chuyển đến đồng chí lời bày tỏ ấy của Xtalin, đề nghị đồng chí suy nghĩ kỹ và cho tôi biết đồng chí có vui lòng đích thân làm sáng tỏ mọi vấn đề với Xtalin hay không — để làm việc ấy, Xtalin tỏ ra sẵn sàng đến chỗ đồng chí —, mặt khác, cạnh những điều kiện cụ thể đã hay biết, đồng chí thấy có thể phòng ngừa được không những bất hòa trước đây và đề ra một tiến trình làm việc chung, điều mà Xtalin rất mong muốn? Về phần tôi, tôi cho rằng đồng chí phải hết sức cố gắng để tổ chức làm việc chung với Xtalin. Lênin.

Hội âm của tôi chứng tỏ tôi hoàn toàn sẵn sàng và Xtalin được cử làm thành viên Hội đồng Quân sự Cách mạng của mặt trận phía Nam. Nhưng đáng tiếc là thỏa hiệp ấy đã không có kết quả. Ở Xarixum, không hề có chút chuyển biến nào. Ngày 14 tháng Chạp, từ Cuôcxơ, tôi đánh điện cho Lênin:

Không thể giữ Vôrôsilốp ở vị trí hiện nay, sau khi đồng chí ấy đã vô hiệu hóa mọi cố gắng thỏa hiệp. Phải điều động đến Xarixum một Hội đồng Quân sự Cách mạng mới và một tổng tư lệnh mới, còn Vôrôsilốp phải được điều về Ucoraina.

Đề nghị của tôi được chấp nhận, không ai phản bác. Nhưng tình thế ở Ucoraina cũng không khá hơn. Hơn nữa, trạng thái vô chính phủ ở đó cũng đã ngăn trở công tác quân sự có hiệu quả. Sự chống đối của Vôrôsilốp, sau lưng vẫn là Xtalin như trước, hoàn toàn khiến công việc không thể tiến hành được.

Ngày 10 tháng Giêng 1919, từ ga Goriadi [Griazi] tôi điện cho Xvéclốp, lúc đó là chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương liên Nga:

Tôi tuyên bố một cách dứt khoát nhất rằng không thể chấp nhận được đường lối Xarixum — đã từng gây nên sự sụp đổ toàn diện cho quân đội ở Xarixum — tại Ucoraina... Đường lối Xtalin, Vôrôsilốp và đồng bọn sẽ làm đổ vỡ tất cả... Trótxki.

Đứng quan sát đường lối những người ở Xarixum từ xa, Lênin và Xvéclốp vẫn chưa từ bỏ hi vọng về một thỏa hiệp. Rất tiếc là tôi không còn giữ bức điện của họ. Ngày 11 tháng Giêng tôi trả lời Lênin:

Thỏa hiệp dĩ nhiên là cần thiết, nhưng không phải thứ thỏa hiệp thối nát. Về đại thể, cả nhóm Xarixum đã tụ tập ở Khácôp... Tôi cho rằng che chở Xtalin đối với đường lối Xarixum là một vết loét nguy hiểm nhất, còn tệ hơn mọi sự phân bội của các chuyên gia quân sự... Trótxki.

"Cần có thỏa hiệp, nhưng không phải thứ thỏa hiệp thối nát". Bốn năm sau, Lênin nói lại với tôi câu nói này, hầu như đúng từng chữ một, cũng về Xtalin. Chuyện này xảy ra trước Đại hội XII. Lênin chuẩn bị đề bẹp nhóm xta-lin-nít. Ông dự định mở cuộc tấn công trên vấn đề dân tộc. Khi tôi đề nghị một thỏa hiệp, Lênin đáp như sau: "Rồi Xtalin làm một thỏa hiệp thối nát để đánh lừa chúng ta".

Trong lá thư gửi Ban Trung ương tháng Ba 1919, tôi phản đối Dinôviép vì anh có thái độ mập mờ với phe đối lập quân sự:

Tôi sẽ không làm việc khảo sát tâm lý cá nhân để biết phải xếp Vôrôsilốp vào

nhóm nào của phe đối lập quân sự, nhưng xin lưu ý: điều đáng trách duy nhất mà tôi có thể nhận về phần mình trong quan hệ đối với đồng chí ấy là đã hành động thông qua con đường đàm phán, thuyết phục và sắp xếp cá nhân, tôi đã cố gắng quá lâu — chính xác hơn là trong hai, ba tháng trời — để đạt được kết quả ở một nơi mà vì quyền lợi của sự nghiệp chúng ta, lẽ ra tôi phải có một quyết định cứng rắn về mặt tổ chức. Bởi lẽ, dù nhìn ở khía cạnh nào đi chăng nữa, nhiệm vụ của tôi đối với Tập đoàn quân thứ X không phải là thúc đẩy cho Vôrôsilốp có cách nhìn nhận chính xác hơn, mà là giành được những thắng lợi quân sự trong thời hạn ngắn nhất.

Ngày 30 tháng Năm, từ Khácôp, các thành viên phe đối lập quân sự khẩn thiết yêu cầu Lênin thành lập một đạo quân đặc biệt dưới quyền chỉ huy của Vôrôsilốp. Qua đường dây trực tiếp, Lênin hỏi dò tôi ở ga Canchêmirôpca [Kantémirovka]. Ngày mùng 1 tháng Sáu, tôi trả lời Lênin:

Chúng ta hoàn toàn không thể đáp ứng dự kiến của một vài người Ucoraina nhằm tập trung các Tập đoàn quân thứ II, thứ XIII và thứ VIII trong tay Vôrôsilốp. Chúng ta không cần sự thống nhất tác chiến theo hướng Đôn hét, mà cần mở cuộc tổng tấn công chống Đênhikin... Ý tưởng về một nền chuyên chính trong quân sự và cung ứng vật dụng (ở Ucoraina) của Vôrôsilốp là kết quả của tinh thần độc lập dân tộc vùng Đôn hét chống lại Kiép (tức là chống lại chính phủ Ucoraina) và mặt trận phía Nam... Tôi không nghi ngờ gì về chuyện thực hiện kế hoạch này chỉ làm tăng thêm sự hỗn loạn và triệt tiêu hẳn sự chỉ đạo tác chiến. Tôi yêu cầu các đồng chí đòi Vôrôsilốp và Megiôlauco [Mejlaouk] phải thực thi trọn vẹn nhiệm vụ thực tế đã được giao cho họ. Trótxki.

Ngày mùng 1 tháng Sáu, Lênin điện cho Vôrôsilốp:

Bằng mọi giá, phải chấm dứt những cuộc hội họp đông dài, tập trung tất cả công việc vào địa hạt quân sự, gạt bỏ mọi dự định lập những nhóm đặc biệt và mọi cố gắng tương tự, nhằm lập lại mặt trận Ucoraina, dưới dạng náu hình... Lênin.

Sau khi qua kinh nghiệm bản thân, Lênin thấy rõ việc đưa những phần tử chủ trương dân tộc tự trị vô kỷ luật vào vòng trật tự khó khăn biết chừng nào; cùng ngày hôm đó, Lênin triệu tập một phiên họp Bộ Chính trị và thông qua nghị quyết sau đây (quyết định ngày được gửi ngay cho Vôrôsilốp và những kẻ có liên quan khác):

Bộ Chính trị của Ban Trung ương họp ngày mùng 1 tháng Sáu và — hoàn toàn nhất trí với đồng chí Trótxki — kiên quyết bác bỏ kế hoạch của những người Ucoraina nhằm thành lập một tập đoàn quân đặc biệt vùng Đôn hét. Chúng tôi yêu cầu Vôrôsilốp và Megiôlauco hãy làm tròn nhiệm vụ trước mắt... trong trường hợp ngược lại, ngày kia Trótxki sẽ triệu tập các đồng chí đến Idium [Izioum] và ra mệnh lệnh chi tiết hơn. Được sự ủy nhiệm của Ban Trung ương, *Lênin*.

Ngày hôm sau, Ban Trung ương xem xét một vấn đề khác: sự đoàn trường Vôrôsilốp tự động giữ lại phần lớn số chiến lợi phẩm quân sự lấy được của địch để cung cấp cho nhu cầu riêng của đạo quân ông ta. Ban Trung ương ra quyết định sau:

Chúng tôi ủy nhiệm đồng chí Rácôpxki gửi đến chỗ đồng chí Trótxki ở Idium một bức điện tín liên quan đến vấn đề này và đề nghị đồng chí Trótxki thực thi những biện pháp cương quyết để đưa những chiến lợi phẩm quân sự đặt dưới quyền sử dụng của Hội đồng Quân sự Cách mạng Cộng hòa.

Cùng ngày, Lênin thông báo với tôi qua đường dây trực tiếp:

Dubencô [Dybenko] và Vôrôsilốp phung phí quân khí. Hoàn toàn hỗn loạn. Không trợ giúp gì đáng kể cho vùng lòng chảo Đôn hét. Lênin.

Nói cách khác, ở Ucoraina lại tái diễn những việc mà tôi từng chống ở Xarixun.

Chẳng có gì lạ, công việc quân sự tạo cho tôi nhiều kẻ thù. Tôi không ngó trước nhìn sau, tôi chỉ nhắm một phương châm: đẩy lùi những kẻ cản trở các chiến thắng của quân đội, hoặc giá trong lúc quá vội vã, tôi đã dẫm lên chân của những kẻ bàng quang và tôi không có thì giờ xin lỗi họ. Có những người không bỏ quên những chuyện này. Những kẻ bất mãn và bị xúc phạm tìm đường đến với Xtalin, một số đến với

Dinôviép bởi vì hai người này cũng cảm thấy bị xúc phạm. Sau mỗi thất bại ngoài trận tuyến, bọn người bất mãn lại gây áp lực với Lênin. Ngay từ thời đó, Xtalin đã điều khiển những mưu mô đó sau hậu trường. Người ta gửi đi các ghi chép về các sai lầm của đường lối quân sự, về việc tôi ủng hộ các chuyên gia, về chế độ quá hà khắc đối với những người cộng sản v.v... Các lãnh tụ quân sự bị giáng chức và các thống chế hệt của Hồng quân gửi hàng loạt báo cáo về ảnh hưởng tai hại của các kế hoạch chiến lược, về những hành động phá hoại của Bộ Tham mưu và nhiều điều khác nữa.

Lênin bị thu hút quá mức vào các vấn đề lãnh đạo chung, ông không có thì giờ ra thăm mặt trận hoặc giám sát công việc hàng ngày của Bộ Dân ủy Quốc phòng. Tôi giành gần hết thời gian của tôi vào các mặt trận và điều này tạo điều kiện thuận tiện cho hoạt động của những tay ba hoa chống đối trong hậu trường ở Mátxcova. Đôi khi, những lời thì thào dai dẳng của họ không khỏi làm Lênin lo lắng. Cho đến lần gần nhất khi tôi về Mátxcova, hàng loạt nghi ngại, thắc mắc chông chát trong ông. Nhưng chỉ cần nửa giờ trò chuyện là đủ để lập lại sự thông hiểu tương hỗ và tinh đoàn kết toàn diện giữa chúng tôi. Vào thời gian chúng tôi nhiều lần thua trận ở phía Đông, khi Côntrác tiến đến gần sông Vônga, tôi nhào thẳng từ đoàn tàu về Mátxcova tham dự phiên họp Hội đồng Dân ủy. Trong cuộc họp này, Lênin chuyển cho tôi một mẫu giấy, trong đó có đoạn: "Hay là chúng ta đuổi sạch các chuyên viên quân sự và cử Lasêvích làm tổng tư lệnh tối cao?"

Lasêvích là một người bôn-sê-vích cực trào, lên được cấp bậc hạ sĩ quan trong chiến tranh "Đức". Tôi trả lời ở mặt sau của mẫu giấy ấy: "Trò con trè!..."

Lênin nhú mày, hóm hình liếc nhìn tôi với vẻ mặt rất có ý nghĩa, có lẽ ông muốn nói: "Đồng chí nghiêm khắc với tôi quá!" Trong thực tế, Lênin thích những lời đối đáp sắc bén, không úp mở như thế, xét về nội dung, chúng không để chỗ cho những ngờ vực. Sau phiên họp chúng tôi lại trò chuyện. Lênin gạn hỏi tôi về mặt trận. Tôi nói:

— Đồng chí hỏi tôi hay là chúng ta đuổi sạch các cựu sĩ quan. Nhưng đồng chí có biết hiện nay họ có bao nhiêu trong quân đội ta không?

— Tôi không biết.

— Xin nói thử một con số!

— Tôi không biết.

— Ít nhất là ba vạn.

— Hả?-Thế-à?

— Ít nhất là ba vạn. Bên cạnh một tên phản bội, có hàng trăm người đáng tin cậy; bên cạnh một kẻ đào ngũ có hai, ba người bỏ mạng. Thử hỏi lấy ai để thay thế họ?

Vài ngày sau Lênin phát biểu về các nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Giữa bao việc khác, ông nói:

Mới đây, khi đồng chí Trótxki thông báo cho tôi biết con số sĩ quan phục vụ ở Bộ Dân ủy Quốc phòng lên đến vài vạn, lúc ấy tôi mới nhận ra một cách cụ thể những phương tiện bí ẩn mà chúng ta phải dùng tới là việc sử dụng những kẻ thù giai cấp của chúng ta... Cần phải xây dựng chủ nghĩa cộng sản ra sao từ những viên gạch mà kẻ thù đã lựa chọn để chống chúng ta!

Trong đại hội đảng được tổ chức vào khoảng thời gian đó, vào lúc tôi vắng mặt — tôi ở lại mặt trận — trong một bài phát biểu sôi nổi, Lênin lên tiếng bảo vệ đường lối quân sự mà tôi áp dụng, chống lại sự phê phán của phe đối lập. Chính vì thế mà cho đến ngày nay, những biên bản các phiên họp của phân ban quân sự Đại hội VIII vẫn chưa được công bố.

Một lần, Menginxki [Menjinsky] đến chỗ tôi ở mặt trận phía Nam. Đã từ lâu tôi biết anh. Trong những năm của thời kỳ phản động, anh thuộc phe cực tả, nói cách khác anh gia nhập nhóm "Vopêriôt" [Vpêrjod] (Tiến lên!), như người ta (Bócđanốp [Bogdanov], Lunatrácxki và nhiều người khác) thường gọi theo tựa đề tờ tạp chí của họ. Hơn nữa, Menginxki còn thiên về chủ nghĩa nghiệp đoàn Pháp. Những người theo nhóm "Vopêriôt" mở một trường mác-xít ở Bôlônha [Bologne] cho mười, mười lăm công nhân từ Nga đến một cách bất hợp pháp. Đó là năm 1910. Trong gần hai tuần, tôi giảng trong trường đó một khóa học về báo chí và điều khiển cuộc thảo luận về chiến thuật của đảng. Ở đó tôi làm quen với Menginxki, anh từ Pari đến. Tôi có cảm tưởng gì về anh? Có lẽ chính xác nhất, phải nói là tôi chẳng có cảm tưởng gì. Đúng ra, anh có vẻ là cái bóng của một người khác, cái bóng chưa định hình, hoặc là phác thảo không thành công của một bức chân dung vẽ còn bỏ dở. Có những con người như thế. Nụ cười bí ẩn và ánh mắt ngượng ngùng của anh chỉ đôi khi chứng tỏ con người ấy đang bị cấu xé bởi cố gắng muốn thoát khỏi sự kém cỏi của mình. Tôi không biết anh xử sự như thế nào trong biển cổ tháng Mười, và cũng không biết anh có thái

độ gì không? Nhưng sau khi giành được chính quyền, lập tức anh được phân về Bộ Tài chính. Anh không tỏ ra có hoạt động gì đáng kể hoặc anh chỉ hoạt động ở mức độ kém cỏi của mình. Sau đó, Décginxki thu nạp anh.

Décginxki là một con người đầy nghị lực, hăng say và có tinh thần rất cao. Hình bóng của anh gần như bao trùm Ủy ban Đặc biệt Trêca [Tchéka]. Trong cơ quan này, không ai nhận ra Menginxki đang im lìm khom người trên đồng giấy tờ sổ sách. Và chỉ sau khi Décginxki xích mích với phụ tá của anh, Unsólích [Unschlicht] — việc đó xảy ra trong thời gian cuối —, không còn tìm ra ai khác, anh đành đề cử Menginxki vào vị trí đó. Mọi người đều nhún vai, không hiểu ra sao.

— Tôi còn biết lấy ai được? — Décginxki thanh minh. — Không còn ai!

Nhưng Xtalin ủng hộ Menginxki. Thường thường Xtalin ủng hộ những ai chỉ tồn tại được về mặt chính trị nhờ ân huệ của cơ chế. Và Menginxki trở thành cái bóng trung thành của Xtalin ở G.P.U. Sau khi Décginxki mất, Menginxki chẳng những đứng đầu G.P.U. mà còn trở thành ủy viên Ban Trung ương. Như thế là trên màn hình của chế độ quan liêu, cái bóng của một kẻ không tồn tại cũng có thể lơ mờ xuất hiện như một con người thực sự.

Tuy nhiên trước đó mười năm, Menginxki còn tìm cách chuyển động quanh những cái trục hoàn toàn khác. Một lần anh đến tìm tôi trong toa xe hỏa, cấp nách một bản báo cáo về những phân ban đặc biệt của quân đội. Khi phần chính thức của chuyến thăm viếng kết thúc, anh bắt đầu bối rối dậm chân tại chỗ với nụ cười bí ẩn, đồng thời khiến tôi lo ngại và ngạc nhiên. Cuối cùng anh hỏi: tôi có biết Xtalin đang giảng những mưu mô phức tạp để chống tôi không?

— Gì-cơ? — tôi hỏi lại, vô cùng sững sốt bởi thời đó tôi hoàn toàn xa lạ với những suy nghĩ hoặc lo lắng như thế.

— Vâng, ông ấy gợi ý cho Lênin và những người khác là đồng chí đang tập hợp quanh mình nhiều người, đặc biệt để chống Lênin...

— Đồng chí điên rồi, Menginxki ạ, tỉnh lại đi, tôi không muốn nghe những chuyện ấy...

Menginxki bỏ đi, anh nhún vai và húng háng ho. Tôi nghĩ rằng từ hôm ấy trở đi, anh ta lại đi tìm cho mình những quỹ đạo hoàn toàn khác.

Nhưng một, hai giờ sau, tôi cảm thấy có một điều gì đó không ổn. Con người ấy — vốn có giọng nói nhỏ nhẹ và không đi thẳng vào vấn đề — đã gieo trong lòng tôi một nỗi băn khoăn, như thể tôi nuốt phải một mảnh thủy tinh trong bữa ăn trưa. Tôi bắt đầu gọi lại vài ký ức, sắp xếp các sự việc trong đầu và Xtalin hiện lên trước mắt tôi dưới một ánh sáng hoàn toàn khác.

Rất lâu sau này, Corexchinxki nói với tôi về Xtalin: "Đó là một kẻ tâm địa nham hiểm, có đôi mắt vàng úa". Và chính căn bệnh *ủy hoàng tinh thần* này của Xtalin đã thoảng qua trong óc tôi lần đầu tiên sau lần gặp mặt Menginxki. Sau việc đó, tôi về Mátxcova ít ngày. Theo lệ thường, tôi đến thăm Lênin đầu tiên. Chúng tôi chuyện trò về tình hình mặt trận. Lênin rất thích những chi tiết thường ngày, những chuyện nhỏ, những nét chấm phá thể hiện ngay lập tức thực chất của sự việc, không quanh co, lắt léo. Ông không thể chịu được khi người ta nói đến cuộc sống thực sự một cách bóng gió. Bỏ qua những mắt xích trung gian, ông đặt hàng loạt câu hỏi được diễn đạt một cách độc đáo và tôi chậm rãi trả lời, thích thú vì thấy ông có cái nhìn bao quát rất nhanh về mọi thứ. Chúng tôi phá lên cười. Thông thường Lênin rất vui tính. Tôi cũng không cho mình là kẻ ử dột. Cuối cuộc nói chuyện, tôi kể lại chuyện đi thăm của Menginxki ở mặt trận phía Nam.

— Quả thực có chút sự thật nào trong đó không?

Lập tức tôi nhận thấy Lênin xúc động, dường như máu cũng dồn lên mặt ông.

— Tất cả chỉ là chuyện nhảm nhí — Lênin đáp, lần này với vẻ cương quyết khiến tôi yên lòng ngay.

Dường như một đám mây tan biến trên đầu chúng tôi. Đặc biệt thân thiết, chúng tôi từ giã nhau.

Nhưng tôi hiểu Menginxki không nói vô ích. Nếu Lênin không nói ra tất cả những điều ông nghĩ, cho dù ông chối thì chỉ bởi vì ông lo ngại sự xung đột, hiềm khích và cuộc chiến cá nhân. Ở điểm này, tôi hoàn toàn cảm thông với ông. Nhưng rõ ràng Xtalin đã gieo những hạt giống tai ác. Chỉ rất lâu sau này tôi mới nhận thấy ông ta đã làm việc này rất có hệ thống. Hầu như ông ta chỉ bận tâm làm việc đó. Bởi lẽ chưa bao giờ Xtalin hoàn thành một nhiệm vụ nghiêm chỉnh nào.

— Đặc tính hàng đầu của Xtalin là lười nhác — một hôm Bukharin giảng giải. — Đặc tính thứ hai là sự đố kỵ không khoan nhượng đối với những người hiểu biết hơn ông ta hoặc làm hơn ông ta. Ông ta còn có thái độ xảo trá ngay với chính Lênin.

CHƯƠNG XXXVII

NHỮNG BẤT ĐỒNG CHIẾN LƯỢC

Trong những trang sách này, tôi không nhắc đến lịch sử Hồng quân, cũng không kể lại sự tích những trận chiến đấu của nó. Hai đề tài này, vốn gắn bó khăng khít với lịch sử cuộc cách mạng và vượt quá xa khuôn khổ một cuốn tự truyện, có thể sẽ là nội dung một cuốn sách sắp tới. Nhưng ở đây, tôi không thể bỏ qua những bất đồng chính trị và chiến lược của chúng tôi, đã xuất hiện trong thời nội chiến. Số phận cách mạng phụ thuộc vào tiến trình các hoạt động quân sự. Ban Trung ương đảng ngày càng bị chìm sâu vào những vấn đề của chiến tranh và đặc biệt, vào những vấn đề chiến lược. Các chuyên gia quân sự của trường phái cũ chiếm các cương vị chỉ huy chính, họ không hiểu được những hoàn cảnh xã hội và chính trị. Các nhà chính trị dày dặn kinh nghiệm của cách mạng — hợp thành Ban Trung ương đảng — lại không có kiến thức quân sự. Những quan niệm chiến lược tầm cỡ lớn thường là kết quả của một công trình tập thể và bao giờ cũng vậy, ở trường hợp đó, chúng sinh ra cả những bất đồng và xung đột.

Những bất đồng chiến lược xảy ra bốn lần trong Ban Trung ương; nghĩa là có bao nhiêu mặt trận chính thì có bấy nhiêu bất đồng. Ở đây, tôi chỉ có thể nói ngắn gọn về những bất đồng ấy, mục đích chỉ để dẫn dắt độc giả đi vào thực chất các vấn đề đặt ra trước ban lãnh đạo quân sự và đồng thời, để tôi có thể bác bỏ những điều bịa đặt liên quan đến tôi sau này.

Cuộc tranh luận gay gắt đầu tiên nổ ra trong Ban Trung ương, hè 1919, liên quan đến tình hình mặt trận phía Đông. Tư lệnh trưởng mặt trận này lúc đó vẫn là Vaxetít, tôi đã nhắc đến anh trong chương sách về thời kỳ ở Xviagiocơ. Tôi quan tâm đến việc củng cố lòng tự tin của Vaxetít trong chính bản thân anh, cũng như trong quyền lực và uy tín của anh. Không có điều đó thì không thể chỉ huy được. Vaxetít cho rằng sau những thành công lớn đầu tiên của chúng tôi trong cuộc chiến đấu chống Côntrác, không được chọc quá sâu ở phía Đông, bên kia dãy núi Uran. Anh muốn những đơn vị thuộc mặt trận phía Đông nghỉ ngơi mùa đông trên sườn núi. Điều đó lẽ ra đã cho phép chúng tôi chuyển một vài sư đoàn từ phía Đông sang mặt trận phía Nam, nơi mà sự hiện diện của Đênhikin ngày càng trở nên nguy cấp. Tôi ủng hộ kế hoạch này. Nhưng nó gặp phải sự phản đối kiên quyết của Camênhép [Kamênev], tư lệnh mặt trận phía Đông, cũng như các thành viên bên-sê-vích cựu trào của Hội đồng Quân sự: Xminga [Smilga] và Lasêvích. Họ tuyên bố: Côntrác đã bị đè bẹp đến mức dễ truy quét y, chỉ cần một lực lượng không đáng kể; điều quan trọng là đừng để y có thời gian để thở, nếu không y sẽ hồi sức trong mùa đông và sang xuân, chúng ta lại phải mở lại chiến cuộc ở phía Đông. Như vậy, toàn bộ vấn đề là đánh giá cho đúng thực lực của quân đội Côntrác và sự tiếp viện từ hậu phương của y. Ngay từ thời ấy, tôi đã coi mặt trận phía Nam nghiêm trọng và nguy hiểm hơn hẳn miền Đông. Điều đó hoàn toàn được chứng tỏ sau này. Nhưng trong việc đánh giá sức chiến đấu của Côntrác thì những người chỉ huy mặt trận phía Đông đã có lý. Nghị quyết của Ban Trung ương đối kháng với Bộ Tổng tư lệnh tối cao, do đó nó cũng chống lại tôi; bởi tôi đã ủng hộ Vaxetít xuất phát từ suy tính trong cái phương trình chiến lược này có vài ẩn số, nhưng có một giá trị cố định, đó là phải củng cố uy tín còn rất mới mẻ của vị tổng tư lệnh. Nghị quyết của Ban Trung ương là đúng đắn. Mặt trận phía Đông giao chuyển một số lực lượng cho phía Nam, đồng thời — rượt đuổi theo dấu chân Côntrác — họ dẫn quân thắng lợi ngày càng sâu vào Xibêri. Xung đột này dẫn đến việc Bộ Tổng tư lệnh bị cách chức, Vaxetít bị triệu hồi và Camênhép thay thế anh.

Bản thân sự bất đồng này chỉ mang tính chất nghiệp vụ thuần túy và cố nhiên nó không để lại một dấu vết gì, dù nhỏ nhặt nhất, trong mối quan hệ của tôi với Lênin. Nhưng bầu vịu vào những bất đồng mang tính tiểu tiết như thế, các thủ đoạn tiếp nối nhau vận hành. Ngày 4 tháng Sáu 1919, từ miền Nam, Xtalin gây hoảng sợ cho Lênin bằng cách báo tin ban lãnh đạo quân sự đang phạm phải sai lầm quyết định:

Toàn bộ vấn đề bây giờ là thử xem Ban Trung ương có đủ can đảm rút ra những kết luận thích hợp hay không? Liệu Ban Trung ương có đủ can đảm, có đủ kiên trì không?

Ý nghĩa của những dòng này hoàn toàn rõ ràng. Giọng điệu của lời tuyên bố cho thấy đây không phải lần đầu Xtalin nêu ra vấn đề này và cũng không phải lần đầu ông ta gặp phải sự đề kháng của Lênin. Hồi ấy tôi chưa biết về chuyện này, nhưng tôi đã cảm thấy một thứ âm mưu "ghê tởm" gì đó. Vì không có hứng thú và cũng chẳng có thì giờ để gỡ rối, tôi đệ đơn từ chức lên Ban Trung ương. Ngày 5 tháng Bảy, Ban Trung ương trả lời bằng quyết định sau đây:

Ban Tổ chức và Bộ Chính trị Ban Trung ương, sau khi đã xem xét và thảo luận kỹ lưỡng lời tuyên bố của đồng chí Trótxki, nhất trí đi đến kết luận: hoàn toàn không

thể chấp nhận việc đồng chí Trótxki xin từ chức và không thể thực hiện yêu cầu của đồng chí. Ban Tổ chức và Bộ Chính trị Ban Trung ương sẽ làm tất cả những gì có thể để đảm bảo những điều kiện thuận lợi nhất cho đồng chí Trótxki và đối với nước Cộng hòa, tạo hoàn cảnh hiệu quả nhất cho công việc ở mặt trận phía Nam — hiện nay là mặt trận khó khăn nhất, nguy hiểm nhất và quan trọng nhất -, nơi mà chính đồng chí Trótxki đã tự chọn làm địa bàn hoạt động của đồng chí. Trên cương vị dân ủy Quốc phòng và chủ tịch Hội đồng Quân sự Cách mạng, đồng chí Trótxki — trên danh nghĩa ủy viên Hội đồng Quân sự Cách mạng mặt trận phía Nam — hoàn toàn có thể cộng tác cùng tư lệnh mặt trận do chính đồng chí đề cử và đã được Ban Trung ương thông qua. Ban Tổ chức và Bộ Chính trị Ban Trung ương tạo mọi điều kiện cho đồng chí Trótxki để đồng chí thực hiện bằng bất kỳ phương tiện nào tất cả những gì mà đồng chí nhận thấy cần phải hiệu chỉnh trong đường lối quân sự và nếu đồng chí muốn, Ban Tổ chức và Bộ Chính trị Ban Trung ương sẽ cố gắng xúc tiến triệu tập đại hội đảng trước thời hạn... Lênin, Camênhép, Corexchinxki, Calinhin, Xêrêboriacốp [Sêrêbriakov], Xtalin, Xtaxôva [Stassova].

Trong quyết định này có cả chữ ký của Xtalin. Trong khi tiếp tục những âm mưu sau hậu trường cũng như đòi Lênin phải can đảm và kiên trì, Xtalin không dám công khai chống lại Ban Trung ương.

Trong nội chiến, như tôi đã nói, mặt trận phía Đông có vai trò chủ đạo. Lực lượng địch gồm hai yếu tố riêng biệt: giới Côđắc, phần lớn là dân Côđắc miền Cuban [Kouban] và Đạo quân Bạch vệ Tinh nguyện được chiêu nạp từ mọi miền đất nước. Người Côđắc muốn bảo vệ biên cương của họ, chống lại áp lực của giới công nông. Nhưng đạo quân tinh nguyện lại muốn chiếm Mátxcova. Hai đường lối hành động này chỉ trùng với nhau trong chừng mực quân tinh nguyện thành lập một mặt trận chung ở vùng Bắc Cápcadơ với những người Cuban. Nhưng điều động người Côđắc xứ Cuban khỏi Cuban là một nhiệm vụ nặng nề, hay nói đúng hơn, là một nhiệm vụ quá sức Đênhikin. Bộ Tư lệnh tối cao chúng ta tiếp cận việc giải quyết vấn đề mặt trận miền Nam như một nhiệm vụ trừu tượng, bỏ qua những động lực xã hội của vấn đề. Cuban là căn cứ chính của quân tinh nguyện. Vì thế Bộ Tham mưu quyết định giáng một đòn chí tử vào căn cứ này từ phía sông Vônga. Cứ để Đênhikin tấn công và dẫn quân về Mátxcova. Trong thời gian đó, chúng ta sẽ quét gọn căn cứ Cuban của y. Đênhikin sẽ bị lơ lửng trong không trung, chúng ta sẽ tóm y bằng tay không. Đây là lược đồ chiến thuật tổng quát và nếu không phải trong trường hợp nội chiến thì nó có thể đúng. Nhưng trước thực tế mặt trận phía Nam, dự kiến ấy mang tính thuần túy kinh viện và chỉ giúp sức cho kẻ thù. Nếu Đênhikin không thể điều động người Côđắc tham gia một chiến dịch phía Bắc xa xôi thì việc chúng ta tấn công quân Côđắc từ phía Nam lại có lợi cho Đênhikin. Đến khi đó, người Côđắc không thể chỉ tự vệ trên địa thế của họ. Tự chúng ta đã liên kết số phận họ với số phận đạo quân tinh nguyện.

Chúng tôi không thành công mặc dù đã chuẩn bị tác chiến kỹ càng và đã tập trung lực lượng và quân khí đáng kể. Sau lưng Đênhikin, quân Côđắc làm thành một chiến tuyến bảo vệ vô cùng vững chắc. Hầu như họ đã bắt rễ vào mảnh đất của họ và chống trả hết sức quyết liệt. Cuộc tấn công của chúng tôi huy động toàn thể dân Côđắc. Chúng tôi tiêu phí sức lực và thời gian và đẩy mọi kẻ còn cầm được vũ khí chạy theo hàng ngũ Bạch quân. Cùng lúc đó, các đạo quân của Đênhikin tràn vào Ucoraina, tiến lên phía Bắc, chiếm Cuốcxơ, chiếm Ôriôn và đe dọa cả Tula. Để mất Tula sẽ là thảm họa đối với chúng ta vì như thế, chúng ta sẽ đánh mất những nhà máy vũ khí và đạn dược quan trọng nhất.

Kế hoạch do tôi đề nghị từ đầu hoàn toàn trái ngược. Tôi đề nghị dùng đòn đầu tiên cắt mối liên lạc giữa những đạo quân tinh nguyện với quân Côđắc và bỏ mặc lũ Côđắc, tập trung lực lượng của chúng ta đánh đạo quân tinh nguyện. Theo kế hoạch của tôi, đòn chính yếu không phải từ phía sông Vônga về vùng Cuban mà từ Vônôhêgiơ về hướng Kháccốp và lòng chảo Đônhét [Donetz]. Trong vùng ngăn cách miền Bắc Cápcadơ với Ucoraina, dân chúng hoàn toàn đứng về phía Hồng quân. Theo hướng này, lẽ ra Hồng quân có thể tiến dễ dàng như lưỡi dao cắt vào bơ. Lẽ ra người Côđắc đã ở yên tại chỗ để bảo vệ biên cương của họ chống ngoại bang mà chúng ta cũng không đụng đến họ. Lẽ ra chúng ta phải giải quyết vấn đề Côđắc như một vấn đề độc lập và thiên về nhiệm vụ chính trị hơn là quân sự. Nhưng trước hết, về mặt chiến lược, phải tách nhiệm vụ này khỏi nhiệm vụ đè bẹp đạo quân tinh nguyện của Đênhikin. Rốt cục chính kế hoạch này được chấp nhận, nhưng chỉ sau khi Đênhikin đe dọa Tula mà việc để mất thành phố này còn nguy hiểm hơn để mất Mátxcova. Chúng tôi bỏ mất nhiều tháng trời, bị nhiều thương vong không cần thiết và sống qua khá nhiều tuần lễ vô cùng hiểm nguy.

Nhân thế, xin lưu ý rằng những bất đồng chiến lược ở mặt trận phía Nam đều liên hệ rất chặt chẽ đến vấn đề đánh giá đúng đắn hay "coi thường" giai cấp nông dân. Tôi đã xây dựng toàn bộ kế hoạch, một

phần dựa vào mối quan hệ giữa nông dân và công nhân, một phần dựa vào mối quan hệ giữa nông dân và những người Cốt đặc. Chính trên đường lối đó, tôi đã đối lập hóa kế hoạch của tôi với ý đồ trừu tượng và kinh viện của Bộ Tổng tư lệnh, mặc dù nó đã được đa số trong Ban Trung ương ủng hộ. Nếu tôi chỉ tiêu phí một phần nghìn sức lực mà người ta đã bỏ ra để chứng tỏ tôi "đánh giá thấp" giới nông dân, thì tôi đã có thể dựng nên một lời buộc tội tương tự — nghĩa là phi lý tương tự —, không những chống Dinôviép, Xtalin và những người khác mà chống lại cả Lênin, xuất phát từ những bất đồng quan điểm của chúng tôi về vấn đề mặt trận phía Nam.

Xung đột mang tính chiến lược thứ ba xuất hiện vào thời gian Iudênhích mở chiến dịch tấn công Pêtôrôgorát. Tôi đã kể câu chuyện này ở phần trên và không cần lặp lại nữa. Tôi chỉ xin nhắc lại rằng dưới ảnh hưởng của tình thế vô cùng khó khăn ở phía Nam — nơi trở thành mối đe dọa chính — và bị tác động của những báo cáo đáng sợ từ Pêtôrôgorát về tình hình vũ khí ghê gớm và sự tăng gia tiếp tế (giả định) của quân đội Iudênhích, Lênin đi đến ý kiến phải rút ngắn trận tuyến bằng cách giao trả Pêtôrôgorát. Có lẽ đây là trường hợp duy nhất tôi được Dinôviép và Xtalin ủng hộ, chống lại Lênin; chỉ vài hôm sau, chính Lênin cũng từ bỏ kế hoạch sai lầm hiển nhiên ấy.

Bất đồng cuối cùng và rõ ràng là nghiêm trọng nhất nổ ra mùa hè 1920, liên quan đến số phận mặt trận Ba Lan.

Bane Lô [Bonar Law], thủ tướng Anh hồi đó đã trích dẫn lá thư tôi gửi những người cộng sản Pháp trong Hạ Nghị viện để chứng tỏ chúng tôi muốn đè bẹp Ba Lan vào mùa thu 1919. Cuốn sách của cựu bộ trưởng Bộ Chiến tranh Ba Lan Xicoócxi [Sikorski] cũng có một khẳng định tương tự, nhưng ông ta viện dẫn bài phát biểu của tôi tại một đại hội quốc tế tháng Hai năm 1920. Tất cả những chuyện ấy, từ đầu đến cuối, là thứ ngu xuẩn vô lý nhất. Cổ nhiên chưa bao giờ tôi có ý bày tỏ cảm tình với nước Ba Lan của Pinxútcki, tức là nước Ba Lan của áp bức và cùng khổ dưới vỏ bọc của những giọng điệu ái quốc và những bộ tịch anh hùng khoác lác. Chẳng khó khăn gì cũng có thể xếp được hàng bó những lời tuyên bố của tôi, trong đó có câu như "nếu Pinxútcki buộc chúng ta vào vòng chiến, chúng ta sẽ cố gắng không dừng lại giữa chừng". Những lời tuyên bố như thế xuất phát từ toàn bộ tinh thần lúc bấy giờ. Nhưng từ đó mà rút ra kết luận chúng tôi muốn chiến tranh với Ba Lan hoặc giả chúng tôi đã chuẩn bị cho cuộc chiến ấy, là điều đối trá trước thực tế và trước lương tri tinh táo. *Chúng tôi cố tránh cuộc chiến tranh đó bằng mọi sức lực của mình.* Chúng tôi không bỏ qua một bước tiến có ích nào trên con đường ấy. Xicoócxi thừa nhận rằng chúng tôi đã tuyên truyền hòa bình cực kỳ "khéo léo". Ông ta không hiểu hoặc giả bộ không hiểu rằng sự khéo léo đó có bí quyết vô cùng đơn giản: chúng tôi cố gắng hòa bình bằng mọi sức lực, cho dù phải trả giá bằng những nhân nhượng đáng kể nhất. Trong số tất cả mọi người, chắc chắn tôi là kẻ ít mong muốn cuộc chiến ấy nhất: tôi thấy quá rõ ràng chúng ta khó tham chiến đến mức nào sau ba năm nội chiến liên miên. Chính phủ Ba Lan — cũng theo cuốn sách của chính Xicoócxi — đã làm nổ ra chiến tranh một cách có ý thức và chủ ý, mặc dầu chúng tôi đã có những cố gắng không mệt mỏi để gìn giữ hòa bình, những cố gắng khiến đường lối ngoại giao của chúng tôi trở thành sự kết hợp của lòng nhẫn nại và tâm lý sự phạm kiên tâm. Chúng tôi thành thực muốn hòa bình. Pinxútcki buộc chúng tôi phải nhảy vào cuộc chiến. Chúng tôi chỉ có thể theo đuổi được cuộc chiến này vì quảng đại quần chúng nhân dân theo dõi từng ngày cuộc đấu tranh ngoại giao của chúng tôi với Ba Lan và trong đáy sâu tâm hồn, họ tin tưởng chắc chắn rằng đúng là chúng tôi bị cưỡng bức vào cuộc chiến. Và họ không hề nhầm lẫn một chút nào trong niềm tin ấy.

Đất nước lại có những cố gắng thực sự anh dũng. Việc Ba Lan chiếm Kiép — bản thân sự kiện này hoàn toàn vô nghĩa về mặt quân sự — đã giúp chúng tôi một việc lớn: làm chấn động đất nước. Tôi lại đi thăm một lượt các đạo quân và các thành phố, huy động người và của. Chúng tôi chiếm lại Kiép. Những thắng lợi của chúng tôi bắt đầu. Quân Ba Lan tháo lui với nhịp độ không ngờ. Tôi không hề giả thiết chiến dịch của Pinxútcki lại được xây dựng trên sự nông nổi đến mức như vậy. Nhưng cùng với những thành công đáng kể ban đầu, về phía chúng tôi, cũng xuất hiện tình trạng đánh giá quá cao những khả năng của mình. Một bầu không khí bắt đầu hình thành rồi mạnh lên, theo đó chúng tôi phải chuyển cuộc chiến tranh — khởi đầu là cuộc chiến tự vệ — thành chiến tranh tiến công cách mạng. Cổ nhiên, về nguyên lý, tôi không thể có lý lẽ gì để phản bác lập luận này. Tất cả vấn đề là sự nhận xét các tương quan lực lượng. Trong phương trình này, tâm trạng của công nông Ba Lan là một ẩn số. Một vài nhà dân chủ Ba Lan như Giulia Mácsolépcki [Julia Marchlewski], người bạn chiến đấu đã quá cố của Rôđa Luýchxămbua, đánh giá tình thế rất tinh táo. Cách đánh giá của Mácsolépcki là nhân tố quan trọng trong cố gắng của tôi muốn ra khỏi cuộc chiến càng nhanh càng tốt. Nhưng cũng có những tiếng nói khác. Một số người nuôi những hi vọng quá to lớn về một cuộc khởi nghĩa của công nhân Ba Lan. Dù thế nào đi nữa, Lênin đã vạch ra một kế hoạch dứt khoát: phải hành động đến cùng, nghĩa là phải tiến vào Vácsava để giúp sức quần chúng công nhân Ba Lan lật đổ chính phủ Pinxútcki và giành lấy chính quyền. Ý đồ phác thảo trong chính phủ lập tức được Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tư lệnh mặt trận phía Tây hưởng ứng. Lần gần nhất khi tôi về Mátxcova, tôi

nhận thấy trung ương cương quyết về việc tham chiến "đến cùng". Tôi kiên quyết chống lại tâm trạng ấy. Người Ba Lan đã đề nghị hòa bình. Tôi cho rằng chúng ta đã đạt đến tột đỉnh thành công và nếu tiếp tục đi xa hơn mà không tính đến thực lực của mình, chúng ta có thể bỏ mất thắng lợi đã giành được và lao đầu vào thất bại. Sau những cố gắng vô bờ bến khiến đạo quân thứ Tư có thể hành quân 650 cây số trong vòng năm tuần lễ, giờ đây nó chỉ có thể tiếp tục tiến quân dưới tác động của quán tính. Tất cả đều phụ thuộc vào những dây thần kinh, vốn dĩ rất mỏng manh. Chỉ một va chạm mạnh duy nhất cũng đủ làm rung chuyển mặt trận của chúng ta và biến đà tấn công chưa từng thấy của chúng ta — điều này Foch [Phổtrơ] cũng phải thừa nhận — thành một cuộc tháo lui tai họa. Tôi đòi hỏi phải ký kết tức khắc, càng nhanh càng tốt, một nền hòa bình trước khi quân đội kiệt lực. Tôi nhớ chỉ có Rucóp ủng hộ tôi. Những người khác đã bị Lênin thuyết phục lúc tôi vắng mặt. Quyết định được đưa ra: *tiếp tục tiến bước*.

So với thời kỳ Bờrét, các vai trò đều đổi ngược: *hỏi đó* tôi yêu cầu không vội ký kết hòa bình và cho dù có bị mất đất đi nữa, cũng hãy để thời gian cho giai cấp vô sản Đức nhận biết tình hình và thiết lập quan điểm của họ. *Bây giờ*, Lênin đòi các đạo quân chúng ta tiếp tục tấn công và bằng cách ấy, tạo cho giai cấp vô sản Ba Lan có cơ hội đánh giá tình thế và nổi dậy. Từ một khía cạnh khác, chiến tranh Ba Lan cũng xác nhận những gì đã xảy ra trong cuộc xung đột ở Bờrét: phải đo lường những sự kiện của chiến tranh và của một phong trào cách mạng quân chúng bằng các thước đo khác nhau. Ở nơi những đạo quân chính quy tính bằng ngày và tuần thì phong trào của quần chúng nhân dân thường phải tính bằng tháng và năm. Nếu chúng ta không ước lượng đúng đắn được sự khác biệt nhịp điệu ấy, các bánh xe răng cưa của chiến tranh có thể tán vụn bộ răng cưa của bánh xe cách mạng, chứ không làm chúng vận hành. Dù thế nào đi nữa, đây là tình trạng diễn ra trong cuộc chiến Bờrét ngắn ngủi và trong cả cuộc chiến lớn rộng ở Ba Lan. Chúng ta đã bỏ mất thắng lợi của chúng ta và lao thẳng vào một thất bại nặng nề.

Không thể không nhắc lại một trong những nguyên nhân khiến thảm họa ở Vácsava có tầm vóc nguy kịch là thái độ của ban chỉ huy phương diện quân Xô-viết phía Nam, tiến theo hướng Lovóp [Lvov] (Lembéc [Lemberg]). Nhân vật chính trị chính của Hội đồng Quân sự Cách mạng phương diện quân này là Xtalin. Ông ta muốn đưa quân vào Lovóp bằng mọi giá, cùng một lúc với Xminga và Tukhatrépxki khi họ tấn công Vácsava. Mới hay vẫn có những con người có những tham vọng kỳ cục như thế! Khi nguy cơ đe dọa các đạo quân dưới quyền điều khiển của Tukhatrépxki đã trở nên rõ nét và Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho mặt trận Tây-Nam phải chuyển hướng tức khắc và đánh vào hông các đơn vị Ba Lan đóng cạnh Vácsava, Bộ Tư lệnh Tây-Nam — được Xtalin khuyến khích — vẫn tiếp tục tiến theo hướng Tây. Tự mình chiếm được Lovóp chẳng quan trọng hơn là giúp đỡ "kẻ khác" chiếm Vácsava hay sao? Chỉ sau khi mệnh lệnh trên được lặp đi lặp lại nhiều lần và phải dọa dẫm nữa, ban chỉ đạo quân sự mặt trận Tây-Nam mới chịu chuyển đổi hướng tiến quân. Nhưng mấy ngày chậm trễ này đã có vai trò thảm khốc.

Các đạo quân của chúng ta bị đánh bật lại hơn bốn trăm cây số. Sau những chiến thắng rực rỡ hôm trước, không ai có thể bằng lòng với một tình trạng như thế. Trở về từ trận tuyến đánh Voranghen, tôi thấy ở Mátxcova, bầu không khí thiên về một cuộc chiến tranh thứ hai với Ba Lan. Bây giờ, cả Rucóp cũng thay đổi ý kiến: "Chúng ta đã bắt đầu thì phải kết thúc" — anh nói. Bộ Tư lệnh mặt trận phía Tây gửi về những tin tức đáng khích lệ: lực lượng tiếp viện đã đến đầy đủ, pháo binh được chấn chỉnh lại v.v... Sự mong muốn là cha đẻ của tư duy. "Chúng ta có gì ở mặt trận phía Tây?" — tôi tìm cách phản đối. Những đơn vị đã mất tinh thần chiến đấu, bây giờ được bổ sung bởi thứ bột người không men. Không thể tiếp tục chiến tranh với một đạo quân như vậy. Nói đúng hơn, với một đạo quân như vậy, chúng ta chỉ có thể tự vệ bằng cách này hay cách khác, đồng thời vừa tháo lui vừa chuẩn bị ở hậu phương cho một đạo quân khác, nhưng thật vô lý nếu cho rằng một đạo quân như thế có thể gượng dậy và có thể phản công thắng lợi trên con đường tràn ngập những mảnh tàn binh của chính nó.

Tôi tuyên bố rằng lập lại một sai lầm đã phạm phải sẽ khiến chúng ta phải trả giá gấp mười lần, rằng tôi không chấp nhận nghị quyết mà người ta đang phác thảo, rằng tôi sẽ khiếu nại lên đảng. Mặc dù về mặt hình thức, Lênin có quan điểm tiếp tục cuộc chiến nhưng ông đã không tin tưởng và không cương quyết như trước. Niềm tin không gì lay chuyển nổi của tôi — rằng chúng ta phải ký kết hòa bình, dù là một nền hòa bình nặng nề đi nữa — đã gây tác động cần thiết đến Lênin. Cuối cùng ông đề nghị hoãn việc quyết định vấn đề này, chừng nào tôi chưa đi thăm mặt trận miền Tây và chưa có được cảm tưởng trực tiếp về tình trạng các đạo quân của chúng ta sau cuộc tháo lui. Đối với tôi, điều này có nghĩa là về căn bản, Lênin đã tiến lại lập trường của tôi.

Ở Ban Tham mưu mặt trận, tôi nhận thấy người ta cũng thiên về giải pháp mở cuộc chiến tranh thứ hai. Nhưng không có chút gì chắc chắn trong đó: đơn thuần nó chỉ phản ánh tâm trạng của Mátxcova. Càng đi xuống các cấp dưới trong quân đội — từ Ban Tham mưu đến các sư đoàn, trung đoàn, đại đội —, càng thấy rõ là không thể tiến hành một cuộc chiến tranh tấn công mới. Tôi gửi cho Lênin một lá thư viết tay, không giữ lại bản sao, và tiếp tục chuyển đi thanh tra. Hai, ba ngày ngoài mặt trận thừa đủ để tôi cùng

có thêm kết luận mà tôi đã có trước chuyến đi. Tôi trở về Mátxcova và Bộ Chính trị hầu như đồng thanh phê chuẩn nghị quyết ký kết tức khắc nền hòa bình.

Sai lầm trong những tính toán chiến thuật của cuộc chiến tranh Ba Lan đem lại những hậu quả lịch sử khổng lồ. Nước Ba Lan của Pinxútcki ra khỏi cuộc chiến, mạnh lên một cách bất ngờ. Ngược lại, một đòn khủng khiếp giáng vào quá trình diễn tiến của cách mạng Ba Lan. Đường biên giới được vạch ra trên cơ sở hiệp ước Riga phân cách nước Cộng hòa Xô-viết với nước Đức, điều này về sau sẽ có vai trò đặc biệt trong đời sống cả hai nước... Có nhiên, Lênin hiểu hơn ai hết ý nghĩa của sai lầm "Vácsava" và hơn một lần, ông đã nhắc lại trong suy nghĩ và lời nói.

Trong nền văn học của bọn người kế nghiệp, Lênin được miêu tả theo cung cách gần như kiểu các họa sĩ vẽ tranh tường của trường phái Xudođan [Souzdal] đã từng phác họa các vị thánh và Chúa Kitô: chúng ta thấy một bức biếm họa thay vì một gương mặt tượng trưng cho lý tưởng. Cho dù những người thợ vẽ tranh thánh đã cố gắng vượt bản thân họ đến mức nào đi nữa, rốt cục họ chỉ diễn đạt được sở thích cá nhân của chính họ trên tấm bảng gỗ, và do đó họ chỉ thể hiện được tấm chân dung đã lý tưởng hóa của chính họ. Bởi lẽ uy tín của ban lãnh đạo kế nghiệp được duy trì do việc cấm nghi ngờ tính bất khả sai lầm của Lênin, sách vở của tập đoàn kế nghiệp không diễn tả Lênin như một chiến lược gia cách mạng, một người có khả năng nhận định tình thế một cách thiên tài, mà như một cỗ máy học tự động đưa ra những quyết định không thể sai lầm. Với Lênin, tôi là người đầu tiên dùng chữ *thiên tài*, khi những kẻ khác còn chưa dám nói. Đúng, Lênin là một thiên tài, là hiện thân của thiên tài nhân loại. Nhưng Lênin không phải là một cỗ máy tự động không thể sai lầm. Có điều, ông phạm sai lầm ít hơn nhiều so với bất kỳ ai ở vào tình thế của ông. Nhưng Lênin cũng có những sai lầm, hơn nữa, khi Lênin sai lầm, những sai lầm của ông mang tầm vóc rất lớn: nó chiếm tỉ lệ tương xứng với sự nghiệp vĩ đại của ông.

CHƯƠNG XXXVIII

CHUYỂN SANG N.E.P. QUAN HỆ CỦA TÔI VỚI LÊNIN

Tôi muốn nói đến giai đoạn cuối cùng của thời gian tôi cộng tác với Lênin. Giai đoạn này sở dĩ quan trọng cũng bởi vì nó đã tiềm ẩn những nhân tố thắng lợi mà những kẻ kế nghiệp sẽ giành lấy sau khi Lênin mất.

Sau khi Lênin qua đời, người ta dựng nên một tổ chức phức tạp dây mơ rễ má gồm nhiều chi nhánh vắn — sử học để bóp méo lịch sử mối quan hệ giữa chúng tôi. Phương pháp cơ bản của họ là bứt từ quá khứ những thời điểm — khi chúng tôi bất đồng với nhau — và dựa vào một số từ ngữ mà chúng tôi đã dùng trong khi luận chiến, hoặc thông thường hơn, dựa vào những chuyện thô thiển, hoàn toàn bịa đặt, để vẽ ra một bức tranh về cuộc chiến đấu không ngừng giữa hai "nguyên lý" chủ đạo: chủ nghĩa lê-nin-nít và chủ nghĩa trốt-kít. Lịch sử giáo hội do các nhà biện giải thời Trung cổ biên chép có thể được coi là một kiểu mẫu khoa học so với sự nghiên cứu lịch sử của trường phái những người kế nghiệp. Trong một chừng mực nhất định, công việc của đám người này được dễ dàng vì mỗi khi bất đồng ý kiến với Lênin, tôi nói to lên, thậm chí nếu thấy cần thiết, tôi còn viện tới đảng. Nói về tập đoàn kế nghiệp ngày nay, nếu họ bất đồng quan điểm với Lênin — việc này xảy ra thường xuyên hơn nhiều so với trường hợp tôi —, họ thường im lặng hoặc như Xtalin thường làm, họ làm bộ hờn dỗi và nấu mình vài ngày ở một làng nhỏ cạnh Mátxcova. Các quyết định mà Lênin và tôi rút ra một cách độc lập, trong đại đa số trường hợp, chúng trùng nhau trong mọi tinh tiết cơ bản. Chỉ cần nói nửa lời chúng tôi đã thông hiểu lẫn nhau. Khi tôi cảm thấy một quyết định của Bộ Chính trị hoặc của Hội đồng Dân ủy có thể chệch theo hướng sai trái, tôi gửi vài dòng cho Lênin trên một mẫu giấy. Ông trả lời tôi: "Hoàn toàn có lý. Đồng chí đề nghị đi". Đôi khi Lênin cũng gạn hỏi theo cách như vậy, rằng tôi có đồng ý với đề nghị của ông không và ông yêu cầu tôi phát biểu ủng hộ ông. Thông thường, Lênin thảo luận với tôi qua điện thoại về tiến trình công việc và khi có vấn đề quan trọng, ông kiên trì nhắc lại:

— Nhất thiết, nhất thiết đồng chí phải đến!

Khi chúng tôi cùng hành động — điều này diễn ra trong tối đại đa số các vấn đề mang tính nguyên tắc —, những kẻ không bằng lòng với quyết định, trong số đó có nhóm kế nghiệp hiện nay, đơn thuần chỉ lặng im. Biết bao nhiêu lần đã xảy ra chuyện Xtalin, Camênhép hoặc Dinôviép không đồng tình với tôi

trong một vấn đề nào đó có tầm quan trọng bậc nhất, nhưng họ lập tức im lặng khi họ nhận thấy Lenin nhất trí với tôi. Người ta có thể nghĩ thế nào tùy ý về việc những "môn đệ" sẵn sàng từ bỏ ý kiến của mình để theo ý kiến của Lenin, nhưng thái độ sẵn sàng ấy không có gì đảm bảo cho việc họ có thể rút ra được những giải pháp lê-nin-nít khi Lenin vắng mặt.

Trong cuốn sách này, những bất đồng quan điểm của chúng tôi chiếm một vị trí mà chúng chưa bao giờ có trong cuộc sống thực tế. Điều đó có hai lý do. Những bất đồng giữa chúng tôi chỉ là ngoại lệ và chính vì thế, chúng thu hút sự chú ý. Sau khi Lenin mất, nhóm kế nghiệp phóng đại những bất đồng của chúng tôi đến kích thước ngoài sự tưởng tượng, khiến chúng trở nên những nhân tố chính trị độc lập và hoàn toàn không dính líu gì với Lenin và với tôi.

Trong chương sách nói trên, tôi đã trình bày kỹ lưỡng đến mức có thể về nội dung và sự phát triển của những mối bất đồng xuất hiện giữa Lenin và tôi trong vấn đề hòa bình ở Bờrét. Ở đây, tôi cần phải nhắc đến một bất đồng khác, đã khiến chúng tôi đối đầu nhau trong hai tháng rạn vỡ nổi năm 1920 với 1921, trước khi đảng chấp nhận chính sách kinh tế mới.

Không có gì nghi ngờ, cái gọi là cuộc tranh luận về nghiệp đoàn đã rù bóng xuống mối quan hệ giữa chúng tôi trong một thời gian. Cả hai chúng tôi đều có bản chất quá cách mạng và quá chính trị để hiểu biết hoặc để muốn tách rời cái cá nhân khỏi cái chung. Trong quá trình tranh luận, có thể nói Xtalin và Dinóviép đã có điều kiện hợp pháp để chuyển cuộc chiến đấu chống tôi từ sau hậu trường ra ngoài sân khấu công khai. Họ đã cố gắng hết sức để lợi dụng tình thế. Đối với họ, đó là cuộc tập dượt chủ yếu cho chiến dịch chống "chủ nghĩa trót-kít" sau này. Nhưng chính khía cạnh đó của sự việc đã làm Lenin lo lắng nhất và ông tìm mọi cách để làm tê liệt nó.

Rác rưởi đã phủ kín nội dung chính trị của cuộc tranh luận, đến nỗi tôi không hề muốn thể chân nhà sử gia nào đó của tương lai, muốn đào đến tận gốc rễ của sự việc. Rất cục, sau khi Lenin mất, tập đoàn kế nghiệp phát hiện ra lúc đó tôi có quan điểm "đánh giá thấp giai cấp nông dân" và hầu như tôi là kẻ thù của N.E.P. Về căn bản, tất cả cuộc đấu tranh sau này đều được xây dựng trên hai luận điểm đó. Trong thực tế, cội rễ của cuộc tranh luận hoàn toàn ở chỗ khác. Tuy nhiên muốn tìm ra chúng, phải đi ngược thời gian một chút.

Mùa thu năm 1919, khi số lượng đầu máy xe lửa trong tình trạng hư hỏng lên đến 60% tổng số, người ta cho rằng hoàn toàn chắc chắn là con số đó sẽ lên tới 75% vào mùa xuân 1920. Các chuyên gia xuất sắc nhất khẳng định như thế. Trong hoàn cảnh này, giao thông đường sắt thực tế không còn ý nghĩa gì vì với 25% số đầu máy vận hành chậm chạp, chỉ có thể đáp ứng những nhu cầu của tuyến đường sắt hoạt động theo phương pháp đốt củi. Một kỹ sư tên là Lômônôxốp [Lomonosov], người thực tế nắm trong tay nền giao thông vào những tháng ấy, giới thiệu cho chính phủ biểu đồ "bệnh dịch đầu máy xe lửa". Chính xác như một nhà toán học, anh nhấn mạnh một điểm nào đó của năm 1920, rồi tuyên bố:

— Và đến đây là chết.

— Vậy chúng ta phải làm gì? — Lenin hỏi.

— Không có những phép lạ — Lômônôxốp đáp. — Ngay cả những người bôn-sê-vích cũng không thể làm nên những phép lạ.

Chúng tôi nhìn nhau. Bầu không khí càng trở nên nặng nề bởi chẳng ai trong số chúng tôi hiểu biết kỹ thuật vận tải và chẳng ai nắm được những tính toán bi quan kiểu này.

— Dù sao chúng ta cũng cố thử làm ra một phép lạ — Lenin thì thầm trong hàm răng, giọng nói khô đi.

Tuy nhiên trong những tháng tiếp theo tình hình tiếp tục xấu đi. Những nguyên nhân khách quan cũng đã quá rõ, nhưng rất có khả năng một vài kỹ sư đã tìm cách chỉnh lại trạng thái giao thông một cách giả tạo cho hợp với biểu đồ của họ.

Năm 1919-1920, tôi trải qua những tháng mùa đông ở vùng Uran, tại đó tôi điều khiển công tác kinh tế. Lenin đánh điện tín đề nghị tôi đảm nhiệm việc chỉ đạo giao thông và thử cố gắng chấn chỉnh nó bằng những biện pháp đặc biệt. Tôi đồng ý đảm nhiệm việc đó.

Từ Uran, tôi trở về với một trữ lượng rất lớn những nhận xét về kinh tế, tất cả có thể tổng kết bằng một kết luận chung duy nhất: phải từ bỏ chế độ cộng sản thời chiến. Thông qua công việc thực tiễn, tôi thấy hoàn toàn rõ ràng là những phương pháp của chủ nghĩa cộng sản thời chiến mà chúng ta bị áp đặt bởi tổng thể các tình huống của cuộc nội chiến, nay đã cạn kiệt và để phục hồi nền kinh tế, bằng mọi giá, cần phải tái lập yếu tố lợi ích cá nhân, tức là thiết lập lại thị trường trong nước đến một mức độ nào đó. Tôi đệ trình lên Ban Trung ương một dự thảo về việc thay sự trưng thu cưỡng bức bằng thuế nông sản và cho phép trao đổi hàng hóa:

... Chính sách hiện nay về trưng thu bình quân dựa trên cơ sở các chỉ tiêu lương

thực, về trách nhiệm tương hỗ khi tập trung và phân bố binh quân các sản phẩm công nghiệp khiến nền nông nghiệp bị tàn lụi, giới vô sản công nghiệp bị tiêu hao và đe dọa làm sụp đổ vĩnh viễn đời sống kinh tế của đất nước.

Tôi đã viết như thế trong lá thư đệ trình Ban Trung ương tháng Hai năm 1920.

Lá thư tiếp tục như sau:

Các nguồn lương thực dự trữ có nguy cơ cạn kiệt, không bộ máy trung thu nào, dầu cải tiến đến đâu, có thể khắc phục được hiểm họa đó. Có thể chống lại những khuynh hướng suy thoái kinh tế như thế bằng những biện pháp sau:

1. Thay sự trung thu những khoản dư thừa bằng một sự khấu trừ theo phần trăm nhất định (một loại thuế thu nhập bằng hiện vật mang tính lũy tiến), tính toán sao cho việc mở rộng diện tích canh tác hay sản xuất tốt vẫn còn có lợi;

2. Đảm bảo cho nông dân một tương quan tốt hơn giữa những sản phẩm công nghiệp cung cấp cho họ và lượng ngũ cốc họ giao nộp, chẳng những ở từng huyện và từng làng, mà đến cả từng hộ nông dân.

Như chúng ta có thể thấy, các đề nghị đó vô cùng thận trọng. Nhưng không nên quên rằng thoạt đầu, những nguyên lý cơ bản được thông qua vào năm sau trong chính sách kinh tế mới cũng không đi xa hơn.

Đầu năm 1920, Lênin kiên quyết chống lại đề nghị trên. Ban Trung ương cũng bác bỏ nó với 11 phiếu thuận và 4 phiếu chống. Tiến trình tiếp theo của các sự việc cho thấy một cách rõ ràng rằng quyết định của Ban Trung ương là sai lầm. Tôi không đưa tiếp vấn đề ra đại hội, đại hội này từ đầu đến cuối vẫn mang bầu không khí của chủ nghĩa cộng sản thời chiến. Sau đó chừng một năm, nền kinh tế vẫn còn vật vờ trong ngõ cụt. Bất đồng quan điểm của tôi với Lênin xuất phát từ ngõ cụt ấy. Bởi lẽ mọi người bác bỏ việc chuyển sang các tương quan dựa trên những điều kiện thị trường cho nên tôi đòi hỏi cần phải áp dụng đúng đắn và có hệ thống các phương pháp "thời chiến" để đi đến những kết quả cụ thể trong kinh tế. Trong hệ thống của chủ nghĩa cộng sản thời chiến, khi mọi nguồn lực bị quốc hữu hóa — ít nhất là trên nguyên tắc — và được phân chia theo sự "chỉ định" của nhà nước, tôi nhận thấy các tổ chức nghiệp đoàn không có vai trò độc lập. Trong chừng mực nền công nghiệp dựa trên cơ sở nhà nước bảo đảm những sản phẩm cần thiết cho người lao động, tôi nghĩ rằng cần phải sát nhập các nghiệp đoàn vào hệ thống nhà nước, có nhiệm vụ chỉ đạo công nghiệp và phân phối sản phẩm. Đó là cốt lõi của vấn đề *quốc hữu hóa* các công đoàn, tất yếu xuất phát từ chủ nghĩa cộng sản thời chiến và được tôi ủng hộ trong ý nghĩa đó.

Dựa vào những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản thời chiến được thông qua tại Đại hội IX, tôi bắt đầu hoạt động trong ngành giao thông. Công đoàn đường sắt được liên hệ rất chặt chẽ với bộ máy hành chính của ngành. Những phương pháp kỷ luật quân đội thuần túy được áp dụng khắp ngành giao thông. Tôi thiết lập mối quan hệ rất chặt chẽ giữa bộ máy hành chính mạnh nhất và kỷ luật nhất thời bấy giờ — Bộ Quốc phòng — với bộ máy hành chính ngành giao thông. Điều này có những lợi ích đáng kể, nhất là vì từ khi cuộc chiến tranh với Ba Lan nổ ra, vận tải quân sự lại chiếm vị trí hàng đầu trong giao thông. Từ Bộ Quốc phòng, cơ quan mà hoạt động của nó đã phá hủy ngành đường sắt, hàng ngày tôi đi xe hơi đến Bộ Dân ủy Giao thông, tại đó chẳng những tôi cứu ngành này khỏi bị tan rã toàn diện mà còn tìm cách phục hồi nó trong một chừng mực nào đó.

Một năm làm việc trong ngành giao thông là một trường học lớn đối với tôi. Tất cả các vấn đề mang tính nguyên tắc của công cuộc tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa đều xuất hiện trong lĩnh vực giao thông dưới dạng cô đặc nhất. Một số lượng khổng lồ đầu máy và toa xe lửa nằm choán các đường đi và xưởng sửa chữa. Bắt đầu công việc chuẩn bị lớn lao nhằm chuẩn hóa ngành giao thông mà trước đây, cho đến ngày cách mạng, một nửa thuộc ngân khố quốc gia, nửa nằm trong tay tư nhân. Các đầu máy được phân loại, công việc sửa chữa trở nên có kế hoạch hơn. Các công xưởng sửa chữa nhận những nhiệm vụ được phác họa chính xác, tùy theo trang thiết bị. Chúng tôi dự kiến sẽ phát triển ngành giao thông trở lại mức độ trước chiến tranh trong vòng bốn năm rưỡi. Các biện pháp được vận dụng dần dần đem lại những kết quả không thể chối cãi. Mùa xuân và mùa hè 1920, ngành giao thông bắt đầu ra khỏi tình trạng tê liệt. Lênin không bỏ lỡ một dịp nào để ghi nhận sự hồi sinh của đường sắt. Nếu cuộc chiến tranh do Pinxúttxki phát động — trước hết nhằm vào việc phá hoại mạng lưới giao thông của chúng ta — không đem lại cho Ba Lan những kết quả mong đợi, thì chính bởi vì đường đồ thị của biểu đồ giao thông đường sắt đột nhiên đi lên. Chúng tôi đã đạt được kết quả này nhờ các biện pháp hành chính vô cùng cứng rắn, xuất phát từ tình trạng gây cản của ngành giao thông và cũng từ hệ thống của chủ nghĩa cộng sản thời chiến.

Song le, quần chúng công nhân đã trải qua ba năm nội chiến, ngày càng khó chịu đựng những

phương pháp độc đoán theo lối quân sự. Bằng bản năng chính trị không thể làm lẫn của ông, Lênin cảm thấy thời điểm nguy kịch sắp đến. Trong khi xuất phát từ những suy tính kinh tế thuần túy, từ cơ sở của chủ nghĩa cộng sản thời chiến tôi yêu cầu các tổ chức nghiệp đoàn phải tiếp tục gắng sức thì Lênin, từ những mối quan tâm chính trị, lại đi theo hướng giảm nhẹ áp lực của cuộc nội chiến.

Trong đêm trước của Đại hội X, hai đường lối của chúng tôi đi giao nhau một cách đối kháng. Tranh luận nổ ra trong đảng. Cuộc tranh luận hoàn toàn không đi vào đề. Đảng suy tính, tự hỏi phải đi theo nhịp độ nào trong con đường quốc hữu hóa các nghiệp đoàn, trong khi vấn đề đặt ra là bánh mì hàng ngày, chất đốt và nguyên liệu cho nền công nghiệp. Đảng tranh luận nảy lửa về "trường học của chủ nghĩa cộng sản", trong khi nền kinh tế đang tiến đến gần sự sụp đổ. Cuộc nổi dậy ở Cờnôstát và khởi nghĩa tại chính phủ Tambóp xen vào cuộc tranh luận như một lời cảnh cáo cuối cùng. Lênin khởi thảo những luận đề đầu tiên, rất thận trọng, về sự chuyển tiếp sang chính sách kinh tế mới. Tôi lập tức đứng về phía ông. Đối với tôi, đó chỉ là sự nhắc lại những đề nghị tôi đã đưa ra một năm trước đây. Cuộc tranh luận về nghiệp đoàn liền mất ngay mọi ý nghĩa của nó. Ở đại hội, Lênin không tham gia tranh luận, ông để Dinôviép ngồi chơi với đồng vô đạn rỗng. Trong cuộc tranh luận, như một lời nhắc nhở, tôi báo trước rằng nghị quyết về các nghiệp đoàn được đa số thông qua sẽ không tồn tại đến đại hội sau vì định hướng theo chính sách kinh tế mới đòi hỏi sự xét lại hoàn toàn chiến lược công đoàn. Và quả thực, vài tháng sau Lênin khởi thảo những luận đề hoàn toàn mới về vai trò và nhiệm vụ của nghiệp đoàn, căn cứ vào những điều kiện của N.E.P. Tôi hoàn toàn ủng hộ dự thảo nghị quyết của ông. Sự đoàn kết giữa chúng tôi lại được tái lập. Tuy nhiên, Lênin e ngại sự tổ chức những phe nhóm bên vũng trong nội bộ đảng, trải qua quá trình tranh luận kéo dài hai tháng, sẽ đầu độc các mối quan hệ và làm trở ngại công việc. Nhưng ngay tại đại hội, tôi đã chấm dứt mọi cuộc trao đổi ý kiến với những người có suy nghĩ giống tôi về vấn đề nghiệp đoàn. Vài tuần sau đại hội, Lênin nhận thấy rằng chẳng kém gì ông, tôi cũng quan tâm đến việc thanh toán những nhóm nhỏ tạm thời, không dựa trên cơ sở nguyên lý nào, đang được hình thành trong đảng. Lênin liền thấy nhẹ nhõm trong lòng. Nhân một nhận xét khiêm nhã về tôi của Mólôtốp, vừa được bầu lần đầu tiên vào Ban Trung ương, Lênin đã cảnh cáo thái độ khiêm nhã của anh ta. Ông nói thêm: "Tuyệt đối không thể chê trách được sự trung tín của đồng chí Trótxki trong các mối quan hệ thuộc nội bộ đảng". Lênin nhắc đi nhắc lại nhiều lần câu nói đó. Rõ ràng là ông không chỉ đẩy lùi Mólôtốp, mà còn đẩy lùi những kẻ khác nữa. Bởi lẽ Xtalin và Dinôviép cố tìm cách kéo dài một cách giả tạo cuộc tranh luận.

Chính tại Đại hội X, Xtalin được giới thiệu vào chức vụ tổng bí thư theo đề xướng của Dinôviép và trái với ý nguyện của Lênin. Các đại biểu đại hội tưởng rằng đây là sự đề cử nhất trí của toàn Ban Trung ương. Và lại, không ai để ý gì mấy đến việc bầu bán này. Chức vụ tổng bí thư, lần đầu tiên được lập ra ở Đại hội X, thời Lênin chỉ mang tính chất chuyên môn chứ không hề có tính chất chính trị. Tuy nhiên, Lênin tỏ ý lo ngại, ông nhắc đi nhắc lại về Xtalin: "Anh đầu bếp này sẽ chỉ nấu những món chua cay". Chính vì thế Lênin đã nhấn mạnh "sự trung tín của Trótxki" trong một phiên họp đầu sau đại hội của Ban Trung ương: nhận xét ấy nhằm vào những kẻ mưu mô nôn nóng.

Câu nói này của Lênin không phải là một nhận xét thoáng qua. Trong nội chiến, có một lần Lênin đã tỏ ra tin tưởng vô bờ bến về mặt tinh thần đối với tôi — không phải bằng lời nói mà bằng việc làm — tới mức độ không ai có thể mong hơn thế và cũng không ai có thể cho ai hơn thế. Nguyên do cũng vẫn là phe đối lập quân đội do Xtalin giật giây trong hậu trường đã tạo ra cơ hội ấy. Trong những năm chiến tranh, tôi đã tập trung trong tay một quyền lực mà thực tế có thể nói là vô biên. Tòa án quân sự cách mạng hội họp trong toa tàu hỏa của tôi. Các mặt trận đều phụ thuộc vào tôi và hậu phương lại phụ thuộc vào các mặt trận. Có những thời kỳ mà toàn bộ phần lãnh thổ của nước cộng hòa chưa bị Bạch quân chiếm giữ thực ra chỉ là hậu phương hoặc là quân khu được tăng cường bảo vệ. Họ hàng, bạn bè những người lọt vào bánh xe chiến đấu của chúng tôi đều cố làm mọi việc có thể để giảm nhẹ số phận người thân của họ. Từ các dòng kênh, các máng khác nhau, những sự can thiệp, những lời than phiền và đơn từ khiếu nại thi nhau dồn về Mátxcova, nhất là về Chủ tịch đoàn Ban Chấp hành Trung ương. Các tình tiết đầu tiên liên quan đến đề tài này phát triển từ khi xảy ra những sự kiện ở Xviiagioxcơ. Trên kia, tôi đã kể chuyện tôi trao cho tòa án binh xử án viên tư lệnh trung đoàn xạ thủ Létônin thứ IV, khi hắn đe dọa sẽ rút trung đoàn khỏi các vị trí chiến đấu. Tòa án xử hắn năm năm tù giam. Vài tháng ngắn ngủi sau đó, có hàng loạt những đơn từ xin thả tự do cho hắn. Người ta làm áp lực đặc biệt đối với Xvéclốp, anh đưa vấn đề ra Bộ Chính trị. Tôi trình bày ngắn gọn tình hình chiến sự khi viên tư lệnh đưa ra "những hậu quả nguy hiểm đối với cách mạng" đe dọa tôi. Trong khi tôi kể, khuôn mặt Lênin mỗi lúc một sa sầm hơn. Tôi vừa chấm dứt câu chuyện thì ông kêu lên bằng một giọng cố nén, khàn khàn, biểu hiện khi ông xúc động mạnh:

— Cứ đề ý ở trong tù, nơi y đang ở...

Xvéclốp nhìn Lênin, rồi nhìn tôi và nói:

— Tôi cũng nghĩ như vậy.

Một sự kiện khác có tầm quan trọng lớn hơn nhiều, liên quan đến sự thực hiện bản án tử hình một tư lệnh và một chính ủy, những người rút một trung đoàn khỏi vị trí của họ ở Cadan, dùng vũ khí chiếm một con tàu thủy và chủ định xuôi dòng về Nhigionhi Nôvogôrôt. Trung đoàn này được thành lập ở Xmôlênxcơ, tại đó lãnh đạo công việc lại là những người phản đối đường lối quân sự do tôi đề ra; sau này họ trở thành những cộng sự hăng hái của tôi. Nhưng lúc đó họ làm âm ỉ. Ủy ban kiểm tra được chỉ định theo yêu cầu của tôi đã hoàn toàn nhất trí thừa nhận biện pháp của các cơ quan quân sự, họ coi nó phù hợp với hoàn cảnh. Nhưng những lời bàn ra tán vào mập mờ không chấm dứt. Nhiều lần tôi có cảm giác những đầu mối được điều khiển từ khoảng cách rất gần, hầu như ngay từ Bộ Chính trị. Nhưng tôi không có thì giờ để điều tra và làm sáng tỏ đầu mối các âm mưu. Chỉ một lần duy nhất, trong phiên họp Bộ Chính trị tôi nhắc rằng chúng ta đã không thể họp bàn ở đây nếu không áp dụng những biện pháp hà khắc ở Xviagiơxcơ. "Đồng chí hoàn toàn có lý!" — Lênin xen vào và với sự nhanh nhẹn thường thấy, ông viết vài dòng bằng mực đỏ lên tờ giấy có tiêu đề của Hội đồng Dân ủy. Phiên họp ngừng một lúc vì Lênin làm chủ tọa. Hai phút sau, ông đưa cho tôi tờ giấy như sau:

Nước Cộng hòa Xô-viết Nga
Chủ tịch Hội đồng Dân ủy
Mátxcova, điện Kremli
... tháng Bảy năm 1919

Các đồng chí!

Tôi biết rằng đồng chí Trótxki thường ra những chỉ thị nghiêm khắc, nhưng tôi tin tưởng đến mức tuyệt đối vào sự đúng đắn, hợp lý và cần thiết của những chỉ thị do đồng chí Trótxki đưa ra, tôi hoàn toàn ủng hộ quyết định của đồng chí ấy.

V. Ulianốp-Lênin

— Tôi sẽ đưa đồng chí bao nhiêu tờ như thế này cũng được, tùy đồng chí — Lênin nói.

Trong nội chiến, giữa những hoàn cảnh vô cùng khó khăn, khi những chỉ thị được đưa ra cấp tốc và không thể sửa đổi được, khi những sai lầm có thể chen lẫn vào vô số quyết định, bằng chữ ký của ông, Lênin chứng thực trước bất kỳ biện pháp nào của tôi mà tôi thấy cần thiết, mặc dù cuộc sống và cái chết của bao người phụ thuộc vào những quyết định ấy. Thử hỏi có thể tưởng tượng được lòng tin ở mức độ nào cao hơn giữa hai con người?

Ngay cả ý nghĩ về một văn bản bất thường như thế cũng chỉ có thể hình thành trong bộ óc Lênin bởi ông biết hoặc đoán rõ hơn tôi những nguồn gốc của mọi mưu đồ. Ông cảm thấy cần thiết phải bác bỏ những mưu đồ này một cách cương quyết nhất. Nhưng Lênin chỉ có thể đưa ra một quyết định như thế vì trong tận thâm tâm, ông tin không đời nào tôi có hành động bất trung hoặc lạm dụng quyền lực. Lênin đã biểu thị niềm tin ấy trong mấy dòng chữ trên, với một nghị lực tột bậc.

Tập đoàn kế nghiệp không tìm ra đâu một văn bản như thế trong kho thư khố của chính họ. Trong kho lưu trữ cá nhân của mình, Xtalin chỉ có thể đựng phải "Di chúc" của Lênin mà ông ta đã giấu biệt đi trước đảng; tài liệu đó nói về Xtalin như một kẻ bất tín và có thể lạm dụng quyền hành.

Chúng ta chỉ cần so sánh hai văn bản — một là sự ủy quyền đạo đức vô hạn mà Lênin đã trao cho tôi, và một là bức thư đánh giá sự bất tín cần cũng do Lênin trao cho Xtalin —, để có thể nhận thấy một bức tranh toàn cảnh, rằng Lênin đã có ý kiến như thế nào về tôi và về Xtalin!

CHƯƠNG XXXIX

BỆNH TÌNH CỦA LÊNIN

Tôi xin nghỉ chữa bệnh lần đầu tiên vào mùa thu năm 1920, khá lâu trước Đại hội thứ lần IV của Quốc tế Cộng sản. Tôi ở vùng ngoại ô Mátxcova gần hai tháng. Lúc đó tôi quyết định chữa bệnh một cách nghiêm túc. Tôi chia thời gian điều trị làm hai phần, một phần dành cho việc dự thảo kỹ lưỡng bản Tuyên ngôn,

trong những năm sắp tới, nó sẽ thay thế cương lĩnh của Đệ tam Quốc tế, và một phần để săn bắn. Sau những năm tháng căng thẳng, tôi thấy có nhu cầu nghỉ ngơi nhưng tôi lại không quen nghỉ ngơi. Đi dạo vốn không phải là nghỉ ngơi đối với tôi và giờ đây vẫn thế. Sức hấp dẫn của săn bắn là ở chỗ nó tác động đến tinh thần như ta dấn cao lên cái nhọt...

Một chủ nhật đầu tháng Năm năm 1922, tôi thả lưới bắt cá trên một nhánh cổ kính của dòng sông Mátxcova. Trời mưa, cỏ thấm ướt, tôi trượt chân trên bờ dốc và bị bong gân. Không có gì nghiêm trọng lắm, tôi chỉ phải nằm liệt giường vài ngày. Ngày thứ ba Bukharin đến thăm tôi.

— Đồng chí cũng phải nằm à? — anh hỏi hoảng la lên.

— Thế ngoài tôi ra, còn ai nữa? — tôi hỏi.

— Ilích nguy rồi, ông bị chảy máu não! Không đi lại được, không nói được. Các bác sĩ hoàn toàn bó tay.

Lênin rất quan tâm đến sức khỏe các đồng sự của ông và thường hay trích dẫn câu nói của một người di tán: "Người cũ chết dần chết mòn, lớp thanh niên thì bỏ cuộc".

— Thử hỏi ở xứ ta có nhiều người biết châu Âu là gì không? Phong trào công nhân thế giới ra sao? Chừng nào chúng ta còn đơn độc với cuộc cách mạng của chúng ta, kinh nghiệm quốc tế của nhóm lãnh đạo đảng ta là không gì thay thế được — ông nói.

Lênin bao giờ cũng coi mình là người hoàn toàn khỏe mạnh. Sức khỏe của ông được coi như một trong những bảo đảm vững chắc của cách mạng. Ông luôn tích cực, tinh táo, điềm đạm và vui vẻ. Hiếm khi tôi nhận thấy những dấu hiệu đáng lo ngại ở ông. Trong Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản, tôi đã sùng sốt khi thấy gương mặt mệt mỏi, giọng nói ngắt quãng và nụ cười héo hon của ông. Nhiều lần tôi đã nói với Lênin rằng ông phí phạm sức lực bản thân quá nhiều trong những công việc thứ yếu. Ông gật đầu thừa nhận nhưng không thể làm khác. Đôi khi, chỉ luôn luôn thoảng qua, đờm chút bối rối, ông phàn nàn là ông nhưc đầu. Nhưng hai, ba tuần nghỉ ngơi đủ làm ông hồi phục. Dường như Lênin không bao giờ bị hao mòn.

Vào cuối năm 1921, bệnh trạng Lênin nặng hơn. Ngày 7 tháng Chạp, ông thông báo với các ủy viên Ban Trung ương trong một lá thư ngắn:

Hôm nay tôi khởi hành. Mặc dầu đã giảm lượng công việc và tăng phần nghỉ ngơi trong những ngày gần đây, càng ngày tôi càng mất ngủ ghê gớm. Tôi sợ sẽ không đủ sức phát biểu ở hội nghị đảng và ở Đại hội các Xô-viết.

Từ đó, Lênin giành phần lớn thì giờ sống trong một làng lân cận Mátxcova, nhưng từ đó, ông vẫn rất chăm chú theo dõi các sự kiện trong chừng mực có thể. Khi đó, công cuộc chuẩn bị cho hội nghị Gênova [Gênes] đang được tiến hành. Ngày 23 tháng Giêng năm 1922, Lênin viết cho các ủy viên Bộ Chính trị:

Tôi vừa nhận được hai lá thư của Tritrêrin (viết ngày 20 và 21). Đồng chí ấy đặt câu hỏi: phải chăng ta có nên đồng ý chấp nhận một số sửa đổi nhỏ trong hiến pháp để đổi lấy một sự đền bù đáng kể, tức là công nhận các phần tử ăn bám được có đại diện trong Xô-viết. Làm thế để vừa lòng người Mỹ. Theo tôi, đề nghị ấy của Tritrêrin chứng tỏ phải đưa ngay đồng chí ấy đi điều dưỡng ở bệnh viện. Mọi sự buông lỏng trong vấn đề này, mọi trì hoãn v.v..., theo ý tôi, sẽ đem lại nguy cơ rất lớn xét từ phương diện những cuộc đàm phán.

Người ta cảm thấy Lênin sống và thở trong mỗi từ ngữ của mảnh giấy này, trong đó ông biểu hiện thái độ chính trị không khoan nhượng đi kèm lòng nhân ái hóm hỉnh.

Tình trạng sức khỏe của Lênin vẫn tiếp tục suy giảm. Tháng Ba năm 1922, những cơn nhưc đầu càng tăng. Nhưng các bác sĩ không tìm thấy một tổn thương nội tạng nào và họ chỉ định một đợt nghỉ dài hơn. Lênin chuyển đến một làng ngoại ô Mátxcova và gần như ông cư trú ở đó. Tại đây, ông bị chảy máu não lần thứ nhất vào đầu tháng Năm.

Sau này tôi mới biết Lênin đã ốm từ ba ngày nay. Tại sao người ta không báo ngay cho tôi? Hồi đó, tôi chưa hề có một chút ngờ vực nào.

— Mọi người không muốn làm đồng chí lo lắng — Bukharin trả lời tôi. — Họ còn chờ xem sự việc chuyển biến ra sao.

Bukharin nói hoàn toàn thành thực, anh lặp đi lặp lại những gì "cấp trên" đã gợi ý cho anh. Thời kỳ ấy, Bukharin gắn bó với tôi theo một thiên hướng rất "bu-kha-rin-nít", nghĩa là nửa tâm thần, nửa con trẻ. Anh kết thúc câu chuyện về bệnh tình của Lênin bằng cách nhào lên giường tôi, ôm chàng lấy tôi qua tấm chăn và than vãn:

— Đừng ốm, tôi van đồng chí, đồng chí đừng ốm... Có hai người mà tôi luôn nghĩ đến cái chết của họ một cách kinh hoàng... Ilích và đồng chí!

Tôi thân ái quở trách nhẹ nhàng để đưa anh trở lại trạng thái bình thường. Bukharin không để tôi tập trung tư tưởng vào cái tin anh đưa đến. Tôi gần như choáng váng trước đòn đánh đó. Đường như cả cuộc cách mạng cũng nín thở.

N.I.Xêđôva viết trong sổ ghi chép của cô:

Mọi người thì thầm thông báo cho nhau biết những tin tức đầu tiên về bệnh trạng của Lênin. Đường như chưa bao giờ, chưa có ai lại nghĩ rằng Lênin có thể ngã bệnh. Nhiều người biết Lênin chăm chú để tâm đến tình trạng sức khỏe của người khác, nhưng ông có vẻ không bao giờ bị ốm. Gần như toàn bộ thể hệ các nhà cách mạng đứng tuổi đều bị đau tim vì làm việc "quá tải". "Hầu như động cơ trục trặc ở tất cả mọi người" — các bác sĩ phàn nàn. Giáo sư Ghêchie [Guétier] nói với Lép Đaviddóvich: "Chỉ có hai quả tim hoàn hảo: quả tim của Voladimira Ilích và của đồng chí. Có thể sống hàng trăm năm với quả tim như thế". Những đợt khám của các bác sĩ ngoại quốc chứng nhận rằng trong số tất cả những người họ đã khám ở Mátxcova, chỉ có hai quả tim hoạt động không chệch vào đâu được: quả tim của Lênin và của Trótxki. Đối với quảng đại quần chúng, mọi người đón sự biến chuyển về tình trạng sức khỏe Lênin một cách bất ngờ, như thể có một cái gì đó đảo lộn trong chính cuộc cách mạng. Chẳng lẽ Lênin cũng có thể ốm, có thể chết như bất cứ một ai khác? Không thể có ý nghĩ Lênin bị mất khả năng đi lại và bị cấm khẩu. Và mọi người tin chắc rằng ông sẽ vượt qua tất cả, sẽ giành phần thắng và sẽ lành bệnh...

Tâm trạng này đặc trưng cho toàn đảng.

Mãi về sau này, khi nhìn lại quá khứ, tôi hồi tưởng với một nỗi ngạc nhiên mới mẻ rằng tôi chỉ được thông báo về bệnh tình của Lênin vào ngày thứ ba. Thời ấy tôi không để tâm đến chuyện này. Nhưng sự việc không thể ngẫu nhiên. Những kẻ đã có ý loại trừ tôi từ lâu, nhất là Xtalin, muốn tranh thủ thời gian. Bệnh trạng của Lênin đã nặng đến mức kết cục bi thảm có thể xảy ra vào bất kỳ khoảng khắc nào. Và lúc đó, ngay ngày mai, hoặc hôm nay, những vấn đề liên quan đến ban lãnh đạo có thể được đặt ra hoàn toàn sắc nét. Địch thù của tôi muốn tranh thủ thời gian, ít nhất một ngày để có thể chuẩn bị. Họ thì thảo với nhau, rờ rẫm tìm đường và tìm phương cách đấu đá. Có thể giả thiết rằng ý tưởng về một "tròica" (Xtalin-Dinôviép-Kamênhép) đã hình thành từ dạo đó: người ta muốn đưa ra cỗ xe tam mã ấy để chống tôi. Nhưng Lênin bình phục sau trận ốm nặng. Cơ thể của ông, có một nghị lực không gì bẻ gãy, đã tạo nên một sức mạnh vô song. Bộ óc Lênin vốn kiệt sức vì thiếu máu và mất khả năng xếp đặt những âm thanh và những chữ cái, đột nhiên phục hồi trở lại.

Cuối tháng Năm, tôi đi săn cách Mátxcova chừng tám chục ki-lô-mét. Tôi được biết ở vùng đó có một nhà điều dưỡng dành cho trẻ em mang tên Lênin. Bọn trẻ đưa tôi đi dạo bên bờ hồ, chúng gạn hỏi tôi về sức khỏe của Voladimira Ilích, nhờ tôi chuyển đến ông những bông hoa đồng nội và một lá thư. Khi ấy Lênin còn chưa tự viết được. Ông đọc cho thư ký riêng chép mấy dòng:

Voladimira Ilích ủy nhiệm tôi viết cho đồng chí: ông nhiệt liệt tán thành ý kiến của đồng chí, thay mặt ông mang quà tặng trẻ em ở nhà điều dưỡng tại ga Pôtxônnhêchnaia [Podsolnetchnaia]. Voladimira Ilích cũng nhờ đồng chí nói lại với các cháu rằng ông rất cảm ơn lá thư thân tình và những bông hoa của các cháu. Ông tiếc không thể nhận lời mời của các cháu; ông chắc chắn rằng sống với các cháu, ông sẽ bình phục.

Vào tháng Bảy, Lênin đã đứng dậy được và mặc dù ông không chính thức trở về làm việc cho đến tháng Mười, Lênin biết và đi sâu vào mọi việc. Trong những tháng hồi sức ấy, giữa nhiều việc khác, ông rất quan tâm đến vụ án những người xã hội cách mạng cánh hữu. Thành viên đảng này đã ám sát Vôlôđácxki, đã giết hại Urítxki, đã làm Lênin bị thương trầm trọng, hai lần chúng định làm nổ tung đoàn tàu của tôi. Chúng tôi không thể lơ là với chuyện đó được. Mặc dầu không xuất phát từ quan điểm duy tâm như kẻ thù của chúng tôi, nhưng chúng tôi cũng biết đánh giá "vai trò cá nhân trong lịch sử". Chúng tôi không thể nhắm mắt trước nguy cơ đe dọa cách mạng, nếu chúng tôi để mặc kẻ thù lần lượt ám hại từng người của đội ngũ lãnh đạo.

Những bè bạn của chúng tôi — theo khuynh hướng nhân đạo, thuộc loại "không lạnh, không nóng" — nhiều lần đã giải thích cho chúng tôi: họ còn có thể hiểu được sự cần thiết của đàn áp nói chung,

nhưng xử tử một kẻ thù *đã bị bắt giữ* là vượt quá các giới hạn của việc tự vệ chính đáng. Họ yêu cầu chúng tôi phải tỏ ra "hào hiệp". Clara Dětkin [Clara Zetkin] và những người cộng sản khác ở châu Âu — lúc đó còn dám nói ra điều họ suy nghĩ, chống lại Lênin và tôi — nài nỉ xin chúng tôi tha chết cho những bị cáo. Họ đề nghị chúng tôi dừng lại ở mức độ giam cầm. Quả thực, điều này có vẻ đơn giản hơn cả. Nhưng vấn đề đàn áp cá nhân trong một thời kỳ cách mạng lại mang tính cách hoàn toàn đặc biệt, từ đó những quan điểm nhân đạo chung chung không có cơ sở tồn tại. Cuộc chiến nổ ra trực tiếp để dành chính quyền mang tính sinh tử — đây là bản chất của cách mạng —, trong những hoàn cảnh như thế, thử hỏi giam cầm có ý nghĩa gì đối với những kẻ hi vọng chiếm được chính quyền trong vài tuần tiếp tới và đến lượt họ, họ giam cầm hoặc tiêu diệt những người cầm tay lái chính quyền hiện nay? Nhận xét từ quan điểm cái gọi là giá trị tuyệt đối của cá nhân con người, cách mạng đáng bị "lên án", cũng như chiến tranh, cũng như toàn bộ lịch sử nhân loại. Có điều, bản thân khái niệm "cá nhân" cũng chỉ được hình thành trên kết quả của những cuộc cách mạng, và hơn nữa quá trình này còn lâu mới chấm dứt. Để khái niệm cá nhân trở thành thực tế và để khái niệm "quần chúng" — hiểu theo nghĩa xấu của từ này — thôi không còn là phản đề của khái niệm "cá nhân" vốn được ưu đãi về mặt triết học, thì điều cần thiết là bản thân quần chúng phải tự nâng mình lên một bậc cao hơn trong bậc thang lịch sử bằng cái "kích" của cách mạng, hay nói đúng hơn, của hàng loạt những cuộc cách mạng. Rằng đứng trên quan điểm triết học quy phạm, con đường đó tốt hay xấu? — tôi không biết và thú thực tôi cũng không quan tâm. Ngược lại tôi biết chắc chắn rằng đây là con đường duy nhất mà nhân loại được thấy cho đến nay.

Những suy nghĩ này hoàn toàn không có mục đích minh chứng cho sự khủng bố cách mạng. Tìm cách bào chữa nghĩa là hóa ra chúng tôi công nhận ý kiến của những kẻ buộc tội. Mà họ là những ai? Những kẻ tổ chức và lợi dụng cái lò sát sinh tâm cỡ thế giới này? Những kẻ làm giàu mới, tưởng nhớ đến "người chiến sĩ vô danh" bằng cách mơ màng thả những vòng khói xì-gà sau bữa ăn trưa? Hay những kẻ hòa bình chủ nghĩa chỉ chống chiến tranh cho đến lúc cuộc chiến chưa nổ ra và sau đó, sẵn sàng tái diễn tính giả nhân, giả nghĩa đáng ghét của họ? Hoặc giả Lôi Gioóc, Uynxon và Pôencarê [Poincaré], những người — vì các tội ác của dòng họ Hôhendôlécơ (và của chính họ) — tự cảm thấy họ có quyền bắt trẻ em Đức phải chết đói? Phe bảo thủ Anh hay những người cộng hòa Pháp, đã từ xa thổi lên cuộc nội chiến ở Nga và hoàn toàn an toàn, họ tìm cách in giấy bạc từ máu người Nga? Tôi có thể tiếp tục đọc danh mục này đến vô tận. Đối với tôi, đây không phải là vấn đề minh chứng triết học mà là một sự giải thích chính trị. Cách mạng là cách mạng chính bởi nó thu hẹp mọi mâu thuẫn trong quá trình phát triển của nó tới hai khả năng: sinh hoặc tử. Thử hỏi có thể tưởng tượng được không, rằng những kẻ cứ nửa thế kỷ lại ngồi doang chân trên thây xác người chết thành núi để quyết định vấn đề Andátơ [Alsace] và Lôren [Lorraine] thuộc về đâu, lại có thể biến đổi các mối quan hệ xã hội chỉ bằng sự ậm ọe trong nghị trường? Dầu sao đi nữa, chưa ai chỉ cho chúng tôi biết phải làm việc đó như thế nào. Chúng tôi bào vụn sức kháng cự của những mảnh nham thạch nguyên thủy bằng thép và thuốc nổ. Và khi quân thù nhà đạn lửa vào chúng tôi, thường thường từ hòng súng của những quốc gia văn minh nhất và dân chủ nhất, chúng tôi trả lời cũng bằng cách đó. Thấy vậy, Bócna Sô [Bernard Shaw] rung rinh chòm râu về trách móc cả cả phe này lẫn phe kia. Nhưng không ai để ý đến biểu hiện ban ơn ấy.

Mùa hè năm 1922, vấn đề đàn áp được trình bày dưới một hình thức cụ thể hơn vì nó liên quan đến những lãnh tụ của một đảng xưa kia cùng chúng tôi chiến đấu chống thể chế Nga hoàng, và sau bước ngoặt tháng Mười họ đã quay mũi giáo khủng bố lại phía chúng tôi. Những kẻ đào ngũ từ phe xã hội cách mạng khai rằng không phải "bày sớ đơn độc" đã tổ chức các hành động khủng bố nghiêm trọng nhất — như thoát đầu chúng tôi tưởng —, mà chính đảng Xã hội Cách mạng đã làm điều đó, mặc dầu đảng này không chính thức nhận phần trách nhiệm những vụ giết người do họ gây ra. Bản án tử hình của tòa án quân sự là không thể tránh khỏi. Nhưng thi hành án hãn sẽ làm dấy lên một làn sóng khủng bố trả thù. Nếu chúng tôi dừng lại ở bản án giam cầm, dù dài hạn bao nhiêu đi nữa, cũng chỉ khuyến khích thêm những kẻ khủng bố vì họ không hề tin ở sự tồn tại lâu bền của chính quyền Xô-viết. Không còn lối thoát nào khác là để việc thi hành án phụ thuộc vào thái độ của đảng Xã hội Dân chủ cánh hữu: họ có tiếp tục cuộc đấu tranh khủng bố hay bãi bỏ nó? Nói cách khác: chúng tôi phải coi những kẻ cầm đầu đảng ấy là con tin.

Sau khi Lênin đã lành bệnh, tôi gặp ông lần đầu đúng vào những ngày diễn ra phiên tòa những người xã hội cách mạng cánh hữu. Thờ phào nhẹ nhõm, ông chấp nhận ngay quyết định do tôi đề nghị: "Đúng vậy, không còn giải pháp nào khác".

Để thấy là sự lành bệnh chấp cánh cho Lênin, tuy nhiên trong ông vẫn còn một tâm trạng bồn chồn.

— Đồng chí thử tưởng tượng xem — ông nói với chút vẻ bối rối —, tôi đã không thể nói, không thể viết được... Tôi phải học lại tất cả...

Và ông thoảng nhìn tôi, ánh mắt thăm dò.

Tháng Mười Lênin chính thức trở lại công việc, ông làm chủ tọa trong các cuộc họp Bộ Chính trị

và Hội đồng Dân ủy. Vào tháng Mười một, ông đã đọc những diễn văn về chương trình hành động; chắc hẳn hệ tuần hoàn máu của Lênin phải trả giá đắt cho những bài phát biểu ấy.

Lênin cảm thấy trong thời gian ông ốm, những sợi tơ hầu như còn rất mỏng manh của một âm mưu đã được giăng sau lưng hai chúng tôi. Nhóm kẻ nghiệp còn chưa đốt cháy, chưa làm sập cầu. Nhưng ở chỗ này chỗ khác, họ đã cưa các xà đỡ và nhét mỗi thuốc nổ vào đó. Cứ có cơ hội là họ lại chống đối những đề nghị của tôi. Như thể họ đã học được tính độc lập và chuẩn bị rất kỹ lưỡng cho những biểu hiện như vậy. Trở lại với công việc, Lênin xem xét những biến đổi trong vòng chín tháng với nỗi lo âu ngày càng tăng; một thời gian, ông không công khai vạch ra những thay đổi ấy để tránh làm gay gắt thêm các mối quan hệ. Nhưng ông chuẩn bị để gạt bỏ "cỗ xe tam mã" và ông cũng đã bắt đầu điều này trong một số vấn đề nhất định.

Bên cạnh vài chục nhiệm vụ lãnh đạo của tôi trong đảng, nghĩa là không công khai và không chính thức, tôi lãnh trách nhiệm điều khiển việc tuyên truyền chống tôn giáo mà Lênin vô cùng quan tâm. Nhắc đi nhắc lại nhiều lần, ông đề nghị tôi không được sao nhãng công việc thuộc lĩnh vực này. Trong những tuần nghỉ dưỡng bệnh, bằng một cách nào đó, ông được biết Xtalin cũng mưu đồ chống lại tôi ở điểm này: ông ta sửa đổi lại bộ máy tuyên truyền chống tôn giáo và gạt tôi ra ngoài. Từ làng quê, Lênin gửi thư đến Bộ Chính trị, trong đó — dường như không có lý do gì đặc biệt lắm — ông trích dẫn cuốn sách chống Caoxki của tôi, khen ngợi tác giả mà ông không nêu tên, cũng như ông không nêu tựa đề cuốn sách. Thú thực tôi không đoán ra ngay là bằng cách đó, qua đường vòng, Lênin biểu thị sự chê trách của ông trước những hoạt động chống phá tôi của bè lũ xta-lin-nít. Tuy nhiên Iarôxláp-xki được đưa lên chức vụ lãnh đạo công tác tuyên truyền chống tôn giáo. Nếu tôi nhớ không nhầm, người ta viện cớ là từ đó trở đi, anh ta sẽ là phụ tá của tôi. Trở lại làm việc và được biết sự việc này, trong một phiên họp Bộ Chính trị, Lênin rất giận dữ rầy la Mólôtốp, thực tế là rầy la Xtalin:

— Ia-rô-xláp-xki? Chẳng lẽ đồng chí không biết Iarôxláp-xki là người ra sao à? Thật nực cười! Làm sao anh ta lãnh nổi nhiệm vụ này?

Và cứ thế ông tiếp tục nói. Phản ứng gay gắt của Lênin có thể là thái quá trong mắt những người "ngoại cuộc". Nhưng cuộc tranh luận không phải diễn ra quanh Iarôxláp-xki, người mà quả thực Lênin không ưa lắm; vấn đề thực ra là đối với ban lãnh đạo đảng. Tôi còn có thể nêu ra nhiều mâu thuẫn nhỏ như thế.

Tóm lại, từ ngày tiếp xúc gần gũi hơn với Lênin, nhất là từ biến cố tháng Mười trở đi, Xtalin tham gia mọi hành động đối lập âm thầm, bất lực, nhưng ngày càng điên cuồng chống Lênin. Với tham vọng vô bờ bến đầy tính đô ky, trên từng bước đi, Xtalin phải cảm thấy sự kém cỏi của mình về trí tuệ và đạo đức. Bề ngoài, dường như ông ta muốn xích lại gần tôi. Chỉ sau này tôi mới nhận ra ông ta cố hướng quan hệ của chúng tôi theo chiều hướng thân thiện. Nhưng tôi không ưa Xtalin bởi chính những tính cách, sau này trở thành sức mạnh của ông ta trong làn sóng suy đồi: tầm suy nghĩ hạn hẹp, chủ nghĩa thực nghiệm, tính cách thô lỗ và sự trơ tráo đặc biệt của một chính khách tinh lẻ, dầu đã được chủ nghĩa mác-xít giải phóng khỏi hàng loạt định kiến nhưng chúng chưa được thay thế bằng một thứ triết học được suy ngẫm và ngẫm sâu vào thế giới nội tâm của ông ta. Xuất phát từ một vài nhận xét của ông ta mà hồi đó tôi thấy hoàn toàn ngẫu nhiên, nhưng thực tế không phải vậy, Xtalin cố tìm trong tôi một chỗ dựa để chống lại sự kiểm tra của Lênin mà ông ta cảm thấy nặng nề và không chịu đựng nổi. Đứng trước mỗi cố gắng như thế của Xtalin, bất giác tôi lại lùi một bước và lướt qua ông ta. Tôi cho rằng đây là lời giải thích cho sự thù ghét lạnh lẽo của Xtalin đối với tôi, thoát đầu là thái độ hèn nhát, thù địch pha lẫn lo âu và cực kỳ nham hiểm từ đầu chí cuối. Ông ta tập hợp một cách có phương pháp xung quanh mình những kẻ đồng chủng loại, những kẻ khờ dại mong mỗi một cuộc sống bình thường và cuối cùng, những kẻ bị xúc phạm. Có khá đông những kẻ thuộc ba loại ấy.

Không thể nghi ngờ: khi giải quyết những công việc thường ngày, trong nhiều dịp, rõ ràng Lênin cảm thấy dựa vào Xtalin, Dinôviép hay Camênhép thì tiện hơn là dựa vào tôi. Là người thường xuyên lo tiết kiệm thời gian của bản thân và của người khác, Lênin cố gắng giảm đến mức tối thiểu công sức giành cho việc gạt bỏ những mâu thuẫn nội bộ. Tôi có sẵn những ý tưởng, những phương pháp làm việc, những biện pháp của tôi để thực hiện các quyết định đã được thông qua. Lênin biết khá rõ và tôn trọng điều đó. Chính vì thế, ông hiểu quá rõ tôi không phải là người thích hợp để ông ủy nhiệm việc này, việc khác. Khi cần kẻ thừa hành đơn giản cho công việc của ông, Lênin tìm đến những người khác. Do đó, trong một số thời kỳ, đặc biệt là khi chúng tôi bất đồng ý kiến, các đồng sự của Lênin có thể cảm thấy họ rất gần gũi hơn với ông. Như thế, chẳng hạn trên cương vị chủ tịch Hội đồng Dân ủy, trước tiên Lênin đề nghị Rucốp và Xiurupa, sau đó đến lượt Camênhép, làm phụ tá cho ông. Tôi cho sự lựa chọn ấy là đúng. Lênin cần những người giúp việc thực tiễn dễ bảo. Hẳn tôi không thích hợp trong vai trò đó. Và tôi chỉ có thể biết ơn Lênin vì ông đã không đề nghị tôi làm phụ tá cho ông. Tuy nhiên tôi không thấy đây là sự thiếu tín nhiệm; trái

lại, tôi coi đó là sự đánh giá không chút gì xúc phạm đến tính cách tôi và đến quan hệ tương hỗ giữa chúng tôi. Về sau này, tôi hoàn toàn có thể tin tưởng vào điều này.

Trong thời gian giữa hai lần chảy máu não, Lênin chỉ có thể làm việc bằng nửa sức lực. Hệ tuần hoàn máu của ông thường xuyên bị những chấn động bề ngoài có vẻ không quan trọng, nhưng thực ra đáng lo ngại, tấn công. Trong một phiên họp của Bộ Chính trị, khi Lênin đứng dậy để đưa cho ai đó một mẫu giấy — ông thường viết những mảnh giấy như thế để thúc đẩy nhanh công việc —, ông hơi loạng choạng. Tôi chỉ nhận ra tất cả những điều này vì khuôn mặt Lênin biến sắc. Đây là một trong vô số biểu hiện cảnh cáo của cơ thể ông.

Lênin cũng không nuôi những ảo tưởng về tình trạng sức khỏe của mình. Lênin suy nghĩ về mọi mặt, xem công việc sẽ ra sao nếu thiếu ông và sau khi ông mất. Thời ấy, trong óc ông đã bắt đầu hình thành văn kiện mà sau này được biết đến dưới cái tên "Di chúc". Cũng vào giai đoạn đó, tức là trong những tuần cuối trước cơn chảy máu não thứ hai, Lênin có một cuộc nói chuyện rất lâu với tôi về công tác của tôi sau này. Xét đến tầm quan trọng chính trị của nội dung buổi nói chuyện, khi đó tôi đã thông báo cho nhiều người biết (Racópki [Rakovsky], Xmiécốp, Xôxốpxki [Sosnovsky], Prêôboragiexki [Préobrajensky] và những người khác). Cũng bởi vậy mà cuộc hội đàm đã ghi đậm nét trong ký ức tôi.

Sự việc diễn ra như sau: Ban lãnh đạo trung ương Công đoàn những người lao động ngành Giáo dục cử một đoàn đại biểu đến chỗ tôi và Lênin, yêu cầu tôi nhận thêm nhiệm vụ chỉ đạo Bộ Dân ủy Giáo dục dưới hình thức như tôi đã điều khiển công việc của Bộ Dân ủy Đường sắt trong gần một năm. Lênin muốn biết ý kiến tôi. Tôi đáp rằng trong Bộ Giáo dục, cũng như ở mọi nơi, khó khăn chính yếu có thể nảy sinh từ bộ máy.

— Đúng, tệ quan liêu ở ta đã lên đến mức kinh khủng — Lênin đồng tình —, tôi hoàn toàn ghê sợ nhận ra nó, khi vừa trở về với công việc... Nhưng tôi nghĩ rằng chính vì thế, đồng chí không nên nhúng sâu vào các bộ khác, ngoài Bộ Dân ủy Quốc phòng.

Lênin trình bày kế hoạch của ông một cách nhiệt thành, kiên trì và tỏ vẻ xúc động rõ rệt. Sức lực của ông dành cho công việc lãnh đạo bị hạn chế. Lênin có ba trợ lý.

— Đồng chí biết họ cả. Tất nhiên Camênhép là một chính trị gia thông minh, nhưng thử hỏi đồng chí ấy ra sao trên cương vị một nhân viên hành chính? Xiurupa bệnh tật. Rucốp có lẽ là nhà tổ chức giỏi, nhưng đồng chí ấy phải trở lại Hội đồng Kinh tế Quốc dân toàn Liên Xô. Đồng chí phải làm trợ lý cho tôi. Tình hình hiện nay cần thiết phải tổ chức lại nhân sự cơ bản.

Tôi lại viện vào lý do cơ chế càng ngày càng cản trở công việc của tôi, ngay cả trong Bộ Dân ủy Quốc phòng.

— Đồng chí thấy chưa, vậy thì đồng chí có thể sàng lọc cơ chế đó — Lênin nhắc lại một lời nói mà tôi đã sử dụng vào một lúc nào đó.

Tôi trả lời rằng ở đây, tôi không chỉ nghĩ đến bộ máy quan liêu nhà nước, mà tôi nghĩ cả đến bộ máy quan liêu đảng; rằng thực chất, khởi điểm của mọi khó khăn tiềm ẩn trong sự liên kết giữa hai bộ máy, và trong sự ủng hộ lẫn nhau của các nhóm có thể lực do đảng cấp những bí thư đảng dựng nên.

Lênin chăm chú lắng nghe và phản ứng lại ý kiến của tôi bằng một giọng trầm, thoát ra từ lồng ngực, đặc trưng cho lời phát biểu của ông những khi ông tin rằng người đối thoại hoàn toàn thấu hiểu suy nghĩ của mình và vứt bỏ những hình thức cần thiết của cuộc trao đổi, ông đi thẳng vào các sự việc quan trọng nhất và đáng lo ngại nhất.

Lênin suy nghĩ trong giây lát, rồi thỉnh linh đặt câu hỏi:

— Vậy, nếu tôi không lầm, đồng chí đề nghị chúng ta mở cuộc đấu tranh, chẳng những để chống quan liêu nhà nước mà còn chống cả Ban Tổ chức Trung ương đảng?

Câu hỏi quá bất ngờ khiến tôi bật cười. Ban Tổ chức Trung ương là trung tâm của bộ máy xta-lin-nít.

— Nói trắng ra là như thế!

— Vậy thì chúng ta — Lênin nói tiếp, vẻ hài lòng ra mặt vì chúng tôi đã gọi bản chất vấn đề bằng chính tên của nó —, tôi đề nghị đồng chí hãy cộng tác với tôi thành một liên minh, chống bộ máy quan liêu nói chung và chống Ban Tổ chức nói riêng.

— Thật vinh dự được nhập vào một khối chân thật với một người chân thật — tôi trả lời.

Chúng tôi giao ước sẽ gặp lại nhau sau một thời gian ngắn. Lênin đề nghị tôi suy nghĩ về khía cạnh tổ chức của sự việc. Cảnh Ban Trung ương, ông có ý lập ra một ủy ban chống quan liêu. Cả hai chúng tôi đều tham gia trong cơ quan đó. Về cơ bản, ủy ban nói trên là công cụ để bẻ gãy phái xta-lin-nít — cái xương sống của chế độ quan liêu —, và tạo ra trong nội bộ đảng những điều kiện để tôi có thể trở thành người thay thế Lênin; theo ý nghĩ của ông, tôi sẽ là người kế tục ông ở cương vị chủ tịch Hội đồng Dân ủy.

Chỉ khi biết rõ những mối liên hệ đó, chúng ta mới hiểu một cách rành mạch và toàn diện ý nghĩa

của văn kiện được gọi là "Di chúc". Trong tài liệu này, Lênin nêu tên sáu người và cân nhắc từng câu từng chữ một, ông đã phân tích những đặc điểm của họ. Mục đích không thể chối cãi được của bản di chúc là giảm thiểu khó khăn cho tôi trong vai trò lãnh đạo. Cố nhiên, Lênin làm việc này bằng cách cố gắng tránh gây ra những va chạm cá nhân nhỏ nhất. Ông nói về mọi người với sự cân trọng lớn nhất, làm giảm đi những lời xét đoán mà thực chất rất nặng nề. Đồng thời, khi nói về tôi, ông muốn đề cử tôi vào cương vị đứng đầu, nhưng lại không muốn đề nghị đó quá rõ rệt, ông đã chêm vào đó vài nhận xét có tính cách dè dặt. Chỉ trong cách đánh giá Xtalin mới xuất hiện một giọng nói khác, giọng nói này trở thành một lời buộc tội trực tiếp trong phần tái bút, sau này được phụ thêm vào di chúc.

Về Dinôviép và Camênhép, Lênin nhận xét — hầu như chỉ qua loa — rằng hành động đầu hàng năm 1917 của họ "không phải ngẫu nhiên"; nói cách khác, thiên hướng ấy đã có trong máu của họ. Rõ ràng là những kẻ như thế không thể đứng đầu cách mạng. Tuy nhiên, cũng không cần bới móc quá khứ của họ. Bukharin không phải là người mác-xít mà là một nhà kinh viện, tuy nhiên anh rất đáng mến. Piatacốp là một nhân viên hành chính có năng lực, nhưng không thể sử dụng về mặt chính trị. Nhưng cả hai — Bukharin và Piatacốp — còn có thể tự trau dồi kiến thức. Trótxki có tài hơn cả, khuyết điểm của anh là quá tự tin. Xtalin thô lỗ thái quá, không trung thực và có thiên hướng lạm dụng quyền hành mà bộ máy đảng giao cho. Để tránh chia rẽ trong đảng, phải loại bỏ Xtalin. Đây là thực chất của bản di chúc. Nó bổ sung và diễn giải lời Lênin đề nghị tôi trong buổi nói chuyện cuối cùng giữa hai chúng tôi.

Chỉ sau biến cố tháng Mười, Lênin mới biết Xtalin một cách rõ ràng. Ông đánh giá tính kiên quyết và đầu óc thực tiễn của Xtalin, ba phần tư dựa trên sự xảo trá. Đồng thời, ở mỗi bước đi, Lênin cũng luôn đụng phải sự dốt nát, tầm nhìn chính trị vô cùng thiếu cận, bản chất tinh thần cực kỳ thô lỗ và sự cư xử vô tư cách của Xtalin. Trái với ý muốn của Lênin, Xtalin được bầu vào cương vị tổng bí thư; ông đành chịu đựng điều đó chừng nào ông còn đứng đầu đảng. Nhưng khi sau lần chảy máu não thứ nhất, Lênin trở lại làm việc với sức khỏe suy giảm, ông đặt ra toàn bộ vấn đề ban lãnh đạo như một mục đích cần giải quyết. Đây là tiền đề cuộc nói chuyện đầu tiên của chúng tôi. Bản di chúc của ông cũng bắt nguồn từ đó. Những dòng cuối viết xong ngày 4 tháng Giêng. Sau đó, chừng hai tháng trôi qua và trong thời gian này, tình thế đã kết tinh vĩnh viễn. Khi đó, Lênin chẳng những dự định loại bỏ Xtalin khỏi chức vụ tổng bí thư mà ông còn muốn phê truất Xtalin trước phiên họp toàn thể của đảng. Trong vấn đề độc quyền ngoại thương của nhà nước, trong vấn đề dân tộc, trong vấn đề kỷ luật đảng, trong vấn đề Ban Thanh tra Công-Nông và Ban Kiểm tra Trung ương, Lênin lái các sự kiện một cách có hệ thống và kiên trì theo chiều hướng sau: thông qua Đại hội lần thứ XII, ông dự định giáng một đòn không thương tiếc vào chế độ quan liêu, vào nguyên tắc liên kết đồng lõa, bảo vệ lẫn nhau của các viên chức, vào sự lạm dụng quyền hành, vào sự độc đoán và tàn bạo; Lênin hi vọng đạt được tất cả những điều đó bằng cách tấn công cá nhân Xtalin.

Thử hỏi Lênin có thể tổ chức lại ban lãnh đạo đảng như ông từng dự định? Trong thời điểm đó, chắc chắn là được. Có không ít tiền lệ như thế, trong số đó, có một tiền lệ hoàn toàn mới mẻ và có nhiều ý nghĩa. Trong khi Lênin còn dưỡng bệnh ở nông thôn và tôi không có mặt ở Mátxcova, tháng Mười một năm 1922, Ban Trung ương đã nhất trí thông qua một nghị quyết giáng một đòn chí mạng vào độc quyền ngoại thương của nhà nước. Hoàn toàn độc lập với nhau, cả Lênin, cả tôi đều thổi còi báo động. Chúng tôi liên lạc với nhau và thỏa thuận những biện pháp cần làm qua thư từ. Một vài tuần sau, Ban Trung ương đã hủy bỏ quyết định của mình, cũng nhất trí như khi phê chuẩn nó.

Ngày 21 tháng Chạp, Lênin viết cho tôi một cách thẳng lợi:

Dường như đồng chí đã chiếm được các cứ điểm bằng một thao diễn đơn giản, không tốn một phát súng nào. Đề nghị đồng chí đừng dừng lại, chúng ta hãy tiếp tục tấn công...

Hành động chung của chúng tôi chống Ban Trung ương đầu năm 1923 chắc chắn sẽ có kết quả thẳng lợi. Hơn thế nữa, tôi không hề nghi ngờ rằng vào đêm trước của Đại hội đảng lần thứ XII, nếu tôi đứng lên chống tệ quan liêu xta-lin-nít theo tinh thần "liên minh Lênin-Trótxki", chắc chắn tôi sẽ chiến thắng cho dù Lênin không tham gia trực tiếp. Rằng thẳng lợi này sẽ kéo dài được bao lâu lại là vấn đề khác; để giải đáp câu hỏi đó, phải đưa vào danh mục một loạt quá trình khách quan diễn ra trong đất nước, trong giai cấp công nhân và cả trong nội bộ đảng. Đây là một đề tài lớn và riêng biệt. Năm 1927, đã có lần Corúpxcaia nói: nếu Lênin còn sống, rất có thể ông đã ở trong một nhà tù nào đó của Xtalin. Tôi nghĩ rằng bà nói có lý. Bởi đây không phải chỉ là vấn đề Xtalin, mà là vấn đề những lực lượng do Xtalin biểu thị, mặc dầu ông ta không hiểu chúng. Tuy nhiên, trong những năm 1922-1923, còn có thể chiếm được các cứ điểm chiến lược chủ yếu nếu chúng tôi tấn công thẳng vào cái nhóm hình thành nhanh chóng từ những viên chức quan liêu có tinh thần quốc gia, đội lột xã hội chủ nghĩa, từ những kẻ tiếm đoạt bộ máy chính quyền, những tên thừa kế vô luật pháp của di sản tháng Mười, từ những kẻ kế nghiệp kém cỏi của chủ nghĩa bôn-sê-vích.

Nhưng trở ngại chính trên con đường này là trạng thái sức khỏe của Lênin. Mọi người đều trông đợi ông sẽ bình phục như sau lần chảy máu não thứ nhất và sẽ tham gia Đại hội đảng lần thứ XII, cũng như ông đã tham gia Đại hội XI. Chính Lênin cũng hi vọng vào điều đó. Các bác sĩ động viên ông, dù càng ngày càng kém tin tưởng. Trong giây phút ấy, ý nghĩ về một "liên minh Lênin-Trótxki" chống những kẻ trong bộ máy chính quyền và bọn quan liêu chỉ được Lênin và tôi biết đến, các thành viên khác của Bộ Chính trị chỉ phỏng đoán mơ hồ. Không ai biết đến những lá thư về vấn đề dân tộc của Lênin, cũng như bản di chúc của ông. Họ có thể diễn giải, hoặc nói đúng hơn, có thể quy hành động phản đối của tôi như một cuộc chiến đấu cá nhân để chiếm vị trí của Lênin trong đảng và trong bộ máy nhà nước. Tôi không thể không rung mình khi nghĩ đến điều đó. Tôi cho rằng tất cả sự việc có thể gây nên sự chán nản trong hàng ngũ chúng ta, phải trả giá đắt cho việc đó, ngay cả khi chiến thắng. Trong mọi kế hoạch và tính toán, có một nhân tố không chắc chắn mang tính quyết định đối với tôi: đó là bản thân Lênin và tình trạng sức khỏe của ông.

Lênin còn đủ sức phát biểu không? Ông còn thì giờ để làm điều đó không? Thử hỏi đảng có hiểu đây là cuộc đấu tranh chung của Lênin và Trótxki vì tương lai cách mạng, chứ không phải là cố gắng của Trótxki để chiếm chỗ của Lênin, hiện đang đau ốm? Do vị trí đặc biệt của Lênin trong đảng, trạng thái sức khỏe bất thường của ông chuyển thành trạng thái bối rối của toàn đảng. Trạng thái tạm thời bắt đầu kéo dài và sự trì hoãn đó hoàn toàn có lợi cho tập đoàn kẻ nghiệp bởi vì Xtalin, trên cương vị tổng bí thư, tự nhiên trở thành người quản gia của bộ máy trong suốt thời kỳ "khuyết ngôi".

Tôi đang nói đến những ngày đầu tháng Ba năm 1923. Lênin nằm trong căn phòng của ông tại tòa nhà khổng lồ của Điện Tư pháp. Nhiều triệu chứng báo trước cơn chảy máu não lần thứ hai đang đến gần. Tôi bị cột chặt trên giường vài tuần vì chứng đau lưng. Tôi nằm trong căn hộ của chúng tôi tại tòa nhà Cavalécxki thời xưa, cách Lênin một cái sân bao la của điện Kremli. Cả Lênin, cả tôi đều không thể bước đến gần máy điện thoại, hơn nữa, các bác sĩ còn cấm ngặt, không cho Lênin nói chuyện điện thoại. Hai thư ký của Lênin — Phôchiêva [Fotiéva] và Gôlaxe [Glasser] — làm nhiệm vụ liên lạc giữa chúng tôi. Họ chuyển thông tin sau đến cho tôi: Voladimira Ilích hết sức lo lắng về sự chuẩn bị của Xtalin cho đại hội đảng sắp tới, nhất là về những âm mưu bè phái ở Grudia.

— Voladimira Ilích đang chuẩn bị một quả bom chống Xtalin trong Đại hội.

Phôchiêva nói đúng từng câu từng chữ như thế. Từ ngữ "quả bom" là của Lênin, không phải của chị.

— Voladimira đề nghị đồng chí nắm lấy vấn đề Grudia, khi ấy ông sẽ yên tâm hơn.

Ngày 5 tháng Ba, Lênin đọc cho thư ký chép lời nhắn sau đây cho tôi:

Đồng chí Trótxki thân mến,

Tôi khẩn thiết yêu cầu đồng chí đứng ra bảo vệ vấn đề Grudia trước Ban Trung ương đảng. Hiện nay, Xtalin và Décginxki đang "xử lý" vụ này và vì thế, tôi không thể tin ở sự khách quan của họ. Trái lại nữa. Tôi sẽ yên tâm nếu đồng chí nhận bảo vệ vấn đề này. Nếu vì một lẽ gì khác đồng chí không nhận lời, đề nghị đồng chí gửi toàn bộ hồ sơ lại cho tôi. Như thế, tôi sẽ hiểu là đồng chí đã từ chối.

Gửi tới đồng chí lời chào bằng hữu nồng nhiệt nhất.

Lênin

Tại sao vấn đề lại gay gắt đến như thế, tôi hỏi. Đường như Xtalin lại lạm dụng lòng tin của Lênin: để đảm bảo một chỗ dựa ở Grudia, sau lưng Lênin và toàn Ban Trung ương, với sự giúp đỡ của Oócgiônikitdê và phần nào sự ủng hộ của Décginxki, ông ta đã tổ chức một cuộc "cách mạng cung đình" chống lại những phần tử ưu tú nhất của đảng, đối trá mượn uy tín Ban Trung ương làm vỏ bọc. Lợi dụng lúc Lênin ốm và bị cấm gặp gỡ các đồng chí, Xtalin cố sức bủa vây người bệnh bằng những thông tin đối trá.

Lênin ủy nhiệm Ban Thư ký của ông thu thập một hồ sơ đầy đủ về vấn đề Grudia và quyết định phát biểu công khai lập trường của mình. Khó mà nói được cái gì đã làm Lênin chần chừ hơn trong chuyện này: bản tính bất trung của cá nhân Xtalin hay đường lối quan liêu tàn nhẫn trong vấn đề dân tộc? Có lẽ là cả hai. Lênin chuẩn bị đấu tranh, nhưng ông sợ sẽ không đủ sức đích thân phát biểu trong Đại hội và điều này khiến ông lo âu.

— Hay là đồng chí thử bàn bạc mọi việc với Dinôviép và Camênhép? — các thư ký của Lênin gợi ý.

Nhưng Lênin bác bỏ ý định trên bằng một cử chỉ bực dọc. Ông thấy rõ rằng ngay sau khi ông rời vũ đài, Dinôviép và Camênhép sẽ cùng Xtalin làm thành một "bộ tam mã" chống lại tôi và đo đó, họ sẽ

phản Lenin.

— Đồng chí có biết Trótxki nghĩ gì về vấn đề Grudia không? — Lenin hỏi.

— Trong phiên họp toàn thể, Trótxki đã phát biểu hoàn toàn theo tinh thần của đồng chí — Golaxe đáp, chỉ đóng vai trò thư ký trong phiên họp toàn thể này.

— Đồng chí không nhầm chứ?

— Không. Trótxki đã phê phán Oócgiônikitdê, Vôrôsilốp và Calinhin là những người không hiểu vấn đề dân tộc.

— Đồng chí thử coi lại việc này một lần nữa xem sao! — Lenin yêu cầu.

Hôm sau, trong phiên họp của Ban Trung ương tại nhà tôi, Golaxe đưa cho tôi một tờ giấy tóm tắt nội dung bài phát biểu hôm trước của tôi và cuối cùng, chỉ bồi thêm một câu hỏi:

— Tôi hiểu chính xác những lời lẽ của đồng chí chứ?

— Đồng chí cần nó làm gì? — tôi hỏi.

— Voladimira Ilích đề nghị — Golaxe đáp.

— Bản này đúng đây — tôi viết vào tờ giấy.

Xtalin lo ngại theo dõi việc trao đổi thư từ giữa hai chúng tôi. Nhưng lúc đó, tôi còn chưa đoán được tình thế ra sao...

Sau này, Golaxe kể lại:

Đọc những thư từ trao đổi giữa chúng tôi, mặt Voladimira Ilích rạn rờ: "Nhu thế thì bây giờ, việc này hoàn toàn khác!" Và ông bảo tôi giao lại cho đồng chí những bản thảo viết tay, chứa thuốc nổ cho *quả bom* Lenin chuẩn bị vào Đại hội XII.

Khi đó, đối với tôi, ý định của Lenin đã hoàn toàn rõ ràng: lấy đường lối của Xtalin làm ví dụ, ông muốn vạch ra trước đảng, không chút nhân nhượng, nguy cơ sự thoái hóa quan liêu của nền chuyên chính.

— Camênhép ngày mai đi Grudia dự hội nghị đảng — tôi nói với Phôchiêva. — Tôi có thể cho đồng chí ấy biết những tài liệu của Lenin để đồng chí ấy hành động ở Grudia theo tinh thần thích hợp?

Mười lăm phút sau, Phôchiêva chạy về, thở hổn hển:

— Không, không thể được!

— Nhưng tại sao cơ chứ?

— Voladimira Ilích bảo: "Ngay lập tức, Camênhép sẽ đưa tất cả cho Xtalin xem, rồi Xtalin sẽ làm một thỏa hiệp thổi nát để đánh lừa chúng ta".

— Chẳng lẽ mọi sự đã đến nước này ư? Đến nỗi Ilích thấy không thể đi đến một thỏa hiệp với Xtalin, dù để đề ra một đường lối đúng đắn?

— Vâng, Ilích không tin Xtalin, ông muốn công khai phản đối Xtalin trước toàn đảng. Lenin sửa soạn một trái bom.

Chừng một giờ sau buổi nói chuyện này, Phôchiêva trở lại, đem cho tôi một mảnh giấy gửi nhà cách mạng lão thành Mđivani [Mdivani] và những người chống lại đường lối xta-lin-nít. Lenin viết cho họ:

Tôi quan tâm đến sự việc của các đồng chí với cả trái tim mình. Tôi bất bình vì sự tàn bạo của Oócgiônikitdê và thái độ đồng lõa của Xtalin và Décginxki. Tôi đang chuẩn bị những chỉ thị và một bài diễn văn cho các đồng chí.

Camênhép cũng nhận được bản sao của lá thư này. Điều đó khiến tôi ngạc nhiên.

— Thế nghĩa là Voladimira Ilích đã nghĩ lại? — tôi hỏi.

— Vâng, sức khỏe của ông tôi đi từng giờ. Đừng tin vào những lời trấn an của các bác sĩ. Ilích đã nói năng khó khăn... Vấn đề Grudia làm Ilích rất phiền lòng, ông lo ông sẽ ngã quy hoàn toàn trước khi làm được bất cứ điều gì. Đưa cho tôi những dòng này, Ilích nói: "Tôi phải hành động công khai, đi trước thời gian, kéo quá muộn..."

— Nhưng như vậy có nghĩa là tôi đã có thể nói thẳng với Camênhép?

— Hẳn thế.

— Làm ơn mời đồng chí ấy đến đây!

Một giờ sau Camênhép đến. Anh ta hoàn toàn luống cuống. Ý tưởng về một bộ "tam mã" (Xtalin-Dinôviép-Camênhép) đã được xếp đặt sẵn sàng từ lâu. Cái mũi nhọn của hình tam giác nhằm chống tôi. Nhiệm vụ của những kẻ âm mưu chỉ là chuẩn bị một nền tảng tổ chức có đủ khả năng để tấn phong cho "bộ tam mã" thành người kế thừa hợp pháp của Lenin. Chỉ một bức thư ngắn cũng đủ chọc thủng kế hoạch ấy như một cái chêm. Camênhép không biết xử trí ra sao và anh công nhận điều này khá thành thực.

Tôi đưa anh đọc bản dự thảo của Lenin. Camênhép có đủ kinh nghiệm của một chính trị gia để hiểu ngay: đối với Lenin, vấn đề không chỉ là xứ Grudia, mà nói chung là vai trò của Xtalin trong đảng.

Camênhép còn cho tôi biết thêm những dữ kiện mới. Ngay trước khi đến nói chuyện với tôi, Nađegioda Cônxtanchinópna Corúpcaia đã cho mời anh qua chỗ bà. Vô cùng lo lắng, bà thông báo cho Camênhép:

— Voladimia vừa đọc cho thư ký chép một lá thư gửi Xtalin, trong đó ông đoạn tuyệt mọi quan hệ với Xtalin.

Lý do trực tiếp có tính chất nửa cá nhân. Xtalin tìm mọi cách để cách ly Lênin khỏi các nguồn tin tức và trên phương diện này, ông ta đã vô cùng thô lỗ đối với Nađegioda Cônxtanchinópna.

— Nhưng như đồng chí biết đấy — Corúpcaia nói thêm —, không bao giờ Ilích cắt đứt mối quan hệ cá nhân nếu ông không thấy cần thiết phải đánh đổ Xtalin về mặt chính trị.

Camênhép hốt hoảng, mặt mũi tái nhợt, anh cảm thấy đất sụt dưới chân, không còn biết phải làm thế nào, quay đi đâu. Có thể đơn giản anh sợ tôi có những hành động ác ý đối với anh. Tôi bày tỏ cho anh biết quan điểm của tôi về tình hình:

— Đôi khi trong nỗi sợ hãi bởi một hiểm nguy tưởng tượng, con người ta có thể tự gây cho mình hiểm nguy thực sự. Đồng chí phải nhớ lấy và nói cho người khác hiểu rằng tôi không hề có ý đấu tranh ở Đại hội để thay đổi tổ chức. Ý kiến của tôi là giữ nguyên trạng (*status quo*). Nếu Lênin có thể hồi phục trước Đại hội, điều ấy khôn thay lại ít có khả năng xảy ra, chúng ta sẽ cùng đồng chí ấy bàn bạc lại về vấn đề này. Tôi phản đối việc truất phế Xtalin, khai trừ Oócgiônikitđê, đưa Décginxki khỏi cương vị dân ủy Bộ Dân ủy Giao thông và Thông tin. Nhưng tôi đồng tình với Lênin về cơ bản. Tôi muốn phải có thay đổi triệt để trong đường lối dân tộc, phải chấm dứt sự trấn áp đối với các địch thủ của Xtalin ở Grudia, phải chấm dứt áp lực hành chính trong đảng, phải thực hiện một cách cương quyết hơn nữa đường lối công nghiệp hóa và sự hợp tác chân thật trong giới lãnh đạo. Hoàn toàn không thể chấp nhận được dự thảo nghị quyết của Xtalin về vấn đề dân tộc. Đồng chí ấy đặt chủ nghĩa sô-vanh nước lớn thô bạo và ngạo mạn cùng một bình diện với sự phân đối và kháng cự của những dân tộc nhỏ, yếu ớt và lạc hậu. Dưới dạng những đề xuất sửa chữa, tôi đã chuẩn bị dự thảo nghị quyết bổ sung vào giải pháp của Xtalin để tạo điều kiện thuận lợi cho đồng chí ấy chuyên hướng cần thiết. Nhưng cần phải có một bước ngoặt rõ rệt. Ngoài ra, Xtalin phải viết thư ngay cho Corúpcaia để xin lỗi về sự thô lỗ của đồng chí ấy. Phải thực sự thay đổi cách cư xử! Đừng già néo đứt dây! Đừng có những mưu mô! Phải có một sự hợp tác chân thành. Còn đồng chí — tôi nói với Camênhép —, ở hội nghị Tipholit [Tiflis], đồng chí phải làm sao để thay đổi tận gốc đường lối đối với những đồng chí theo chính sách dân tộc của Lênin ở Grudia.

Camênhép thờ phào nhẹ nhõm. Anh chấp nhận mọi đề nghị của tôi. Camênhép chỉ lo Xtalin ngoan cố, bởi "đồng chí ấy thô lỗ và thất thường", như anh nói.

— Tôi không tin — tôi đáp —, hiện nay, Xtalin không có lối thoát nào khác.

Đêm khuya, Camênhép cho tôi biết anh đã đến nhà nghỉ của Xtalin ở làng quê và Xtalin đã chấp nhận mọi điều kiện. Corúpcaia đã nhận lá thư xin lỗi, nhưng chưa đưa được cho Lênin vì bệnh tình của ông nặng lên.

Tuy nhiên, tôi cảm thấy giọng nói của Camênhép hơi khác so với mấy giờ trước đây, khi chúng tôi chia tay nhau. Chỉ sau này tôi mới biết: nguyên nhân sự thay đổi ấy xuất phát từ trạng thái sức khỏe suy giảm của Lênin. Trên đường tới Tipholit hoặc ngay sau khi đến nơi, anh nhận được bức điện mật của Xtalin báo tin Lênin lại bị liệt: ông không nói và không viết được nữa. Tại hội nghị ở Grudia, Camênhép đã công khai đại diện cho đường lối của Xtalin, chống lại Lênin. Được củng cố bởi hành vi phản phúc cá nhân ấy, sự tồn tại của "cỗ xe tam mã" trở nên một thực tế.

Cuộc tấn công của Lênin không chỉ nhằm vào cá nhân Xtalin mà còn nhằm vào toàn thể "bộ tham mưu", trước hết là những cộng sự của Xtalin: Décginxki và Oócgiônikitđê. Tên hai người này thường xuyên xuất hiện trong thư từ liên quan đến vấn đề Grudia của Lênin.

Décginxki là một người hăng say đến mức bùng nổ. Năng lượng của anh luôn được các tia lửa điện duy trì trong một điện thế. Trong mọi vấn đề, ngay cả những vấn đề thứ yếu, anh lập tức bốc lửa, cánh mũi mỏng phập phồng, đôi mắt nảy lửa, cao giọng, có khi đến mức đứt quãng. Mặc dầu thần kinh luôn bị "quá tải" như thế, Décginxki không có những giai đoạn chán nản hoặc lãnh đạm. Đường như anh thường xuyên trong tư thế báo động cấp một. Một lần, Lênin ví anh như một con tuấn mã thuần chủng. Décginxki say mê đến điên dại trong mọi việc anh làm, anh bênh vực các đồng sự một cách hăng say, chống lại những ai can thiệp và phê bình họ một cách không khoan nhượng và cuồng nhiệt. Nhưng trong trạng thái quá độ ấy, anh không hề có chút suy tính cá nhân: Décginxki hoàn toàn hòa mình trong các nhiệm vụ của anh.

Tư duy độc lập không đặc trưng cho Décginxki. Anh cũng không tự coi mình là một nhà chính trị, ít ra là trong khi Lênin còn sống. Nhiều lần, anh nói đi nói lại với tôi trong những dịp khác nhau:

— Có thể tôi là một nhà cách mạng không tôi, nhưng tôi không phải một lãnh tụ, một chính khách, một chính trị gia.

Câu nói ấy không chỉ bao hàm sự khiêm tốn. Lời tự đánh giá ấy đúng về cơ bản. Về mặt chính trị,

Décginxki luôn cần thiết được ai đó dẫn đạo trực tiếp. Trong nhiều năm dài, anh đi theo Rôđa Luychxambua và đứng cạnh chị trong cuộc chiến đấu, được hun đúc chẳng những bởi chủ nghĩa yêu nước Ba Lan mà còn bởi các lý tưởng bôn-sê-vích của chị. Décginxki gia nhập đảng bôn-sê-vích năm 1917. Lênin phần chẵn bảo tôi:

— Không còn chút dấu vết gì của những bất đồng xưa kia.

Trong hai, ba năm, Décginxki đặc biệt gần bó với tôi. Những năm gần đây, anh ủng hộ Xtalin. Trong công tác kinh tế, anh cũng bị tính khí sôi nổi đưa dẫn: anh kêu gọi, cổ vũ, lôi cuốn mọi người theo mình. Décginxki không có một quan niệm chín chắn về sự phát triển kinh tế. Anh liên đới chia sẻ mọi sai lầm của Xtalin và bảo vệ chúng với sự hăng say cực độ. Hầu như anh chết đứng, chỉ vừa đủ thì giờ rời bọc diêm giả, nơi anh tấn công dữ dội phe đối lập.

Oócgiônikitdê là đồng minh khác của Xtalin. Lênin nhận thấy phải khai trừ anh khỏi đảng vì tội độc đoán quan liêu anh ta đã vi phạm ở vùng Cápcado. Tôi không đồng ý với Lênin. Thông qua thư ký, Lênin trả lời tôi: "Ít ra chúng ta cũng phải khai trừ trong vòng hai năm". Lênin không thể hình dung rồi đây chính Oócgiônikitdê sau này lại đứng đầu Ủy ban Kiểm tra do Lênin lập ra để chiến đấu chống chủ nghĩa quan liêu xta-lin-nít, ủy ban này lẽ ra phải là lương tâm của đảng.

Ngoài những nhiệm vụ chính trị phổ quát, chiến dịch do Lênin mở ra có mục đích trực tiếp là tạo cho tôi những điều kiện làm việc thuận lợi nhất, hoặc bên cạnh ông nếu ông có thể bình phục, hoặc ở vị trí thay ông, nếu bệnh tình đánh gục ông. Nhưng hành động này chưa được tiến hành đến cùng, thậm chí bị đứt đoạn khi chưa đến giữa chừng, đã đem lại kết quả hoàn toàn trái ngược. Tóm lại, Lênin chỉ còn đủ thời gian để *tuyên chiến* với Xtalin và các đồng minh của ông ta; hơn nữa, không phải toàn đảng mà chỉ những người có liên quan mới biết tới điều này. Phe phái của Xtalin — khi đó chỉ mới là phe "tam mã" — siết chặt đội ngũ sau lời cảnh cáo thứ nhất. Tình thế tạm thời vẫn tiếp tục tồn tại. Xtalin nắm giữ bộ máy của đảng. Quá trình lựa chọn giả tạo những người điều khiển đảng diễn ra với nhịp độ điên cuồng trong cơ chế lãnh đạo. Càng cảm thấy yếu ớt về mặt tư tưởng, "bộ tam mã" càng sợ tôi (sợ tôi bởi họ muốn loại tôi khỏi chính quyền) và càng phải vặn chặt mọi đinh ốc của bộ máy đảng và nhà nước. Khá lâu về sau, năm 1925, trong một cuộc nói chuyện riêng, khi tôi phê phán tính chất đàn áp của đảng, Bukharin trả lời như sau:

— Ô ta không có dân chủ vì chúng tôi sợ đồng chí.

— Vậy các đồng chí hãy thử đừng sợ nữa — tôi khuyên anh —, và cùng nhau làm việc một cách trung thực.

1923 trở thành năm đầu tiên của cuộc chiến có nhịp độ căng thẳng, nhưng vẫn còn chưa thành hệ thống, nhằm bóp nghẹt và hủy hoại đảng bôn-sê-vích. Lênin giao tranh với bệnh tật kinh hoàng. "Bộ tam mã" chiến đấu chống đảng. Bầu không khí căng thẳng nặng nề và tóe lửa vào mùa thu trong cuộc "tranh luận" chống phe đối lập. Mở đầu chương thứ hai của cuộc cách mạng: trận chiến chống chủ nghĩa trốt-kít. Xét về bản chất, đây là cuộc chiến chống sự kế thừa di sản lý thuyết của Lênin.

CHƯƠNG XL

ÂM MÙU CỦA BỌN KẾ NGHIỆP

Đây là những tuần lễ đầu của năm 1923. Đại hội XII đến gần. Trong thực tế, không còn chút hi vọng gì về việc Lênin có thể tham dự Đại hội. Một câu hỏi được đặt ra: ai sẽ thuyết trình bản báo cáo chính trị? Trong phiên họp Bộ Chính trị, Xtalin nói:

— Cố nhiên là Trốtxki!

Calinhin và Rucốp lập tức đồng tình và cả Camênhép nữa, mặc dù anh tỏ vẻ không bằng lòng trông thấy. Tôi phản đối. Đảng sẽ cảm thấy chướng mắt nếu một ai trong số chúng tôi, trên tư cách cá nhân, tìm cách thay thế Lênin. Lần này, chúng tôi có thể bỏ qua bản báo cáo chính trị khai mạc. Chúng tôi sẽ nói những gì cần phải nói khi bàn bạc từng điểm trong chương trình nghị sự. Ngoài ra, tôi nói thêm, chúng tôi có một số bất đồng nhất định trong các vấn đề kinh tế.

— Thôi đi đồng chí, chúng ta nào có bất đồng gì? — Xtalin la lên.

Calinhin nói thêm:

— Bộ Chính trị chấp nhận dự thảo nghị quyết của đồng chí trong hầu hết mọi vấn đề.

Dinôviép nghỉ phép ở Cápcadơ. Vấn đề này còn để ngỏ. Dầu sao, tôi cũng lãnh phần báo cáo về công nghiệp.

Xtalin biết Lênin chuẩn bị tấn công ông ta, và cố gắng phình phờ tôi từ mọi phía. Nhiều lần ông ta nói: thành viên trung ương có ảnh hưởng nhất và có uy tín nhất sau Lênin, tức Trốtxki, phải lãnh nhiệm vụ thuyết trình bản báo cáo chính trị; đảng không đợi và không chấp nhận một ai khác. Khi Xtalin nói những lời lẽ thân thiện giả dối, tôi cảm thấy ghê tởm ông ta nhiều hơn là khi ông ta biểu lộ thẳng thừng, không giấu giếm lòng căm thù đối với tôi, hơn nữa, vì những động cơ của ông đã quá lộ liễu.

Dinôviép ở Cápcadơ về. Sau lưng tôi diễn ra những cuộc hội ý không ngừng giữa các phe phái, khi ấy còn ở phạm vi rất hẹp. Dinôviép đòi quyền trình bày bản báo cáo chính trị. Camênhép gạn hỏi những người "bôn-sê-vích cựu trào" lão thành nhất — đại đa số đã rời bỏ đảng mười, mười lăm năm — rằng "chẳng lẽ chúng ta để Trốtxki trở thành người lãnh đạo duy nhất của đảng và nhà nước?" Càng ngày, người ta càng khuấy đảo quá khứ, gọi lại những bất đồng quan điểm cũ của tôi với Lênin; Dinôviép là chuyên gia trong vụ này.

Trong lúc ấy, trạng thái sức khỏe Lênin giảm sút rất nhanh. Như vậy, từ đó trở đi không còn thứ "nguy cơ" gì đe dọa "bộ tam mã" nữa, họ quyết định Dinôviép sẽ dự thảo bản báo cáo chính trị. Tôi không phản đối khi vấn đề này được đưa ra trước Bộ Chính trị, sau khi đã được chuẩn bị đầy đủ trong hậu trường. Tất cả đều mang dấu ấn của tình thế tạm thời. Chưa có những bất đồng trông thấy bởi lẽ "bộ tam mã" cũng chưa có đường lối độc lập. Thoạt đầu, những luận đề về công nghiệp của tôi được chấp nhận không qua tranh luận, nhưng khi người ta biết không còn hi vọng gì về việc Lênin sẽ trở lại làm việc, "bộ tam mã" đột ngột quay ngoắt vì sợ Đại hội được chuẩn bị quá hòa bình. Bây giờ, họ đương nhiên vận dụng mọi khả năng chống lại tôi trước giới lãnh đạo đảng. Vào phút chót trước Đại hội, Camênhép trình bày một bổ sung vào dự thảo nghị quyết của tôi về vấn đề nông dân, dự thảo này vốn đã được chấp nhận. Ở đây, tôi thấy văn kiện bổ sung đó là một văn kiện vô nghĩa. Nó chẳng có giá trị gì về phương diện lý luận cũng như chính trị, vì nó chỉ nhằm mục tiêu khiêu khích. Nó cần là chỗ dựa — lúc đó mới chỉ từ hậu trường — cho lời buộc tội tôi đã "đánh giá thấp giai cấp nông dân". Ba năm sau, khi đã đoạn tuyệt với Xtalin, với vẻ trợ tráo niềm nở đặc trưng cho anh, Camênhép kể cho tôi nghe người ta đã xào xáo thứ tội danh ấy thành món ăn như thế nào; cố nhiên chẳng có ai trong số các tác giả lại coi trọng nó.

Rõ ràng là trong chính trị, sử dụng những phạm trù đạo đức là điều vô vọng. Đạo đức chính trị xuất phát từ bản thân chính trị, là hàm số của nó. Chỉ thứ chính trị phục vụ một sự nghiệp lịch sử lớn lao mới có thể đảm bảo cho mình những phương pháp không thể chê trách được về mặt đạo đức, và ngược lại, khi tầm vóc của các nhiệm vụ chính trị bị hạ thấp, tất yếu sẽ dẫn đến sự suy thoái về đạo đức. Như chúng ta đều biết, nói chung Phigarô [Figaro] không thừa nhận sự khác biệt giữa chính trị và thủ đoạn, mặc dù ông ta sống trước kỷ nguyên của chế độ đại nghị! Khi các nhà đạo đức của nền dân chủ tư sản khám phá ra nguồn gốc đạo đức chính trị thô bạo trong nền chuyên chính cách mạng, chúng ta không thể làm gì khác ngoài việc nhún vai thương hại họ. Giá mà người ta quay một cuốn phim về chế độ đại nghị hiện nay, dù chỉ trong một năm hoạt động của nó, thì thật là hữu ích. Có điều, không nên đặt máy quay cạnh ghế bành của vị chủ tịch viện dân biểu vào giây phút ông ta đọc một nghị quyết yêu nước; phải đặt nó vào những nơi khác hẳn: trong các văn phòng của những chủ nhà băng và những nhà công nghiệp, trong những góc kín đáo của các tòa soạn báo chí, ở nhà các ông hoàng của Giáo hội, tại phòng khách các bà làm chính trị, trong các bộ, đồng thời, cũng đáng đưa lên phim sự trao đổi thư từ bí mật của thủ lĩnh các đảng... Tuy nhiên, cũng cần phải tuyên bố rằng so với đạo đức của chế độ đại nghị, phải đặt ra những yêu cầu rất khác đối với đạo đức chính trị của nền chuyên chính cách mạng. Bản thân tính cứng rắn của những công cụ và phương pháp chuyên chính đòi hỏi sự sát trùng cẩn trọng. Đồi đắp bản không nguy hiểm. Nhưng lưỡi dao cạo bị sao nhãng lại vô cùng nguy hại. Trong mắt tôi, những phương pháp của "bộ tam mã" tự chúng đã đánh dấu sự suy đồi chính trị.

Đối với tập đoàn mưu phản, khó khăn lớn nhất là họ phải công khai chống tôi trước quảng đại quần chúng. Giới công nhân biết Dinôviép và Camênhép và sẵn lòng nghe họ. Tuy nhiên, thái độ năm 1917 của họ còn nóng hổi trong ký ức mọi người. Họ không có uy tín tinh thần trong nội bộ đảng. Hầu như tuyệt đối không ai biết đến Xtalin, ngoài một nhóm nhỏ những người bôn-sê-vích cũ. Một số bạn bè tôi nói:

— Họ không dám công khai chống đồng chí đâu. Trong tiềm thức của người dân, tên tuổi đồng chí đã gắn bó với tên tuổi Lênin quá chặt chẽ, không thể tách rời. Và cũng không thể xóa sạch cách mạng tháng Mười, xóa sạch Hồng quân và xóa sạch nội chiến như một sự kiện chưa hề xảy ra.

Tôi không đồng ý với họ. Uy tín cá nhân có thể đóng vai trò lớn, thậm chí vĩ đại, trong chính trị, nhất là vào thời kỳ cách mạng, nhưng không phải là yếu tố quyết định. Những quá trình sâu kín hơn, tức là những quá trình trong quần chúng, cuối cùng sẽ quyết định số phận uy tín cá nhân. Sự vụ không nhằm vào

các lãnh tụ bôn-sê-vích khi cách mạng đang đi lên chỉ làm những người bôn-sê-vích mạnh thêm. Nhưng sự vu khống cũng nhằm vào những người ấy trong giai đoạn cách mạng thoái trào lại có thể trở thành vũ khí đắc thắng của thế lực phản động Tháng Nóng.

Những quá trình khách quan diễn ra trong nước và trên vũ đài quốc tế có lợi cho các địch thù của tôi. Văn học, báo chí của đảng và các nhà tuyên truyền còn sống trong ấn tượng của ngày hôm qua, trong tinh thần bộ song tấu Lenin-Trótxki. Phải quay ngoặt tất cả những thứ đó 180 độ, cố nhiên, không phải một lần mà nhiều lần. Để chứng tỏ tầm quan trọng của bước ngoặt đó, tôi nhận thấy cần phải nêu ra ở đây một vài trích dẫn, nhằm minh họa cho cái giọng điệu bao trùm trong báo chí đảng khi người ta nói đến các lãnh tụ cách mạng.

Ngày 14 tháng Mười năm 1922, nghĩa là khi Lenin đã trở lại làm việc sau lần chảy máu não thứ nhất, Radéc viết như sau trong tờ *Prápđa*:

Nếu có thể gọi đồng chí Lenin là bộ óc của cách mạng và đồng chí đã lãnh đạo cuộc cách mạng ấy thông qua sự chuyển giao ý chí, thì chúng ta có thể đánh giá đồng chí Trótxki như một thứ nghị lực thép được lý trí dồn nén. Lời của đồng chí Trótxki vang lên như tiếng chuông giục giã làm việc. Toàn bộ ý nghĩa của tiếng nói ấy và toàn bộ ý nghĩa của công việc trong tương lai gần của chúng ta trở nên hoàn toàn rõ rệt trước chúng ta...v.v...

Đúng, tính khoa trương cá nhân của Radéc thì ai cũng biết: anh ta có thể nói thế này, nhưng cũng có thể nói thế khác. Điều quan trọng hơn nhiều là những lời lẽ này xuất hiện trong cơ quan ngôn luận trung ương của đảng, lúc sinh thời Lenin và không ai cảm thấy trái tai.

Năm 1923, khi âm mưu của "bộ tam mã" đã trở nên rõ rệt, Lunatrácxki là người đầu tiên khởi sự nêu cao uy tín của Dinôviép. Nhưng anh ta đã bắt đầu công việc ấy như thế nào?

Lunatrácxki viết trong bài phân tích Dinôviép:

Hiển nhiên Lenin và Trótxki trở thành những nhân vật đại chúng nhất (yêu cũng như ghét) trong thời đại chúng ta. Dinôviép hơi tụt lại sau họ đôi chút, nhưng phải lưu ý rằng Lenin và Trótxki từ lâu đã được coi là những người có tài năng xuất chúng trong hàng ngũ chúng ta, là những lãnh tụ không ai chối cãi được đến nỗi sự bay bổng tuyệt vời của họ trong thời cách mạng không khiến bất cứ ai phải ngạc nhiên đặc biệt.

Sở dĩ tôi trích dẫn những lời tán dương hoa mỹ có mùi vị đáng ngờ đó chỉ bởi tôi cần đến chúng như những bộ phận của bức tranh toàn cảnh, hoặc nếu ta muốn, như những lời khai của nhân chứng trong phiên tòa.

Thực là kinh tởm, nhưng tôi phải trích dẫn một nhân chứng thứ ba nữa: Iarôxlápki, người mà những lời tán tụng có lẽ còn khó chịu hơn những lời đả kích. Ngày nay, con người ấy có vai trò rất lớn trong đảng, sự thăng tiến tinh thần còm cõi của bản thân y cho thấy sự sút kém của ban lãnh đạo đảng. Chỉ thông qua những bậc thang vu khống do y tạo ra đối với tôi, Iarôxlápki mới tiến được đến vai trò hiện tại. Trên cương vị một kẻ giả mạo lịch sử cung đình của đảng, y thuật lại quá khứ như cuộc đấu tranh không ngừng của Trótxki chống Lenin. Tôi cũng không cần nhắc đến chuyện Trótxki đã "đánh giá thấp", đã "bỏ qua", đã "không thèm biết đến" giai cấp nông dân v.v... Tuy nhiên, tháng Hai năm 1923, tức là vào khoảng khắc khi Iarôxlápki đã phải biết quan hệ của tôi với Lenin và quan điểm của tôi về giới nông dân, y phân tích quá khứ của tôi bằng những lời lẽ sau đây trong một bài viết tràn giang đại hải về những bước đi đầu tiên trong sự nghiệp cầm bút của tôi:

Sự nghiệp viết văn — viết báo xuất chúng của đồng chí Trótxki đã khiến anh có một cái tên mà cả thế giới đều biết đến: "vua đả kích". Văn hào Anh Bócna Sô đã đánh giá anh như vậy. Qua một phần tư thế kỷ nay, những ai để tâm đến hoạt động này đều tin chắc rằng tài năng của Trótxki đặc biệt chói lọi... v.v...

Chắc hẳn nhiều người đã thấy bức ảnh khá phổ biến của Trótxki thời thanh niên... v.v... Dưới vầng trán cao ấy, ngay khi đó đã cuộn cuộn một dòng bão táp của những hình ảnh, những suy tưởng, những tâm trạng, đôi khi nó hơi cuốn đồng chí Trótxki ra khỏi con đường lịch sử chính, khiến đồng chí hoặc phải chọn những đường vòng quá dài, hoặc ngược lại, buộc đồng chí dừng cảm nhào thẳng vào nơi không ai ngờ tới. Nhưng trong tất cả mọi thử nghiệm tìm đường đó, trước chúng ta là một con người trung thành sâu sắc với cách mạng, anh đã sinh ra để đóng vai trò một nhà hùng biện,

có ngôn từ cực kỳ sắc bén và mềm dẻo như mũi thép, xuyên qua đối thủ... v.v...

Rồi giọng Iarôxlápki gần như nghẹn ngào:

Người dân Xibêri hào hứng đọc những bài viết chói lọi của đồng chí, họ nóng lòng chờ đợi các bài khác. Chỉ ít người biết tác giả những bài báo ấy là ai; những người biết Trótxki không hề nghĩ anh sẽ trở thành một trong những lãnh tụ được thừa nhận của quân đội cách mạng nhất và của cuộc cách mạng vĩ đại nhất trên hoàn cầu.

Mọi sự còn tệ hơn nữa đối với Iarôxlápki khi y nói đến chuyện tôi đã "lờ đi" giai cấp nông dân. Tôi đã dành những bước đi đầu của sự nghiệp viết báo chính trị và xã hội cho nông thôn. Thử coi Iarôxlápki nói gì về điều này:

Trótxki không thể ở tại một làng Xibêri một thời gian mà không hòa nhập vào các chi tiết trong đời sống hàng ngày của làng. Trước hết, anh lưu ý đến bộ máy hành chính của làng quê Xibêri. Trong các bài phóng sự của anh, Trótxki đã phân tích rất tuyệt vời cơ chế ấy...

Dưới đó một đoạn:

Nhìn đâu Trótxki cũng chỉ thấy cái làng xung quanh anh. Những thiếu thốn của làng quê trở thành thiếu thốn của anh. Anh thấy bất lực trước tình trạng làng quê bị đè nén, bị tước đoạt quyền lợi.

Iarôxlápki tìm cách để in những bài viết về nông thôn của tôi trong một hợp tuyển. Tất cả những điều này diễn ra vào tháng Hai 1923, nghĩa là đúng vào tháng khi cái thuyết "Trótxki bỏ qua nông thôn" xuất hiện lần đầu tiên. Nhưng lúc đó Iarôxlápki lại đang ở Xibêri, thành thử y không theo kịp sự thay màu đổi sắc của "chủ nghĩa lê-nin-nít".

Ví dụ cuối cùng tôi muốn nêu ra có liên quan đến bản thân Xtalin. Ngay từ lễ kỷ niệm năm đầu tiên của cách mạng tháng Mười, ông ta đã viết một bài báo chống lại tôi một cách trá hình. Để giải thích, tôi cần nhắc lại một thực tế: trong thời gian chuẩn bị cho cách mạng tháng Mười, Lênin còn ẩn náu ở Phần Lan, Camêhép, Dinôviép, Rucốp, Calinhin có quan điểm chống lại cuộc khởi nghĩa và đơn thuần không ai biết gì về Xtalin. Do đó, trước hết đảng gắn tên tuổi tôi với bước ngoặt tháng Mười. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ nhất, Xtalin làm một thử nghiệm để giảm nhẹ ấn tượng ấy, bằng cách đặt tôi đối đầu với sự lãnh đạo chung của Ban Trung ương. Nhưng để câu chuyện của ông ta ít nhiều được chấp nhận, Xtalin buộc phải viết như sau:

Những nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến việc tổ chức khởi nghĩa được thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Trótxki, chủ tịch Xô-viết Pêtorôgorát. Chúng ta có thể khẳng định chắc chắn rằng trước hết và đầu tiên, đảng có thể cảm ơn đồng chí Trótxki về việc quân đội địa phương đã nhanh chóng đứng về phía các Xô-viết và về tính hiệu quả khi đồng chí tổ chức Ủy ban Quân sự Cách mạng.

Nếu Xtalin viết như thế thì chỉ vì ở giai đoạn đó, ngay cả ông ta cũng chưa thể viết khác được. Phải đợi tới nhiều năm về sau, sau khi có những cuộc tấn công tôi dồn dập, Xtalin mới đủ can đảm để nói lớn:

Đồng chí Trótxki đã không có và không thể có bất cứ một vai trò gì đáng kể trong đảng và trong cách mạng tháng Mười...

Khi mọi người chỉ ra những lời tuyên bố mâu thuẫn đó, Xtalin chỉ đáp lại một cách thô lỗ, thế thôi.

Dù sao đi nữa, "bộ tam mã" cũng không thể tự đương đầu với tôi. Họ chỉ có thể đưa Lênin ra để chống tôi. Nhưng như thế thì phải chờ cho Lênin mất hết khả năng chống lại "bộ tam mã". Nói cách khác, để chiến dịch của họ thành công, "bộ tam mã" cần một Lênin bệnh hoạn, không có hi vọng lành bệnh, hoặc một cái xác ướp hương thơm nằm trong Lăng tẩm. Nhưng ngay điều đó cũng vẫn chưa đủ. Họ còn cần tôi phải rời khỏi hàng ngũ trong thời gian chiến dịch diễn ra. Việc này cũng đã xảy ra vào mùa thu năm 1923.

Trong những trang sách này, tôi không suy luận về triết học lịch sử mà chỉ đơn thuần nói về cuộc đời tôi cùng những sự kiện liên quan đến nó trong hậu trường. Nhưng nhân đây, tôi không thể không nói qua rằng cái ngẫu nhiên đã sẵn sàng trợ lực cho cái quy luật đến mức nào. Nói rộng hơn, toàn bộ quá trình lịch sử là khúc xạ của cái quy luật nhìn qua lăng kính ngẫu nhiên. Dùng ngôn ngữ của sinh học, có thể nói rằng quy luật lịch sử hình thành trong quá trình lựa chọn tự nhiên của các sự kiện ngẫu nhiên. Chính trên cái nền ấy, hoạt động có ý thức của con người phát triển và bắt cái ngẫu nhiên phải qua sự chọn lọc nhân

tạo...

Nhưng đến đây, tôi phải dừng lời để nói về Ivan Vaxiliévich Daixép [Ivan Vassiliévitch Zaitsev], người bạn của tôi, xuất thân từ làng Calóssillô [Kalochino] ven sông Đúpna [Doubna]. Vùng này được gọi là Dabôlôtiê [Zabolotíe] và bản thân cái tên này cũng ám chỉ một vùng lầy lội, lắm các loại thú săn sống trên đầm lầy. Con sông Đúpna ngập nước ở khắp vùng. Những đầm lầy, hồ và ao được bao quanh bởi lau sậy trải dài trên một giải gân bốn chục cây số. Mùa xuân, lũ ngồng trời, hạc và vịt trời thuộc đủ các chủng loại, rồi dê gà, chim dê trống, mái và toàn thể những loài sống trong đầm lầy ủa ra đây. Cách đó hai cây số, trong cánh rừng non, giữa những tầng rêu, trên cây quả đỏ, bọn gà rừng kêu cục cục. Bằng một mái chèo ngắn độc nhất, Ivan Vaxiliévich lái chiếc thuyền độc mộc nhẹ tiến lên phía trước, qua một con kênh hẹp giữa hai bờ hồ lầy lội. Không biết con kênh được mở ra từ thời nào, có lẽ đã hai, ba trăm năm nay, hoặc có thể còn lâu hơn, và hàng năm phải nạo vét để nó không tích bùn lại. Phải lên đường từ nửa đêm ở Calósinô mới đến kịp cái lều trước bình minh. Cái đầm than bùn lại phình lên sau mỗi bước chân chúng tôi. Có thời tôi còn sợ nó, nhưng từ buổi đầu khi tôi đến thăm, Ivan Vaxiliévich đã bảo:

— Cứ bước mạnh dạn vào, đã có người chết đuối trong hồ, nhưng chưa thấy ai mất xác ở đầm này cả.

Con thuyền của chúng tôi nhẹ và chênh vênh đến nỗi tốt hơn cả là nên nằm ngửa không động đậy, nhất là khi có gió. Những người chèo thuyền thường hay quỳ gối để được an toàn hơn. Chỉ riêng Ivan Vaxiliévich vuton người đứng thẳng, mặc dù anh thọt một chân. Ivan Vaxiliévich là bậc thầy của lũ vịt trời ở vùng này. Cha anh, ông anh và cụ cố của anh cũng từng săn vịt. Chắc hẳn cụ tổ năm đời của anh đã chuyên chở vịt, ngỗng và thiên nga cho các bàn tiệc của Ivan Bạo chúa. Daixép không quan tâm đến gà rừng và dê gà.

— Đó không phải là chuyên môn của tôi — anh nói vắn tắt.

Ngược lại, anh biết giống vịt từ trong ra ngoài: lông, tiếng và cả tính tình của chúng. Ivan Vaxiliévich đứng trên thuyền, thỉnh thoảng nhắc một, hai chiếc lông chim khỏi mặt nước, xem xét chúng rồi tuyên bố:

— Chúng ta đi Gusotrinô [Gouchtchino], lũ vịt sẽ hạ cánh ở đó...

— Sao anh biết?

— Anh thấy không, cái lông chim nổi trên mặt nước, không bị ướt, còn mới, lũ vịt vừa bay qua đây vào buổi tối và không thể hạ cánh ở một nơi nào khác ngoài Gusotrinô.

Và đây là kết quả: trong khi các thợ săn khác chỉ đem về một, hai đôi vịt, tôi và Ivan Vaxiliévich về nhà với một tá, đôi khi cả tá rưỡi. Công lao thuộc về anh, vinh dự về phần tôi. Ở đời thường hay như vậy. Trong cái lều bằng lau sậy, Ivan Vaxiliévich đưa bàn tay bị chai lên môi và cạc cạc tiếng vịt mái êm dịu đến mức ngay con trống thận trọng nhất — từng ngửi mùi thuốc súng — cũng không cưỡng lại được sự cám dỗ, thế nào cũng phải lượn một vòng quanh lều, nhưng có khi nó đậu cả xuống mặt nước cách chúng tôi chừng dăm bước và con người ta không nở ngắm bắn. Daixép nhận ra tất cả, biết và cảm nhận tất cả.

— Chuẩn bị đi — anh thì thảo với tôi —, một con trống bay đến chỗ anh đấy.

Xa xa, trên cánh rừng, tôi nhìn thấy đôi cánh hình dấu phẩy nhưng chỉ Ivan Vaxiliévich — bậc thầy của hiệp hội vịt trời — mới biết nó thuộc giống gì. Tuy nhiên, con trống vẫn bay thẳng đến chỗ tôi. Nếu tôi bắn trượt, Ivan Vaxiliévich chỉ thờ dài một tiếng khê khằng, khó nghe thấy và lịch sự, nhưng khi ấy con người ta thà muốn không sinh ra trên đời, còn hơn là nghe tiếng thờ dài như thế sau lưng mình.

Trước chiến tranh, Daixép làm việc trong một nhà máy dệt. Ngay cả bây giờ anh cũng hay lên Mátxcova vào mùa đông và làm thợ đốt lò, hoặc nhận làm việc trong một nhà máy điện. Trong những năm đầu sau cách mạng, những cuộc chiến bùng nổ khắp đất nước, các cánh rừng và đầm than ngập trong khói lửa, những cánh đồng cháy trụi ở mọi nơi, đàn vịt hoàn toàn không xuất hiện. Daixép bắt đầu nghi ngờ thể chế mới. Nhưng từ năm 1920, lũ vịt trời lại xuất hiện, thậm chí chúng còn diều thành hàng đàn và Ivan Vaxiliévich chấp nhận chính quyền Xô-viết không chút dè dặt.

Cách nhà Daixép hai cây số, có một nhà máy Xô-viết làm bắc đèn, hoạt động trong suốt một năm. Thời ấy, giám đốc nhà máy là người lái xe thuộc tập thể nhân viên trên đoàn tàu của tôi. Vợ và con gái Daixép, mỗi người mang về nhà ba chục rúp hàng tháng, vào lúc đó đây là một gia sản kinh khủng. Nhưng chẳng bao lâu, nhà máy cung cấp đủ bắc đèn cho cả vùng và phải đóng cửa. Lũ vịt lại trở thành cơ sở cho đời sống sung túc của gia đình.

Ngày 1 tháng Năm, Ivan Vaxiliévich đến Nhà hát lớn Mátxcova, anh có một chỗ ngồi trông ra sân khấu, ở lô dành cho các vị khách danh dự. Anh ngồi ở hàng đầu, giấu cái chân khập khiễng và hơi bối rối, nhưng anh nghe tôi phát biểu với vẻ trang trọng như mọi lần. Muralốp đưa Daixép đến, anh là người chúng tôi thường chia sẻ niềm vui và nỗi phiền muộn khi săn bắn. Ivan Vaxiliévich hài lòng với bài phát biểu của

tôi, anh hiểu được tất cả và khi về Calôsinô, anh còn kể lại những điều được nghe thấy. Điều đó càng củng cố chặt chẽ tình bạn giữa ba chúng tôi. Tôi cần nói rằng những tay thợ săn già dặn — nhất là những kẻ ở vùng phụ cận Mátxcova — là một đám dân đồi bại, họ cọ xát quá gần với bọn lãnh chúa, là bậc thầy của trò nịnh hót, nói láo, nói ngoa. Nhưng Ivan Vaxiliêvich không như họ. Giản dị, khả năng quan sát và phẩm cách cá nhân là những đặc tính của anh, bởi trong đáy sâu tâm hồn, anh không phải là kỹ nghệ gia mà là một nghệ sĩ trong nghề nghiệp của anh...

Lênin cũng đến chỗ Daixép săn bắn và không bao giờ Ivan Vaxiliêvich bỏ lỡ bất kỳ một cơ hội nào để chỉ cái xó trong lán gỗ, nơi Lênin từng nằm trên đồng cỏ khô. Lênin ham mê săn bắn nhưng không mấy khi ông được đi săn. Rất tự chủ trong những vụ việc trọng đại, song ông rất hăng hái khi đi săn. Cũng như các chiến lược gia xuất chúng lại là những tay chơi cờ xoàng, những thiên tài chính trị lại thường là thợ săn tồi. Tôi còn nhớ gần như thất vọng, Lênin đã kể cho tôi nghe trong một cuộc săn lùng, ông trót để sống một con cáo cách hai lăm thước như thế nào; Lênin coi đó là một sai phạm không bao giờ sửa được.

Không bao giờ chúng tôi cùng đi săn với Lênin dù chúng tôi đã bàn bạc, thậm chí đã thỏa thuận chắc chắn với nhau. Trong những năm đầu sau cách mạng, mối lo nhỏ nhất của chúng tôi cũng còn lớn hơn việc săn bắn. Thành thạo lắm Lênin còn có dịp rời Mátxcova ra bãi biển, nhưng tôi hầu như không bước chân khỏi toa tàu, khỏi các tòa nhà Ban Tham mưu, khỏi chiếc xe hơi và tôi không có một cơ hội nào để cầm khẩu súng. Trong những năm cuối, khi nội chiến đã chấm dứt, luôn luôn xuất hiện vài tình huống bất ngờ ở phía người này hay phía người kia. Sau đó Lênin lâm bệnh. Trước đó ít lâu chúng tôi đã hẹn gặp nhau ở sông Sôsa [Chocha], vùng Tòverơ [Tver]. Nhưng chiếc xe hơi của Lênin bị hỏng tại một quãng đường hẻm và cuối cùng ông không đến nơi được. Khi Lênin hồi phục sau lần chảy máu não thứ nhất, ông kiên trì "đấu tranh" để được đi săn. Cuối cùng các bác sĩ cho phép ông với một điều kiện không được quá gắng sức. Trong một cuộc hội thảo, hình như về nông học, Lênin đến ngồi cạnh Muralốp:

— Các đồng chí hay đi săn với Trótxki phải không?

— Đúng thế.

— Tốt chứ?

— Vâng.

— Lần gần nhất, các đồng chí cho tôi đi cùng, được chứ?

— Nhưng có được phép không? — Muralốp lo lắng hỏi.

— Được, được, các bác sĩ đã cho phép rồi... Thế các đồng chí cho tôi đi theo nhé?

— Đồng chí Lênin, làm sao không đưa đồng chí đi cùng được?

— Vậy tôi sẽ bắn thế này, được chứ?

— Chúng ta sẽ chờ xem!

Nhưng Ilich không bắn được phát súng của ông. Ngược lại, bệnh tật lại nhằm vào ông lần thứ hai.

Rồi đến lượt tử thần.

Tôi cần đoạn ngoại đề này để giải thích vào một ngày chủ nhật năm 1923, tôi đã đến Dabôlôtiê, giữa đầm lầy, trên đám lau sậy bằng cách nào. Đêm tối, trời hơi có băng, chân đi ủng dạ tôi co ro trong túp lều nhỏ. Nhưng đến sáng trời hừng nắng, đầm lầy tan băng. Chiếc xe hơi chờ tôi trên dốc. Như mọi lần, anh lái xe Davidốp [Davidov] — từng sát cánh với tôi trong suốt cuộc nội chiến — lại nóng lòng muốn biết chiến lợi phẩm. Từ thuyền đến chiếc xe, tôi chỉ phải đi cùng lắm là một trăm bước. Nhưng khi vừa nhúng chân đi ủng dạ xuống mặt đầm lầy thì nước lạnh đã làm ướt sũng đôi ủng. Trong lúc tôi nhảy khập khiễng tới xe, hai chân tôi hoàn toàn bị lạnh cóng. Tôi ngồi cạnh Davidốp, tháo ủng và hơ bàn chân lên hơi nóng của động cơ. Tuy nhiên chúng cảm lạnh đã thắng. Tôi phải nằm liệt giường. Sau khi hết bệnh, các bác sĩ phát hiện trong cơ thể tôi một chứng sốt không rõ nguồn gốc. Họ cấm tôi đứng dậy. Thành thử tôi phải nằm nhà suốt phần còn lại của mùa thu và cả mùa đông. Điều này có nghĩa là tôi bị ốm trong suốt cuộc tranh luận "chống chủ nghĩa trót-kít" năm 1923. Có thể dự kiến trước về một cuộc cách mạng hay chiến tranh, nhưng không thể thấy hết được những hậu quả của cuộc săn vịt trời vào một mùa thu.

Lênin nằm ở Goócki, tôi ở điện Kremli. Tập đoàn kế nghiệp ngày càng mở rộng âm mưu của họ. Thoạt đầu, họ tấn công thận trọng, dè dặt, rồi từng bước một, càng ngày họ pha càng nhiều độc được vào những lời tán tụng. Ngay cả Dinôviép, kẻ nóng vội nhất trong số họ cũng bao bọc những lời vu khống trong vỏ bọc kính trọng. Anh ta phát biểu trong hội nghị đảng ở Pétơrôgorát ngày 15 tháng Chạp 1923:

Chúng ta ai cũng biết đến uy tín của đồng chí Trótxki, cũng như những công trạng của đồng chí. Giữa chúng ta, cũng không cần nói nhiều về điều đó. Nhưng dù vậy, sai lầm vẫn là sai lầm. Khi tôi phạm sai lầm, đảng đã phê bình tôi đến nơi đến chốn...

Và cứ thế, anh nói với giọng điệu châm chọc nhứt nhát tương tự, thứ giọng còn là âm điệu chủ đạo của bọn phá hoại phiến loạn trong một thời gian dài; chỉ sau khi đã lần ra địa hình và nắm được những cú điếm, họ mới mạnh dạn hơn.

Cả một ngành khoa học mới xuất hiện: sáng chế những uy tín giả tạo, bịa đặt những tiểu sử hoang đường, quảng cáo cho giới lãnh đạo theo đơn đặt hàng. Một bộ môn nhỏ và riêng biệt thuộc ngành khoa học này nghiên cứu vấn đề lựa chọn đoàn chủ tịch danh dự. Bởi lẽ từ tháng Mười, trong vô số cuộc hội họp, việc Lênin và Trótxki là thành viên của chủ tịch đoàn danh dự đã là một tập quán. Luôn luôn được nhắc đến bên nhau, hai cái tên ấy đã bắt rễ trong những câu chuyện thường ngày, trong báo chí, trong thi ca và dân ca. Bước đầu tiên là phải tách rời hai cái tên đó, dù là tách rời một cách máy móc, để rồi đối lập chúng trên bình diện chính trị. Trong thời gian đó, mọi thành viên Bộ Chính trị đều được lựa chọn vào đoàn chủ tịch. Sau đó ít lâu, tên họ được ghi theo thứ tự A, B, C. Sau nữa, thứ tự A, B, C cũng bị phân rã theo những yêu sách thuộc đẳng cấp mới của các lãnh tụ. Người ta bắt đầu đặt Dinôviép lên đầu bảng. Pêtorôgorát nêu gương trước. Một thời gian sau, các đoàn chủ tịch danh dự không có mặt Trótxki trở nên quen thuộc. Tuy nhiên, thường có những lời phản đối gay gắt nổ ra trong hội trường. Nhiều khi chủ tọa phiên họp phải viện vào một nhầm lẫn nào đó để giải thích tại sao tên tôi bị bỏ sót trong danh sách. Nhưng các bài tường thuật trên báo chí dĩ nhiên bỏ qua những trò lặt vặt này. Rồi họ bắt đầu dành vị trí đầu cho Xtalin. Nếu một chủ tịch hội nghị không biết phải làm gì, bài tường thuật báo chí luôn sửa chữa thiếu sót của ông ta. Bước đường danh vọng lên cao hay xuống dốc phù hợp với sự hình thành của danh sách đoàn chủ tịch danh dự. Công việc này đòi hỏi một sự kiên trì và tính hệ thống hơn hẳn mọi thứ khác, được sinh ra bởi sự cần thiết của "cuộc chiến đấu chống tệ sùng bái lãnh tụ". Tại hội nghị Mátxcova tháng Giêng 1924, Prêôboragiexki phản đối bọn kẻ nghiệp:

Quả thực chúng tôi chống tệ sùng bái lãnh tụ, nhưng chúng tôi cũng chống việc thay tệ sùng bái một lãnh tụ duy nhất bằng tệ sùng bái nhiều lãnh tụ có tầm cỡ thấp hơn.

Vợ tôi viết trong những ghi chép của cô:

Đó là những ngày gian nan. Những ngày đấu tranh căng thẳng của L.Đ. trong Bộ Chính trị, chống lại các ủy viên của Bộ. Đơn thương độc mã và bệnh tật, anh chống lại mọi người. Vì L.Đ. bị ốm nên những phiên họp được tổ chức ở nhà chúng tôi, tôi ngồi trong phòng ngủ bên cạnh và lắng nghe anh phát biểu. Anh nói với tất cả tâm hồn, dường như mỗi lần nói anh lại mất một phần sức lực của mình; anh nói toàn tâm toàn ý đến như thế. Và tôi nghe những câu trả lời lạnh lẽo, thờ ơ. Bởi tất cả được quyết định từ trước đó đã lâu. Họ còn lo ngại làm gì? Sau những phiên họp như thế, L.Đ. luôn luôn lên cơn sốt, đầm đìa mồ hôi, anh ra khỏi phòng làm việc, thay quần áo và đi nằm. Phải sấy đồ lót và quần áo của anh như thể anh bị ướt sũng trong một cơn mưa rào. Hồi đó thường xuyên có những buổi họp trong căn phòng làm việc của L.Đ., có trải tấm thảm cũ kỹ, phai màu. Đêm nào cũng thế, tấm thảm hiện ra trong giấc mơ của tôi như một con báo; các phiên họp ban ngày trở thành cơn ác mộng buổi đêm. Giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh là như vậy, khi những bất đồng còn chưa hoàn toàn xuất hiện...

Sau này, khi Dinôviép và Camênhép chống lại Xtalin, chính những kẻ mưu phản để lộ ra những bí mật của giai đoạn này. Bởi đây chính là một mưu đồ phản nghịch. Hình thành một bộ chính trị bí mật — "liên minh bảy người" — gồm mọi thành viên của Bộ Chính trị chính thức, trừ tôi, và thêm Quybusép, hiện nay là chủ tịch Hội đồng Kinh tế Quốc dân Tối cao. Mọi vấn đề đều được quyết định trước từ lâu trong cái trung tâm bí mật đó; những thành viên của nó gắn bó chặt chẽ với nhau theo nguyên tắc "liên đới trách nhiệm": họ cam kết không tranh luận chống chọi lẫn nhau, đồng thời tìm cơ hội để hành động chống lại tôi. Các trung tâm bí mật tương tự cũng hoạt động trong những tổ chức địa phương, chúng liên hệ với "bộ thất" ở Mátxcova thông qua những phép tắc kỷ luật nghiêm khắc. Những kẻ này duy trì quan hệ với nhau bằng một thứ mật mã đặc biệt. Đây là một tổ chức bất hợp pháp nhỏ mọn, hình thành vững chãi trong nội bộ đảng: thoạt đầu, nó chỉ nhằm chống một người. Những viên chức có thẩm quyền trong đảng và nhà nước được lựa chọn triệt để theo một tiêu chuẩn duy nhất: chống Trótxki! Trong thời kỳ "khuyết ngôi" xuất hiện và kéo dài do bệnh tật của Lênin, công việc này được tiến hành không mệt mỏi, nhưng đồng thời cũng thận trọng, ngấm ngấm để hòng khi Lênin hồi phục, họ còn có thể gìn giữ được hệ thống cầu cống đã bị gài mìn. Bọn âm mưu hoạt động bằng những âm chỉ. Họ chờ những người được bổ nhiệm vào chức vụ này khác hãy

tự vỡ ra: phải làm gì. Ai "đoán" đúng sẽ được thăng tiến. Từ đây, đã hình thành một dạng khác thường của chủ nghĩa cầu lợi, sau này được gọi bằng cái tên "chủ nghĩa chống Trótxki". Chỉ có cái chết của Lênin mới khiến những kẻ âm mưu hoàn toàn rảnh tay và cho họ khả năng hành động công khai. Quá trình tuyển chọn cán bộ khi đó đã hạ xuống một bậc thấp hơn. Bây giờ, không thể chiếm được một chân giám đốc nhà máy, bí thư ủy ban xí nghiệp, chủ tịch ủy ban chấp hành tỉnh, kế toán, đánh máy... nếu không chứng tỏ "thái độ chống Trótxki" của mình.

Các đảng viên lên tiếng chống âm mưu bội phản lập tức trở thành nạn nhân của những trận công kích xảo quyệt. Người ta phát động cuộc truy lùng hoàn toàn không phụ thuộc vào nội dung tranh luận, thường bị kèm theo những lý lẽ ngụy tạo. Ngược lại, những phần tử tinh thần bấp bênh, bị khai trừ khỏi đảng một cách không thương tiếc trong năm năm đầu của chính quyền Xô-viết, nay tự đảm bảo địa vị cho mình chỉ bằng một lời công kích rỗng tuếch chống Trótxki.

Công việc này cũng được tiến hành từ cuối năm 1923 trong tất cả các đảng thuộc Quốc tế Cộng sản: một số lãnh tụ bị phế truất và những kẻ khác được thế vào chỗ của họ, hoàn toàn chỉ tùy thuộc vào thái độ của họ đối với Trótxki. Đây là một cuộc tuyển lọc nhân tạo với nhịp điệu căng thẳng, tất nhiên không nhằm vào những người ưu tú nhất mà để lựa những kẻ dễ thích nghi nhất. Đường lối chung đòi bại đến mức những người có suy nghĩ độc lập và có tài năng bị thay thế bằng những kẻ tầm thường, chỉ nhờ bộ máy mà có được địa vị của họ. Và như hiện thân ở mức cao nhất của sự kém cỏi của cơ chế, Xtalin tiếp tục trèo lên cao.

CHƯƠNG XLI

CÁI CHẾT CỦA LÊNIN VÀ VẤN ĐỀ QUYỀN LỰC

Người ta đã nhiều lần hỏi tôi và ngay cả bây giờ, đôi lúc họ vẫn còn hỏi: ông đã để mất quyền lực như thế nào? Đằng sau câu hỏi đó, thông thường người hỏi có một ý tưởng khá ngây thơ về việc đánh mất một thứ đồ vật gì đó: dường như để mất quyền lực cũng giống như khi con người ta đánh mất một cái đồng hồ hay một cuốn sổ tay. Trong thực tế, khi những nhà cách mạng đứng đầu cuộc chiến đấu giành chính quyền mà lại để mất chính quyền một cách "hòa bình" hoặc để đổ vỡ ở một giai đoạn nào đó, điều đó chỉ có nghĩa một số lý tưởng và tâm trạng của tầng lớp lãnh đạo cách mạng đã bị giảm sút, hoặc bầu không khí cách mạng đã yếu đi trong quần chúng, hoặc có thể cả hai đồng thời xảy ra.

Các cán bộ lãnh đạo đảng, khi bước ra khỏi vòng bí mật, họ được thúc đẩy bởi những khuynh hướng cách mạng do những lãnh tụ giai đoạn đầu của cách mạng diễn đạt một cách sáng sủa nhất và tốt nhất, khiến họ đưa vào thực tiễn một cách đầy đủ nhất và thành công nhất. Chính điều này khiến họ trở thành lãnh tụ của đảng, qua đảng, trở thành lãnh tụ của giai cấp công nhân và qua giai cấp công nhân, trở thành lãnh tụ của đất nước. Bằng con đường ấy, một số người đã tập trung quyền lực trong tay họ.

Nhưng một cách vô hình, những lý tưởng của giai đoạn đầu cách mạng dần dần mất đi ảnh hưởng của chúng trước nhận thức của một giai tầng, vốn nắm giữ quyền lực trực tiếp trong đảng. Ở trong nước, những quá trình như thế cũng diễn ra mà chúng ta có thể xác định đặc tính trong một khái niệm chung là "phân động". Những quá trình ấy, trong mức độ ít nhiều, cũng bao trùm giai cấp công nhân và đặc biệt, bao trùm giới công nhân trong đảng. Bộ máy chính quyền đặt ra những mục tiêu chính của nó và tìm cách buộc cách mạng phải phụ thuộc vào đó. Giữa những người lãnh đạo biểu thị con đường lịch sử của giai cấp, những người có tầm nhìn vượt quá đầu bộ máy và chính bộ máy ấy — bộ máy không lồ, có trọng lượng vô kể, thành phần hỗn tạp, thu hút dễ dàng những đảng viên cộng sản trung bình —, đã bắt đầu xuất hiện sự đứt đoạn. Khởi đầu, điều này có màu sắc tâm lý hơn là chính trị. Những sự kiện ngày hôm qua còn quá nóng hổi. Những khâu hiệu tháng Mười còn chưa bay hơi khỏi ký ức. Uy tín cá nhân các lãnh đạo của giai đoạn đầu còn chưa giảm. Nhưng dưới cái vỏ bề ngoài của những hình thức truyền thống, đã bắt đầu hình thành một thứ tâm lý mới. Những triển vọng quốc tế phai nhạt dần. Công việc hàng ngày hoàn toàn nuốt chửng con người. Những phương pháp mới, được vạch ra để thực hiện các mục tiêu cũ, nay lại để ra những mục đích mới và trước hết, để ra khuynh hướng tâm lý mới. Đối với rất nhiều người, tình thế tạm thời là nhà ga cuối cùng của họ. Một mẫu người mới hình thành.

Tự trung, các nhà cách mạng cũng được nặn bằng một chất liệu xã hội như mọi người khác. Nhưng họ cần phải có một số đặc điểm cá nhân mạnh mẽ khiến quá trình lịch sử có thể phân biệt họ với những người khác và hội tụ họ trong một nhóm người riêng biệt. Quan hệ chung, công tác lý luận, cuộc chiến đấu dưới một lá cờ chung, kỷ luật tập thể, rèn luyện trong ngọn lửa hiểm nguy dần dần tạo thành điển hình người cách mạng. Chúng ta hoàn toàn có quyền nói về thể chất tâm lý người bôn-sê-vích, có thể phân biệt rõ ràng với những người men-sê-vích chẳng hạn. Con mắt có kinh nghiệm, chỉ liếc qua, cũng biết phân biệt người bôn-sê-vích với người men-sê-vích với một tỉ lệ sai lầm rất nhỏ.

Tuy nhiên, tất cả những điều này không có nghĩa là người bôn-sê-vích luôn luôn là bôn-sê-vích và là bôn-sê-vích trong mọi mặt. Không phải ai cũng làm được, thậm chí chỉ ít người có thể làm được việc biến một thể giới quan nào đó thành máu thịt con người, để anh ta có thể bất ý thức mình phụ thuộc vào đó và kết hợp nó với thể giới tình cảm cá nhân. Ở quần chúng công nhân, điều đó được thay thế bằng bản năng giai cấp, bản năng này trong những thời kỳ nguy kịch có thể đạt đến sự tinh tế đặc biệt. Tuy nhiên, trong đảng và trong nhà nước, tồn tại một tầng lớp lớn những nhà cách mạng, đa số xuất thân từ quần chúng nhưng đã xa rời nó từ lâu và do địa vị của họ, họ trở nên đối lập với quần chúng. Bản năng giai cấp đã phai nhạt ở họ. Mặt khác, họ thiếu một sự bền vững cần thiết về lý luận và một tầm nhìn rộng rãi để bao quát toàn bộ quá trình. Trong tâm lý của họ, còn tồn tại khá nhiều vị trí không được bảo vệ, qua đó, khi tình thế thay đổi, những ảnh hưởng ý thức hệ ngoại lai và thù địch tha hồ xâm nhập. Trong những hoàn cảnh hoạt động bí mật, khởi nghĩa, nội chiến, những phần tử như vậy chỉ là những người lính của đảng. Trong ý thức của họ, chỉ có một sợi dây đàn độc nhất ngân vang và sợi dây ấy hòa cùng một âm điệu với đảng. Nhưng khi sự căng thẳng giảm xuống và những nhà cách mạng du mục đã yên vị, đã trở thành những viên chức tự mãn: những tính cách tiêu tư sản lẫn lộn thức tỉnh, hồi sinh và trải rộng trong con người họ, thấu suốt thể giới sở thích của họ.

Nhiều lần, tôi phải ôm đầu khi nghe một vài nhận xét ngẫu nhiên của Calinhin, Vôrôsilốp, Xtalin, Rucốp. Điều này xuất phát từ đâu? — tôi tự hỏi. Họ mưu toan gì? Đến phiên họp này khác, tôi thấy những người trò chuyện theo từng nhóm thường ngừng lại khi thấy tôi. Trong những câu chuyện ấy, không có gì nhắm chổng lại tôi, không có gì trái với các nguyên tắc của đảng. Ngược lại, có một thứ đạo đức bị buông thả, một sự tự mãn và băng lòng dễ dãi. Trong đầu mọi người, xuất hiện một nhu cầu phải nói cho nhau nghe những tâm trạng mới ấy, trong đó thứ chuyện đơm đặt tiêu tư sản chiếm một vị trí không nhỏ. Trước kia, chẳng những trước mặt Lênin hoặc tôi, nhưng ngay trước cả chính họ, những con người ấy đã phải ngưng ngưng vì thế. Chẳng hạn, khi Xtalin biểu lộ một sự dung tục gì đó, không cần ngẩng mác đầu đương cúi rất thấp trên mặt giấy, Lênin kín đáo liếc sang phải, sang trái như để kiểm tra xem có ai khác cũng nhận ra tính chất không thể chịu đựng được trong lời nói của Xtalin hay không? Trong những trường hợp như thế, chỉ cần một ánh mắt thoáng qua hoặc một thay đổi nhỏ trong âm sắc cũng đủ để sự đoàn kết của chúng tôi trong cách đánh giá tâm lý tương tự trở nên hiển nhiên đối với cả hai người.

Nếu tôi không tham gia vào những trò giải trí ngày càng trở nên thói tục của đảng cấp thống trị mới thì điều này không phải là vì những nguyên tắc đạo đức, mà bởi tôi không muốn chịu đựng những nhảm chán tẻ nhạt như thế. Những buổi tiếp tân, những lần đi xem ca vũ ba-lê đều đặn, những cuộc chè chén tập thể, tại đó người ta nói xấu những kẻ vắng mặt, hoàn toàn không hấp dẫn tôi. Giới cao cấp mới cảm thấy tôi hoàn toàn xa lạ với lối sống ấy. Họ cũng không tìm cách kéo tôi vào đó. Cũng vì lý do này mà các cuộc nói chuyện bị ngừng lại mỗi khi tôi xuất hiện và những kẻ tham gia vội vàng giải tán với một vẻ hồ thẹn đối với bản thân và một tâm trạng hiềm khích đối với tôi. Tất cả những điều này có nghĩa là tôi bắt đầu mất quyền lực, nếu bạn muốn dùng những từ như vậy.

Ở đây, tôi chỉ hạn chế ở khía cạnh tâm lý của sự việc, gạt sang một bên mặt dưới của xã hội, tức là sự thay đổi thuộc về khoa giải phẫu học của xã hội cách mạng. Dầu sao, rốt cục những thay đổi ấy đóng vai trò quyết định. Nhưng con người buộc phải đối phó trực tiếp với những phản xạ tâm lý của nó. Những sự việc bên trong phát triển tương đối chậm, vì thế nó tạo điều kiện thuận lợi cho những quá trình vi tế trong sự thoái hóa của tầng lớp trên và hầu như không để chỗ cho hai lập trường đối kháng có thể chạm trán nhau trước quần chúng. Phải nói thêm rằng những công thức truyền thống đã che giấu trong một thời gian dài và đến nay vẫn còn che giấu những khuynh hướng mới. Điều này khiến chúng ta càng khó chẩn đoán được quá trình suy thoái đã đi sâu đến mức nào. Vụ mưu phản Tháng Nóng cuối thế kỷ XVIII — được chuẩn bị bởi toàn bộ tiến trình cách mạng — đã bùng nổ chỉ trong một khoảng khắc và đã có kết cục đẫm máu. Tháng Nóng của chúng ta mang tính chất kéo dài. Máy chém được thay thế bằng sự dối trá, ít ra trong một khoảng thời gian không thể xác định. Giả mạo quá khứ một cách có hệ thống, có tổ chức theo kiểu "đây chuyện" trở thành công cụ trong sự thay đổi vũ khí tư tưởng của các cơ quan chính thức. Bệnh trạng của Lênin và việc không thể dự đoán bao giờ ông mới trở lại lãnh đạo, tạo ra một tình thế chuyển tiếp vô định, kéo dài hơn hai năm kể cả những gián đoạn nhỏ. Nếu phong trào cách mạng đang trong giai đoạn đi lên,

điều này hẳn có lợi cho phe đối lập. Nhưng lúc đó, cách mạng đang phải chịu hết thất bại này đến thất bại khác trên bình diện quốc tế và tính chất kéo dài của quá trình này có lợi cho chủ nghĩa cải lương quốc gia, tự động củng cố cho chế độ quan liêu của Xtalin, chống lại tôi và các bạn hữu chính trị của tôi.

Chiến dịch vu khống tầm thường, đốt nát và ngu xuẩn từ đầu đến cuối nhằm chống lại lý thuyết cách mạng thường trực bắt nguồn từ những nguồn tâm lý ấy. Đom đặt chuyện giữa khi chè chén hoặc trên đường về nhà sau một buổi trình diễn nhảy múa, một viên chức tự mãn này bảo một viên chức tự mãn khác: "Tay này lúc nào cũng chỉ nghĩ đến cách mạng thường trực". Gắn chặt vào đó, còn có những lời buộc tội tôi "chơi trội", "cá nhân chủ nghĩa" và "quí tộc". "Không thể hy sinh tất cả và vào bất cứ lúc nào cho cách mạng, thỉnh thoảng cũng phải nghĩ đôi chút đến mình chứ" — khuynh hướng đó, diễn dịch chính xác ra có nghĩa là: "Đã đảo cách mạng thường trực!" Đối với những kẻ như thế, sự phản kháng những đòi hỏi của lý luận mác-xít và những yêu cầu chính trị của cách mạng được thể hiện trong cuộc đấu tranh chống "chủ nghĩa trót-kít". Dưới chiêu bài ấy, con người tiêu tư sản thể hiện trong con người bôn-sê-vích. Tôi đã đánh mất quyền lực như thế và điều này quyết định những hình thức mà quá trình mất quyền lực diễn ra.

Tôi đã kể chuyện từ trên giường bệnh cho đến khi mất, Lênin từng nhằm mũi tên vào Xtalin và các đồng minh của ông ta — Décginxki và Oócgiônikitđê — như thế nào. Lênin đánh giá cao Décginxki. Sự lạnh nhạt giữa hai người bắt đầu từ khi Décginxki hiểu rằng Lênin không tin anh có khả năng lãnh đạo kinh tế. Chính điều đó đẩy anh về phía Xtalin. Nhưng lúc này Lênin đã thấy cần giáng một đòn vào Décginxki, chỗ dựa của Xatlin. Ông muốn khai trừ khỏi đảng trong hai năm Oócgiônikitđê vì anh ta có những cử chỉ coi mình như một viên toàn quyền. Lênin gửi cho Mođivani một lá thư trong đó ông hứa hoàn toàn ủng hộ những người bôn-sê-vích Grudia, chống lại Xtalin, Décginxki và Oócgiônikitđê. Qua bốn nhân vật ấy, có thể đo lường một cách rõ ràng nhất bước ngoặt do bè phái xta-lin-nít gây ra trong nội bộ đảng. Sau khi Lênin mất, Décginxki được đưa lên đứng đầu Hội đồng Kinh tế Quốc dân Tối cao, nghĩa là anh ta lãnh đạo toàn bộ nền công nghiệp nhà nước. Oócgiônikitđê, người mà Lênin định khai trừ khỏi đảng, lại ngồi lên đứng đầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Trái với ý nguyện của Lênin, Xtalin chẳng những vẫn nắm giữ chức vụ tổng bí thư mà còn được bộ máy trao cho một quyền hành chưa từng có. Cuối cùng, Buđu Mođivani [Boudou Mdivani], người mà Lênin từng đoàn kết để chống lại Xtalin, hiện nay lại đang bị giam trong nhà tù Tôbônxcơ [Tobolsk]. Một sự "xếp đặt lại" tương tự cũng diễn ra trong toàn bộ ban lãnh đạo đảng, từ trên xuống những cấp dưới cùng. Còn hơn thế nữa: trong tất cả các đảng của Quốc tế Cộng sản, không hề có ngoại lệ, cũng đều diễn ra một sự thay đổi tương tự. Giữa thời kỳ của tập đoàn kế nghiệp và thời kỳ Lênin, không những có một vực thẳm về tư tưởng mà còn có một cuộc đảo chính hoàn thiện về mặt tổ chức.

Xtalin là công cụ chính của cuộc đảo chính đó. Trời phú cho ông ta một bộ óc thực tiễn và tính kiên trì, miệt mài theo đuổi những mục đích tự đặt ra cho mình. Tầm nhìn chính trị của ông ta vô cùng hạn hẹp. Trình độ lý luận của ông ta hoàn toàn sơ khai. Cuốn sách góp nhặt của ông ta — *Những cơ sở của chủ nghĩa lê-nin-nít* — trong đó ông ta muốn bày tỏ sự kính cẩn trước di sản lý luận của Lênin, chứa chất đầy rẫy những sai lầm cơ bản. Vốn không biết một ngoại ngữ nào, ông ta buộc phải theo dõi đời sống chính trị ngoại quốc theo lời kể lại của những kẻ khác. Xét về lối suy nghĩ, ông ta là một người thực nghiệm ngoan cố, không hề có óc sáng tạo. Trong tầng lớp lãnh đạo đảng (nói chung người ta không biết tới ông ở phạm vi rộng hơn), mọi người đều coi ông ta là kẻ sinh ra để đóng những vai trò hạng nhì, hạng ba. Và việc ngày nay ông được ta được nắm giữ vai chính, không đặc trưng cho bản lĩnh của ông ta mấy, mà đặc trưng cho sự suy thoái về mặt chính trị của thời kỳ chuyển tiếp. Henvêtiút [Helvetius] từng nói: "Mỗi thời đại đều có những vĩ nhân của nó, nếu không có, nó khắc tự tìm ra cho mình". Chủ nghĩa xta-lin-nít trước hết là công trình của một bộ máy vô nhân cách khi cách mạng xuống dốc.

Lênin trút hơi thở cuối cùng ngày 21 tháng Giêng 1924. Đối với ông, cái chết chỉ là sự giải thoát khỏi những đau đớn thể xác và tinh thần. Lênin chỉ cảm thấy sự bất lực của ông — và trước hết, việc ông mất khả năng lên tiếng khi ông vẫn hoàn toàn tỉnh táo về tinh thần — là điều tủi nhục vô bờ bến. Ông đã không chịu được sự có mặt của các bác sĩ bên cạnh ông, không chịu được giọng điệu bao dung, những câu bông đùa tầm thường, những lời động viên dối trá của họ. Chừng nào còn nói được, Lênin thản nhiên đặt những câu hỏi chéo cho các bác sĩ, bắt gặp họ tự mâu thuẫn mà họ không hề hay biết, ông yêu cầu những lời giải thích mới từ họ, bản thân ông cũng đọc các sách vở y học. Như trong mọi việc khác, ở đây trước hết ông cũng muốn tìm đến sự thực rõ ràng. Người thầy thuốc duy nhất mà Lênin chấp nhận cho ở gần ông là Phiôđô Alêcxanđơrôvích Ghêchie [Fédor Alexandrovitch Guétier]. Đây là một bác sĩ và là một con người xuất sắc, trong ông không hề có chút dấu vết của thứ "bác sĩ cung đình", ông gắn bó với Lênin và Corúpxcaia bằng tình cảm quyến luyến thực sự giữa người với người. Vào thời gian Lênin đã không cho các bác sĩ khác đến gần ông, Ghêchie vẫn có thể thăm hỏi Lênin mà không gặp trở ngại. Ghêchie cũng là

người bạn gần gũi và là thầy thuốc của gia đình tôi trong những năm cách mạng. Nhờ thế, chúng tôi luôn có những thông tin chính xác và cận kề đến mức tối đa về trạng thái sức khỏe của Voladimira Ilich, những tin này bổ khuyết và hiệu chỉnh các thông cáo chính thức tẻ nhạt.

Nhiều lần tôi gạn hỏi Ghêchie: nếu Lênin bình phục, khả năng nhận thức của ông có còn nguyên vẹn sức sáng tạo hay không? Câu trả lời của Ghêchie đại loại như sau: khả năng chống mỏi mệt sẽ tăng, cái nhìn bao quát trong công việc của ông sẽ không còn như xưa, nhưng bậc kỳ tài vẫn là bậc kỳ tài. Trong thời kỳ giữa lần chảy máu não đầu tiên và thứ hai, chẩn đoán đó hoàn toàn được xác nhận. Cuối những phiên họp của Bộ Chính trị, Lênin cho thấy cảm giác một người hoàn toàn mệt mỏi. Các thớ thịt ở mặt ông giãn ra, ánh mắt hầu như tắt ngấm, ngay cả vầng trán đầy nghị lực cũng dường như nhỏ lại, đôi vai nặng nề buông xuôi: có thể tổng kết về mặt và dáng dấp ông bằng một từ duy nhất: mỏi mệt. Trong những khoảng khắc kinh hoàng ấy, tôi có cảm giác ông không thoát khỏi cái chết. Nhưng chỉ cần một đêm ngủ ngon là đủ để ông lấy lại được sức mạnh tư duy của ông. Những bài ông viết giữa hai lần chảy máu não có thể liệt vào số những công trình xuất sắc nhất của ông. Nhựa sống nuôi dưỡng cội nguồn tư duy của ông vẫn thế, chỉ có điều nó ngày càng cạn đi. Ngay sau cơn cấp phát thứ hai, Ghêchie vẫn không làm tiêu tan hết hi vọng của chúng tôi. Nhưng những kết luận của ông mỗi ngày một bi quan. Bệnh tật kéo dài. Không hạn thù nhưng cũng không chút thương xót, những sức mạnh mù quáng của tạo hóa đẩy người bệnh vĩ đại vào tình trạng bất lực không có lối ra. Lênin không thể sống tàn phế. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn không mất hi vọng ông sẽ hồi phục.

Tình trạng đau ốm của tôi ngày một kéo dài. N.I. Xêđôva viết:

Các bác sĩ nhất quyết đòi chúng tôi phải đưa L.Đ. về nông thôn. Ở đó, Ghêchie cũng hay đến thăm người bệnh, ông chăm sóc chân tình và tế nhị. Giáo sư không quan tâm đến chính trị nhưng ông đau xót về hoàn cảnh chúng tôi. Ghêchie không biết làm thế nào để bày tỏ lòng đồng cảm của ông. Cuộc truy hại chống chúng tôi là một đòn bất ngờ đối với ông. Giáo sư Ghêchie không am hiểu tình hình, ông đợi chờ, day dứt. Ở Áckhanghenxcôie [Arkhangelskoié], ông bõn chồn bảo tôi: rất cần thiết phải đưa L.Đ. đi Xukhum [Soukhum]. Cuối cùng chúng tôi quyết định đi. Đó vốn dĩ là một chuyến đi dài — qua Bacu [Baku], Tipholit, Batumi [Batoum] —, lại còn dài hơn nữa vì đường sắt ngổn ngang đầy tuyết. Tuy nhiên chính bởi thế, chuyến đi càng có tác dụng an thần. Càng xa Mátxcova bao nhiêu, chúng tôi càng tách khỏi đôi chút hoàn cảnh khó khăn trong thời gian cuối. Vậy mà tôi vẫn có cảm giác tôi đưa tiễn một bệnh nhân trầm trọng. Nỗi phân vân dầy vò tôi, thử hỏi cuộc sống của chúng tôi sẽ như thế nào ở Xukhum, xung quanh chúng tôi là những người bạn hay những kẻ thù?

Ngày 21 tháng Giêng 1924, chúng tôi đến ga Tipholit, trên đường tới Xukhum. Tôi ngồi cùng vợ tôi trong khoang làm việc của toa tàu và như bất cứ lúc nào vào thời gian ấy, tôi vẫn bị sốt. Có tiếng gõ cửa. Xéc-múc bước vào, anh là đồng sự trung thành của tôi, theo chúng tôi đến Xukhum. Nhìn cách anh bước vào, bộ mặt tái xanh, cặp mắt lơ đãng không nhìn thẳng vào mắt tôi, anh trao cho tôi một mẫu giấy, tôi đã cảm thấy tai họa. Đó là một bức điện mật trong đó Xtalin báo cho tôi biết Lênin đã từ trần. Tôi chuyển tờ giấy cho vợ tôi, lúc ấy cô đã có thi giờ hiểu ra tất cả...

Ít lâu sau, các cơ quan chính quyền ở Tipholit cũng nhận được một bức điện tương tự. Tin Lênin mất lan đi nhanh chóng. Tôi liên lạc với điện Kremli qua đường điện thoại trực tiếp. Tôi nhận được lời đáp sau đây cho câu hỏi của mình:

Tang lễ sẽ được tiến hành vào thứ bảy. Đảng nào đồng chí cũng không về kịp. Chúng tôi khuyên đồng chí nên tiếp tục điều trị.

Như vậy tôi không có khả năng lựa chọn. Trong thực tế tang lễ được cử hành vào chủ nhật và lễ ra tôi có thừa thời gian để quay về Mátxcova. Mặc dù vô lý đến mức nào đi nữa, đơn giản là tôi bị đánh lừa về thời điểm tang lễ. Những kẻ mưu đồ đã tính toán đúng theo cách của họ: tôi không hề có ý định kiểm tra lại thông tin của họ và sau này, người ta luôn luôn có thể bịa ra một cái gì đó. Để nhắc lại, tôi phải nói rằng tôi chỉ được biết tin Lênin bị chảy máu não lần thứ nhất sau ba ngày. Đây là phương pháp của họ. Mục đích là "tranh thủ" thời gian.

Các đồng chí ở Tipholit yêu cầu tôi phản ứng ngay về cái chết của Lênin, nhưng tôi chỉ có một nhu cầu duy nhất: được ngồi một mình. Tôi không thể cầm bút. Nội dung bức điện ngăn ngui từ Mátxcova quay cuồng trong óc tôi. Tuy nhiên, mọi người đã tụ họp và chờ tôi phát biểu. Họ có lý. Chuyến tàu được hoãn lại nửa giờ. Tôi đặt bút viết những dòng vĩnh biệt: "Lênin không còn nữa..." Rồi tôi đọc vài lời viết tay

ấy vào đường dây trực tiếp.

Vợ tôi viết:

Chúng tôi đến nơi, người mệt nhọc. Lần đầu chúng tôi thấy Xukhum. Hoa trinh nữ nở rộ, ở đây có rất nhiều loài hoa ấy. Những cây cọ tuyệt đẹp. Những cây trà mi. Lúc đó là tháng Giêng. Ở Mátxcova trời lạnh khủng khiếp. Người dân Ápkhadia [Abkhazie] đón tiếp chúng tôi vô cùng thân ái. Trong phòng ăn của nhà nghỉ có hai bức chân dung được treo cạnh nhau: chân dung Lênin bọc nhiều đen, bức kia là chân dung L.Đ. Chúng tôi đã nghĩ đến chuyện hạ tấm chân dung của anh, nhưng không dám quyết vì sợ việc ấy có thể mang tính chất phản kháng gì đó.

Ở Xukhum, tôi nằm suốt ngày trên một ban công, mặt nhìn ra biển. Mặc dù đang là tháng Giêng, mặt trời chiếu sáng và nóng nực. Những cây cọ mọc cao giữa ban công và mặt biển lấp lánh. Tình trạng sức khỏe tồi tệ do bị sốt thường xuyên cộng thêm với suy nghĩ nhồi về cái chết của Lênin. Lần lượt, tôi điếm lại những giai đoạn của cuộc đời tôi, những lần chúng tôi gặp gỡ nhau, những bất đồng, những cuộc luận chiến, những lần xích lại gần nhau và cùng cộng tác với nhau. Một số tình tiết xuất hiện trước mắt tôi một cách vô cùng sắc nét. Dần dần, toàn bộ cảnh vật được mở ra ngày càng rõ rệt. Càng ngày tôi càng nhận thấy những "môn đệ", thường thường chỉ trung thành theo thầy trong những việc nhỏ nhặt chứ không trong những việc lớn. Nghe hơi thở của biển khơi, bằng cả con người mình, tôi cảm thấy chắc chắn rằng trái với tập đoàn kế nghiệp, chân lý lịch sử thuộc về tôi...

27 tháng Giêng 1924. Trên những cành cây cọ, trên mặt biển cá, dưới nền trời xanh, một bầu không khí yên lành ngự trị. Đột nhiên, tiếng vang của những loạt súng xé rách sự bình yên thành từng mảnh. Những loạt súng ngăn đống tôi từ đầu đó dưới kia, phía biển. Bằng loạt súng chào đó, Xukhum từ giã vị lãnh tụ mà giờ này người ta đang cử hành tang lễ ở Mátxcova. Tôi nghĩ đến ông và đến người phụ nữ, từng là vợ của ông trong những năm dài, đã thấu hiểu toàn thể giới thông qua ông; nay, người ấy chôn cất ông và không khỏi cảm thấy cô đơn, mặc dù bà ở giữa hàng triệu con người cùng đưa tang với bà, nhưng họ làm theo một cách khác, không giống bà. Tôi nghĩ đến Nađegioda Cônxtanchinópna Corúpxcaia. Tôi muốn gửi từ đây một lời chào đồng cảm, thân thiết tới bà. Nhưng tôi không quyết định được. Mọi lời lẽ dường như quá nhẹ trước sức nặng của những gì đã xảy ra. Tôi sợ chúng sẽ vang lên một cách trống rỗng. Và tôi biết ơn tận đáy lòng khi vài ngày sau, bất ngờ tôi nhận được lá thư sau của Nađegioda Cônxtanchinópna:

Lép Đavíđôvích thân mến,

Tôi viết thư này để nói cho đồng chí biết: ngay trước khi qua đời chừng một tháng, Voladimíia Ílich lật từng trang cuốn sách của đồng chí và ngừng lại ở đoạn đồng chí phân tích Mác [Marx] và Lênin. Lênin yêu cầu tôi đọc cho ông nghe đoạn đó một lần nữa. Lênin rất chăm chú lắng nghe và sau đó, ông còn đọc lại.

Tôi còn muốn nói với đồng chí điều này nữa: cho đến tận khi mất, Voladimíia Ílich vẫn nghĩ về đồng chí như khi đồng chí vừa từ Xibêri đến chỗ chúng tôi ở Lônđôn.

Lép Đavíđôvích, chúc đồng chí nhiều nghị lực và khỏe mạnh. Ôm hôn thăm thiết đồng chí.

Nađegioda Corúpxcaia

Trong cuốn sách nhỏ mà Voladimíia Ílich xem qua một tháng trước ngày mất, tôi so sánh Lênin với Mác. Tôi biết chính xác Lênin đánh giá Mác ra sao: ông nhìn Mác với tình yêu mến biết ơn của người môn đệ, đồng thời, với lòng kính cẩn trong khoảng cách. Tiến trình lịch sử đã khiến quan hệ giữa người thầy và học trò trở nên mối quan hệ giữa nhà lý luận tiên bối và nhà thực hành đầu tiên. Trong bài viết của tôi, tôi đã phá vỡ cái cảm tính truyền thống về khoảng cách. Đối với tôi, Mác và Lênin — hai con người gắn bó vô cùng chặt chẽ với nhau về mặt lịch sử, nhưng đồng thời cũng rất khác nhau — là hai đỉnh cao không gì vượt nổi của trí tuệ con người. Và tôi sung sướng được biết trước khi mất ít lâu, Lênin đã đọc chăm chú, có lẽ còn hỏi hớp, những dòng tôi viết về ông, bởi vì trong mắt ông kích thước của Mác là kích thước một người khổng lồ, khi người ta muốn đo nhân cách con người.

Giờ đây, tôi đọc lại lá thư của Corúpxcaia với nỗi xúc động không kém. Trong vài dòng này, bà nhắc đến hai thời điểm đầu và cuối trong mối quan hệ của tôi với Lênin: một ngày tháng Mười năm 1902 khi tôi vượt ngục từ Xibêri và lời Lênin khỏi cái giường nhỏ cứng quèo ở Lônđôn vào một buổi sớm mai, và một ngày cuối tháng Chạp năm 1923, khi Lênin đọc hai lần lời đánh giá của tôi về sự nghiệp của ông. Hai thập niên trôi qua giữa hai thời điểm giáp ranh ấy: ban đầu cùng làm việc chung, sau đó giữa những

cuộc đấu tranh phe phái không khoan nhượng để rồi lại cùng nhau cộng tác, lần này trên một cơ sở lịch sử cao hơn. Nói theo Hêghen [Hégel]: luận đề, phản đề, hợp đề. Và Corúpcaia xác nhận rằng dù đã có một thời kỳ phản đề kéo dài, Lênin vẫn nghĩ về tôi như xưa ở Lônđôn: tức là một sự ủng hộ nhiệt tình và một cảm tình thân ái, nhưng trên một cơ sở lịch sử cao hơn. Cho dù không còn lại một tư liệu nào khác về điều đó, trước sự phán xét của lịch sử, hết thảy những pho sách của lũ giả mạo cũng không có sức nặng như lá thư nhỏ này, do Corúpcaia viết sau khi Lênin mất vài ngày.

Tôi lại trích dẫn từ những ghi chép của vợ tôi:

Báo chí bắt đầu được chuyển đến với những chậm trễ đáng kể vì tuyết làm tắc nghẽn đường xá, họ đăng tải các điều văn, các bài truy điệu và các bài viết về người đã khuất. Bạn bè đợi L.Đ. về Mátxcova, họ nghĩ rằng anh sẽ quay về giữa đường. Không ai nghĩ đến chuyện Xtalin đã cắt đường về của anh bằng bức điện ông ta gửi đi. Tôi còn nhớ đến lá thư của con trai tôi, chúng tôi nhận được ở Xukhum. Cái chết của Lênin khiến nó bàng hoàng và dù bị cảm và sốt đến 40 độ, khoác một cái áo mỏng, nó đến Phòng Cột để tiễn đưa ông và đợi hoài, đợi mãi, nóng lòng sốt ruột mong chúng tôi đến. Tôi cảm thấy sự ngạc nhiên cay đắng và lời trách móc hoài nghi vang vọng từ lá thư của nó.

Phái đoàn của Ban Trung ương gồm Tômxki, Phorundê [Frounzé], Piatacốp và Guxép đến thăm tôi ở Xukhum để cùng tôi thảo luận những thay đổi nhân sự sẽ tiến hành ở Bộ Quốc phòng. Về thực chất, tất cả chỉ là một trò hề thuần túy. Việc thay đổi đội ngũ nhân sự của Bộ Quốc phòng đã diễn ra hết tốc lực từ lâu sau lưng tôi và vấn đề chỉ là giữ về bề ngoài.

Trong nội bộ Bộ Quốc phòng, đòn đầu tiên nhằm vào Xcolianxki. Trước hết, Xtalin trả thù anh vì nỗi bất hạnh của ông ta ở Triririn, vì thất bại của ông ta ở mặt trận phía Nam và vì hành động phiêu lưu của ông ta ở Lovốp. Cái đầu rắn của ông ta ngóc dậy để vu cáo. Nhằm giáng chức Xcolianxki và loại trừ tôi trong tương lai, vài tháng trước người ta đã đặt Unsolích — một kẻ lăm tham vọng và bất tài — vào Bộ Quốc phòng. Phorundê thay thế Xcolianxki, trước kia chỉ huy quân đội ở Ucoraina. Phorundê là một chính trị gia có uy tín. Trong đảng, ông có uy tín nhờ những năm tháng tù đầy khổ sai và như thế, uy tín ông lớn hơn uy tín của Xcolianxki, người chỉ mới nhập cuộc vào thời ấy. Ngoài ra, trong chiến tranh, Phorundê chứng tỏ những phẩm chất không thể chối cãi được của một tướng lĩnh. Tuy nhiên, về mặt quản lý quân sự, ông yếu hơn Xcolianxki rất nhiều. Ông hứng thú bởi những lược đồ trừu tượng, không thấu hiểu con người và dễ rơi vào ảnh hưởng của những chuyên gia, đa phần thuộc hạng nhì.

Nhưng tôi muốn kết thúc câu chuyện về Xcolianxki. Không hề bàn luận với anh, người ta chuyển anh sang công tác kinh tế một cách thô bạo, nghĩa là theo phong cách xta-lin-nít. Déginxki mừng rỡ vì thoát khỏi Unsolích — phụ tá của anh ở G.P.U. — và nhận được một nhân viên hành chính hạng nhất như Xcolianxki trong lĩnh vực công nghiệp, lập tức chỉ định Xcolianxki đứng đầu tờ-rót [trust] làm dạ. Xcolianxki nhún vai, vẻ hơi khó hiểu và ngáp đầu vào công việc mới. Vài tháng sau, anh quyết định đi Mỹ một chuyến để tham quan, học hỏi và mua máy móc. Trước khi đi, anh đến từ biệt tôi và yêu cầu tôi góp ý kiến. Đã kê vai sát cánh suốt cuộc nội chiến, nhưng chúng tôi nói chuyện với nhau nhiều hơn về những cuộc hành quân, về những điều lệ quân sự, về việc chuẩn bị gấp rút đội ngũ chỉ huy, về trữ lượng đồng và nhôm cho quá trình sản xuất của những công binh xưởng, về quân trang, quân dụng và những mối hàn, hơn là về những vấn đề thuần túy thuộc chính sách của đảng. Không ai trong số hai chúng tôi có thì giờ. Sau khi Lênin lâm bệnh, khi âm mưu của bọn kế nghiệp bắt đầu vươn dài những cái vòi về phía Bộ Quốc phòng, tôi tránh những đề tài về đảng, nhất là với các cộng sự trong quân đội của tôi. Tình thế còn quá bấp bênh, những bất đồng quan điểm chỉ mới vừa xuất hiện, việc thành lập những phe phái trong quân đội tiềm ẩn những hiểm nguy quá lớn. Rồi sau đó tôi bị ốm. Trong buổi gặp gỡ hè 1925, khi đó tôi không còn đứng đầu Bộ Quốc phòng nữa, tôi nói nhiều chuyện, có lẽ tất cả mọi chuyện, với Xcolianxki.

— Thử nói cho tôi biết — Xcolianxki hỏi —, đồng chí thấy Xtalin là người như thế nào?

Bản thân Xcolianxki cũng biết rõ về Xtalin. Anh muốn tôi cho biết sự phân tích về tính cách, đồng thời, lời giải thích về những thành công của ông ta.

— Xtalin — tôi nói — là kẻ tầm thường xuất sắc nhất trong đảng ta.

Trong buổi nói chuyện ấy, lần đầu tiên tôi cảm thấy tất cả tầm quan trọng — không chỉ tâm lý mà cả xã hội — của sự phân tích ấy. Nhìn về mặt Xcolianxki, tôi thấy ngay là tôi đã giúp anh tìm được mấu chốt một sự việc đáng kể gì đó.

— Đồng chí biết không — anh nói với tôi —, vào thời gian gần đây, người ta nhận thấy điều nổi bật trước nhất là sự tầm thường tự tại và tự mãn, xuất hiện trong mọi lĩnh vực. Và Xtalin là người đứng đầu

tất cả những thứ này. Tại sao vậy?

— Đây là phản ứng sau sự căng thẳng cao độ trong xã hội và sau tâm lý của những năm đầu cách mạng. Một cuộc phản cách mạng thắng lợi có thể có những nhân vật kiệt xuất của nó. Nhưng ở bậc thang đầu — Tháng Nóng — nó cần những kẻ kém cỏi, không nhìn xa hơn đầu mũi của mình. Sức mạnh của họ tiềm ẩn trong sự mù quáng chính trị, cũng như con ngựa xay lúa tưởng đi lên, nhưng kỳ thực nó chỉ xoay quanh cái cối xay từ trên xuống dưới. Một con ngựa chưa đánh mất thị lực sẽ không thích hợp với công việc như thế.

Trong buổi trò chuyện này, lần đầu tiên tôi tiếp cận vấn đề Tháng Nóng một cách hoàn toàn rõ ràng, có thể nói, bằng sức thuyết phục vật lý. Tôi đồng ý với Xcolianxki là chúng tôi sẽ tiếp tục cuộc nói chuyện khi anh từ Mỹ về. Vài tuần sau, tôi nhận được bức điện báo tin giữa lúc chèo thuyền, Xcolianxki đã chết đuối trong một cái hồ nào đó ở Mỹ. Cuộc sống có vô vàn những điều quái gở.

Bình định tro của thi thể Xcolianxki được đưa về Mátxcova. Không ai nghi ngờ rằng nó sẽ được đặt ở tường thành điện Kremli, trên Hồng trường, nơi đã trở thành điện thờ danh nhân của cách mạng. Nhưng Ban Bí thư Ban Trung ương lại quyết định chôn Xcolianxki trong một nghĩa trang ngoại ô. Như vậy, người ta đã ghi chép và không quên buổi Xcolianxki đến già từ tôi. Bây giờ, lòng căm thù đã nhắm vào cái bình định tro làm đích. Ngoài ra, việc hạ thấp Xcolianxki là một bộ phận của cuộc tranh toàn diện chống lại ban lãnh đạo đã giành được thắng lợi trong cuộc nội chiến. Tôi không biết khi còn sống, Xcolianxki có để tâm đến chuyện anh sẽ được chôn cất ở đâu không? Nhưng quyết định của Ban Trung ương là sự đê hèn về mặt chính trị và con người. Vượt qua sự ghê tởm cá nhân, tôi gọi điện cho Mólótốp nhưng không thể thay đổi được quyết định đó. Rồi lịch sử sẽ xét lại vấn đề này cũng như các vấn đề khác theo cách của nó.

Mùa thu 1924, tôi lại bị sốt thương xuyên. Vào thời điểm đó, cuộc "tranh luận" lại tiếp tục, lần này được dẫn dắt từ trên, theo một kế hoạch được bố trí kỹ lưỡng. Trước đó, đã có hàng trăm, hàng ngàn hội thảo bí mật diễn ra ở Lêningrát, ở Mátxcova và các tỉnh lẻ để chuẩn bị cho cuộc "tranh luận", nghĩa là chuẩn bị một sự sát phạt có phương pháp và có hệ thống, giờ đây không còn nhằm vào phe đối lập mà vào cá nhân tôi. Khi công cuộc chuẩn bị bí mật đã kết thúc, theo hiệu lệnh của tờ *Prápda*, chiến dịch chống chủ nghĩa trót-kít được mở ra đồng loạt từ mọi nơi, mọi bức diễn đàn, từ mọi trang và mọi cột báo, từ mọi góc ngách hóc hiểm. Thật là một cảnh tượng kỳ vĩ trong chủng loại của chúng. Sự vu khống bùng nổ như hỏa diệm sơn. Quảng đại quần chúng của đảng bị lay chuyển. Tôi nằm mê man và im lặng. Báo chí và các diễn giả không làm gì khác ngoài việc tố cáo chủ nghĩa trót-kít. Không ai có thể giải thích chính xác ý nghĩa của cụm từ đó. Ngày lại ngày, người ta lục lại những tình tiết trong quá khứ, những trích đoạn từ các bài bút chiến của Lênin, đã được viết ra từ hai chục năm nay. Họ trộn lẫn, xuyên tạc những trích dẫn, dối trá, nhất là làm như thể chúng mới được viết ra ngày hôm qua. Chẳng ai hiểu gì cả. Nếu tất cả đều đúng như người ta nói thì lẽ ra Lênin phải biết chứ? Bởi cuộc cách mạng tháng Mười chỉ nổ ra sau đó. Bởi sau bước ngoặt, còn có một cuộc nội chiến nữa. Bởi Lênin cùng Trótxki thành lập ra Quốc tế Cộng sản. Bởi ở mọi nơi, chân dung của Trótxki luôn được treo cạnh chân dung Lênin. Bởi... Bởi bao nhiêu thứ khác nữa. Tuy nhiên, sự vu khống như một thứ nham thạch đóng băng đã bao phủ lên tất cả, ảnh hưởng một cách máy móc đến tinh thần, và còn tệ hại hơn nữa, đến ý chí.

Thay thế hình ảnh Lênin trên cương vị một nhà lãnh đạo cách mạng, người ta tôn vinh ông như một vị giáo chủ của một thứ đảng cấp tôn giáo nào đó. Trên Hồng trường, mặc dù tôi phản đối, người ta vẫn dựng lên một lăng tẩm không xứng đáng và xúc phạm đến tinh thần cách mạng. Những cuốn sách chính thức viết về Lênin cũng hóa thạch thành các lăng tẩm tương tự. Tư tưởng của ông bị cắt vụn thành những trích dẫn nhằm mục đích chứng minh cho những lời bịa đặt dối trá. Người ta dùng xác chết ướp hương của Lênin để chống lại Lênin sống động và chống lại... Trótxki. Quần chúng bị mê hoặc, bị đánh lạc hướng và bị dọa dẫm. Trò bịa đặt xuẩn ngốc, được phát triển về số lượng, trở nên một chất lượng trong chính trị. Nó làm mê man, bại hoại và hủy phá tinh thần. Đảng bị buộc phải im lặng. Một cơ chế độc đoán thuần túy ngự trị trên đảng được hình thành, nói cách khác, đảng thôi không còn là đảng nữa.

Buổi sáng, người ta đem báo đến giường tôi. Tôi xem qua bảng kê khai các bức điện, đầu đề các bài báo và các chữ ký. Tôi biết khá kỹ những con người ấy để hiểu họ nghĩ gì về bản thân họ, họ có thể nói và phải nói những gì. Đa số đó là những người đã suy kiệt sau cuộc cách mạng. Trong số đó, có những kẻ cuồng tín tự để mình bị đánh lừa. Có những kẻ hãnh tiến trẻ tuổi, vội vã tìm danh lợi, muốn chứng tỏ không ai có thể thay thế được họ. Ai nấy đều mâu thuẫn với bản thân và mâu thuẫn với những kẻ khác. Nhưng lời vu khống không ngừng gào rú từ những trang báo, với những tiếng rỗng rỗng ốc ốc và rú rít điên dại, đã che lấp các mâu thuẫn và sự trống rỗng nội tại. Nó thắng bởi số lượng.

N.I. Xêđôva viết:

Con bệnh thứ hai của L.Đ. trùng với cuộc truy kích lạ lùng nhằm vào anh; chúng tôi sống qua nó như một căn bệnh tàn ác nhất. Những trang *Prápđa* trở nên không lồ, vô tận, mỗi dòng, mỗi chữ của tờ báo là một sự đối trá. L.Đ. lặng thinh. Nhưng anh phải gắng sức biết bao mới im lặng được như thế! Bạn bè anh đến thăm ban ngày và đôi khi, cả ban đêm. Tôi còn nhớ ai đó hỏi L.Đ. có đọc báo hôm ấy không? Anh đáp anh hoàn toàn không đọc. Quả thực, anh cầm tờ báo trong tay, lơ đãng xem qua rồi quẳng đi ngay. Có vẻ như anh chỉ nhìn thoáng qua là đủ biết nội dung. Anh biết quá rõ những tay đầu bếp chuẩn bị món ăn này, và lại ngày nào cũng chỉ đọc một thứ ấy. Đọc báo chỉ thời đó, anh nói, hết như ta "thọc một cái bàn chải cạo ống khói vào cuống họng". Nếu muốn đáp lời, anh đã có thể tự ép mình. Nhưng anh im lặng. Trạng thái thần kinh tồi tệ khiến bệnh cảm lạnh của anh kéo dài. Anh gầy đi rất nhiều và xanh xao. Trong gia đình, chúng tôi tránh nói tới những cuộc truy hại, nhưng chúng tôi cũng không thể bàn sang chuyện khác được mấy. Tôi còn nhớ hàng ngày, tôi đến nơi làm việc — Bộ Dân ủy Giáo dục — với tâm trạng như thế nào. Như thể tôi bị đánh đòn. Nhưng chưa bao giờ, chưa một ai công kích hoặc ám chỉ tôi một lời khó chịu: bên cạnh sự im lìm thù địch của một nhóm nhỏ lãnh đạo, tôi có thể nhận thấy sự đồng cảm rõ ràng của đa số các đồng sự. Đảng dường như có hai cuộc sống: một cuộc sống bên trong, ẩn giấu và một cuộc sống phơi bày ngoài mặt, và hai cuộc sống ấy hoàn toàn mâu thuẫn nhau. Rất hiếm ai có đủ can đảm và liều lĩnh thể hiện những gì tôi đại đa số cảm thấy và suy nghĩ, và đa số này che giấu thiện cảm của họ dưới lá phiếu "đồng khởi".

Cũng vào thời gian này, người ta công bố lá thư của tôi chống Lênin mà tôi gửi cho Trokhêítđê. Tình tiết này xảy ra tháng Tư năm 1913, có quan hệ chặt chẽ với việc tờ báo bên-sê-vích hợp pháp ấn hành ở Pêtorôgorát đã chiếm đoạt tựa đề tờ báo của tôi ở Viên: *Prápđa, Rabôtraia Gadêta* [Pravda, Rabochaia Gazéta] (Sự thật, Báo công nhân). Đây là hậu quả một xung đột sâu sắc, thường xảy ra trong đời sống của dân di tản. Tôi viết cho Trokhêítđê hai bức thư — hồi ấy ông ta đứng giữa những người bên-sê-vích và men-sê-vích — và tôi bày tỏ sự phẫn nộ của tôi với trung tâm bên-sê-vích và với cách xử sự của Lênin. Hai ba tuần sau đó, chắc chắn tôi có thể tự kiểm duyệt lá thư ấy, và hai ba năm sau, lá thư đối với tôi đơn thuần không có gì đáng chú ý. Nhưng lá thư có một số phận đặc biệt. Phòng chuyên trách hữu quan thuộc sở cảnh binh tóm được nó và lá thư nằm trong kho lưu trữ của cảnh sát cho đến cách mạng tháng Mười. Sau cuộc chính biến, nó được chuyển sang kho thư khố Học viện Lịch sử đảng. Lênin biết rất rõ về lá thư này. Đối với ông — cũng như đối với tôi — nó chỉ như tuyết năm xưa, không hơn không kém. Biết bao loại thư đã được viết ra trong những năm tháng lưu vong! Năm 1924, tập đoàn kế nghiệp lòi lá thư của tôi khỏi các văn kiện của kho thư khố và chụp nó lên đầu đảng, khi đó ba phần tư đã là những người hoàn toàn mới nhập đảng. Không phải ngẫu nhiên mà người ta đã chọn những tháng liền sau cái chết của Lênin. Họ cần đến hoàn cảnh này vì hai lý do. Thứ nhất, Lênin đã không thể đứng dậy để trả lời họ bằng những lời nói đích đáng. Thứ nhì, quần chúng đang để tang vị lãnh tụ của họ. Quảng đại quần chúng đọc lời tuyên bố đầy hiềm khích của Trótxki trong khi họ không hề có chút khái niệm gì về quá khứ của đảng. Họ không khỏi bàng hoàng. Đúng là những dòng ấy được viết ra từ mười hai năm trước, nhưng niên đại đã biến mất sau những đoạn trích dẫn bị tách rời khỏi văn bản. Cung cách mà nhóm kế nghiệp sử dụng lá thư tôi viết cho Trokhêítđê là một trong những trò lừa đảo bậc nhất trong lịch sử thế giới. Các tư liệu giả trá do bọn phản động Pháp lắp ghép một cách tùy tiện trong vụ án Đorâyphuyét [Dreyfus] không là gì cả so với những nguy tạo chính trị của Xtalin và đồng lõa của ông ta.

Sự vu khống chỉ trở thành sức mạnh nếu nó đáp ứng một nhu cầu lịch sử. Theo đó, tôi nghĩ: có một cái gì đó đã thay đổi trong các quan hệ xã hội hoặc trong các quan điểm chính trị, nếu sự vu khống lại có thể thông dụng đến mức không thể tưởng tượng nổi như thế. Vậy phải phân tích nội dung sự vu khống. Trên giường bệnh, tôi có đủ thời gian để làm việc đó. Tôi ngẫm nghĩ: từ đâu có lời buộc tội Trótxki đã "chủ trương bán cùng hóa người mu-gích", thứ khẩu hiệu trống rỗng thường trực mà bọn phản động ủng hộ quyền lợi ruộng đất của địa chủ, bọn xã hội — thiên chúa giáo và bọn phát-xít thường xuyên đưa ra chống những người xã hội, và hơn thế nữa, những người cộng sản? Từ đâu mà có sự truy hại điên cuồng chống tư tưởng mác-xít của thuyết cách mạng thường trực? Vì đâu mà có sự tự mãn quốc gia chủ nghĩa, hứa hẹn xây dựng thứ chủ nghĩa xã hội riêng biệt trong một nước? Những tầng lớp nào đòi hỏi trò nhảm nhí phản động này? Và cuối cùng, sự hạ thấp trình độ lý luận ở mức độ như thế, sự đàn độn chính trị ấy xuất phát từ đâu

và bởi lý do gì? Lần giờ các bài viết cũ, mắt tôi rơi vào những dòng sau đây, do tôi viết năm 1909, vào thời điểm đường lối phản động của Xtólupin [Stolypine] đạt đến đỉnh cao:

Khi đồ thị biểu diễn sự phát triển lịch sử đi lên, dư luận quần chúng trở nên sắc sảo hơn, mạnh bạo hơn, thông minh hơn. Nó có khả năng nắm bắt tức khắc các sự việc và nổi chúng ngay lập tức vào sợi dây khái quát hóa... Nhưng ngược lại, khi đồ thị chính trị đi xuống, sự xuẩn ngốc chiếm lĩnh trong dư luận. Cái khả năng khái quát hóa chính trị có giá trị không gì bì nổi của nó bỗng biến đi đâu mất, không để lại dấu vết gì cả. Sự ngu xuẩn trở nên láo xược, nhe răng và nhạo báng mọi thử nghiệm khái quát hóa nghiêm túc. Ý thức được rằng đằng sau nó có hậu thuẫn, nó bắt đầu lũng đoạn bằng những phương tiện riêng của nó.

Một trong những phương tiện quan trọng nhất của nó là vu khống.

Tôi tự nhủ: chúng ta đang sống một thời kỳ phản động. Các giai cấp di chuyển về mặt chính trị. Những đối thay diễn ra trong ý thức của các giai cấp. Sau tình hình căng thẳng tột độ là sự suy thoái. Quá trình này rồi sẽ tiến đến mức nào? Dầu sao, nó cũng không trở về điểm xuất phát. Nhưng không ai có thể tiên đoán được nó tiến tới mức độ nào. Cuộc chiến đấu của các lực lượng nội tại sẽ xác định nó. Trước hết, cần phải hiểu điều gì đang xảy ra trong thực tế. Những quá trình sâu kín của các thể lực phản động bắt đầu chen lấn nhau và biểu lộ ra ngoài. Chúng cố tiêu hủy — hay ít ra cũng làm yếu đi — sự phụ thuộc của dư luận quần chúng đối với những tư tưởng, những khẩu hiệu và những nhân vật sống động của Tháng Mười. Đây là ý nghĩa của những gì đang xảy ra. Chúng ta đừng rơi vào chủ nghĩa chủ quan. Đừng khó tính và đừng phật ý trước lịch sử, bởi nó đi theo những con đường quanh co và rối rắm. Nếu hiểu được những điều đang xảy ra, chúng ta đã đảm bảo được phân nửa cuộc thắng lợi.

CHƯƠNG XLII

THỜI KỲ CUỐI CÙNG CỦA CUỘC ĐẤU TRANH TRONG NỘI BỘ ĐẢNG

Tháng Giêng năm 1925, tôi bị gạt khỏi chức vụ dân ủy Bộ Quốc phòng. Cuộc đấu tranh trước đó đã chuẩn bị kỹ càng cho quyết định này. Bên cạnh những truyền thống của biến cố tháng Mười, có lẽ tập đoàn kế nghiệp sợ nhất những truyền thống của cuộc nội chiến và những mối quan hệ của tôi với quân đội. Không đấu tranh, tôi trao lại chức vụ dân ủy Quốc phòng, thậm chí còn có cảm giác hơi nhẹ nhõm tinh thần, vì rằng tôi đã tước từ tay các địch thủ của tôi thứ vũ khí vu cáo: từ nay trở đi, họ không thể viện cớ tôi có những ý định sử dụng quân đội vào mục đích riêng tư. Để minh chứng cho hành vi của họ, thoát đầu nhóm kế nghiệp bịa ra những chuyện hoang đường quái đản mà sau đó, chính họ cũng tin một phần nào đó vào đó. Tuy nhiên, từ năm 1921, sự quan tâm cá nhân của tôi đã chuyển sang một lĩnh vực khác. Nội chiến kết thúc, biên chế quân đội giảm từ năm triệu ba trăm ngàn xuống còn sáu trăm ngàn. Công tác quân sự chuyển thành những công việc hành chính quan liêu. Những vấn đề kinh tế được đặt vào vị trí hàng đầu trong nước, từ thời điểm nội chiến kết thúc tôi đã chú ý đến chúng hơn nhiều so với các vấn đề quân sự.

Tháng Năm 1925, tôi được cử làm chủ tịch Cao ủy Nhuận địa, ngoài ra tôi còn là trưởng Ban giám đốc Kỹ thuật Điện tử và chủ tịch Ban lãnh đạo Khoa học và Kỹ thuật Công nghệ Điều khiển. Ba lĩnh vực ấy không hề liên quan gì đến nhau. Việc lựa chọn chúng diễn ra sau lưng tôi và người ta có những lý do riêng của họ để làm việc đó: cụ thể là để cách ly tôi khỏi đảng, chất động lên tôi những công việc thường ngày, đặt tôi dưới sự kiểm soát đặc biệt v.v... Dù vậy, tôi vẫn cố gắng đi vào công tác mới một cách tận tâm. Bắt đầu làm việc ở ba cơ quan không hề quen biết, tôi lập tức ngấp đầu trong công việc. Tôi lưu tâm hơn cả đến các học viện khoa học — kỹ thuật, khá phổ biến ở nước ta nhờ tính tập trung của nền công nghiệp. Tôi chăm chỉ đi thăm các phòng thí nghiệm, quan sát các thí nghiệm với lòng hiếu kỳ đặc biệt, tôi nghe những lời giải thích của các nhà bác học ưu tú nhất, vùi đầu vào các sách giáo khoa Hóa học và Thủy lực học và tôi cảm thấy mình nửa là viên chức hành chính, nửa là sinh viên.

Không phải là vô ích khi thời thanh niên, tôi đã chuẩn bị để vào học khoa Toán — Lý trong đại học. Tìm hiểu những vấn đề khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tôi như được nghỉ ngơi về khoa chính trị. Là trưởng Ban giám đốc Kỹ thuật Điện tử, tôi đi thăm những nhà máy thủy điện đang được xây dựng và đặc biệt, tôi tổ chức một chuyến đi đến sông Đônép, tại đó người ta tiến hành những công trình chuẩn bị lớn cho một nhà máy thủy điện tương lai. Hai người chèo thuyền đưa tôi đi trên một chiếc thuyền đánh cá nhỏ, giữa những thác ghềnh cuộn sóng, theo tuyến đường thủy xưa kia của những người Cốtắc Dapôrogié [Zaporogues]. Thực ra, tôi chỉ thích thú việc này trên phương diện thể thao. Nhưng tôi vô cùng mê say với công trình ở sông Đônép, cả về mặt kinh tế lẫn kỹ thuật.

Để phòng ngừa những tính toán sai lầm trong việc xây dựng nhà máy thủy điện này, tôi bố trí một chuyến đi thăm cho một ban giám định Mỹ, những tính toán của ban này được một nhóm người Đức bổ sung. Tôi tìm cách gắn công việc mới của tôi không chỉ với những nhiệm vụ cấp thiết của nền kinh tế, mà với cả việc giải quyết những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Đấu tranh chống lại sự tiếp cận những vấn đề kinh tế theo tinh thần quốc gia thiên cận (một sự "độc lập" hình thành trên cơ sở tự cô lập bản thân), tôi đề nghị xây dựng một hệ thống hệ số so sánh kinh tế quốc gia của chúng ta và kinh tế thế giới. Bản chất của vấn đề là để chúng ta định hướng chính xác trên thị trường quốc tế, giúp chúng ta giải quyết các vấn đề nhập khẩu, xuất khẩu và đường lối nhân nhượng. Xét tới cùng, việc công bố những hệ số so sánh đặt ra một số vấn đề. Bởi lẽ, nếu thừa nhận ưu thế của các lực lượng sản xuất thế giới so với các lực lượng sản xuất trong nước, về thực chất chúng ta đang tiến hành một chiến dịch chống lại thứ lý thuyết phản động "chủ nghĩa xã hội trong một xứ".

Để giải quyết các nhiệm vụ mới, tôi tổ chức các cuộc diễn thuyết, xuất bản sách vở và các tư liệu. Trên mảnh đất này, các địch thủ của tôi không thể và cũng không muốn chấp nhận cuộc chiến với tôi. Họ đặt cho họ một tình thế như sau: Trốt-xki tự tạo cho mình một thành lũy mới. Ban giám đốc Kỹ thuật Điện tử và các học viện khoa học bắt đầu gây cho họ sự lo ngại chẳng kém gì Bộ Dân ủy Quốc phòng và Hồng quân trước kia. Bộ máy xta-lin-nít theo tôi từng bước. Mọi hoạt động thực tiễn của tôi lại gây nên những mưu mô phức tạp sau hậu trường. Mọi khái quát hóa lý luận của tôi đều nuôi dưỡng huyền thoại ngu xuẩn về "chủ nghĩa trốt-kít". Công việc thực tiễn của tôi bị cưỡng bức trong khuôn khổ những điều kiện vô lý. Sẽ không quá lời nếu tôi nói rằng phần lớn hoạt động của Xtalin và trợ thủ của ông ta là Mólôtốp đều nhằm mục đích tổ chức sự phá hoại trực tiếp trong lĩnh vực của tôi. Các cơ quan thuộc thẩm quyền của tôi hầu như không thể có được những phương tiện cần thiết. Những người làm việc ở đó lo lắng cho tính mạng họ, hoặc ít nhất, cho sự tiến thân của họ.

Như vậy, sự cố gắng của tôi để được nghỉ ngơi về mặt chính trị đã bị thất bại. Những kẻ kế nghiệp không chịu đứng lại giữa đường. Họ quá đỗi sợ hãi những gì họ đã gây ra. Những lời vu khống tung ra ngày hôm qua đè nặng xuống họ và đòi hỏi ở họ một sự quý quyết gấp đôi cho hôm nay. Cuối cùng tôi xin thôi chức lãnh đạo Ban giám đốc Kỹ thuật Điện tử và các viện khoa học — kỹ thuật. Dù sao đi nữa, Cao ủy Nhượng địa cũng ít có đất cho những mưu mô, bởi mỗi vụ nhân nhượng đều đã được quyết định trong Bộ Chính trị.

Giữa chừng, sinh hoạt đảng lại tiến đến một cơn khủng hoảng mới. Trong giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh, người ta dùng "bộ tam mã" để đối đầu với tôi. Nhưng bản thân "bộ tam mã" ấy cũng không hoàn toàn thống nhất. Dinôviép, cũng như Camênhép đều có trình độ cao hơn Xtalin nhiều trên phương diện lý thuyết. Nhưng cả hai đều thiếu một thứ gì nhỏ nhỏ, có tên gọi là cá tính. Tâm nhìn quốc tế rộng hơn so với Xtalin — có được trong thời gian lưu vong dưới sự chỉ dẫn của Lênin — chẳng những không làm họ mạnh lên mà ngược lại, càng khiến họ yếu đi. Đường lối được lựa chọn là sự phát triển quốc gia (chỉ riêng nó cũng đủ) và cái công thức cũ của chủ nghĩa ái quốc Nga — "là cái gì đối với chúng ta" — ngày nay được họ sốt sắng chuyển sang ngôn ngữ của chủ nghĩa xã hội mới. Dinôviép và Camênhép còn cố bảo vệ đôi chút những tư tưởng quốc tế của họ nhưng trong mắt chế độ quan liêu, điều này biến họ thành những nhà "trốt-kít" hạng nhì. Bởi thế, họ lại càng gắng sức sát phạt hơn trong chiến dịch chống lại tôi để — bằng cách ấy — củng cố lòng tin của bộ máy đối với họ. Nhưng những cố gắng đó cũng vô ích. Bộ máy ngày càng phát hiện ra Xtalin là kẻ vững vàng nhất trong số những người đại diện cho nó. Chẳng mấy chốc, Dinôviép và Camênhép tìm thấy bản thân họ trong hoàn cảnh thù địch với Xtalin và khi họ cố đưa những vấn đề tranh luận trong nội bộ "tam mã" ra trước Ban Trung ương thì cho đến lúc đó, Xtalin đã có một đa số áp đảo vững chắc.

Camênhép được coi là lãnh tụ chính thức của Mátxcova. Nhưng từ khi thành ủy Mátxcova bị thanh toán vào năm 1923 với sự tham gia của Camênhép, lúc đó đa số trong tổ chức quyết định ủng hộ phe đối lập, quần chúng cộng sản Mátxcova giữ thái độ lặng thinh rầu rĩ. Lần đầu, khi vừa mới tìm cách chống cự lại Xtalin, Camênhép hoàn toàn đánh mất mảnh đất dưới chân anh. Tình hình ở Leningorát lại diễn biến khác. Cái vung nặng nề của bộ máy Dinôviép bịt kín mít những người cộng sản Leningorát, không để cho

họ có quan hệ với phe đối lập 1923. Nhưng nay đã đến lượt họ. Đến khi đó, công nhân Leningorát đã lo ngại vì thứ đường lối được xây dựng trên nắm đấm và trên lý thuyết "chủ nghĩa xã hội trong một xứ". Sự phản kháng giai cấp của công nhân trùng hợp với sự chống đối "cao cấp" của Dinôviép. "Đối lập mới" hình thành như thế, thoát đầu Nadegioda Cônxtanchinôpna Corúpxcaia cũng tham gia phe này.

Trước sự ngạc nhiên lớn của mọi người và trước hết, của chính họ, Dinôviép và Camênhép buộc phải nhắc lại một phần những lý lẽ phê phán của phe đối lập cũ và nhanh chóng, họ bị liệt vào hàng ngũ những người "trót-kít". Không có gì lạ nếu trong giới chúng tôi, việc xích lại gần Dinôviép và Camênhép ít nhất cũng là một nghịch lý. Trong số những phần tử chống đối, nhiều người phản đối việc thành lập một khối như thế. Cũng có một số người, dù không đồng, cho rằng có thể liên kết với Xtalin, chống lại Dinôviép và Camênhép. Một người bạn gần gũi của tôi, Morátcốpxki [Mratchkovsky] — nhà cách mạng cựu trào và là một trong những chỉ huy xuất sắc nhất thời nội chiến — phản đối mọi thứ liên minh và đưa ra một lời giải thích kinh điển, có cơ sở, để minh chứng cho lập trường của anh: "Xtalin sẽ đánh lừa chúng ta, còn Dinôviép thì tháo chạy". Nhưng rốt cục, những vấn đề thuộc loại như thế được quyết định bởi sự đánh giá về chính trị chứ không phải về tâm lý. Dinôviép và Camênhép đã công khai thừa nhận rằng ngay từ năm 1923, những người "trót-kít" đã có lý trong cuộc đấu tranh chống lại họ. Họ chấp nhận những nguyên lý cơ bản của bản cương lĩnh chúng tôi. Trong những hoàn cảnh như thế, thử hỏi chúng tôi có thể làm gì khác? Hơn nữa, chúng tôi liên kết với họ cũng bởi sau lưng họ còn có hàng ngàn công nhân, cách mạng ở Leningorát.

Ngoài những phiên họp chính thức, đã ba năm nay Camênhép và tôi không gặp nhau, tức là kể từ cái đêm Camênhép đi Grudia và hứa ủng hộ quan điểm chung của Lênin và tôi, nhưng khi được tin Lênin lâm trọng bệnh, anh lại đứng về phía Xtalin. Ngay trong lần đầu tiên gặp lại tôi, Camênhép đã lập tức tuyên bố:

— Chỉ cần đồng chí xuất hiện cùng Dinôviép trên bục lễ đài là đảng sẽ tìm thấy ban trung ương thật sự của mình.

Tôi chỉ biết cười vì ý nghĩ lạc quan mang tính quan liêu ấy. Có thể thấy rằng Camênhép đã đánh giá thấp công cuộc phân hủy đảng mà "bộ tam mã" đã thực hiện trong ba năm ròng. Không chút bóng gió, tôi chỉ cho anh thấy điều đó.

Cuối năm 1923, thoái trào cách mạng khởi đầu. Cùng với thất bại của phong trào cách mạng Đức, nó mang tầm vóc một cuộc thoái trào quốc tế. Ở Nga, cuộc tấn công của thế lực phản động chống lại Tháng Mười đang mở hết tốc lực. Bộ máy đảng ngày càng thiên về hữu. Trong những điều kiện như thế, sẽ là ngây thơ nếu nghĩ rằng chúng tôi chỉ cần đoàn kết là đủ và thắng lợi sẽ rơi xuống chân chúng tôi như một trái chín.

— Phải nhìn xa hơn — tôi thường xuyên nhắc đi nhắc lại với Camênhép và Dinôviép —, chúng ta phải chuẩn bị một cuộc đấu tranh nghiêm trọng và lâu dài.

Trong bầu không khí hăm hở ban đầu, những đồng minh mới dững cậm chấp nhận cái thể thức ấy. Nhưng điều đó kéo dài không lâu. Lòng nhiệt tình của họ phải được đo từng giờ, chứ không phải từng ngày. Morátcốpxki đã có lý: quả thực rốt cục Dinôviép bỏ chạy. Nhưng anh đã không lôi kéo được những người bạn đồng tư tưởng với mình. Dù sao đi nữa, hai lần chuyển bước ngoặt của Dinôviép đã giáng một đòn chí tử vào cái huyền thoại "chủ nghĩa trót-kít".

Mùa xuân 1926, vợ chồng tôi đi Béclin. Các bác sĩ Mátxcova không biết điều trị ra sao trạng thái sốt dai dẳng của tôi và để khỏi một mình lĩnh tất cả trách nhiệm, đã từ lâu họ giục tôi ra nước ngoài. Tôi cũng muốn tìm lối thoát khỏi cái ngõ cụt này: cơn sốt khiến tôi tê liệt trong những khoảng khắc nguy kịch nhất và như thế, nó là đồng minh trung thành của các địch thủ của tôi. Bộ Chính trị xem xét vấn đề chuyển đi nước ngoài của tôi. Cuối cùng, Bộ Chính trị tuyên bố rằng căn cứ vào những dữ kiện đã có và xét đến toàn bộ tình hình chính trị, Bộ Chính trị thấy chuyển đi của tôi vô cùng nguy hại, nhưng nhượng quyền quyết định cuối cùng cho tôi. Kèm theo quyết định là ý kiến của G.P.U., cho rằng không thể chấp nhận việc tôi ra nước ngoài. Chắc hẳn Bộ Chính trị sợ nếu có gì không hay xảy ra cho tôi, đảng sẽ đổ trách nhiệm lên đầu họ. Hồi đó, ý định dùng bạo lực để trục xuất tôi, hơn nữa, trục xuất qua Cônxtantinôp, còn chưa làm tổ trong bộ óc sen đầm của Xtalin. Cũng không loại trừ trường hợp Bộ Chính trị lo tôi có thể hoạt động ở nước ngoài để chấn chỉnh đội ngũ đối lập. Dầu sao đi nữa, tôi cũng thảo luận sự việc với bạn bè và quyết định cứ đi.

Không chút khó khăn, chúng tôi thỏa thuận với sứ quán Đức và giữa tháng Tư, tôi lên đường với tám hộ chiếu ngoại giao được cấp cho một kẻ tên là Cudomencô [Kouzmenko], thành viên Hội đồng Ucoraina trực thuộc Bộ Dân ủy Giáo dục. Tôi đi cùng anh thư ký Xéc-múc, vốn là trưởng đoàn đoàn tàu của tôi, và một người được G.P.U. ủy quyền. Dinôviép và Camênhép từ giả tôi, gần như cảm động: họ rất

không muốn ở lại mặt đối mặt với Xtalín.

Trong những năm tiền chiến, tôi biết khá rõ Béclin của dòng họ Hôhendôlécno. Thành phố có bộ mặt riêng của nó, không ai nói là khá ái nhưng nhiều người cho nó đầy ấn tượng. Bảy giờ nó đã hoàn toàn không có bộ mặt gì nữa, hay ít ra là tôi không phát hiện ra. Thành phố hồi phục chậm chạp sau một cơn bệnh nặng dai dẳng, kèm theo hàng loạt những thao tác phẫu thuật. Người ta đã thanh toán được nạn lạm phát, nhưng đồng mác ổn định chỉ mới là công cụ đo lường sự thiếu máu trên tổng thể. Trên đường phố, trong các cửa hiệu, trên gương mặt những người qua lại, người ta cảm thấy sự khan hiếm và lòng nôn nóng, lắm khi, ước mong cháy bỏng một sự phục hưng nhanh chóng. Trong những năm tháng gian khổ của chiến tranh, của những thất bại và của sự cướp bóc Vécxay [Versailles], những đức tính sạch sẽ, chính xác và đúng giờ của dân tộc Đức đã bị sự bần cùng đánh bại. Kiên nhẫn nhưng buồn chán, những tổ kiến người sửa lại các tuyến đường, các hành lang, các nhà kho bị đôi ủng chiến tranh chà đạp. Trong nhịp điệu của phố phường, trong động tác, cử chỉ của khách qua đường, người ta có thể nhận thấy sắc thái bị thảm của chủ nghĩa định mệnh: làm sao được, cuộc đời là thứ lao động khổ sai vô giới hạn, phải làm lại từ đầu.

Trong vài tuần lễ, tôi trở thành đối tượng quan sát của y học tại một bệnh viện tư nhân ở Béclin. Tìm hiểu nguyên nhân cơn sốt bí ẩn của tôi, gần như các bác sĩ chuyên tôi hết người này qua người khác như một quả bóng. Cuối cùng, một chuyên gia thanh quản học đưa ra một giả thuyết, theo đó nguyên nhân cơn sốt có thể là a-mi-đan (hạch hạnh nhân) của tôi, và ông khuyên tôi phải cắt đi bằng mọi giá. Các thầy thuốc chẩn đoán và các bác sĩ điều trị đều ngần ngại: họ là những người đứng tuổi và được ở lại hậu phương trong chiến tranh. Từng tham gia chiến trận, vị bác sĩ giải phẫu nhìn họ vẻ khinh thường. Cứ nghe ông nói, ở thời buổi này cắt a-mi-đan cũng dễ như cạo râu vậy. Tôi buộc phải chấp nhận.

Các trợ lý muốn cột hai tay tôi lại, nhưng bác sĩ phẫu thuật cam đoan là tôi có đủ nghị lực chịu đựng. Nghe những mẩu chuyện hóm hỉnh mà nhà giải phẫu động viên tôi, tôi cảm thấy sự căng thẳng và nổi xúc động cố nén. Điều khó chịu nhất là tôi phải nằm ngửa bất động và bị nghẹt thở bởi chính máu của mình. Ca mổ kéo dài bốn mươi, năm mươi phút. Mọi việc kết thúc tốt đẹp, trừ việc nó có vẻ nó chẳng ích lợi gì: ít lâu sau tôi lại bị sốt.

Tôi không để mất thời gian ở Béclin — chính xác hơn là thời gian ở bệnh viện — một cách vô ích. Tôi nhào vào báo chí Đức mà hầu như tôi bị đứt quãng từ tháng Tám 1914. Hàng ngày người ta đem đến cho tôi chừng hai chục tờ báo Đức và vài tờ nước ngoài khác, cứ đọc xong tôi lại thả chúng xuống sàn. Các giáo sư khám bệnh cho tôi buộc phải giẫm lên tấm thảm làm bằng báo chí đủ mọi khuynh hướng để đến gần giường tôi. Về cơ bản, bảy giờ tôi mới được nghe lần đầu tiên toàn bộ dàn nhạc chính trị của cộng hòa Đức. Thủ thực tôi chẳng phát hiện ra điều gì bất ngờ cả. Nền cộng hòa được coi như đứa trẻ đẻ hoang của sự thất bại quân sự, hòa ước Vécxay ép buộc những người cộng hòa phải thừa nhận nó, phe xã hội dân chủ có nhiệm vụ thực hiện bản chúc thư của cuộc cách mạng tháng Mười một mà họ đã bóp chết, còn Hindenbuốc đóng vai trò chủ tịch của phái dân chủ. Tôi hình dung sự việc đại loại như thế, tuy nhiên quan sát tất cả những điều này ở một khoảng cách gần cũng vẫn rất bổ ích...

Mùng 1 tháng Năm, tôi cùng vợ tôi dạo khắp thành phố bằng xe hơi, chúng tôi đến thăm những khu phố chính, xem diễu hành, ngắm những tấm biểu ngữ, lắng nghe các diễn văn, chúng tôi đến quảng trường Alécxanđe [Alexander-Platz] và hòa mình vào đám đông. Tôi đã thấy nhiều cuộc tuần hành mừng 1 tháng Năm đồ sộ hơn, đông đảo hơn, đẹp mắt hơn, nhưng từ lâu tôi không có dịp vùng vẫy tự do trong quần chúng mà không bị mọi người chú ý đến, để có thể tự cảm thấy mình là một phần nhỏ của một khối vô danh khổng lồ, để quan sát và ngắm nghía. Chỉ đọc một lần, người đồng sự đi theo đoàn tùy tùng nói với tôi, về thật trọng:

— Đồng chí nhìn kia, ở đây người ta bán chân dung đồng chí...

Nhưng qua những tấm chân dung ấy, hẳn chẳng ai nhận ra được Cudomencô, thành viên Hội đồng Ucoraina trực thuộc Bộ Dân ủy Giáo dục.

Trường hợp những dòng này lọt vào mắt bá tước Vextáp [Westarp] hoặc Hécman Muynle [Hermann Müller], Xtorêdeman [Stresemann], bá tước Rêphomtolô [Reventlow], Hinphécđinh hoặc bất kỳ ai khác, những kẻ phản đối tôi vào nước Đức, tôi thấy cần thiết phải cho họ biết lúc đó tôi không tuyên truyền những khẩu hiệu đáng trách, không dán những áp-phích kích động, và lại, tôi chỉ là một quan sát viên đơn thuần, vài ngày sau còn phải đi phẫu thuật.

Chúng tôi còn tham dự ngày "hội rượu vang" ở ngoại ô thành phố. Người đồng không thể đếm nổi. Mặc dầu bầu không khí mùa xuân được mặt trời và rượu vang hâm nóng, bóng tối mờ xám của những năm qua hắt lên gương mặt những người đi dạo, những kẻ giải trí hoặc cố gắng giải trí. Chỉ cần một ánh mắt chăm chú hơn đôi chút là có thể thấy tất cả mọi người hình như vừa lành bệnh: nụ cười của họ còn đòi hỏi nhiều cố gắng. Chúng tôi hòa mình trong đám đông vài giờ, quan sát, trò chuyện, ăn xúc xích bày trên đĩa giấy, thậm chí còn uống bia, thứ bia mà chúng tôi đã quên mất mùi vị từ năm 1917.

Tôi bình phục nhanh chóng sau ca mổ và đã dự kiến ngày trở về. Nhưng lúc đó xảy ra một tình tiết bất ngờ, cho đến nay vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng đối với tôi. Chừng tám ngày trước khi chúng tôi lên đường, trong hành lang của bệnh viện xuất hiện hai "ông" ăn vận quân áo dân sự, dáng vẻ bề ngoài hoàn toàn cho thấy nghề mặt thám của họ. Tôi nhòm qua cửa sổ và phát hiện ra ít nhất có nửa tá những "ông" y hệt ngoài sân, mặc dù rất khác nhau nhưng đồng thời cũng giống nhau như hệt. Tôi lưu ý Corexchinxki đến điều đó, lúc ấy anh đang ở chỗ tôi. Vài phút sau, một trợ lý gõ cửa và hoảng hốt thông báo: giáo sư của anh nhờ anh đến báo cho tôi biết người ta mưu sát tôi.

— Tôi hi vọng không phải cảnh sát tổ chức việc ấy? — tôi hỏi, chỉ vào đám mặt vụ đông đúc.

Bác sĩ đưa ra giả thuyết cảnh sát đến để ngăn chặn vụ mưu sát.

Hai, ba phút sau, một viên cảnh sát đến và nói với Corexchinxki rằng quả thực cảnh sát được tin việc chuẩn bị mưu sát tôi và vì thế, ông ta đã cho thi hành những biện pháp đề phòng đặc biệt. Cả bệnh viện xôn xao. Các nữ y tá thì thầm với nhau và với các bệnh nhân của họ cái tin Trótxki đang nằm ở viện và vì lẽ đó, người ta sẽ dùng bom tấn công tòa nhà. Tức thời, hình thành một bầu không khí không thích hợp chút nào với một cơ sở y tế. Chúng tôi thảo luận với Corexchinxki để tôi chuyển sang tòa nhà của đại sứ quán Xô-viết. Cảnh sát chặn con đường trước bệnh viện. Khi tôi di chuyển, có những xe cảnh sát đi kèm.

Giả thuyết chính thức đại khái như sau: trong quá trình tiểu trừ một âm mưu mới của những phần tử bảo hoàng, người ta bắt được một tên phiến loạn, hình như y đã khai với nhân viên dự thẩm là trong thời gian gần nhất, bọn Bạch vệ dự định sẽ ám sát Trótxki, khi đó đang ở Béclin. Tôi phải nói rằng các nhà ngoại giao Đức mà chúng tôi đã thống nhất với họ về chuyến đi của tôi, đã chú ý không thông báo cho cảnh sát biết việc tôi qua Đức vì có rất nhiều phần tử quân chủ trong hàng ngũ cảnh sát. Cảnh sát không tin lời khai của tên bảo hoàng bị bắt. Nhưng dù sao, họ cũng thẩm tra xem quả thực tôi có mặt trong viện không: điều khiến họ rất ngạc nhiên là tin ấy lại có thật. Bởi lẽ cảnh sát cũng dò hỏi tin tức trong giới giáo sư nên cùng một lúc, tôi nhận được hai lời cảnh cáo: một của anh trợ lý và một của viên cảnh sát. Cổ nhiên, cho đến nay tôi vẫn không biết quả thực người ta có chuẩn bị ám hại tôi hay không và có đúng là cảnh sát biết tin tôi cư trú ở Đức qua lời khai của tên bảo hoàng bị bắt giữ hay không? Nhưng tôi nghĩ rằng trong thực tế, sự việc đơn giản hơn. Chắc hẳn giới ngoại giao không giữ nổi "bí mật" và cảnh sát — méch lòng vì không được tin cậy — đã quyết định chứng tỏ cho Xtorêdeman, hoặc có thể cho chính tôi, rằng không thể cắt ami-đan thành công nếu không có sự hợp tác của họ. Thế nào đi nữa, bệnh viện bị lục tung tóe, còn tôi — được bảo vệ hùng hậu chống kẻ thù giả định — phải dọn đến ở đại sứ quán. Sau này, trong báo chí Đức, chỉ có chút tiếng vọng yếu ớt và hoài nghi của câu chuyện đó: dường như không ai tin vào nó.

Những ngày tôi ở Béclin trùng với những sự kiện lớn ở châu Âu: tổng đình công diễn ra ở Anh và Pinxútcki làm đảo chính ở Ba Lan. Hai sự kiện đó càng làm tăng thêm những bất đồng giữa tôi và nhóm kế nghiệp và điều đó gây nên một quá trình đấu tranh quyết liệt giữa chúng tôi sau này. Về chuyện này, phải nói kỹ hơn đôi chút. Xtalin, Bukharin và — trong giai đoạn đầu — Dinôviép coi liên minh ngoại giao giữa ban lãnh đạo các nghiệp đoàn Xô-viết và Đại hội đồng Công hội (trade unions) Anh là đỉnh cao trong đường lối chính trị của họ. Thiên cận như một người dân tinh tế, Xtalin tưởng tượng rằng Pócxon [Purcell] và các lãnh tụ công hội khác sẽ sẵn sàng ủng hộ nước Cộng hòa Xô-viết trong những giây phút khó khăn, chống lại tư bản Anh, vì họ có khả năng làm việc đó. Về phần các lãnh tụ Công hội Anh, không phải không có lý khi họ cho rằng trước khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản Anh và trước sự bất bình ngày càng tăng của quảng đại quần chúng, tốt hơn cả là họ được che chở về phía tả, dưới dạng tình hữu nghị chính thức, không hề trói buộc giữa họ với các lãnh tụ nghiệp đoàn Xô-viết. Đồng thời, cả hai bên đều cẩn thận lẫn tránh bất chạo đặc nóng bỏng, người ta sợ nhất là gọi các sự việc bằng tên của chúng. Hơn một lần, con thuyền chính trị trôi ruồng đã tan vỡ khi đụng vào giải đá ngầm của những sự kiện lớn. Cuộc tổng đình công ở Anh tháng Năm 1926 là một sự kiện trọng đại, chẳng những trong đời sống nước Anh mà trong cả đời sống nội bộ đảng chúng ta.

Từ sau chiến tranh, số phận nước Anh hình thành một cách rất đặc thù. Sự thay đổi đột ngột vị thế của nó trên thế giới không thể không gây ra những thay đổi cũng gay gắt chẳng kém trong tương quan lực lượng nội tại của nó. Hoàn toàn rõ ràng là ngay khi cả châu Âu, kể cả nước Anh, tái lập được một cân bằng lực lượng xã hội nhất định trong một thời gian dài ngắn ít nhiều, nước Anh chỉ đến được trạng thái cân bằng ấy thông qua hàng loạt xung đột và chấn động nghiêm trọng. Tôi cho rằng một cuộc đùng độ có thể xảy ra trong ngành kỹ nghệ than, sẽ dẫn đến một cuộc tổng đình công ở chính nước Anh. Xuất phát từ suy nghĩ đó, tôi coi những mâu thuẫn sâu sắc sẽ xảy ra trong tương lai gần nhất giữa những tổ chức cũ và những nhiệm vụ lịch sử mới của giai cấp công nhân, là không thể tránh khỏi. Trong thời gian ở Cápcado mùa đông 1924 — mùa xuân 1925, tôi viết một cuốn sách về đề tài này (*Nước Anh đi đến đâu?*) Về thực chất, cuốn sách đi ngược lại quan niệm chính thống của Bộ Chính trị, hi vọng Tổng hội sẽ chuyển hướng về phía tả và chủ nghĩa cộng sản sẽ thâm nhập dần dần, không đầu đóm vào Công đảng và các công hội Anh.

Một phần để tránh những diễn biến phức tạp không cần thiết, phần khác để nắm bắt lập trường các địch thủ của mình, tôi đưa tập bản thảo cho Bộ Chính trị xem xét. Vì đây là những tiên đoán chứ không phải là sự phê phán ngược về quá khứ, không một thành viên nào của Bộ Chính trị có ý kiến phản đối. Cuốn sách may mắn lọt lưới kiểm duyệt và được ấn hành nguyên văn, không có chút thay đổi nhỏ nhặt nào. Chẳng bao lâu sau nó được xuất bản bằng tiếng Anh. Những thủ lĩnh của chủ nghĩa xã hội Anh tiếp nhận cuốn sách như tác phẩm giả tưởng của một người ngoại quốc không am hiểu hoàn cảnh nước Anh và mơ màng đưa cuộc tổng đình công "kiểu Nga" sang quần đảo Anh quốc. Có hàng chục, nếu không muốn nói là hàng trăm, những phản ứng loại đó, khởi đầu từ Mack Donan [MacDonald], là người xứng đáng đứng ngôi đầu trong cuộc thi những chuyện tầm phào chính trị.

Thế rồi chưa đầy vài tháng trôi qua và cuộc đình công của thợ mỏ Anh trở thành tổng đình công. Tôi không tính đến việc lời tiên đoán của tôi lại được chứng thực nhanh chóng đến như thế. Nếu cuộc tổng đình công chứng tỏ tính đúng đắn của sự phán đoán mác-xít, đối lập với những đánh giá vụng về của chủ nghĩa cải lương Anh, thì cách ứng xử của Tổng hội trong thời kỳ tổng đình công đánh dấu sự phá sản của niềm hi vọng xta-lin-nít đặt vào Pócxơn. Ở bệnh viện Béclin, tôi hăm hở thu thập và đối chiếu mọi thông tin về tiến trình tổng đình công và đặc biệt, về quan hệ tương hỗ giữa quần chúng và các lãnh đạo của họ. Giọng điệu những bài viết trên tờ *Prápđa* khiến tôi bất bình hơn cả. Bởi lẽ tờ báo coi nhiệm vụ chính yếu của nó là che giấu sự phá sản và giữ gìn thể diện. Không thể làm được điều này nếu tờ báo không bóp méo các sự kiện một cách trắng tráo. Đối với một chính trị gia cách mạng, không có thất bại tư tưởng nào nặng nề hơn là đánh lừa quần chúng!

Vừa về nước, tôi đòi phải từ bỏ tức khắc liên minh với Tổng hội. Sau những do dự không tránh khỏi, Dinôviép đứng về phía tôi. Radéc chống lại. Xtalin dùng hết sức lực để bám vào liên minh, dù chỉ là hình thức bên ngoài. Những phần tử công hội Anh chờ đợi cho cơn khủng hoảng nội bộ của họ kết thúc rồi hất anh bạn đồng minh hào hiệp nhưng ngu xuẩn bằng một cú đá không mấy lịch sự.

Những sự kiện diễn ra tại Ba Lan thời ấy cũng không kém phần quan trọng. Giai cấp tiểu tư sản vội vã, hốt hoảng tìm lối thoát đã đi vào con đường khởi nghĩa và tôn Pinxútcki làm thủ lĩnh. Vácxki [Warski] (Warsawski), lãnh tụ đảng Cộng sản tuyên bố những gì ông ta thấy chính là "nền chuyên chính dân chủ của giai cấp vô sản và nông dân" và ông ta kêu gọi đảng Cộng sản trợ giúp Pinxútcki. Tôi biết Vácxki từ lâu. Lúc sinh thời Rôđa Luýchxambua, Vácxki còn có thể tìm thấy chỗ đứng trong hàng ngũ cách mạng. Nhưng tự bản thân, ông ta không phải là một chính trị gia đáng kể. Năm 1924, sau một hồi do dự kéo dài, Vácxki tuyên bố: rốt cục ông ta đã hiểu tính độc hại của "chủ nghĩa trốt-ki", tức là "đánh giá thấp giai cấp nông dân" trên lập trường chuyên chính vô sản. Để thưởng công cho thái độ ngao ngoãn ấy, người ta đưa ông lên cương vị lãnh đạo và ông ta nóng lòng chờ đợi có dịp ăn khao những phẩm hàm quá muộn màng ấy. Tháng Năm 1926, Vácxki không bỏ lỡ cơ hội đặc biệt để tự si nhục bản thân và bôi nhọ lá cờ của đảng. Cố nhiên ông ta không bị trừng phạt: bộ máy xta-lin-nít che chở ông ta trước sự bất bình của giới công nhân Ba Lan.

Trong đảng bôn-sê-vích, cuộc đấu tranh trong năm 1926 ngày càng trở nên ác liệt. Vào mùa thu, phe đối lập công khai phát động phong trào trong các cuộc họp chi bộ. Bộ máy trả đũa không thương tiếc. Cơ chế hành chính thay thế cuộc đấu tranh tư tưởng: qua điện thoại, bộ máy quan liêu của đảng được triệu tập tham dự các cuộc họp của các chi bộ công nhân, người ta tiếp đón phe đối lập bước lên bục diễn đàn bằng những hàng xe hơi tắc nghẽn kinh khủng, bằng tiếng còi báo động điên loạn, bằng những tiếng huýt sáo, gào thét âm ỉ được tổ chức cẩn thận. Nhóm cầm quyền giành được thắng lợi thông qua việc tập trung lực lượng vật chất và sự đe dọa, đàn áp một cách máy móc. Trước khi quần chúng đảng viên kịp nghe để hiểu và nói một điều gì, họ đã hoảng hốt nhìn thấy trước mắt một sự phân ly và một tai họa. Phe đối lập phải lui bước. Chúng tôi tuyên bố vào ngày 16 tháng Mười: chúng tôi đánh giá lập trường của chúng tôi là đúng đắn và đòi cho chúng tôi quyền đấu tranh để những tư tưởng ấy được chấp nhận trong hàng ngũ của đảng, khước từ những hành động có thể gây nên hiểm họa chia cắt. Bản tuyên bố ngày 16 tháng Mười không dành cho bộ máy, mà nhằm vào đa số các đảng viên. Đó là một bằng chứng về ý định của chúng tôi muốn ở lại trong đảng. Mặc dù ngay ngày hôm sau phái xta-lin-nít đã vi phạm thỏa thuận hưu chiến, chúng tôi vẫn tranh thủ được thời gian. Chúng tôi được xả hơi đôi chút trong mùa đông 1926-1927 và có điều kiện đi sâu về mặt lý luận trên vô số vấn đề.

Ngay từ đầu năm 1927, Dinôviép đã sẵn sàng hạ vũ khí, nếu không cùng một lần thì cũng trong vài chặng. Nhưng lúc đó ở Trung Quốc xảy ra những sự kiện chấn động. Tính chất tội lỗi của đường lối chính trị xta-lin-nít ngày càng trở nên rõ rệt. Điều đó làm chậm lại một thời gian sự đầu hàng của Dinôviép và của tất cả những người sau này theo chân anh.

Đường lối chính trị mà tập đoàn kế nghiệp cho thực thi ở Trung Quốc là sự giày xéo xuống bùn đen mọi truyền thống của chủ nghĩa bôn-sê-vích. Trái với nguyện vọng của nó, đảng Cộng sản Trung Hoa

bị lỏng vào Quốc dân đảng tư sản và bị đặt dưới kỷ luật quân sự của Quốc dân đảng. Việc thành lập các Xô-viết bị cấm đoán. Người ta khuyên các đảng viên cộng sản phải kim lại cuộc cách mạng ruộng đất và không được vũ trang cho công nhân khi chưa được phép của giai cấp tư sản. Rất lâu trước khi Tưởng Giới Thạch tàn sát công nhân Thượng Hải và tập trung quyền lực vào tay một tập đoàn quân phiệt, chúng tôi đã báo trước về kết quả không tránh khỏi của đường lối này. Từ năm 1925 trở đi, tôi yêu cầu những người cộng sản phải rút khỏi Quốc dân đảng. Đường lối chính trị của Xtalin — Bukharin chẳng những chuẩn bị và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh gục cuộc cách mạng Trung Hoa; hơn thế nữa, hành động đàn áp của cơ chế Xô-viết còn giúp Tưởng Giới Thạch tự do tuyên truyền hoạt động phản cách mạng, chống lại những sự phê phán của chúng tôi. Tháng Tư 1927, trong một cuộc họp đảng ở Phòng Cột thuộc Trung ương Công đoàn Xô-viết, Xtalin còn tuyên bố ủng hộ đường lối liên minh với Tưởng Giới Thạch, ông ta kêu gọi tiếp tục tin cậy vào Tưởng. Năm, sáu ngày sau, Tưởng Giới Thạch đàn áp đã man cuộc khởi nghĩa của công nhân Thượng Hải và dim đảng Cộng sản trong biển máu.

Một làn sóng phẫn nộ bao trùm lên đảng. Phe đối lập ngẩng đầu. Bất chấp các nguyên tắc hoạt động bí mật — thời đó ở Mátxcova chúng tôi đã buộc phải bảo vệ công nhân Trung Hoa chống Tưởng Giới Thạch bằng những phương pháp bí mật —, hàng chục người chống đối đến tìm tôi ở trụ sở của Cao ủy Thượng địa. Nhiều đồng chí trẻ của chúng tôi tưởng rằng sự phá sản rõ rệt của đường lối chính trị xta-lin-nít nhất thiết phải đưa thắng lợi đến gần phe đối lập. Trong những ngày sau đảo chính của Tưởng Giới Thạch, nhiều lần tôi phải dội gáo nước lạnh lên mái đầu nóng bỏng của các bạn hữu trẻ và không còn trẻ của tôi. Tôi cố chứng tỏ phe đối lập không thể vươn lên trên những bậc thang *thất bại* của cách mạng Trung Hoa. Dự đoán của chúng tôi được chứng thực, thu hút hàng ngàn, năm hoặc mười ngàn đồng chí mới đến với chúng tôi. Còn đối với hàng triệu con người, chính sự kiện giai cấp vô sản Trung Hoa thất bại — chứ không phải sự dự đoán — mới là yếu tố quyết định. Sau khi cách mạng Đức bị đè bẹp năm 1923 và tổng đình công Anh bị thất bại năm 1925, thất bại mới diễn ra ở Trung Quốc chỉ làm tăng thêm sự chán nản của quảng đại quần chúng đối với cách mạng quốc tế. Và chính sự chán nản ấy lại là nguồn gốc tâm lý cơ bản của đường lối chính trị cải lương-quốc gia của Xtalin.

Rất nhanh chóng, chúng tôi hiểu rằng rằng quả thực phần số chúng tôi đã lớn mạnh hơn. Chúng tôi đoàn kết hơn về mặt tư tưởng và đông đảo hơn về nhân số. Nhưng lưới gươm của Tưởng Giới Thạch đã cắt đôi cuống rốn nối chúng tôi với chính quyền. Xtalin hoàn toàn trở thành đồng minh của Tưởng, ông ta chỉ còn một chủ đích quan trọng là bổ sung sự đàn áp công nhân Thượng Hải bằng việc đè bẹp phe đối lập về mặt tổ chức. Hạt nhân của phe đối lập là một nhóm những nhà cách mạng lão thành. Nhưng chúng tôi đã không còn đơn độc. Hàng trăm, hàng ngàn người cách mạng của thế hệ mới đã tập trung quanh chúng tôi, đây là thế hệ tham gia lần đầu tiên vào đời sống chính trị trong cách mạng tháng Mười, chiến đấu ròng rã suốt cuộc nội chiến, chân thật kính cẩn trước uy quyền to lớn của Ban Trung ương lê-nin-nít và chỉ từ năm 1923 trở đi, họ mới bắt đầu có tư duy độc lập, bắt đầu phê phán và vận dụng những phương pháp của chủ nghĩa mác-xít trong những bước ngoặt mới của sự phát triển, và khó hơn cả là họ đã biết tự đảm nhận trách nhiệm khởi xướng một sáng kiến cách mạng. Hiện nay, hàng ngàn nhà cách mạng trẻ đó đang đào sâu kinh nghiệm chính trị trong các nhà tù của thể chế xta-lin-nít, hoặc tiếp tục nghiên cứu lý luận ở chốn lưu đày.

Ý thức được mọi hậu quả, đôi mắt mờ to, nhóm chủ chốt của phe đối lập đã lựa chọn kết cục ấy. Chúng tôi nhận thức rõ ràng rằng chỉ thông qua cuộc đấu tranh công khai, không dùng lại trước bất kỳ một hậu quả thực tiễn nào, chúng tôi mới có thể đưa những tư tưởng của chúng tôi làm thành kho tàng chung cho thế hệ công nhân mới; ở đây, không thể sử dụng thương thuyết ngoại giao và phương pháp gây ảnh hưởng. Chúng tôi chấp nhận thất bại trước mắt, chuẩn bị chắc chắn cho một thắng lợi tư tưởng trong một tương lai xa hơn.

Sức mạnh vật chất đã và đang đóng một vai trò to lớn trong lịch sử nhân loại: vai trò đó đôi khi mang tính tiến bộ, thông thường là phản động, tùy theo giai cấp nào áp dụng bạo lực và nó áp dụng nhằm đạt được những mục đích gì. Nhưng từ đó, còn xa mới kết luận được rằng có thể giải quyết *mọi* vấn đề, có thể vượt qua *mọi* trở ngại bằng bạo lực. Người ta có thể giam hãm sự bùng nổ vũ khí phát triển của các khuynh hướng của lịch sử tiến bộ, nhưng không thể ngăn chặn *vĩnh viễn* con đường tiến lên của các tư tưởng tiến bộ. Vì thế, trong tiến trình cuộc đấu tranh của các nguyên lý cơ bản, chỉ có một quy tắc dẫn dắt người cách mạng: *fais ce que dois, advienne que pourra*.

Càng đến gần Đại hội XV được ấn định vào cuối năm 1927, đảng càng cảm thấy mình đứng trước một ngã tư lịch sử. Một nỗi lo âu sâu sắc tràn qua toàn bộ hàng ngũ đảng. Mặc dầu sự khủng bố tiến đến quy mô kinh khủng, ý muốn được nghe phe đối lập đã thức dậy trong đảng. Chỉ có thể đạt được mục đích ấy bằng con đường bất hợp pháp. Tại các khu ở Mátxcova và Lêningrát, diễn ra những phiên họp bí mật của công nhân và sinh viên, bé thì hai chục, lớn thì một trăm, hai trăm người tập trung để nghe một lãnh tụ

nào đó của phe đối lập phát biểu. Trong ngày, tôi tham gia hai, ba, đôi khi bốn phiên họp như thế. Thông thường, các cuộc họp được tổ chức tại nhà của giới công nhân. Hai phòng nhỏ chật ních người, diễn giả đứng ở khung cửa nối giữa hai phòng. Đôi lúc mọi người đều phải bệt ngồi xuống sàn, thông thường hơn, vì thiếu chỗ, chúng tôi phải đứng nói. Nhiều khi các đại diện của Ủy ban Kiểm tra xuất hiện ở những phiên họp như vậy để giải tán nhóm người hội họp. Người ta đề nghị họ hãy tham gia tranh luận thì hơn. Nếu họ quấy rối trật tự, mọi người tổng cổ họ ra ngoài. Tổng cộng ở hai thành phố, có gần hai chục ngàn người đã tham gia những buổi họp như thế. Dòng người mỗi ngày một đông hơn. Phe đối lập tổ chức rất tài tình một cuộc mít-tinh lớn trong hội trường trường Cao đẳng Kỹ thuật. Hơn hai ngàn người chen chúc tham dự. Một đám đông lớn còn bị kẹt ngoài phố. Ban lãnh đạo tìm cách ngăn cản chúng tôi, nhưng vô hiệu. Tôi cùng Camêhép diễn thuyết khoảng hai tiếng đồng hồ. Cuối cùng Ban Trung ương kêu gọi công nhân phải giải tán các cuộc họp của phe đối lập bằng bạo lực. Nhưng lời kêu gọi ấy chỉ để che giấu những cuộc tấn công do những phân đội chiến đấu thi hành dưới sự chỉ đạo của G.P.U., được chuẩn bị chu đáo nhằm vào phe đối lập. Xtalin muốn một kết thúc đẫm máu. Chúng tôi ra dấu hiệu tạm thời đình chỉ những cuộc mít-tinh lớn. Nhưng điều đó chỉ diễn ra sau cuộc tuần hành ngày 7 tháng Mười một.

Tháng Mười năm 1927, Ban Chấp hành Trung ương họp ở Lêningrát. Một cuộc tuần hành quần chúng được tổ chức để chào mừng kỳ họp. Do một sự trùng hợp ngẫu nhiên của những sự kiện, cuộc tuần hành đó chuyển sang một hướng hoàn toàn bất ngờ. Cùng Dinôviép và một vài nhân vật khác, chúng tôi đi một vòng thành phố trên xe hơi để xem có bao nhiêu người tham gia tuần hành và tâm trạng của họ ra sao. Cuối cùng, chúng tôi đi ngang qua cung điện Tôrit, ở đó người ta dựng các khán đài trên sàn xe tải dành riêng cho các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Xe chúng tôi phải dừng lại trước một rào chắn: con đường bị chặn lại từ đây. Chúng tôi chưa có thì giờ để cân nhắc làm thế nào ra khỏi lối cụt này thì người tổ chức nhào đến xe chúng tôi và không chút suy nghĩ, anh đề nghị đưa chúng tôi lên một diễn đàn. Trong khi chúng tôi còn ngần ngại, chưa biết quyết định ra sao, hai hàng lính bảo an đã mở một con đường cho chúng tôi tiến đến chiếc xe tải cuối cùng chưa có người ngồi. Khi quần chúng vừa hay tin chúng tôi ở diễn đàn cuối cùng, cuộc tuần hành lập tức thay đổi diện mạo. Đám đông thờ ơ diễu qua trước các xe cam-nhông đầu và chẳng thèm đáp lại những lời chào đón, họ rào bước về phía chúng tôi. Chẳng mấy chốc, cạnh xe chúng tôi hình thành một "chướng ngại vật" gồm mấy ngàn người. Công nhân và Hồng quân đi chậm lại, nhìn lên, hét to những lời chào mừng chúng tôi và chỉ tiến bước khi bị những người đi sau nồn nóng xô đẩy. Một phân đội bảo an được điều đến xe chúng tôi để lập lại trật tự, họ cũng bị bầu không khí chung tác động và không tỏ ra cương quyết gì mấy. Hàng trăm mật vụ trung thành nhất của bộ máy chính quyền được tung vào quần chúng. Bọn chúng cố huyết sáo chề bai, nhưng tiếng huyết cô độc của chúng bị át đi một cách vô vọng trong những tiếng hò reo căm tinh. Tình thế ngày càng trở nên khó xử cho những người lãnh đạo chính thức của cuộc tuần hành. Cuối cùng, chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương liên Nga và một vài thành viên nổi tiếng nhất của Ban Chấp hành bước khỏi diễn đàn thứ nhất, quanh đó chẳng có một ai, và leo lên chiếc xe chúng tôi, vốn đứng cuối hàng và chỉ dành cho những vị khách ít quan trọng nhất. Tuy nhiên hành động táo bạo đó không cứu vãn được tình thế: quần chúng kiên trì gào hét tên những người không phải là chủ nhân chính thức của cuộc tuần hành.

Dinôviép lập tức tràn đầy tinh thần lạc quan và anh hi vọng một kết quả to lớn của cuộc tuần hành. Tôi không có ý kiến chủ quan như anh. Dưới dạng bất mãn đối với chính quyền, quần chúng Lêningrát biểu thị thái độ căm tinh của họ đối với các lãnh tụ đối lập, nhưng họ còn chưa đủ khả năng ngăn cản bộ máy, không cho nó thanh toán chúng tôi. Về mặt này, tôi không thể có những ảo tưởng. Mặt khác, cuộc biểu tình sẽ gọi cho nhóm cầm quyền sự cần thiết phải thanh toán nhanh chóng phe đối lập để đặt quần chúng trước chuyện đã rồi.

Cột mốc tiếp theo là cuộc biểu tình được tổ chức ở Mátxcova để chào mừng tròn mười năm cách mạng tháng Mười. Tổ chức tuần hành, viết bài kỷ niệm và đăng đàn diễn thuyết đều là những kẻ trong biển cổ tháng Mười đã từng đứng ở phía bên kia chiến lũy, hoặc đơn thuần nấp dưới mái ấm gia đình, chờ xem tình thế xoay vần ra sao và chỉ tham gia cách mạng khi nó đã giành được thắng lợi chắc chắn. Với cảm giác hài hước hơn là bi thảm, tôi đọc những bài báo hoặc nghe trên đài những bài diễn văn, trong đó nhóm người ăn bám này kết tội tôi phản bội cuộc cách mạng tháng Mười. Khi người ta thấu hiểu tính năng động của quá trình lịch sử và nhận thấy kẻ thù của mình bị một bàn tay nào đó giật dây mà không biết, những lời lẽ xấu xa, quỷ quyệt mạt hạng nhất cũng chẳng có tác động gì hết đối với họ.

Phe đối lập quyết định tham gia đoàn tuần hành chung với những biểu ngữ riêng. Các khẩu hiệu trên biểu ngữ không hề chống lại đảng: "Hãy dồn toàn bộ hỏa lực vào cánh hữu: phú nông, nêp-man và bọn quan liêu!", "Hãy thực hiện di chúc của Lênin!", "Chống chủ nghĩa cơ hội, chống ly khai, vì sự thống nhất của đảng lê-nin-nít!" Ngày nay, những khẩu hiệu ấy là một bộ phận của tín điều chính thức của tập đoàn xta-lin-nít trong cuộc đấu tranh chống cánh hữu. Ngày 7 tháng Mười một 1927, những biểu ngữ nói trên bị

giật khỏi tay phe đối lập và bị xé vụn, những người mang biểu ngữ bị các đội đặc nhiệm đánh đập tơi bời. Những nhà lãnh đạo chính thức đã học hỏi kinh nghiệm của cuộc tuần hành ở Leningorát. Lần này họ chuẩn bị kỹ càng hơn nhiều. Có thể cảm thấy bầu không khí bất mãn trong hàng ngũ quân chúng, mọi người tham gia biểu tình với sự lo âu sâu sắc. Bên trên đám quần chúng khổng lồ mất hướng và xao xuyến là hai nhóm chủ động: phe đối lập và bộ máy. Trong cuộc đấu tranh chống những người "trốt-kít" trên đường phố Mátxcova, các phần tử phi cách mạng quen biết — có cả một bộ phận phát-xít — tự nguyện đến ủng hộ bộ máy. Một tên công an nã súng vào xe hơi của tôi. Ai đó đã điều khiển tay hãm. Một nhân viên cứu hỏa say rượu nhảy lên bậc lên xuống của xe tôi, phun ra những lời chửi rủa tục tĩu và đập vỡ kính xe. Ngày 7 tháng Mười một 1927, những ai biết nhìn nhận đều có thể thấy cuộc tổng diễn tập của biển chuyển Tháng Nóng trên đường phố Mátxcova.

Một cuộc biểu tình tương tự diễn ra ở Leningorát. Dinôviép và Rađéc đến đó, hai người liền bị một phân đội đặc nhiệm tấn công và lấy cớ bảo vệ họ khỏi bị quân chúng hành hung, cả hai bị giam trong một tòa nhà suốt thời gian diễn ra cuộc biểu tình. Cùng ngày, Dinôviép viết cho chúng tôi ở Mátxcova:

Mọi thông tin của chúng tôi đều cho thấy sự việc nhục nhã này sẽ rất có ích cho sự nghiệp của chúng ta. Chúng tôi lo lắng không biết điều gì xảy ra nơi các đồng chí. Những mối "liên lạc" (tức là các buổi nói chuyện bất hợp pháp với công nhân) rất thành công. Có thể thấy một bước ngoặt lớn lợi cho chúng ta. Lúc này, chúng tôi nhận thấy cần phải ở lại đây.

Đó là tia lửa cuối cùng trong nghị lực đối lập của Dinôviép. Ngày hôm sau, anh ta đã trở về Mátxcova và cương quyết chủ trương hạ vũ khí.

Giôphê tự vẫn ngày 16 tháng Mười một. Cái chết của anh hằn một vết sâu vào cuộc đấu tranh đang phát triển.

Giôphê bị ốm rất nặng. Một lần từ Nhật Bản, nơi anh làm đại sứ, người ta đã phải đưa anh về trong tình trạng sức khỏe vô cùng tồi tệ. Phải khó khăn lắm mới xin được cho Giôphê ra nước ngoài điều trị. Tuy nhiên chuyến đi ấy quá ngắn ngủi, mang lại kết quả khả quan nhưng chưa đủ để anh hồi phục. Giôphê trở thành phụ tá của tôi trong Cao ủy Nhung địa. Toàn bộ công việc dồn lên đầu anh. Cuộc khủng hoảng của đảng tác động rất nặng nề đến anh. Cái đặc biệt làm anh bị chấn động là sự xảo trá, quỷ quyệt. Nhiều lần anh cố gắng lao mình vào tận đáy cuộc đấu tranh. Tôi luôn can ngăn anh, lo cho sức khỏe của anh. Giôphê đặc biệt phẫn nộ về chiến dịch chống phá lý thuyết cách mạng thường trực. Không làm sao anh chấp nhận được chuyện những kẻ chỉ biết hưởng thụ các thành quả cách mạng lại dám bài xích hèn hạ những người nhìn thấy trước tiến trình và tính chất của cách mạng. Giôphê kể cho tôi nghe một cuộc trò chuyện của anh với Lênin về cách mạng thường trực, hình như vào năm 1919. Lênin đã nói với anh:

— Đúng, Trótxki có lý.

Ít lâu trước khi mất, Giôphê muốn công bố cuộc nói chuyện đó. Tôi tìm mọi cách để can ngăn anh. Tôi đã thấy trước những lời buộc tội vô liêm sỉ sẽ trút xuống đầu anh như núi lở. Giôphê kiên cường, anh có cách làm của anh: nhẹ nhàng về hình thức nhưng cứng rắn, không gì lay chuyển nổi về nội dung. Cứ mỗi lần sự ngu muội hung hãn và sự phản trắc chính trị nổ ra, anh lại đến nhà tôi, mời một và bắt bình, anh nhắc đi nhắc lại:

— Không, phải công bố cuộc nói chuyện ấy!

Một lần nữa, tôi lại chứng tỏ cho anh thấy một "lời khai của nhân chứng" như thế chẳng thay đổi được gì. Tốt hơn cả là phải nhằm xa hơn và phải giáo dục thế hệ mới của đảng.

Giôphê không kết thúc được chuyến điều trị ở nước ngoài và tình trạng sức khỏe của anh tệ đi từng ngày. Vào mùa thu, anh buộc phải thôi việc rồi sau đó nằm liệt giường vĩnh viễn. Một lần nữa, các bạn hữu của anh lại đặt ra vấn đề đưa anh ra nước ngoài. Lần này Ban Trung ương từ chối thẳng thừng. Giờ đây, tập đoàn xta-lin-nít đã chuẩn bị cho phe đối lập một số phận khác hẳn. Việc tôi bị khai trừ khỏi Ban Trung ương, rồi khỏi đảng làm Giôphê bị chấn động hơn ai hết. Cảm giác đau đớn về sự bất lực của cơ thể Giôphê gắn liền với nỗi bất bình chính trị và cá nhân của anh. Không chút nhầm lẫn, Giôphê dự cảm số phận cách mạng đang ngàn cân treo sợi tóc. Anh không thể đấu tranh được nữa. Mà đối với anh, cuộc đời thật vô nghĩa nếu không có đấu tranh. Như thế, anh rút ra kết luận cuối cùng cho bản thân.

Thời đó tôi không ở trong điện Kremli nữa, mà ở nhà bạn tôi là Biêlôbôrôđốp [Biéloborodov], vẫn còn giữ chức dân ủy Nội vụ, mặc dầu thường xuyên bị các mật vụ G.P.U. theo sát. Trong những ngày ấy, Biêlôbôrôđốp đang ở quê hương của anh, vùng Uran, đấu tranh với bộ máy để gắng tìm đường đến với công nhân. Tôi gọi điện cho Giôphê hỏi thăm sức khỏe anh. Anh đích thân nghe điện, máy điện thoại ở ngay đầu giường anh. Trong giọng nói của anh có cái gì lạ thường, căng thẳng, đáng lo ngại — nhưng chỉ về sau tôi mới nhận thức được điều này. Anh khẩn khoản mời tôi đến nhà anh. Có một tình huống ngăn trở

tôi không thực hiện ngay được yêu cầu của anh. Đó là những ngày tháng rất sôi động: các đồng chí thường xuyên đến nhà Biêlôbôrôđốp để hội kiến với tôi về những vấn đề cấp thiết. Một giờ hay hai giờ sau, một giọng nói không quen biết thông báo với tôi qua điện thoại:

— Adônphơ Aboramôvích [Adolphe Abramovitch] vừa mới tự sát bằng súng lục. Trên chiếc tủ đầu giường có một phong thư gửi đồng chí.

Ở nhà Biêlôbôrôđốp luôn luôn có một vài sĩ quan có tư tưởng đối lập. Họ theo tôi ra phố. Chúng tôi vội vã đến nhà Giôphê. Khi chúng tôi bấm chuông và gõ cửa, ở trong nhà người ta hỏi chúng tôi là ai và không mở cửa ngay: hẳn có chuyện gì ám muội xảy ra sau cánh cửa.

Trên chiếc gối thấm máu, khuôn mặt bình thản, hết sức dịu dàng của Adônphơ Aboramôvích hiện ra. B., một thành viên G.P.U. tự do lục lọi trong bàn làm việc của người đã khuất. Không có phong thư trên chiếc tủ đầu giường. Tôi đòi phải đưa ngay cho tôi lá thư. B. lúng búng nói không có. Về mặt và giọng nói của hẳn chúng tỏ một cách rõ ràng là hẳn nói dối. Vài phút sau, các bạn hữu của Giôphê đổ dồn về từ mọi nẻo trong thành phố. Các đại diện chính thức của Bộ Dân ủy Ngoại giao và các tổ chức đảng chắc hẳn phải cảm thấy cô độc trong đám đông đối lập. Đêm ấy vài ngàn người đến thăm căn nhà. Tin lá thư bị đánh cắp lan ra khắp thành phố. Các nhà báo ngoại quốc đưa tin này trong các phóng sự của họ. Không thể tiếp tục giấu giếm bức thư. Cuối cùng, người ta trao cho Rácôpxki bản chụp lại của bức thư. Tôi không lãnh việc cắt nghĩa tại sao một lá thư Giôphê viết cho tôi, niêm phong trong một phong bì đề tên tôi, vì có gì lại được giao cho Rácôpxki, hơn nữa không phải nguyên bản mà là bản sao của nó. Lá thư của Giôphê phản ánh trung thành đến tột cùng người bạn quá cố của tôi, nhưng đó là hình ảnh nửa giờ trước khi anh mất. Giôphê biết tôi trọng anh như thế nào. Anh gắn bó với tôi bằng một lòng tin đạo lý sâu sắc và ủy quyền cho tôi có thể xóa bỏ khỏi thư anh những gì tôi cho là thừa hoặc không tiện công bố. Sau khi không thực hiện được ý đồ giấu kín bức thư trước mắt thế giới, kẻ thù vô si đã cố gắng sử dụng cho mục đích của chúng những dòng chữ vốn không nhằm để công bố, nhưng vô hiệu.

Giôphê muốn dùng cái chết của anh để phụng sự sự nghiệp mà anh đã cống hiến suốt cuộc đời mình. Bàn tay nửa giờ đồng hồ sau sẽ bóp cò súng ghi sát thái dương, đã thảo ra lời khai cuối cùng của nhân chứng và những lời khuyên tối hậu của một người bạn. Giôphê viết riêng cho tôi như sau trong lá thư vĩnh biệt của anh:

Lép Đavêđôvích thân mến, hai chúng ta đã gắn bó với nhau bởi những thập niên hoạt động chung, và tôi dám tin tưởng, bởi tình bằng hữu cá nhân. Điều đó cho phép tôi, giữa lúc phân ly, nói ra những sai lầm tôi nhận thấy ở đồng chí.

Tôi không bao giờ nghi ngờ tính đúng đắn của con đường đồng chí đã vạch ra và như đồng chí biết đây, đã hơn hai chục năm kể từ khi thuyết "cách mạng thường trực" được công bố, tôi cùng tiên bước với đồng chí. Nhưng tôi luôn luôn cho rằng đồng chí thiếu cái *cứng rắn không khoan nhượng* của Lênin, cái bản lĩnh có thể đứng một mình trên con đường mà mình cho là đúng đắn, thấy trước được việc đa số sẽ theo mình. Lênin luôn tin chắc rằng rồi đây, mọi người sẽ thừa nhận tính đúng đắn của con đường ông đi. Từ 1905 trở đi, *đồng chí lúc nào cũng đứng về chính trị* và cả Lênin cũng nhìn nhận điều đó. Đã nhiều lần tôi kể cho đồng chí chính tai tôi được nghe Lênin tuyên bố: ngay cả năm 1905, *chính đồng chí chứ không phải Lênin* đúng. Trước cái chết người ta không nói dối và hôm nay, tôi nhắc lại điều đó với đồng chí...

Nhưng đồng chí thường hay *từ bỏ cái lý của bản thân* để nhằm một sự nhất trí trong đảng, một thỏa hiệp mà đồng chí đánh giá quá cao. Đó là một sai lầm. Tôi xin nhắc lại, trước đây đồng chí bao giờ cũng đứng về chính trị và giờ đây, *đồng chí lại càng đúng hơn bao giờ hết*. Rồi một ngày kia đảng sẽ thấu hiểu điều này và lịch sử nhất thiết sẽ phải thừa nhận.

Vậy đồng chí đừng lo ngại nếu bây giờ một số kẻ rời bỏ đồng chí, và tôi tệ hơn, nếu đa số không đến với đồng chí nhanh như tất cả chúng ta đều mong muốn. Đồng chí đúng nhưng thắng lợi của chân lý đồng chí chỉ được bảo đảm, nếu đồng chí bền lòng ở mức tối đa, cương quyết trước sau như một và cự tuyệt hoàn toàn mọi thỏa hiệp; đó bao giờ cũng là bí quyết thắng lợi của Voladimira Ilích. Đã nhiều lần tôi muốn nói những điều trên đây với đồng chí nhưng chỉ bây giờ tôi mới quyết định nói, vào lúc tôi gửi đồng chí lời chào vĩnh biệt.

Tang lễ của Giôphê được ấn định vào ngày làm việc chủ ý ngăn trở công nhân Mátxcova đến dự. Dầu vậy, ít nhất có hàng chục ngàn người tập hợp lại và lễ tang biến thành một cuộc biểu tình vĩ đại của phe đối lập.

Trong thời gian đó, phái Xtalin chuẩn bị cho đại hội, vội vã để đặt đại hội trước một sự chia rẽ đã rồi trong đảng. Cái gọi là bầu cử lựa chọn các đại biểu địa phương đi dự Hội nghị toàn quốc đã được đặt ra trước khi người ta thông báo một cuộc "thảo luận" chính thức và những cuộc "thảo luận" này hoàn toàn giả mạo từ đầu chí cuối. Đến lúc ấy, những cuộc hội họp bị các đoàn người, tổ chức theo lối quân đội, kéo tới phá phách, huýt còi và ngăn cản. Phương pháp hành động này không khác gì bọn phát-xít. Còn gì ô nhục hơn là việc chuẩn bị Đại hội XV! Chẳng khó khăn gì, Dinôviép và nhóm của anh cũng nhận ra rằng đại hội sẽ kết liễu họ về mặt chính trị bằng một cuộc đê bẹp phe đối lập về mặt thể xác, đã khởi đầu trên đường phố Mátxcova và Lêningrát vào dịp lễ kỷ niệm 10 năm cách mạng tháng Mười. Bây giờ, lo lắng duy nhất của Dinôviép và các bạn hữu của anh là làm sao hạ vũ khí vào thời điểm thích hợp nhất. Họ không hiểu rằng tập đoàn quan liêu xta-lin-nít không coi những người chống đối hạng hai như họ, mà coi hạt nhân của phe đối lập có quan hệ gắn bó với tôi là kẻ thù thực sự. Họ hi vọng nếu không xứng đáng được những ân sủng thì ít nhất họ cũng mua được sự tha thứ bằng việc đoạn tuyệt công khai với tôi vào lúc họp Đại hội XV. Nhưng họ đã không tính đến hậu quả của sự phản bội chính trị kép ấy: đơn thuần họ đã kết liễu sinh mạng của chính họ. Nếu với đòn đánh sau lưng đó họ tạm thời làm yếu phe chúng tôi thì họ cũng đã tự kết án từ hình về mặt chính trị. Đại hội XV quyết định khai trừ toàn bộ phe đối lập. Từ đó trở đi, những người mất đảng tịch thuộc quyền định đoạt của G.P.U.

CHƯƠNG XLIII

LUU ĐÀ Y

Về việc chúng tôi bị trục xuất đi Trung Á, xin trích nguyên văn hồi ức của vợ tôi:

Ngày 16 tháng Giêng 1927. Chúng tôi gói ghém hành lý từ sáng sớm. Tôi lên con sôt, chóng mặt vì sôt và vì đuối sức trong đồng đồ đạc lộn xộn vừa chuyển từ điện Kremli về và đã được đóng gói để mang theo. Bàn ghế, hòm xiêng, áo quần lót, sách vở và đám đông vô tận những khách khứa, bạn hữu đến chào từ biệt. F.A. Ghêchiê, bác sĩ và bạn của chúng tôi, ngay thơ khuyên chúng tôi nên hoãn chuyến đi vì tôi bị cảm. Ông không hình dung rõ ràng chuyến đi của chúng tôi có ý nghĩa gì và việc trì hoãn nó sẽ đem lại hậu quả ra sao. Chúng tôi hi vọng là trên tàu hỏa, tôi sẽ chóng bình phục hơn vì ở lại nhà trong hoàn cảnh "những ngày cuối cùng" trước khi đi, tôi không có điều kiện lành bệnh nhanh chóng. Ngày càng nhiều, những khuôn mặt mới xuất hiện không ngừng trước mặt tôi, lắm người tôi mới gặp lần đầu. Họ ôm hôn tôi, siết chặt tay tôi, bày tỏ lòng đồng cảm và chúc chúng tôi thượng lộ bình an... Tình trạng hỗn độn càng tăng khi ai nấy mang đến biết bao nhiêu hoa, sách vở, đồ ngọt, quần áo ấm và nhiều thứ khác nữa. Ngày cuối cùng của quá trình chuẩn bị, của tâm trạng căng thẳng, lo lắng cũng sắp kết thúc. Đồ đạc của chúng tôi đã được mang ra ga. Các bạn hữu cũng đã đến đó trước. Toàn thể gia đình ngồi trong phòng ăn, sẵn sàng lên đường, chúng tôi chờ đợi các nhân viên G.P.U. Chúng tôi xem đồng hồ... Chín giờ... chín giờ rưỡi... Không ai đến. Mười giờ. Đó là giờ tàu khởi hành. Có chuyện gì xảy ra? Hay người ta nghĩ lại? Chuông điện thoại reo. G.P.U. cho biết chuyến đi của chúng tôi bị hoãn, họ không nói lý do vì sao.

— Hoãn đến bao giờ? — L.Đ. hỏi.

— Hai ngày — người ta trả lời —, ngày kia ông đi.

Nửa giờ sau mọi người từ nhà ga chạy về, thoạt đầu là những thanh niên, sau đến Rácôpxki và những người khác. Có một cuộc biểu tình khổng lồ ở nhà ga. Mọi người chờ đợi chúng tôi. Người ta hét vang: "Trótxki muôn năm!" Nhưng chẳng thấy

Trótxki đâu cả. Ông ở đâu? Đám đông nổi loạn tại toa tàu giành cho chúng tôi. Các bạn trẻ của chúng tôi dựng trên nóc toa tàu một bức chân dung lớn của Trótxki. Sự việc đó được những tiếng hoan hô đầy phấn khởi đón mừng. Đoàn tàu chuyển bánh. Một phát giật, rồi hai... đoàn tàu lăn bánh một chút rồi đột ngột dừng lại. Những người biểu tình chạy lên chắn trước đầu tàu, họ bám vào các toa và khiến con tàu phải dừng lại. Mọi người đòi được thấy Trótxki. Một tin đồn lan khắp đám đông, theo đó những nhân viên G.P.U. đã lên lút đưa L.Đ. lên tàu và ngăn trở, không cho ông xuất hiện trước những người đưa tiễn. Không bút nào tả xiết sự náo động xảy ra ở nhà ga. Trong một số cuộc đụng độ với công an và G.P.U., cả hai bên đều có người bị thương. Nhiều người bị bắt giữ. Đoàn tàu khởi hành chậm một tiếng rưỡi. Một lúc sau, người ta chuyển hành lý của chúng tôi từ nhà ga về nhà. Bạn bè chúng tôi còn gọi điện thoại rất lâu, họ muốn biết chắc chắn có thực chúng tôi đang ở nhà không và kể cho chúng tôi hay những gì đã diễn ra ở ga. Khá lâu sau nửa đêm, chúng tôi mới đi nằm. Sau những hồi hộp, lo lắng của những ngày hôm trước, chúng tôi ngủ đến 11 giờ trưa. Chuông điện thoại không kêu, mọi thứ yên tĩnh. Con dâu đầu của chúng tôi đi làm: bởi lẽ chúng tôi còn hai ngày nữa. Nhưng khi chúng tôi vừa ăn xong bữa trưa thì có tiếng chuông ở cửa ra vào. Ph.V. Biêlôbôrôđốp đến thăm chúng tôi... rồi sau chị là M. Giôphê [M. Joffé]. Lại một hồi chuông nữa và cả căn hộ tràn ngập những điệp viên G.P.U. mặc thường phục và đồng phục. Họ đưa cho L.Đ. xem lệnh bắt giam và trực xuất tức thì đi Anma-Ata [Alma-Ata]. Thế còn thời hạn hai ngày mà hôm qua G.P.U. thông báo thì sao? Lại một sự dối trá mới! Sở dĩ người ta sử dụng mẹo lừa trong quân sự đó để tránh một cuộc biểu tình nữa lúc khởi hành.

Chuông điện thoại reo liên hồi. Nhưng có một tay mặt vụ đứng cạnh máy về mặt khá hiền từ, y ngăn, không cho chúng tôi trả lời. Chỉ ngẫu nhiên mà chúng tôi báo được cho Biêlôbôrôđốp biết người ta đã đặt bẫy và dùng vũ lực cưỡng bức chúng tôi lên đường. Sau này chúng tôi được biết Bukharin được ủy nhiệm "chỉ đạo chính trị" vụ áp tải L.Đ. Điều này hoàn toàn ăn khớp với tinh thần những thủ đoạn kiểu xta-lin-nít. Các nhân viên G.P.U. đều bối rối trông thấy. L.Đ. từ chối không tự nguyện đi. Anh lợi dụng cơ hội để đổ nước sạch vào cốc. Số là Bộ Chính trị cố gắng tạo ra một thỏa thuận ngoài mặt — ít ra là đối với những người đối lập danh tiếng nhất khi đày ải họ — rằng họ ra đi một cách tự nguyện; người ta sẽ giải thích như thế cho giới công nhân. Phải chấm dứt câu chuyện hoang đường đó, phải chỉ ra tình trạng thực sự, hơn nữa, theo một phương sách để người ta không thể im đi, không thể bóp méo sự thật. Từ đó L.Đ. quyết định buộc địch thủ phải công khai dùng bạo lực. Cùng hai vị khách đến thăm, chúng tôi cố thủ trong một gian buồng. Những cuộc thương lượng với các nhân viên G.P.U. diễn ra qua cánh cửa khóa trái. Nhóm nhân viên không biết phải làm gì, họ do dự, liên lạc với thủ trưởng qua điện thoại rồi nhận được chỉ thị và tuyên bố sẽ phá cửa bởi họ phải thực thi mệnh lệnh. Trong thời gian đó, L.Đ. đọc cho chép những chỉ dẫn liên quan đến thái độ của phe đối lập về sau này. Chúng tôi không mở cửa. Một nhát búa vang lên, kính trên cánh cửa vỡ vụn, một cánh tay đeo lon thò qua lỗ hở.

— Bắn vào tôi đây này, đồng chí Trótxki ạ, bắn đi! — Kítsokin [Kichkine], một cựu sĩ quan từng nhiều lần đi theo L.Đ. trong các chuyến công tác ngoài mặt trận nói dồn dập, về hồi hộp.

— Dừng nói bậy, Kítsokin — L.Đ. điềm tĩnh đáp —, chẳng ai muốn bắn anh đâu, cứ làm phận sự của anh đi.

Các nhân viên mở cửa bước vào, ai nấy đều xúc động và nhớn nhác. Thấy L.Đ. đi dép, họ tìm giày và xỏ giày cho anh. Rồi họ lục ra chiếc áo lông và mũ của anh..., mặc áo quần cho anh. L.Đ. không chịu đi ra. Các nhân viên xốc nách anh. Chúng tôi đi theo họ. Tôi choàng chiếc áo khoác lên người, đi đôi ủng cao cổ lột da thú... Cánh cửa lập tức đóng sập sau lưng tôi. Có tiếng ồn ào bên trong. Tôi thét lên khiến lũ mặt vụ đang lôi kéo L.Đ. xuống cầu thang phải dừng lại và tôi đòi người ta để các con tôi

bước ra ngoài. Cửa mở toang, các con trai tôi nhảy ra cùng hai bà khách của chúng tôi, Bêlôbôrôđôva và Giôphê. Họ dùng sức ủa ra ngoài cửa. Xêriôgia áp dụng những miếng nhào lộn nó đã học trong các buổi tập luyện. Khi chúng tôi đi xuống cầu thang, Liôva đập cửa mọi căn hộ và la to:

— Người ta bắt cóc đồng chí Trôttxki!

Những gương mặt sợ hãi hiện ra ở khung cửa các căn hộ và thang gác. Chỉ có những cán bộ Xô-viết uy tín ở trong tòa nhà này. Tất cả chúng tôi bị nhồi nhét vào một chiếc xe chật cứng. Phải khó khăn lắm Xêriôgia mới dứt được chân vào xe. Bêlôbôrôđôva cũng đi cùng với chúng tôi. Chúng tôi đi một vòng qua các phố xá Mátxcova. Trời lạnh cóng. Xêriôgia không có mũ, quá vội nó không kịp đội mũ, không ai có giày đi bùn, găng tay, không ai kịp mang theo va-li, đến cả túi xách cũng không. Chúng tôi không có một chút hành lý nào. Người ta không đưa chúng tôi ra ga Cadan, mà đi theo một hướng khác hẳn: hóa ra là ga Iarôxláp. Xêriôgia cố nhảy xuống xe để chạy đến chỗ con dâu tôi làm việc, báo cho nó biết tất cả chúng tôi đều bị bắt đi cả. Các nhân viên giữ chặt tay Xêriôgia và yêu cầu L.Đ. bảo con đừng nhảy khỏi xe. Chúng tôi đến một nhà ga hoàn toàn vắng vẻ. Đến lúc ấy, đám mật vụ vẫn xốc nách đưa L.Đ. đi. Liôva kêu to với vài nhân viên đường sắt đang thơ thẩn vô công rồi nghề ở đó:

— Các đồng chí, nhìn xem người ta lôi đồng chí Trôttxki đi như thế nào!

Một nhân viên G.P.U., trước đây còn theo Trôttxki đi săn, túm cổ áo nó.

— Thằng nhãi ranh, nhìn đây, mày có thấy khẩu súng lục này không? — hấn láo xược la lên.

Xêriôgia cho hấn một cái tát bằng động tác của một vận động viên thể dục lão luyện. Chúng tôi ngồi trong toa xe. Đội áp tải đứng trấn trước cửa sổ và cửa ra vào của buồng chúng tôi. Các nhân viên G.P.U. chiếm những khoang còn lại. Chúng tôi đi đâu? Không biết. Người ta không mang hành lý đến cho chúng tôi. Đoàn tàu chỉ có mỗi một toa chuyên bánh. Lúc đó là hai giờ chiều. Giữa đường, chúng tôi mới hay thì ra chúng tôi đi theo đường vòng về hướng một ga nhỏ heo hút, ở đó toa xe của chúng tôi sẽ được nối với chuyến tàu chở thư khởi hành từ nhà ga Cadan (Mátxcova) đến Tasken [Tachkent]. Năm giờ, chúng tôi từ già Xêriôgia và chị Bêlôbôrôđôva, họ phải đi chuyến tàu ngược lại để trở về Mátxcova. Chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình. Tôi bị cảm lạnh. L.Đ. hăm hở, hầu như anh ở trong tâm trạng vui vẻ. Tình thế đã rõ ràng. Bầu không khí chung trở lại yên tĩnh hơn. Đội áp tải cư xử ân cần và lịch sự. Họ báo cho chúng tôi biết hành lý của chúng tôi sẽ đi chuyến tàu sau và sẽ theo kịp chúng tôi ở Phơundê (ga cuối của đoàn tàu chúng tôi), tức là vào ngày thứ chín của chuyến đi. Chúng tôi không có bên mình quần áo lót để thay và sách để đọc. Mặc dù Xéc-múc và Pôdonanxki đã sắp xếp sách vở của chúng tôi thật chu đáo và triu mến: họ chọn lọc thật tỉ mỉ, sách này để đi đường, sách kia để làm việc trong thời gian đầu. Xéc-múc gói ghém những đồ dùng văn phòng của L.Đ. mới cẩn thận làm sao, anh biết đến tận cùng sở thích và thói quen của L.Đ. Trong những năm tháng cách mạng, Xéc-múc đã cùng L.Đ. vượt biết bao nhiêu chặng đường, với tư cách tốc ký viên và thư ký. Dọc đường, L.Đ. bao giờ cũng làm việc bằng ba, tận dụng dịp may không có chuông điện thoại, không có khách khứa quấy rầy và gánh nặng của công việc chủ yếu dồn trên vai Goladoman, sau đến Xéc-múc. Nhưng lần này, chúng tôi đi một chuyến dài trên con đường gập ghềnh mà không có lấy một quyển sách, một cây bút chì và một tờ giấy. Trước khi đi, Xêriôgia đã tìm cho chúng tôi công trình khoa học của Xemionốp-Tiansanxki [Séménov-Tianchansky] về vùng quê Tân Cương [Turkestan]; dọc đường, chúng tôi định tìm hiểu nơi ở tương lai của chúng tôi mà chúng tôi mới chỉ hình dung nó một cách đại khái. Nhưng cuốn sách của Xemionốp-Tiansanxki cũng nằm lại trong va-li ở Mátxcova cùng nhiều đồ đạc khác. Vậy là chúng tôi ở trong toa xe mà không có chút hành lý nào, như thể chúng tôi chỉ đi từ một khu phố này sang một khu phố

khác trong thành phố. Tối đến, chúng tôi nằm dài trên những chiếc ghế băng hẹp, dựa đầu vào khuỷu tay. Đội lính gác đứng bên cánh cửa khép hờ của khoang tàu.

Việc gì sẽ xảy ra với chúng tôi về sau này? Cuộc hành trình của chúng tôi sẽ như thế nào? Và nơi đây ả? Chúng tôi sẽ ở đó trong những điều kiện ra sao? Những việc khởi đầu đã báo hiệu những điềm không hay. Tuy nhiên, chúng tôi cũng cố yên lòng. Toa xe đu đưa nhẹ nhẹ. Chúng tôi nằm thông, thả người trên những chiếc ghế băng hẹp. Chỉ có cánh cửa hé mở nhắc nhở chúng tôi đang ở chế độ lao tù. Chúng tôi kiệt sức vì những biến cố bất ngờ, vì tình hình bất định, vì sự căng thẳng của những ngày vừa qua và giờ đây chúng tôi được nghỉ ngơi. Toa xe yên tĩnh. Đoàn áp tải lặng im. Tôi cảm thấy mệt mỏi. Bằng mọi cách, L.Đ. cố gắng làm tôi khuây khỏa nhưng anh chẳng có gì ngoài tâm trạng vui vẻ, trùi mền, tâm trạng ấy cũng lan sang tôi. Dần dần, chúng tôi bắt đầu quên đi những gì xung quanh và tận hưởng cảnh vật êm ả. Liôva ở khoang bên cạnh. Ở Mátxcova, nó ngập đầu vào công việc của phe đối lập. Nay cùng đi với chúng tôi đến nơi đây ả để giúp đỡ chúng tôi, nó không còn thì giờ để từ biệt vợ nó. Từ lúc đó, nó là phương tiện liên lạc duy nhất của chúng tôi với thế giới bên ngoài. Toa xe hầu như tối om, những ngọn nến mờ cháy leo lắt trên cửa ra vào. Chúng tôi đi về phía Đông.

Càng rời xa Mátxcova bao nhiêu, đoàn áp tải càng tỏ ra ân cần với chúng tôi bấy nhiêu. Ở Xamara, họ mua cho chúng tôi quần áo lót để thay, xà phòng, thuốc đánh răng loại bột, bàn chải răng... Chúng tôi và đoàn áp tải ăn bữa trưa được đặt trước ở các nhà ăn đường sắt. L.Đ. lúc nào cũng ăn uống kiêng khem, giờ anh vui vẻ nếm tất cả mọi thứ, anh duy trì tinh thần tôi và Liôva. Tôi nhìn anh với vẻ ngạc nhiên pha lẫn lo lắng. Trong sinh hoạt thường ngày, áo quần mua ở Xamara được gọi bằng những tên gọi đặc biệt: khăn tắm mang tên Menginxki, đôi tất mang tên Iagôda [Iagoda] (phụ tá của Menginxki) và cứ thế. Được gọi bằng những cái tên như thế, các đồ vật có vẻ ngộ nghĩnh hơn. Do tuyết rơi chát đống cản đường, đoàn tàu đi khá chậm trễ. Tuy vậy, ngày lại ngày, chúng tôi càng tiến sâu vào mảnh đất châu Á.

Trước khi lên đường, L.Đ. đòi người ta cho hai cộng tác viên cũ của anh đi theo, nhưng bị từ chối. Khi ấy Xéc múc và Pôdonanxki quyết định tự đi cùng chuyên tàu với chúng tôi. Hai người chiếm chỗ trong một toa xe khác. Họ được chứng kiến tận mắt cuộc biểu tình. Mặc dầu không rời khỏi chỗ ngồi, họ đoán chắc rằng chúng tôi thế nào cũng đi cùng chuyên. Ít giờ sau, họ phát hiện ra không có chúng tôi ở đó, cả hai cùng bước xuống ga Aruxi [Arys] và chờ chúng tôi trên chuyên tàu sau. Chúng tôi đuổi kịp họ ở đấy. Nhờ được tự do đi lại ít nhiều trong tàu, chỉ có Liôva gặp họ nhưng tất cả chúng tôi đều rất vui mừng. Đây là những dòng con trai tôi ghi lại ngay tại chỗ:

"Buổi sáng tôi ra nhà ga, nghĩ rằng có thể tìm thấy các bạn hữu; trong suốt cuộc hành trình chúng tôi đã trò chuyện rất nhiều về số phận họ, chúng tôi lo lắng cho họ. Và quả thực: cả hai đều ở đây, họ ngồi trước một cái bàn nhỏ ở quầy hàng và chơi cờ. Tôi mừng rỡ khôn tả. Tôi ra hiệu cho họ rằng họ dừng lại chỗ tôi: sau khi tôi xuất hiện ở quầy hàng, theo thông lệ, lũ mật vụ lại ập đến tấp nập khác thường. Tôi vội quay về toa xe để thông báo phát hiện của tôi. Ai nấy đều vui mừng. Cả L.Đ. cũng khó mà giận được họ, mặc dù hai người đã bỏ qua các chỉ thị của ông và lẽ ra phải đi tiếp thì họ lại chờ đợi chúng tôi trước mắt mọi người — đó là một sự mạo hiểm vô ích. Sau khi bàn bạc mọi việc với L.Đ., tôi thảo ra một bức thư, hi vọng sẽ đưa được cho họ khi trời xẩm tối. Trong thư có một chỉ thị như sau: Pôdonanxki lập tức phải rời chúng tôi, đến Tasken và chờ tín hiệu ở đó. Xéc múc tiếp tục đi đến Anma-Ata, tạm thời chưa liên lạc với chúng tôi vào lúc này. Đi qua không dừng lại trước mặt Xéc múc, tôi thỏa thuận được với anh một thời điểm gặp gỡ ở một xó xinh tối tăm sau nhà ga. Pôdonanxki đi thay Xéc múc, chúng tôi không tìm thấy nhau ngay; cuối cùng khi gặp nhau chúng tôi xúc động và nói vội vội vàng vàng, ngắt lời nhau liên tục. Tôi kể cho anh nghe chuyện chúng tôi bị phá cửa và bị bắt cóc. Anh không hiểu ai phá cửa và tại sao lại phải bắt cóc. Tôi không có thì giờ để giải thích cặn kẽ hơn, người ta có thể phát hiện ra chúng tôi bất cứ lúc nào. Thực tế, cuộc gặp gỡ không đem lại kết quả gì."

Sau phát hiện của con trai tôi ở Aruxi, chúng tôi tiếp tục hành trình với cảm giác khoan khoái là có một người bạn trung thành cùng đi với chúng tôi. Đây là một điều thật đáng mừng. Vào ngày thứ mười, chúng tôi nhận được hành lý và vội vã lục tìm cuốn sách của Xemiônốp-Tiansanxki. Chúng tôi thích thú đọc về thiên nhiên, dân cư, về những đôn điền táo; điều chủ yếu là ở đó, có thể đi săn tuyệt vời. L.Đ. vô cùng mừng rỡ khi tìm thấy bọc đồ dùng văn phòng do Xéc-múc đóng gói. Sáng tinh mơ, chúng tôi đến Phorundê (Pisopéc [Pichpek]). Đó là ga cuối của chuyến tàu. Băng giá phủ một lớp dày. Tuyết trắng tinh khiết, tuyệt đẹp và rạng rỡ ánh nắng mặt trời khiến chúng tôi chói mắt. Người ta đem đến cho chúng tôi đôi ủng da và áo lông cừu. Tôi gằn gù lưng dưới sức nặng của áo quần mà vẫn thấy lạnh. Chiếc xe buýt đi chậm chậm trên con đường đóng băng lạo xạo tuyết, gió quất vào mặt. Chúng tôi dừng lại sau một chặng đường gần ba chục cây số. Trời tối. Cứ như thể chúng tôi đứng chân giữa một hoang mạc tuyết. Hai người lính canh (đoàn áp tải gồm 12-15 người) lại gần chúng tôi và bối rối báo cho chúng tôi biết chỗ trú qua đêm "không được tốt lắm". Khó khăn lắm mới xuống được khỏi xe, chúng tôi lần mò trong đêm tối, tìm cái bậc thềm của trạm bưu cục và cái cửa thấp, chúng tôi bước vào một cái lán gỗ và vui sướng trút bỏ những chiếc áo da cừu. Tuy nhiên, cái lán lạnh buốt và không có sưởi. Những ô kính vuông trên chiếc cửa sổ bé nhỏ hoàn toàn đóng băng. Có một lò sưởi Nga lớn trong góc nhà, nhưng khôn thay nó cũng lạnh như băng. Chúng tôi tự sưởi ấm bằng cách uống trà. Chúng tôi ăn một thứ gì đó. Chúng tôi trò chuyện với chị trưởng ga, một phụ nữ Cô-dắc. L.Đ. gạn hỏi chi tiết về đời sống vùng này, chêm vào, anh hỏi cả về săn bắn. Tất cả đều rất lạ lùng, nhất là chúng tôi không được biết mọi việc sẽ kết thúc ra sao. Chúng tôi chuẩn bị đi ngủ, đoàn áp tải ở căn phòng bên cạnh, Liôva nằm dài trên một chiếc ghế băng, còn tôi và L.Đ. trải những chiếc áo lông thành lớp đệm trên một chiếc bàn lớn. Cuối cùng, khi chúng tôi đã yên vị trong căn phòng có trần thấp, tối tăm và lạnh lẽo, tôi phá lên cười:

— Chẳng có gì giống căn phòng chúng ta ở điện Kremli cả!

L.Đ. và Liôva cũng cười vang và hòa vào với tôi.

Vào rạng sáng, chúng tôi tiếp tục lên đường. Trước mặt chúng tôi là quãng đường khó khăn nhất: phải vượt đèo Cuốc-dai [Kour dai]. Trời lạnh cồng, băng giá dày, quần áo nặng không chịu nổi như thể có một tòa nhà đổ xuống lưng. Đến một ga mới, vừa uống chè chúng tôi vừa chuyện trò với một nhân viên G.P.U. từ Anma-Ata đến đón chúng tôi. Từng mảnh vụn của một cuộc sống xa lạ hiện ra dần dần trước mắt chúng tôi. Chiếc xe hơi vất vả chạy trên đường đầy tuyết, thỉnh thoảng lại bị các đống băng cắt ngang. Anh tài xế lái xe rất khéo, biết rõ đặc điểm của đường đi và anh tự sưởi ấm bằng rượu vốt-ca. Anh ý thức được rằng trong cái hoang mạc đầy tuyết này, mọi người đều phụ thuộc vào anh và anh giải tỏa căng thẳng bằng cách phê bình khá thẳng thắn cấp trên và tình thế... Vị đại diện chính quyền ở Anma-Ata ngồi cạnh anh chỉ co mình lại: miễn là đi được đến nơi bình an vô sự! Có lẽ khoảng ba giờ đêm, xe dừng lại giữa màn đêm tối như mực. Đến rồi đây, người ta nói. Đến đâu cơ? Hóa ra là đến khách sạn Dê-txu [Djétyts] ở phố Gô-gôn [Gogol]; ở đây, những phòng cho thuê – kèm đồ gỗ – quả thực phải có từ thời Gô-gôn. Chúng tôi được hai phòng nhỏ. Đoàn áp tải và những nhân viên G.P.U. địa phương chiếm những vị trí bên cạnh. Liôva soát lại hành lý, té ra thiếu hai va-li đựng quần áo lót và sách vở, hẳn đã rớt lại đâu đó trong vùng tuyết. Hỡi ôi! Lại một lần nữa chúng tôi đánh mất Xemiônốp-Tiansanxki! Những tấm bản đồ và sách vở của L.Đ. về Trung Quốc và Ấn Độ cũng bị thất lạc, các đồ dùng văn phòng đều bị hỏng. Mười lăm cặp mắt đã không đủ để giữ nổi đồ đạc của chúng tôi.

Sáng sớm Liôva đã đi thám thính. Nó làm quen với thành phố, trước hết là với bưu điện và trạm điện báo, cơ sở đóng vai trò trung tâm trong đời sống chúng tôi kể từ ngày đó. Nó cũng phát hiện ra hiệu thuốc nữa. Không mệt mỏi, nó tìm kiếm mọi thứ

cần thiết như ngòi bút, bút chì, bánh mì, bơ, nến... Cả L.Đ., cả tôi đều không ra khỏi nhà trong những ngày đầu, sau đó chúng tôi bắt đầu đi dạo ngắn vào buổi tối. Toàn bộ mối liên hệ của chúng tôi với thế giới bên ngoài được duy trì thông qua con trai chúng tôi.

Người ta mang bữa ăn trưa cho chúng tôi từ một tiệm ăn cạnh nhà. Liôva chạy đây đó suốt ngày. Chúng tôi nóng lòng đợi nó về nhà. Nó mang báo cùng mọi thứ tin tức về đời sống hàng ngày của thành phố, về những tập quán của dân trong vùng. Chúng tôi hồi hộp không hiểu Xéc-múc làm sao đến được đây. Và bỗng một hôm, vào ngày thứ tư, chúng tôi nghe một giọng nói quen thuộc ngoài hành lang. Chúng tôi mừng rỡ biết nhường nào! Áp người vào cánh cửa, chúng tôi chăm chú mọi lời nói và bước chân của Xéc-múc. Điều đó mở ra cho chúng tôi những triển vọng mới. Tôi đi ra hành lang, anh cúi đầu chào tôi từ xa... Còn chưa dám bắt chuyện với nhau, nhưng chúng tôi yên lặng vui sướng vì sự gần gũi đó. Hôm sau, chúng tôi ngấm đưa anh vào phòng, vội vã kể cho anh nghe những chuyện đã xảy ra và bàn bạc tương lai chung của chúng tôi. Nhưng tương lai ấy không được lâu bền. Kết cục xảy ra vào mười giờ tối ngày hôm ấy. Khách sạn yên tĩnh. Tôi và L.Đ. cùng ngồi trong phòng, cánh cửa ra vào hé mở ra hành lang lạnh lẽo vì cái lò sưởi gang thiêu đốt khoảng không gian bé nhỏ, khiến chúng tôi nóng nực không chịu nổi. Liôva ngồi ở phòng nó. Chúng tôi nghe thấy những bước chân đi ủng dạ mềm khe khẽ, thận trọng ngoài hành lang, lập tức chúng tôi bắt đầu chú ý nghe ngóng (sau này chúng tôi mới biết Liôva cũng giống tai nghe và đoán ra những gì sẽ xảy ra). "Chúng đến bắt anh ấy rồi" — chúng tôi thoáng nghĩ. Chúng tôi nghe người ta vào phòng Xéc-múc mà không gõ cửa. "Nhanh lên!" — họ giục. Xéc-múc còn hỏi: "Ít nhất tôi cũng được xỏ đôi ủng da chứ?", vì anh đang đi dép. Rồi lại nghe những bước chân rón rén, nhẹ nhàng và sau đó, bầu không khí yên tĩnh lại được khôi phục như cũ. Cuối cùng, người gác cổng khóa cánh cửa phòng, nơi mà Xéc-múc vừa ra đi. Chúng tôi không bao giờ gặp lại anh nữa. Anh bị giam vài tuần trong nhà hầm của tòa nhà G.P.U. vùng Anma-Ata cùng với những tù thường phạm, chỉ được nhận khẩu phần ăn chết đói; rồi anh bị chuyển đi Mátxcova, mỗi ngày chỉ được 25 cô-pếch tiền ăn. Ngân ấy tiền chẳng đủ để mua bánh mì.

Sau này chúng tôi được biết Pôdonanxki cũng bị bắt trong thời gian ấy ở Tasken và cũng bị chuyển về Mátxcova. Chừng ba tháng sau chúng tôi nhận được tin của họ từ chôn lưu đây. Nhờ một may mắn ngẫu nhiên khi họ bị áp giải từ Mátxcova đi về phía Đông, họ lại gặp nhau trong một toa tàu và ngồi đối diện nhau. Hai con người từng xa nhau một thời gian, gặp gỡ nhau để rồi lại xa nhau lần nữa: mỗi người bị đày ải một nơi khác nhau.

Như vậy L.Đ. thiếu những cộng tác viên. Kẻ địch trả thù họ không thương tiếc vì họ đã cùng L.Đ. phụng sự trung thành cách mạng. Từ năm 1924, Goladoman, con người đáng yêu và khiêm tốn đã bị dồn đến chỗ phải tự vẫn. Xéc-múc và Pôdonanxki bị đi đày. Butốp [Boutov] — con người điềm đạm và chăm chỉ — bị bắt giam. Người ta muốn anh khai ra những lời giả mạo, anh luôn bị bỏ đói đến khi bỏ mạng trong một bệnh xá nhà tù. Thế là cuối cùng, người ta phá tan "ban thư ký" mà những kẻ thù của L.Đ. căm thù một cách kỳ bí và coi đó như nguồn gốc của mọi tai họa. Kẻ thù cho rằng L.Đ. giờ đây đã vĩnh viễn bị tước vũ khí ở vùng Anma-Ata xa xăm. Vô-rô-silốp công khai khoe khoang trước công chúng: "Nếu hắn chết ở đó, chúng tôi cũng chẳng biết tin ngay!"

Nhưng L.Đ. không bị tước vũ khí. Chúng tôi thành lập một "tổ hợp tác" ba người. Con trai chúng tôi được giao nhiệm vụ trước nhất là tổ chức mối quan hệ với thế giới bên ngoài. Nó giải quyết việc trao đổi thư tín của chúng tôi. L.Đ. lúc gọi nó là bộ trưởng Ngoại giao, lúc gọi là bộ trưởng Bộ Bru chính và Điện tín. Chẳng mấy chốc, phạm vi quan hệ thư từ của chúng tôi mở ra rất rộng và đè nặng lên đôi vai Liôva. Nó còn là người đóng vai trò hộ vệ. Nó tập hợp các tài liệu cần thiết cho công việc của

L.D; nó lục lọi trong thư viện, tìm các sách báo cũ, ghi chép lại các văn bản. Nó đàm phán với các thủ trưởng địa phương, tổ chức những cuộc đi săn, chăm sóc chó săn và lau chùi súng ống. Ngoài ra, nó còn chăm chỉ tự học hỏi, nghiên cứu địa dư kinh tế và học các ngoại ngữ...

Sau khi chúng tôi đến vài tuần, công tác khoa học và chính trị của L.Đ. đã được tiến hành hết tốc lực. Về sau Liôva cũng tìm được một nữ thư ký. Cục G.P.U. không đụng đến chị, nhưng chắc chắn là họ buộc chị phải báo cáo lại tất cả những gì chị viết ở nhà chúng tôi. Sẽ vô cùng thú vị nếu chúng ta được đọc những bản báo cáo của cô gái này, vốn không mấy thông thạo trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa trót-kít.

Tuyết ở Anma-Ata đẹp, trắng muốt, tinh khiết và khô ráo; mọi người ít đi lại, không có xe cộ máy, thành thử tấm thảm tuyết giữ nguyên vẻ trong trắng suốt mùa đông. Rồi xuân đến, tuyết được thay thế bằng hoa mào gà đỏ. Biết bao nhiêu là hoa! Thảo nguyên được phủ bằng những tấm thảm hoa khổng lồ trải dài mấy cây số, đầu đầu cũng một màu đỏ thắm. Mùa hè có rất nhiều táo, thứ táo Anma-Ata nổi tiếng, loại táo địa phương to và đỏ. Trong thành phố không có hệ thống nước, không có điện, không có đường cái. Ở khu chợ trung tâm, trong vũng bùn, trên bậc thềm các hiệu buôn nhỏ, những người Kiécghidi [Kirghiz] nằm ngòai tắm nắng và tìm chấy rận trên người họ. Bệnh sốt rét hoành hành kinh hoàng. Có cả những ca dịch hạch ở đây, mùa hè có rất nhiều chó dại và báo chí thường đưa tin về bệnh hủi... Vậy mà chúng tôi sống thoải mái qua mùa hè ấy. Chúng tôi thuê một lán gỗ dưới chân núi của một người làm vườn, từ đó có thể nhìn thấy những rặng núi thoải thoải thuộc dãy Thiên Sơn tuyệt phủ. Cùng chủ nhân và gia đình ông, chúng tôi theo dõi mùa trái chín và tham gia tích cực việc thu hoạch. Khu vườn trải qua nhiều giai đoạn. Thoạt đầu nó đầy hoa trắng, rồi các cành cây nặng dần lên, trĩu quả chín dựa vào các gậy chống. Sau đó, trái cây rụng làm thành một tấm thảm sặc sỡ phủ kín gốc cây, các lớp rạ và các cây táo trút được gánh nặng lại vươn cành lên; hương vị táo chín, lê chín tỏa khắp khu vườn, lữ ong và vò vẽ bay nhộn nhịp. Chúng tôi nấu mứt.

Vào tháng Sáu, tháng Bảy, trong vườn táo tây, trong căn nhà nhỏ mái phủ bằng những cây lau đan chéo, công việc được tiến hành ráo riết, máy chữ lách tách không ngừng: đây là cảnh tượng chưa từng có ở vùng này. L.Đ. đọc cho viết bản phê bình cương lĩnh của Quốc tế Cộng sản, anh sửa chữa rồi đánh máy lại. Thư từ đến rất nhiều, mỗi ngày mười, mười lăm lá, một số lượng lớn các luận đề, nhận xét phê bình, luận chiến nội bộ, tin tức báo chí từ Mátxcova, vô số điện tín về các vấn đề chính trị, sức khỏe. Những vấn đề lớn của chính sách toàn cầu lẫn lộn với các vụ việc địa phương, có tầm quan trọng nhỏ hơn, nhưng xem ra cũng rất có ý nghĩa. Thư từ của Xôx nôpxki lúc nào cũng đá động đến các đề tài chính trị cấp thời, được viết với phong cách nhiệt tình và mãnh liệt thường thấy ở anh. Chúng tôi sao chép lại những bức thư tuyệt tác của Racốppxki và gửi đi cho những người khác. Căn phòng nhỏ có trần thấp bề bộn bàn ghế, trên đó là những tập bản thảo, cặp giấy, báo chí, sách vở, ghi chép, những mẫu cắt ra từ báo. Nhiều ngày liền, Liôva không bước chân ra khỏi căn phòng nhỏ của nó, nằm cạnh chuồng ngựa: nó đánh máy, sửa những tài liệu do cô thư ký đánh máy, dán phong bì, gửi thư, phân loại thư từ nhận được và tìm những trích đoạn cần thiết. Một người tàn tật đi ngựa mang thư từ thành phố về cho chúng tôi. Tối tối, L.Đ. thường xuyên lên ngựa, mang súng và dẫn chó săn lên núi, đôi lúc tôi hoặc Liôva cũng đi cùng anh. Họ đem về chim cút, bồ câu rừng màu xám, gà gô đỏ hoặc gà lôi. Mọi việc đều tốt đẹp cho đến cơn sốt rét gằn nhất.

Chúng tôi sống một năm như thế ở Anma-Ata, thành phố của những trận động đất và lụt lội, dưới chân rặng Thiên Sơn. Nơi lưu đày của chúng tôi ở cạnh biên giới Trung Quốc, cách tuyến đường sắt 250 cây số, cách Mátxcova bốn ngàn cây số. Chúng tôi sống với thư từ, sách vở và thiên nhiên.

Mặc dù bất cứ lúc nào chúng tôi cũng chạm mặt những người bạn phải giấu kín

tình cảm của mình (còn quá sớm để nói về họ), bên ngoài chúng tôi hoàn toàn bị cô lập với dân chúng địa phương bởi bất cứ ai tìm cách tiếp xúc với chúng tôi đều bị trừng phạt, đôi khi bị đàn áp rất nặng nề...

Tôi xin bổ sung vài trích đoạn trong thư từ tôi hồi đó vào các ghi chép của vợ tôi. Ngày 28 tháng hai, ngay sau khi đến nơi, tôi viết cho vài người bạn của tôi bị đi đày:

Bởi lẽ chính phủ Cadăcxtan [Kazakstan] sắp đặt thủ phủ tại đây, người ta đưa mọi căn hộ vào hồ sơ đăng ký. Chỉ nhờ kết quả những bức điện tín do tôi trút lên đầu các vị tai to mặt lớn cấp cao ở Mátxcova mà sau ba tuần ở khách sạn, cuối cùng chúng tôi mới được chuyển vào một căn hộ. Chúng tôi mua một vài thứ đồ gỗ, sửa lại cái bếp lò bị hư hỏng và nói chung, chúng tôi phải lo việc xây dựng nằm ngoài mọi kế hoạch: tất cả gánh nặng đè lên vai Natalia Ivanópna [Natalia Ivanovna] và Liôva. Công việc xây dựng đến nay vẫn chưa kết thúc: bếp lò vẫn chưa chịu nóng...

Tôi nghiên cứu nhiều về châu Á: địa lý, kinh tế, lịch sử và nhiều thứ khác... Báo chí ngoại quốc thiếu thốn vô cùng. Tôi đã viết thư cho vài nơi yêu cầu họ gửi báo nước ngoài cho tôi, kể cả những tờ không mới nhất. Bưu điện ở đây quá chậm trễ và có vẻ rất thất thường...

Hoàn toàn không thể hiểu nổi vai trò của đảng Cộng sản Ấn Độ. Báo chí đưa những tin nhanh về các buổi gặp mặt tại một số tỉnh của "đảng công-nông". Ngay bản thân tên gọi ấy cũng đem lại mối lo ngại chính đáng cho mọi người. Bởi thời xưa Quốc dân đảng (Trung Quốc) cũng được tuyên truyền như một chính đảng công-nông. Chớ để quá khứ lặp lại!

Rốt cục mâu thuẫn đối kháng Anh — Mỹ cũng đã bộc lộ ra một cách trầm trọng. Giờ đây dường như Xtalin và Bukharin cũng đã bắt đầu hiểu điều gì đã xảy ra. Tuy nhiên, báo chí chúng ta đơn giản hóa vấn đề khá nhiều. Các sự việc được trình bày như thể các mâu thuẫn thường xuyên trở nên sâu sắc hơn giữa Anh và Mỹ sẽ trực tiếp dẫn đến chiến tranh. Chúng ta có thể quả quyết rằng trong quá trình này còn phải có một vài bước ngoặt nữa. Đối với cả hai phe, chiến tranh là một trò chơi quá nguy hiểm. Người ta sẽ còn làm một vài thử nghiệm để thỏa thuận và hòa hoãn với nhau. Nhưng nói chung, tình hình sẽ tiến triển những bước khổng lồ về phía một kết cục đẫm máu.

Giữa đường, lần đầu tiên trong đời tôi đọc tác phẩm đá kích *Herr Vogt* (Ngài Phốctơ) của Mác. Đề bác bỏ hàng tá những khẳng định vu khống của Các Voốctơ [Karl Vogt], Mác đã viết một cuốn sách chữ nhỏ dài hai trăm trang. Ông thu thập các tư liệu, các lời khai nhân chứng, xem xét các bằng chứng trực tiếp và gián tiếp... Đồng chí nghĩ gì nếu chúng ta cũng bác bỏ những lời vu khống của phái xta-lin-nít, cũng chi tiết, tỉ mỉ như thế? Chắc chắn chúng ta phải xuất bản một bộ bách khoa toàn thư hàng ngàn tập...

Tháng Tư, tôi chia sẻ với những người "trong cuộc" niềm vui và nỗi buồn của việc đi săn:

Chúng tôi cùng đi với con trai tôi ra sông Ili, quyết định phải tận dụng triệt để mùa xuân này. Lần này chúng tôi mang theo lều, chăn dạ, áo lông v.v... để khỏi phải ngủ đêm trong những lều trại của dân du mục... Nhưng tuyết lại bắt đầu rơi, đông thành băng. Có thể gọi những ngày ấy là những ngày thử thách lớn. Đêm đêm, trời lạnh âm tám, âm mười độ. Dầu vậy, trong vòng chín ngày chúng tôi không vào một nhà gỗ nào. Nhờ đồ lót ấm và nhiều áo quần mặc ngoài ấm áp, chúng tôi hầu như không bị lạnh. Nhưng ủng của chúng tôi đêm nào cũng đóng băng, chúng tôi phải hơ trên lửa, không thì không thể xỏ vào chân được. Những ngày đầu chúng tôi đi săn trong đầm lầy, sau đó trên một cái hồ thoáng đãng. Trên một gò đất to, đầy cây cỏ, nhô lên ở giữa đầm lầy, chúng tôi làm một cái chòi nhỏ để săn vịt và mỗi ngày ở đó mười, mười hai tiếng đồng hồ. Liôva thì đứng nấp trong bãi lau sậy để rình.

Do thời tiết không thuận lợi và các loài chim bay đến thất thường, cuộc đi săn — nếu chỉ tính đến chuyện săn bắn — không thật thành công. Chúng tôi mang về nhà

hơn bốn mươi con vịt trời và một đôi ngỗng trời. Tuy nhiên, chuyến đi ấy làm cả hai chúng tôi vô cùng thích thú, chủ yếu là để con người ta trở lại thửa hoang sơ: chúng tôi ngủ ngoài trời, ăn thịt cừu nấu trong một cái xô, không tắm rửa, không cởi quần áo và do đó không phải mặc lại, tôi bị ngã từ ngựa xuống sông (đây là lần độc nhất tôi phải cởi quần áo giữa nắng trưa nóng bỏng), hầu như ở dưới nước suốt hai mươi tư tiếng, trong một nhà sàn nhỏ dựng trên mặt nước, giữa đám lau sậy. Tất cả những điều nói trên, ít khi người ta được sống. Khi trở về nhà, chúng tôi không thấy nóng đầu sỏ mũi, nhưng ngay hôm sau tôi đã bị ốm và phải nằm suốt một tuần.

Đạo này, dần dần chúng tôi bắt đầu nhận được báo chí ngoại quốc từ Mátxcova và Axtorakhan do Racốpxki gửi. Hôm nay tôi nhận được thư anh. Anh đang làm một luận án về học thuyết Xanh-Ximôn [Saint-Simon] cho Học viện Mác-Ăngghen [Engels], ngoài ra anh còn viết hồi ký. Ai biết chút ít về cuộc đời Racốpxki, người ấy có thể đoán được những hồi ức của anh sẽ gây nên sự quan tâm lớn lao như thế nào.

Ngày 24 tháng Năm, tôi viết cho Prêôboragiexki, lúc đó đã rất dao động:

Sau khi nhận được các luận đề của đồng chí, tôi không viết cho ai về chúng. Ba hôm sau, tôi nhận được bức điện sau đây từ Canpasốp [Kalpachov]:

"Chúng tôi cương quyết bác bỏ những đề nghị và đánh giá tình hình của Prêôboragiexki. Hãy trả lời ngay. Xminga, Anxki [Alsky], Nhêtraiép."

Hôm qua, lại có một bức điện gửi từ Útxchi-Culôm [Ousti-Koulom]:

"Chúng tôi thấy những đề nghị của Prêbagiexki là sai trái. Biêlôbôrôđốp, Valenchinốp [Valentinov]."

Hôm qua tôi nhận được thư của Racốpxki trong đó anh ấy không khen ngợi đồng chí lắm mà đánh giá quan hệ của đồng chí với "đường lối tá khuynh" xta-lin-nít bằng câu châm ngôn Anh "hãy chờ và xem" — "wait and see". Cũng hôm qua, tôi nhận được thư của Biêlôbôrôđốp và Valenchinốp. Cả hai đều hết sức lo ngại về một lá thư nào đó do Rađéc gửi về Mátxcova, hoàn toàn phản ánh một tâm trạng chán nản. Họ rất bức tức và làm om sòm. Nếu họ trình bày cho tôi biết chính xác nội dung bức thư Rađéc, tôi hoàn toàn đoàn kết với họ. Tôi không đề nghị khuyến khích những kẻ thất thường.

Từ khi đi săn về, nghĩa là từ cuối tháng Ba, tôi không hề bước chân ra khỏi nhà, tôi thường xuyên ngồi với cuốn sách hay cây bút trong tay, từ bảy, tám giờ sáng đến mười giờ tối. Tôi có ý định nghỉ ngơi vài ngày: vì bây giờ không phải mùa săn bắn, tôi sẽ đi câu cá trên sông Ili cùng Natalia Ivanópna và Xêriôgia (lúc này đang ở đây). Tôi sẽ kể cho đồng chí việc này một cách kịp thời.

Đồng chí có hiểu việc gì đang xảy ra ở Pháp trong các cuộc bầu cử không? Hiện tại tôi chưa hiểu gì cả. Tờ *Prápđa* không đăng tải cả đến tổng số cử tri so với các cuộc bầu cử trước đây, vì thế không thể biết tỷ lệ những người cộng sản tăng hay giảm. Thế nào đi nữa tôi cũng phải bắt tay nghiên cứu vấn đề này một cách kỹ càng từ báo chí nước ngoài, đến lúc đó rồi tôi sẽ viết.

Ngày 26 tháng Năm, tôi viết cho Mikhain Ôcútgiava [Mikhail Okoujava], một người bôn-sê-vích cựu trào xứ Grudia:

Bởi lẽ đường lối mới của Xtalín xác định những nhiệm vụ cần phải thực hiện, chắc chắn sẽ là một thử nghiệm để xích lại gần lập trường của chúng ta. Tuy nhiên trong chính trị, không chỉ có *cái gì*, mà *cái thế nào* và *ai* cũng là yếu tố quyết định. Những cuộc đấu tranh có tầm quan trọng quyết định số phận cách mạng còn ở trước mặt chúng ta...

Chúng tôi bao giờ cũng nhận định và chúng tôi đã nhấn mạnh nhiều lần rằng không thể hình dung quá trình trượt dài chính trị của phe phái thống trị là một đường biểu diễn liên tục đi xuống. Và lại, sự trượt dài không diễn ra trong chân không, mà trong một xã hội có giai cấp với những mâu thuẫn nội tại sâu sắc. Quân chúng chủ yếu

của đảng hoàn toàn không phải là một khối thống nhất bền vững, đại đa số chỉ có thể coi như một thứ nguyên liệu chính trị. Các quá trình phân hóa trong đảng là không thể tránh khỏi, dưới tác động những động lực giai cấp cùng đến từ phía hữu cũng như phía tả. Những sự kiện căng thẳng diễn ra trong đảng vào giai đoạn cuối này mà chúng ta — các đồng chí và chúng tôi — phải cùng nhau chịu đựng hậu quả của chúng, chỉ là khúc dạo đầu cho quá trình tiến triển sau này của các sự kiện. Cũng như khúc mở màn của một vở nhạc kịch cho thấy trước mọi đề tài âm nhạc của cả vở và báo hiệu chúng dưới dạng cô đọng, "khúc dạo đầu" chính trị của chúng ta chỉ mới cho biết trước những giai điệu, sau này sẽ được triển khai toàn diện: chúng sẽ lên tiếng với sự phối hợp của các kèn đồng, dàn công-tơ-rô-bát, trống và mọi nhạc cụ khác của âm nhạc cổ điển. Tiến trình của các sự kiện chứng tỏ một cách không thể chối cãi được rằng chúng tôi đã có lý và vẫn còn có lý, không chỉ đối với những kẻ dao động và lập lờ hai mặt — tức là những Dinôviép, Camênhép, Piatacốp và những vị tương tự —, mà còn với cả những ông bạn quý "cánh tả", những phần tử cực tả tâm trạng mập mờ, những kẻ có khuynh hướng coi bản đạo đầu là vở nhạc kịch chính, tức là nghĩ rằng tất cả các quá trình chủ yếu trong đảng và trong nhà nước đã kết thúc, và Tháng Nóng — điều mà họ nghe lần đầu trong đời từ chúng tôi — đã là một thực tế hoàn chỉnh... Chớ mất bình tĩnh. Đừng khiến bản thân và người khác phải cáu giận. Chúng ta hãy học tập, chờ đợi, chăm chú theo dõi các sự kiện và chớ để đường lối chính trị của chúng ta bị han rỉ bởi những bức tức cá nhân: đường lối hiện nay của chúng ta là như thế.

Ngày 9 tháng Sáu, Nhina [Nina], con gái tôi, đồng thời là người bạn trung thành đồng lý tưởng của tôi mất ở Mátxcova. Nó mới hai mươi sáu tuổi. Chồng nó đã bị bắt giữ trước khi tôi bị đi đày không lâu. Con gái tôi tiếp tục công tác đối lập đến tận ngày nó phải nằm viện. Bệnh lao phổi cấp tính tấn công và cướp nó đi trong vòng vài tuần lễ. Lá thư nó viết trong bệnh viện lênh đênh 73 ngày trên đường và chỉ đến chỗ chúng tôi khi nó đã mất.

Ngày 16 tháng Sáu, Racốpxki gửi cho tôi bức điện tín sau:

Nhận được thư của cậu hôm qua về bệnh tật trầm trọng của Nhina. Tôi đã đánh điện cho Alêchxandora Gorigôriépna [Alexandre Guéorguievna] (vợ Racốpxki) ở Mátxcova. Hôm nay tôi biết qua các báo rằng Nhina đã kết thúc cuộc đời đấu tranh cách mạng ngắn ngủi của nó. Bạn thân mến, từ sâu thẳm trái tim mình, tôi đồng cảm với cậu, thật đau đớn vì có một khoảng cách không vượt qua nổi đang chia cách chúng ta. Nồng nhiệt ôm hôn cậu nhiều lần. Khorítxchian [Christian].

Hai tuần sau, tôi nhận được một lá thư của Racốpxki:

Bạn thân mến, tôi vô cùng buồn bã vì cái chết của Nhinôsca [Ninotchka], vì cậu, vì hai vợ chồng cậu. Từ lâu cậu đã mang cây thánh giá nặng nề của người cách mạng mác-xít, nhưng giờ đây lần đầu tiên cậu phải trực diện với nỗi buồn vô tận của người cha. Bằng tất cả trái tim, tôi đồng cảm với cậu, tôi vô cùng buồn bã vì phải ở xa cậu đến thế...

Chắc hẳn Xêriôgia đã kể cho cậu nghe, người ta đã dùng những biện pháp trừng phạt phi lý đến mức nào với các bạn hữu của cậu, sau khi đã đối xử ngu xuẩn với cậu ở Mátxcova. Tôi đến nhà cậu nửa tiếng sau khi cậu ra đi. Một nhóm các đồng chí tụ tập trong phòng khách, đa phần là phụ nữ. Trong số đó có cả Muralốp. "Ai là công dân Racốpxki ở đây?" — chợt tôi nghe tiếng hỏi. "Tôi đây, ông cần gì?" "Đi theo tôi!" Người ta dẫn tôi qua lối đi tắt, vào một phòng nhỏ. Trước khi bước vào, họ ra lệnh cho tôi giơ tay lên. Rồi người ta khám các túi tôi và bắt giam tôi. Năm giờ chiều tôi mới được thả. Sau khi tôi đi, Muralốp cũng bị đối xử tương tự. Anh bị giữ lại đến đêm khuya... "Bọn họ đã mất trí" — tôi tự nhủ và không cảm thấy giận dữ mà thấy tủi hổ cho các đồng chí của chúng ta.

Tôi viết những dòng sau cho Racốpxki ngày 14 tháng Bảy:

Khorítxchian Ghêoócghiêvích thân mến! Lâu lắm rồi tôi không viết cho cậu cũng

như cho các bạn khác, toàn bộ quan hệ thư từ của tôi chỉ hạn chế ở chỗ gửi đi những bài viết của mình. Sau khi từ sông Ili về, ở đó lần đầu tiên chúng tôi nhận được tin Nhina ốm nặng, lập tức chúng tôi chuyển đến một nhà nghỉ. Vài ngày sau tôi được tin Nhina mất ở đây. Cậu hiểu điều đó có nghĩa gì với chúng tôi... Nhưng, không thể chậm trễ, phải chuẩn bị các tư liệu của chúng ta cho Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản. Thật khó khăn. Nhưng mặt khác, sự cần thiết phải hoàn thành công việc này bằng bất cứ cách nào lại tác động đến tôi như một thứ cao dán giảm đau và giúp tôi chịu đựng được những tuần lễ đầu nặng nề nhất.

Trong suốt tháng Bảy, chúng tôi đợi Dinusca [Zinouchka] (con gái đầu của chúng tôi) đến đây. Nhưng đáng tiếc chúng tôi phải từ bỏ ý định ấy. Ghêchiê cương quyết đòi Dina [Zina] phải vào nằm trong một viện điều dưỡng phổi. Nó đã mắc bệnh lao từ lâu, hơn nữa, nó còn chăm sóc Nhinútsoxa [Ninoutchka] trong ba tháng cuối, khi các bác sĩ đã bỏ mặc em gái nó và vì thế tình trạng sức khỏe của nó đã bị suy sụp nghiêm trọng...

Bây giờ nói về công cuộc chuẩn bị đại hội. Tôi quyết định bắt đầu với việc phê phán dự án cương lĩnh bằng cách xem xét tất cả các vấn đề đã đối lập chúng ta với ban lãnh đạo chính thức. Kết quả là tôi vừa viết xong một cuốn sách nhỏ, dày mười một "trang tác giả". Tóm lại tôi tổng kết trong đó những gì chúng ta đã cùng nhau thực hiện trong năm năm cuối này, từ khi Lênin rời khỏi sự lãnh đạo đảng và nhóm kế nghiệp đặc thắng, không gì ngăn cản nổi; ban đầu họ còn sống bằng lãi suất của số vốn liếng cũ, nhưng chẳng bao lâu họ ăn vào cả vốn.

Về lời kêu gọi của tôi gửi đại hội, tôi đã nhận được vài chục bức điện tín và thư từ. Việc thống kê các phiếu vẫn chưa xong. Dù sao đi nữa, chỉ có ba phiếu (trên hàng trăm phiếu) ủng hộ các luận đề của Prêôboragienxki...

Rất có thể liên minh Xtalin với Bukharin và Rucốp còn được duy trì ở đại hội này một vẻ bề ngoài thống nhất để làm một thử nghiệm vô vọng cuối cùng nhằm đề lên chúng ta tấm bia "vĩnh viễn" dành cho người quá cố. Nhưng chính cố gắng mới ấy và thất bại không thể tránh khỏi của nó có thể sẽ thúc đẩy rất nhanh quá trình phân hóa trong nội bộ liên minh bởi chỉ sau ngày đại hội, câu hỏi "sau đó sẽ đi về đâu?" sẽ còn được đặt ra gay gắt hơn. Thử hỏi phải trả lời như thế nào cho câu hỏi này? Sau khi đã bỏ lỡ tình thế cách mạng ở Đức năm 1923, chúng ta được bù lại bằng một sự chuệch choạc cực tả vô cùng sâu sắc vào năm 1924-1925. Đường lối cực tả của Zinôviép sống dậy bằng thứ bột nở của cánh hữu: đấu tranh chống những người đòi hỏi công nghiệp hóa, liên minh với Radích [Raditch], La Phôléttrê [La Folette], với Quốc tế Nông dân, với Quốc dân đảng... Khi cuối cùng, cánh cực tả cũng đuối sức vì những cố gắng vô ích, cũng thứ bột nở của cánh hữu ấy làm dấy lên một đường lối hữu khuynh. Chúng ta cũng không thể loại trừ khả năng "tái diễn" những sự kiện ấy trong một chặng đường mới, nói cách khác, không thể loại trừ một lần sóng mới của *chủ nghĩa cực tả dựa trên cũng những tiền đề cơ hội ấy*. Tuy nhiên, những lực lượng kinh tế tiềm ẩn có thể phá vỡ trào lưu cực tả này và thúc đẩy nó đi những bước quyết định về phía hữu.

Tháng Tám 1928, tôi viết cho nhiều đồng chí:

Chắc chắn các đồng chí đã để ý, các báo chí của chúng ta tuyệt đối không đăng tải phản ứng của báo chí châu Âu và Mỹ về các sự kiện xảy ra trong nội bộ đảng ta. Bản thân việc này nhắc nhở cho chúng ta thấy: phản ứng nói trên không đồng nhất với những yêu cầu của "đường lối mới". Bây giờ không chỉ là những giả thuyết, mà tôi đã có một bằng chứng báo chí vô cùng rõ ràng. Đồng chí Andorâysin [Andreitchine] gửi cho tôi một trang báo lấy từ số tháng Hai của tờ tạp chí Mỹ *Nation* (Quốc gia). Sau khi trình bày vắn tắt những sự kiện mới nhất xảy ra ở Nga, tờ tạp chí dân chủ cánh tả xuất sắc ấy nói như sau:

"Tất cả những điều đó đặt lên hàng đầu vấn đề sau đây: ai đại diện cho sự tiếp tục cương

lĩnh bôn-sê-vích ở nước Nga và ai đại diện cho thế lực phản động, chống lại cương lĩnh ấy một cách không tránh khỏi? Độc giả Mỹ bao giờ cũng cho rằng Lênin và Trótxki đại diện cho cùng một sự nghiệp; báo chí bảo thủ cũng như các chính khách cũng cùng đi đến kết luận như vậy. Như thế, chẳng hạn tờ *Times* (Thời báo) ở Niu Oóc đã thấy việc đem lại niềm mừng lớn nhất cho năm mới là sự kiện Trótxki bị khai trừ khỏi đảng cộng sản, đồng thời đảng tuyên bố không úp mở 'phe đối lập bị trục xuất bởi nó có quan điểm muốn kéo dài mãi những tư tưởng và thể chế đã tách biệt nước Nga khỏi nền văn minh phương Tây'.

Phần lớn các báo chí châu Âu cũng có cùng một giọng điệu. Như người ta nói, trong thời gian diễn ra hội nghị Giơnevơ, ngài Ôxtin Trembéclen [Austen Chamberlain] đã tuyên bố nước Anh không thể bước vào đàm phán với nước Nga chỉ vì một lý do đơn giản: 'Trótxki vẫn chưa bị dồn vào chân tường'. Trembéclen bây giờ chắc hẳn phải hài lòng vì Trótxki đã bị đẩy biệt xứ... Dù sao đi nữa, những đại diện cho phe phản động ở châu Âu đều nhất trí trong quan niệm chính Trótxki, chứ không phải Xtalin, là kẻ thù cộng sản số một của họ."

Bài viết đó tự nói lên tất cả, phải không các đồng chí?

Tôi xin viện dẫn một chút thống kê từ các ghi chú của con trai tôi. Từ tháng Tư đến tháng Mười 1928, chúng tôi đã gửi đi 800 lá thư chính trị, trong số đó có một loạt công trình khá dài hơi, và gần 550 bức điện tín. Chúng tôi đã nhận được hơn một ngàn bức thư chính trị dài ngắn khác nhau và gần 700 điện tín, đại đa số là do các tập thể gửi tới. Tất cả những quan hệ thư từ chủ yếu là với những người bị đi đày, nhưng từ nơi lưu đày, nó lọt đến cả các vùng còn lại của đất nước. Thế nhưng, vào những tháng thuận lợi nhất cũng chỉ độ phân nửa số thư từ đến được tay chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi còn nhận được tám, chín bưu kiện bí mật, nghĩa là tài liệu và thư từ bất hợp pháp; chúng được những liên lạc viên chuyển giao. Chúng tôi cũng gửi lại ngân ấy về Mátxcova. Quan hệ thư từ bí mật liên tục cho chúng tôi biết mọi việc và tạo điều kiện cho chúng tôi phản ứng lại các sự kiện quan trọng nhất, mặc dù có thể rất chậm trễ.

Đến mùa thu, sức khỏe tôi giảm sút. Tin đồn về việc này lan đến Mátxcova. Các công nhân liền đặt những câu hỏi tin trong các phiên họp. Các diễn giả chính thức không nghĩ ra điều gì hay ho hơn là tuyên bố trạng thái sức khỏe của tôi thuộc loại "dồi dào" nhất.

Ngày 20 tháng Chín 1928, vợ tôi gửi bức điện sau đây cho Úclanốp [Ouglanov], lúc đó là bí thư thành ủy Mátxcova:

Trong phiên họp của thành ủy Mátxcova, ông nói về căn bệnh *giả tưởng* của chồng tôi, Lép Đavíđôvích Trótxki. Để trả lời sự lo lắng và phản đối của nhiều đồng chí, ông tức tối thông báo: "Thấy chưa, bây giờ người ta dùng cả đến những phương tiện như thế!" Vậy theo ý ông, những biện pháp không xứng đáng được sử dụng, không do những kẻ đã đày ải các bạn chiến đấu của Lênin và bắt họ phải chịu bệnh tật, mà do những người đã phản đối việc làm đó. Dựa trên cơ sở nào và trên quyền hạn nào mà ông thông báo với đảng, với người lao động, với toàn thế giới rằng những tin tức về bệnh trạng của Lép Đavíđôvích là giả trá? Bởi lẽ bằng việc này, ông đã lừa dối đảng. Trong kho lưu trữ của Ban Trung ương, có những kết luận của các bác sĩ giỏi nhất của chúng ta về tình trạng sức khỏe của Lép Đavíđôvích. Các bác sĩ đó đã hội chẩn nhiều lần theo ý kiến đề xuất của Voladimíia Ilích. Ông là người quan tâm nhiều nhất đến sức khỏe của Lép Đavíđôvích. Những cuộc hội chẩn này, được họp cả sau khi Lênin qua đời, đã xác định Lép Đavíđôvích bị viêm ruột kết và bị bệnh thống phong chân do rối loạn trao đổi chất. Có lẽ ông biết tháng Năm 1926, Lép Đavíđôvích đã phải mổ ở Béclin để thoát khỏi căn bệnh sốt đã hành hạ anh từ nhiều năm nay, nhưng ca phẫu thuật ấy đã không thành công. Viêm ruột kết và thống phong chân không phải là những chứng bệnh tự nhiên lành, nhất là ở Anma-Ata. Chúng chỉ có thể nặng lên với thời gian. Người ta chỉ duy trì được tình trạng sức khỏe ở một mức nào đó nếu có một chế độ sống điều hòa và khả năng điều trị thích hợp. Cả hai thứ đó đều không có ở Anma-Ata. Ông có thể tìm hiểu thêm về chế độ sống và phương pháp điều trị cần thiết bằng cách hỏi dân ủy Bộ Y tế Xêmascô [Sémachko], người đã nhiều lần tham gia các cuộc hội chẩn được tổ chức theo chỉ thị của Voladimíia Ilích. Ngoài ra ở đây Lép Đavíđôvích còn mắc bệnh sốt rét, căn bệnh này sau đó lại tác động đến viêm ruột kết và thống phong, đôi lúc gây nên những cơn nhức đầu dữ dội. Có những tuần,

những tháng khi trạng thái sức khỏe của anh khá lên, rồi lại đến những tuần, những tháng ốm đau trầm trọng. Đây là tình trạng thực sự. Các ông đã đày ải anh theo điều luật 58, như một phần tử phản cách mạng. Còn có thể hiểu được nếu các ông tuyên bố không quan tâm đến sức khỏe của anh. Trong trường hợp này, đơn giản các ông chỉ nhất quán với một sự liên tục có tính hủy diệt, chẳng những sẽ đưa các nhà cách mạng ưu tú nhất mà còn dẫn cả đảng và cách mạng đến nằm mồ, nếu các ông không ngừng lại. Nhưng ngay ở đó, chắc hẳn vì áp lực của dư luận công nhân, các ông không dám đi đến cùng. Đáng lẽ nói thẳng ra là sự đau ốm của Trótxki rất có lợi cho các ông vì nó cản trở anh suy nghĩ và viết, các ông chỉ đơn thuần phủ nhận nó. Trong các bài phát biểu, Calinhin, Mólôtốp và những người khác cũng hành động như thế. Việc các ông *buộc phải* trả lời vấn đề này trước quần chúng và tìm cách tránh né một cách không xứng đáng như thế, chứng tỏ rõ ràng rằng giai cấp công nhân không tin vào những lời vu cáo chính trị nhắm vào con người Trótxki. Và rồi họ cũng sẽ không tin vào những dối trá mà các ông tung ra về tình trạng sức khỏe của Lép Đavidôvích.

N.I. Xêđôva-Trótxcaia

CHƯƠNG XLIV

LUU VONG

Kể từ tháng Mười, tình hình của chúng tôi biến chuyển một cách cơ bản. Mọi quan hệ của chúng tôi với các đồng chí, các bạn hữu, thậm chí với họ hàng thân thích ở Mátxcova đột ngột bị đình chỉ, thư từ và điện tín hoàn toàn không đến nữa. Như chúng tôi được biết qua những nguồn tin riêng, vài trăm bức điện gửi cho tôi chôn cất ở cục điện báo Mátxcova, nhất là nhân dịp kỷ niệm cách mạng tháng Mười. Vòng đai bao quanh chúng tôi ngày càng siết chặt.

Trong năm 1928, mặc dầu bị khủng bố ngày một lan tràn, phe đối lập sinh sôi nảy nở trông thấy, đặc biệt là trong các xưởng công nghiệp lớn. Điều đó dẫn đến một sự đàn áp ác liệt hơn nữa, và đặc biệt là sự cấm đoán triệt để trao đổi thư tín, ngay cả những thư tín giữa những người đi đày. Chúng tôi chờ đợi những biện pháp tương tự và chúng tôi đã không lầm.

Ngày 16 tháng Chạp, một đặc phái viên của G.P.U. đến từ Mátxcova thông báo cho tôi tối hậu thư của cơ quan này: tôi phải chấm dứt mọi hoạt động liên kết phe đối lập để tránh cho tôi những biện pháp "sẽ cô lập ông khỏi đời sống chính trị". Vấn đề trực xuất tôi ra nước ngoài không được đặt ra trong lời cảnh cáo này; trong chừng mực tôi hiểu được những điều họ muốn nói, đây là các biện pháp mang tính nội bộ. Tôi trả lời bức "tối hậu thư" này bằng một bức thư gửi Ban Trung ương đảng và Đoàn chủ tịch Quốc tế Cộng sản. Thiết tưởng cần trích dẫn ở đây phần cơ bản của lá thư:

Hôm nay, ngày 16 tháng Chạp, Vôlinxki [Volinsky], đặc phái viên của G.P.U. — nhân danh cơ quan này — đã trao cho tôi tối hậu thư miêng sau đây:

"Trong thời gian gần đây, hoạt động của ông và các đồng chí của ông trong toàn quốc — anh ta nói thế, đúng từng chữ — đã mang tính chất phản cách mạng không che giấu; những điều kiện được đảm bảo cho ông ở Anma-Ata cho phép ông hoàn toàn có khả năng chỉ đạo công việc này; nhận thấy điều đó, cơ quan G.P.U. đòi ông phải nhất quyết từ bỏ những hoạt động như thế; nếu không, cơ quan buộc phải thay đổi điều kiện sống của ông theo nghĩa cô lập hóa ông hoàn toàn khỏi đời sống chính trị; trong trường hợp này vấn đề chuyển đổi nơi ở của ông cũng được đặt ra."

Tôi tuyên bố với đặc phái viên của G.P.U. rằng tôi chỉ có thể đưa lại cho anh ta một câu trả lời *viết* nếu tôi nhận được tối hậu thư *viết* của G.P.U. từ anh ta. Tôi từ chối một câu trả lời *miêng* vì căn cứ vào toàn bộ quá khứ của tôi đến nay, tôi tin chắc những lời lẽ của tôi sẽ bị xuyên tạc để đánh lừa quần chúng lao động Liên Xô và toàn thế giới.

Tuy nhiên, bỏ ngoài cách xử sự sau này của cơ quan G.P.U., vốn không có vai trò độc lập trong toàn bộ vụ này mà chỉ thực hiện một quyết định cũ mà tôi đã biết từ lâu của một nhóm nhỏ những người theo chân Xtalin, tôi thấy cần phải báo cho Ban Trung ương và Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản những điều sau đây:

Yêu cầu tôi phải từ bỏ hoạt động chính trị có nghĩa là bắt tôi khước từ cuộc đấu tranh vì quyền lợi của giai cấp vô sản quốc tế mà tôi đã không ngừng tiến hành từ 32 năm nay, tức là từ khi tôi bước vào cuộc đời có ý thức. Mục toan biến hoạt động ấy thành "phản cách mạng" xuất phát từ những kẻ mà tôi buộc tội trước quần chúng vô sản quốc tế vì đã giẫm đạp lên những di huấn của Mác và Lênin, đã vi phạm những quyền lợi lịch sử của cách mạng thế giới, đã đoạn tuyệt với truyền thống và di sản Tháng Mười, đã chuẩn bị một cách vô ý thức — nhưng vì thế càng nguy hiểm hơn — cho một Tháng Nóng.

Khước từ hoạt động chính trị có nghĩa là ngừng cuộc đấu tranh chống ban lãnh đạo thiên cận hiện nay của đảng, chòng chát ngày càng nhiều những sai lầm chính trị lên những khó khăn khách quan của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa; nguồn gốc của sự việc ấy là do những kẻ cơ hội không đủ sức tiếp tục một đường lối chính trị vô sản có tầm cỡ lịch sử lớn;

có nghĩa là khước từ cuộc đấu tranh chống thể chế bóp nghẹt của đảng, phản ánh áp lực ngày càng tăng của các giai cấp thù địch lên bộ phận tiền phong vô sản;

có nghĩa là thụ động chịu đựng đường lối kinh tế cơ hội, phá hoại những nền tảng của nền chuyên chính vô sản và kìm hãm sự tăng trưởng vật chất và văn hóa của nó, đồng thời giáng một đòn tàn bạo vào liên minh công nông cần lao, cơ sở của chính quyền Xô-viết;

Cánh lê-nin-nít của đảng chịu đựng những đòn này từ năm 1923, tức là từ thất bại chưa từng có của cách mạng Đức. Song song với sức mạnh ngày càng tăng của những đòn ấy, giai cấp vô sản quốc tế và Xô-viết liên tiếp bị thất bại, đó là kết quả của một đường lối lãnh đạo cơ hội.

Sự nhận thức về lý thuyết và kinh nghiệm chính trị cho thấy giai đoạn thoái trào, thụt lùi của lịch sử — nghĩa là thời kỳ phản động — có thể xuất hiện, không chỉ sau một cuộc cách mạng tư sản mà cả sau cách mạng vô sản. Đã sáu năm nay, chúng ta sống ở Liên Xô trong những hoàn cảnh của một trào lưu phản động ngày một tăng chống lại Tháng Mười, và con đường biến chuyển dẫn đến Tháng Nóng tiếp tục được khai quang. Trong nội bộ đảng, khuynh hướng phản động này tập trung rõ rệt nhất và hoàn chỉnh nhất trong sự khủng bố dã man và sự thủ tiêu về mặt tổ chức đối với cánh tả.

Trong những cố gắng cuối cùng nhằm chống lại những kẻ công khai chủ trương Tháng Nóng, phe phái xta-lin-nít sống bằng những mảnh vụn và những vỏ bào của hệ thống tư tưởng phe đối lập. Sức sáng tạo của nó đã cạn kiệt. Cuộc đấu tranh chống cánh tả làm nó mất mọi yếu tố ổn định. Đường lối chính trị thực tiễn của nó đi chệch khỏi hướng, sai lầm, mâu thuẫn và mất xác tín. Chiến dịch ồn ào chống nguy cơ hữu khuynh ba phần tư chỉ mang tính chất bề ngoài, và trước hết để che giấu quần chúng một cuộc chiến tranh hủy diệt chống những người bôn-sê-vích lê-nin-nít. Giai cấp tư sản thế giới và chủ nghĩa men-sê-vích quốc tế giống nhau ở chỗ đã từ lâu, họ cùng công nhận rằng trong cuộc chiến này, "chân lý lịch sử" thuộc về phía Xtalin.

Nếu không có cái đường lối chính trị mù quáng, hèn hạ và kém cỏi ấy — vốn chỉ thích nghi với chế độ quan liêu và giai cấp tiểu tư sản —, tình thế của quần chúng lao động hẳn sẽ thuận lợi hơn trong năm thứ mười hai của nền chuyên chính, nền quốc phòng sẽ vững mạnh và đáng tin tưởng hơn rất nhiều; Quốc tế Cộng sản sẽ ở một trình độ hoàn toàn khác, sẽ không lùi hết bước này đến bước khác trước cánh xã hội — dân chủ phản bội và dễ bị mua chuộc.

Tính yếu ớt bệnh hoạn của những thể lực phản động thuộc bộ máy đảng — mặc

dầu vẽ bề ngoài hùng hậu của nó — là ở chỗ nó không biết việc nó làm. Nó thực hiện đơn đặt hàng của các giai cấp thù địch. Không có lời buộc tội lịch sử nào lớn hơn đối với một phe nhóm sinh ra trong cách mạng và đang quay lại chôn vùi cách mạng.

Sức mạnh lịch sử to lớn của phe đối lập — mặc dầu vẽ bề ngoài yếu đuối của nó — trong khoảng khắc này là ở chỗ nó bắt được mạch của quá trình lịch sử thế giới, thấy rõ tính năng động của các lực lượng giai cấp, tiên đoán và chuẩn bị một cách có ý thức cho ngày mai. Khước từ hoạt động chính trị nghĩa là khước từ chuẩn bị cho ngày mai.

Người ta đe dọa thay đổi những điều kiện sống của tôi và cô lập hóa tôi khỏi đời sống chính trị, làm như thể hiện nay tôi không bị dày ải cách Mátxcova bốn ngàn cây số, cách tuyến đường sắt gần nhất 250 cây số, và ít nhất, tôi cũng cách xa ranh giới các tỉnh hoang vu miền Tây Trung Quốc một khoảng như thế, ở một địa phương mà bệnh sốt rét hủy diệt ngự trị đồng thời với bệnh hủi và dịch hạch. Như thể phe Xtalin — những kẻ trực tiếp điều khiển G.P.U. — chưa dùng mọi biện pháp để cách ly tôi, không những khỏi đời sống chính trị mà đồng thời, khỏi mọi thứ đời sống khác. Báo chí Mátxcova đến chậm mười ngày, nhưng có khi còn chậm hàng tháng hoặc hơn. Hiếm hoi lắm tôi mới nhận được thư từ, sau khi chúng đã bị bỏ xó một, hai hoặc ba tháng trong các ngăn kéo của G.P.U. hoặc của Ban Bí thư Ban Trung ương.

Hai cộng sự gần gũi nhất của tôi — các đồng chí Xéc-múc và Pô-don-an-xki, những người đã ở bên tôi từ thời kỳ nội chiến và tự nguyện theo tôi đến nơi lưu đày — đã bị bắt ngay sau khi đến, bị giam trong một nhà hầm cùng các tù thường phạm và sau đó, bị dày ải đến những nơi heo hút vùng Bắc cực. Lá thư của đứa con gái tôi — vốn mắc chứng nan y, bị khai trừ khỏi đảng và sa thải khỏi nơi làm việc — chỉ đến sau 73 ngày từ một bệnh viện Mátxcova, khiến hồi âm của tôi đã chỉ đến được sau khi nó đã chết. Tôi nhận được thư gửi từ Mátxcova báo tin đứa con gái khác của tôi lâm trọng bệnh cách đây một tháng, vào ngày thứ 43 kể từ khi được gửi đi. Nó cũng bị các người khai trừ khỏi đảng và sa thải khỏi nơi làm việc. Đa số những bức điện của tôi thăm hỏi tình hình sức khỏe của nó không đến tay người nhận. Tình hình là như vậy, hoặc còn tồi tệ hơn, với hàng ngàn người bôn-sê-vích lê-nin-nít ngay thẳng, mặc dù công lao của họ trong cách mạng tháng Mười và trong con mắt giai cấp vô sản quốc tế có giá trị muôn vàn cao hơn công lao những kẻ bắt giam và dày ải họ.

Một nhóm nhỏ gồm những kẻ theo chân Xtalin, người mà ngay trong chúc thư, Lênin đã gọi là "tàn bạo và bất trung" khi những đặc tính này chưa phát triển đến một phần trăm, ngày càng chuẩn bị những phương sách đàn áp tàn khốc hơn để chống phá phe đối lập và với sự cộng tác của G.P.U., họ không ngừng vu cáo cho phe đối lập có những "mối quan hệ" với các kẻ thù của chuyên chính vô sản. Trong phạm vi hẹp của họ, những người lãnh đạo hiện nay nói: "Phải làm như thể đối với quần chúng". Đôi lúc, họ còn diễn đạt một cách vô liêm sỉ hơn: "Điều này dành cho bọn ngu ngốc". Một trong những đồng sự gần gũi nhất của tôi, Ghê-ôóc-gi Vaxi-li-ê-vích Butốp [Guéorgui Vassiliévitch Boutov], từng đứng đầu Ban Thư ký Hội đồng Quân sự Cách mạng Cộng hòa trong suốt thời gian nội chiến, đã bị bắt giam trong những điều kiện chưa từng thấy: người ta tìm cách cưỡng bức con người trong sáng và khiêm tốn ấy, người đảng viên không chút gì đáng chê trách ấy, phải công nhận những tội danh giả trá, bịa đặt, nguy tạo trong tinh thần Tháng Nóng hỗn tạp. Butốp đáp lại những lời buộc tội ấy bằng một cuộc tuyệt thực anh dũng kéo dài năm chục ngày, dẫn đến cái chết của anh vào mùa thu năm nay. Người ta sử dụng bạo lực, đánh đập, nhục hình thể xác và tinh thần đối với những công nhân bôn-sê-vích xuất sắc nhất vì họ đã trung thành với di sản Tháng Mười. Đó là những điều kiện tổng quát mà theo ngôn ngữ của cơ quan G.P.U., hiện nay "không ngăn cản" hoạt động chính trị của phe đối lập và của tôi nói riêng.

Lời đe dọa dê hèn — rằng sẽ cô lập hóa tôi một cách nghiệt ngã hơn — chỉ có thể

có nghĩa là phe nhóm Xtalin đã quyết định thay thế đày ải bằng nhà tù. Quyết định này, như tôi đã nói, không có gì mới đối với tôi. Nhìn về toàn cảnh, nó đã có từ năm 1924 và được thực hiện từ từ, từng bước một, ngấm ngấm, ngõ hầu tập cho đảng, vốn bị bị chà đạp và lừa dối, quen thuộc với những phương pháp xta-lin-nít, trong đó sự bất tín thô bạo ngày nay biến dần thành sự quan liêu độc hại nhất.

Trong bản "Tuyên bố" đệ lên Đại hội VI, chúng tôi hầu như đã tiên đoán trước bức tối hậu thư nhận được hôm nay, chúng tôi viết đúng từng chữ như sau:

"Chỉ có một tinh thần quan liêu sa đọa đến tột cùng mới có thể đòi hỏi những người cách mạng phải từ bỏ mọi hoạt động chính trị, tức là khước từ việc phụng sự đảng và cách mạng thế giới. Chỉ có những tên phản bội khôn kiếp mới có thể chấp nhận những lời cam kết như thế."

Tôi không thể sửa đổi chút gì trong lời tuyên bố đó.

Ai có phẫn nấy. Các người cố tình thực thi những gì mà các lực lượng thù địch với giai cấp vô sản gợi ý cho các người. Chúng tôi biết bốn phẫn của chúng tôi. Chúng tôi sẽ thực hiện bốn phẫn của chúng tôi đến cùng. Lép Trótxki. Ngày 16 tháng Chạp 1928. Anma-Ata.

Sau lời đáp ấy, một tháng trôi qua không có biến đổi gì hết. Các mối quan hệ với tôi với thế giới bên ngoài hoàn toàn bị đứt đoạn, kể cả mối liên lạc bất hợp pháp của chúng tôi với Mátxcova. Trong tháng Giêng, chúng tôi chỉ nhận được báo chí Mátxcova. Người ta càng nói nhiều về cuộc đấu tranh chống cánh hữu, chúng tôi càng chắc chắn chờ đợi những đòn đánh nhằm vào cánh tả. Đó là một phương pháp của chính sách xta-lin-nít.

Đại diện của G.P.U. từ Mátxcova là Vôlinxki ở lại Anma-Ata chờ chỉ thị. Ngày 20 tháng Giêng, anh ta đến nhà tôi cùng rất nhiều nhân viên G.P.U. có vũ khí. Các nhân viên chặn mọi cửa ra vào, còn Vôlinxki cho tôi xem trích đoạn biên bản sau đây của G.P.U., viết ngày 18 tháng Giêng 1929:

Đối tượng: vụ án của công dân Lép Davidôvích Trótxki, bị buộc tội hoạt động phản cách mạng chiếu theo mục 58 điều 10 bộ Luật hình sự. Hoạt động của bị cáo biểu hiện trong việc tổ chức thành lập một chính đảng bất hợp pháp chống nhà nước Xô-viết, trong thời gian gần đây có những hoạt động cô vũ những cuộc biểu tình khiêu khích chống nhà nước Xô-viết và chuẩn bị một cuộc chiến vũ trang chống phá chính quyền Xô-viết.

Quyết định: trục xuất công dân L.Đ. Trótxki khỏi Liên Xô.

Sau này, khi người ta yêu cầu tôi ký một lời tuyên bố, theo đó tôi đã nhận được bản quyết định này, tôi viết:

Tội ác trong nội dung và bất hợp pháp trong hình thức, quyết định này của G.P.U. đã được thông báo đến tôi ngày 20 tháng Giêng 1929. Trótxki.

Tôi gọi quyết định này là tội ác vì nó cố tình nói một cách dối trá rằng tôi chuẩn bị một cuộc chiến vũ trang chống chính quyền Xô-viết. Bản thân cách diễn đạt đó — Xtalin cần đến nó để biện hộ cho việc trục xuất tôi — là một mưu mô khôn nạn nhất nhằm chống lại chính quyền Xô-viết. Nếu quả thực phe đối lập do những người tổ chức cách mạng tháng Mười, những người xây dựng nên chính quyền Xô-viết và Hồng quân đứng đầu lại chuẩn bị lật đổ chính quyền Xô-viết bằng bạo lực, thì bản thân điều đó cũng chứng thực hiện trạng tai họa đang ngự trị trong toàn quốc. Nhưng may thay, quyết định của G.P.U. chỉ là một sự bịa đặt vô liêm sỉ. Đường lối của phe đối lập không liên quan gì đến việc chuẩn bị đấu tranh vũ trang. Chúng tôi xuất phát từ niềm tin sâu sắc vào sức sống và sự linh hoạt của chế độ Xô-viết. Con đường chúng tôi đi là con đường cải cách nội bộ.

Khi tôi yêu cầu được biết người ta sẽ trục xuất tôi bằng cách nào và đi đâu, tôi nhận được câu trả lời: khi nào đến biên giới châu Âu của nước Nga, một nhân viên G.P.U. sẽ đến thông báo cho tôi hay. Ngày hôm sau, công việc diễn ra ráo riết: chúng tôi đóng gói đồ đạc, hầu như chỉ toàn bản thảo và sách vở. Nhân thể cũng xin được ghi nhận: tôi không hề cảm thấy một bóng mờ hiểm khích nào trong cư xử của các nhân viên G.P.U., mà trái lại là khác. Rạng sáng ngày 22, tôi cùng con trai, vợ tôi và đoàn áp giải lên một chiếc xe buýt đưa chúng tôi đến tận sườn bên kia đèo Cuốcdai, theo một con đường tuyệt nện rất phẳng phiu. Đèo bị ngăn bởi những đống tuyết mới rơi sau một cơn bão tuyết hoành hành. Cái máy kéo khổng lồ lẽ ra phải lôi chúng tôi qua đèo Cuốcdai thì cũng bị mắc kẹt trong tuyết, cùng bảy chiếc xe hơi mà nó kéo. Trong

thời gian bão tuyết hoành hành, có bảy người và không biết bao nhiêu ngựa bị lạnh chết. Chúng tôi phải chuyển hành lý và quá cảnh trên những xe trượt nhẹ của nông dân. Hơn bảy giờ đồng hồ, chúng tôi mới vượt được một chặng đường khoảng ba chục cây số. Dọc đường ngón ngang những tuyết là tuyết, có nhiều xe trượt nằm bừa bộn, càng chổng lên trời, vô số hàng hóa phục vụ cho tuyến đường sắt Tân Cương — Xibêri đang được xây dựng, nhiều bình dầu hỏa bị tuyết phủ kín. Người và ngựa tìm chỗ trốn bão tuyết trong các lều trại mùa đông của người Kiécghidi tại các vùng phụ cận. Qua đèo, chúng tôi lại lên xe và khi tới Pisopéc, một toa xe lửa đã chờ chúng tôi ở đó.

Qua báo chí Mátxcova kiếm được dọc đường, chúng tôi được biết người ta đang chuẩn bị dư luận cho việc trục xuất các lãnh tụ đối lập ra nước ngoài.

Đến vùng Áctiubinxơ [Aktiubinsk], chúng tôi được loan báo qua đường dây trực tiếp rằng người ta đã chỉ định Cônxtantinốp làm nơi lưu đày của chúng tôi ở ngoài nước. Tôi yêu cầu được gặp hai thành viên trong gia đình tôi còn ở lại Mátxcova là con dâu và con trai thứ của tôi. Hai đứa được đưa đến ga Riagioxcơ [Riajsk], rồi ở đó chúng cũng phải chịu một cách đối xử như chúng tôi. Bulanốp [Boulanov], đại diện mới của G.P.U. tìm cách thuyết phục tôi về những ưu điểm của Cônxtantinốp. Tôi nhất quyết từ chối. Ở đó người ta đã dự tính tất cả, trừ trở ngại do việc tôi từ chối tự nguyện ra nước ngoài. Con tàu mất hướng, ì ạch lác lư rồi dừng lại ở một đường xe lửa cắt thuộc một ga xếp bỏ trống và cấm rê tại đó, giữa hai khu rừng nhỏ. Ngày lại ngày, cứ thế trôi qua. Vô đồ hộp ăn hết chất đông quanh con tàu. Lũ quạ hoang và ác-là tụ tập hàng đàn, ngày càng đông, tìm khẩu phần của chúng. Nơi này thật hoang vu, vắng vẻ. Không còn giống thỏ rừng ở đây: mùa thu, một trận dịch khủng khiếp đã tiêu diệt chúng. Ngược lại, những vết chân rón rén của bầy cáo kéo dài đến tận con tàu. Hàng ngày, đầu tàu chỉ kéo một toa xe đi tới một ga lớn lân cận để lấy thực phẩm và báo chí. Bệnh cúm hoành hành trong toa xe chúng tôi. Chúng tôi đọc lại Anatôlơ Phơrăngxơ [Anatole France] và *Lịch sử Nga* của Còliut-rép-xki [Klutchevsky]. Lần đầu tiên tôi được thưởng thức văn chương của Ixtorati [Istrati]. Trời lạnh đến 38 độ Réômua [Réaumur], đầu máy của chúng tôi âm ạch chuyển động trên đường ray để không bị đóng băng tại chỗ. Qua khoảng không, các đài phát thanh gọi nhau, hỏi chúng tôi ở đâu. Tuy nhiên, chúng tôi không nghe được những câu hỏi ấy, chúng tôi chơi cờ. Nhưng dù có nghe được đi nữa, chúng tôi cũng không biết trả lời ra sao: bị đưa đến đây ban đêm, bản thân chúng tôi cũng không biết chúng tôi đang ở đâu?

Mười hai ngày và mười hai đêm trôi qua như thế. Qua báo chí, chúng tôi được biết vài trăm người, trong số đó có 150 thành viên của cái gọi là "trung tâm trốt-kít", đã bị bắt. Trong danh sách, chúng tôi thấy tên Cáptaradê [Kavtaradzé], nguyên chủ tịch Hội đồng Dân ủy Grudia, Mođivani, đại diện thương mại Liên Xô ở Pari, Vơrôn-xki [Voronsky], nhà phê bình văn học ưu tú nhất của chúng ta và những người khác. Tất cả đều là những thành viên cựu trào của đảng, những nhà tổ chức của sự kiện tháng Mười.

Ngày 8 tháng Hai, Bulanốp tuyên bố:

— Mặc dầu Mátxcova rất cố gắng, song chính phủ Đức cương quyết bác bỏ việc nhận ông vào Đức; tôi nhận được chỉ thị cuối cùng là đưa ông đi Cônxtantinốp.

— Nhưng tôi không tự nguyện đi đến đó và tôi sẽ tuyên bố điều này ở biên giới Thổ Nhĩ Kỳ.

— Thế cũng chẳng thay đổi được gì. Tôi phải chờ ông đi Thổ Nhĩ Kỳ bằng mọi giá.

— Vậy là các ông đã thỏa thuận với cảnh sát Thổ để buộc tôi phải ngụ cư ở đó?

— Chúng tôi chỉ được ủy nhiệm thực thi việc này — một câu trả lời vòng vo.

Sau mười hai ngày dậm chân tại chỗ, con tàu lại lên đường. Song song với nhân số được nâng cao của đoàn áp giải, đoàn tàu ngăn ngui dài thêm vì số người tăng thêm. Chúng tôi không được phép ra khỏi toa xe trong suốt chuyến đi, từ Pisopéc. Đoàn tàu mở hết tốc lực về phương Nam. Chúng tôi chỉ dừng lại đôi chút ở các ga xếp để lấy nước và chất đốt. Những biện pháp an ninh vô cùng nghiêm ngặt được đưa ra bởi người ta còn nhớ cuộc biểu tình xảy ra ở Mátxcova tháng Giêng 1928, khi tôi bị đi đày. Báo chí nhận được giữa đường cho chúng tôi biết tin tức về một chiến dịch mới có quy mô lớn chống lại những người trốt-kít. Xuyên qua những hàng chữ, người ta có thể thấy cuộc đấu tranh trong nội bộ ban lãnh đạo đảng về việc trục xuất tôi. Phe xta-lin-nít phải hành động gấp gáp. Họ có mọi lý do để làm thế. Và những người xta-lin-nít phải vượt qua những trở ngại cả về chính trị lẫn vật chất. Để đưa tôi đi từ Ôđétxa, người ta đã chỉ định con tàu *Calinhin*. Có điều *Calinhin* bị mắc kẹt giữa những tảng băng. Mọi cố gắng của các tàu phá băng đều vô ích. Mátxcova không rời chiếc máy điện tín và thúc giục các bộ hạ của họ. Ngay lập tức, người ta khởi động con tàu *Ilích*.

Đêm mùng 10, đoàn tàu hỏa của chúng tôi đến Ôđétxa. Tôi ngắm nhìn những nơi chốn quen biết qua khung cửa toa xe: tôi đã sống bảy năm thời học sinh ở thành phố này. Toa xe chúng tôi lăn bánh đến tận chiếc tàu thủy. Trời lạnh cắt da cắt thịt. Mặc dầu đã quá nửa đêm, các nhân viên G.P.U. và các đơn vị vũ trang vẫn bao quanh hải cảng. Đây là nơi tôi phải chia tay con trai thứ và con dâu tôi, chúng đã chia sẻ cảnh tù đày cùng chúng tôi trong hai tuần cuối cùng. Qua khung cửa toa tàu hỏa, chúng tôi nhìn con tàu

thủy được chỉ định và nhớ đến một con tàu khác, cũng đã từng chở chúng tôi đến một địa chỉ mà chúng tôi không muốn. Đó là tháng Ba 1917, ở Heliphécxơ, khi ngay trước mắt những hành khách trên tàu, các thủy thủ Anh đã dùng vũ lực bắt tôi đi từ boong chiếc tàu thủy Na Uy *Corixtianiápgióc* [Christianiafjord]. Hồi ấy tôi cũng đi cùng gia đình như thế này, nhưng chúng tôi trẻ hơn bây giờ mười hai tuổi.

Còn tàu *Ilích* không chở hàng hóa và hành khách nào khác trừ chúng tôi rời hải cảng khoảng một giờ đêm. Trên chặng đường sáu mươi dặm, một con tàu phá băng mở đường cho nó. Con bão hoành hành ở vùng này chỉ chạm nhẹ chúng tôi bằng cái đập cánh cuối cùng.

Ngày 12 tháng Hai, chúng tôi vào eo biển Bôxphôơ [Bosphore]. Ở Buyúc-Đêrê [Biioux-Déré], một sĩ quan Thổ Nhĩ Kỳ xuất hiện trên boong tàu để kiểm tra giấy tờ các hành khách; trừ gia đình tôi và các nhân viên G.P.U., không có một hành khách nào khác trên tàu. Tôi trao cho viên sĩ quan ấy một bản tuyên bố, nhờ anh chuyển đến chủ tịch nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ, Keman Pasa [Kemal Pacha].

Thưa Ngài, tại cổng thành Cônxtantinốp, tôi có vinh dự nói để Ngài biết tôi đến biên giới Thổ hoàn toàn không phải do lựa chọn của tôi và tôi có bước qua nơi đó cũng chỉ vì sự ép buộc của bạo lực.

Xin Ngài Chủ tịch ghi nhận sự đáng tiếc của tôi nhân những sự kiện trên. Lép Trótxki. Ngày 12 tháng Hai 1929.

Lời tuyên bố này không đem lại một kết quả nào. Con tàu tiếp tục đi vào hải cảng. Sau hai mươi hai ngày đi đường và trải qua sáu ngàn cây số, chúng tôi đã đến Cônxtantinốp.

CHƯƠNG XLV

HÀNH TINH KHÔNG THỊ THỰC

Như vậy, chúng tôi đến Cônxtantinốp, chỗ ở của chúng tôi thoát đầu là tòa lãnh sự Xô-viết, sau đó là một ngôi nhà riêng. Ở đây, xin được trích vài dòng ghi chép của vợ tôi về giai đoạn đầu sống lưu vong:

Tôi nghĩ rằng không nên mất thì giờ chú ý tới những cuộc phiêu lưu vất vả, những chuyện dối trá nhỏ mọn và những trò thô bạo lật lọng liên quan đến việc chúng tôi dọn đến Cônxtantinốp. Tôi chỉ nhấn mạnh một tình tiết duy nhất. Chuyện xảy ra khi chúng tôi còn ở trên tàu hỏa trong chuyến đi đến Ôđétxa: đại diện G.P.U. Bulatốp nói ba hoa đủ thứ (hoàn toàn vô bổ) về việc người ta đảm bảo an toàn cho chúng tôi như thế nào ở nước ngoài, L.Đ. đột ngột ngắt lời anh ta và nói:

— Hãy để những công sự của tôi — Xéc múc và Pôdonanxki — cùng đi với tôi, đây là biện pháp duy nhất có hiệu quả ít nhiều.

Bulanốp lập tức chuyển những yêu cầu đó về Mátxcova. Đến một ga sau, anh ta trịnh trọng báo cho chúng tôi hồi âm đến qua đường dây trực tiếp: G.P.U. — tức là Bộ Chính trị — không phản đối đề nghị ấy. L.Đ. cười và nói:

— Chẳng có nghĩa lý gì, thế nào rồi người ta cũng đánh lừa chúng tôi thôi.

Rõ ràng Bulanốp tỏ vẻ phật ý, anh ta kêu to lên:

— Như thế ông cứ coi tôi là thằng vô lại!

— Sao anh lại phật ý? — L.Đ. đáp —, không phải anh, mà Xtalin sẽ đánh lừa.

Sau khi chúng tôi tới Cônxtantinốp, L.Đ. hỏi thăm tin tức về Xéc múc và Pôdonanxki. Vài ngày sau, đại diện của tòa lãnh sự đem lại bức điện trả lời từ Mátxcova: người ta không thả Xéc múc và Pôdonanxki. Thế đấy, mọi việc khác cũng diễn ra theo tình thần tương tự.

Ngay sau khi chúng tôi vừa đến Cônxtantinốp, từ các báo chí, hàng loạt tin đồn, giả thiết và những chuyện bịa đặt không ngớt về số phận chúng tôi đổ dồn lên đầu chúng tôi. Báo chí không ưa khoảng trống trong các bản tin của họ, họ bỏ sức làm việc không biết mệt mỏi. Để một hạt giống duy nhất nảy nở, thiên nhiên nhờ gió gieo đi bốn phương biết bao hạt giống. Báo chí cũng hành động tương tự. Nó nắm bắt và tung đi mọi phương những tin tức, nhân lên đến vô tận. Hàng trăm, hàng ngàn thông tin biến đi trước khi

một giả thuyết đáng tin cậy được thiết lập. Đôi khi điều này chỉ đến sau nhiều năm tháng, nhưng cũng có khi giờ phút chân lý chẳng bao giờ tới.

Trong những trường hợp khi một cái gì đó đụng chạm sống động đến công luận, tôi coi sự dối trá của con người là điều đáng ngạc nhiên nhất. Tôi nói điều này không có một chút bất bình, nhân danh đạo lý nào cả, đúng ra là tiếng nói của một nhà khoa học tự nhiên quan sát sự việc. Nhu cầu dối trá, thói quen dối trá phản ánh những mâu thuẫn trong cuộc sống của chúng ta. Tôi có thể nói rằng báo chí chỉ nói sự thật là điều hiếm có. Nói thế, tôi hoàn toàn không có ý xúc phạm các nhà báo. Họ không khác gì mấy những người khác, nhưng họ đóng vai trò cái loa của những người khác.

Trước kia Dôla [Zola] nói báo chí tài chính ở Pháp chia làm hai nhóm: nhóm tự bán mình và nhóm được gọi là "không thể mua chuộc", nghĩa là chỉ bán mình trong những trường hợp đặc biệt, nhưng khi đó thì vô cùng cao giá. Có thể nói gần như thế về sự dối trá của ngôn ngữ báo chí nói chung. Báo chí là cái vàng vọt nói dối theo quán tính, không do dự, không nhìn quanh. Những tờ như *Times* và *Le Temps* (Thời đại) nói sự thật trong những sự việc bàng quan hoặc lật vạt không đáng kể, để rồi trong trường hợp cần thiết, nó có thể đánh lừa công luận với uy tín toàn diện đã có.

Tờ *Times* sau này đưa tin tôi đến Cônxtantinốp theo một thỏa thuận với Xtalin, để từ đây chuẩn bị xâm chiếm quân sự các xứ Cận Đông. Người ta coi cuộc đấu tranh dài sáu năm giữa tôi và tập đoàn kẻ nghiệp bất tài chỉ là một tấn hài kịch trong đó các vai trò đã được phân bổ từ trước. "Thôi đi, ai mà có thể tin điều này?" — một người lạc quan nào đó có thể nói như thế và anh ta sẽ làm to. Nhiều người tin vào điều đó. Có lẽ Sôcsin [Churchill] rồi sẽ không tin tờ báo của mình, nhưng Colainxơ [Clynes] chắc chắn sẽ tin, ít ra là một nửa. Như vậy, cái cơ chế dân chủ tư bản, nói đúng hơn là một trong những động cơ quan trọng nhất của nó, nằm ở đó. Nhưng tôi chỉ tiện thể mà nhắc lại điều này; về Colainxơ, ta sẽ còn nói đến ở phần sau.

Không bao lâu sau khi tôi đến Cônxtantinốp, tôi được đọc trong một tờ báo Béclin bài phát biểu của ông chủ tịch Râyxtác nhân kỷ niệm mười năm ngày thành lập Quốc hội Vâyma [Weimar]. Bài diễn văn kết thúc bằng những lời lẽ sau: "*Vielleicht kommen wir sogar dazu, Herrn Trotzki das freiheitliche Asyl zu geben (Lebhafter Beifall bei der Mehrheit)*".

Những lời lẽ của ngài Loêbơ [Löbe] hoàn toàn bất ngờ đối với tôi, và lại mọi sự đã xảy ra cho phép tôi rút ra kết luận rằng chính quyền Đức đã bác bỏ chuyên đi Đức của tôi. Ít ra các phái viên chính phủ Xô-viết cũng kiên quyết khẳng định như thế. Ngày 15 tháng Hai, tôi cho mời vị đại diện G.P.U. đã đi theo tôi đến Cônxtantinốp và nói với anh ta:

— Tôi buộc phải đi đến kết luận các ông đã thông tin giả trá cho tôi. Bài diễn văn của Loêbơ được đọc ngày mùng 6 tháng Hai, nhưng chúng ta chỉ rời Ôđétxa đi Thổ Nhĩ Kỳ ngày 10 Tháng Hai. Như vậy, lúc đó Mátxcova đã được biết đến bài phát biểu của Loêbơ. Tôi yêu cầu ông hãy đánh điện ngay lập tức về Mátxcova và bảo họ rằng dựa vào bài phát biểu của Loêbơ, hãy *thực sự* xin Béclin cho tôi thị thực. Đó là con đường ít hồ thẹn nhất để loại trừ mưu toan — chắc chắn do Xtalin đặt ra — nhằm ngăn trở tôi nhập cư vào nước Đức.

Hai ngày sau, đặc phái viên của G.P.U. chuyển cho tôi câu trả lời như sau:

— Trả lời bức điện tôi gửi về Mátxcova, người ta chỉ khẳng định một lần nữa rằng ngay từ đầu tháng Hai, chính phủ Đức đã kiên quyết từ chối cấp thị thực; một đơn thỉnh cầu mới sẽ không có ý nghĩa gì; Loêbơ phát biểu vô trách nhiệm. Nếu muốn chứng thực điều đó, xin ông đích thân đệ đơn xin thị thực.

Tôi không thể tin vào câu chuyện này. Tôi cho rằng vị chủ tịch Râyxtác chắc chắn phải biết rõ ý đồ của đảng ông và chính phủ ông, hơn là các phái viên G.P.U. Cùng ngày hôm đó, tôi điện cho Loêbơ rằng căn cứ vào bài phát biểu của ông ta, tôi đệ đơn xin tòa lãnh sự Đức cấp dấu thị thực. Với một giọng điệu giễu cợt, báo chí dân chủ và xã hội dân chủ làm rộ lên việc một "tín đồ" của chuyên chính cách mạng lại tìm chốn nương thân tại một đất nước dân chủ. Một số còn nói lên hi vọng bài học này có lẽ sẽ dạy tôi có ý kiến tốt hơn về các thể chế dân chủ. Tôi không còn cách nào khác là chờ đợi xem bài học đó sẽ thể hiện ra sao trong thực tế.

Quyền tị nạn dân chủ cố nhiên không ở chỗ chính quyền sở tại chứng tỏ lòng hiếu khách của mình đối với những người đồng tư tưởng với mình: ngay cả ông xun-tan Ápdun Hamít [Abdul Hamid] cũng từng làm điều này; nó cũng không ở chỗ một thể chế dân chủ chỉ cho phép những người lưu vong được nhập cư nếu chính phủ đã trục xuất họ tỏ thái độ đồng ý. Quyền tị nạn (trên giấy tờ) là ở chỗ một chính quyền cho phép cả những địch thủ của mình được cư trú với điều kiện họ tuân thủ pháp luật của nước họ cư trú. Cố nhiên, tôi chỉ có thể đặt chân vào nước Đức như một địch thủ không khoan nhượng của chính phủ xã hội dân chủ. Tôi cũng cung cấp những lời giải thích cần thiết cho một phóng viên của báo chí xã hội dân chủ Đức, anh đến nhà tôi ở Cônxtantinốp đề nghị tôi trả lời phỏng vấn. Tôi xin trích ở đây những lời lẽ ấy, chúng đã được tôi ghi lại ngay sau cuộc nói chuyện:

Bởi lẽ tôi đã đệ đơn xin được vào nước Đức, nơi đa số trong chính phủ là những người xã hội dân chủ, trước hết tôi thấy cần làm sáng tỏ mối quan hệ của tôi với đảng Xã hội Dân chủ. Trong lĩnh vực này, không hề có gì thay đổi. Thái độ của tôi đối với đảng Xã hội Dân chủ vẫn như trước đây. Hơn thế nữa, cuộc đấu tranh của tôi chống tập đoàn trung phái của Xtalin chỉ là một phần trong cuộc đấu tranh nói chung của tôi chống đảng Xã hội Dân chủ. Các quý vị cũng như tôi, chúng ta không cần ngập ngừng hay nghi hoặc

Một số sản phẩm báo chí xã hội dân chủ cố gắng tìm ra mâu thuẫn giữa quan điểm của tôi trong vấn đề dân chủ và việc tôi xin thị thực vào Đức. Ở đây không hề có một mâu thuẫn nào cả. Chúng tôi hoàn toàn không "phủ nhận" nền dân chủ như những người vô chính phủ "phủ nhận" nó (bằng lời nói). Nền dân chủ tư sản có những ưu điểm so với những chính thể nhà nước trước nó. Nhưng nó không vĩnh cửu. Nó phải nhường chỗ cho một xã hội xã hội chủ nghĩa. Cái cầu dẫn đến xã hội xã hội chủ nghĩa là nền chuyên chính vô sản.

Trong tất cả các nước tư bản, những người cộng sản đều tham gia vào cuộc đấu tranh nghị trường. Việc sử dụng quyền tị nạn, về nguyên tắc, hoàn toàn không khác gì quyền bầu cử, quyền tự do báo chí, quyền hội họp v.v...

Theo như tôi biết, bài phỏng vấn này không được đăng tải. Không có gì lạ. Giữa lúc ấy, trong các báo chí xã hội dân chủ có những tiếng nói lẽ tẻ đòi cho tôi quyền tị nạn. Một trạng sư xã hội dân chủ, tiến sĩ Các Rôdonphên [Karl Rosenfeld] tự ý nhận việc xin cho tôi được vào nước Đức. Tuy nhiên ngay từ buổi đầu, chắc hẳn ông đã gặp ngay trở lực vì vài ngày sau, ông gửi điện hỏi tôi bằng lòng chấp nhận những hạn chế gì trong thời gian cư trú ở Đức. Tôi trả lời:

Tôi dự định sống hoàn toàn cô độc ngoài Béclin, tôi không có ý tham gia bất kể một cuộc hội họp công khai nào; tôi muốn viết lách trong khuôn khổ luật pháp Đức cho phép.

Như vậy, không còn là quyền tị nạn *dân chủ* mà là quyền được sống ở Đức trên cơ sở *châm chước đặc biệt*. Bài học dân chủ mà các đối thủ của tôi định dành cho tôi bỗng nhiên có một ý nghĩa hạn chế. Nhưng không phải thế đã là hết. Vài ngày sau, một bức điện mới trở thành chướng ngại vật trên con đường tôi đi: tôi có chấp nhận hay không việc qua Đức chỉ với mục đích duy nhất là chữa bệnh? Để trả lời, tôi gửi bức điện sau:

Tôi yêu cầu, trong trường hợp cuối cùng, ít nhất cũng cho tôi khả năng ở lại nước Đức cho đến hết thời kỳ chữa bệnh rất cần thiết đối với tôi.

Như vậy, *quyền tị nạn* ở giai đoạn này bị thu hẹp thành *quyền được đi chữa bệnh*. Tôi nêu tên nhiều bác sĩ nổi tiếng người Đức đã từng điều trị cho tôi trong vòng mười năm trở lại đây. Giờ đây, sự giúp đỡ của họ là cần thiết hơn bao giờ hết đối với tôi.

Gần lễ Phục sinh, một mẩu tin nhỏ nhò lại len lén xuất hiện trong báo chí Đức: trong chính giới, người ta cho rằng Trôttxki không ốm đến mức phải được các bác sĩ Đức điều trị tại các vùng suối nước nóng ở Đức. Ngày 31 tháng Ba, tôi điện cho tiến sĩ Rôdonphên:

Theo tin báo chí, tôi không đủ ốm thập tử nhất sinh để được phép cư trú ở Đức. Tôi xin hỏi: Loêbơ đề nghị cho tôi *quyền tị nạn* hay *quyền được ra nghĩa địa*? Tôi sẵn sàng chịu sự thẩm định bệnh tật của bất cứ ủy ban y tế nào. Tôi hứa sau đợt chữa bệnh, tôi sẽ rời nước Đức.

Như vậy, trong vòng ba tuần lễ, nguyên tắc dân chủ ba lần trở thành nạn nhân của sự hạn chế. Quyền tị nạn thoát đầu biến thành quyền được cư trú trên cơ sở *châm chước*, rồi thành quyền được chữa bệnh, cuối cùng thành quyền được ra nghĩa địa. Nhưng, tất cả những điều này có nghĩa là tôi chỉ có thể đánh giá một cách toàn diện các ưu điểm của chế độ dân chủ sau khi đã vào nhà mồ.

Bức điện của tôi không được hồi âm. Tôi chờ vài ngày rồi lại đánh điện về Béclin:

Tôi coi việc không trả lời bức điện của tôi là một hình thức từ chối không trung thực.

Chỉ sau mọi việc này, ngày 12 tháng Tư, tức là hai tháng sau, người ta mới đưa tin chính phủ Đức đã bác bỏ đơn xin thị thực vào Đức của tôi. Tôi không còn việc gì khác là đánh điện cho Loêbơ, chủ tịch

Râystác:

Tôi lấy làm tiếc là không được dịp học hỏi trong thực tế những ưu điểm của quyền tị nạn dân chủ. Trótxki.

Đó là câu chuyện ngăn ngừa và đáng tham khảo về cố gắng đầu tiên của tôi nhằm xin một dấu thị thực "dân chủ" vào châu Âu.

Nếu người ta cho tôi quyền tị nạn, bản thân điều đó cố nhiên không hề chứng tỏ sự thất bại của học thuyết mác-xít về một nhà nước trên cơ sở giai cấp. Hệ thống dân chủ — bắt nguồn không từ những nguyên tắc tự thân mà từ những nhu cầu thực tế của giai cấp thống trị — bao gồm cả quyền tị nạn xuất phát từ cái lô-gích nội tại của nó. Việc đảm bảo quyền tị nạn cho một nhà cách mạng vô sản hoàn toàn không mâu thuẫn chút nào với tính chất tư sản của nền dân chủ. Nhưng giờ đây, chẳng cần bàn đến những lý lẽ đó bởi nước Đức do những người xã hội dân chủ lãnh đạo đã không cho tôi bất cứ thứ quyền tị nạn nào.

Ngày 16 tháng Chạp, qua trung gian G.P.U., Xtalin đã đề nghị tôi từ bỏ mọi hoạt động chính trị. Phía Đức cũng đặt ra điều kiện tương tự, như một việc hoàn toàn hiển nhiên, trong cuộc tranh luận báo chí về quyền tị nạn. Điều đó có nghĩa là chính phủ Muynle và Xtorêdeman coi là nguy hiểm và độc hại các tư tưởng mà Xtalin và những Thêloman của ông ta cũng chiến đấu chống lại. Xtalin — qua con đường ngoại giao — và những Thêloman — qua con đường tuyên truyền — đòi chính phủ xã hội dân chủ đừng nhận tôi vào lãnh thổ Đức. Ở phía bên kia, Trembéclen, bá tước Vextáp và những kẻ cùng loại đòi người ta hãy khước từ cấp thị thực cho tôi, vì quyền lợi của trật tự tư bản. Bằng cách đó, Hécman Muynle đồng thời có thể làm hài lòng những đồng bạn cánh hữu và những đồng minh cánh tả của ông ta. Chính phủ xã hội dân chủ trở thành một mắt xích liên kết mặt trận quốc tế chống chủ nghĩa mác-xít cách mạng. Muốn thấy hình ảnh của thứ mặt trận thống nhất ấy, chỉ cần trở lại những dòng đầu của *Tuyên ngôn đảng cộng sản* do Mác và Ăngghen thảo ra:

Vì một cuộc chiến thần thánh chống lại bóng ma đó (*bóng ma của chủ nghĩa cộng sản*), tất cả mọi lực lượng của châu Âu cũ đã liên kết lại: Giáo hoàng và Nga hoàng, Métécnic [Metternich] và Ghidê [Guizot], những nhà cấp tiến Pháp và cảnh sát Đức.

Những tên tuổi đã đổi khác, nhưng bản chất vẫn như cũ. Việc cảnh sát Đức hiện nay là những nhà xã hội dân chủ chẳng mấy may thay đổi nội dung vấn đề. Xét về thực chất, họ bảo vệ những gì mà đội quân cảnh binh dòng họ Hôhendôlécơ từng canh giữ.

Những lý do mà các nhà nước dân chủ viện ra để từ chối dấu thị thực là vô cùng đa dạng. Chính phủ Na Uy — độc giả biết không? — hoàn toàn chỉ dựa vào sự lo ngại cho an toàn cá nhân của tôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng ở Ôxlô [Oslo] tôi có những người bạn giữ các chức vụ quan trọng đến thế, tận tâm với tôi đến thế, đã che chở cho số phận của tôi đến thế. Cố nhiên chính phủ Na Uy tuyệt đối ủng hộ quyền tị nạn, cũng như chính phủ Đức, Pháp, Anh và các chính phủ khác. Quyền tị nạn, như ai nấy đều biết, là một nguyên tắc thiêng liêng bất di bất dịch. Nhưng trước tiên, người lưu đày phải trình ở Ôxlô một chứng chỉ, theo đó anh ta sẽ không bị ai ám hại. Rồi lúc đó anh sẽ được tận hưởng lòng mến khách..., cố nhiên, nếu giữa chừng không nảy ra những trở ngại khác.

Hai cuộc tranh luận liên quan đến dấu thị thực của tôi diễn ra trong Xtóctinh [Storting] là một tư liệu chính trị độc nhất vô nhị. Đọc văn bản này, tôi đã được đền bù, ít nhất là phần nửa, chuyện tôi không được nhận tấm giấy thị thực mà các bạn hữu tôi ở Na Uy đã vận động cho tôi.

Cố nhiên, ông thủ tướng Na Uy đã bàn bạc vấn đề thị thực của tôi với ông thủ trưởng cơ quan mật vụ, người có thẩm quyền không thể chối cãi được trong các vấn đề liên quan đến những nguyên tắc dân chủ; tôi xin thừa nhận ngay điều này. Theo lời kể của ngài Mônvincken [Mohwinkel], ông thủ trưởng cơ quan mật vụ nghĩ rằng tốt hơn cả là hãy để những kẻ thù của Trótxki thanh toán ông ta ở một nơi khác, ngoài lãnh thổ Na Uy. Cách diễn đạt có lẽ không được rõ ràng, nhưng ẩn ý chính là như thế. Về phần mình, ông bộ trưởng Tư pháp giảng giải cho nghị viện Na Uy thấy việc bảo vệ Trótxki sẽ là một gánh nặng quá lớn đối với ngân sách Na Uy. Nguyên tắc cần kiệm trong quản lý chung cũng là một trong những nguyên tắc dân chủ không thể chối cãi, lần này lại rơi vào một mâu thuẫn đối kháng với quyền tị nạn. Từ đó, có thể kết luận kẻ đáng được cư trú nhất lại ít có cơ may nhất trong việc nhận quyền tị nạn.

Chính phủ Pháp tỏ ra thâm thúy hơn thế nhiều: đơn giản họ viện cớ chỉ thị trực xuất tôi khỏi nước Pháp của Manvi [Malvy] vẫn còn hiệu lực. Quả là một trở ngại không gì vượt qua nổi trên con đường thực thi dân chủ! Trước đây, tôi đã kể chuyện mặc dù nghị định của Manvi vẫn còn hiệu lực, chính phủ Pháp đã để cho tôi tùy nghi sử dụng các sĩ quan của họ như thế nào, các nghị sĩ, đại sứ và một thủ tướng Pháp nào đó đã đến thăm tôi ra sao. Nhưng chắc hẳn những hiện tượng này diễn ra trên những bình diện khác nhau.

Vậy tình hình hiện tại là: không chút nghi ngờ, hẳn tôi có thể được quyền tị nạn ở Pháp nếu trong kho lưu trữ của cảnh sát không có một lệnh trục xuất, được ban bố từ thuở nào do sự thôi thúc của giới ngoại giao Nga hoàng. Mọi người đều biết chỉ thị của cảnh sát như một thứ sao Bắc đẩu: không có cách nào hủy được nó hoặc di chuyển được nó.

Dù thế nào đi nữa, hoặc nói một cách khác, ở nước Pháp quyền tị nạn là quyền không được thừa nhận. Thử hỏi còn có quốc gia nào mà quyền tị nạn... còn có chỗ dung thân? Phải chăng là nước Anh?

Ngày 5 tháng Sáu 1929, Công đảng Độc lập Anh mà Mác Đônan cũng là một thành viên, đã chính thức đề xướng việc mời tôi qua Anh diễn thuyết ở trường đảng. Giấy mời do tổng bí thư Công đảng ký, viết như sau:

Bởi lẽ một chính phủ công nhân đã hình thành ở đây, chúng tôi không có lý do gì để nghĩ rằng Ông sẽ gặp bất cứ trở ngại gì vào dịp Ông đến nước Anh với mục đích nói trên.

Tuy nhiên, những khó khăn vẫn cứ xuất hiện. Không những không có dịp đến diễn thuyết trước các đảng viên của ông Mác Đônan, tôi còn không có điều kiện nhận sự giúp đỡ của các bác sĩ Anh. Giấy thị thực của tôi bị bác bỏ không trông không kèn. Colainxơ, bộ trưởng Nội vụ, người của Công đảng, đang đàn ủng hộ sự cấm đoán này trong Hạ nghị viện Anh. Ông ta giảng giải bản chất triết học của nền tự do nhiệt thành đến mức có thể làm vinh dự cho bất cứ vị thượng thư nào thời Charles Đệ nhị. Quyền tị nạn, theo cách lý giải của Colainxơ, không phải là quyền một người bị đày ải được xin nơi cư trú, mà là quyền của một nhà nước được khước từ anh ta một nơi như thế. Định nghĩa của Colainxơ đáng chú ý ở chỗ chỉ bằng một động tác duy nhất, nó đã xóa bỏ nền móng cơ bản của cái gọi là dân chủ. Quyền tị nạn như Colainxơ hiểu bao giờ cũng tồn tại trong nước Nga Xa hoàng. Khi ông Sa-khơ [Shah] ở Ba Tư không treo cổ được tất cả những người cách mạng và buộc phải rời bỏ lãnh thổ thân thiết của ông ta, Nhicôlai Đệ nhị ở Nga chẳng những cho ông ta quyền tị nạn, mà còn sắp xếp cho ông một nơi ăn chôn ở khá tiện nghi ở Ôđétxa. Tuy nhiên, chẳng ai trong số những nhà cách mạng Ái Nhĩ Lan lại có ý tìm nơi ẩn náu ở nước Nga Xa hoàng mà hiến pháp được sử dụng thu gọn trong nguyên tắc của Colainxơ: các công dân phải bằng lòng với những gì chính quyền nhà nước cho hoặc lấy đi. Gần đây nữa, Mútxôlini [Mussolini] công nhận cho Pa-đi-sa-khơ [Padishah] xứ Ápganixtan [Afghanistan] quyền tị nạn dựa trên cơ sở lô-gích hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc nói trên.

Ít nhất ngài Colainxơ mộ đạo lẽ ra cũng phải biết rằng theo một nghĩa nhất định nào đó, nền dân chủ đã thừa hưởng quyền tị nạn từ nhà thờ Cơ-đốc, thật ra, nhà thờ này cũng như bao giáo hội khác đã thừa hưởng quyền đó từ đa thần giáo. Những tội phạm bị xua đuổi chỉ việc chạy vào nhà thờ, đôi khi chỉ cần sờ vào chiếc vòng treo trên cửa ra vào, là được miễn truy nã. Như vậy, giáo hội diễn giải chính xác quyền tị nạn như quyền của kẻ bị truy nã được tìm nơi ẩn náu, chứ không phải một biện pháp độc đoán của những cha xứ đa thần giáo hoặc những viên tư tế Cơ-đốc. Cho đến nay, tôi vẫn tưởng những đảng viên Công đảng mộ đạo, những người ít hiểu biết về chủ nghĩa xã hội, ít nhất cũng phải hiểu biết về truyền thống giáo hội. Bây giờ tôi mới nhận thấy hoàn toàn chẳng phải như thế.

Nhưng thử hỏi tại sao Colainxơ lại khựng ngay lại ở những câu đầu tiên của lý thuyết về luật nhà nước của ông ta? Thật là dở! Quyền tị nạn chỉ là một trong những bộ phận của hệ thống dân chủ. Xét về cả nguồn gốc lịch sử và bản chất pháp lý, nó không khác gì quyền tự do ngôn luận, quyền hội họp và những quyền tương tự. Có thể đoán trước rằng ít lâu nữa, ngài Colainxơ sẽ rút ra kết luận là tự do ngôn luận không phải là quyền các công dân được nói ra những ý tưởng này khác, mà là quyền của nhà nước cấm chỉ các thần dân được có những ý tưởng như thế. Trên phương diện quyền đình công, cơ quan lập pháp Anh trong thực tế đã tiến đến sự suy diễn tột cùng như thế.

Điều bất hạnh cho Colainxơ là ở chỗ ông phải công khai lên tiếng biện giải cho biện pháp của ông, bởi trong nhóm đảng viên Công đảng tham gia nghị viện có những nghị sĩ đặt cho ngài thủ tướng một số câu hỏi lịch sự, nhưng khá rầy rà. Thủ tướng Na Uy cũng bị đặt ở tình thế khó chịu tương tự. Nhưng nội các Đức lại thoát khỏi tình huống phiền hà này. Trong Râystác, không có lấy một nghị sĩ nào quan tâm đến vấn đề quyền tị nạn. Sự kiện này càng có ý nghĩa đặc biệt nếu chúng ta nhớ lại ông chủ tịch Râystác — giữa những tiếng vỗ tay của đa số — đã hứa hẹn cho tôi quyền tị nạn trong khi tôi còn chưa yêu cầu ông ta.

Cách mạng tháng Mười không đặt nhiệm vụ tuyên bố những nguyên tắc trừu tượng của nền dân chủ, trong số đó có quyền tị nạn. Nhà nước Xô-viết công khai dựa trên quyền của chuyên chính cách mạng. Điều đó không ngăn trở Phandécvenđe cũng như các nhà xã hội dân chủ khác, đến thăm nước Cộng hòa Xô-viết, hơn nữa, trước tòa án Mátxcova, họ còn có thể đóng vai trò trạng sư bào chữa cho những kẻ đã thực hiện các hành động khủng bố chống các nhà lãnh đạo cách mạng tháng Mười.

Các bộ trưởng hiện nay của nội các Anh cũng đã đến đất nước chúng tôi. Tôi không thể nhớ được

tên tuổi từng người khách đến thăm chúng tôi, tôi không có sổ sách ghi chép trong tay, nhưng tôi nhớ trong sổ họ có cả ông bà Xnôđơn [Snowden]. Hình như đó là năm 1920. Họ được tiếp đón không phải như những khách du lịch bình thường mà như những vị khách, điều đó tôi nghĩ là quá trớn. Tại Nhà hát lớn, người ta dành cho họ chỗ ngồi ở "lô" hạng nhất. Tôi chợt nhớ đến việc đó nhân một chuyện nhỏ mà ngày nay kể lại có lẽ không vô ích.

Tôi vừa trở về Mátxcova từ mặt trận và còn rất xa mới nghĩ đến những vị khách người Anh. Tôi còn chẳng biết họ là ai bởi tôi hầu như không đọc báo, tôi quá bị thu hút bởi những mối lo khác. Lôđốpxki [Lozovsky] đứng đầu ủy ban đón tiếp ông bà Xnôđơn, tôi nhớ hình như có cả Béc-tôren Rát-xun [Bertrand Russell], cả Uy-liem-xơ [Williams] và hàng loạt nhân vật khác nữa. Anh thông báo qua điện thoại cho tôi hay: ủy ban yêu cầu tôi phải có mặt ở nhà hát, nơi có những vị khách người Anh. Tôi cố tránh nhưng Lôđốpxki nài nỉ, nói rằng ủy ban được Bộ Chính trị trao toàn quyền và tôi phải nêu gương kỷ luật cho những người khác. Tôi đành miễn cưỡng đến nhà hát. Trong "lô" có chừng mười vị khách người Anh. Nhà hát chật ních. Ngoài mặt trận, chúng tôi giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Cứ tọa võ tay mừng chiến thắng đến vỡ rạp. Các vị khách Anh bao quanh tôi và cũng vỡ tay. Trong sổ họ có ông Xnôđơn, giờ đây hẳn ông thấy xấu hổ nếu phải thú nhận câu chuyện nhỏ này. Nhưng không thể không nhắc đến nó. Mặc dầu về phần tôi, tôi muốn xóa bỏ nó khỏi ký ức. Mỗi quan hệ "thân ái trên chiến lũy" của tôi với các đảng viên Công đảng chẳng dựa trên một sự hiểu lầm, mà còn có vẻ là một sai lầm chính trị. Thế là tôi bút khởi đám khách khứa càng nhanh càng tốt và tiến về phía Lênin. Ông lo lắng tiếp tôi:

— Có thật là đồng chí xuất hiện trong cùng một "lô" với các người đó không? (Lênin dùng một từ ngữ gay gắt hơn)

Tôi viện dẫn những lời của Lôđốpxki, nhắc đến ủy ban đặc biệt của Ban Trung ương và vin vào ý thức kỷ luật, nhất là tôi không hề biết các vị khách ấy là ai. Lênin rất giận Lôđốpxki và vô cùng phật ý với toàn thể ủy ban nói chung. Còn tôi, trong một thời gian dài, tôi không thể tha thứ cho sự bất cẩn của mình.

Theo trí nhớ của tôi, có một người trong số các bộ trưởng Anh quốc hiện nay đã đến Mátxcova nhiều lần, chắc chắn ông đã đi nghỉ ở nước Cộng hòa Xô-viết, người ta thu xếp cho ông ở vùng Cápcadơ và ông cũng từng đến thăm tôi. Đó là ông Lenxobuêri [Lansbury]. Tôi gặp ông lần cuối cùng ở Kixlôvốtxcơ [Kislovodsk]. Người ta khẩn khoản mời tôi đến nhà nghỉ ít nhất mười lăm phút, ở đó có những thành viên đảng ta và vài người ngoại quốc. Vài chục người ngồi quanh một chiếc bàn lớn. Một bữa tiệc đạm bạc gì đó đang diễn ra ở đây, vị trí danh dự dành cho khách, ông Lenxobuêri. Sau khi tôi đến, vị khách phát biểu vài lời rồi cất tiếng hát: "*For he's a jolly good fellow*". Vậy đấy, ông Lenxobuêri đã biểu lộ những tình cảm như thế đối với tôi khi ông ở Cápcadơ. Có lẽ ngày nay ông muốn quên khuấy đi chuyện đó...

Tôi phải nói rằng sau khi đệ đơn xin thị thực, tôi đã gửi những bức điện riêng cho Xnôđơn và Lenxobuêri, nhắc họ đã từng được hưởng lòng mến khách của Liên Xô và của tôi nói riêng. Các bức điện này không có hiệu quả lớn đối với họ. Trong chính trị, những kỷ niệm cũng có ít trọng lượng như những nguyên tắc dân chủ.

Ông Xitni Vép [Sidney Webb] và bà Bêatoritre Vép [Beatrice Webb] mới đây đã rất thân ái đến thăm tôi vào đầu tháng Ba 1929, khi tôi đã ở Prinkipô [Prinkipo]. Chúng tôi chuyện trò về khả năng Công đảng Anh lên nắm chính quyền. Tiện thể, tôi ghi nhận rằng sau khi chính phủ Mác Đôn-an thành lập, tôi sẽ xin ngay thị thực. Ông Vép tuyên bố có lẽ chính phủ sẽ yếu và phải lệ thuộc vào những người theo tư tưởng tự do, vì thế chắc nó sẽ không được tự do quyết định. Tôi trả lời nếu một đảng không đủ mạnh để chịu trách nhiệm về những việc mình làm thì không được phép nắm quyền. Và lại, cũng không cần thử nghiệm lại những bất đồng không thể khắc phục giữa hai chúng tôi. Vép lên nắm quyền. Tôi đệ đơn xin thị thực. Chính phủ Mác Đôn-an từ chối, nhưng hoàn toàn không phải vì những người tự do đã ngăn cản họ biểu thị tư tưởng dân chủ của họ. Ngược lại, chính chính phủ Công đảng khước từ việc cấp thị thực cho tôi, mặc dù những người tự do đã phản đối. Ông Vép đã không thấy trước sự kiện này. Tuy nhiên, tôi cần lưu ý rằng khi ấy, ông chưa được lãnh danh hiệu huân tước Pétxôphin [Lord Passfield].

Tôi quen biết riêng một số kẻ trong số những người này. Tôi có thể đánh giá họ bằng *per analogiam*. Tôi nghĩ tôi đã hình dung họ khá chính xác. Những con người ấy thắng tiến trên ngọn sóng nâng cao một cách tự động của các tổ chức công nhân, đặc biệt trong thời hậu chiến, và tạo dựng được quyền lực nhờ sự suy kiệt chính trị của chủ nghĩa tự do. Họ đã hoàn toàn đánh mất cái lý tưởng ngây thơ còn có trong họ cách đây hai mươi lăm, ba mươi năm. Thế vào đó, họ tiếp thu được lễ thói của lớp chính trị gia bảo thủ và họ áp dụng không ngần ngại bất kể phương tiện nào để đạt tới mục đích. Nhưng xét tầm nhìn về mục tiêu thì họ vẫn như xưa: những con người tiểu tư sản vụng về, có tư duy lạc hậu hơn rất nhiều so với những phương pháp sản xuất của ngành công nghiệp than nước Anh. Hiện tại, điều họ sợ nhất là giới quý tộc và lớp đại tư bản không coi trọng họ. Và cũng không có gì lạ: nắm quyền chính, họ thấu hiểu sự yếu ớt của họ. Họ không có và cũng không thể có những đức tính đặc trưng cho các thể hệ thống trị trước kia,

khi những truyền thống và thủ đoạn cai trị truyền từ đời này sang đời khác, và thường thường những thứ này còn thay thế cho trí tuệ và tài năng. Nhưng họ cũng không có nốt cái có thể làm nên sức mạnh thực sự cho họ, tức là lòng tin vào quân chúng và khả năng đứng vững trên đôi chân mình. Họ sợ quân chúng, những người đã nâng họ lên cao, cũng như sợ các câu lạc bộ bảo thủ đã làm hoa mắt trí tưởng tượng nghèo nàn của họ bằng ánh sáng của sự giàu sang. Để biện bạch cho việc leo lên nắm chính quyền, họ buộc phải chứng thực cho các giai cấp thống trị cũ thấy rằng họ không phải là những kẻ hãnh tiến cách mạng — lạy Chúa lòng lành! —, không, thế nào đi nữa họ cũng xứng đáng với niềm tin, họ là tín đồ của giáo hội, của nhà vua, của Thượng nghị viện, của các chức vị, nghĩa là họ tận tụy không chỉ với chế độ tư hữu thần thánh mà với mọi thứ rác rưởi thời Trung cổ. Việc từ chối thị thực cho một nhà cách mạng đối với họ là dịp tốt để chứng tỏ một lần nữa cái *respectability* của họ. Tôi rất hân hạnh tạo cho họ cơ hội ấy. Rồi sẽ có ngày họ tính sổ lại cho tôi điều đó. Trong chính trị cũng như trong tự nhiên, không có cái gì mất đi vô ích...

Không cần có quá nhiều trí tưởng tượng cũng có thể hình dung ra cách giải thích của ông Colainxơ trước thuộc hạ của ông ta, vị thủ trưởng cảnh binh chính trị. Trong quá trình nói chuyện, Colainxơ cảm thấy mình như một học trò đi thi và ông ta sợ mình đã tỏ ra không đủ cứng cỏi với tư cách một người đại diện nhà nước, một nhà bảo thủ trước mắt giám khảo. Chẳng cần phải có đầu óc sáng tạo lắm, vị thủ trưởng cảnh binh chính trị cũng gợi cho Colainxơ một giải pháp mà ngày hôm sau, được báo chí bảo thủ nhiệt liệt tán đồng. Nhưng báo chí bảo thủ không dừng lại ở sự khen ngợi đơn thuần. Không, họ khen ngợi một cách châm chọc, phỉ báng. Họ giễu cợt. Họ không thèm che giấu sự khinh thị đối với những kẻ đi tìm sự tán đồng của họ một cách quy lụy như vậy. Ví dụ, chẳng ai có thể nói rằng tờ *Daily Express* (Tin nhanh trong ngày) là một trong những cơ quan thông minh nhất thế giới. Thế nhưng tờ báo này đã tìm thấy những từ ngữ cay độc nhất để tấn công chính phủ Công đảng, đã tốn bao công phu chờ cho "Mặc Đônlan là người dễ xúc động" trước một quan sát viên cách mạng đang ẩn nấp hành động đằng sau lưng ông..

Và những con người này lại được giao trọng trách đặt nền móng cho một xã hội loài người mới? Không, họ chỉ là lực lượng dự bị gần cuối của xã hội cũ. Tôi nói "gần cuối" bởi cái cuối sẽ là sự khủng bố thể xác.

Tôi buộc phải thú nhận rằng việc thảo luận về các nền dân chủ Tây Âu trong vấn đề quyền tị nạn, giữa bao điều khác, đã tạo cho tôi không ít giây phút thỏa chí. Đôi khi tôi có cảm giác như thể tôi được dự cuộc dàn dựng một vở hài kịch "toàn châu Âu" một màn, nói về đề tài các nguyên tắc dân chủ. Kịch bản có thể do bàn tay Bócna Sô viết ra, nếu ta thêm vào năm phần trăm hồng cầu của Xovipto [Jonathan Swift] vào thứ bạch huyết pha-biênng chảy trong huyết quản ông. Nhưng dù ai thảo ra kịch bản đi nữa, vở kịch cũng rất đáng để ta suy ngẫm: *Châu Âu không thị thực*. Đừng nói chi đến châu Mỹ, vô ích! Hoa Kỳ không chỉ là nước mạnh nhất mà đồng thời cũng là quốc gia dễ hoảng sợ nhất. Mới đây, Huvơ [Hoover] giải thích thú ham mê câu cá của ông bằng tính chất dân chủ của trò giải trí này. Nếu quả thật như vậy — tôi nghi ngờ điều này —, dù sao đi nữa đó cũng là một trong số ít những tàn dư của nền dân chủ còn đọng lại ở Hoa Kỳ. Đã từ lâu không còn quyền tị nạn ở nơi đây. *Châu Âu và châu Mỹ không thị thực*. Nhưng hai châu lục đó làm bá chủ cả ba châu lục còn lại. Vậy kết quả là: *Hành tinh không thị thực*.

Từ mọi phía, người ta giảng giải cho tôi: lỗi chính của tôi là không tin tưởng vào dân chủ. Biết bao nhiêu bài báo, thậm chí bao nhiêu sách vở đã được viết về đề tài này. Nhưng khi tôi đề nghị ai đó hãy cho tôi một bài giảng minh họa về nền dân chủ, thì lại không có ai nhận lời. Nghĩa là hành tinh không cấp dấu thị thực. Vậy tại sao tôi lại phải tin rằng một vấn đề có tầm cỡ lớn hơn rất nhiều — xung đột giữa những người hữu sản và những người bần cùng — lại sẽ được giải quyết bằng cách tuân thủ nghiêm ngặt những hình thức và lễ nghi của nền dân chủ?

Thế thử hỏi chuyên chính cách mạng đã đem lại những kết quả mong đợi chưa? — hầu như tôi nghe thấy câu hỏi này. Chỉ có thể trả lời nếu chúng ta vạch ra các kinh nghiệm của cách mạng tháng Mười và phác họa những triển vọng sau này. Nhưng những trang sách của một cuốn tự truyện không phải là nơi thích hợp nhất cho một cuộc thảo luận như thế. Tôi sẽ cố gắng trả lời tất cả những điều này trong một cuốn sách riêng mà tôi đã bắt tay vào viết trong thời gian cư trú ở Trung Á. Nhưng tôi không thể kết thúc câu chuyện đời tôi mà không nói, ít ra là trong vài dòng, tại sao tôi vẫn tiếp tục theo đuổi toàn bộ và toàn vẹn con đường đã vạch ra cho mình.

Có thể tổng kết tất cả những gì đã diễn ra trong đời sống của thế hệ tôi — thế hệ hiện nay đã chín muồi và đang dần dần tiến đến tuổi già — theo một dàn ý sơ lược như sau:

Trong suốt vài thập niên — cuối thế kỷ trước, đầu thế kỷ này — nền công nghiệp đã thống trị dân cư châu Âu một cách khắc nghiệt. Mọi mặt giáo dục xã hội đều bị đặt dưới nguyên lý năng suất lao động. Điều đó đã đem lại những kết quả vô cùng lớn lao và có vẻ như đã mở ra những triển vọng mới trước mắt

nhân loại. Nhưng trong thực tế, nó chỉ dẫn đến chiến tranh. Đúng là thông qua chiến tranh, nhân loại mới tin rằng mình hoàn toàn chưa bị suy thoái — mặc dầu những lời ca cẩm điềm dữ của một triết lý bạc nhược —; ngược lại, nó tự thấy tràn trề nhựa sống, sức lực, lòng can đảm và tinh thần kinh doanh. Cũng từ cuộc chiến đó, con người càng tin hơn bao giờ hết vào sức mạnh kỹ thuật của mình. Như thế con người, muốn biết chắc xem hệ hô hấp và tiêu hóa của mình có hoàn toàn lành lặn hay không, đứng nhìn mình trước cái gương rồi tự cắt cổ mình bằng một con dao cạo.

Sau những cơn phẫu thuật thời kỳ 1914-1918, người ta tuyên bố: từ nay trở đi, hành động đạo đức lớn nhất của con người là chữa lành những vết thương mà việc gây ra nó cũng là hành động đạo đức lớn nhất trong bốn năm trước đó. Tính ham mê lao động và tinh thần tiết kiệm chẳng những được tôn vinh trở lại mà còn được đưa vào khuôn khổ cứng rắn của nguyên tắc hợp lý hóa. Cái gọi là công cuộc "phục hồi" được điều khiển bởi những giai cấp, những chính đảng, thậm chí bởi cả những nhân vật trước đây đã từng điều khiển sự hủy diệt. Nơi nào có sự thay đổi thể chế chính trị — như ở Đức —, tại đó diễn viên chính của màn kịch "phục hồi" lại là những kẻ đóng vai trò phụ và không đáng kể trong quá trình hủy diệt. Thực chất mọi sự thay đổi là như thế.

Chiến tranh đã cướp đi cả một thế hệ, dường như chỉ để ghi dấu một khoảng thời gian trong hồi ức các dân tộc, và để ngăn trở thế hệ mới nhận thấy quá trực tiếp rằng xét đến cùng, họ chỉ lặp lại những việc đã xảy ra, nhưng ở một tầm lịch sử cao hơn, và do đó, còn đem lại những hậu quả đáng lo ngại hơn.

Giai cấp công nhân Nga dưới sự lãnh đạo của những người bốn-sẻ-vích đã cố gắng biến đổi cuộc sống theo chiều hướng loại trừ cho nhân loại những cuộc khủng hoảng bạo lực điên cuồng trong những thời kỳ nhất định và đặt nền móng cho một nền văn hóa ở mức cao hơn. Bản chất của cách mạng tháng Mười là ở đây. Cổ nhiên, nhiệm vụ nó đặt ra chưa được giải quyết; nhưng thực ra nhiệm vụ ấy được đặt ra cho nhiều thập niên. Thậm chí có thể coi cách mạng tháng Mười chỉ là khởi điểm của lịch sử toàn nhân loại trong thời đại mới nhất.

Vào sau cuộc chiến tranh Ba mươi năm, chắc hẳn phong trào Cải cách tôn giáo ở Đức cho ta cái cảm tưởng là sự nghiệp của những kẻ vừa thoát khỏi nhà thương điên. Trong một chừng mực nhất định, điều đó rất đúng: nhân dân châu Âu chạy trốn khỏi những tu viện thời Trung cổ. Đã không thể có nước Đức, nước Anh, nước Hoa Kỳ và nói chung, toàn thể nhân loại hiện nay nếu không có một cuộc cải cách, kèm theo vô số nạn nhân của nó. Nếu có thể chấp nhận những tổn thất — nhưng biết phải xin phép ai đây? —, thì phải là những tổn thất đưa nhân loại tiến lên phía trước.

Chúng ta cũng cần nói như thế về cuộc cách mạng Pháp. Một kẻ phản động thiên cận và thông thái rờm là Tenơ [Taine] khám phá ra rằng vài năm sau khi Lui XVI [Louis] bị chém đầu, nhân dân Pháp còn nghèo khổ và bất hạnh hơn cả dưới chế độ cũ. Nhưng vấn đề là ở chỗ không thể nghiên cứu những sự kiện như cuộc Đại cách mạng Pháp trong tầm nhìn "vài năm". Không có cuộc Đại cách mạng Pháp thì không thể hình thành một nước Pháp mới và bản thân Tenơ vẫn chỉ có thể là một tay thư lại phục vụ một nhân viên thu thuế của chế độ cũ, thay vì một kẻ bồi nhọ cuộc cách mạng đã mở ra cho ông ta một con đường công danh mới.

Cách mạng tháng Mười còn đòi hỏi một khoảng cách lịch sử lớn hơn thế nữa. Chỉ những kẻ thiên cận vô vọng mới có thể trách cứ cách mạng trong vòng mười hai năm đã không đem lại sự hòa giải và thịnh vượng khắp nơi. Nếu suy nghĩ theo tầm nhìn của Cải cách tôn giáo Đức và Cách mạng Pháp, vốn là hai giai đoạn phát triển cách nhau gần ba trăm năm của xã hội tư sản, thì chúng ta phải ngạc nhiên vì nước Nga lạc hậu và bị cô lập mười hai năm sau cách mạng đã đảm bảo cho quần chúng một mức sống tương đương với thời tiền chiến. Chỉ riêng điều này cũng đã là một kỳ tích trong chủng loại của nó. Nhưng ý nghĩa của cách mạng tháng Mười cổ nhiên không nằm ở đó. Cuộc cách mạng này là một thử nghiệm để tạo lập một chế độ xã hội mới. Thử nghiệm này sẽ được biến đổi, có thể sẽ được làm lại từ nền móng. Rồi nó sẽ có tính chất hoàn toàn khác dựa trên nền kỹ nghệ mới nhất. Nhưng sau nhiều thập kỷ, rồi nhiều thế kỷ, chế độ xã hội mới sẽ nhìn lại cách mạng tháng Mười cũng như chế độ tư sản nhìn lại cuộc Cải cách tôn giáo Đức hoặc Cách mạng Pháp. Điều đó rõ ràng, không thể bác bỏ, không thể lay chuyển đến mức ngay cả các giáo sư sử học cũng sẽ hiểu ra, cổ nhiên, phải sau nhiều năm.

Vậy số phận ông sẽ ra sao? — dường như tôi nghe câu hỏi đó, ở đây sự tò mò xen lẫn dụng ý mỉa mai. Trên phương diện này, tôi không thể thêm gì vào những điều đã nói trong sách. Tôi không đo quá trình lịch sử bằng thước đo số phận cá nhân tôi. Trái lại, không những tôi đánh giá số phận cá nhân của tôi một cách khách quan mà tôi còn sống qua nó một cách chủ quan, liên hệ chặt chẽ với tiến trình phát triển xã hội.

Từ khi bị trục xuất, đã nhiều lần tôi đọc trong báo những suy ngẫm về "tấn thảm kịch" mà tôi phải gánh chịu. Tôi không biết bất cứ một tấn thảm kịch *cá nhân* nào. Tôi chỉ biết có hai người đã từng lãnh đạo cách mạng, hiện nay không ở vị trí ấy nữa. Một tờ báo Mỹ đã in một bài viết của tôi, có thêm một nhận xét

đặc biệt "mặc dầu phải chịu nhiều đòn đánh, tác giả vẫn giữ được sự sáng sủa trong suy luận, như bài báo cho thấy". Tôi chỉ biết ngạc nhiên khi nhận thấy người ta đã cố gắng tạo ra mối quan hệ giữa khả năng phán đoán của tôi và cương vị tôi nắm giữ trong chính phủ, giữa sự cân bằng tinh thần và cục diện thời sự. Tôi chưa từng biết và cũng không biết những mối liên hệ như vậy. Trong tù, với một cuốn sách hay ngòi bút trong tay, tôi sống qua những giờ phút mãn nguyện ở mức độ cao nhất cũng như khi tôi dự các cuộc mít-tinh của quần chúng cách mạng. Tôi coi bộ máy chính quyền như một gánh nặng không tránh khỏi hơn là sự thỏa mãn tinh thần. Nhưng có lẽ về tất cả những điều này, tôi xin nói bằng lời của một người khác thì tốt hơn.

Ngày 26 tháng Giêng 1917, Rôda Luýchxămbua viết từ nhà tù cho một người bạn gái:

Tôi hoàn toàn không thể hiểu nổi và không thể chịu đựng nổi sự hòa nhập vào cái tâm thường hàng ngày ấy. Bạn hãy nhìn xem, ví dụ Gôt [Goethe] đã vượt lên thế sự với tâm lòng cao thượng thanh thần như thế nào. Thử nghĩ xem ông đã phải trải qua biết bao sự kiện: cuộc Đại cách mạng Pháp mà nhìn gần, đối với ông là một vở hài kịch đẫm máu và hoàn toàn vô ích, rồi sau đó có hàng loạt những cuộc chiến vô tận trong thời gian 1793-1815... Tôi không mong bạn làm thơ được như Gôt, nhưng mọi người đều có thể thấu hiểu cái nhìn của ông về cuộc đời — tính phổ quát trong mối quan tâm, sự hài hòa nội tâm —, hoặc ít nhất, có thể cố gắng để hiểu. Và nếu như bạn nói với tôi: nhưng bởi Gôt không phải là một chiến sĩ chính trị, tôi nghĩ rằng tôi sẽ trả lời bạn như sau: chính một chiến sĩ phải cố gắng vươn lên trên thế sự, nếu không anh ta sẽ chúi mũi vào mọi thứ như bản — cố nhiên ở đây tôi chỉ nghĩ đến một chiến sĩ có tâm cỡ...

Những lời lẽ tuyệt vời! Tôi đọc chúng lần đầu trong những ngày gần đây và lập tức cảm thấy Rôda Luýchxămbua gần gũi hơn và thân thiết hơn so với trước đây.

Xét về phương diện tư tưởng, về tính cách và về toàn bộ phong cách cảm nhận thế giới, tôi cảm thấy xa lạ với Poruyđôn [Proudhon], chàng Rôbindôn Corudô [Robinson Crusôé] của chủ nghĩa xã hội. Nhưng Poruyđôn có thể chất của một chiến sĩ, ông có tinh thần khảng khái, không vụ lợi, có khả năng khinh thường công luận và cuối cùng, trong ông luôn có ngọn lửa của sự ham hiểu biết không bao giờ tắt. Điều đó tạo điều kiện cho ông vượt lên trên cuộc sống của chính ông, vượt lên cả những thăng trầm cuộc đời ông cũng như trên thực tế của thời đại ông.

Ngày 26 tháng Tư 1852, từ nhà tù, Poruyđôn viết cho bạn:

Không chút nghi ngờ, phong trào tỏ ra không đúng đắn, cũng không trực tiếp, nhưng là một khuynh hướng thường kỳ. Điều mọi chính phủ tuân tụt làm vì lợi ích cách mạng, trở nên bất khả xâm phạm; còn những gì người ta cố gắng thực hiện để chống phá cách mạng sẽ tan tành như mây khói. Tôi tận hưởng cảnh tượng này, trong đó tôi nhận thức từng cảnh một. Tôi chứng kiến những biến đổi ấy của cuộc sống trên đời như thể tôi nhận được lời lý giải về chúng từ trên xuống. Những gì đê bẹp kẻ khác lại nâng tôi lên ngày một cao hơn, khiến tôi hào hứng và củng cố sức mạnh. Làm sao các anh lại muốn tôi buộc tội số phận, muốn tôi phàn nàn về con người và nguyên rủa họ? Số phận ư — tôi chỉ bật cười; còn con người ư, họ học hành quá ít và có bản chất quá nô lệ để tôi có thể cảm thấy bị xúc phạm vì họ.

Mặc dầu mang chút ít phong vị bị cảm tôn giáo, đó là những lời lẽ hết sức hóm hỉnh. Tôi xin ký tên.

(Hết - Trọn bộ hai tập)

PHỤ LỤC

Thư gửi Đại hội (Di chúc chính trị của Lênin)

Ở phần trên, khi nhắc đến sự bền vững của Ban Trung ương, tôi định nói đến những biện pháp đề phòng sự chia rẽ, nếu có thể thực hiện những biện pháp như thế. Vì cố nhiên tên Bạch vệ của tờ báo *Rútxcaia Muxli* [Russkaia Misl] (Tư tưởng Nga) (hình như là X.Ph. Ôđենbua [S.F. Oldenburg] thì phải) đã có lý khi trong vấn đề chống nước Nga-Xô-viết của y, thoát đầu y đã đặt cược vào sự phân ly của đảng ta, và sau đó, vào những bất đồng quan điểm rất nghiêm trọng trong đảng, như một nhân tố thúc đẩy sự chia rẽ nói trên.

Đảng ta dựa trên hai giai cấp và vì thế, tình trạng mất ổn định có thể xảy ra và sự sụp đổ cũng không tránh khỏi, nếu giữa hai giai cấp này không thể đạt được một sự đồng thuận. Trong trường hợp đó, thực hiện biện pháp này hay biện pháp khác, thậm chí, suy ngẫm về sự bền vững của Ban Trung ương là một việc vô ích. Trong trường hợp đó, không một biện pháp nào có thể ngăn chặn được sự chia rẽ. Nhưng tôi mong đó chỉ là một tương lai rất xa xôi và có xác suất quá nhỏ để chúng ta phải bàn luận trong lúc này.

Tôi nghĩ đến sự bền vững, đảm bảo sự chia rẽ không xảy ra trong một tương lai gần và tôi muốn đề cập đến ở đây vài suy nghĩ có tính cách hoàn toàn cá nhân.

Trên phương diện này, tôi cho rằng vấn đề thiết yếu trong việc ổn định là Ban Trung ương và những thành viên như Xtalin và Trótxki. Theo ý tôi, quan hệ giữa hai người chiếm hơn nửa phần mỗi họa chia rẽ — có thể tránh khỏi — và theo tôi, ta có thể tránh khỏi bằng một trong các phương pháp là tăng số ủy viên Ban Trung ương lên năm mươi hoặc một trăm người.

Đồng chí Xtalin, từ khi trở thành tổng bí thư đảng, đã đầu tư vào tay mình một quyền hành vô hạn mà tôi không chắc đồng chí ấy sẽ luôn biết sử dụng một cách chừng mực. Mặt khác, ngay như cuộc đấu tranh chống Ban Trung ương về vấn đề Bộ Dân ủy Giao thông đã chứng tỏ, đồng chí Trótxki không chỉ nổi bật về khả năng xuất chúng mà thôi. Đúng về phương diện cá nhân, tuy rằng có lẽ Trótxki là người tài năng nhất trong Ban Trung ương hiện nay, nhưng đồng chí hay quá buông lỏng bản thân bởi tính tự tin và sự say mê khía cạnh hành chính thuần túy của công việc.

Hai bản tính ấy của hai nhà lãnh đạo xuất sắc trong Ban Trung ương hiện nay có thể dẫn tới sự chia rẽ và nếu đảng ta không thực hiện những biện pháp đề phòng, sự chia rẽ ấy có thể bất ngờ xảy ra.

Tôi miễn phân tích những ủy viên khác của Ban Trung ương theo bản tính cá nhân của họ. Tôi chỉ lưu ý: biên cố tháng Mười của Dinôviép và Camênhép tất nhiên không phải tình cờ, nhưng không thể quy điều này là tội lỗi cá nhân của họ, cũng như không thể buộc tội Trótxki không phải người bôn-sê-vích.

Trong số những thành viên trẻ của Ban Trung ương, tôi muốn nói vài lời về Bukharin và Piatacốp. Theo ý tôi, họ là những cán bộ xuất sắc nhất (trong số những người trẻ tuổi) và trong quan hệ với họ, chúng ta cần chú ý như sau: Bukharin chẳng những là lý thuyết gia quý báu nhất và cứng cáp nhất của đảng mà chúng ta còn có quyền coi đồng chí là con cưng của toàn đảng, nhưng những quan niệm lý luận của đồng chí chỉ có thể được coi là hoàn toàn mác-xít một cách rất dè dặt, bởi có cái gì kinh viện trong đó (đồng chí chưa bao giờ học hỏi và theo ý tôi, chưa bao giờ thông hiểu toàn bộ thuyết biện chứng).

Ngày 24-12-1922

Về Piatacốp, không ai chối cãi được là đồng chí có nghị lực sắt đá và rất tài năng, nhưng lại quá thiên về công việc hành chính và quá thiên về khía cạnh hành chính của công việc, thành thử không thể dựa vào đồng chí trong những vấn đề chính trị quan trọng.

Dĩ nhiên, tất cả những nhận định này của tôi chỉ có giá trị trong giai đoạn hiện tại và trong trường hợp hai cán bộ xuất sắc và tận tâm này không có dịp bồi bổ những hiểu biết và vượt qua những phiền diện của mình.

Ngày 25-12-1922

Bổ sung thư ngày 24-12-1922: Xtalin là người có tính tàn bạo thái quá và nhược điểm này hoàn toàn có thể chịu đựng được giữa chúng ta và trong quan hệ giữa những người cộng sản, nhưng không thể chấp nhận trên cương vị tổng bí thư đảng. Vì thế, tôi đề nghị các đồng chí hãy suy nghĩ về việc chuyển Xtalin khỏi trọng trách ấy và đề cử vào vị trí của Xtalin một đồng chí khác, có bản tính tốt hơn so với

Xtalin: kiên nhẫn hơn, trung thực hơn, lịch sự hơn và chu đáo hơn đối với các đồng chí, ít thất thường hơn v.v... Có thể trường hợp này dường như không đáng kể, nhưng để phòng ngừa sự chia rẽ và trên phương diện những gì tôi đã viết ở trên về mối quan hệ giữa Xtalin và Trótxki, tôi tin rằng điều này không hề nhỏ nhặt, bằng không, đó là sự nhỏ nhặt có thể mang tầm quan trọng quyết định.

Ngày 4-1-1923

Lênin

Cái chết của Dinaïđa Vôn-cô-va

Gửi các ủy viên Ban Trung ương đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) liên Nga,
Gửi các ủy viên Ban Kiểm tra Trung ương đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) liên Nga,
Gửi Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Liên Xô.

Tôi thấy nhất thiết phải thông báo cho các ông biết về những lý do và hoàn cảnh đã dẫn đến việc con gái tôi tự sát.

Cuối năm 1930, theo đề nghị của tôi, các ông đã cho phép con gái tôi, Dinaïđa Vôn-cô-va, lúc đó đang bị bệnh lao, cùng đứa con trai năm tuổi Voxê-vô-lốt [Vselovod] tạm thời qua Thổ Nhĩ Kỳ chữa bệnh. Khi đó, tôi không nghĩ rằng sau hành động tự do chủ nghĩa này lại tiềm ẩn những ý đồ đen tối của Xtalin. Tháng Giêng 1931, con gái tôi đến Thổ Nhĩ Kỳ với vết nám ở cả hai lá phổi. Sau mười tháng cư trú ở đây, mặc dầu bị các đại diện ngoại giao Xô-viết phản đối liên tục, nó nhận được giấy phép sang Đức chữa bệnh. Tạm thời, con trai nó ở lại với chúng tôi ở Thổ Nhĩ Kỳ, bằng việc này chúng tôi cũng muốn giảm bớt gánh nặng cho người bệnh. Một thời gian sau, các bác sĩ Đức nhận định rằng có thể chữa khỏi những vết nám của nó. Dinaïđa khá lên, nó mơ ước được trở về Liên Xô cùng con trai. Con gái và chồng của nó ở lại Liên Xô, chồng nó bị Xtalin đày ải như một người bôn-sê-vích — lê-nin-nít.

Bằng chỉ thị công bố ngày 20 tháng Hai 1932, các ông đã tước bỏ quốc tịch Xô-viết của tôi, của vợ tôi, con trai tôi và của cả Dinaïđa Vôn-cô-va, mặc dù nó chỉ cư trú ở nước ngoài để chữa bệnh, hơn nữa, nó được các ông cho phép ra nước ngoài với tầm hộ chiếu Xô-viết. Con gái tôi không có vai trò gì và cũng không thể có vai trò gì (do tình trạng sức khỏe của nó) trong cuộc đấu tranh chính trị. Nó né tránh mọi thứ có thể rủ bóng râm xuống bản tính "đáng tin cậy" của nó. Việc tước bỏ quốc tịch của nó không có ý nghĩa nào khác ngoài sự báo thù nhằm vào tôi. Đối với nó, điều này có nghĩa là nó bị tách khỏi con gái, phải xa rời chồng, xa rời bạn bè và toàn thể cuộc sống mà nó đã quen. Bằng quyết định này, thế giới nội tâm của nó, vốn đã bị thương tổn bởi cái chết của em gái nó và bệnh tật của chính nó, lại bị một đòn mới, lần này còn nặng nề hơn vì nó bị hoàn toàn bất ngờ và con gái tôi không hề làm gì để đáng nhận hình phạt đó. Các bác sĩ tâm thần học đều thống nhất nói rằng chỉ có thể cứu nổi nó nếu trong một khoảng thời gian ngắn nhất, nó được trở lại giữa những hoàn cảnh quen thuộc, với gia đình và công việc. Chính chỉ thị tháng Hai 1932 của các ông đã tước đi khả năng này của nó. Mọi cố gắng của những người gần gũi nó — nhằm giải tỏa chỉ thị nói trên đối với con gái tôi — đều vô hiệu, như các ông cũng biết.

Các bác sĩ ở Béclin nhất quyết yêu cầu ít nhất con gái tôi phải được gặp lại đứa con trai, càng nhanh càng tốt. Họ thấy điều đó còn có thể khiến tinh thần của người mẹ được cân bằng trở lại. Tuy nhiên, các ông còn tước bỏ quốc tịch Xô-viết của thằng bé sáu tuổi, khiến những khó khăn trong việc đưa nó từ Cônxtantinốp sang Béclin tăng lên gấp hàng chục lần. Nửa năm trôi qua với những cố gắng không ngừng và vô kết quả ở nhiều nước. Chỉ một chuyến đi ngẫu nhiên của tôi đến Copenhaghen [Kopenhagen] mới tạo điều kiện cho chúng tôi đưa cháu bé qua châu Âu. Từ đó, trong vòng sáu tuần rông rã, giữa những khó khăn lớn nhất, nó mới đến được Béclin. Nhưng cháu không thể ở lại với mẹ hơn một tuần lễ vì cảnh sát của tướng Saikho [Scheicher], chắc hẳn do âm mưu của bè lũ mật vụ Xtalin, đã quyết định trục xuất con gái tôi khỏi Béclin. Nó phải đi đâu bây giờ? Qua Thổ Nhĩ Kỳ? Hay đến đảo Prinkipô? Nhưng đứa bé cần được đến trường và con gái tôi cần được các bác sĩ theo dõi thường xuyên, cần một cuộc sống gia đình bình thường và cần những điều kiện làm việc. Nó đã không chịu đựng nổi đòn mới này. Ngày 5 tháng Giêng, con gái tôi tự sát bằng hơi đốt. Nó mới ba mươi tuổi.

Năm 1928, không lâu sau khi tôi bị đi đày, Nhina, con gái thứ của tôi phải vào viện (chồng nó cũng bị Xtalin giam cầm trong xà-lim riêng và đã bị nhốt ở đó từ năm năm nay). Cơ thể nó bị bệnh lao hủy hoại. Lá thư nó gửi tôi, hoàn toàn mang tính cá nhân và trong đó không hề có chút bóng dáng chính trị nào,

đã bị các ông giữ lại bảy mươi ngày. Và vì thế, hồi âm của tôi chỉ đến sau khi nó đã mất. Nó chết năm hai mươi sáu tuổi.

Trong thời gian tôi cư ngụ ở Copenhaghen, nơi vợ tôi dưỡng bệnh vì bà ốm nặng, và tôi chuẩn bị đi chữa bệnh, thông qua Hãng Thông tấn Liên Xô (TASS), Xtalin tung ra một tin giả cho cảnh binh các nước châu Âu, rằng có một cuộc "hội đàm trót-kít" diễn ra tại Copenhaghen. Chùng ấy thừa đủ để chính phủ xã hội dân chủ Đan Mạch làm theo ý muốn của Xtalin và vợ và trục xuất tôi, khiến vợ tôi phải bỏ dở kỳ dưỡng bệnh có tầm quan trọng sống còn đối với bà ấy. Trong trường hợp này, cũng như ở hàng loạt dịp khác, ít nhất Xtalin cũng cộng tác với cảnh binh tư sản chống lại tôi vì các mục đích chính trị. Nhưng việc tầm nã con gái tôi không hề có chút ý nghĩa chính trị gì. Truất bỏ quốc tịch của nó, cướp đi tia hi vọng cuối cùng của nó là có thể hồi phục sau khi trở lại môi trường quen thuộc, và cuối cùng là việc trục xuất nó khỏi Béclin: tất cả là biểu hiện của một sự báo thù tầm thường, thiếu mọi nội dung chính trị. Con gái tôi hiểu rõ tình thế của nó. Nó biết rằng không thể trốn chạy trước những móng vuốt của cảnh binh châu Âu, đang truy tầm nó theo ý muốn của Xtalin. Nhận thức đó đẩy nó vào cái chết ngày mùng 5 tháng Giêng 1933. Vào những dịp như thế, người ta thường nói "cô ta tự chọn cái chết". Không, con gái tôi không tự lựa chọn cái chết. Xtalin đã xua đẩy nó vào cái chết.

Tôi chỉ giới hạn trong phạm vi thông báo những điều này và không rút ra các kết luận quan trọng hơn. Sẽ có lúc thời gian làm việc đó. Rồi đây, một đảng hồi sinh sẽ rút ra những kết luận cần thiết.

L. Trótxki

(Thông tin Đối lập số 33, tháng Ba 1933)

Thư của N.I. Trótxcaia về con trai, Xécgây

Ngày 1 tháng Sáu 1935, tôi đã gửi một lá thư cho báo chí trong đó tôi viết về việc đầu năm nay, Xtalin đã bắt giam Xécgây, đứa con trai hai mươi bảy tuổi của tôi, giáo sư một trường đại học ở Mátxcova, người không bao giờ hoạt động chính trị, trung thành với chính quyền Xô-viết ở mức tuyệt đối và còn không hề có quan hệ thù từ với cha của mình. Mục tiêu duy nhất của việc bắt bớ là trả thù những hoạt động chính trị của L.Đ. Trótxki. Ai cũng biết là lời thông báo này gây ra nỗi lo lắng ngay cả trong giới được gọi là "thân Xô-viết". Trong số họ, có vài người đã dò hỏi những đại diện của chính quyền Xô-viết ở nước ngoài cũng như ở Mátxcova, và họ nhận được câu trả lời là con trai tôi "không bị tù tội", nó chỉ bị đặt dưới một sự theo dõi đặc biệt để cắt đứt mối quan hệ với cha mẹ nó. Nhưng trong thực tế, không hề tồn tại mối quan hệ đó (chính vì chúng tôi muốn bảo vệ Xêriôgia), ngoại trừ vài dịp khi con trai tôi hoặc tôi trao đổi tin tức về tình trạng sức khỏe của nhau. Mọi dấu hiệu cho thấy thông tin Xêriôgia "không bị tù tội" là dối trá. Trong ba tháng vừa qua, nhiều lần tôi chuyển một khoản tiền khá ít ỏi theo tên vợ nó để giúp đỡ Xécgây trong chùng mực có thể. Sau khi không nhận được hồi âm chứng thực của con cháu tôi, đã nhiều lần tôi gạn hỏi ngân hàng nhưng đều vô hiệu. Ngày 6 tháng Mười một, Ngân hàng Tín dụng Na Uy thông báo như sau: "*les ordres en question restent inexécutés, vu que la bénéficiaire n' a pu être trouvé à l' adresse indiquée*" (chúng tôi không thể thực hiện được điều khoản đang kể tới bởi lẽ không tìm được người nhận ở địa chỉ nói trên). Theo đó, như vậy con cháu tôi cũng đã bị bắt. Con cháu tôi làm việc trong thư viện, hoàn toàn xa lạ với mọi cuộc đấu tranh chính trị và trong những năm gần đây, nó còn khổ sở vì bệnh phổi. Ba tháng trước đây, người phụ nữ trẻ này còn được tự do và đồng thời, nó là người duy nhất chăm sóc Xécgây. Lý do khiến người ta bắt nó chỉ có thể là vì tôi đã thử chuyển tiền cho nó. Bất kỳ một ủy ban quốc tế nào, bao gồm những người khả tín và chính trực, đều có thể dễ dàng nhận thấy: đã không có lý do nào khác (và bây giờ cũng không có) cho việc con cháu tôi bị bắt giam. Tôi cần phải tự đặt câu hỏi: giải thích ra sao đây về lần bắt giữ cuối cùng này? Chung quy chỉ là sự báo thù cá nhân, bỏ qua mọi cơ sở và mục đích chính trị? Hay đó là mục tiêu của Xtalin, nhằm giữ bí mật bằng mọi phương diện và càng lâu càng tốt trước công luận về những gì thực sự xảy ra đối với con trai tôi? Không thể thoát khỏi ý nghĩ rằng trong những hoàn cảnh mới này, cái tin do các nhà chức trách Xô-viết tung ra — theo đó con trai tôi "không bị tù tội" — đặc biệt có một ý nghĩa báo trước điềm gở và thật thảm khốc. Nếu Xêriôgia không bị tù đày thì nó ở đâu? Và giờ đây, vợ nó ở đâu?

Natalia Trótxcaia

Ngày 15 tháng Mười một 1935

Lép Xêđốp (người con, người bạn, người đồng chí)

Tặng giới thanh niên vô sản

Giờ đây, khi tôi viết những dòng này bên người mẹ của Lép Xêđốp [Léon Sedov], những bức điện chia buồn vẫn đến từ nhiều nước khác nhau. Và mỗi bức điện đó lại đặt tôi trước một câu hỏi không thể chịu đựng nổi: "Chẳng lẽ toàn thể bè bạn của chúng ta ở Pháp, ở Hà Lan, ở Anh và Mỹ, ở Canada và Nam Phi, và ở đây, ai nấy đều coi chuyện Xêđốp không còn nữa là việc đã rồi?" Mỗi bức điện tín là một bằng chứng mới về cái chết của nó. Mặc dù chúng tôi vẫn chưa muốn tin. Chẳng những vì nó là đứa con trai trung thành, hết lòng và yêu dấu của chúng tôi. Mà trước nhất bởi lẽ không có một ai gắn bó mật thiết với đời sống chúng tôi bằng nó, như một người cùng tư tưởng, một cộng sự, một người chăm lo cho chúng tôi, một cố vấn và một người bạn.

Thế hệ đứng tuổi trong đó có chúng tôi, từng đi theo con đường cách mạng vào cuối thế kỷ trước, nay đã bị gạt sang sang một bên. Những gì mà các nhà tù lao khổ của Nga hoàng, chế độ đày ải hà khắc, những thiếu thốn thời lưu vong, cuộc nội chiến và bệnh tật chưa thực hiện được, đã bị Xtalin — đòn đánh khủng khiếp nhất của cách mạng — kết liễu trong những năm cuối cùng. Sau thế hệ đứng tuổi, bộ phận ưu tú nhất của thế hệ giữa, từng gây dựng nên 1917 và trưởng thành trong 24 tập đoàn quân thuộc mặt trận cách mạng, cũng bị thủ tiêu. Người ta cũng giày xéo lên phần tinh hoa nhất của giới thanh niên, các bạn hữu cùng thế hệ với Lép. Cũng chỉ nhờ việc đưa tiễn chúng tôi đi đày, sau đó qua Thổ Nhĩ Kỳ, mà Lép mới sống sót một cách kỳ diệu. Trong những năm cuối của thời kỳ lưu vong, chúng tôi đã có được rất nhiều bạn hữu; trong số họ, có vài người gần như đã trở nên thành viên gia đình và rất gần gũi với chúng tôi. Nhưng tất cả những người ấy đều gặp chúng tôi lần đầu tiên khi chúng tôi đã bắt đầu già cả. Lép là người duy nhất biết chúng tôi và góp phần trong cuộc đời chúng tôi kể từ khi nó có mặt trên thế gian này. Lép giữ nguyên vẹn vẻ trẻ trung, như thể nó là người đồng thời với chúng tôi...

Lép theo chúng tôi suốt thời kỳ lưu vong lần thứ hai: Viên, Durích [Zürich], Pari, Bắcxêlôna [Barcelone], Niu Oóc, Amhéc (trại tập trung ở Canada) và cuối cùng, Pétorôgorát. Từ lúc còn là trẻ nhỏ — hơn mười hai tuổi —, nó đã cảm thấy theo cách của nó sự cần thiết của giai đoạn chuyển tiếp từ cách mạng tháng Hai đến cách mạng tháng Mười. Tuổi trưởng thành, ngọn lửa cách mạng đã hun nóng nó. Lép khai tăng thêm một tuổi để được vào đoàn Côm-xômôn [Komsomol] sớm hơn; lúc đó, tổ chức nói trên được mọi nhiệt huyết của thế hệ thanh niên thức tỉnh nung nấu.

Các thợ làm bánh trẻ tuổi mà Lép tuyên truyền trong nhóm họ, đã tặng nó những chiếc bánh mì tròn nhỏ mới ra lò và nó sung sướng cắp đi dưới chiếc áo khoác thùng một lỗ ở khuỷu tay. Đó là những năm tháng chấy bông và lạnh lẽo, tuyệt diệu và đói khát. Lép tự nguyện chuyển từ điện Kremli đến một ký túc sinh viên vô sản để khỏi trội hơn các bạn bè. Nó không chịu cùng chúng tôi đi xe hơi để khỏi tận hưởng đặc quyền của giới quan liêu. Ngược lại, nó chăm chỉ tham gia những công tác xã hội và những đợt "động viên lao động", nó quét tuyết trên đường phố Mátxcova, nó đi "thanh toán" nạn mù chữ, bốc vác bánh mì và củi sưởi khỏi các toa tàu, và sau đó, khi đã là sinh viên trường Kỹ thuật, nó sửa chữa đầu máy xe hỏa. Lép chỉ không được ra mặt trận thực sự vì nó mới mười lăm tuổi khi cuộc nội chiến kết thúc. Tuy nhiên, vài lần nó cùng tôi ra mặt trận, cảm nhận những hoàn cảnh ngặt nghèo và nó biết chắc chắn tại sao lại diễn ra cuộc chiến đẫm máu ấy.

Những tin tức cuối cùng của các hãng thông tấn cho biết Lép Xêđốp sống ở Pari "trong những hoàn cảnh nghèo khổ nhất"; chúng tôi phải nói thêm là nó sống khổ cực hơn nhiều so với một công nhân chuyên nghề. Nhưng hồi xưa ở Mátxcova, khi cha mẹ nó giữ cương vị cao cấp, nó cũng không sống khá giả hơn so với thời gian cuối cùng ở Pari, thậm chí còn tệ hơn. Thử hỏi đây có phải là hiện tượng chung trong giới con cái cán bộ? Không, đây là ngoại lệ, kể cả trong thời gian đó. Trong đứa bé này, cũng như trong cậu thiếu niên và chàng thanh niên về sau, ý thức trách nhiệm và chủ nghĩa anh hùng đã thức tỉnh rất sớm.

Năm 1923, Lép lao ngay vào công việc của phe đối lập. Hoàn toàn không đúng nếu ta chỉ thấy ảnh hưởng của cha mẹ trong chuyện này. Bởi lẽ nó chuyển từ căn hộ âm áp ở điện Kremli đến ký túc xá chật

chối, lạnh lẽo và nhớp nháp, và mặc dù không cản đường nó, việc đó đã diễn ra trái với ý muốn của chúng tôi.

Đường lối chính trị của nó, vốn được xác định bởi chính các trực giác, đã khiến nó ưu tiên chọn những toa tàu điện chật cứng thay vì những chiếc li-mu-din của điện Kremli. Cương lĩnh của phe đối lập chỉ mang lại sự diễn đạt chính trị cho những nét cơ bản của tính cách nó. Lép đoạn tuyệt không thương tiếc với các bạn học — được những người cha quan liêu của họ gắng sức bảo vệ trước họa "chủ nghĩa trốt-kít" — và nó tìm được đường đến với những người bạn của nó, những người làm bánh. Cuộc đời có ý thức của nó đã bắt đầu như thế, vào năm mười bảy tuổi.

Nó nhanh chóng nắm vững những mưu mẹo của công tác hoạt động bí mật: họp hành bất hợp pháp, in ấn bí mật, lưu hành các văn kiện của phe đối lập. Chẳng bao lâu, đoàn Côm-xô-môn tạo nên những người, sau này trở thành các lãnh tụ đối lập với chính nó.

Lép nổi bật bởi năng khiếu toán học xuất sắc của nó. Không mệt mỏi, nó giúp đỡ các học sinh vô sản chưa có điều kiện tốt nghiệp phổ thông. Nó lao vào công việc này với tất cả lòng nhiệt tình, khích lệ, kéo mọi người tiến lên, khiển trách những kẻ lười biếng; nó quan niệm việc giúp đỡ giới thanh niên học hỏi như sự phục vụ giai cấp của nó. Việc học của nó cũng tiến triển rất hiệu quả ở Học viện Kỹ thuật. Nhưng những chuyện này chỉ chiếm một phần nhỏ thời gian làm việc của nó. Nó dành phần lớn thì giờ, sức lực, nhiệt huyết của nó để phục vụ sự nghiệp cách mạng.

Mùa đông 1927, khi cảnh sát bắt đầu đàn áp phe đối lập, Lép mới hai mươi hai tuổi. Nó đã có một cháu trai nhỏ, và nó tự hào đưa đến nhà chúng tôi ở điện Kremli để khoe. Nhưng nó không hề do dự, dù chỉ trong giây phút, khi quyết định rời gia đình và bỏ học hành để chia sẻ số phận với chúng tôi ở vùng Trung Á.

Nó đã hành động không như một thanh niên đơn thuần, mà như một bạn chiến đấu: bằng bất cứ giá nào, phải đảm bảo mối quan hệ của chúng tôi với Mátxcova. Thật thế, hoạt động của nó trong suốt một năm trời ở Anman-Ata là vô tiền khoáng hậu. Nó là bộ trưởng Ngoại giao, là cảnh sát trưởng và là người chịu trách nhiệm thông tin của chúng tôi. Và trong tất cả những công việc này, nó buộc phải dựa vào bộ máy bất hợp pháp. Được sự ủy nhiệm của trung tâm đối lập ở Mátxcova, Kh. — một đồng chí trung thành và đáng tin cậy — kiếm được một cỗ xe ngựa và nó hành nghề đánh xe thư độc lập giữa Anma-Ata và Phorundê (Pisopéc), thời ấy là ga xe hỏa cuối cùng. Nhiệm vụ của nó là chuyển bưu phẩm bí mật từ Mátxcova về chỗ chúng tôi, hai tuần một lần, và ngược lại, đưa thư từ của chúng tôi cùng các bản thảo đến Phorundê, tại đó người của Mátxcova chờ nó. Đôi lúc, có những liên lạc viên đặc biệt từ Mátxcova đến chỗ chúng tôi. Gặp gỡ được họ không đơn giản. Chúng tôi bị phân vào một căn hộ mà từ phía đều có các công sở của G.P.U. hoặc nhà ở của các nhân viên thuộc cơ quan này. Những mối quan hệ của chúng tôi với thế giới bên ngoài hoàn toàn phụ thuộc vào Lép. Trong đêm tối mưa dầm, tuyết đọng, nó lặn khỏi nhà, hoặc lợi dụng những khi bận mật vụ mất cảnh giác, ban ngày nó biến khỏi thư viện và thiết lập mối quan hệ với người liên lạc ở bể bơi công cộng, ở bụi cây rậm rạp hoặc ở chợ giời phương Đông, nơi những người Kiécghidi chen chúc cùng lũ ngựa, lừa và hàng hóa của họ. Lần nào cũng vậy, mê say và hạnh phúc, nó trở về với ngọn lửa chiến đấu hùng hục trong đôi mắt và vật báu quý giá trong túi. Trong vòng một năm, không lần nào kẻ địch bắt được nó. Hơn thế nữa, nó còn có thể duy trì mối quan hệ "đúng mực" ở mức độ cao nhất, một mối quan hệ gần như "thân thiện", với những kẻ thù địch, những người "đồng chí" ngày hôm qua, chứng tỏ sự tế nhị và lòng tự chủ cao độ, sẵn sàng và bảo vệ chúng tôi khỏi những đòn đánh từ bên ngoài.

Đời sống tinh thần của phe đối lập trở thành vấn đề then chốt trong năm diễn ra Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản. Trong các bưu kiện từ Mátxcova, những người bạn thân quen và không quen biết gửi cho chúng tôi hàng chục lá thư, bài vở, luận đề. Những tháng đầu, cho đến khi G.P.U. chưa đột ngột thay đổi đường lối, thông qua con đường chính thức, có vô số thư đến từ nhiều nơi đầy ắp khác nhau. Cần phải xác định phương hướng một cách cẩn thận trong khối tài liệu hỗn hợp đó. Và khi đó, không khỏi sửng sốt, tôi thấy rõ đứa trẻ đã trưởng thành biết nhường nào đối với chính tôi mà tôi không nhận ra, nó hiểu biết tường tận con người đến mức nào, — nó quen biết nhiều người đối lập hơn tôi rất nhiều — trực giác cách mạng của nó đáng tin cậy biết bao, tạo cho nó khả năng phân biệt không do dự cái thật với cái giả, nội dung với hình thức. Trong khi chúng tôi trao đổi ý kiến, cặp mắt mẹ nó ngời lên tự hào, bà hiểu rõ đứa con trai hơn tôi.

Từ tháng Tư đến tháng Mười, chúng tôi nhận được khoảng 1.000 lá thư chính trị, văn kiện và chừng 700 bức điện. Đồng thời, chúng tôi gửi đi 550 bức điện và ít nhất 800 bài luận chính trị, kể cả hàng loạt tác phẩm đáng kể như *Phê bình cương lĩnh của Quốc tế Cộng sản v.v...* Thiếu con trai tôi, hẳn tôi đã không hoàn thành nổi phần nửa công việc này.

Tuy nhiên, sự cộng tác mật thiết ở mức độ như thế vẫn không có nghĩa là giữa chúng tôi không có

những cuộc tranh luận, thậm chí, đôi khi có những đụng độ gay gắt. Quan hệ của tôi với Lép khi đó, cũng như trong thời gian lưu vong về sau, hoàn toàn không bằng phẳng và quang đặng. Đối lại những nhận xét kiên quyết của nó, lắm khi bất kính đối với một vị "lão trượng" nào đó thuộc phe đối lập, tôi cũng đưa ra những ý kiến chân chính và bảo vệ những quan điểm của bản thân. Hơn nữa, tôi hay tỏ ra cho nó thấy sự cầu kỳ và cầu toàn, vốn đặc trưng cho tôi trong các sự việc thực tiễn. Những tính cách đó của tôi, có thể có ích, thậm chí cần thiết trong công việc có tầm vóc lớn, nhưng tương đối khó chịu đựng trong những mối quan hệ cá nhân, chúng thường gây trở ngại cho cuộc sống những người gần gũi tôi nhất. Và bởi lẽ trong giới thanh niên, con trai tôi là người gần gũi tôi nhất, thành thử đối với nó, mọi thứ đều khó khăn hơn so với bất kỳ kẻ nào khác. Một người quan sát không thông thạo còn có thể tin rằng mối quan hệ của chúng tôi lạnh lẽo và xa cách. Nhưng sau vẻ bề ngoài đó, nung nấu một sự quyến luyến khăng khít, sâu sắc từ cả hai phía, hơn nhiều so với tình máu mủ thông thường: nó có cơ sở trên nền tảng sự tương đồng quan điểm và đánh giá, yêu và ghét, trên những niềm vui và nỗi khổ cùng trải qua, và trên những hi vọng chung lớn lao.

Và vào từng thời điểm, tình cảm quyến luyến chung đó lại bùng cháy thành ngọn lửa sống động, bù đắp cho chúng tôi hàng trăm lần những mâu thuẫn nhỏ nhặt thường ngày.

Chúng tôi đã sống như thế, cách Mátxcova bốn ngàn, cách tuyến đường sắt 250 cây số. Đó là một năm đầy khó khăn và không thể nào quên, đọng lại trong hồi ức chúng tôi như năm của Lép, chính xác hơn, năm của Lêvich [Levik] hay Lêvusca [Levuchka] như chúng tôi thường gọi. Tháng Giêng 1929, Bộ Chính trị buộc chúng tôi phải rời lãnh thổ Liên Xô — sau này chúng tôi mới hay — về hướng Thổ Nhĩ Kỳ. Các thành viên gia đình được phép tiễn đưa chúng tôi. Một lần nữa, không hề do dự, Lép quyết định cùng chúng tôi đến nơi đây ải, vĩnh viễn để lại sau lưng người vợ và đứa con nhỏ mà nó rất đổi yêu thương.

Bắt đầu một chương mới trong cuộc đời chúng tôi, gần như chúng tôi phải làm lại từ đầu. Cần có những mối quan hệ mới, cần quen biết và kết bạn với những con người mới. Và một lần nữa, chàng trai của chúng tôi là kẻ vạn năng: nó làm công việc môi giới, thư ký như ở Anma-Ata, trong những lĩnh vực rộng lớn hơn hẳn. Trong những tháng năm rục rờ của cách mạng, nó đã quên gần hết những ngoại ngữ mà thuở nhỏ nó từng thạo hơn tiếng Nga. Phải học lại những ngoại ngữ đó. Khởi đầu công việc văn chương chung. Các tư liệu và tủ sách hoàn toàn nằm trong tay Lép. Nó biết rõ các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin, nó vô cùng thông thạo các sách vở và bản thảo của tôi, nó hiểu biết lịch sử đảng và lịch sử cách mạng, cũng như lịch sử những giả mạo mang tinh thần Tháng Nóng. Trong cái hỗn tạp của thư viện công cộng ở Anma-Ata, nghiên cứu một cách tổng quát những số báo *Prápđa* thuộc thời kỳ Xô-viết với một sự nhanh trí không chút lảm lẩn, nó đã chọn lọc và ghi chép lại những số báo đó. Thiếu tài liệu vô giá này, cũng như thiếu quá trình tìm tòi của Lép trong kho lưu trữ và trong các thư viện — trước tiên ở Thổ Nhĩ Kỳ, rồi ở Béclin và cuối cùng ở Pari —, tôi đã không thể hoàn thành bất cứ một tác phẩm nào trong vòng mười năm trở lại đây, kể cả cuốn *Lịch sử cuộc cách mạng Nga*. Sự cộng tác có giá trị vô ngần của nó tuyệt nhiên không phải chỉ mang tính chất kỹ thuật. Thường thường, việc thu thập dữ liệu độc lập, những tuyển tập trích dẫn và phân tích của nó đã đặt nền móng cho phương pháp diễn đạt cũng như các kết luận của tôi. Trong cuốn *Cuộc cách mạng bị phân bội*, có vô số trang sách tôi viết trên cơ sở vài dòng trong thư con tôi, hoặc nó gửi cho tôi minh họa của báo chí Xô-viết — thứ tôi không thể có được — và như thế, tôi có thể sử dụng được chúng. Nó còn tạo điều kiện cho tôi có nhiều tư liệu hơn thế nữa, khi tôi viết tiểu sử Lênin. Chỉ có thể có một sự cộng tác như thế khi tình đoàn kết lý tưởng trở thành máu thịt trong chúng tôi. Thực ra, trong hầu hết những sách vở tôi viết sau năm 1928, cạnh tên tôi cần đề thêm tên con trai tôi nữa.

Tại Mátxcova, Lép còn hai năm nữa cho đến khi đạt được trình độ kỹ sư. Ở nước ngoài, tôi cùng mẹ nó khuyến khích nó học lại bộ môn khoa học bị bỏ dở. Thời gian ở đảo Prinkipô, phối hợp chặt chẽ với Lép, chúng tôi thành lập được một nhóm gồm những cộng sự trẻ tuổi đến từ nhiều nước. Lép chỉ đồng tình ra đi vì lý lẽ ở Đức, nó có thể phục vụ phe tả đối lập quốc tế một cách vô giá. Tại Béclin, nó tiếp tục học tập (phải làm lại từ đầu), đồng thời nó cũng lao vào hoạt động cách mạng. Chẳng bao lâu, nó trở thành chủ tịch phân bộ Nga của Ban Bí thư Quốc tế. Những bức thư nó gửi chúng tôi ngày ấy cho thấy nó thích nghi nhanh chóng với môi trường chính trị Tây Âu và Đức, nó hiểu tường tận con người và thông suốt vô số những đụng độ và bất đồng quan điểm trong giai đoạn trứng nước của phong trào chúng ta. Trực giác cách mạng được làm giàu bởi những kinh nghiệm nghiêm túc đã giúp nó lần ra chính xác con đường đúng đắn trong hầu hết mọi trường hợp. Đọc lá thư vừa mới xé ra của nó, biết bao lần chúng tôi mừng rỡ vì những suy xét và kết luận mà tôi vừa mới lưu ý nó vào ngày hôm qua. Và nó mừng rỡ một cách mê say và kỹ luật biết nhường nào khi những tư tưởng của chúng tôi gặp nhau. Không còn nghi ngờ gì nữa, tuyển tập thư từ của Lép sẽ là một trong những nguồn tư liệu quý giá nhất của quá trình nghiên cứu lịch sử hình thành nội bộ của Đệ tứ Quốc tế.

Nhưng, nhưng vụ việc xảy ra ở Nga vẫn là trung tâm sự chú ý của nó. Ngay từ lúc ở Prinkipô, trong thực tế nó là người phát hành tờ *Thông tin Đối lập* bằng tiếng Nga, kể từ thuở ban đầu (giữa năm

1929); còn từ khi đi Béclin (đầu năm 1931) công việc này tuyệt nhiên tập trung hết vào nó, sau khi tờ *Thông tin* cũng theo nó rời Pháp.

Lá thư cuối cùng của Lép viết ngày 4 tháng Hai 1938, tức 12 ngày trước khi nó ra đi, mở đầu như sau: "Con gửi cho cha mẹ bản in thử tờ *Thông tin* vì chiếc tàu thủy tiếp tới còn lâu mới khởi hành. Còn tờ *Thông tin* thế nào cũng phải xong vào sáng ngày mai."

Mỗi một số báo ra đời là một sự kiện nho nhỏ trong đời nó, một sự kiện nho nhỏ đặt được thông qua những cố gắng lớn: biên soạn tờ báo, chỉnh lý bài vở, viết bài, sửa chữa cẩn trọng bản in thử, thư từ với các bạn bè và phóng viên, và cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng: tìm kiếm phương tiện làm ra tiền. Ngược lại, nó tự hào đến mức nào trước mọi số báo "thành công"! Trong những năm đầu thời lưu vong, nó có quan hệ thư từ rộng rãi với những người đối lập ở Liên Xô. Nhưng đến năm 1932, G.P.U. đã thanh toán hầu hết toàn bộ những mối quan hệ của chúng tôi. Phải thu thập thông tin qua đường vòng. Lép luôn luôn sẵn sàng, nó chăm chú tìm kiếm những mối quan hệ từ nước Nga. Sự chú ý của nó được mở rộng sang những người du lịch về nước, những sinh viên Xô-viết theo học hệ đào tạo từng phần và những nhân viên ngoại giao đồng tình với nó. Ở Béclin rồi ở Pari, nó chạy ngược chạy xuôi hàng tiếng đồng hồ để thoát khỏi các mật vụ G.P.U. luôn theo sát nó, khỏi làm liên lụy đến những người mang tin đến cho nó. Trong những năm tháng đó, chưa bao giờ có ai bị thiệt hại bởi nó mất cảnh giác, sơ xuất hoặc bông bột. Trong hồ sơ số sách của G.P.U., nó được gọi dưới biệt hiệu "Chàng trai". Như Raixơ [Raiss] (đã quá cố) cho biết, nhiều khi người ta phải thốt lên ở Lubianca [Lubianka]: "Chàng trai làm việc khéo léo lắm, ông già hẳn sẽ khốn đốn nếu không có anh ta". Đây là một sự thật lớn lao. Hẳn chúng tôi sẽ khốn đốn nếu không có nó! Sẽ khó khăn nếu vắng nó! Chính vì thế mà các mật vụ G.P.U. — những kẻ đã xâm nhập vào các tổ chức của phe đối lập — đưa Lép vào khuôn khổ theo dõi chặt chẽ, bao vây nó bởi mạng lưới của những mưu mô, những thủ thuật khôn nạn. Trong các vụ án Mátxcova, tên nó luôn được nhắc đến cùng tên tôi. Mátxcova tìm cơ để thanh toán nó, bằng bất cứ giá nào.

Sau khi Hitle [Hitler] lên nắm quyền, tờ *Thông tin Đối lập* bị cấm ngay tức khắc.

Lép còn ở lại Đức vài tuần, nó làm những việc bất hợp pháp và trốn tránh cơ quan Ghestapô [Gestapo] trong những căn hộ xa lạ. Cùng mẹ nó, tôi phải lập tức báo động và kêu gọi nó nhanh chóng rời nước Đức. Mùa xuân 1933, rốt cục Lép quyết định rời bỏ đất nước mà nó đã quen biết và yêu quý, và di cư sang Pháp; ngay sau đó tờ *Thông tin* cũng theo nó. Ở đây, Lép lại đi học lại. Nó phải thi theo chương trình phổ thông trung học Pháp, rồi bắt đầu học lại khoa Toán — Lý từ năm thứ nhất ở trường Xoócbon [Sorbonne], bây giờ đã là lần thứ ba. Ở Pari, nó sống trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, nó cũng chỉ có thể theo học đại học một cách không thường xuyên nhưng nhờ năng khiếu xuất sắc, nó đã hoàn thành mọi nhiệm vụ và đạt được văn bằng.

Còn hơn cả thời ở Béclin, tại Pari, Lép dành phần lớn sức lực của nó để phụng sự cách mạng và cộng tác viết văn với tôi. Trong những năm gần đây, Lép ngày càng viết đều đặn hơn trong báo chí Đệ tứ Quốc tế. Căn cứ vào một số dấu hiệu nhất định, nhất là vào những ghi chép hồi tưởng cho tự truyện của tôi, ngay từ khi ở đảo Prinkipô, tôi đã cảm thấy tài năng văn chương của nó. Nhưng bởi lẽ quá bận bịu với mọi thứ công việc khác, và bởi chúng tôi cùng có chung những suy nghĩ và đề tài, nó để lại công việc viết lách cho tôi. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, như tôi còn nhớ, nó chỉ viết một bài đáng kể với tựa đề *Xtalin và Hồng quân, hay là người ta đã viết lại lịch sử như thế nào?*, ký bút hiệu Nh. Máckin. Máckin là một thủ tục cách mạng, Lép từng có một tình bạn đầy lòng mến phục với Máckin từ thời thơ ấu. Công trình này của nó được đưa vào cuốn sách *Trường phái giả mạo lịch sử kiểu xta-lin-nít* của tôi. Tiếp tới, những bài viết của Lép ngày càng xuất hiện thường xuyên trên tờ *Thông tin* và những ấn bản khác của Đệ tứ Quốc tế, lần nào cũng vì nhu cầu cấp thiết.

Lép chỉ viết nếu có gì để nói và khi nó biết rằng không ai có thể viết hơn nó. Trong thời kỳ chúng tôi ở Na Uy, từ nhiều nơi người ta kêu gọi tôi phân tích phong trào Xtakhanốp [Stakhanov]; ở một mức độ nào đó, việc này tương đối bất ngờ với chúng tôi. Khi đã rõ là tôi không thể thực hiện nhiệm vụ đó vì bệnh tật kéo dài, kèm một lá thư khiêm tốn, Lép gửi cho tôi dự thảo bài viết về phong trào Xtakhanốp. Đây là một công trình tuyệt vời, một bản phân tích nghiêm chỉnh và đa dạng, được trình bày cô đọng và sáng sủa. Tôi nhớ là sự khen ngợi của tôi đã khiến Lép rất mừng rỡ. Bài viết được in bằng nhiều thứ tiếng và lập tức, loại công việc ăn lương theo sản phẩm "xã hội chủ nghĩa" thực hiện dưới ngọn roi của chủ nghĩa quan liêu được lộ ra trong ánh sáng đúng đắn. Hàng chục bài viết về sau không thêm được điều gì quan trọng vào sự phân tích đó.

Tuy nhiên, tác phẩm chính của Lép là cuốn sách *Vụ án Mátxcova*, nói về vụ xét xử mười sáu người (Dinôviép, Camênhép, Xmiécnốp...), đã được ấn hành bằng tiếng Pháp, Nga và Đức. Thời gian đó, tôi và vợ tôi bị giam giữ ở Na Uy, tay chân chúng tôi bị trói buộc và chúng tôi bị đặt trước những lời buộc tội phi lý nhất. Trong một số trường hợp, người bị bệnh bại liệt thấy, nghe và hiểu mọi thứ, nhưng họ

không thể cử động chân tay để ngăn chặn nguy hiểm chết người. Chính phủ "xã hội" Na Uy đã đẩy dọa chúng tôi vào cảnh bất động chính trị như thế. Cuốn sách của Lép là một món quà vô giá đối với chúng tôi trong tình trạng lúc bấy giờ. Nó là đòn giáng trả đầu tiên chống lại những kẻ giả mạo tụ tập trong điện Kremli. Tôi nhớ những trang đầu tiên còn có vẻ nghèo nàn, nhưng chỉ bởi nó lặp lại lời đánh giá chính trị về hiện trạng chung của Liên Xô mà tôi đã biết từ trước. Nhưng từ khi tác giả chuyển sang việc phân tích vụ án một cách độc lập, cuốn sách hoàn toàn lỗi cuốn tôi. Mỗi một chương mới lại có vẻ xuất sắc hơn chương trước. "Hoan hô Lêvusca!" — tôi bảo vợ tôi. "Đã có người bảo vệ chúng ta". Khi đọc lời khen ngợi pha lẫn cảm phục của chúng tôi, cặp mắt nó hẳn đã ngời lên vì hạnh phúc. Vài tờ báo — chẳng hạn như cơ quan ngôn luận trung ương đảng Xã hội Dân chủ Đan Mạch — thẳng thừng đưa ra ý kiến rằng đối với họ, dường như giữa những điều kiện bị giam giữ khó khăn, tôi vẫn tìm được cách soạn thảo công trình đó, ra đời dưới tên Xêđốp. "Nhận ra ngòi bút Trótxki"... Tất cả chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng. Tôi không viết một dòng nào trong cuốn sách này. Giờ đây, nhân cuốn sách này, nhiều đồng chí của chúng tôi có chiều hướng chỉ quan hệ với Xêđốp như với "con trai Trótxki" — cũng như trong một thời gian dài, người ta chỉ coi Các Lípnhéc như con trai của Vinhem Lípnhéc [Wilhelm Libknecht] — đã có thể nhận ra rằng Lép chẳng những độc lập, mà còn là một nhân vật quan trọng.

Lép đã viết như nó làm mọi việc khác: chính trực. Nó nghiên cứu, cẩn nhắc, kiểm tra. Nó xa lạ với tính hiệu danh của kẻ viết lách. Trò hùng biện tuyên truyền không cảm dỗ nổi nó. Vậy mà trong mỗi dòng nó viết, bùng cháy một ngọn lửa sống được sưởi ấm bởi tấm lòng cách mạng chân thành.

*

Những biến động chính trị lớn của thời đại chúng ta và hòa nhập với chúng, những sự kiện mang tính chất gia đình của cuộc đời chúng tôi đã làm thành và tôi luyện nên bầu nhiệt huyết cách mạng đó. Năm 1905, người mẹ ngồi trong nhà tù Pêtécbuva, chờ đứa con ra đời. Mùa thu, những xu hướng chính trị tự do giải phóng bà. Thăng bé được sinh ra vào tháng Hai năm sau. Lúc đó tôi đã bị cầm tù. Sau khi trốn khỏi Xibêri, lần đầu tiên tôi mới được nhìn đứa con trai tôi. Như một ấn tượng trước tiên, hơi thở của cuộc cách mạng Nga thứ nhất bao phủ thẳng bé, thất bại của cuộc cách mạng đó đẩy chúng tôi qua Áo. Chiến tranh nổ ra khi nó mới lên tám, buộc chúng tôi phải sang Thụy Sĩ. Bài học lớn tiếp tới đối với nó là việc tôi bị trục xuất khỏi Pháp. Trên con tàu thủy, nó trò chuyện bằng cách vung vẩy tay chân ra hiệu với anh đót lò người Catalan [Catalonie]. Nó coi cách mạng là tất cả những gì tốt đẹp, trước hết là việc nó được trở về Nga. Trên đường về nhà từ Mỹ, tại Heliphécxơ, cậu bé Lêvích mười một tuổi dùng nắm đấm bé nhỏ thụi lấy thụi để tên sĩ quan người Anh. Nó biết phải đâm ai, nó không đâm những người lính thủy đã lôi chúng tôi khỏi con tàu, mà nhằm vào tên sĩ quan chỉ huy. Ở Canada, trong thời kỳ chúng tôi bị giam giữ trong trại tập trung, nó đã học được cách giấu thư từ của chúng tôi và đem đi bỏ vào thùng thư công cộng mà không ai nhận thấy, thành thử những lá thư đó qua được mắt cảnh sát. Về đến Pêtorôgorát, lập tức chúng tôi rơi vào giữa một cuộc truy lùng chống những người bôn-sê-vích. Trong trường học tư sản mà thoát đầu nó đến học, con cái những kẻ có tư tưởng tự do và bọn xã hội cách mạng dần cho nó nhiều trận nên thân vì nó là con trai Trótxki. Một lần, tay chảy máu đầm đìa, nó chạy đến Nghiệp đoàn Thợ mộc, nơi làm việc của mẹ nó, vì nó vừa có một cuộc va chạm nho nhỏ với đứa con của Kêrenxki. Nó tham gia mọi hoạt động trên đường phố của những người bôn-sê-vích và nó cũng ẩn náu sau các công nghệ, lẩn tránh những phần tử vũ trang của Mặt trận Dân tộc hồi đó (liên minh những người dân chủ lập hiến, xã hội cách mạng và men-sê-vích). Sau những ngày tháng Bày, nhọt nhọt và gày gò, nó đến thăm tôi trong nhà tù của Kêrenxki và Xêrêtel. Trong bữa trưa tại nhà một gia đình đại tá quen biết, Lép và Xêcgây lăm lăm con dao, nhào vào người sĩ quan đã dám tuyên bố rằng những người bôn-sê-vích là mật vụ của hoàng đế. Cũng bằng một cách thức tương tự, hai đứa trẻ đáp lại kỹ sư Xêrêborôpxki, ngày nay là ủy viên Ban Trung ương của Xtalin, khi anh này cố gắng thuyết phục chúng rằng Lênin là gián điệp Đức. Từ sớm, Lép đã cẩn rang đọc những lời lẽ vu khống trong báo chí. Nó trải qua những ngày tháng Mười cùng Máckin, một thủy thủ, anh đã dạy nó bắn súng dưới tầng hầm trong những giờ rỗi rảnh.

Người chiến sĩ tương lai đã hình thành như thế. Không, cách mạng đối với nó không phải là một khối trừu tượng trống rỗng, cách mạng đã ăn sâu vào xương tủy nó. Vì thế, nó thực hiện rất nghiêm chỉnh các bổn phận cách mạng, kể từ những lời hứa hoàn thành nhiệm vụ và những buổi phụ đạo cho những người yếu kém. Vì thế, sau này nó cương quyết tham gia cuộc chiến đấu chống quan liêu. Mùa thu 1927, Lép làm một chuyến đi "đổi lập" ở vùng Uran cùng Morátôpxki và Biêlôbôrôđốp. Sau khi trở về, với vẻ khâm phục thành thực, cả hai người đều nói về phẩm hạnh của Lép trong cuộc đấu tranh gay gắt và bế tắc, về những bài phát biểu cương nghị của nó trong các phiên họp thanh niên, về lòng dũng cảm thể xác vô song mà nó đã đem ra để đương đầu với những băng đảng du côn của bọn quan liêu, và về phẩm chất đạo đức đã khiến nó có thể ngẩng cao đầu chịu đựng thất bại. Sáu tuần sau đó, khi nó trở về từ Uran, tôi đã bị

khai trừ khỏi đảng. Nó có thời gian chuẩn bị cho chuyến đi đây. Trong con người nó, hoàn toàn không có chút dấu vết của sự bông bột hoặc sự liều lĩnh kiêu ngạo. Nó thông minh, thận trọng và mực thước. Nhưng nó biết nhân tố tiếp sức sống cho cách mạng, cũng như cho chiến tranh, là hiểm nguy. Nó có khả năng đương đầu với hiểm nguy khi cần thiết, và nó thường xuyên phải làm điều này. Cuộc sống của nó ở Pháp — nơi người ta có thể tìm thấy những bạn bè của G.P.U. tại mỗi tầng của tòa nhà nhà nước — hầu như liên tục bị nguy khốn. Lũ sát nhân chuyên nghiệp theo sát nó. Chúng sống ngay trong căn hộ bên cạnh. Chúng đánh cắp thư từ, tài liệu, chúng nghe trộm những cuộc nói chuyện của nó qua điện thoại. Hồi phục sau một trận ốm, khi nó đi nghỉ hai tuần tại bờ biển Xích đạo — đây là lần duy nhất nó được đi nghỉ trong suốt bao năm trời rỗng rã —, các nhân viên G.P.U. cũng xâm nhập chính nhà trọ nơi nó thuê. Khi nó chuẩn bị đến Muynhaoden [Mühlhausen] để gặp gỡ một trạng sư Thụy Sĩ vì những vụ cáo báo chí xta-lin-nít, cả một bè đảng G.P.U. đã chờ nó tại sân ga Muynkhaoden; đó chính là những kẻ sau này sẽ sát hại Igomachi Raixơ [Ignati Raiss]. Lép chỉ thoát khỏi thất bại chắc chắn vì nó bị sốt 40 độ vào ngày hôm trước và không thể rời Pari. Những ban ngành tư pháp Pháp và Thụy Sĩ đã xác nhận các thực tế trên đây. Và còn biết bao bí ẩn ngấm ngấm, chưa được phát hiện? Cách đây ba tháng, những người bạn gần gũi nhất của nó viết thư cho chúng tôi, nói rằng ở Pari, nó đứng trước hiểm nguy quá trực tiếp, và họ thúc giục nó qua Mêhicô [Mexique]. Lép đáp rằng quả thực có những mối nguy hiểm, nhưng hiện tại Pari là một cứ điểm chiến đấu quan trọng, từ bỏ nó sẽ là một tội lỗi. Mọi người phải chịu thua trước lập luận đó của nó.

Từ mùa thu năm ngoái, khi những nhân viên Xô-viết ở nước ngoài lần lượt thoát khỏi ảnh hưởng của điện Kremli và G.P.U., cố nhiên Lép rơi vào giữa những sự kiện dày đặc. Vài bạn hữu của nó phản đối việc tiếp xúc với những đồng minh mới "không thể kiểm chứng nổi", họ nói rằng có thể đó là những kẻ khiêu khích. Lép trả lời: chắc hẳn có mạo hiểm, nhưng không thể thúc đẩy quá trình quan trọng này nếu chúng ta đứng sang một bên. Lần này, mọi người cũng phải chấp nhận Lép như con người được tự nhiên sinh ra và được hoàn cảnh chính trị cấu thành. Như một người cách mạng đích thực, nó chỉ coi trọng cuộc sống của nó trong chừng mực cuộc sống đó phục vụ phong trào đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản.

*

Ngày 16 tháng Hai, một mẫu tin vắn trong báo chí buổi tối ở Mêhicô đưa tin Lép Xêđóp qua đời trong quá trình phẫu thuật. Phải gấp rút hoàn thành công việc, tôi không có thời gian đọc các tờ báo này. Chính Điêgô Rivêra [Diego Rivera] đã kiểm tra thông tin trên đài và đưa tin dữ đến cho tôi. Sau một giờ, tôi thông báo tin con trai chúng tôi qua đời cho Natalia; cũng đúng vào tháng Hai, như 32 năm trước đây, khi Natalia báo cho tôi hay tin nó ra đời trong tù. 16 tháng Hai, ngày đen tối nhất của cuộc đời chúng tôi, đã chấm dứt như thế.

Chúng tôi đã chuẩn bị cho nhiều điều, hầu như cho tất cả, nhưng không nghĩ đến điều này. Bởi lẽ vừa mới đây, Lép viết cho chúng tôi rằng nó đã quyết định làm việc như một công nhân. Đồng thời, nó cũng bày tỏ ý định viết lịch sử phe đối lập Nga cho một học viện khoa học. Nó có biết bao dự định. Hai ngày trước khi biết tin nó chết, chúng tôi nhận được lá thư viết ngày 4 tháng Hai, chứa chan lòng yêu đời. Lá thư ở đây, trước mắt tôi. "Bọn con đang chuẩn bị cho vụ án Thụy Sĩ — nó viết —, giờ đây, tình thế hết sức thuận lợi trên phương diện 'công luận' và trên cả phương diện chính quyền". Nó còn tính toán trước đến một loạt sự kiện và dấu hiệu thuận lợi. "En somme nous marquons des points". Niềm tin vào tương lai tràn ngập lá thư. Thử hỏi, căn bệnh ác tính và cái chết bất ngờ sau 12 ngày này từ đâu mà ra? Bí ẩn sâu sắc che đậy câu hỏi đó. Có bao giờ chúng ta được biết rõ ràng điều này không? Giả thuyết đầu tiên và hiển nhiên nhất là người ta đã đầu độc nó. Lần lút đến gần Lép, gần áo quần của nó, thậm chí gần cả cuộc đời nó không thể là một nhiệm vụ quá khó khăn đối với các mật vụ của Xtalin.

Một chuyên gia pháp lý, cho dù có tránh khỏi những dẫn đo, những suy xét "ngoại giao", có thể rút được những kết luận cuối cùng như thế không? Nhờ sự phát triển của nền công nghiệp hóa học theo mục đích quân sự, nghệ thuật đầu độc có thể tạo nên những kết quả vượt xa mọi tưởng tượng. Đúng là người trần mắt thịt không thể biết đến các thủ thuật của thứ nghề này, nhưng điều đó không thành vấn đề với những kẻ pha chế độc dược của G.P.U. Không loại trừ sự tồn tại của một thứ độc dược mà sau khi nạn nhân qua đời, kể cả những cuộc khám nghiệm kỹ càng nhất cũng không phát hiện ra nổi. Và nào đã có sự đảm bảo cho một cuộc khám nghiệm cẩn trọng?

Hoặc giả, có thể người ta đã giết nó không thông qua độc dược? Chàng trai ấy, con người nhạy cảm và tế nhị, dịu dàng tận đáy sâu tâm hồn ấy đã phải chịu đựng quá nhiều. Chiến dịch đối trá từ nhiều năm chống cha nó và những đồng chí thân thuộc nhất — hơn tuổi nó — của nó, những người được Lép kính trọng và yêu quý từ thừa thiếu thời, đã chấn động sâu sắc đến cơ thể nó về mặt tinh thần. Làn sóng hạ vũ khí kéo dài của những người tham gia phe đối lập cũng giáng cho nó một đòn không kém phần nặng nề. Rồi việc Dina, con gái lớn của tôi tự sát ở Béclin; nó bị Xtalin chia cắt khỏi các con, khỏi gia đình và

những người xung quanh một cách tráo trở, xuất phát từ lòng khao khát báo thù. Ở đó, Lép đứng cạnh tử thi người chị, tay bê đĩa trẻ sáu tuần. Nó quyết định tìm cách liên lạc qua điện thoại với em trai là Xécgây ở Mátxcova. Không biết G.P.U. đi đâu khi nghe tin Dina đã tự sát, hay vì họ hi vọng sẽ theo dõi và phát hiện ra một dấu vết bí mật nào đó, nhưng vượt ngoài mọi dự tính, Lép nói chuyện được với đứa em ở Mátxcova và trực tiếp thuật lại được cho nó tất cả những chuyện. Đây là cuộc nói chuyện cuối cùng của hai con trai tôi, của hai anh em đau thương trước thi thể chưa nguôi lạnh của người chị. Lép gửi cho chúng tôi một bức thư ngắn và kiệm lời về ấn tượng đó. Nó muốn nhẹ tay với chúng tôi. Nhưng, có thể nhận ra nỗi căng thẳng nội tâm không thể chịu đựng nổi từ mỗi dòng chữ của nó.

Lép trải qua những khó khăn vật chất và thiếu thốn một cách nhẹ nhàng, coi đó là trò đùa, như một người vô sản thực thụ; tuy vậy, tất cả những điều đó cũng để lại dấu ấn ở nó. Những ấn tượng tinh thần tiếp tới còn tác động đến nó một cách tàn hại hơn nhiều. Vụ án mười sáu người ở Mátxcova, những tội danh bịa đặt, những lời thú nhận khủng khiếp của các bị cáo, trong số đó có Xmiécnốp và Morátcốpski, những người rất gần gũi với Lép và được nó vô cùng yêu quý; việc cha mẹ nó đột ngột bị tống đi Na Uy, bốn tháng sống trong cảnh mập mờ xa lạ, giấy tờ bị đánh cắp, chúng tôi bị chờ một cách bí ẩn qua Mêhicô; vụ án Mátxcova thứ hai với những tội danh và những lời thú nhận còn phi lý hơn; người em Xécgây mất tích sau khi bị buộc tội "đầu độc công nhân"; vô số người — trước đây là bạn thân của nhau, hoặc là bạn thân của nhau đến cùng — bị tử hình; sự truy lùng và những vụ mưu sát của G.P.U. ở Pháp, vụ ám sát Raixơ ở Thụy Sĩ; sự dối trá, đê tiện, bội bạc và giả mạo: không, đối với Lép, "chủ nghĩa xta-lin-nít" không phải là một khái niệm chính trị trừu tượng mà là một chuỗi không ngừng của những đòn đánh vào đạo đức và những thất bại tâm lý. Thử hỏi những bậc thầy ở Mátxcova có phải dùng đến môn hóa học không hay những việc họ làm từ trước đến giờ đã quá đủ?: kết luận chỉ là một và như nhau. Đó là những kẻ đã sát hại nó. Và cái tin nó chết được đánh dấu trong cuốn lịch Tháng Nóng như một ngày lễ trọng đại.

Trước khi hãm hại nó, người ta đã làm tất cả những gì để những người cùng thời với nó vu khống và bôi nhọ nó trong con mắt hậu thế. Hãn Dugátxvili [Djugachvili] và những trợ lý của ông ta muốn trình bày Lép như một điệp viên phát-xít, một đồng minh bí mật của những kẻ muốn phục hồi chế độ tư bản phản động tại Liên Xô, như kẻ tổ chức những vụ tai nạn tàu hỏa và sát hại công nhân. Thật là những cố gắng vô ích của những kẻ đê tiện! Vô số những lời thóa mạ bản thiêu theo tinh thần Tháng Nóng rơi rụng khỏi thân thể nó, không dấu vết. Lép là một con người hoàn toàn trong sạch và chính trực. Trong bất kỳ một cuộc hội họp công nhân nào, nó cũng có thể thuật lại cuộc đời — ngắn ngủi làm sao! — của nó, ngày này qua ngày khác, như tôi đang làm một cách vắn tắt bây giờ. Nó không hề phải ngượng ngập hoặc giấu diếm điều gì. Đức độ của nó làm nên phác thảo tính cách nó. Lép kiên định phục vụ sự nghiệp của những kẻ bị áp bức vì nó có thể trung thành với chính bản thân nó. Những sự kiện trọng đại và khủng khiếp đang ở trước mắt chúng ta, trở nên hạn hẹp trong những con người như thế. Nếu được sống qua những sự kiện ấy, Lép đã có thể chứng thực tài năng kiệt xuất thực sự của nó. Nhưng nó không được sống đến ngày đó! Lép không còn nữa, cậu bé, chàng trai, người bạn chiến đấu anh hùng!

Cùng thân mẫu của nó, người gần gũi nhất với nó trên thế gian này, giờ đây đang trải qua những giờ phút kinh khủng nhất, trong khi tôi gọi nhớ lại hình ảnh nó, từ nét này qua nét khác. Chúng tôi không thể tin rằng nó không còn nữa và chúng tôi bật khóc vì phải tin vào điều đó. Làm sao có thể chịu đựng được ý nghĩ rằng hành tinh này đã xoay vần thiếu nó, con người đã gắn bó với chúng tôi bằng biết bao sợi dây tình cảm triu mến, biết bao nỗi cảm thông và kỷ niệm chung không gì phân tách nổi. Không ai thấu hiểu chúng tôi, biết rõ những ưu và nhược điểm của chúng tôi, như nó. Cả hai chúng tôi là một phần của tuổi thanh niên nó. Hàng trăm, hàng trăm nguyên cơ khiến những suy nghĩ, những tình cảm của chúng tôi hướng về nó từng ngày, ở Pari. Cùng con trai của chúng tôi, những gì còn trẻ trung trong chúng tôi đã ra đi.

Cha mẹ vĩnh biệt con, Lép! Cầu Trời phù hộ cho con, người bạn duy nhất của cha mẹ! Cùng mẹ con, cha không hề nghĩ số phận lại trút xuống cha một gánh nặng kinh khủng như thế: phải viết bài truy điệu con. Cha mẹ hằng tin tưởng vững chắc rằng sau cha mẹ, con sẽ tiếp tục sự nghiệp chung, thật lâu. Nhưng cha mẹ đã không giữ gìn được cho con. Vĩnh biệt con, Lép! Cha mẹ để lại kỷ niệm sáng ngời của con cho thế hệ công nhân trẻ tuổi trên toàn thế giới. Con sẽ sống trong trái tim tất cả những người lao động, hằng chịu đựng và đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp hơn. Hỡi giới thanh niên cách mạng toàn cầu! Hãy noi gương Lép của chúng tôi, nó xứng đáng được các bạn tiếp nhận, và từ ngày hôm nay, hãy để nó tham gia một cách vô hình trong cuộc chiến đấu của các bạn, cho dù số phận đã tước khỏi nó niềm vui được chia sẻ với các bạn trong thắng lợi cuối cùng.

Côiôacan, ngày 20 tháng Hai 1938.

(Thông tin Đối lập số 64, tháng Ba 1938)

Di chúc của Trótxki

Tình trạng sức khỏe thực sự của tôi — bệnh huyết áp cao (và ngày càng tăng) — có thể đánh lừa môi trường xung quanh tôi. Tôi còn nhanh nhẹn và có khả năng làm việc, nhưng giải pháp cuối cùng dường như đã đến gần. Những dòng này chỉ được công bố sau khi tôi đã chết.

Ở đây, tôi thấy không cần thiết phải bác bỏ một lần nữa lời vu cáo ngu xuẩn và khốn nạn của Xtalin và bè lũ mật vụ của ông ta: danh dự cách mạng của tôi không hề có một vết nhơ nào. Giữa tôi và những kẻ thù của giai cấp công nhân, không bao giờ có một thỏa thuận bí mật, hoặc giả một cuộc đàm phán, kể cả gián tiếp hay trực tiếp. Hàng ngàn địch thủ của Xtalin đã là nạn nhân của những lời buộc tội tương tự và đã phải bỏ mạng. Mai đây, các thể hệ cách mạng mới sẽ trả lại danh dự chính trị cho họ, và những tên đao phủ điện Kremli sẽ phải trả giá theo "công trạng" của chúng.

Tôi vô cùng biết ơn các bạn hữu của tôi, những người đã thủy chung với tôi ngay cả trong những giờ phút khó khăn nhất của đời tôi. Tôi không nêu tên từng người vì không thể nêu tên được tất cả những người bạn đó.

Tuy nhiên, tôi cho mình quyền được thực hiện một ngoại lệ với người bạn đời của tôi, Natalia Ivanópna Xêđôva. Ngoài hạnh phúc được là người chiến sĩ của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, số phận còn cho tôi niềm sung sướng được là chồng của bà. Trong gần bốn mươi năm của cuộc đời chung của chúng tôi, tình thương yêu, tấm lòng cao thượng và sự tế nhị luôn là nguồn suối không bao giờ cạn. Bà đã đi qua những chịu đựng lớn lao, đặc biệt trong giai đoạn cuối của đời chúng tôi. Nhưng tôi cảm thấy yên lòng vì bà cũng từng được biết đến những ngày tháng hạnh phúc.

Tôi đã là người cách mạng trong suốt bốn mươi ba năm trường của cuộc sống có ý thức, trong đó bốn mươi hai năm nay tôi chiến đấu dưới lá cờ chủ nghĩa mác-xít. Nếu có thể làm lại từ đầu, cố nhiên tôi phải cố gắng tránh sai lầm này khác, nhưng mục đích tổng quát của đời tôi vẫn không thay đổi. Tôi sẽ chết như một người cách mạng vô sản, một người mác-xít, duy vật biện chứng và do đó, một người vô thần triệt để. Giờ đây, niềm tin của tôi vào tương lai cộng sản của nhân loại không kém phần bền vững, mà còn mạnh mẽ hơn những ngày tôi còn trẻ.

Lúc này, Natasa [Natacha] vừa mở rộng cánh cửa nhìn ra sân để cho không khí tự do tràn vào căn phòng tôi. Tôi thấy luồng cỏ xanh tươi chạy dọc tường, bầu trời trong xanh và đầu đầu cũng tràn ngập ánh mặt trời. Cuộc sống tuyệt đẹp. Các thể hệ mai sau hãy gạt rửa cuộc đời khỏi những gì tồi tệ, những sự áp bức, bạo lực và hãy hoàn toàn tận hưởng nó.

Cóioacan [Coyoacan] ngày 27 tháng Hai 1940. L. Trótxki.

Mọi tài sản còn lại sau khi tôi chết, toàn thể bản quyền văn học (những thu nhập xuất phát từ các cuốn sách, các bài viết của tôi và những thứ khác) đều thuộc về vợ tôi, Natalia Ivanópna Xêđôva.

Ngày 27 tháng Hai 1940. L. Trótxki.

Nếu cả hai chúng tôi đều chết...

Ngày 3 tháng Ba 1940.

Theo tính chất của bệnh tật tôi (huyết áp cao và ngày càng tăng), như tôi hiểu, kết cục sẽ xảy ra trong một khoảng khắc, nói đúng hơn, lại theo dự đoán của chính tôi, nó sẽ đến theo con đường chảy máu não. Đây là kết cục tốt nhất mà tôi mong muốn. Cũng có thể tôi nhầm (về chuyện này, tôi không có hứng đọc các sách vở chuyên ngành, còn các bác sĩ cố nhiên không nói sự thật). Nếu bệnh xơ cứng động mạch mang tính chất kéo dài và tôi có nguy cơ bị tê liệt lâu ngày (giờ đây, ngược lại, do bệnh huyết áp cao, tôi cảm thấy sức mạnh tinh thần được tăng cường thì đúng hơn, nhưng điều này không kéo dài được lâu), khi đó tôi cho mình quyền được quyết định thời điểm ra đi. "Tự sát" (nếu từ ngữ này phù hợp ở đây) hoàn toàn không phải là biểu hiện của sự vỡ mộng hay nổi thất vọng. Nhiều lần tôi đã nói chuyện với Natasa về một trạng thái sức khỏe có thể sẽ xảy ra khi đối với chúng tôi, tốt hơn cả là rút ngắn cuộc sống, chính xác hơn, rút ngắn cái chết quá chậm chạp của chúng tôi...

Đồng thời, dù những hoàn cảnh ra đi của tôi có như thế nào đi nữa, tôi chết với niềm tin không gì lay chuyển vào tương lai cộng sản. Niềm tin này — đặt vào con người và tương lai con người — giờ đây cũng cho tôi một sức đề kháng mà không một tôn giáo nào có thể đem lại được.

L.T.

(Lép Trótxki: *Nhật ký và thư từ*, Niu Oóc, 1986)



Sách của Tủ sách Nghiên cứu

Đã xuất bản:

- Quan liêu ở Việt Nam (Nhóm Đệ tứ Việt Nam tại Pháp, 1976)
- Dân chủ xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản (Vũ Gia Minh, 1980)
- Vấn đề Ba Lan (Hà Cương Nghị, 1981)
- Cuộc cách mạng bị phản bội (Lép Trótxki, 1993)
- Tờ trình bí mật của Krúpsép về Stalin (1994)
- Người Việt ở Pháp 1940 — 1954 (Đặng Văn Long, 1997)
- Về nạn súng bãi cá nhân và những hậu quả của nó (Nhihita Khorútsốp, phát hành trên mạng Internet, 1998)
- Đòi tôi (Lép Trótxki, hai tập, 1998-1999)
- Lênin, con người, cuộc đời và sự nghiệp (Nguyễn Văn Liên, 1998)

Sắp xuất bản:

- Văn học và cách mạng (Lép Trótxki)
- Quốc tế Cộng sản sau Lênin (Lép Trótxki, hai tập)
- Cách mạng thường trực (Lép Trótxki)
- Việt Nam (1920-1945) - Cách mạng và phân cách mạng dưới chế độ thuộc địa (Ngô Văn)

Địa chỉ liên hệ:

Tủ sách Nghiên cứu
Boite Postale 246
75224 Paris Cedex 11
France

MỤC LỤC

QUYỀN THỨ HAI

| | |
|--|--|
| Chương XXIV: Ở Pêtorôgorát..... | |
| Chương XXV: Về những kẻ vu cáo | |
| Chương XXVI: Từ tháng Bảy đến tháng Mười | |
| Chương XXVII: Đêm quyết định | |
| Chương XXVIII: Chủ nghĩa trót-kít năm 1917 | |
| Chương XXIX: Chính quyền | |
| Chương XXX: Ở Mátxcova | |
| Chương XXXI: Những cuộc đàm phán ở Bờrét – Litôpxơ | |
| Chương XXXII: Hòa bình | |
| Chương XXXIII: Một tháng ở Xviiagiơxơ | |
| Chương XXXIV: Đoàn tàu | |
| Chương XXXV: Bảo vệ Pêtorôgorát | |

| | |
|--|-------|
| Chương XXXVI: Phe đối lập quân sự | |
| Chương XXXVII: Những bất đồng chiến lược..... | |
| Chương XXXVIII: Chuyển sang N.E.P. – Quan hệ của tôi với Lênin | |
| Chương XXXIX: Bệnh tình của Lênin | |
| Chương XL: Âm mưu của bọn kẻ nghiệp..... | |
| Chương XLI: Cái chết của Lênin và vấn đề quyền lực | |
| Chương XLII: Thời kỳ cuối cùng của cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng | |
| Chương XLIII: Lưu đày..... | |
| Chương XLIV: Lưu vong..... | |
| Chương XLV: Hành tinh không thị thực | |

Phụ lục

| | |
|---|-------|
| Thư gửi Đại hội (Di chúc chính trị của Lênin)..... | |
| Cái chết của Dinaida Vôn-cô-va..... | |
| Thư của N.I.Trôt-x-cai-a về con trai, Xéc-gây..... | |
| Lép Xê-đốp (người con, người bạn, người đồng chí) | |
| Di chúc của Trôt-x-ki | |

Sách của Tủ sách Nghiên cứu.....

Mục lục.....